



ÁN TIẾN - SĨ LUẬT - KHOA
BAN CÔNG - PHÁP

VẤN - ĐỀ

ĐỒNG-BÀO SƠN-CƯỞC

TẠI

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

(Problème des montagnards au Sud - Viet Nam)

LÊ-DÌNH-CHI

Tốt nghiệp Luật Khoa Cử Nhân 1959 - 1960

Tốt nghiệp Cao Học Hành Chính 1967 - 1969

Tốt nghiệp Cao Học Luật Khoa Công Pháp 1967 - 1969

TÌEU SỬ TÁC GIẢ

Ông LÊ-ĐÌNH-CHI sinh ngày 02-01-1938 tại Hương Sơn, Đức-Thọ, tỉnh Hà-Tĩnh.

Thân sinh là Ông Lê-Đình-Huê, con thứ của Cụ Lê Võ tục gọi là Cụ Âm Võ một nhà cách mạng nổi tiếng dưới thời Pháp thuộc và bị Pháp lưu đày ở Côn-Đảo.

Thân mẫu là Bà Trần Thị Kiêm-Quảng, di nữ của Cụ Trần Kiêm Bá, Quan Lặc tự Khanh, sinh trưởng tại Thừa-Thiên đã từng tham gia trong phong trào cách mạng chống Pháp của Cụ Phan Bội Châu tại Huế khi còn là một nữ sinh của trường nữ trung học Đồng Khánh vào năm 1929-1930...

Ông LÊ-ĐÌNH-CHI, tốt nghiệp Luật khoa Cử nhân tại trường Luật-khoa Đại-học Sài-gon năm 1959-1960 và sau đó Ông đã lần lượt tốt-nghiệp Cao học Hành chánh và Cao học Luật-khoa Công-pháp. Là một Đốc-sự Hành chánh, Ông đã từng giữ những chức-vụ cao cấp hành-chánh và nhất là sau Cách mạng 1-11-1963, Ông được cử nhiệm lên phục vụ tại cao nguyên Trung phần bao gồm các tỉnh Kontum, Pleiku, Phú-Bôn, Darlac, Quảng-Đức, Lâm-Đồng và Tuyên-Đức. Trong hai năm trời qua những cuộc thanh tra đôn đốc các tỉnh trực thuộc trên, Ông đã đề ý nghiên cứu đời sống của đồng bào sơn cước, và khi trở về Saigon theo học tại Học Viện Quốc-Gia Hành-Chánh Ông đã lấy đề tài "Đồng bào thiểu số tại miền Nam Việt Nam" để làm luận văn tốt nghiệp ban Cao học Hành chánh. Sau đó Ông cũng có dịp trình bày quan điểm pháp lý và chính trị của Ông về sắc-luật 033/67, sắc-luật ấn định quy chế đặc biệt cho đồng bào thiểu số trên nhật báo Cấp Tiên liên tiếp qua các số 269 đến 279 tháng 3 năm 1970.

Như vẫn chưa bằng lòng với khuôn khổ hạn hẹp của một luận văn, Ông đã quyết định lấy Đồng Bào Sơn Cước tại Cao nguyên làm đề tài của luận-án Tiến-sĩ Luật và đã được Giáo-sư Thạc-sĩ Công Pháp Nguyễn-Văn Bông chấp nhận bảo-trợ luận-án.

9

LUẬN - ÁN TIỀN - SĨ LUẬT - KHOA

BAN CÔNG - PHÁP



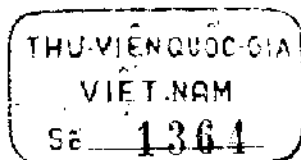
VẤN - ĐỀ

ĐỒNG-BÀO SƠN-CƯỞC

TẠI

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

(Problème des montagnards au Sud - Viet Nam)

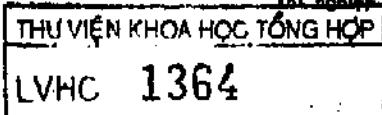


LÊ-ĐÌNH-CHI

Tốt nghiệp Luật Khoa Cử Nhân 1959 - 1960

Tốt nghiệp Cao Học Hành Chánh 1967 - 1969

Tốt nghiệp Cao Học Luật Khoa Công Pháp 1967 - 1969



VẤN-ĐỀ
ĐỒNG-BÀO SƠN-CƯƠNG
TẠI
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

"Cette thèse est faite dans l'esprit de sympathie : le contact direct d'homme à homme ouvre l'intelligence et le coeur, anime l'âme et engendre cette affection profonde sans laquelle rien de valable ne peut être édifié sur ce que O.V. de L. Milosz qualifiait de "dure planète terre...".

GIÁO SƯ BẢO TRỢ

Giáo-sư NGUYỄN VĂN BÔNG

Thạc-sĩ Luật-khoa Công-pháp

GIÁO SƯ GIÁM KHẢO

Giáo-sư

Giáo-sư

Thưa Thầy,

Con muốn gọi tên Thầy thật
nhỏ để nói lên tất cả tấm lòng tôn
kính và biết ơn ...

Cuốn luận án Tiến-sĩ này
được hoàn tất là do sự hướng-dẫn
tận-tụy và lòng dõ lượng của Thầy.

Suốt đời con, con không
bao giờ quên được Đức khiêm cung
của Thầy và nguyện lấy đó để làm
kim chỉ nam cho mọi hành động.

KINH DÂNG SONG THÂN

- * Một người Cha suốt đời tận-tụy để chung cuộc nợ tang bồng trang trắng
- * Một người Mẹ suốt đời hy-sinh cho chồng cho con để rời vĩnh viễn ra đi một mình một bóng - một ánh đèn bồng tắt giữa đêm tối tràn ngập của cuộc đời các con : Phương, Chi, Cự, Quý, Huyền, Hương, Cẩm.

CHÂN THÀNH CẢM ƠN

*Các Bạn Hữu đã khuyến khích giúp đỡ
tôi hoàn tất cuốn luận án này*

- * Anh NGUYỄN VĂN CANH
- * Anh NGUYỄN HỮU LÂN
- * Anh NGUYỄN THÁI LAI
- * Anh TỬ CÔNG THU
- * Anh NGUYỄN CHI LĂNG
- * Anh NGUYỄN BÁ LONG

THƯƠNG TẶNG

*** HUYỀN QUYÊN ***

Người vợ đảm-dang, dịu hiền

Cùng CÁC CON YÊU DẤU

LÊ THỊ QUỲNH CHÂU

LÊ THỊ TÔ CHÂU

LÊ NGUYỄN KHANG

LÊ NGUYỄN HÙNG

LÊ THỊ PHỐ CHÂU

LÊ THỊ MỸ CHÂU

KHAI TRÌNH

THU-VIỆT QUỐC-GIA

A.- CÁC LÝ-DO CHON-LỰA ĐỀ-TÀI

* Lý-do xã-hội

Tại miền Nam Việt-Nam đã từ lâu sinh sống một số lớn bộ-lạc rải-rác tại những vùng núi thuộc biên-giới Lào-Việt và Miên-Việt. Các nhà nhân-chủng-học gọi những bộ-lạc này là các nhóm thiểu-số hay nôm-na thường gọi là "Mạ" hoặc "đồng-bào sơn-cước". Nếu có dịp nào đó, chúng ta dừng chân lại ở bất cứ thành-phố nào thuộc Cao-nguyên miền Nam Việt-Nam, chúng ta sẽ được thấy tận mắt những người sơn-cước, chúng ta thấy vẫn có lý-do và vẫn xác thực khi có nhiều người còn gọi những người Thượng sinh-sống tại vùng Cao-nguyên là Mạ. Thật vậy, thực-trạng sinh sống của đồng-bào sơn-cước miền Nam là cả một xúc-dộng cho những ai hằng quan-tâm đến họ. Đi sâu vào trong các buôn ấp của người Thượng, những căn nhà sàn xơ-xác điêu-tàn, dân-chúng sống lây-lắt vô tổ-chức, khổ-sở, thiếu vệ-sinh, hầu hết thanh thiếu niên nam-nữ thất học. Trải qua nhiều thời-kỳ quân-chủ, Pháp thuộc, Việt-Minh, quốc-gia, các chính-quyền liên-tiếp cũng đã chiêu-cử đến Cao-nguyên miền Nam, song chúng ta chưa thấy một cố-gắng thiết-thực nào để canh-tân xã-hội miền Thượng trên các địa-hạt giáo-dục, kinh-tế, xã-hội... trên phương-diện nhân-chúng, chúng ta khó lòng phủ-nhận những phong-tục tập-quán cũng là lẽ-lối sinh-hoạt khác-biệt giữa đồng-bào sơn-cước và đồng-bào đồng-bằng. Sự kiện xã-hội này buộc chính

THU VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP

LVHC

1364

quyền phải giải-quyết vấn-đề Đồng-bào sơn-cửc thế nào để một mặt giúp họ hội-nhập vào với xã-hội đa-số và một mặt vẫn bảo-vệ và duy-trì được những phong-tục tập-quán của họ?

* Lý-do chính-trị

Nhưng vấn-đề quan-trọng được đặt ra là phải giải quyết thế nào để có thể bảo-đảm tinh-cách thuần nhất của quốc-gia và đáp-ứng nhu-cầu, nguyện vọng của Đồng-bào sơn-cửc. Tại miền Nam Việt-Nam, qua nhiều giải-pháp được trải-nghiệm, chúng ta nhận-định được rằng một sự giải-quyết đơn-giản như đồng-hóa Đồng-bào sơn-cửc khó có thể thực-hiện được. Kinh-nghiệm cho thấy chính-sách đồng-hóa của nền đệ-nhiệt Cộng-hòa đã gặp phải những phản-ứng mạnh mẽ của Đồng-bào sơn-cửc qua phong trào Bajaraka (1958) - Phong-trào này quy tụ bốn sắc-dân lớn nhất tại Cao-nguyên miền Nam: Bahnar, Jarai, Rhadé và Koho do ông Y Bham Eruol, nhân-sĩ Rhadé lãnh đạo - và Fulro (1964); và ngược lại việc chấp-nhận cho Đồng-bào sơn-cửc hoàn-toàn tự-trị như dưới các thời quân-chủ và Pháp thuộc qua chính-sách "Cao-nguyên Hoàng-triều cương-thố" xét ra không thể nào chấp nhận được vì một chính-sách như vậy vô-tình đã tạo nên tình-trạng một quốc-gia trong một quốc-gia. Cũng vì chính-sách này đã được áp-dụng suốt gần một thế-kỷ kể từ năm 1857 là năm người Pháp đặt Phủ Toàn-quyền Đông-Dương và về sau được nuôi-dưỡng bởi Chính-phủ Bảo-Đại mà mọi chính-sách Thương-vụ hiện tại đều gặp phải những khó khăn mang màu-sắc chính-trị nhiều hơn là xã-hội hay pháp-lý.

Vì vậy, các cuộc cải-cách tại khu-vực Cao-nguyên cho Đồng-bào sơn-cửc sẽ phải xây-dựng trên hai dữ-kiện căn-bản:

- Tình-trạng chậm-triển của Đồng-bào Sơn-cước
- Sự bảo-tồn văn-hóa riêng của họ.

* Lý-do pháp-lý

Tên thực-tế, từ ngày Lịch-sử Việt-Nam lật qua những trang-sử đen tối của thời Bắc-thuộc để viết những trang-sử oai hùng của thời tự-chủ, chính-quyền Việt-Nam đã liên-tiếp áp-dụng và thực thi những đường lối, chính-sách Thượng-vụ qua nhiều giai-đoạn :

- (Chính-sách chư-hầu với chủ-trương Trần Bắc - Bình Nam từ Ngô đến Hậu-Lê (939-1427).
- (Chính-sách sơn-phòng thi-điền, từ thế-kỷ 15 đến cuối thế-kỷ 19.
- (Chính-sách chư-hầu ngoài sơn-phòng thi-điền, từ thế-kỷ 15 đến cuối thế-kỷ 19.
- (Chế-độ địa-phương tự-trị, từ 1898 đến 1949 với sự cai-trị của Pháp và 1950 với chính-phủ Bảo-Đại.
- (Chế-độ dân-tộc tự trị của Việt-Minh, từ 1945-1954.
- (Chính-sách đồng-hóa của nền Đệ-nhất Cộng-Hòa.
- (Chính-sách Thượng-vụ sau Cách-mạng 1.11.1963.

Các chính-sách trên thực-sự chỉ có giá-trị nhất thời và trên thực-tế đã không phản-ảnh trung thực các nhu cầu xã-hội của đồng-bào Sơn-cước. Thực ra thì phải đợi cho đến khi chế-độ đệ-nhất Cộng-Hòa được thành-lập với những quy-định rõ-rệt của Hiến-pháp 1.4.1967 và với những cơ-chế lập-pháp và hành-pháp liên hệ đến đồng-bào thiếu số trong đó có Đồng-bào Sơn-cước được khai sinh và một quy chế pháp-lý quy-định nghĩa-vụ và quyền-lợi của Đồng-bào Sơn-cước ra đời, thực-trạng đồng-bào Sơn-cước miền

Nam mới được ổn-định và xoa-dịu. Dù sao, chúng ta có thể đồng ý rằng trong tiến trình pháp-lý về vấn-đề đồng-bào Sơn-cước miền Nam một số chính-sách xem có vẻ phù-hợp với những nguyên-tắc căn-bản về nhân-quyền và về quy chế bảo vệ thiểu dân của quốc-tế công-pháp nhưng trên thực-tế đã không giải-quyết được vấn-đề đồng-bào Sơn-cước miền Nam qua những phong-trào chống-đối và qua tình trạng sinh-sống của họ.

Trong tập luận-án này, chúng tôi sẽ có dịp phân-tích những chính-sách trên qua hai khía-cạnh pháp-lý và chính-trị để xem những giải-đáp của chính-quyền trong quá khứ và hiện tại đã ổn-định như thế nào vấn-đề đồng-bào Sơn-cước?

B.- XÁC-ĐỊNH VẤN-ĐỀ

Để trình-bày đề tài, chúng tôi sẽ phân-chia đề-tài luận án như sau :

1)- Phần thứ nhất dành cho việc trình-bày thực tại của vấn-đề đồng-bào Sơn-cước miền Nam. Phân-tích thực-tại, chúng tôi sẽ nghiên-cứu vấn-đề trên phương-diện nhân chủng học và xã-hội-học. Công việc nghiên-cứu này chỉ nhằm đưa ra những sắc-thái đặc-thù của xã-hội đồng-bào Sơn-cước; nhiên-hậu các chính-sách trong quá khứ cũng như hiện-tại để giải-quyết đời sống của đồng-bào Sơn-cước trong cộng đồng quốc-gia sẽ được phông chiếu nhằm nghiên-cứu khía-cạnh pháp-lý và chính-trị của vấn-đề.

2)- Phần thứ hai dành cho việc trình-bày chính-sách Thượng-vụ hiện-tại của nền đệ II Cộng-Hòa. Xuyên qua nội

dung và thành-quả của chính-sách Thương-vụ hiện tại, chúng tôi sẽ đề-nghị một số biện-pháp bổ-túc dựa trên ba nhận-dịnh căn-bản :

- nhận-dịnh về các chính-sách Thương tại Việt - Nam trong quá-trình Lịch-sử.

- nhận-dịnh về các chính-sách Thương-vụ hay Thiếu-số đã được áp-dụng tại một số quốc-gia đã được nghiên-cứu đối chiếu trong đoạn I của phần thứ II.

- nhận-dịnh về các nhu-cầu và nguyện-vọng của đồng-bào sơn-cước cũng là thực-trạng xã-hội của họ.

3) - Để thực-hiện những chủ-đích đó, chúng tôi thấy cần thiết phải xác-dịnh một vài giới-hạn căn-bản sau đây :

- vấn-đề sẽ được giới-hạn từ vĩ tuyến 17 đến Cà-Mâu.

- vấn-đề sẽ được phân-tích qua các sắc dân chính và tiêu-biểu nhất của ĐBSCL như các bộ-lạc Sedang, Bahnar, Jarai, Rhadé, Koho và Hre.

- Luận-án này chỉ nhằm phóng chiếu khía-cạnh pháp-lý và chính-trị của vấn-đề trên bình-diện công-pháp chứ không đặt nặng khía-cạnh nhân chủng học.

- Danh-từ Đồng-bào Sơn-cước dùng trong luận-án này bao gồm hết những bộ-lạc ở miền núi được gọi bằng nhiều danh-từ khác nhau trước đây như người Thương, người miền ngược, người miền núi, người mọi, thượng bang hay Đồng-bào thiếu-số...

C.- TẦM QUAN-TRỌNG CỦA VẤN-ĐỀ

Vấn-đề Đồng-bào thiếu-số nói chung và Đồng-bào sơn-cước nói riêng là một vấn-đề mà hầu hết các quốc-gia trên

thế-giới đều phải lưu-tâm giải-quyết : Pháp với người Bretons, Alsaciens, Áo với người Slovène, Croate, Hoa-Kỳ với người da đen, da đỏ, Miến-Điện với người Karen, Shan, Kachin, Thái-Lan với các sắc dân Kri, Phuthai, Karen, Mon Meo, Mã-Lai với các bộ lạc Kadazans, Bajaut, Murut... Đồng bào sơn-cước nói ở đây là những bộ-lạc sống rải rác ở những vùng đồi núi miền Nam Việt-Nam mà nguồn-gốc của họ thuộc những chủng-tộc khác nhau.

Lớp người sơn-cước này sống xa cách với thị-dân nên họ không mấy hấp-thụ và theo kịp những tiến-bộ của văn minh. Thật vậy, người sơn-cước hiện tại và của mấy mươi năm về trước cũng chẳng khác gì mấy về điều-kiện và lễ-lối sinh-hoạt. Một thanh-niên trí-thức Rhadé tại Ban-mê-Thuột đã xác-nhận tình-trạng trì-trệ này rằng : "Hầu hết các xã-hội Á-châu đã chuyển mình mạnh-mẽ và một lớp người mới trẻ tiến-bộ đang dần dần thay-thế lớp người cũ, lỗi thời thì tại đây tầng lớp lãnh-đạo của chúng tôi quanh quẩn cũng chỉ là những khuôn-mặt quen-thuộc và không mấy xa-lạ với lịch-sử miền cao-nguyên từ hồi Pháp thuộc và Nhật thuộc trở lại. Dĩ-nhiên, những người đi trước hẳn phải chịu trách-nhiệm về tình-trạng này, vì trước đây, ngoài chính-sách sống chết mặc bây của chính-quyền Trung-ương qua nhiều triều-đại kế-tiếp, một số trí-thức người sơn-cước đã lầm-lẫn nghĩ rằng sự giữ y nguyên-trạng của xã-hội cao-nguyên, họ sẽ nghiêm-nhiên trở thành những lãnh-tụ với nhiều an tâm hơn. Vì thế, ngay từ hồi Pháp thuộc, một số người sơn-cước được người Pháp nâng-dỡ để cộng-tác với Pháp trong việc khai-thác cao nguyên miền Nam, nay cũng chính những người này là lãnh-tụ của họ. Những thanh thiếu niên sơn-cước đang trưởng-thành trong sự đốt-nát lầm-sao có khả-năng để tiếp tay với họ trong công-cuộc xây-dựng cao-nguyên ?"

Nhìn một cách khách-quan thì nhận-xét trên cũng có phần nào xác-thực. Sự tiến-triển trong vấn-đề trí-thức hóa đồng-bào sơn-cước cũng tự giới-hạn và chậm-chạp như sự tiến-triển xã-hội của họ; và nếu nói đến sự kỳ-thị thì ý-niệm này có ngay cả trong chính dân-chúng và tầng lớp xã-hội Thượng bang.

Từ hồi Pháp thuộc và qua các chế-độ chính-trị tại Việt-Nam, người ta cũng đã chú-ý đến "Đồng-bào sơn-cước", đến vùng đồi núi bao la tiếp giáp biên-thùy Miên, Lào, song vì những mục-đích chính-trị khác nhau. Người Pháp chiêu-cố đến Cao-nguyên vì đây là một vùng rừng núi phì-nhiều rất thuận-lợi cho việc khai-thác đồn-điền của Pháp. Ngoài vị-trí canh-nông lý-tưởng, Cao-nguyên còn là khung-cảnh thiên nhiên thơ-mộng qua các thắng-cảnh nổi tiếng như thác Gougah, thác Prenn, suối Vàng, suối Lam-ly ở Đà Lạt, thác Dray Sad, hồ Lạc-Thiên ở Darlac, đèo Tông-A, đèo Chu - se Phú-Bôn; Biển-Hồ tại Pleiku... (Chính vì vậy mà quốc-trưởng Bảo-Đại sau Thỏa-hiệp 8.3.1949, ngoài áp-lực của Pháp, đã ban-hành quy chế Hoàng-Triều cương-thổ cho Cao-nguyên Trung-Phần qua đạo dụ số 6 ngày 15.4.1950 đặt khu-vực này dưới quyền quản-trị của vị Khâm-mạng Hoàng-triều cương-thổ và người kinh bị hạn-chế đến mức tối-đa trong việc di-cư lên Cao-nguyên sinh-sống. Hiện tại hầu hết các tỉnh thuộc Cao-nguyên Trung-Phần, đều có những dinh-thự nguy-nga tráng-lệ trước đây dùng làm nơi giữ-trị của Hoàng-Đế cũng như các quan cai-trị người Pháp. Quy-chế Hoàng-Triều cương-thổ bị bãi bỏ ngày 10.8.1954 và ngày 11.3.1955 chính phủ Ngô-dình Diệm chính-thức ban hành dụ số 21 sát nhập Hoàng - Triều cương-thổ vào lãnh-thổ quốc-gia Việt-Nam. Dưới chế-độ của Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm, một chính-sách Thượng - vụ được thực-hiện nhằm hai mục-đích :

- Lấy cao-nguyên Trung-phần đất rộng dân thưa giải quyết vấn-đề di-cư của đồng-bào miền Bắc Việt Nam sau hiệp định Genève 20.7.1954.

- Thực-hiện một chính-sách đồng-hóa qua các biện pháp cải cách xã-hội tại cao-nguyên Trung-phần.

Vấn-đề đồng-bào sơn-cước không phải chỉ mới mang một tính-chất quan-trọng qua sự hình-thành của mặt trận Fulro mà cách đây hơn 10 năm vào tháng 8/1958, chính-sách Thượng-vụ do Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm đem áp-dụng đã gặp một sự phản-ứng mạnh mẽ trong giới Thượng-dân tại Cao-nguyên Trung-Phần vì mục-đích của chính-sách đã không nhằm thỏa-mãn nguyện-vọng của đồng-bào sơn-cước mà nhằm giải-quyết vấn-đề di-cư và lập ấp cũng như để thực-hiện một chính-sách đồng-hóa không quan-tâm đến phong-tục tập-quán của họ nên đã không được sự thuận-tình hợp-tác của đồng-bào sơn-cước, vì vậy mà bốn sắc dân tại Cao - nguyên gồm các sắc dân Jarai, Rhadé, Bahnar, Koho đã đứng lên chống lại để bảo-vệ phong-tục và những quyền-lợi cố-hữu về đất đai của họ đang bị tước đoạt qua chính-sách định-diện của chính-phủ. Nhưng không được bao lâu các lãnh-tụ nổi loạn đều bị bắt và một số người khác bị trục-xuất hay lưu vong và sau cách-mạng 1.11.1963 các lãnh-tụ bị bắt trước đây được phóng-thích. Trong năm 1964 một mặt-trận của đồng-bào sơn-cước lại được thành-lập tại Cao-nguyên Trung Phần cũng lại do ông Y Bham-Eruwl lãnh-đạo. Ban đầu phong-trào này lấy tên là "Mặt trận giải-phóng quốc-gia" viết tắt là F.L.N (Front de la Libération nationale) và một bản hiệu-triệu của mặt-trận được chuyển tay hầu hết các tỉnh thuộc Cao-nguyên miền Nam. Bản hiệu-triệu này còn kèm theo một bản tuyên-ngôn thành lập một Chính-phủ gờa người Thượng và

người Chàm; sau đó có lẽ mặt-trận này không nói lên được sự hòa-hợp và liên-hiệp của các sắc dân thiểu-số tại Việt Nam và nhất là chiêu-bài quốc-gia có tính-cách hoang đường và có thể gây sự hiểu lầm với các Mặt-trận Giải-phóng miền Nam do Bắc-Việt nhào nặn ra nên khoảng tháng 09/1964 mặt-trận trên đã mang một danh-hiệu mới "Mặt-trận liên-hiệp giải phóng các chủng-tộc bị áp-bức" gọi tắt là FULRO (front uniifié de la libération des races opprimées) và cùng ngày hôm đó, ngày 20.9.1964 dân sự chiến-đấu người sơn-cước thuộc các trại Sarpa, Bandong, Buprang, Miga thuộc hai tỉnh Quảng-Đức và Ban-mê-Thuôt đã nổi-loạn tàn-sát các sĩ-quan và binh-sĩ Việt-Nam rồi kéo quân chiếm đóng đài phát-thanh Ban-mê-Thuôt với mục-đích đọc bản tuyên-ngôn của phong-trào Fulro. Ngay trong buổi-cổ đầu-tiên này, ba mươi lăm sĩ-quan và binh-sĩ đã bị các lực-lượng nổi dậy giết chết. Mặt trận này đã đưa ra năm yêu-sách sau :

- 1.- Thương-nghị với Chính-phủ Việt-Nam
- 2.- Tự do phát triển phong-tục tập quán
- 3.- Tham-gia rộng-rãi các sinh-hoạt chính-trị quốc-gia.
- 4.- Kiểm-soát trực-tiếp nền hành-chánh cao-nguyên
- 5.- Đòi quyền sở hữu đất đai tại miền cao-nguyên.

Và cũng trong những ngày buổi-cổ xây ra, một số nhân-sĩ sơn-cước ôn-hòa đã triệu-tập đại-hội tại Ban-mê-Thuôt để thành-lập một ủy-ban đại-diện Thương trong đó có các nhân-vật hữu-danh như "Paul Nir, Y Char, Y Ihuat Nre K'dan... và có ra một tuyên-ngôn gồm hai điểm chính :

- 1.- Công-nhận những nguyện-vọng trên là hợp-lý và chính-đáng.

2.- Xác-nhận đường lối bạo động là nguy-hiểm và chỉ dùng chính-sách ôn-hòa để tranh-đấu.

Sau những đàn xếp tại Ban-mê-Thuột, hầu hết các trại dân-sự chiến-đấu đều trở lại hoạt-động bình-thường và Đại biểu Chính-phủ tại vùng hai chiến thuật đã tổ chức một buổi đại-hội Thượng dưới sự chủ-tọa của Thủ - tướng Chính-phủ. Đại-hội sắc-tộc ngày 15, 16, 17. 10. 1964 để giải-quyết nguyện-vọng của Đồng-bào sơn-cửc. Thực vậy, sau đại-hội nhiều cải-cách được ban-hành :

a)- Việc bãi bỏ các sắc-lệnh của Chính-phủ Ngô-dình-Diệm nhằm hạn-chế quyền sở-hữu đất-dai của Đồng-bào sơn-cửc tại Cao-nguyên.

b)- Thiếp-lập lại Tòa-án phong-tục.

c)- Chấp thuận việc dạy tiếng Thượng trong các trường Tiểu học Thượng.

Nhưng khoảng 29-7 đến 2-8-65 lực-lượng Fulro Ly-khai đã bắt thẩn tấn-công chiếm đóng trại dân-sự chiến-đấu buôn Brieng đem theo 3/4 số dân-sự chiến-đấu sơn-cửc cùng toàn-bộ vũ-khí của Đồn sang biên-giới Miên. Vào ngày 16-8-1965 lãnh-tụ của phong-trào Fulro, ông Y B'ham đã gửi một lá thư cho chính-phủ nhằm đạt đạt những yêu-sách của mặt trận đại-diện cho Đồng-bào thiểu-số tại Cao-nguyên Trung phần. Trong lá thư này lãnh-tụ của mặt-trận Fulro đã ghi-nhận 4 yêu-sách sau :

1.- Để tránh sự chia rẽ giữa hai dân-tộc khác nguồn gốc tại miền Nam Việt-Nam và để cho người Thượng và người Việt-Nam được bình-đẳng về mọi phương-diện, điều-kiện tất

yếu là Chính-phủ Việt-Nam chấp-nhận tái-lập Liên-Bang cao-nguyên, cả hai tạo thành "Cộng-Hòa Liên-bang Việt-Nam" như kiểu Cộng-Hòa Liên-Bang Đức hay Đại-Mã-Lai.

2.- Chúng tôi phải có quốc-kỳ riêng.

3.- Một lực-lượng quân-đội riêng.

4.- Số người Việt-Nam di-dân phải giảm đi bằng con số trước năm 1954.

Trong lá thư này, ông Y B'ham còn ghi thêm rằng nếu 4 điểm trên được cứu xét thì cuộc tiếp-xúc sơ-khởi sẽ được tổ-chức tại Ban-mê-Thuột song hội-nghe chính-thức sẽ khai-diễn tại thủ-đô Pha-Luật-Tân.

Trong tháng 12.1965 một vụ nổi loạn thứ ba đã xảy ra tại Cao-nguyên Trung-Phần và một đơn-vị Fulro đã chiếm đóng thành-phố Quảng-Đức, những phần tử Fulro thuộc lực-lượng địa-phương quân quận Phú-Thiện, tỉnh Phú-Bôn đã tàn-sát một số quân nhân, công-chức và một lần nữa một sự giàn-xếp đã được tổ-chức sau đó tại Ban-mê-Thuột. Sau nhiều giai-đoạn đấu-tranh quyết liệt của Đồng-bào sơn-cửc, chúng ta đã thấy nhiều cải cách quan-trọng được thực-hiện, nhất là các biện-pháp áp-dụng cho công-chức và quân-nhân sơn-cửc được về phục-vụ tại địa-phương và nhất là việc Nha đặc-trách Thượng-vụ được nâng lên thành Phủ đặc-ủy Thượng-vụ vào ngày 22/02/1966 và ông Paul Nier, một nhân-sĩ thuộc sắc-tộc Bahnar, được cử giữ chức vụ Đặc-ủy-Trưởng. Quốc-cảng chính-phủ đã quyết-định triệu-tập một đại-hội các sắc-tộc ngày 25, 26-06-1967 để đúc-kết thỉnh-nguyện chung của Đồng-bào sơn-cửc toàn-quốc. Sau hai ngày họp, đại-hội đã đệ-trình chính-phủ một bản thỉnh-nguyện, nội-dung thỉnh-cầu

chính-phủ ban-hành một quy chế riêng-biệt để nâng-dỡ đồng bào thiếu-số trong đó có đồng-bào sơn-cước hầu theo kịp đà tiến-bộ của dân-tộc, bảo đảm những phong-tục tập-quán cũng là lối sinh-hoạt của đồng-bào sơn-cước.

Trước nguyện-vọng trên của đồng bào sơn-cước, ngày 29.8.1967 Chủ-tịch ủy-ban Lãnh-đạo quốc-gia và chủ-tịch ủy-ban hành pháp Trung-ương đã đến Ban-mê-Thuật để duyệt ký ban-hành sắc-luật 033/67 ngày 29.8.1967 ban-hành quy-chế đặc-biệt cho đồng-bào sơn-cước. Với sắc-luật này Phủ đặc ủy Thượng-vụ được nâng lên thành Bộ Phát triển sắc-tộc dưới quyền điều khiển của một người sơn-cước miền Nam và một số biện-pháp cải-cách mới trên các địa hạt văn-hóa, chính-trị, hành-chánh được áp-dụng.

*
* *

Thực ra thì quy - chế này chưa thực - hiện được một sự công-bình đối với các sắc dân lớn nhỏ khác nhau tại Cao-nguyên vì sắc-luật 033/67 trên thực-tế chỉ thiết-thực và phù-hợp với thực-trạng của các bộ-lạc đã tiến-bộ mà thôi. Hơn nữa, việc áp-dụng những điều-khoản quy-định trong sắc-luật 033/67 không hợp lý khi chỉ chú-trọng quá nhiều đến dân quyền trong lúc đó những cải-cách căn-bản của dân-sinh và dân-trí đã không được thực-thu hùu-hiệu và đầy đủ. Nạn mù chữ và đói rách vẫn còn đe-dọa trầm-trọng các bộ-lạc sơn-cước tại Cao - nguyên. Nhiều người trí-thức sơn-cước vẫn còn lo ngại cho tương-lai của Cao-nguyên nếu đồng-bào sơn-cước vẫn còn ở trong tình-trạng tri-trệ!

Việc ấn-định một quy-chế đặc-biệt là một điều-khện cần-thiết nhưng chưa phải là đầy đủ, nó đòi hỏi nhiều điều

kiện khác áp-dụng cùng một lúc để hoàn tất mục-tiêu cuối cùng : "Đồng-bào sơn-cửc có thể hội-nhập vào xã-hội người kinh một cách bình-dẳng", những điều-kiện đó là những chương-trình đặc biệt về kinh-tế, văn-hóa, y-tế vệ-sinh kể cả chương trình quốc-gia hóa các cán-bộ thiếu-số nữa.

Hiện tại toàn bộ lực-lượng Fulro đã về hợp tác với chính-phủ. Sự kiện này đánh dấu một sự thành-công của Chính-phủ song le điều này không có nghĩa là Đồng-bào sơn-cửc đã hoàn-toàn thỏa-mãn với các chương-trình cải-cách của Chính-phủ tại đây. Chính-quyền phải làm sao để có thể tin-tưởng được rằng : "Tất cả những gì người ta dùng để cảm-dở và mê-hoặc Đồng-bào sơn-cửc, họ đều có cả ít ra trên phương-diện cơm áo và sự công-bình giữa mọi người sơn-cửc với nhau và giữa Kinh và Thượng." //



PHẦN THỨ NHẤT
TRÌNH BÀY THỰC TẠI
của
VẤN ĐỀ ĐỒNG BÀO SƠN CƯƠNG
MIỀN NAM

BOẠN I

NGHIÊN-CỨU TRÊN PHƯƠNG-DIỆN NHÂN CHUNG VÀ XÃ HỘI

A. - NGUỒN GỐC




Nhìn lên bản-đồ địa-lý, chúng ta phải nhìn nhận rằng, Việt-Nam đã chiếm một vị-trí thiên-nhiên ưu-hạng về địa thế cũng như về khí hậu. Về địa-thế, Việt-Nam là nơi gặp gỡ của mọi trào lưu tư-tưởng của nhân loại của nền văn-minh Trung-Ấn và Âu-châu; về khí-hậu Việt-Nam tiếp giáp với hai đại dương lớn nhất hoàn cầu, đó là Ấn-Độ Dương và Thái-bình-Dương, cho nên từ Bắc xuống Nam, Việt-Nam gần như có đầy đủ mô dạng của các loại khí-hậu.

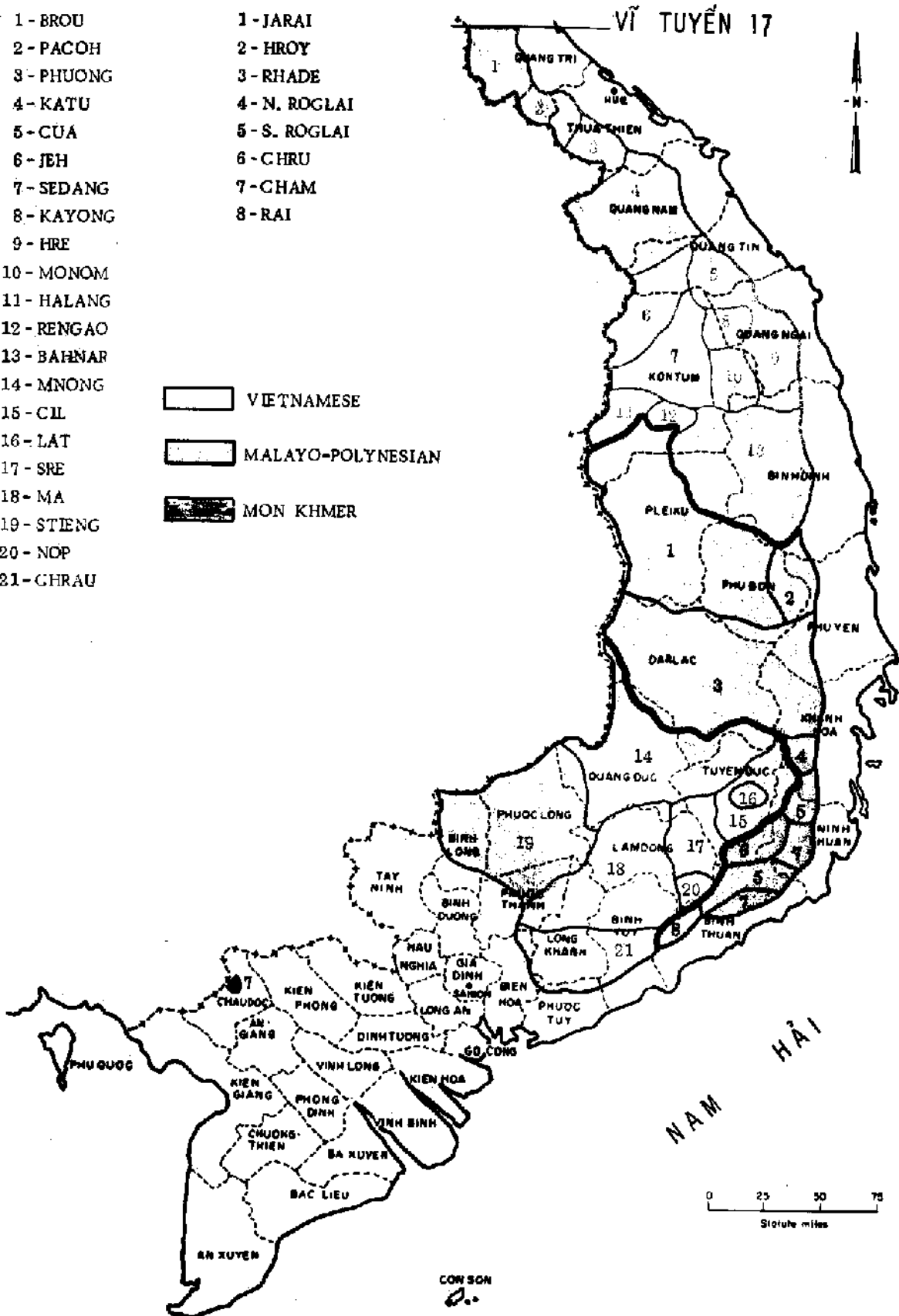
Với các yếu-tố thiên-van hữu-hạng kể trên, lãnh-thổ Việt-Nam được coi là địa-bàn thuận lợi để nhiều giống dân khác nhau về chủng-tộc cùng cư-trú. Về trình-độ văn-minh, chúng ta phải kể từ giống người Cil, lat, rải rác trên các triền núi thuộc vùng Tuyên-Đức, "một giống người hiện còn đang ở vào trạng-thái thô sơ gần như có ngôn-ngữ riêng-biệt, một giống người mà chính các đồng bào sơn-cước trên vùng Cao-nguyên cũng chỉ coi họ như hươu nai" (1) tới giống dân đã hấp-thụ một nền văn-minh Ấn-độ là người Chăm, Hời hay đã hấp-thụ một nền văn-minh uyên-bác của Trung-Hoa như người Việt-Nam. Đồng-bào sơn-cước là những người sống trên cao độ, họ sống trên các triền núi và tụ-hợp thành bộ lạc. Nhiều sử-liệu ghi chép rằng trước đây vào khoảng đầu thế-kỷ thứ

(1) Giáo-sư Đào-quang-Huy. Giảng tập văn-hóa Việt-Nam 1969. (Cao học hành-chánh khóa III).

- 1 - BROU
- 2 - PACOH
- 3 - PHUONG
- 4 - KATU
- 5 - CUA
- 6 - JEH
- 7 - SEDANG
- 8 - KAYONG
- 9 - HRE
- 10 - MONOM
- 11 - HALANG
- 12 - RENGAO
- 13 - BAHNAR
- 14 - MNONG
- 15 - CIL
- 16 - LAT
- 17 - SRE
- 18 - MA
- 19 - STIENG
- 20 - NOP
- 21 - CHRAU

- 1 - JARAI
- 2 - HROY
- 3 - RHADE
- 4 - N. ROGLAI
- 5 - S. ROGLAI
- 6 - CHRU
- 7 - CHAM
- 8 - RAI

-  VIETNAMESE
-  MALAYO-POLYNESIAN
-  MON KHMER



CÁC SẮC TỘC TẠI NAM VIỆT-NAM

hai, người sơn-cước hiện tại sinh sống dọc theo các đồng-bằng phì nhiêu gần bờ biển nhưng vì các cuộc xâm-lang đã dồn họ, những kẻ chiến bại vào vùng rừng núi (2). Văn-minh còn bản khai họ đã vượt qua trạng-thái dùng đồ đá và hiện nay sinh sống bằng nghề làm rẫy và một ít bằng thủ công nghệ, Đồng-bào sơn-cước sống rải rác tại những vùng núi đồi thuộc biên giới Lào-Việt và Miên-Việt và tập-trung tại một số tỉnh ở miền Cao-nguyên Trung-Phần như Kontum, Pleiku, Phú-Bôn, Darlac, Quảng-Đức, Lâm-Đông, Tuyên-Đức... Người Việt-Nam quen gọi là Mọi, người Cao-miên gọi là Prong và người Lào gọi là Kha.

Tính cách đa-tạo về nhân chủng cũng được thấy rõ rệt tại khu vực Cao-nguyên miền Nam qua những người sơn-cước mang sắc-thái của những giống dân ở Âu-Châu, Úc-Châu, Ấn-Độ và cả những thổ dân Nam Mỹ-Châu (3), nguồn gốc của các bộ-lạc này cho đến nay chưa được xác nhận rõ rệt. Dựa trên một số chỉ-điểm về phong-tục tập-quán của những bộ lạc trên rồi đem đối-chiếu với những vết-tích của các nền văn-minh cổ xưa hoặc đem đối chiếu với những phong-tục tập-quán của những thổ-dân ở một số quốc-gia, các nhà bác học, nhân-chủng học cũng như sử-học đã đưa ra những giả thuyết về nguồn-gốc của Đồng-bào sơn-cước. Có giả-thuyết cho rằng Đồng-bào sơn-cước miền Nam phát-xuất từ vùng Mương Theng (Điện-biên-Phủ) thuộc Bắc-Việt, có giả-thuyết lại cho rằng nguồn-gốc của Đồng-bào thượng ở ngoài khơi Thái-bình-Dương,

(2) Il semble que la plupart des tribus montagnards habitèrent d'abord l'étroite bande de plaines basses et relativement riches qui longe la mer, la mer dont certains de leurs légendes ont gardé le souvenir. Chassées par les envahisseurs, elles se sont réfugiées dans les montagnes "Essai d'histoire des populations montagnardes du Sud Indochinois jusqu'à 1945. Bernard Bourrette p. 2 (Chapitre I).

(3) On peut voir, sur les plateaux, des visages dont les traits ressemblent à ceux des Européens; d'autres évoquent des Australiens, d'autres les Indiens d'Amérique. Généralement lisse, les cheveux sont parfois ondulés, parfois crépus "Essai d'histoire des populations montagnardes du Sud-Indochinois jusqu'à 1945 p.7 Bernard Bourrette.

THƯ-VIỆT QUỐC-GIA

những hòn đảo hiện nay đã bị chìm sâu dưới đáy biển. Tuy nhiên, nhà bác-học Coedès thì nhận định rằng những giống dân bán khai tại Đông-Dương và kể cả thổ-dân ở Mã-Lai quan đảo Á-Châu có rất nhiều liên-hệ với những sắc dân sinh sống hiện nay tại những đảo ở Thái-bình-Dương (4).

Thật ra, nguồn-gốc của người sơn-cước sinh sống trên bán đảo Đông-Dương rất mơ hồ. Người sơn-cước không có lịch-sử và hơn nữa họ không có khái-niệm về sự liên-tục của những sự kiện xảy ra trong không-gian và thời-gian. Những câu chuyện hoang-dường hay truyền khẩu thường rất mộng mị nói lên nếp sống hoang-dã của những giống dân sống gần núi non và thiên-nhiên thực sự không phải là những chỉ-điểm giá trị và quyết-định cho những ai muốn tìm hiểu cái quá-khứ xa vời về nguồn gốc của họ. Những câu chuyện truyền khẩu thường cũng chỉ giới hạn ở từng bộ-lạc một, mỗi bộ-lạc có những câu chuyện riêng rẽ của bộ-lạc đó và thông thường là sự hiểu biết của họ rất giới hạn về những gì xảy ra kế cận.

Vì vậy mà tìm hiểu nguồn-gốc của Đồng-bào sơn-cước người ta phải tìm hiểu lịch-sử của các quốc-gia Ấn-Độ và Trung-Hoa, những quốc-gia trong quá-khứ đã có những liên-hệ với những giống dân Mélanésiens, Indonésiens sống trên bán đảo Đông-Dương mà các sử-gia Hoa Ấn gọi là những giống người trần truồng cư trú trên bán đảo Đông-Dương (5).

Theo giáo-sư Alfred Foucher, sự-khiến trần truồng này không phải là chỉ điểm của tình-trạng man rợ vì những giống dân này cũng đã có một nền văn-minh có những điểm liên hệ với nền văn-minh cổ Ấn-Đô. Ngoài ra, còn được biết rằng những giống dân trần truồng này trước đây đã có những liên-

(4) ...la conclusion la plus claire à tirer de ce fait, c'est que les habitants primitifs de l'Indochine et de l'Insulinde se rattachaient à ceux qui peuplent encore aujourd'hui les îles du Pacifique" Coedès, Histoire des pays hindouisés de l'extrême-orient p. 4.

(5) peuplée de Mélanésiens puis d'Indonésiens, l'Indochine ancienne pour employer l'expression des historiens hindous aussi bien que Chinois, était "habitée par des hommes nus" Bernard Bourotte p. 8... "Essai...1945".

lạc hàng-hải không phải chỉ là với Ấn-Độ mà còn cả với những khu-vực của Thái-bình Dương và với Nam-dương quần-đảo.

Theo những sử-liệu của BEFEO (Học-viện Viễn-đông của Pháp) BIEH (Viện nghiên-cứu nhân chủng Đông-dương) BSEI (Hội nghiên-cứu Đông-dương)(6), sự liên-lạc đầu tiên với bán đảo Đông-Dương này là sự tiếp xúc của người Ấn-Độ. Vào thế kỷ thứ II, những thương-hồ Ấn-Độ đã khám phá ra bờ biển Đông-Dương lúc bấy giờ, khu vực Đông-Dương là nơi sản xuất những gia vị như tiêu, nhựa hương, các thứ gỗ quý và nhất là vàng. Vì vậy mà người Ấn-Độ đã thiết lập ngay những chi điểm (comptoirs) tại cửa sông Cửu-long và dọc theo bờ biển Nam-Việt, và ngược lại những lái buôn Anh-do-nê-diêng ở khu vực Đông-dương cũng đã thông thương đến tận bờ biển Ấn-Độ và đã tụ họp lại ở một vài hải-cảng lớn - những liên lạc thương mại và hàng hải đã đưa đến việc sinh sống của người Ấn-Độ trên bờ biển Đông-Dương. Sự xuất-hiện của những lái thương Ấn-Độ đã xảy ra cùng một lúc với sự chấm dứt những cuộc di-dân vĩ đại trong thời tiền-sử của những lớp người Mélanésiens, Anhdonesiêng và giống người Austro-Asiatiques.

Như đã trình bày ở trên, ban đầu người Ấn thiết-lập tại cửa sông Cửu-Long một số thương cuộc. Khởi thủy, họ chỉ chú ý đến công việc thương mại nhưng dần dần để củng-cố quyền lợi lâu dài, họ tìm cách ảnh-hưởng đến sinh-hoạt của những giống dân Anhdonêsiêng bằng những ý-niệm về quyền-hành và những tư-tưởng chính-trị, tôn-giáo ngõ hầu chi phối và Ấn-Độ hóa giống dân này. Âm mưu này đã thành-công vào thế kỷ thứ hai với kết quả là sự hình-thành vương quốc Fou-nan (Phù-Nam).

Phù-Nam là danh từ do người Trung-Hoa gọi lúc bấy giờ. Đây là nước Cao-Miền hiện tại. Lãnh thổ của vương-

(6) BEFEO : Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient
BIEH : Bulletin de l'Institut Indochinois pour l'Etude de l'Homme
BSEI : Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises.

cuộc Phù-Nam bao gồm : khu vực Darlac, vùng đồng-bằng sông Cửu-Long (Nam-Việt), một số tỉnh ở phía Nam Trung phần - những tỉnh này sau thế kỷ thứ ba thì rơi vào tay người Chăm - lúc bấy giờ, những người Anhdonesieng nào không chịu phụ tùng chế-độ Ấn, không chịu cái lối tổ chức quân chủ chuyên chế cũng như những phong-tục tập-quần của Ấn thì những người đó rút vào rừng núi để tự-trị và kháng-chiến. Vì vậy từ đó phân biệt hai giống dân Anhdonêsieng, những người Anhdonêsieng Ấn hóa và những người Anhdonêsieng nguyên giống chống lại sự đô hộ của Ấn-Độ và chính những lớp người kháng-chiến này đã tạo nên những bộ lạc sơn-cước đầu tiên. Nhưng dần dà sự phân loại không còn rõ rệt nữa vì sự giao tiếp thường xuyên giữa dân Phù-Nam và người Sơn-cước vì những lý do thương mại (ngà voi, gỗ quý, trầm hương, vàng...) và vì nhu cầu nhận công ở Đồng-bằng. Sự kiện này đã mang đến những ảnh hưởng mạnh mẽ của đặc tính "môn-Khmère" trên phương-diện văn hóa và sinh-lý của lớp người Anhdonêsieng sinh sống tại khu vực này đến nỗi người ta khó tìm lại được dấu vết của người Anhdonêsieng nguyên-thủy (7).

Trong khi vương quốc Phù-Nam được thành lập và phát triển tại vùng Đồng-bằng sông Cửu-Long, những người di dân khác đến từ Ấn-Độ tiến dọc theo bờ biển phía Nam Việt-Nam chinh-phục những bộ lạc thổ-dân hiếu động tại khu vực này lập nên một liên bang khác nữa. Người Trung-Hoa gọi là Lâm-Áp (Lâm-Áp) mà chúng ta biết đó là vương-quốc Champa (Chàm). Vương-quốc này gồm những bộ-lạc Anhdonêsieng chưa bị Ấn-hóa. "Nước Lâm-Áp ở từ quận Nhật-Nam vào cho đến Phù-Nam (Chân-Lạp) nghĩa là ở vào quãng từ tỉnh Quảng-Bình, Quảng-Trị cho đến đất Nam-Việt bây giờ. Người Lâm-Áp có lẽ là nòi giống Mã-Lai, theo tôn-giáo và chính-trị Ấn-Độ" (8).

(7) On peut penser que, dès ces temps reculés, la langue fouanaise dut marquer de son empreinte la langue des autochtones; "leur dialecte et leur sang seront mélangés et marqués d'une telle empreinte môn-Khmère qu'on ne reconnaîtra plus en eux les frères primitifs des Moi de l'Winterland de l'Annam".

Myo (ed) Pénétration française en pays moi, BSEI, 1937, N°2.

(8) Việt-Nam sử-lược - Trần-Trọng-Kim trang 55, Tân Việt Saigon, 1958.

Vào năm 136, một số bộ lạc từ phía Nam đèo Hải-Vân tấn công huyện Tượng-Lâm (Siang-lin) tức phía Nam quận Nhật-Nam. Huyện này lúc bấy giờ là phía Nam của tỉnh Thừa-Thiên hiện tại. Năm 192, người Chăm chiếm cứ tỉnh Khánh-Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận bắt chập vương quốc Phù-Nam. Ở phía Bắc, lợi-dụng sự suy-yếu của Hán-Triều, người Chăm lại tấn công Nhật-Nam (Jenan) và một người Chăm tự xưng làm vua ở vùng Siang-lin tức là huyện Tượng-Lâm thuộc quận Nhật-Nam. Theo giáo-sư Coedès (9), những người Chăm chỉ-huy cuộc tấn công này vào năm 193 là những người đã Ấn hóa. Vào năm 248, họ chiếm cứ luôn khu-vực Huế. "Sách Khâm-định Việt-sử chép rằng : năm Nhâm-Dần (102) đời vua Hòa-Đế nhà Đông-Hán ở phía Nam quận Nhật-Nam có huyện Tượng-Lâm, người huyện ấy cứ hay sang cướp phá ở quận Nhật-Nam, bởi vậy vua nhà Hán mới đặt quận cai-trị ở huyện ấy, để phòng giữ sự rối loạn. Đến cuối đời nhà Hán có người huyện Tượng-Lâm tên là Khu-Liên (Kiu Lien) giết huyện lệnh di, rồi tự xưng làm vua gọi là nước Lâm-Áp..." (10).

Cũng như ở Phù-Nam, nền văn-hóa ngoại lai được một số lớn dân chúng chấp nhận đã đẩy vào rừng sâu những bộ lạc sống xa vùng bờ biển và có tư-tưởng độc lập bảo thủ. Các giống dân bán khai ở đây chống lại với sự đô hộ này, có các bộ lạc Jarai và Rhadé. Những bộ lạc này đã chống lại mãnh-liệt sự xâm lăng của người Chăm mà chính họ nhìn nhận rằng trước đây cũng là một giống với họ nhưng đã bị Ấn hóa (11) ở đây cũng vậy, cũng chia làm hai nhóm : những người Sơn-cước trung-thành với những phong-tục tập-quan của mình vì lý do này hay lý-do khác và những đồng-bào ở lại vùng đồng bằng - những người Chăm - đã biến-đổi dưới sự tiếp-xúc với

(9) Coedès - Histoire des pays hindouisés de l'extrême orient.

(10) Trần-Trọng-Kim - Việt Nam sử lược Tân Việt Saigon, 1958.

(11) "...Jarai et Rhadé soutinrent contre leurs anciens frères Cham, devenus envahisseurs, des luttes fréquentes avant d'abandonner les secteurs côtiers pour se réfugier dans les montagnes et sur les plateaux du Darlac..." Histoire des montagnards du Sud-indo - Bernard Bourrette p. 27.



Người Bahmar trong lễ-phục

những người An-Đô, ảnh hưởng biến đổi này rõ rệt nhất là trong địa-hạt ngôn-ngữ. Ta có thể kể các sắc dân sau : Blaç ở Phú Yên, Mahur, Chur, Krung, Jarai và Rhadé ở vùng Darlac và Roglai ở vùng Đông-Bắc Phú-Bôn cũng bị ảnh-hưởng Chăm mạnh mẽ cho đến ngày nay là vì sau khi vương quốc Chăm được thành lập, những người Chăm liền tìm cách liên lạc với những người sống trong vùng sơn-cước với mục-đích để khai-thác những sản-phẩm tại Cao-nguyên như vàng, ngà voi, gỗ quý, cánh kiến; đó là những lâm sản mà các thương hồ An-Đô ưa thích. Đó là lý do chính của cuộc Tây tiến và cũng là lý do đã đem đến cuộc chiến tranh giữa vương quốc Chăm và Kháng chiến quân Sơn cước - sự giao tiếp này đã làm cho các bộ lạc sơn cước nói trên chịu ảnh hưởng của Chăm thật rõ rệt - Giáo sư Bourotte cũng xác nhận rằng những bộ lạc mang nặng đặc tính Chăm này sống rải rác trên các cao nguyên Jarai, Darlac và dọc dãy núi Trảng-Sơn từ Phú Yên đến Bình-Thuận rất gần với giống người Mã-Lai (12).

Trong khi đó thì giặc theo đồng-bằng sông Cửu-Long, vương-quốc Phù-Nam (Fouan) sau được gọi là Chân-Lạp (Tchenle) vào khoảng thế kỷ thứ VI bành trướng cho đến tỉnh Chantaboun, Battambang, thác Khône, vùng Bassac và Attopeu. Tại vương-quốc Chân-Lạp, các lãnh chúa gốc Môn-Khmère tìm cách biến-đổi sâu-đậm những thổ-dân dưới quyền thống-trị của họ. Để thoát khỏi sự lệ thuộc, những thổ-dân tìm cách rời bỏ vùng đồng-bằng để ẩn-sâu trong vùng núi-non nhưng những đặc-tính nguyên-thủy của họ cũng đã bị ảnh hưởng sâu xa rồi. Ngôn-ngữ và huyết thống đã bị lai giống và ảnh hưởng môn-Khmère mạnh-mẽ khiến không còn tìm thấy nơi lớp người Anhdonêsieng này dấu vết của những đồng-bào nguyên-thủy : Chăm và người Sơn-cước vùng Trung Bộ Trung-Việt.

(1) Ainsi évoluera au voisinage du Champu le noyau d'une importante famille moi qui nous transmettra des descendants fortement imprégnés d'éléments Cham. C'est la famille qui s'étend sur les plateaux Jarai et du Darlac, et le long de la Chaîne Annamitique, du Phu yèn au Bình-thuận : Jarai, Rhadé Roglai; c'est la famille qui se rapproche le plus du type malais .. Bernard Bourotte sách đã dẫn p. 30.

Những bộ-lạc còn sống sót mang vết tích của vương-
quốc Phù-Nam và Chân-Lạp là :

- Những bộ-lạc ở phía Tây : Che Ma, Stieng, Mnong,
với những nhóm (sous-tribus) : Preng, Biệt, Noong...

- Những bộ-lạc ở phía Đông-Bắc : Bahnar, Sedang, Bo-
loven, Tahoi... mà ngôn ngữ mang nặng đặc tính Khmère và
phần lớn nước da màu sẫm.

Giáo-sư P. Guilleminet còn xác nhận rằng ảnh hưởng
Khmère ghi dấu rõ rệt ở nơi các sắc dân Bahnar, Sedang vùng
Kontum hơn cả các bộ-lạc ở vùng Đồng Nai Thượng, trong khi
đó ảnh hưởng Khmère rất ít nếu không muốn nói là không có gì
cả nơi các sắc dân Rhadé và Jarai (13).

Theo giáo-sư Bernard Bourotte (sách đã dẫn), lúc
bấy giờ ở phía Bắc Đông-Dương, một bộ lạc lớn ngự trị tại
đây vào khoảng thế kỷ IV trước Tây lịch bị đô hộ bởi Trung-
Hoa vào thế kỷ thứ II, Bộ lạc Bách Việt đã Nam tiến không
phải bởi hình thức xâm nhập hay thương mại như người Ấn mà
là bằng sự chinh-phục. Thoát khỏi sự đô hộ của Trung-Hoa
vào năm 934, người Việt-Nam đã thực-hiện ngay cuộc Nam tiến
xuống các vùng đồng bằng phì nhiêu ở phía Nam. Họ đã gặp
sự phản ứng của người Chăm và đã đẩy lui Chăm vào năm 1003
và 1301 đến mãi thế kỷ XVII, người Việt-Nam đã chiếm trọn
vùng bờ biển Trung-Việt và Nam-Việt. Công cuộc Nam tiến
này đã để lại dấu vết của nền văn minh Chăm và Khmère ở vùng
đồng bằng và tại các vùng cao-nguyên, những bộ lạc sơn cước
trước đây đã chống lại nền đô-hộ ngoại lai Ấn-Độ và Chăm
thiết lập tại Phù-Nam và Lâm-Áp, vẫn tiếp-tục giữ y nguyên
trạng cho đến ngày nay.

Như vậy, nếu trong Nam, những người sơn-cước miền
Nam đã quyết-liệt chống lại nền cai trị Ấn-Độ để rồi phải

(13) P. Guilleminet, Recherches sur les croyances des tribus du Haut-pays d'Annam,
les Bahnar du Kontum et leurs voisins, les magiciens, BII. E.H., 1941, p.p.
9 - 33.

lui vào rừng sâu kháng chiến và duy trì được những tập quán cổ truyền thì ở phương Bắc, thời gian hơn 1.000 năm lệ thuộc Trung-Hoa, cũng vẫn có những chiến sĩ bung biên với tinh-thần bảo thủ vẫn giữ được những nếp sống cổ xưa lui vào nơi rừng sâu để chống lại cuân xâm lược. Đọc lịch sử lập quốc Việt-Nam, chúng ta cũng ghi nhận được rằng "khi An-Dương vương làm vua nước Âu-Lạc ở bên này thì ở bên Tàu vua Thủy-Hoàng nhà Tần đã nhất thống thiên-hạ. Đến nam Đinh-Hợi (214 trước Tây lịch), Thủy-Hoàng sai tướng là Đồ-Thư đem quân đi đánh lấy đất Bách-Việt.

An-Dương Vương xin thần phục nhà Tần. Nhà Tần mới chia đất Bách-Việt và đất Âu-Lạc ra làm ba quận gọi là Nam Hải (Quảng-Đông), Quế-Lâm (Quảng Tây) và Tượng-Lâm (Bách-Việt). Người bản xứ ở đất Bách-Việt không chịu để cho người Tàu cai trị, tiến vào rừng ở (14). "Qua những chứng-tích lịch-sử trên, nhiều giả-thuyết đã được đưa ra "Phải chăng người Sơn-cước cũng chỉ là những người Việt-Nam, giòng dõi của những chiến-sĩ bung-biên bất khuất đã có thành-tích trên mười thế kỷ chống lại sự đô-hộ của Trung-Hoa và sự xâm-nhập của nền văn-minh Ấn-Độ?" và trong thiên khảo-luận tìm hiểu Đồng-bào Thượng, giáo-sư Nghiêm-Thâm cũng đã đưa ra nhận-định sau "Hiện nay vì nguồn gốc người Việt-Nam chính các nhà học giả cũng chưa biết chắc chắn nhưng nếu ta chịu nhận xét kỹ thì ta thấy nền học thuật Trung-Hoa chỉ phủ một lớp bề ngoài lên dân-tộc Việt-Nam, chỉ giới sĩ-phu là chịu ảnh-hưởng nhiều chứ người thường dân còn giữ được nhiều dấu vết của nền văn minh cổ xưa. Ta thấy nhiều dấu vết tỏ ra là ta chung một giống với các người Thượng mà các nhà bác-học gọi là giống Anhdonêsieng". Gần đây, ông Paul Mư, Tổng trưởng Bộ Phát triển sắc-tộc, qua công trình nghiên cứu các chính-sách Thượng vụ trong lịch sử Việt-Nam cũng đã xác nhận giả thuyết ghi trên khi ông nhấn mạnh "Nếu cần tìm chứng dẫn cho giả thuyết vừa kể, chúng ta có lẽ cũng không phải vất

(14) Việt-Nam sử lược - Trần Trọng Kim (29), Tân Việt Saigon, 1958.

và cho lắm khi so sánh cách thức sinh hoạt và tổ-chức xã-hội của đồng bào Kinh-Thượng, nhìn vào những tập-cuốn, y-phục, trang sức, những nét điêu-khắc cổ hiện còn tồn tại, những cổ tích, huyền-thoại còn được lưu truyền ở miền Thượng-du cũng như ở Trung-Châu v.v... Chúng ta sẽ thấy sự nhịp nhàng, hòa đồng kỳ-diệu giữa nền văn-hóa cổ của Kinh và Thượng. Đi vào địa hạt nhân chủng học... thì những khám phá mới đây của các nhà khảo-cổ đã đưa tới kết luận là Kinh cũng như Thượng đều cùng chung nguồn gốc Anhdônêsieng" (15).

Trong hiện-trạng của các công-trình nghiên cứu và nhân chủng học, chúng ta ghi nhận hai giả thuyết chính về nguồn gốc của người sơn-cước.

GIẢ THUYẾT I (GIẢ THUYẾT ANHDONÊSIENG)

Giả thuyết này cho rằng nơi lớp người Mọi ngự trị vùng Cao-nguyên hiện tại, có vết tích của giống người Anhdônêsieng. Lớp người này cũng còn được tìm thấy ở Nam-Dương quần đảo và ở những đảo Polynésie. Có lẽ rằng, những lớp người này đã du nhập vào vùng viễn đông van minh tân thạch khí thời đại và đồ đá mài. Những người Melai đến sau và chỉ cư trú trên những bờ biển, những bộ lạc Anhdônêsieng chịu những sự pha giống hỗn-tạp. Theo các nhà bác học Kern, Gabaton, Đông-Dương miền Nam trước đây là tâm-điểm của chủng tộc Austronésienne hay Polynésienne. Những người tiền sử của hàng Phổ-bình-gia, Bắc-Việt, hình như là đại diện cho giống người trước đây đã di trú đi trong vùng biển Thái-Bình Dương. Lộ trình của những giống dân này hình như khởi thủy mon men từ vùng đồi núi Bắc Sơn ở Bắc-Việt và từ những hàng của Trung-Việt cách Nam-Việt khoảng 600 cây-số. Người ta có thể so-sánh rất gần gũi những cư dân tiền-sử ở Đông-Dương này với những thổ dân Wadjak ở Java.

(15) Paul Nư - (về chính sách thượng vụ trong lịch sử Việt-Nam) 1966, trang 21.
Bộ Phát triển sắc tộc ân hành.

Cũng có người cho rằng những giống dân Anhdonêsieng này phát xuất từ những cuộn đảo Mã-Lai hay Bornéo và từ đó họ phân phối đi đến phía Tây - đến Đông Dương - ; nhiều người còn tiến xa hơn nghĩ rằng đến cả vùng Ấn-Độ và từ phía Đông thẳng đến những cuộn đảo ngoài khơi Thái Bình Dương.

Giả thuyết cho rằng giống Anhdonêsieng phát xuất từ vùng Bắc Sơn (Bắc-Việt) được chủ trương bởi các nhà bác học Pháp : giáo sư R. Verneau, Vallois, Mansuy (contribution à l'étude de la préhistoire de l'Indochine - Hanoi 1923) Patte (P) (l'hinterland Moi - Paris, 1906), Cabaton (les Malais de l'Indochine française 1912)...

GIẢ THUYẾT II (GIẢ THUYẾT HẢI-DƯƠNG, ĐA ĐẢO)

Qua những bộ xương tìm thấy trong những lớp đất sâu của những khu vực tiền sử ở Lĩnh Nam, Đông Dương trước đây có những giống người da đen, Papuas và Mélanésien tương tự như thổ dân ở Úc-Châu, Tân Đảo ở. Hiện nay, giống dân này đã biến mất ở vùng Đông Nam Á-Châu. Hình như, giống dân này trước đây sống rải rác ở vùng bờ biển Thái-Bình Dương - ở Đông Dương, những dụng cụ bằng đá đẻo chứng minh rằng những giống dân này lan rộng đến vùng Bắc Việt; vì hiện còn tồn tại những giống dân lùn (Pygmées) trong vùng Thượng du tỉnh Đông-Hồi, ở vùng đèo Mụ-Già, nhưng, càng về phía Nam Việt-Nam, một số người có sọ dài, tóc dợn sóng ngắn mà quan, hình như là di tích của một quá khứ rất xa xôi. Giáo sư H.G Quaritch Wales thì cư dân ở khu-vực Đông Dương là di vết của hai làn sóng di dân từ các đảo Đông Nam Á-Châu thuộc giống người Austronésien nói loại tiếng Malayo - Polynésien và một làn sóng di-dân của giống người Austro-Asiatiques ở miền Nam Á Châu nói loại tiếng Mon-Khmer (16).

Chúng ta lần lượt nghiên cứu các công trình khảo-sát của các nhà bác học về hai giả thuyết trên.

(16) H.G Quaritch Wales : Prehistory... in South East Asia, Londres, 1957.

Trước hết Anhdônêsieng là một giống người sống rải rác ở Đông Nam Á Châu và Nam Dương ngoài đảo chú không phải là người Nam-Dương của cuộc gia Nam-Dương hiện tại. Về hình thể, người Anhdônêsieng có màu da từ vàng sẫm đến nâu nhạt, dáng người nhỏ thó, mũi tẹt, gò má cao, trung bình lm57 thuộc giống người có đầu dài (Dolicocéphale) chỉ số đầu (indice céphalique là # 78,5, tóc hơi đơn sóng, có nhiều người cho rằng người Anhdônêsieng và người Mã-lai là một song của nhiều công trình nghiên cứu về nhân chủng học chúng ta thấy có sự khác biệt rõ rệt giữa người Mã-lai và Anhdônêsieng. Người Mã-lai hơi cao hơn 1m61, đầu ngắn (brachy céphale) chỉ số đầu là 85.

Người Anhdônêsieng làm ruộng bằng mai (agriculteur à la houe), trồng lúa, y-phục chính là một thứ khố. Nhà ở là kiểu nhà sàn có mái cao và dốc. Họ dùng ống xi-đồng để săn bắn. Có tục xăm mình và có tục gọi tên con thay cho Bố Mẹ. Ví dụ khi con tên là A thì gọi Bố thành A.

Trong những sử-liệu của sở địa-chất Đông-Dương (Service géologique de l'Indochine) và của Học-Viện Viễn đông của Pháp (école française d'extrême-orient) xuyên qua những công-trình nghiên-cứu của các nhà bác học ngoại-quốc trước đây như Colani, H. Mansuy, E. Patte, họ đều cùng có chung một nhận định là Đồng bào Sơn-cước miền Nam có nguồn-gốc của giống Anhdônêsieng.

Theo giáo sư Verneau thì ngoài những giống Anhdônêsieng sống rải rác trên các hòn đảo ngoài khơi Thái-Bình Dương : Dayak ở Bornéo, Battak ở Sumatra, Alfourons ở Célèbes và Meluques, còn giống người Anhdônêsieng hiện trú ngụ ở vùng rừng núi Đông-Nam Á-Châu. Những người này trước đây người Việt gọi là Mọi, người Cambốt gọi họ là Pnong, người Lào gọi họ là Kha. Hiện họ là những bộ lạc Bəhnar, Sedang, Jarai, Rhədə, Rongao, Stieng, Mnong, Brao, Kay...(17).

(17) R. Verneau : l'homme, races et coutumes "Paris 1931 p. 244.

Theo H.V. Vallois thì ngoài giống Mọi tức Đồng-bào Sơn-cước miền Nam, ta còn thấy một nền móng Anhdonêsieng ở các giống người Naga tại Assam (Ấn-Đô), các giống dân sơn-cước ở Diên Điện, ở cả người Mán, Thổ ở thượng-du Bắc-Việt và Vân-Nam thuộc Trung-Hoa.

Theo các bác-học chủ-trương giả thuyết I, giống Anhdonêsieng hiện có rất nhiều nơi từ Diên Điện đến Nhật-Bản qua các xứ Thái-Lan, Lào, Cao-Mên, Việt-Nam, Đài-Loan và cả trên các cuồn đảo Nam-Dương và ở cả Mã-đảo. Sự kiện này có thể cho chúng ta nhận xét rằng trong quá-trình lịch-sử của chủng-tộc Anhdonêsieng, bộ lạc này đã tiếp xúc với nhiều bộ lạc khác vì nhu cầu sinh tồn nên hiện tượng pha giống đã làm cho chúng ta không còn tìm lại được rõ rệt một giống Anhdonêsieng nguyên thủy mà chỉ thấy có nhiều dân tộc thuộc giống Anhdonêsieng. Giáo sư Verneau cũng nhận-định vậy "người ta không thấy một giống Anhdonêsieng mà chỉ thấy có nhiều dân tộc thuộc giống Anhdonêsieng" (18).

Theo các nhà nhân chủng-học Lester và Millot, thì về hình thể người Anhdonêsieng có màu da từ vàng sẫm đến nâu nhạt, vóc người nhỏ, gò má cao, mũi thường là tẹt, trung bình cao 1m57, đầu dài (dolicocephale), chỉ số của đầu (indice céphalique) trung bình là 78,5 tóc thẳng hay có khi hơi dợn sóng (19).

Theo H. Baudesson "Tầm vóc trung-bình của người Sơn-cước miền Nam là 1m65, da màu nâu đến vàng sẫm, tóc đen cứng và rậm, trán thấp, hẹp, môi dày, lạt, gò má cao làm cho khuôn mặt có hình ngũ-giác mà cằm là đỉnh. Đầu dài và hẹp có thể xếp vào loại giống dân có hình đầu dài (dolicocephales)" (20). Qua công-trình khảo-cứu của bác sĩ Noël Bernard, chỉ số đầu

(18) "Ce qu'il y a certain, c'est qu'il existe des peuples indonésiens bien plus qu'une race indonésienne bien définie" R. Verneau, sách đã dẫn.

(19) "Les races humaines" Lester et Millot p. 101.

(20) Chez les Moïs... H. Baudesson p. 4.

của người Sơn-cước hiện tại là 76, "indice céphalicue moyen" (21). Những đặc điểm trên, theo Baudesson phù hợp với những đặc-điểm của chủng-tộc Anhdonêsieng, những đặc điểm trên còn có thể tìm thấy ở những bộ-lạc Battaks (Sumatra), Dayaks (Bornéo) Alfoures (Célebes) ở Mã Lai và Nam-Dương quần đảo (22).

Theo Deniker, người Anhdonêsieng ở nhà sàn, biết trồng lúa, ăn trầu, nhuộm răng đen, có tục xăm mình và đánh cá rất giỏi. Y-phục chính của họ là một thứ khố, đàn bà mang váy, người Anhdonêsieng dùng ống xì-đồng để san bển (23). Nếu có dịp ghé đến các tỉnh Kontum, Pleiku, Cheoreo, Darlac thuộc cao nguyên, chúng ta sẽ có dịp thấy những người Sơn-cước với màu da từ vàng sẫm đến nâu và sẫm đen, mắt nâu, mũi tẹt và to, tóc đen hơi dợn sóng, cao trung-bình khoảng 1m60. Thân hình vạm vỡ, trông hình dáng kém nhanh nhẹn, làm-lì; y phục là một thứ khố (đàn ông) hay một chiếc váy đen hay nâu (đàn bà); một số bộ lạc ở Kontum, Pleiku cà rang, nhuộm răng đen, căng tai bằng những vòng đồng lớn đeo ở các trái tai, xăm mình bằng hình những thú vật trong rừng như hổ, rắn, chim - người Sedang ở vùng Dakto, phía Tây Bắc tỉnh Kontum, có giống Sơn-cước người Việt-Nam gọi là mọi Thài-Đàng hầu hết đều xăm mình và để tóc dài đến vai - cái tóc bằng một cái lông chim - tập tục này bây giờ rất ít thấy tại vùng Kontum nữa - đó là hình ảnh của những đồng bào Sơn-cước mà trước đây người ta quen gọi là Mọi. Lề lối sinh hoạt của người Sơn-cước có rất nhiều điểm trùng-hợp với công-trình nghiên-cứu sinh-hoạt của giống Anhdonêsieng nguyên thủy của các nhà bác-học Lester, Millot và Deniker, Baudesson... Thật vậy, người Sơn cước miền Nam sinh sống trên những nhà sàn cao căng làm bằng tre lợp tranh, mỗi buôn còn gọi là Plei hay Sóc tụ tập chừng 10 đến 50 căn nhà. Họ đốt rừng làm rẫy trồng lúa, bắp, sắn khoai từ nhiều thế kỷ trước đây.

(21) Les Khas, peuple inculte du Laos 1904. Bernard Dr Noël.

(22) Au pays des superstitions et des rites : Baudesson p. 3.

(23) Les races et les peuples de la terre Paris 1926 p. 601. J. Deniker.

Một số bộ lạc tại vùng Kontum vẫn thường có tục xăm mình để trừ ma quỷ. Mặc dù cư trú ở các cao-độ nhưng trong tập-quen nhiều bộ lạc tại Cao-nguyên miền Nam vẫn thường ca tụng các cuộc sống ở biển khơi, điển hình là việc thờ thần nước, họ gọi là vua nước (Patau-ya) và tại các sông rạch như sông shérépoks, Dakla, sông Ba, các hồ ao, người sơn-cước cũng đã chứng tỏ biết tài đánh cá của họ. Thật vậy, trong một số bài ca truyền khẩu của bộ lạc Rhadé, Jarai, người ta đã tìm thấy những câu hò tiếng hát ca-tụng và luyến tiếc các cuộc sống trên sông biển, phải chăng sự kiện này ghi dấu những kỷ-niệm xa xôi của một giống dân có biết tài trên biển cả. Tại hầu hết các gia-đình sơn-cước người ta vẫn quen lấy tên con để kêu thay Bố Mẹ. Ví dụ : AMA H'ring hay Ami (Mẹ) H'ring (Bố con H'ring hay Mẹ con H'ring). Về trang-phục thì hầu hết các đồng bào sơn-cước đều quen dùng khố và váy và trước khi người Pháp du-nhập vào Việt-Nam thì ống xi-đồng là vũ khí sản bản thịnh hành nhất của người sơn-cước cũng như của người Kinh.

Theo hiện tình của các công cuộc nghiên-cứu về cổ nhân loại ở Đông-Dương, người ta đã tìm thấy tại dãy núi đá vôi Bắc-Sơn ở miền Đông của Bắc-Việt những bộ xương sọ không cân đối (dysharmonique) của những người Anhdonêsieng nguyên thủy (proto-indonêsieng) rất xa với giống Mông ở và rất gần với giống da vàng (chỉ số xương sọ từ 73-77). Những sọ người Anhdonêsieng ở Phổ-bình-gia có hình dài (dolicocephale) chỉ số 73,47 đến 77,77, đầu hình nam cạnh (tête pentagonale). Mặt ở các bộ xương sọ đó so với chiều cao thì là rộng ngang (face large et basse) gần như đầu của các đồng bào sơn-cước và các người Anhdonêsieng ở các đảo Bornéo và Sumatra. Giáo sư Verneau cũng xác nhận rằng "có lẽ người Anhdonêsieng và người Kha cùng ở một gốc mà ra, gốc này xưa kia là ở phía Bắc của bán đảo Đông-Dương và chính những người tiền sử ở Phổ-bình-gia là đại biểu cho giống người Anhdonêsieng nguyên thủy" (24). Trong việc khai quật cổ tích tại hang Phổ-bình

(24) "Il devient donc de plus en plus vraisemblable que les Indonésien, et les Khas descendent d'une même souche, cantonnée jadis dans le Nord de la péninsule indochinoise et dont nos troglodytes de Phobinhgia représenteraient le type primitif"...Verneau - les crânes humains du gisement préhistorique de Phobinhgia (Tonkin). Revue d'Anthropologie t. XX Paris 1909.

gia năm 1909 ở Lạng-Sơn các nhà khảo cổ đã tìm thấy bảy bộ xương nhưng đã mục nát nên không còn nguyên bộ. Những xương này nằm sâu cách mặt đất từ 1m30 - 1m70 và đã được Muséum d'histoire naturelle ở Paris chấp nối lại. Giáo-sư R. Verneau đã nghiên-cứu kỹ lưỡng và nhận xét : "Tại bộ xương đầu nguyên đủ xương có những xương không được dày lắm và đầu của xương quai hàm không to mạnh nên giáo-sư Verneau cho là người có xương đầu này không to và mạnh. Vì sọ lớn nên có thể là người khá cao, nhưng thật ra không thấy toàn thể xương người nên cũng không thể nói rõ số chiều cao của giống người này. Mặt và sọ không cân xứng nhau (dysharmonie). Sọ thì cao và dài, chỉ số 73,47 so với chiều cao với chiều ngang của mặt thì mặt của người này ngắn và to ngang. Nhìn trên cao xuống đỉnh đầu (norma verticalis) ta thấy đầu này hình ngũ giác vì xương sọ ở hai bên phía tai nhô rõ ra ngoài. Khi nhìn phía sau xương sọ (norma occipitalis), ta cũng thấy sọ này hình ngũ giác. Cả ba cái đầu cũng đều có những đặc-diểm như vậy. Giáo-sư Verneau kết luận như sau những đặc-diểm trên ba bộ xương đầu là cũng thuộc về một giống người. Khi ngắm kỹ lưỡng bộ xương đầu đó ta thấy có sự thiếu cân-đối. Vậy chắc chắn không phải là những người đó là thuộc về giống Mông-Cổ, không có gì ở trên những bộ xương đầu đó là những đặc-tính của giống Mông-Cổ, những xương đầu này gần với giống da trắng hơn là giống da vàng (25) "nếu trong số các người Thượng ta gạt bỏ những người đã lai giống Mông-Cổ, ta chỉ xét những người Thượng còn nguyên giống thì ta sẽ thấy họ có đầu dài và hình ngũ giác và dáng mặt của họ cũng như những đặc-diểm của người tiền-sử thấy ở Phổ-bình-gia. Như vậy, thì những người Anhdônêsieng và những người Thượng đều ở một gốc mà ra, gốc này ở phía Bắc Đông-Dương và những người tiền sử ở Phổ-bình-gia là đại-diện cho giống này về thời cổ sơ" (26).

(25) Rien dans la morphologie du crâne ou de la face ne rappelle les caractères mongoliques... les crânes de Phobinhgia se rapprochent beaucoup plus des blancs que des jaunes. Verneau (sách đã dẫn).

(26) "Những giống người sống trong thời tiền sử Việt-Nam" Nghiên-Thăm Quê-Hương số 42.12.1962 trang 178.

Tại hang Hàm rồng ở tỉnh Thanh-Hóa, người ta cũng đã tìm thấy những bộ xương đã hóa thạch không còn những chất hữu cơ nữa. Tại đây, có thấy một bộ xương đầu không còn nguyên vẹn. Đầu này có chỉ số 73,68 với chỉ số đầu này, các nhà bác học giải thuyết rằng bộ xương này thuộc giống Anhdonêsieng (27).

Tại hang Chợ Gành Ninh Bình có những di-tích tiền sử trong đó có một xương đầu còn khá nguyên vẹn hình dài, năm cạnh, chỉ số đầu (indice céphalique) là 75,97, H. Mansuy cho rằng đầu này có hình dáng của giống Anhdonedieng.

Xuyên qua những tài liệu kể trên ta thấy rằng tại vùng Bắc Đông-Dương trong thời tiền sử đã có một giống người mà các nhà nhân chủng học gọi là giống Anhdonêdieng sinh-sống. Giống này trên phương-diện nhân chủng cũng như phong-tục khác biệt với người Hán và ngày nay còn tìm thấy lại dấu vết ở các đồng bào sơn cước miền Nam. Ngoài những khác biệt về nhân chủng như đã trình bày ở trên, chúng ta còn thấy những dị biệt trên phương-diện tập quán, y phục cũng như tín ngưỡng. Tại Cao-nguyên trong hầu hết các làng sơn-cước, đều có một ngôi nhà kiến trúc khang trang, đặc-biệt hơn các nhà thường dùng làm nơi cho trai tráng và dân làng hội họp gọi là "nhà rộng". Tục-lệ này chắc chắn không tìm thấy tại các làng mạc ở Trung-Hoa. Tục nhuộm răng và ăn trầu cũng là một sắc thái đặc thù của người sơn-cước không thấy ở người Trung Hoa. Người đàn bà Trung-Hoa mặc quần, trái lại người sơn-cước mặc váy, thật ra thì mãi tới cuối thời tiền sử chúng ta mới tìm thấy dấu vết của người Mông-Cổ. Theo các sử liệu Trung-Hoa, những người sinh sống trên lãnh-thổ Bắc-Việt không phải là Hán-tộc mà là những giống người mà người Hán gọi chung là Nam Man. Nếu ta đem so sánh những phong-tục của các người Nam Man kể trong các tài liệu sử-ký của Trung-quốc và những phong-tục của người Anhdonêsieng ngày nay thì ta thấy người Anhdonêsieng và Nam-Man rất gần gũi nhau :

(27) H. Mansuy : contribution à l'Etude de la Préhistoire de l'Indochine. VIII, la caverne sepulcrale néolithique de Hàm Rồng près de Thanh-Hóa (Annam). Description d'une crâne indonésien de Chợ Gành (Tonkin). Bull. du service Géologique de l'Indochine. Vol. XIV, face VI, Hanoi 1925.

- biết dùng mai để làm ruộng
- biết dùng cung tên
- biết xem mình
- biết nhuộm răng đen

- biết dùng thuyền độc mộc đi trên nước. Riêng điểm này chúng ta phải ghi nhận rằng người Nam Man rất giỏi về đường thủy; qua hầu hết các cuộc chiến tranh trên sông, trên biển trong công cuộc chống xâm lăng từ Bắc-phương, giống Nam-Man chưa bao giờ nếm mùi thất bại. Chính vì những chỉ điểm đặc-biệt đó mà nhiều công trình nghiên cứu nguồn gốc dân tộc Việt-Nam đã đưa ra giả-thuyết người Việt-Nam và người sơn-cước là cùng chung một nguồn-gốc. "Hiện nay về nguồn gốc người Việt Nam, chính các nhà học giả cũng chưa biết chắc chắn nhưng nếu ta chịu nhận xét kỹ thì ta thấy nền học thuật Trung-Hoa chỉ phủ một lớp bề ngoài lên dân-tộc Việt-Nam, chỉ giới sĩ-phu là chịu ảnh hưởng nhiều chứ người thường dân còn giữ được nhiều dấu vết của nền văn-minh cổ xưa. Ta thấy nhiều dấu vết tỏ ra là ta chung một giống với các người Thượng mà các nhà bác học gọi là giống Anhdonêdieng (28).

Trên phương-diện huyết hệ, thì qua công-trình nghiên cứu của L. Bezacier và H. Marneffe thì huyết hệ của người Việt-Nam. Thổ, Mường, Nùng, Mán thuộc về loại Phi-Châu và Nam-Á cùng chung với các giống người Bahnar, Rhédés, Chàm... có liên hệ sinh-lý với các giống người Anhdonêdieng (29).

Những trống đồng mệnh danh là trống đồng Lạc-Việt còn cho ta biết là người Lạc-Việt, một giống Nam Man ở nhà sàn cao cảng, biết trang hoàng các thuyền theo hình con chim và cũng biết lấy lông chim để hóa trang thành hình chim. Các trống đồng Đào Trinh ở Yên Bái còn cho ta thấy là đàn ông

(28) Tìm hiểu đồng bào Thượng. Nghiêm-Thẩm. Quê Hương số 24 trang 127 (1961).

(29) H. Marneffe et L. Bezacier - Les groupes sanguins de l'Indochine du Nord 1940 (IEH) Hanoi 1942, p. 57-100... "Du point de vue biologique, les Annamites, Thổ, Mường, Nùng, Mán... se rapprochent plus de l'élément indonesien que du Mongolique..."

lúc bây giờ đóng khố và đàn bà mang váy như kiểu các người Anhdonêdieng ngày nay. Chỉ điểm này cũng cho ta kết luận người Nam Man của sử Trung-Hoa là thuộc về giống Anhdonêdieng của các nhà nhân-chủng học. Truyền thuyết của người Việt-Nam cho là người Việt Nam là một trong các giống Bách-Việt và sử Trung-Hoa thì cho các người Nam Man là những người Bách-Việt, vậy ta có thể lý luận là người Việt-Nam vì là người Nam Man tức Bách-Việt vậy là phải ở khối các bộ lạc Anhdonêdieng" (30).

Văn-hóa của giống Anhdonêdieng từ lục địa đã được truyền đến tận đảo Madagascar và Nam Dương quần đảo. Ta có thể tóm tắt những điểm chính của nền văn-hóa đó như sau :

- về phương-diện sinh-hoạt : trồng lúa, nuôi gia súc sử-dụng thuyền bè rất giỏi, kỹ-thuật kim khí sơ đẳng.

- về phương-diện xã-hội : người đàn bà được có địa-vị quan-trọng. Phương-diện này thực sự làm nổi bật những tương đồng đặc biệt giữa người sơn-cước và người Việt-Nam. Đọc lại lịch-sử của nước Văn-Lang (Việt-Nam xưa kia) ít ai mà không biết truyền thuyết con Rồng cháu Tiên. Sự tích này cho thấy rằng nước Việt-Nam ngày xưa cũng sống dưới chế-độ mẫu-hệ vì Sùng-Lãm đã xưng đế là Lạc Long Quân à đã tự xác nhận mình là giống rồng vì Mẹ của Sùng Lãm là Long nữ như vậy Sùng Lãm đã mang họ của Mẹ mình. Do đó, có thể kết-luận giống Nam Man ngày xưa cũng đã theo chế-độ mẫu hệ, một chế-độ đặc-biệt hiện còn tồn tại ở các bộ lạc Anhdonêdieng rải rác tại vùng Cao-nguyên.

- về phương-diện tôn-giáo : thờ linh hồn, thờ các vị thần, thờ phụng tổ tiên và xây cất các nơi thờ tự ở trên những chỗ cao. Theo Henri Maspero các dân tộc thuở xưa ở vùng Đông Nam Á-Châu đều có tôn-giáo mang tính chất nông-

(30) "Sự tồn tại của bản chất Anhdonêdieng trong nền văn-hóa Việt-Nam" Nghiêm-Thẩm-Quế Hương số 36.6.1962 trang 160.

nghiệp. (Chúng ta sẽ thấy rõ đặc tính này trong phần trình bày về phong-tục tập quán của đồng-bào sơn-cước).

- Xuyên qua một ít công-trình nghiên-cứu gần đây, việc nhận định nguồn gốc của đồng bào sơn-cước tuy cũng chưa có gì rõ rệt và chính xác nhưng điểm đặc biệt là nguồn gốc của đồng bào sơn-cước được dựa trên những giả-thuyết ngược lại với giả-thuyết trên. Một số học-giả cũng đã dựa trên những công-cuộc khai quật những di tích tiền sử ở tại khu vực Đông-Dương để từ đó đưa ra giả thuyết rằng đồng bào sơn cước có lẽ phát-xuất từ các đảo ngoài khơi Thái bình Dương ở các quần đảo Đông Nam Á-Châu.

Trong những hang được tìm thấy ở vùng đá vôi ở Bắc-Sơn, người ta đã khai-quật được những bộ xương của người tiền-sử sống ở các hang này. Nhà nhân chủng học H. Mansuy sau khi nghiên-cứu những bộ xương này - những bộ xương đã được ráp nối lại - nhận xét rằng, bộ xương đầu của Đồng Thuộc khác xa với tất cả các bộ xương đầu của các giống người sống ở lục địa và ở các đảo tại Viễn Đông. "Thực ra, người ta không thấy chỉ điểm nào về di-tích tiền sử này có thể coi là những nét bẩm sinh đã lệch lạc hay là sau khi sanh đã bị làm sai lạc (31). Theo Mansuy, thì xương đầu ở Đồng Thuộc, Bắc Sơn có những liên hệ thật rõ rệt với những người Melanêdieng da đen hay nói cho đúng giống như người Papoua ở quần đảo Mélanésie, ở Nouvelle Zélande và ở các đảo Polynésie. Điều này chứng tỏ rằng trong thời tiền sử giống Papoua đã có sống chung cùng một lúc với giống người Anhdonêdieng tìm thấy ở Phổ bình gia thuộc Vùng Bắc Đông-Dương. Tại hang Khát Kiếm cũng ở dãy núi Bắc-Sơn, những di tích tìm thấy ở đây cũng mang những đặc điểm tương tự. Các bộ xương đầu ở đây thuộc loại các xương đầu của người Papoua đầu hình bầu dục dài.

(31) H. Mansuy : contribution à l'étude de la Préhistoire de l'Indochine IV. Stations préhistoriques dans les cavernes du massif calcaire de Bắc-Sơn (Tonkin). Mémoires du service géologique de l'Indochine. Vol. XI, fase II, Hanoi 1924, p. 15-26. "On ne remarque chez cet individu, aucun indice de malformation congénitale ou de déformation acquise".

Năm 1936, Fromaget và Saurin đã trình bày công cuộc nghiên cứu mở đầu về tám bộ xương tìm được ở Trấn-Ninh thuộc khu-vực quốc-gia Ai-Lao. Năm 1938, Fromaget có thuyết trình tại Hội-nghị các nhà tiền-sử-học tại Tân-gia-Ba về những tài liệu do hai nhà bác học này tìm được ở Trấn-Ninh. Theo đó thì (32) :

1)- "Về đầu thời kỳ địa-chất IV (Pléistacène) ở Thượng Lào có những loài có vú như Stegodon, Hyène, Orangoutan là những giống hiện nay đã bị tiêu diệt ở Đông-Dương và một bộ xương sọ của người gần với loại Homo-Modjokertensis của thời Pleistacène của đảo Java. Cùng trong những lớp đất này Fromaget thấy ở Tam hang và ở Tampaloi những răng và một mảnh xương sọ mà nhà bác học này cho là gần với người vượn Bắc-Linh (Sinanthropus Pekinensis).

2)- Ở thời kỳ đồ đá khoảng giữa (mésolithique) tại Thượng Lào có thấy trong hang Tampong một giống người chưa được biết rõ là giống gì nên tạm gọi là giống người ở hang Tampong". Giống người này gồm có những đặc-tính của những giống người cổ sơ nhất ở Viễn Đông như người Âu-Châu thời cổ (Europeide primitif) người Mélanésien, người Vedda và người thổ dân Châu Úc (Vedd-Australoide). Trong hang Tam Hang có thấy hai bộ xương đầu của một giống người (Fromaget gọi là giống người Tam Hang) gồm có những đặc điểm của hai giống người Mélanésien và Australoide). Hai giống người này hình như đã để dấu vết trong các giống người sống sau này ở thời đồ đá mới và thời hiện đại tại Đông-Dương. Giống người thứ hai có lẽ là nguồn gốc của giống Mélanésien và giống Australoide ở Châu Úc.

3)- Đến thời đồ đá mới ta có nhiều tài liệu hơn, ta có thể chia những bộ xương đã khai quật được ra những loại sau đây :

(32) Fromaget et Saurin - Note préliminaire sur les formations cénozoïques et plus récentes de la chaîne Annamitique septentrionale et du Haut-Laos. Bulletin du service géologique de l'Indochine Vol. XXII, face III, Hanoi 1936.

- 10 bộ xương đầu thuộc giống Mélanésien (1 tìm được ở hang Khát Kiêm, 1 ở hang Đồng Thước, 5 ở hang Làng Cườm (3 di tích này đến ở Bắc-Sơn), 2 ở Ba Bút (Thanh-Hóa), 1 ở Tam hang (Thượng-Lào). Trong số các tài liệu tìm được ở Làng Cườm có hai bộ xương sọ là thuộc giống Mélanésien-nigmoide có những đặc-tính rất cổ xưa.

- 9 bộ xương đầu thuộc giống Anhdônêdieng : 3 ở Phố-bình-gia, 1 ở Keophay, 3 ở Làng Cườm (3 di-tích này đều ở Bắc-Sơn) 1 ở Hàm Rồng (Thanh-Hóa), 1 ở Chợ Gành (Ninh-Bình).

- Các bộ xương đầu thuộc giống Négritos (giống người da đen thân hình thấp bé) : 1 ở Minh-Cam (Đồng Hới), 1 ở hang Tam Pong (Thượng Lào), 3 ở hang Prang Tam Hang (Thượng Lào).

- Một bộ xương đầu thuộc giống Australoide ở hang Làng Cườm (Bắc-Sơn).

- Một bộ xương Mélanésien Australoide ở Làng Cườm (Bắc-Sơn).

- Một bộ xương đầu cho ta biết có sự pha giống Tam-pong + Mélanésien + Négrito ở hang Tam Hang (Thượng Lào).

- Hai bộ xương đầu do sự pha giống : giống Tampong + Négrito.

- Một bộ xương đầu do sự pha giống Anhdônêdieng + Mông Cổ.

- Một bộ xương đầu của một giống lai các giống người thời đại đồ đá khoảng giữa (Mésolitique + Mông Cổ + Enropéide).

Tóm tắt lại thì ta thấy về thời đại đồ đá mới, nam giống người khác nhau : Mélanésien, Anhdônêdieng, Négritos, Australoide, Mông-Cổ nhưng ta thấy có sự pha trộn với nhau vì các giống đó đều cùng chung sống trong suốt thời đại đồ

đá mới mọc trên và mọc dưới và hình như ta còn thấy ảnh hưởng của những giống có hình dáng lúc khởi thủy (protomorphe) và rất xưa của thời-đại đồ đá khoảng giữa" (33). Dựa trên những dữ kiện trên, các học-giả gần đây : Gerald G. Hickey (34) Ce Bar Musgrave (35), Harvey H. Smith, Donald W. Bernier (36) Giáo sư Matsumoto Nobuhiro (37) Peter Kunstadter (38) giả thuyết rằng đồng-bào sơn-cước cư trú tại Cao-nguyên là những giống dân mà tổ tiên là những bộ lạc Négritos và Papoua của các đảo Nouvelle Guinée, Nouvelle Calédonie và Úc-Châu. Theo các học giả này, những người Anhdonêdieng đã xuất hiện tại bán đảo Đông Dương này trễ hơn. Những giống dân này đã tràn lên bán đảo Ấn-Độ China hầu để tránh nạn hỏa diễm sơn tại Thái bình Dương. Những người sơn-cước là những bộ lạc thuộc giống dân có đầu dài, da đen. Họ không liên hệ gì đến giống dân Anhdonêdieng đã xuất hiện sau họ với màu da vàng lợt và tóc đen dợn sóng. Qua những cuộc xâm-lăng liên tục của người Ấn-Độ, Chăm, Mông-Cổ, những người sơn-cước đã bị đẩy vào vùng núi non miền Nam Việt-Nam. Qua những sử liệu gần đây, chúng ta có thể đưa ra nhận xét rằng. Từ thời tiền sử, đã có những cuộc di dân của các giống Mélanésien, polynésien, indonedieng từ những quần đảo ở Nam Thái Bình Dương lên sinh sống ở vùng Đông Nam Á, Nam Trung-Hoa cả ở Tây-Tạng, Đài-Loan, Nhật Bản và ở cả Mã Đảo nữa. Sau đó có những cuộc di dân của các giống Nam Mông-Cổ từ Bắc Lục-địa Trung-Hoa tràn xuống Tây-Tạng. Hy-mã Lạp sơn, Ấn-Độ và xuống cả các nước ở Đông Nam Á. Trong hai lần sóng di dân trên, có giống Anhdonêdieng ở miền Nam và giống Tai ở miền Bắc là thông-minh hơn cả.

(33) Giáo sư Nghiêm Thẩm. Quê Hương 36.6.1962 trang 150.

(34) Hickey, Gerald C "the highland people of south Vietnam social and economic development" Rand corporation Memorandum 1964.

(35) Ethnic groups of mainland Southeast Asia - Human relations-area files press 1964 (p. 284).

(36) Area handbook for south Vietnam - Ethnigroups and languages. Washington April 1967 p. 69-72.

(37) The people and culture of Indochine, Tokyo, Iwanami shoten 1943.

(38) Southeast Asian tribes, minorities and nation 1967.

Tại Việt-Nam, do sự tiếp xúc của hai làn sóng di dân này, đã có sự pha trộn và tạo thành một số sắc dân lai giống. Đại để chúng ta có thể chia ra làm ba loại như sau:

- Các sắc dân thuộc giống Thái (Nam Mông-Cổ) ở miền Bắc, như Thái, Mèo, Nùng...

- Các sắc dân thuộc giống Anhdonêdieng ở miền Nam như Khatu, Sedang, Bahnar, Chăm, Jarai, Rhadé...

- Các sắc dân thuộc giống Anhdonêdieng lai Mông-Cổ như Mường, Việt-Nam...

Nghiên cứu về thời-đại tiền sử ở khu-vực Đông Nam Á-Châu, Giáo sư H.G. Quaritch Wales đã theo giả thuyết của Van Heine Geldern mà cho là có hai đợt sóng người di dân : đó là đợt di dân của giống người "Austranésien" ở các đảo ở Đông Nam Á-Châu nói loại tiếng "Malayo polynésien" dùng lưỡi búa đá hình chữ nhật (vierkantbeil) và đợt di dân của giống người "Australasiatique" ở miền Nam Á Châu nói loại tiếng "Môn Khmer" dùng lưỡi búa đá có mộng để lắp cán (Schulterbeil) (39). Giống người Austranésien nguyên thủy di cư từ Trung-Hoa xuống Đông-Dương vào đầu hay vào giữa khoảng 2.000 năm trước Tây lịch, trước khi sống lẫn lộn với giống Australasiatique và di cư đi các đảo ở Đông-Nam Á-Châu cho đến tận Nhật-Bản.

Năm 1936, Fromaget và B. Saurin đã tìm ra được những di tích ở phía Tây dãy núi Trường-Sơn (Thượng Lào) trong đó có vết tích của giống người Austronésien primitif, nguồn gốc ở miền Văn-Nam Tây-Tạng. Tại đây, người ta đã thấy một cái búa đá kiểu mộng để lắp cán (schulterbeil) khổ nhỏ cùng với những hạt làm bằng thứ ốc "cyprea" sống ở bể. Đó là sự kiện cho ta thấy có sự liên lạc giữa những người ở miền bể với những người sống ở Thượng Lào (miền núi). Tính cách đa đảo

(39) H.G. Quaritch Wales : Prehistory and religion in South East Asia, Londres 1957.

của các bộ lạc sơn-cước được phản ảnh qua nhiều thứ ngôn-ngữ được dùng giữa họ. Có thể nói có ít nhất là mười hai thứ tiếng được dùng. Một số học giả đã có nghiên cứu những thổ ngữ tại vùng Cao-nguyên miền Nam và phân loại làm hai nhóm chính. Mỗi nhóm có thể làm giả-thuyết cho xuất xứ của một số bộ lạc trong quá khứ. Nhóm Môn Khmer có thể coi là nhóm bao gồm nhiều bộ lạc ở rải rác tại vùng Sơn-cước miền Nam và nhóm thứ hai Malayo-polynesian. Nhóm thứ nhất gồm các bộ lạc : Khatu, Ten, Die, Sedang, Rengao, Bahnar, Stieng, Mnonggar, Cil, Lat, Ma, Sré (loại tiếng Mon-Khmer dùng). Có khoảng gần 500.000 người nói thổ ngữ này. Nhóm thứ hai là các bộ lạc trong loại tiếng Malayo-polynésien (gần với tiếng Chèm) gồm có các giống Jarai, Rhadé, Mchur, Blo, Roglai, Churu (loại tiếng Malayo-polynésien được dùng trong một diện tích rất rộng lớn từ đảo Pâques ở Thái Bình Dương đến đảo Madagascar gồm cả Nam Dương quần đảo, Đài-Loan). Có khoảng 300.000 người nói thổ ngữ này. Dĩ nhiên tiêu chuẩn ngôn-ngữ không phải là tiêu chuẩn duy nhất để phân biệt nguồn-gốc giữa những bộ lạc với nhau vì nhiều khi cùng một bộ-lạc, cùng một ngôn-ngữ nhưng phong-tục và lễ lối sinh hoạt khác biệt chẳng hạn như người Rengao và Krem thuộc bộ lạc Bahnar (40).

Một số học giả nghiên cứu về nguồn gốc của người sơn cước nhận định rằng : "Đông-bào sơn-cước là những giống dân xưa kia ở ngoài khơi Thái-Bình Dương. Để tránh nạn hỏa diệm sơn (cercle de feu du Pacifique) họ đã lũ lượt tràn vào bán đảo Ấn Độ China. Nhiều nhà nhân-chủng-học lấy làm lạ về những bài ca của giống dân này mặc dù dân Rhadé cư trú lâu năm trên vùng sơn-cước song những bài ca của người Rhadé đều gợi lại nhiều cảnh ngoài biển cả, những trận hồng thủy và những nạn hỏa diệm sơn, chính là nhờ những vết tích đó mà phần lớn những nhà nhân-chủng-học hiện đại đã dựng nên một thuyết coi người Rhadé xuất phát từ giống dân Hải-Dương (océanique) thuộc nhóm Polynésien vào tận thạch kỷ thời đại

(40) Harvey S. Smith, Donald W Bernier "area hand book for south VietNam" April 1967 p. 73-74.

đã rời bỏ các quần đảo tại Nam-Dương để trên vào bán đảo Ấn Độ China. Gần đây các nhà nhân chủng học Nhật-Bản dưới sự hướng dẫn của giáo sư Matsumoto-Nobuhiro đã chú ý đặc biệt đến người Rhadé và hiện đang tìm kiếm các chứng tích để nối lại mối liên hệ chủng tộc giữa sắc dân Rhadé tại Việt-Nam với một sắc dân hiện đang sống trong đảo Hoku tại Nam Nhật-Bôn. Chương-trình của các nhà nhân-chủng-học Nhật-Bản dường như đã thành lập được một bản phước-trình khá dài về những ngôn-ngữ của sắc dân này mà về cách phát âm có nhiều điều tương đồng giữa hai sắc dân Rhadé và Hoku" (41). Thật vậy, một số bộ lạc Rhadé, Jarai tại Cheoreo và Darlac, trong những tiệc rượu cần thâu đêm, họ đã cao hứng hát lên những bài ca với nhịp điệu của những người đi biển, ca tụng cuộc sống ở trên biển khơi. Cái vết tích đáng ghi nhận nhất đó là hầu hết các bộ lạc vùng sơn-cước đều thờ hai vị thần : đó là thần nước (Patau-La) và thần lửa (Patau-Pui). Hai vị thần này phải chăng đã cho ta giả-thuyết mạnh mẽ rằng các giống dân hiện trú ngụ tại vùng Cao-nguyên đã từng bị hiểm họa của những trận hỏa tai khốc liệt do trời giáng xuống (hỏa diệm sơn) và thần nước là vết-tích của giống dân hải-dương, quen sống trên biển cả, họ phải thờ thủy thần để tránh những nạn hồng-thủy. Câu chuyện sơn tinh và thủy tinh của giống Nam-Man nếu đem đối chiếu trong trường-hợp này cũng cho ta giả thuyết là giống Nam-Man và các bộ lạc sơn-cước có những phong-tục và tin-tưởng giống nhau phải chăng đều phát xuất từ một nguồn gốc, gốc của một chủng-tộc trước đây sinh sống ở các đảo ngoài Thái-Bình Dương mà trong những cuộc chiến tranh với Trung-Hoa, giống Nam-Man đã làm chủ mọi cuộc chiến tranh trên sông biển và chưa bao giờ thất bại một lần.

Cũng theo các học-giả trên, ban đầu những người sơn-cước mà tổ-tiên là những giống dân trú ngụ trên những quần-đảo ngoài khơi Thái-Bình Dương ở rải rác khắp bán đảo Đông-

(41) Giáo-sư Đào-quang-Huy - giảng văn văn hóa Việt-Nam - Ban oao học Hành chính khóa III năm 1969.

Dương này; có thể nói họ là sở hữu chủ của khu vực này. Dần dần các bộ lạc nói trên bị dồn lặn vào các vùng núi đồi trùng điệp thuộc dãy núi Trường-Sơn. Vào khoảng thế kỷ thứ II họ phải rời bỏ những thung lũng trù phú và những đồng bằng phì nhiêu qua những cuộc xâm lăng liên tiếp của các bộ lạc Khmers, Chăm, Mông-Cổ, Việt-Nam. Biến cố lịch-sử đầu tiên đến với các chủng-tộc này là sự xuất hiện của vương quốc Phù-Nam và Lâm-Áp. Hai vương quốc này đã làm cho thổ dân vùng này phải lùi sâu vào phía tây với đất đai cằn cỗi và núi đồi hiểm trở. Là những bộ lạc tiến bộ và hùng cường nhất lúc bấy giờ, bộ lạc Khmer và Chăm khởi đầu tìm cách đồng hóa và kết nạp các bộ lạc bản xứ bằng tư-tướng chính-trị, tôn giáo và nhất là bằng những cuộc trao đổi mậu-dịch. Vì thế mà hai bộ lạc Khmer và Chăm đã làm biến đổi phần lớn nếp sinh-hoạt của người sơn-cước. Vết tích của sự kiện này là những phong tục của người Churu, Roglai và Jarai có nhiều sự trùng-hợp với nền văn-hóa Chăm như ngôn-ngữ của người Jarai rất gần với tiếng Chăm nhất là sự hòa thiêu xác chết đó là một ảnh-hưởng của Chăm thật rõ rệt.

Vào năm 1150, một cuộc chiến-tranh bùng nổ giữa vương-quốc Chăm và người Việt-Nam, một số lớn các bộ-lạc vùng sơn-cước về theo người Việt-Nam, song cuộc chiến của người Việt-Nam bị thất bại, các bộ lạc sơn-cước lại bị người Chăm hiềm thù đẩy sâu vào vùng thâm sơn. Mãi cho đến 1471 trải qua một cuộc chiến tranh tàn khốc, bộ lạc Việt-Nam đã tiêu-diệt được vương-quốc Chăm từ đó số phận của các bộ lạc sơn-cước đã trở nên sáng sủa hơn. Tuy nhiên để trấn Bắc bình Nam, người Việt-Nam đã thiết-lập những pháo đài nhỏ gọi là Trấn Nam hay "sơn phòng trấn" để ngăn chặn sự xâm nhập của các bộ lạc vùng sơn-cước tràn xuống đồng bằng ngày nhiều.

Nếu kể từ miền thượng du Bắc-Việt xuống miền Tây Nam Việt-Nam thì tổng-cộng có 44 sắc-tộc (42) và riêng tại miền

(42) Hickey Gerald C "Ethnolinguistic groups of VietNam. The highland people of south VietNam. Rand corporation Memorandum 1964.

Nam Việt-Nam thì từ vùng đồi núi tỉnh Quảng-Trị xuống các tỉnh cực Nam có khoảng 29 sắc tộc (43) và dân số ước khoảng (+ 700.000) (44).

| | | | | |
|--------------------------|----|----|-------|-------------------------------|
| Quảng Trị | 1 | | | Brou |
| Thừa-Thiên | 2 | 3 | 4 | Pacoh, Phương, Katu |
| Nam, Ngãi, Bình | 5 | 6 | | Cua, Jeh |
| Kontum, Pleiku | 7 | 8 | 9 10 | Sedang, Kayong, Hré, Mnonn |
| | 11 | 12 | 13 14 | Halang, Rengso, Bahnar, Jarai |
| Phú Bôn | 15 | | | Hroy |
| Darlac | 16 | | | Rhadé |
| Quảng Đức, Phước-Long | 17 | 18 | | Ma, Stieng |
| Lâm Đồng | 19 | | | Noj |
| Tuyên Đức, Phước Long | 20 | 21 | 22 | Churu, Mnong, Cil |
| Khánh-Hòa | 23 | 24 | | Lət, Sré |
| Ninh-Thuận | 25 | | | Bắc Roglai |
| Bình Thuận | 26 | 27 | | Nam Roglai, Chəm |
| Long Khánh | 28 | | | Rai |
| | 29 | | | Chrau |

Trên phương-diện văn hóa xã-hội, đồng bào sơn-cước tại Việt-Nam có thể được chia thành hai nhóm theo vị trí địa-dư.

Nhóm thứ nhất

Nhóm thứ nhất gồm các sắc-tộc : Mường, Mán, Thái, Thổ, Nùng. Nhóm này chỉ có thể tìm thấy ở vùng Thượng-du Bắc-Việt và nếu có ở miền Nam Việt-Nam thì là những người di-cư từ Bắc-Việt sau hiệp-định Genève 1954. Nhóm này có một tổ chức xã hội phong kiến dưới sự cai-trị thế tập và gia-đình cho chế-độ phụ-hệ.

(43) Hickey Gerald C Ethnolinguistic groups of Vietnam. The highland people of south Vietnam. Rand corporation Memorandum 1964.

(44) Area handbook for south Vietnam. The montagnard : p. 72 (sách đã dẫn).

Nhóm thứ hai

Nhóm thứ hai gồm nhiều bộ lạc khác nhau, nói những thổ ngữ khác nhau. Ngoại trừ đồng bào thiểu số gốc Miên và Chăm thì đồng bào sơn-cước miền Nam có thể chia ra làm hai nhóm chủng tộc.

A.- Nhóm chủng tộc Mon Khmer

Nhóm mon Khmer gồm 21 sắc dân

| | |
|-----------|------------------------|
| 1 Brou | Quảng-Trị |
| 2 Pacoh | Thừa-Thiên |
| 3 Phương | |
| 4 Katu | |
| 5 Cua | Nam, Ngãi, Bình |
| 6 Jeh | |
| 7 Sedang | Kontum, Pleiku |
| 8 Kayong | |
| 9 Hré | |
| 10 Mnom | |
| 11 Halang | |
| 12 Rengao | Tuyên-Đức, Phước-Long |
| 13 Bahnar | |
| 14 Mnong | |
| 15 Cil | Quảng-Đức, Phước-Long |
| 16 Lat | |
| 17 Sré | Lâm-Đồng Long-Khánh |
| 18 Ma | |
| 19 Stieng | |
| 20 Noj | |
| 21 Chrau | |

B.- Nhóm chủng tộc Maleyo-Polynesien

Nhóm này gồm 7 sắc dân không kể sắc dân Chăm và sắc dân sinh sống trong khu vực đồng bằng :

| | |
|----------|-----------------|
| 22 Jarai | Pleiku + Kontum |
| 23 Hroy | Phú-Bổn |

| | |
|---------------|-------------------------|
| 24 Rhadé | Darlac |
| 25 Bắc Roglai | Khánh-Hòa |
| 26 Nam Roglai | Ninh-Thuận |
| 27 Chru | Tuyên-Đức |
| 28 Chăm | Ninh-Thuận + Bình-Thuận |
| 29 Rai | Bình-Thuận |

Có thể nói đồng-bào sơn-cước miền Nam có một số bộ lạc chính có một trình-độ văn minh khá cao, khả dĩ có thể tiêu biểu cho sinh hoạt của tất cả các sắc tộc thiểu số đó là các sắc dân Rhadé, Jarai, Bahnar, Sedang, Koho (Koho là một bộ lạc bao gồm các sắc dân Sré khoảng 30.000, Ma khoảng 30.000 và Kil khoảng 10.000). Theo các tài liệu về thống-kê của Bộ Phát-triển sắc tộc thì đại lược không kể những người Cil vì thiếu tài liệu, có thể phân loại đồng bào sơn-cước làm 20 sắc dân tính từ Bắc vào Nam.

1)- Mường.- Sống trong các vùng Sơn-Tây, Hòa-Bình, Thanh-Hóa và Nghệ-An. Tổng số 315.658 người hiện nay 1/3 đã di cư vào Nam và sinh sống ở Darlac, Long-Khánh, Phước-Long và Tuyên-Đức.

2)- Thái.- gồm Thái trắng, Thái đen, Thái đỏ ước chừng 685.191 người kể cả 2.000 người hiện đang sinh sống tại miền Nam, người Thái trắng cư ngụ tại Lai-Châu và Lạc Kay. Thái đen cư ngụ tại Sơn-La, Điện-Biên và Mường-Luông, Thái đỏ cư ngụ tại Chợ Bè ở phía Tây Thanh Nghệ tỉnh. Người Thái sống thành Bàng được tổ chức như làng Việt-Nam. Giống Thái trắng và Thái đen chôn người chết theo phong-tục Việt-Nam còn Thái đỏ thiêu thây ma theo phong tục Ấn-Độ.

3)- Thổ.- Khoảng 207.124 người sinh sống tại Hà-giang Bắc Kạn. Thái-Nguyên, Lạng-Sơn, tập-quán phong-tục có nhiều điểm tương đồng phong-tục người Thái.

4)- Nùng.- gốc ở Quảng-Tây, di-cư tới Thượng-du Bắc-Việt với tổng số là 346.615 người kể cả 40.000 người hiện



Sắc dân Jarai (đàn ông)

đang sống tại Nam Việt-Nam. Phong-tục tập-quán giống phong tục tập quán Trung-Hoa trong vùng Quảng Tây.

5)- Nhãng.- gốc Văn-Nam, Quảng Châu rất giỏi về chăn nuôi và trồng trọt, tổng số ước chừng 39.072 người. Hiện có 31 người di cư vào miền Nam Việt-Nam. Phong tục tập-quán giống như Trung-Hoa tại Văn-Nam và Quảng-Châu.

6)- Mán.- gốc Quảng-Tây tổng số ước chừng 258.362 người hiện có 500 người ở Nam Việt-Nam. Tùy theo cách phục sức và lối ăn mặc ta phân biệt Mán sơn đầu, Mán có sừng, Mán tiền (đeo hai đồng tiền ở tai) Mán tiểu bản (áo dài ngắn tới đầu gối), Mán đại bản (áo dài), Mán lam (mặc áo màu xanh lam), Mán chàm (mặc áo màu chàm).

7)- Mèo.- gốc Tú-Xuyên, Trung-Hoa tổng số ước khoảng 219.514 người hiện ở Nam Việt-Nam có khoảng 37 người. Có ba giống Mèo trắng, Mèo đen và Mèo hoa.

8)- Các giống người Houni, Khe, Hô, Lôlô, La-cua, Kalandan nhân số không mấy quan-trọng đó là các giống dân cư-trú tại vùng thượng-du Bắc-Việt.

9)- Stiêng.- là một sắc dân lớn trong nhóm Môn Khmer ước chừng 50.000 người gồm các nhóm (sous-tribu) Stiêng, Roy, Tamun, Bà-tá, Dalmer. Ở dọc ranh giới Miền Việt từ Tây Nam Quảng-Đức đến Phước-Long, một số nhỏ sống tại Biên-Hòa và Thủ-dầu-Một. Vì ở gần biên giới Miền nên bị ảnh-hưởng người Miền nhất là nhóm Tamun có hình-dáng và phong-tục giống như người Việt gốc Miền. Đặc-biệt người Tamun hầu hết theo đạo Cao-Đài, nguyên gốc Stiêng đàn ông mang họ Diêu, đàn bà mang họ Thị nhưng khi nhập đạo Cao-Đài, Giáo-chủ Cao-đài đã đổi thành họ Lâm và họ Thị như người Việt gốc Miền. Ngoại trừ những người theo đạo Cao-Đài, các nhóm Stiêng khác vẫn thờ đủ loại thần. Trong làng Stiêng không thiếu những thầy mo, thầy cúng, phù-thủy. Xã-hội Stiêng chia ra làm 3 giai cấp : thân hào, thường dân và nô-lệ. Nhóm thân-hào gồm các vị tộc-trưởng và cả xếp là người chủ

làng rất có quyền-hành được mọi người trọng nể. Nô-lê là những người vay nợ mà không trả được đi ở đợ để trừ dần, những người mắc nợ phải trả v.v... Trước kia nô-lê còn là những kẻ chiến bại, bị cắt tóc, bị mua v.v... Tuy gọi là nô lệ nhưng họ vẫn được đối xử bình đẳng và được giao-phó công việc theo phái nam hay nữ. Mỗi năm người Stiêng ăn bốn lễ chính :

- Lễ cúng thần Nette vào tháng giêng âm-lịch
- Cúng miếu vào tháng 3 âm-lịch
- Lễ "Pha Bào" cầu cho đánh cá được nhiều tổ-chức vào mùa nước.
- Lễ mừng được lúa vào tháng 12 âm lịch, đây là lễ lớn nhất được coi như ngày Tết của người Stiêng.

Đồng-bào Stiêng cũng đã đóng góp rất nhiều vào công cuộc kháng Pháp của dân-tộc Việt-Nam. Vào năm 1859 người Pháp chiếm tỉnh Gia-Định và có ý bành-trướng thế-lực ra các vùng lân cận, đồng-bào Stiêng đã cùng với các kháng chiến quân Việt-Nam chống trả mãnh-liệt. Các tiền đồn của người Pháp ở phía Bắc Gia-Định đều bị tấn công. Năm 1869 cuộc khởi nghĩa của người Stiêng tại Trãng-Bàng đã nhiều phen làm người Pháp phải lúng túng.

10)- Roglai, Churu khoảng 47.000 người cư-ngụ trên các triền núi Trường-Sơn. Phong-tục tập-quán giống người Chăm, hiếu khách, có khiếu âm nhạc, đặc biệt là về phèn và trống-dồng.

11)- M'ning.- sắc dân này trú ngụ từ lâu ở tả ngạn sông Krêng-Ana và Srépok. Một số lớn sinh sống tại tỉnh Quảng-Đức và rải rác trong các tỉnh Darlac, Tuyên-Đức, Lâm-Đông và Phước-Long.

Dân số của bộ lạc này ước khoảng 45.000 người gồm các sắc dân M'ning chính thống, Nong, Budong, Gar, Preh, Rlan. Bên kia biên thùỵ Cao-Miên, sắc-tộc P'ning còn có những nhóm Bung, Dih-Bri...

M'ngong là một bộ lạc lớn mạnh xưa kia với những vị tù-trưởng nổi tiếng như Khun-Ju-Nob, Khăm-Lu, Ama Trang-Long đã làm sợ hãi các bộ lạc lân cận từ Bắc như Rhadé, Bih và các dân tộc Lào, Khmère và ngay cả người Pháp nhiều phen thất-bại khi lâm le xâm-phạm địa-phận của người M'ngong vào cuối thế-kỷ 19 đầu thế kỷ 20. Tình-trạng tiến-hóa của sắc dân này không được đồng đều : nhóm M'ngong Gar, Preh, Nong là những nhóm chậm tiến hơn cả vì vùng cư-trú của họ đất đai cằn cỗi, toàn núi đá dựng đứng ở phía Tây Quảng-Đức. Nhóm M'ngong Klan ở quận Lạc-Thiên, sống gần với bộ lạc Rhadé nên chịu ảnh hưởng của sắc tộc này rất nhiều. Ngoài ra bộ tộc M'ngong Budong là tiến bộ hơn cả. Họ gồm những làng giàu có vì nghệ thuật săn voi tài tình. Họ chịu ảnh hưởng của Lào, ở nhà sàn dài, đồ sộ, đẹp đẽ, người M'ngong Budong vận sà rộng tơ màu của người Lào. Cả đàn ông và đàn bà của bộ lạc M'ngong đều có tục lệ cang tai bằng những cục ngà voi tròn và lớn, ngà càng lớn càng biểu hiệu sự giàu sang và lối tai đứt ra là người giàu có đáng được trọng nể. Ngoài ra, họ còn cà răng. Họ cà 4 răng cửa và hai răng nanh hàm trên, bốn răng cửa và răng nanh hàm dưới thì được mài nhọn. Tiếng nói của họ chịu ảnh hưởng của người Khmer. Phong-tục tập-quần phần lớn giống người Rhadé và Maa, duy chỉ có vài đặc-điểm sau :

- Về cưới xin thì người con trai M'ngong đi hỏi vợ, song sau lễ cưới, chồng về nhà vợ ở rể và các con lấy họ mẹ.

- Khi sanh nở, người đàn bà phải ở một chòi riêng do người chồng cất cho và có một bà mụ săn sóc.

- Khi có người chết, gia-đình đánh chiêng lên, cả làng sẽ đến cùng chung lo việc ma chay.

- Họ không có ngày Tết nhất định có khi đôi ba năm mới tổ-chức một lần.

12)- Bru, có nơi gọi là Pacoh. Người Lào gọi Bru là Kha. Trước đây sắc dân này có tên là Văn-kiều (Quảng-Trị) và ở Tây Thừa-Thiên thì gọi là Tỏi-ôi. Ngoài ra họ còn được gọi là Teu.

Khu-vực của người Bru bao gồm vùng Thượng-du Quảng-Trị, phía Tây Bắc đèo Lao-Bảo ngõ quốc-lô số 9 nối liền Quảng-Trị với tỉnh Sêno-Lào quốc, một phần nằm trên đất Lào, Bắc vĩ-tuyến 17° và khu-vực thuộc quận Nam-Hòa tỉnh Thừa-Thiên. Dân số sắc dân này ước khoảng 40.000 người.

Giữa các nhóm nhỏ, chúng ta thấy có một số điểm khác nhau về y-phục, phong-tục và sinh hoạt. Về y-phục thì người Pacoh chịu ảnh hưởng của người Lào. Mỗi làng của người Pacoh đều có một đình làng xây cất đặc-biệt khác với những căn nhà của thường dân. Nhóm Bru thì mỗi gia-đình có một nhà riêng cao cẳng trái lại nhóm Teu, Tòi-ôi thì nhiều gia-đình ở chung một nhà và được chia ra từng ngăn cho từng gia-đình.

Giai-cấp lãnh-đạo của sắc-tộc Bru là các vị "xuất vin, Phó ban", những vị tù trưởng cha truyền con nối cai-quản.

13)- Katu, khoảng 40.000 người, sắc dân này sống rải rác dọc biên-giới Lào-Việt thuộc tỉnh Thừa-Thiên, Quảng-Tín, Quảng-Nam, có một số sinh sống trong vùng Dakglé, Dakpek thuộc tỉnh Kontum. Những nhóm ở vùng biên-giới Việt-Lào còn mang tên Kha, We; ở Kontum có tên là Katua, ở Nam Thừa-Thiên mang tên là Phương.

Lề lối sinh hoạt cũng tương tự như các sắc dân sơn-cước khác, phần lớn còn lạc hậu, ăn bốc, ở nhà sàn, vài ba gia-đình ở chung một nhà. Đàn ông đóng khố và đàn bà mặc váy ngực để trần.

Hệ-thống quản-trị, theo thứ tự mỗi làng có những tộc-trưởng, các tộc trưởng chịu sự điều khiển của chủ làng, trên chủ làng còn có chủ vùng rất được dân trong vùng kính-nể.

14)- Cua, sắc-tộc Cua là một sắc-tộc lớn tại Quảng-Ngãi. Phần lớn cư ngụ tại quận Trà-Bồng, phía Bắc quận Sơn-Hà, một

phần nằm ở phía Nam Quảng-Tín và Đông-Bắc Kontum. Người Cua còn có tên Đá Vách, Kor, Kol, mọi trâu. Dân số có chừng 30.000 - 40.000 người.

Đàn ông Cua mặc xà bông, đóng cà-giáp, giàu thì mặc cà-giáp tua có nhận cườm, đầu chít khăn nhiều đen. Đàn bà quấn chân, mặc yếm ít khi mặc áo. Cũng như sắc dân Hré, Cua ưa trang-sức bằng hạt cườm ngũ sắc và các vòng đồng. Đàn ông cũng đeo cườm, xỏ tai, bới tóc. Hiện nhiều nơi, người Cua vẫn giữ tục tảo hôn. Con trai mới 10, 15 tuổi đã đi hỏi vợ. Thường vợ lớn hơn chồng và theo phong-tục khi người chồng chết, người vợ lại phải lấy em chồng nếu không thì phải trả lại phí tảo hôn lễ. Cũng như các sắc-tộc còn chậm tiến khác, người Cua có cả hàng trăm tục lệ phải kiêng cử, cho nên khi vào một buôn hay vào nhà của họ cần phải thận-trọng quan-sát các dấu kiêng cử rồi mới vào được.

Cũng như ở vùng Hré, mỗi làng của người Cua đều có một ông già làng làm chủ. Hội-đồng làng gồm các gia-trưởng. Mỗi vùng cũng có một vị cà-ré rất có uy-tín.

15)- Hré, là một sắc dân có nhiều điểm tương đồng với người Cua. Họ là một bộ lạc độc lập, nhưng có nhiều người lại cho rằng sắc dân này là một bộ lạc hay một nhóm (sous-tribu) của người Sedang. Ảnh-hưởng đó là vì họ trú ngụ gần sắc dân Sedang. Sắc-tộc Hré lớn nhất tại Quảng-Ngãi, cư-ngụ hầu như bao trùm vùng rừng núi Sơn-Hà, Minh-Long, An-Lão và đồng nhất là ở Ba-Tơ. Phía Bắc Sơn-Hà, Hré giao-tiếp với sắc-tộc Cua, phía Nam với người Bahnar, phía Tây với người Sedang. Hré là tên chung, sắc-tộc này còn có một số tên khác như Kré, Khét, Hreng, Karé. Dân số chừng 40.000 người.

Nhờ sớm được tiếp xúc với người kinh nên người Hré đã tiến bộ rất nhiều. Tuy nhiên phần lớn vẫn giữ những trang-phục cùng phong-tục cổ truyền. Cũng như ở các vùng khác, người Hré sống thành từng làng có chủ làng đại diện, người có uy tín nhất trong vùng gọi là cà-ré.

Người Hré theo phụ hệ và giữ phong-tục đa thê. Vợ chồng lấy nhau ra ở riêng hay ở chung với cha mẹ cũng được.

16)- Koho, là một sắc dân khá lớn và có ảnh-hưởng tại Cao-nguyên miền Nam. Trong năm 1958 để phản đối chính-sách thương-vụ của nền đệ I Cộng-Hòa, phong-trào người sơn-cước đã kết nạp một số bộ lạc sau : Bahner, Jarai, knedé và Koho viết tắt là Baja-rake.

Sắc dân này gồm các bộ lạc Kil, Sré, Ma dưới danh hiệu tập-thể là sắc-tộc Koho. Nguyên-nhân của sự kết hợp các nhóm này là có lẽ vì lý do địa-lý vì giữa các nhóm này nhiều phong-tục và tập-quán khác biệt. Trước hết sắc dân Koho có khoảng 100.000 rải rác trên các tỉnh Khánh-Hòa, Ninh-Thuận, Đà-lạt, Lâm-Đồng.

Người Sré.- theo chế-độ mẫu hệ, người đàn bà có thể nói có nhiều đặc-quyền như đi cưới chồng cũng như quản-trị tài-sản của gia-đình. Người Sré đặc-biệt không cấy lúa trong các ruộng khô như các người sơn-cước khác mà là trong ruộng nước ở giữa các thung-lũng và họ còn dùng trâu để kéo cày. Dân số của người Sré ước khoảng là 30.000 người sinh sống trong các vùng núi đồi của quận Di-Linh và phía Tây Nam Dalat.

Người Ma, dân số ước khoảng 30.000 ở phía Tây tỉnh Dalat trên lưu-vực của sông Đồng-Nai. Người Ma làm ruộng bằng cả hai phương pháp : cấy lúa trên các rẫy khô và ruộng nước. Họ cũng săn bắn để sanh sống.

Người Kil, người ta còn gọi là Chil, Cil, Mnong-Kil. Ước khoảng 10.000 ở phía Đông Bắc Dalat. Sinh sống bằng nghề làm rẫy và đốt rừng để cày cấy.

17)- Sedang, khoảng 100.000 người sinh sống tại Nam Quảng-Tín, Bắc Bình-Định và trong khuôn viên các tỉnh Pleiku, Kontum. Bộ lạc này còn được gọi là Harndea (nhiều khi được

ghi chép là Harndeang hay xo-đang). Sắc-tộc này gồm các nhóm (sous-tribu).

- Halang - Rongae - Takna
- Dré - Htea

nói tiếng Sedang, một thứ tiếng gom góp nhiều thổ âm của các nhóm khác nhau trên, song bất cứ người Sedang nào cũng hiểu được. Khi người Pháp đặt nền cai-trị tại Việt-Nam, người Pháp cũng đã thiết-lập những trường học đặc-biệt trên vùng đất người Sedang ở nên một số lớn Sedang nói tiếng Pháp. Gần đây vì sự tiếp xúc thường xuyên với người Việt-Nam nên một số lớn người Sedang đã nói tiếng Việt. Tuy nhiên phần lớn chỉ nói thổ âm của họ. Cho đến bây giờ người ta cũng chỉ biết người Sedang sinh sống trong vùng thung-lũng Tây Bắc tỉnh Kontum nhưng nói về những bộ lạc này đến đây từ bao giờ thì vẫn chưa có tài-liệu nào ghi chép được. Chỉ được biết họ thuộc giống giòng Mon-Khmer và nói tiếng là hiểu chiến. Bộ lạc này thuộc ban sơ yêu chuộng rèn giáo mác dẻo gọt cung tên, thích cướp phá, săn bắn hơn là yên phận cấy cày. Họ thích ở vào vùng cây cối rậm rạp hiểm hóc, sườn núi dốc cao, nhất là vùng núi đá để có thể tìm ra được các mỏ sắt để rèn ra giáo mác búa dao và mang đi đổi các vải vóc, gạo muối với các bộ lạc lân cận hay người Kinh dọc bờ biển. Người Sedang sống thành đại gia-đình trong những nhà sàn dài. Mỗi Plei đều có một nhà "Rông dành cho thanh-niên độc-thân ban đêm đến ngủ để bảo-vệ an-ninh cho làng. Đàn ông Sedang cởi trần đóng khố, hai bên mép thường điểm ba chấm đen hoặc xanh. Đàn bà mặc sà-rông ngực che một tấm vải hay một chiếc chạn, chân quấn sà-cạp hay những chiếc vòng bằng đồng. Tóc của người Sedang để dài (đàn ông cũng như đàn bà) trên đầu có một chiếc lược. Người Sedang không theo hẳn chế-độ phụ hệ hay mẫu hệ. Trai gái nếu ưng nhau thì bên nào đến hỏi trước cũng được. Sau lễ cưới xin con rể phải ở rể ít nhất là ba năm.

Tiếng nói của người Sedang có những âm thanh tương tự như tiếng nói của các dân thuộc nhóm Mon-Khmer. Mỗi khi đánh phá xong làng mạc hay bộ lạc lân cận người Sedang cùng

trở về hân hoan chiến thắng, mổ trâu cúng tế và thổi kèn ăn mừng trước khi tổ-chức bán đàn bà trẻ con hay người lớn bắt được làm tù binh. Xong rồi những buổi tiệc kéo dài suốt đêm quanh các chén rượu cần được cột chặt ở các cọc tre giữa trời hay trong nhà.

18)- Bahnar, bộ lạc này gồm các bộ lạc Galar, Tolo Benom, Hray, Krem, Alokong, Rengao, Jolong gồm có khoảng 100.000 người và thuộc giòng giống Mon-Khmer. Có thể nói rằng bộ lạc Bahnar được thấy rải rác trong ba khu-vực sau:

a)- Các bộ lạc Alokong, Tolo Benom tìm thấy ở vùng An-Khê còn có các nhóm Krem, Kondode.

b)- Các bộ lạc Galar và Tosung sinh sống gần tỉnh Pleiku.

c)- Các bộ lạc Jolong và Kontum sinh sống tại tỉnh ly Kontum. Ngoài ra, còn có các nhóm (sous-tribu) như Hông, Rengao, Krem đồng hóa với sắc dân Bahnar.

Những nhóm này nói thổ âm Bahnar thuộc giòng giống Mon-Khmer đó là tiếng nói chính. Tiếng Bahnar có hình-thức mẫu tự riêng do các nhà truyền giáo có sáng kiến đặt ra trong thời kỳ người Pháp cai-trị Việt-Nam. Hệ-thống mẫu-tự theo mẫu tự La Mã và Việt-Nam, một số ít người Bahnar nói và viết tiếng Pháp sành sỏi song giọng đọc của họ hơi nặng. Hiện tại ngoài sự hiểu biết tiếng Việt của một số khá đông thì người Bahnar còn đã học và nói tiếng Anh. Người Bahnar là 1 giòng dân lực lưỡng mạnh khỏe, da màu nâu sẫm, tóc đen hơi quăn, cằm nhọn, mũi lớn. Phần lớn đều cà dũa răng, đàn ông Bahnar rất hạnh diện với những cái sẹo ở ngực và đùi, những vết thương do họ tự gây nên để tỏ sự trưởng thành và lòng dũng cảm.

Người Bahnar thích ở gần sông suối và chịu khó cày cấy hơn người Sedang mặc dù đất đai trong bộ lạc này không

mấy trù phú và ít màu mỡ. Thường thường thì bộ lạc hay đốt phá rừng lấy tro làm phân rồi gieo mạ nhưng dụng cụ cấy cấy rất thô sơ khiến cho hoa màu vì thế mà bị ảnh hưởng rất nhiều. Một mảnh đất rừng khai phá kiểu đó, cấy được hai mùa thì đất đã cằn cỗi và nếu không đủ nhân công làm một mảnh đất khác thì bộ lạc này bị nạn đói đe dọa và mỗi người đã phải vào rừng kiếm các củ rừng man dại để ăn, người Bahnar hay ở từng nhóm từ 100 nhà trở lại và đặc biệt là đình làng được xây cất vào vị-trí chủ chốt ngay giữa xóm. Vì vậy óc tập thể của bộ lạc này mạnh hơn các bộ-lạc khác. Đó cũng là một lý do khiến cho giáo-hội Thiên-Chúa Kontum đã thành-công lớn vào đầu thế-kỷ này trong sự chiêu dụ bộ lạc trên theo đạo. Căn cứ vào những di-tích, các nhà khảo-cứu đã đưa ra giả-thuyết rằng xưa kia những sắc dân sơn-cước trên cao-nguyên chia ra làm nhiều ngành lớn : ngành phương đông, phương tây và phương nam. Mỗi ngành lại chia ra làm nhiều bộ lạc. Người Bahnar tỉnh Bình-Định thuộc phương Đông, ngành này mạnh nhất đã có nhiều uy-tín nhất vào thế kỷ 15, người Bahnar đã được các bộ lạc khác kính nể. Nhưng từ trước thế kỷ 19, trước sự bành trướng của dân tộc Việt-Nam từ phương Bắc và trước sự đồng hóa của người Sedang về phía Nam, những bộ lạc của người Bahnar bị thu hẹp khu vực sinh-sống. Từ đó dân tộc Bahnar suy vi.

19)- Jarai, bộ lạc này còn gọi là Jalai gồm các bộ lạc Haroi, Hơdrung, Puan, Arap có khoảng 100.000 người. Họ thuộc chủng tộc Malayo polynesien. Cho đến bây giờ cũng chưa có giả thuyết nào chính xác về lịch-sử và nguồn-gốc của bộ lạc này. Nhìn vào ngôn-ngữ và tập-quán chúng ta thấy họ chịu ảnh hưởng của văn hóa Chăm, thì sắc dân Jarai và Rhadé là quan trọng nhất và điểm đặc-biệt là tập-quán ngôn ngữ rất gần gũi nhau. Người M'dhur và Haroi là hai nhóm dân (sous-tribus) Jarai lai Rhadé. Người M'dhur có phong-tục, tập-quán và tiếng nói giống như người Rhadé. Bộ lạc Jarai sinh sống tại vùng Nam Kontum, Pleiku, Phú-Bôn, Bắc Darlac, Tây Bắc Phú-Yên, Bắc Khánh-Hòa. Bộ lạc này có tục cà rang, căng tai cho đến khi trai gái lập gia-đình vì vậy mà người ta

thường gọi người Jarai là mọi cà rang cang tai. Sắc dân này thân thể cường-tráng và có thể nói to lớn hơn các sắc dân khác, da màu nâu có khi đen sậm và mũi to lớn. Vì gần gũi với sắc dân Bahnar họ cũng bị ảnh hưởng ít nhiều văn hóa Bahnar song phần lớn người Jarai vẫn giữ những truyền thống riêng của họ. Theo nhiều sử liệu thì người Jarai tương đối có một nền văn minh cao lớn hơn các sắc-tộc khác. Từ Thượng-cổ, bộ lạc Jarai được đặt dưới sự lãnh đạo của các pháp-sư, nhờ ở những khu vực núi đồi hiểm trở của các tỉnh Gia-lai và Cheo-Reo, nhờ ở truyền thống đoàn kết và hiếu chiến nên Jarai hiện là một bộ lạc lớn. Theo truyền thuyết thì người Jarai luôn luôn thần phục uy quyền của các pháp sư mà họ cho là các vị thần, vị vua (Patau) mà nhiều sử liệu đã ghi chú và nói đến. Người Jarai tôn thờ các vị vua lửa, vua nước, vua gió mà họ coi như những vị thần linh. Thật ra thì các huyền thoại về các vị thần trên chưa đầy tính cách hoang đường (xem phong-tục tập quán của đồng-bào sơn-cước).

Trong lịch-sử Chiêm-Thành, có nói là người Chăm đã chiếm đất của người Ma Da ở hai tỉnh Phú Yên và Bình-Định và người Ma Da đã phải rời bỏ hai tỉnh đó lên ở miền núi, vì vậy mà nhiều giả-thuyết cho rằng người Mada nói trong các bia Chăm là người Jarai ngày nay. Người Mada tức Jarai đã chiến đấu rất anh dũng để giữ đất đai của họ. Trong thần thoại của người Jarai về Patau-Pui (Hỏa-xá) Patau-ya (thủy-xá) cũng có nói đến cuộc chiến-tranh này. Nhiều sử-liệu ghi chú rằng, người Jarai đã bị người Chăm cai trị rất lâu, vì vậy mà ngôn ngữ của Jarai rất gần với tiếng Chăm, hai bên có thể hiểu nhau được. Một sự kiện cụ-thể để chứng minh cho nhận-định trên do linh-mục Guerlach kể lại mà ít người để ý đó là vị thủ lãnh hỏa xá khi chết xác được hỏa thiêu. Đó là một ảnh hưởng của Chăm rất rõ rệt vì người Thượng không bao giờ thiêu xác người chết.

20)- Rhadé, người Rhadé còn gọi là Edé có độ 100.000 người trú ngụ rải rác khắp nơi thuộc thị-xã Ban-mê-Thuột

trong các quận Buôn Hồ, Lạc-Thiện nhất là tại các buôn ấp rải rác trên quốc-lộ số 21 nối liền thị-xã Banmethuot với tỉnh lỵ Khánh-Hòa. Khu vực sắc dân Rhadé sinh sống tiếp giáp tỉnh giới Quảng-Đức, Khánh Hòa, Phú-Yên và các biên-thùy Miền-Việt, sắc dân này được xếp loại vào chủng tộc Malayo-polynésien và được phân chia ra nhiều nhóm :

- M'dhur, Adham, Blo, Kodas, Epan, Bih, Krung
Edékpa, K'tul.

Có thể nói người Rhadé ở hầu hết tỉnh Darlac và sự kiện đặc biệt là các đường sá chính trong thị xã này cũng như các làng mạc và cảnh vật thiên nhiên đều mang tên bằng tiếng Rhadé. Thực-tế nếu có dịp ghé đến Banmethuot, chúng ta gặp khắp nơi người Rhadé và xung-quanh thị xã hầu hết là các "buôn" người Rhadé sinh sống. Đây có thể nói là một thị-xã của người Rhadé. Từ hồi Pháp thuộc, người Pháp đã khai-thác triệt-để sắc-tộc này có lẽ vì sự thông-minh, nhanh nhẹn và tài tháo vát của họ vì thế nói đến đồng bào sơn-cước người ta thường nghĩ ngay đến sắc dân Rhadé. Bộ lạc Rhadé có một tỷ lệ cao nhất nếu so sánh với các sắc-dân khác, có an học và giữ nhiều chức vụ hành-chánh cao-cấp của chính-phủ. Bằng chứng là lãnh-tụ của các phong-trào Fulro và Bajaraka là người Rhadé và gần đây phong-trào đoàn kết các sắc tộc thiểu-số cao-nguyên miền Nam Việt-Nam 1969 cũng gần hầu hết là sắc-dân Rhadé. Gần đây các nhà nhân chủng học Nhật Bản đã chú ý đặc biệt đến người Rhadé và hiện đang tìm kiếm các chứng tích để nối lại mối liên hệ chủng-tộc giữa sắc dân Rhadé tại Việt-Nam và một sắc dân hiện đang sống trong đảo Hoku tại Nam Nhựt-Bôn. Dựa trên những bài ca của người Rhadé, họ đã dựng nên một thuyết coi người Rhadé xuất phát từ giống dân hải dương (océanique).

Tóm lại, "người sơn cước miền Nam từ đâu tới" hiện nay khoa học vẫn chưa giải-quyết được. Theo như đã trình bày trên, nhiều giả-thuyết cho rằng đồng-bào sơn-cước là thổ-dân của bán đảo Đông-Dương này. Có giả-thuyết cho là

người sơn-cước đó từ các đảo ở Đông Nam Á-Châu tới. Cũng có giả thuyết cho là người sơn-cước thuộc giống Anhdonêdieng, giống Anhdonêdieng là thủy-tổ của giống Mã-Lai nghĩa là họ là nguyên giống Mã-Lai chưa pha trộn với các giống người khác và giống Mã-Lai hiện ở các đảo ở Đông Nam Á-Châu chỉ là những người Anhdonêdieng lai các giống Miến-Điện, Ấn-Độ, Trung-Hoa.

Như chúng tôi đã trình-bày trong phần khai-trình luận án, trọng tâm của chúng tôi không phải làm công việc của một nhà khảo-cổ, sử học, hay nhân chủng học. Chính vì lý do đó chúng tôi đã tự giới hạn công việc nghiên-cứu nguồn-gốc của đồng-bào sơn-cước qua những công-trình khảo-cứu của các học-giả cận-đại. Chủ-trương của chúng tôi là cố tìm kiếm trong các giả-thuyết đã được các nhà nhân chủng học chú ý đến liên hệ đến nguồn gốc của đồng-bào sơn-cước - những liên hệ chủng tộc giữa lớp người sơn-cước và đồng-bào Việt-Nam. Xuyên qua các tài liệu dẫn chứng trên, về nguồn gốc của đồng bào sơn-cước miền Nam hai giả-thuyết được ghi nhận.

Giả-thuyết thứ nhất thuộc nhóm các nhà nhân chủng học Pháp-quốc cho rằng Đồng-bào sơn-cước miền Nam thuộc giống Anhdonêdieng phát xuất ngay ở trong đồng bằng Bắc-Việt trong thời tiền-sử.

Giả-thuyết thứ hai cho rằng người sơn-cước rải-rác thuộc vùng cao-nguyên miền Nam thuộc hai nhóm chủng-tộc Malayo-polynésien và Môn-Khmer. Theo giáo-sư H.G. Quaritch Wales thì có hai đợt sóng người di dân ở khu vực Đông Nam Á-Châu trong thời đại tiền sử đó là đợt di dân của giống người Austronésien ở các đảo Đông Nam Á Châu nói loại tiếng Malayo polynésien mà vết tích của giống dân hải dương được tìm thấy tại các bộ lạc Jarai và Rhadé ở miền Cao-nguyên Trung-phần, và đợt di dân của giống người Austroasiatique ở miền Nam Á Châu nói loại tiếng Môn Khmer, chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn-Độ được đại-diện bởi các bộ lạc Sedang, Bahnar mà ngôn ngữ và phong-tục rất gần với chủng-tộc này.

Như vậy thì giả thuyết thứ hai gần như không chấp-nhận giả-thuyết chủ-trương người sơn-cước phát xuất ngay tại Đông-Dương hay là thổ dân của khu-vực này. Sự tạp chủng và tính cách đa đạo của đồng bào sơn-cước làm cho giả-thuyết về nhân chủng nào cũng có những điểm hữu lý cả, vì vậy mà các điểm xuất phát theo đó nguồn gốc mà đồng bào sơn-cước được xác-nhận đều dựa trên những chứng tích lịch-sử nhưng thực-sự chưa có giả-thuyết nào chính xác và trội yếu dù rằng một số công-trình nghiên cứu đã dựa trên những phương-pháp khoa học. Dầu sao, các công-trình nghiên-cứu của các nhà bác học không những đã đem đến cho khoa nhân-chủng-học những dữ kiện để làm sáng tỏ nguồn gốc của đồng-bào sơn-cước mà còn đem đến cho chúng ta một kết-luận rằng trong cả hai giả-thuyết về nguồn gốc của đồng-bào sơn-cước chúng ta đều tìm thấy những điểm tương đồng lạ lùng giữa người sơn-cước và đồng-bào trên nhiều phương diện vật chất lẫn tinh-thần, tất cả đều có thể đưa đến những hệ-luận về liên-hệ chủng-tộc của hai lớp người sơn-cước và đồng bằng, hai lớp người đã gắn bó với nhau qua bao nhiêu đổi thay và thăng trầm của lịch-sử lập quốc. Điều đó đã đem lại sự khích-lệ lớn lao cho chúng tôi khi đi tìm một giải pháp hợp tình hợp lý cho đồng-bào ruột thịt sinh sống trên vùng cao-nguyên.

B.- PHONG TỤC TẬP QUÁN

Từ trước đến nay chưa có một tài-liệu nào trình-bày đầy đủ phong-tục, tập-quán của đồng bào sơn-cước miền Nam. Chúng ta chỉ tìm thấy rải rác trong một số sách báo hầu hết là của các học giả Pháp trước đây hay những ghi chú sơ-lược đang trong một số tạp-chí Việt-ngữ của các nhà khảo-cứu Việt-Nam. Thật ra, trong hầu hết các tài-liệu trên, chỉ ghi chép lại một số phong-tục trong đời sống hàng ngày của một vài bộ lạc tại cao-nguyên. Vì vậy việc hệ-thống-hóa phong-tục, tập-quán của đồng bào sơn-cước gặp rất nhiều khó khăn. Trong gần năm năm phục vụ tại Cao-nguyên Trung-phần

và Bắc Trung-Phần, chúng tôi đã đích thân nghiên cứu quan-sát trực-tiếp hầu hết các bộ lạc sơn cước kể từ các bộ lạc Koho tại Lâm-Đồng, Tuyên-Đức, Rhadé ở Ban-mê-Thuột, Jarai ở Phú-Bổn đến các bộ lạc Bahnar Sedang tại Pleiku Kon-tum cũng như các bộ lạc Cua, Khatu ở vùng Hưng-Hóa (Quảng-Trị), Thừa-Thiên và bộ lạc mà dân Quảng-Ngãi thường gọi là mọi Trầu...

Sự tìm hiểu rõ ràng phong tục tập quán của một chủng-tộc thực-sự giúp ích cho chúng ta không những trên phương-diện nghiên-cứu nguồn gốc mà còn góp phần trong việc ấn định một chính sách sơn-cước vụ phù hợp với hoàn-cảnh và thực-trạng của xã-hội người sơn-cước. Giáo-sư Baudesson đã nhận xét rất đúng "Toute nation qui souhaite remplir efficacement son rôle de protectrice vis-à-vis des groupements incultes qu'elle prétend civiliser doit, avant tout, connaître les usages de ses protégés et pénétrer les mobiles de leurs actes..."

Để trình-bày phong-tục tập-quán của người sơn-cước, chúng tôi sẽ hệ-thống-hóa những ghi chú trực-tiếp và gián-tiếp về sinh-hoạt của các sắc-dân sơn-cước và trình bày của bốn mục sau :

- Sinh-hoạt vật-chất và kinh-tế
- Sinh-hoạt gia đình và xã-hội
- Sinh-hoạt tâm linh
- Sinh hoạt nghệ thuật và văn học.

*
* *

I.- SINH-HOẠT VẬT-CHẤT VÀ KINH-TẾ

Đồng-bào sơn-cước sinh sống trên Cao-nguyên Việt-Nam được các dân-tộc lân-bang gọi bằng nhiều danh-từ khác nhau : được gọi là Karens bởi người Miến-Điện, Khas bởi người Lào, Pnong bởi người Cao-Miên. Người Việt-Nam vẫn

có thói quen gọi người sơn-cước là Mán hay Mọi. Chữ Mọi được diễn tả như một giống người hung dữ, mọi rợ như "mọi cà rang cang tai". Tổng số đồng-bào sơn-cước chừng 800.000 đến một triệu được phân chia thành nhiều bộ lạc mang những tên gọi khác nhau. Trong tổng số này, các bộ lạc Sedang (# 100.000), Bahnar (# 100.000), Jarai (# 150.000), Rhadé (# 150.000), Koho (# 100.000), Hré (# 100.000), chiếm một tỷ lệ gần 2/3. Không những về số lượng mà về phẩm, đa số người sơn-cước thuộc các bộ lạc trên đều đã phần nào từ bỏ nếp sống bán khai và đã đóng góp trên nhiều lãnh-vực sinh-hoạt của quốc-gia trong công cuộc thịnh-vượng chung của xứ sở. Mỗi khi nói đến đồng bào sơn-cước tại Việt-Nam, người ta thường nhắc nhở và nghiên cứu các bộ lạc trên coi như là những sắc dân đa số và tiêu biểu nhất.

Đời sống của đồng-bào sơn-cước rất phức-tạp, hầu hết còn trong trạng-thái thô-sơ, lạc hậu, ngoại trừ một số rất ít Buôn, Plei, Sóc sống gần tỉnh lỵ, quận lỵ có phần hấp thụ được nhiều cái cách nhờ sự liên lạc thường xuyên với các đồng bào Kinh trong các hoạt-động thường nhật. Người sơn-cước tại các tỉnh-lỵ, quận-lỵ phần lớn đều phục-vụ trong các cơ-quan công-cuyên hay các đồn điền hoặc xí-nghiệp. Một số theo đạo Tin-Lành (Banmethuôt, Tuyên-Đức, Lâm-Đông) hay công-giáo (Pleiku, Kontum). Đàn bà đã biết mặc áo cho kín đôi vú và đàn ông cũng không còn đóng khố nữa. Thành-phần sơn-cước tiến bộ này có một đời sống vật-chất khá cao và cũng đã từ bỏ một số phong tục tập quán cổ sơ như cà rang, cang tai, nhuộm rang, xăm mình, mê tín, bùa ngãi...

Đồng-bào sơn-cước sinh-hoạt theo lối du cư và du canh. Thật vậy, "buôn" "bản" của họ không cư trú ở một nơi nào nhất định vì họ chỉ khai thác đất đai đôi ba năm rồi lại tiếp tục di chuyển đến một nơi khác màu mỡ hơn để lập làng mới. Có khi vì sự tin tưởng và vì di đoàn người sơn-cước cũng di chuyển làng từ chỗ này đến một chỗ thật xa khác.

Đa số người sơn-cước vẫn còn thiết-tha với núi rừng, giữa cảnh bao la hùng vĩ của rừng núi, người sơn-cước cảm thấy nhỏ bé trước vạn vật, đối với họ, mỗi vật đều có một vị thần chế ngự, cái gì cũng có thể là "yang" (thần). Người sơn-cước thờ đá (litholâtrie), thờ cây cối (dentrolâtrie) và thờ thú vật (thériorâtrie). Từ cái cây, con vật, hòn đá đều mang tính chất thiêng liêng huyền bí, đều có một ông thần ngự trị. Cuộc sống của người sơn-cước buộc chặt với núi rừng qua hai câu ca-đạo truyền khẩu của người Hré sau đây :

"Tà nẻ, riéc oần nôn
Tà nôm, mối nhờn, mối tội
(có nghĩa là đất nước núi rừng làm nơi nương nhờ cả một đời).

Rẻ ti càng-ử ngoanh tà rí"
(có nghĩa là tay mạnh chân bền, không sợ chi cực khổ nghèo nàn).

Trong một dịp công-tác tại Cheo Reo trong năm 1964, chúng tôi có đến thăm một vài làng sơn-cước và tiếp xúc với các nhân sĩ tại đây. Sau buổi ăn chiều do một nhân sĩ, người Jarai khoản đãi, chúng tôi được mời uống rượu cần và được xem một buổi trình diễn văn nghệ do một số thực khách sơn-cước cao-hứng trình bày. Chúng tôi thấy trước tiên nếp sống của người sơn-cước có rất nhiều điểm tương đồng với người Việt. Nếu đã sống trong vùng Hà Tĩnh và Nghệ-An chúng ta sẽ nhận thấy rõ hơn những điểm giống nhau này. Người phụ nữ Hà-Tĩnh và Nghệ-An ở vùng thôn-quê trang phục như người sơn-cước : ngực mang yếm - là một mảnh vải nhỏ để che ngực - và vạn một chiếc váy, người Nghệ gọi là "mấn", đi chân không trong lúc làm lụng. Tiếng nói của người vùng này cũng gần như tiếng nói của người sơn-cước nghĩa là toàn một âm điệu trầm, thiếu những âm thanh bổng, tất cả các chữ trong câu đều có khuynh hướng thêm một dấu nặng hay dấu huyền.

Người sơn-cước cũng hiếu khách như người Việt, họ tiếp khách vì tình-cảm chứ không vì xã giao. Người sơn-cước

lúc mới gặp người lạ, họ rất kín đáo, dè dặt, chỉ khi nào quen biết thật lâu rồi thì họ rất vui vẻ và cởi mở. Trong việc uống rượu, cũng như phong-tục người Việt-Nam, họ ít thích uống rượu một mình. Rượu "ché" hay có thể gọi là rượu uống tập thể là một sự kiện nói lên đặc tính tập thể của các bộ lạc sơn cước. Một số bài ca của họ trình bày, chúng tôi không hiểu nhiều tiếng sơn-cước, nhưng qua điệu-bộ và cử-chỉ chèo thuyền và tát nước, chúng tôi đoán chừng họ đang diễn tả nhịp điệu của một người chèo thuyền trên sông, trên biển hay đang tát nước vào ruộng vào rẫy. Họ cho chúng tôi biết rằng đây là những bài ca có từ lâu đời được truyền khẩu lại trong các bộ lạc Jarai và Rhadé. Mà thật vậy, hai thực khách trình diễn là hai người thuộc sắc dân Rhadé và là nhân viên của chúng tôi được biệt phái làm việc tại tỉnh Phú-Bồn. Phải chăng dựa trên những bài hát này mà một số nhà nhân-chủng-học đã đưa ra giả-thuyết người sơn-cước Rhadé thuộc giống dân hải-dương, đa đảo? Giả-thuyết này khó được xác nhận là vì nếu người sơn-cước là giống dân hải dương thì ít ra họ vẫn thích ở vùng đồng bằng hơn và hẳn họ phải bằng lòng với những công cuộc định cư người sơn cước ở những vùng xuôi mà trái lại, hầu hết họ rất tha thiết với núi rừng, coi như là quê cha đất tổ vậy. Cũng trong dịp này, tôi được họ kể lại một câu chuyện truyền khẩu về đất đai mà tổ tiên họ đã để lại như sau. Thuở xưa, gia-đình sơn-cước đầu tiên trên trái đất gặp rất nhiều khó khăn trong đời sống hàng ngày vì đất đai không đủ cung cấp nuôi sống gia-đình. Người mẹ bối rối, lo lắng đành truyền cho các con tìm chỗ khác kiếm ăn, trước khi chia tay, một bữa ăn cuối cùng được dọn lên. Nhìn các con ăn uống, bà mẹ nhận xét thấy tất cả các con đều thích ăn thịt cá, duy chỉ có một đứa chỉ ăn độc những trái ớt đỏ. Để ý vậy, sau khi bữa tiệc chấm dứt, Bà mẹ mới truyền cho những đứa con thích thịt cá đi xuống các vùng đồng bằng trù phú sinh sống và trao cho đứa con còn lại - đứa con chỉ thích những trái ớt đỏ - một cái cung, một bó tên và truyền cho cai quản vùng núi đồi đầy dẫy ma quỷ và thú dữ. Đứa con này chính là tổ tiên của người sơn-cước và vùng cao-nguyên là giang-sơn

thân yêu của Mẹ đã để lại cho họ. Và rồi về sau, con cháu của người sơn-cước đầu tiên này, những đồng-bào sơn-cước hiện tại, cũng sống kham khổ như tổ tiên - người Thượng có thể an cơm với toàn là ớt và ớt mọi là nổi tiếng cay - và dù gian nan khổ cực họ vẫn tha thiết với quê Mẹ! Cho đến bây giờ, những cá tính kham khổ vẫn còn tồn tại và khi chúng tôi đi tham các làng Thượng, chúng tôi nhận thấy người Thượng bản tính đơn sơ, hầu hết không biết dùng tiền để mua bán. Đối với người sơn-cước, một cái hộp không, giá trị hơn những tờ giấy bạc mà họ cho là "vật biết bay" (mơ nông thao por) và giá sử người sơn-cước có nhận một đồng bạc thì cũng chỉ là để chặt ra thành từng mảnh để trang sức (45).

Cũng như tất cả những giống dân sống giữa thiên-nhiên, người sơn-cước biết trước những đổi thay của thiên-nhiên như mưa bão, chiều hướng gió trong khu vực họ sinh-sống, họ biết rõ cả giờ có gió mùa hay gió bắc thổi đến hay tan đi. Thị giác và khứu-giác rất nhạy giúp người sơn-cước đánh hơi được những hiện tượng xảy ra trong khu-vực, như hướng đi của muông thú, sự xuất hiện của một vật lạ, nguy-hiểm trong rừng như cọp, voi, gấu.

Tâm lý của người sơn-cước thật rất khó diễn-tả, những đức tính như lòng vị tha, lòng thương hại, lòng biết ơn rất xa lạ đối với họ, trừ khi được hấp thụ những trình-độ văn-minh khá cao. Khi một người lạ xuất hiện trong khu-vực họ sinh sống, người lạ sẽ được coi như một người khách đáng sợ nếu không muốn nói là kẻ thù phải được kính nể song nếu người khách lạ đi một mình thì có thể mất mạng. Cũng như tất cả những người yếu kém, người sơn-cước thù rất lâu và nhận nại chờ đợi phục-hận. Nhiều tháng, nhiều năm có thể trôi qua song người sơn-cước vẫn không quên từng chi-tiết nhỏ của người gây cho họ sự thiệt hại.

(45) Quand les Mois acceptaient cette pièce d'argent, c'était pour la couper en morceaux et s'en servir de parure (chez les Mois - p.3 Baudesson).

Người sơn-cước sinh sống trong những nhà sàn dựa trên những cọc tre hay cọc gỗ cao độ hơn 1 thước cách mặt đất. Nhà sàn đan bằng tre dài khoảng 10m đến 20m ngang khoảng 4 thước và cao khoảng 4m hay 5m lợp tranh, mái thoải thoải cao như kiểu nhà mái của người Việt. Nam, sáu hay nhiều hơn nữa, cái chòi tụ tập lại thành một cái buôn hay một làng sơn-cước. Trước mỗi căn nhà có chừa một khoảng trống như mái hiên của người Việt trên đó những khoanh gỗ được khoét ruột dùng làm cối giã lúa. Trong nhà, phòng trước là phòng khách chung, tại đây, những chiếc chiếu hoa và gối màu sắc sỡ được chất gọn gàng một chỗ để tiếp khách, những ché bằng đất sét do người sơn-cước tự làm bằng cách phơi nắng lâu ngày, nhà giàu thì có những ché sành hay ché xua loại cổ và đắt tiền. Trong những chiếc ché này, người Thượng chứa rượu làm bằng gạo gọi là rượu cần. Sở dĩ gọi là rượu cần là vì phải uống bằng những ống hóp dài như những cái cần câu cá. Trên những cột nhà tùy theo giàu nghèo, họ treo những cái gông, người Việt gọi là phèng-la bằng đồng, trống, các vũ-khí như giáo-mác, cung nỏ, các ống hóp phơi khô để sử dụng trong việc uống rượu và những đồ dùng của gia-đình như những trái bầu, bí phơi khô để đựng nước, những gùi đan bằng tre để đi làm rẫy. Phòng giữa là phần lớn nhất của gia-đình được phân chia thành những phòng ngủ cho những gia-đình trú-ngụ. Mỗi căn nhà sàn dài thường trú ngụ khoản bốn, năm gia-đình người sơn-cước. Phòng sau là những bếp nấu cơm, mỗi gia-đình đều có một bếp riêng. Mỗi gia-đình đều có những cái vại bằng đất riêng để đựng gạo và nước riêng. Đặc biệt là họ không bao giờ dùng chung của nhau từ mảnh củi, chén gạo, chén nước vì người sơn-cước vẫn tin-tưởng rằng sự dùng chung chạ của nhau sẽ mắc bệnh "sè rơn". Điều đó nói lên việc ở chung với nhau nhiều khi năm, mười gia-đình trong một nhà sàn song hầu như không bao giờ có sự tranh chấp vì quyền-lợi với nhau.

Dưới các nhà sàn họ dùng làm nơi nuôi heo, gà, bò, dê, trâu. Xung quanh làng đều được rào bằng những rào tre, cây gai thiên nhiên và chừa hai cổng ra vào, cổng trước để

tiếp khách và là nơi dân làng ra vào, cổng sau là nơi để đi vào nghĩa địa. Tại khu vực sau làng hay bên cạnh làng, người sơn-cước dùng làm nơi chôn người chết, nơi này xa xa trông cũng giống như một làng Thượng vì trên mỗi ngôi mộ cũng được xây dựng những nhà chòi để che nắng mưa. Họ đặt xác người chết trong những chiếc hòm - những khúc cây được khoét bưng - Trên các ngôi mộ, họ chừa những lỗ lớn để ngày ngày đem đồ ăn ra để xuống cho người chết ăn. Người Thượng tin có linh-hồn, họ gọi là "Bơn gát". Họ cho rằng sau khi chết thì linh-hồn của người ta sẽ đến một nơi gọi là "Đék Atau" - xứ của Ma. Vì vậy mà khi có người chết họ quán theo cho người này rất nhiều đồ vật nhất là các thức ăn. Các thực phẩm này được tiếp tế tại nơi phần mộ của người chết trong một thời gian rất lâu từ 1 - 12 tháng.

Về phục-sức, người đàn ông bận một cái khố quấn từ trước ra sau và quấn tròn ở bụng. Một cái giắc dài có cán, mũi được uốn cong vắt ngang vai, miệng ngậm ống vố tự làm lấy, hút thuốc lá do họ trồng. Còn đàn bà thì để ngực trần, vân váy - một mảnh vải màu đỏ hay đen quấn ngang hông xuống gần đầu gối, vai mang guai để đồ vật. Từ sáng sớm khi mặt trời chưa mọc, người sơn cước đã rời buôn ấp để ra rẫy làm việc cho đến gần tối mới ra về. Trong khi di-chuyển, người phụ nữ bao giờ cũng đi trước người đàn ông.

Người sơn-cước rất thích trang-sức bằng những giây màu sắc sỡ, bằng những đồ kim khí như đồng, sắt, chì. Họ thường đeo vào lỗ tai, đàn ông cũng như đàn bà những vòng đồng lớn. Từ bé, người sơn cước đục lỗ tai bằng một chiếc đũa tre vót nhọn. Hầu hết người sơn-cước thích đeo những vòng đồng ở cổ, ở cổ tay và chân. Một số bộ lạc ở Pleiku, Kontum có tục cà răng và cang tay nên người Việt thường gọi là "Mọi cà răng cang tay". Họ thực-hiện việc này với tất cả sự đau đớn từ khi trưởng thành cho đến lúc lập gia-đình. Người Sedang còn có tục xăm mình bằng những hình thù muông thú để trừ ma quỷ và có khi còn được coi như bùa hộ-mệnh.



Người sedang

Để tránh nạn rãng bị hư bởi vôi an trầu, người sơn-cước thường nhuộm rãng bằng một thứ thuốc đen và móng tay được đánh đỏ bởi một thứ nhựa của cây Sem rãng. Một số bộ lạc còn quấn khăn quanh đầu hay có khi búi tóc bằng một cái lông chim.

Vì sinh-hoạt theo lối du cư và du canh, nên sinh-hoạt kinh-tế của họ rất đơn giản. Nền kinh-tế, trước hết, có tính cách tự túc và thực hiện việc buôn bán dưới hình-thức đổi chác. Người sơn-cước vẫn không thích tiền giấy mà họ quan niệm như là vật biết bay; (mơ nông thao por) như vậy dễ mất và hết; do đó họ quý trọng những vật thiết thực như trâu bò, chiêng, nồi, ché, lu... Những người khách thương buôn-bán với người sơn-cước vẫn thường kể lại mẩu chuyện sau ghi nhận tính thật thà và ngây ngô của đồng-bào Thượng : "Có một khách thương người Kinh đến một làng Thượng đòi đổi một bầy heo con mới sanh để đổi lấy một cái chiêng bằng đồng. Gia đình người sơn-cước này rất thích cái chiêng và họ bằng lòng đổi lấy bầy heo con. Việc mua bán dưới hình thức đổi chác thực hiện xong, đáng lý người Kinh phải bắt lấy bầy heo con về song người Kinh này nại lý do bận đi xa nên xin gửi lại bầy heo con và hẹn sẽ đến lấy trong vài hôm sau. Sáu tháng sau gã lái buôn Kinh này trở lại "buôn" trên và dẫn bầy heo - bầy giờ không còn là bầy heo con nữa - về và gia đình người sơn-cước này vẫn vui vẻ, chẳng tiếc nuối phần nản gì cả.

Nông-nghiệp - nông-nghiệp chính của người sơn-cước là việc trồng lúa. Nhưng phương-pháp của người sơn-cước áp dụng khác với phương pháp của người Việt sống trong vùng đồng bằng. Để có thể chuẩn bị cấy cấy liên tục trên một ruộng lúa như dẫn thủy nhập-điền, tát nước để có thể mỗi năm trồng được ba mùa lúa như người Việt, người sơn-cước trồng lúa trong những ruộng khô như đốt rừng để làm ruộng. Thường thì cuối mùa mưa (khoảng tháng 11) người sơn-cước phá rừng trên một diện-tích mà họ xét thấy đủ để nuôi sống buôn ấp của họ. Đến tháng 4, họ nổi lửa đốt những cây khô

đã được họ chuẩn bị từ tháng 11 và đám rừng đó âm ỉ cháy trong nhiều ngày. Các cây cối bị đốt cháy thành tro (cendres grises) và rồi những cơn mưa đầu tiên làm cho tro này hòa sâu vào lòng đất. Với một cây gậy vót nhọn đầu, những người phụ nữ đào những lỗ nhỏ và gieo hạt lúa giống vào. Sau đó mưa, nắng tiếp giúp cho lúa này nảy mầm và lớn lên. Thật ra rất ít khi số lúa họ trồng trọt đủ để cung cấp cho họ cho đến mùa sau; và trong những tuần lễ cuối cùng để chuẩn bị cho việc trồng lúa trên những đám ruộng mới, người sơn cước phải ăn măng tre và rễ cây để sống qua ngày. Chúng tôi lấy làm lạ là tại sao người sơn cước không biết lo xa và tiên liệu thì một vị già làng (pholy) cho hay : "sở dĩ họ không dự trữ là vì họ sợ bị những bộ lạc lân cận cướp bóc".

Người sơn-cước có hai loại ruộng mà họ gọi là rẫy và vườn.

Rẫy - có thể làm bất cứ nơi nào và chỉ dùng "để trồng lúa mà thôi và sau khi hết mùa mỡ thì có thể bỏ đi và làm chỗ khác. Một năm họ chỉ làm một mùa vào các tháng mùa còn các tháng khác thì nghỉ ngơi. Đời sống của họ hoàn toàn lệ-thuộc vào thiên-nhiên. Nếu chúng ta quan-niệm con người và thiên-nhiên là hai trường động-lực (terrain d'action) cũng tồn tại, nếu thích-ứng được với thiên nhiên để tạo ra kỹ-thuật, để tạo ra những ảnh hưởng hỗ tương với nhau thì mới mong cải tiến được kỹ-thuật như kỹ-thuật canh-tác chẳng hạn. Người sơn-cước vì lệ thuộc vào thiên-nhiên nên tùy thuộc vào thiên nhiên nếu thời tiết thay đổi bất thường họ có thể gặp những nạn mất mùa, đói kém và sự kiện du canh là hậu-quả tất nhiên của tình-trạng lệ-thuộc này. Thật ra những bộ lạc Jarai, Roglai, Bahnar cũng đã biết làm ruộng theo lối định canh chỉ những sắc dân còn sinh sống ở những vùng núi sâu vẫn còn giữ tục lệ luân canh hay du canh.

Vườn - trồng bắp, khoai, chuối, cam, quýt, cà, ớt... Vườn thường được định canh và được khai thác ở các mé sông, bờ suối là những nơi được đất phù sa do lụt lội bù đắp hàng năm.

Kỹ-nghệ - Về mặt kỹ-nghệ, Cao-nguyên là một vùng đất đai phì nhiêu với những đồn điền cao-su bát ngát, những vườn cà-phê, trà, cam, quýt bao la đó là chưa kể những khu rừng dày gỗ quý. Ở đây, những nguồn điện năng quan-trọng và nhiều nhà địa chất họ còn cho rằng Cao-nguyên tàng ẩn những mỏ quý như sắt, vàng, vôi chưa khai thác. Tuy vậy, mà nền kinh-tế của người sơn cước chỉ xoay quanh vào công cuộc làm rẫy và một vài tiểu công nghệ thô-sơ. Nền kỹ nghệ của đồng bào sơn-cước chỉ nhằm làm những vật dụng để dùng trong nhà như thúng, mủng, guai để đựng hoa quả gạo bắp. Những đồ gốm bằng đất sét, đất này không phải nấu hay đốt trong lò mà phơi khô dưới ánh nắng mặt trời vì vậy rất dễ vỡ. Người sơn-cước rất khéo tay nếu được hướng dẫn họ có thể trở thành những thợ gốm tinh xảo. Người sơn-cước có một nghệ-thuật nhuộm đồ bằng các rễ cây, ví dụ như củ chàm (indigo) họ dùng để nhuộm vải ra màu đen, củ nghệ (safran) họ dùng để nhuộm thành màu vàng. Muốn có vải màu trắng, người sơn cước nhúng vải vào trong nước gạo, nấu sôi trong nhiều tiếng đồng hồ; Nghề rèn cũng là một thủ công nghệ của người sơn-cước. Sắt ở trạng thái nguyên thủy được tìm thấy khắp nơi ở Cao-nguyên, chỉ được một số bộ lạc như Bahnar, Sedang rèn thành đồ dùng như giáo, mác song kỹ-nghệ này rất thô-sơ.

Ở Cao-nguyên, tiền không được dùng đến nên những cái "gong" (chiêng), những nồi đồng, những ché sành, những trống được dùng để đổi chác với lâm sản và nông sản cũng như súc vật : trâu, bò, dê, heo. Đồ vật càng xưa cũ bao nhiêu càng có giá-trị bấy nhiêu. Có lẽ người sơn-cước cho rằng nghệ-thuật hiện đại không có giá-trị có thể đẹp hơn xưa nhưng không thể tinh-vi và quý hóa bằng xưa. Giá của một cái ché bằng đất đỏ cao một thước và xưa chừng hai trăm năm có thể đổi được trên ba mươi con trâu có khi nam mười hay một trăm con trâu. Người sơn-cước rất thích phèn-la và trống, những dụng-cụ này có thể phát ra ba hay nam nhịp điệu, tạo thành một điệu nhạc trầm của đồng bào sơn cước trong những cuộc lễ như đám cưới hay đám ma. Một cái trống có thể trị giá mười lăm con trâu.

Ngoài ra, ta ghi nhận một số nghề-nghiệp sau đây :

- Ngư-nghiệp : cá là món ăn mà người sơn-cước rất thích. Cá rất nhiều trong các khe suối và những con sông chạy dọc biên giới Lào, Miên, Việt hay trong nội-địa các tỉnh Cao-nguyên (sông Dakla, sông Ea). Người sơn-cước bắt cá bằng cách câu cần, nơm cá, tát cá và dậm cá bằng những cái lao (có nạng sắt). thỉnh thoảng họ cũng dùng lưới bắt cá. Cá đánh được nhiều họ ướp cá bằng muối, ớt và đóng chặt lại trong những ống tre đập kín và lấy ra ăn dần dần.

- Chăn nuôi và sản bán : gia-đình người sơn-cước nào cũng có nuôi gia-súc như trâu, bò, heo, gà, dê. Mục-đích trước là để ăn thịt trong những dịp lễ lạc, sau là để làm đơn-vị đổi chác những dụng cụ hay những thực-phẩm cần thiết. Tuy không được tổ chức quy mô như hiện tại với những trung tâm canh mục do chính-quyền tổ chức ngành chăn nuôi có tính cách tự túc cũng rất phát đạt nhờ những đồng cỏ xanh tươi bát ngát. Trước đây những lái buôn thường mang nhiều bò trâu heo từ các tỉnh Phú-Yên, Phú-Bồn về đô thị bán. Phú-Bồn chính là nơi sản xuất trâu bò nổi tiếng ở xứ ta. Ngoài ra sản bán cũng là nguồn lợi-tức đáng kể của người sơn-cước. Để săn thú rừng họ dùng những cái bẫy. Họ rất thành thạo trong việc làm những cái bẫy tùy theo mùa và tùy theo khu-vực. Nếu trong khu-vực cỏ cao họ làm những cái bẫy hổ được ngụy trang dưới những lớp cỏ. Nếu trong các khu rừng rậm họ làm bẫy sập, rừng thưa họ dùng bẫy bằng tên có tẩm thuốc độc. Hầu hết người Thượng đều sợ cọp và voi, họ cho là những linh-vật có thể đe-dọa đến an ninh của họ. Vì vậy họ ít khi săn các loại thú này, thậm chí họ không dám kêu đến tên. Người sơn-cước có biệt tài làm các tên thuốc độc, họ cho rằng chỉ những người phù thủy mới biết được bí mật của hai độc được giết người. Thực ra đó là chất : antiarine lấy từ nhựa cây antiar và chất strophantine lấy từ nhựa cây strophe.

- Dệt vải : Ở Phú-Bồn người Jarai dùng những dụng cụ thô sơ làm bằng tre tương tự như dụng cụ của người Việt dùng ở đồng bằng để dệt những sợi bông thành vải. Chúng tôi đã được thấy những phụ nữ Rhadé dệt các Sà-rông và các tấm thảm thật đẹp. Nghề dệt vải rất thô sơ, họ chỉ cần trồng được bông lấy sợi dệt vải có khi cả mấy tháng mới xong được cái khố, cái yếm, nhưng không sao, chỉ cần có vải là được. Họ không bao giờ bận tâm tới việc cải-tiến kỹ thuật mặc dù vải của họ dùng rất bền chắc và tốt hơn nhiều loại vải sản-xuất tại đô-thị. Thật ra của những cuộc trải nghiệm về việc trồng cây bông vải dưới thời Pháp-thuộc, loại bông ở Phú-Bồn trái to và dài nên năng suất cao hơn hết trong vùng Đông-Dương này. Ngoài đặc tính bền và chắc, những tấm vải mang những màu sắc sỡ nhưng đặc biệt không bị phai màu chứng tỏ nghệ-thuật nhuộm của họ rất tinh vi. Phần lớn người sơn-cước dệt vải để thỏa mãn nhu-cầu gia-đình chứ không nhằm mục-đích thương mại.

- Làm rượu - Nói đến người Thượng là phải nói đến rượu cần và phong tục của họ là uống rượu cho đến khi khách chủ đều thật say. Rượu họ được ủ trong những hủ lớn chứa được vào khoảng 40 đến 50 lít nước và uống bằng những cái cần bằng hóp hay trúc phơi khô do đó mà người ta gọi là rượu cần. Đối với người Thượng rượu uống cần thiết như gạo cơm. Người Rhadé vẫn thường nói :

... Leh mã Jih boh mdié kuê
Truh yôn yân Pnih Bhang

tạm dịch "Mưa to cũng chẳng phải lo
Men vào đầy ché, lúa khô đầy bồ".

Rượu của họ làm rất dễ. Trước hết nấu bấp hay lúa trong một nồi lớn, sau khi chín để cho nguội vừa vừa. Sau đó họ lấy men mà rải lên bấp chín ấy, xong để tại một nơi có không khí ẩm áp để lên men rồi bỏ vào hủ và phủ kín miệng hủ lại. Độ mười hay mười lăm ngày sau là đã có thể

uống được, để uống họ phải pha thêm nước vào, pha mãi cho đến khi rượu lạt mùi mới thôi. Men rượu làm bằng một thứ rễ cây "men", một loại thảo bò trên mặt đất, lá như lá trầu, người Bahnar gọi là "Hiam" người Hré gọi là "Koxi-blo", ngoài ra người Rhadé và Koho còn dùng các thứ cây khác làm men, đó là các thứ cây "Đong". Đong có nhiều thứ : Đong-gak, Đong Me, Đong-Krané, Đong-se-hoa, lá, rễ của các thứ cây Đong này đều dùng được cả. Rễ cây hay hoa men phơi khô, tán nhỏ, trộn với củ riềng hay gừng, có nơi trộn thêm ít ớt là xong. Muốn dùng ngay cứ thế trộn với cơm làm rượu, muốn để dành thì trộn thêm ít bột gạo rồi nắm lại thành nắm đem phơi.

Rượu cần còn được làm bằng kê (vùng sedang) bằng bắp, mì, đậu xanh, bo-bo (vùng Khé, Hré, Bahnar), có nơi làm bằng khoai, chuối v.v... Cách thức làm các thứ rượu sau này cũng giống như làm rượu bằng thóc, cơm như trên.

Tóm lại, từ xưa cho đến nay nghề nghiệp chính của người sơn-cước là làm ruộng và nông sản chính là bắp và lúa. Một năm người sơn-cước chỉ trồng được một mùa lúa vào những tháng mưa, còn bắp thì hai hay ba mùa trong một năm. Lúa đã được thần thánh hóa vì trước khi gieo lúa họ thường làm lễ cầu xin thần lúa "Yang Hri" và khi lúa chín họ cũng làm lễ thông-tri với mục-đích cầu xin cho mùa lúa sang năm. Ngoài nông-nghiệp có tính cách bán khai, người sơn-cước còn sống nhờ vào các lâm sản và các phó sản của rừng núi như mật ong, quế, củ nâu, củ nghệ, phong lan, các loại dược mộc, dược thảo, nhung, nai, mật gấu, da thú, ngà voi...

II.- SINH-HOẠT GIA-ĐÌNH VÀ XÃ-HỘI

Người sơn-cước sống thành đại gia-đình trong những nhà sàn dài, người Sedang và Bahnar gọi là Plei, người Rhadé và Jarai gọi là Buôn. Mỗi làng người sơn-cước đều có

một đình làng kiến trúc to lớn và khang trang có thể phân biệt dễ dàng với các nhà khác, gọi là nhà "Hông" dùng làm nơi hội họp, canh gác, và thanh-niên độc-thân trong buồn nghỉ đêm. Ngoài ra, dân chúng sống trên những nhà sàn cao, cách mặt đất chừng một thước đến hai thước, có nhà dài đến hai mươi thước, trong đó bốn hay năm (có khi nhiều hơn) gia đình sống chung với nhau song mỗi gia-đình đều có bếp nấu ăn riêng biệt, bếp này là bếp trong còn gọi là Tum hay "bếp củ", đây là bếp chính của gia-đình mà người sơn-cước Hré và Cua Trè Bông ở Quảng Ngãi cho rằng có ma trông coi san sóc việc ăn uống, đối nó cho cả gia-đình vì thế mà không một ai ngoài gia-đình được lấy lửa ở bếp này. Con gái đã lấy chồng, khi về nhà cha mẹ cũng không được quyền rời mó cái bếp thiêng liêng này. Bước vào một căn nhà sơn cước, ngôi nhà, chúng ta thấy được phân thành căn, vách ngăn bằng phen tre, mỗi căn chứa mỗi gia-đình, rộng hẹp tùy theo nhân-số của gia-đình, tục gọi là "cửa". Trước mỗi "cửa" đều có một bếp lửa ở đó khách lạ hay quen đều có thể lấy lửa nấu nước, đốt thuốc hay sưởi ấm.

Sở dĩ họ sống riêng biệt là vì họ sợ mắc bệnh "xà rơn" "có nơi gọi là xà-veng", nếu dùng chung chạ hay cầm nắm đồ đạc của nhau. Căn đều rộng rãi dùng để tiếp khách. Nhà sàn cao càng là đặc điểm nhất của lối kiến trúc nhà cửa của người sơn-cước và cũng là chỉ điểm cho những nhà nhân-chủng-học về nguồn gốc và lai lịch của họ. Nhiều bô lão sơn-cước kể lại rằng, xưa kia tổ tiên họ ở vùng đồng bằng nên thường khi lụt lội cuanh nam. Qua những cuộc xâm lăng của Trung-Hoa và Ấn-Độ, các người sơn-cước bây giờ thuộc hai xứ Phù-Nam và Lâm-Áp đã bị dồn lèn lên rừng núi. Lúc ở đồng bằng họ làm nhà cao càng để tránh ngập lụt nên họ vẫn giữ truyền thống đó. Và lại, lối kiến trúc này cũng có lợi tại vùng sơn-cước để tự vệ chống lại rắn, rết và thú dữ. Mặc dầu sống tập thể và hằng ngày chung đụng với nhau nhưng đời sống của họ vẫn được duy trì tốt đẹp và có thể nói các sắc tộc sơn-cước có một tinh-thần đoàn kết và kỷ-luật khá cao. Họ có những tập-tục mà mọi người triệt-để tuân hành

đó là những phong-tục kiên-cử đượ màu huyền bí rất cần-thiết đến vấn đề duy trì ky-luật để bảo vệ nếp sống tập-thể. Người sơn-cước bản tính rất hiếu khách, mỗi lần khách đến thăm nhà là một dịp để họ trưng bày những chiếc mền chiếu tốt nhất cho khách dùng. Cả hai vợ chồng chủ nhà mời khách uống rượu, khi khách uống xong, người vợ tiếp lấy cần để uống lấy may. Cuộc vui kéo dài có khi đến tờ mờ sáng và cho đến khi rượu lạt mùi mới thôi.

- Y-phục và an uống - Đàn ông Thượng mang khố và đàn bà vận một chiếc váy bằng vải thô tự dệt lấy. Họ ở trên bết chấp đêm ngày và thời tiết. Đêm lạnh chỉ có một chiếc khăn vải đen nửa để lót dưới và nửa để đắp trên. Ngày lễ, họ mặc lễ phục khố hoa, áo dệt, váy dệt nhiều màu sắc sỡ. Người sơn-cước dùng tay bốc đồ ăn chứ không dùng đũa. Mỗi khi mời ăn, họ thường nếm trước rồi mới trao lại cho khách dùng, chúng tỏ món ăn ngon lành không có thuốc độc. Nếu khách từ chối không ăn, họ rất buồn và mất ngay cảm tình với khách. Những món ăn mà người chủ nhà đem biếu, nếu không ăn, phải tìm cách từ chối khéo léo, nhất là không nên khạc nhổ trước mặt họ. Khi họ mời uống rượu cần, uống xong phải trao cần lại cho họ và khi họ uống ta nên chế nước vào ghè của họ. Trước một số nhà của người sơn-cước chúng ta thấy họ gắn những lá bánh tét đó là cách tính tuổi của họ theo lá bánh tét, mỗi năm an Tết, họ dán lá bánh lại trước nhà.

- An Tết - Tết của người sơn-cước không có ngày nhất định tuy nhiên thường thường người sơn-cước an Tết trong vòng tháng giêng âm-lịch nghĩa là cũng vào mùa Xuân như người Kinh. Làng nào có tiền thì an Tết trước, theo lệnh của già làng. Tết của người sơn-cước mang nặng tính chất nông-nghiệp. Sác dân Koho ở vùng Đồng Nai Thượng dùng chữ "Lir Bong" để chỉ ngày Tết, nó có nghĩa là tránh lại những gùi đựng thóc. Nam mới đối với họ còn là sự bắt đầu xuất-hiện những hạt lúa mới. Đến tháng thứ hai gặt xong, thóc lúa được đổ vào kho và sang tháng thứ tư hoặc thứ năm thì

lại bắt tay vào việc xới đất, gieo hạt để sửa soạn cho một mùa khác. Tết "Lir-Bong" nhằm vào giữa khoảng mùa gặt và thời kỳ gieo hạt ngụ ý chỉ sự phục-sinh qua thời-gian. Cũng vì thế nghi lễ của ngày Tết phải khởi sự từ chập tối và kéo dài một hai đêm một ngày để kết thúc vào trưa hôm sau nữa. Tùy từng Buôn, người sơn-cước ăn Tết trong khoảng từ cuối tháng 01 đến đầu tháng 4 âm-lịch. Quá thời hạn đó không nhà nào ăn mừng năm mới nữa. Trước khi chúng ta tìm hiểu việc tổ chức ngày Tết ra sao, chúng ta cũng nên biết rằng mỗi sắc dân sơn-cước gọi ngày Tết bằng một tên riêng tuy nhiên mục-đích và lễ lối tổ-chức đại để gần giống nhau.

- . Sắc dân Bru, Katu ở vùng Quảng-Trị, Thừa-Thiên, Quảng-Tín, Quảng-Ngãi gọi là "Lễ A-Dze".
- . Sắc dân Cua, Hré ở Quảng-Ngãi gọi là "lễ mừng lúa"
- . Sắc dân Bonam vùng An lão Bình-Định thì gọi là "lễ đâm trâu xây cột".
- . Sắc dân Bahnar-Krem gọi là "Lễ đổ dầu năm".
- . Sắc dân Hroi và Hroi tại Bình-Định và Phú-Yên thì gọi là "Lễ đầu năm".
- . Người Bahnar Roh, Tolo, Alakong gọi là "Lễ Tạ mã".
- . Người Sedang, Dié gọi là "Tết giọt nước"
- . Người Jarai gọi là "Tết Bong Tơ-Kuh-Thun"
- . Người Rhadé gọi là "Lễ Estrat (lễ cuối mùa) và Tết Soi-yang-Choroh"
- . Người Koho gọi là Tết Lir-Bong (mừng lúa về)
- . Người Roglai gọi là "Lễ An Bù"
- . Người Stieng gọi là "Lễ an mừng lúa trụng".

Như vậy, Tết Cao-nguyên kéo dài từ tháng mười một chạp âm lịch năm trước đến hai, ba âm lịch năm sau tương tự như Việt-Nam thuở xưa tháng giêng, hai, ba, suốt một mùa Xuân là mùa ăn chơi, hội hè, đình đám.

Tết của người sơn-cước kéo dài khoảng ba ngày trở lại và mang tính chất gia-đình như người Việt-Nam. Trước hết ngày Tết là ngày vui mừng của một mùa gặt lúa hay một năm làm việc ; Tết coi là một việc để anh em bè bạn quây-quần và để tưởng nhớ đến tổ-tiên. Đối với người sơn-cước, thóc là nhu-phẩm quan-trọng, nên kho thóc được dùng làm nơi cử hành lễ Tết. Gia chủ phải dọn dẹp sạch sẽ kho thóc và trải một chiếc chiếu mới tại đây cho khách ngồi. Một ché rượu cần được cột chặt vào một cọc gỗ, người vợ lo cơm nước để đãi họ hàng, chú rể có nhiệm-vụ giết heo và thui vàng và bộ lòng heo được dành riêng để cúng vong linh tổ tiên. Lễ Tết khởi sự vào lúc nhá nhem tối, chủ nhà và mọi người cùng bắt đầu cầu khẩn với nhau. Họ kêu gọi các thần linh chứng kiến và mời về tham dự, trên chiếc chiếu hoa là mâm lòng còn tươi và một ché rượu, gia chủ tay cầm cần rượu mắt ngược lên không :

Ô yang
Hê Nyu Lir Bong
Lot Nyu mo hê
Chut Kôbo
Bo Kôlon
Kon K'me...
Srê nha
Ja ntang
Koe Rôkuang
Koe Rohon
Dil mo khai ritai mo hê..."

Tạm dịch : Ôi các thần linh
Xin quý ngài về chứng kiến
Cơm rượu đây
Gỗ đá đây
Lúa của mẹ !
Chúng ta hãy uống mừng ngày Tết
Lúa ngập đầy ruộng
Rơm tràn tới nóc
Hạt lúa to
Hạt lúa mịn
Xin vào nhà tôi..."

những câu khẩn vái không ngoài mục-đích cầu xin lòng thương của thần cho trúng mùa sang năm. Sau đó, gia-chủ trao chén rượu theo thứ bậc tôn kính của mỗi người, kế tiếp cùng những người trong gia-đình họ lên vừa lúa, tay cầm một con gà, cắt cổ cho máu giọt lên trên thóc theo tục lệ. Đến hùng đồng cuộc vui lại bùng dậy bên những chén rượu cần. Sau đó khách khứa ra về mỗi người mang theo mình một gói xôi làm thức, và rồi vài hôm sau, cuộc ăn mừng ngày Tết lại tiếp tục ở mỗi gia đình khác cứ thế cho đến hết mùa Xuân và mở đầu cho mùa gặt mới. Ngoài lễ tổ-chức lần lượt của từng gia-đình gọi là "Lir Bong", một số bộ lạc tại Pleiku-Kontum còn có lễ an đầu nam tương tự như Tết nguyên đán của người Kinh. Toàn dân trong làng cùng tổ chức lễ này để đánh dấu một năm trôi qua và những ngày mới bắt đầu. Người sơn cước gọi là lễ "Bong-Tơ-Kuh-Thun" được cử hành sau lễ "Trun-Bong" hay "Lir Bong". Để tổ chức lễ này, mỗi gia đình đóng góp cho vị chủ làng tùy theo nghèo giàu tiền của để vị chủ làng mua trâu. Chủ làng cắt người làm cây nêu, giàn cúng và cộc giết trâu ở trước sân nhà Rông. Sau khi chuẩn bị xong, chủ làng ấn định ngày lễ, tất cả dân chúng trong Buôn đều được thông báo và phải tụ tập đầy đủ dù làm an đầu đầu ! Chủ làng phải mời pháp sư hay phù thủy đến chủ tọa buổi lễ và mời quan khách đến tham dự. Bạn hữu, thân thuộc các Buôn áp khác cũng có thể được mời đến chung dự. Cuộc vui kéo dài đến suốt sáng thì đến lễ an đầu tức là an đầu trâu. Lễ này là lễ hậu của tết Bong-tơ-Kuh-Thun dùng để đãi những người đi xa không kịp về vào ngày chính lễ và những khách tới muộn. Sau lễ an đầu là những ngày cứ kéo dài cả tuần lễ : cửa làng được khép chặt không có kẻ vào người ra. Sau đó đồng bào sơn cước còn tổ chức, theo phong tục, lễ chạp mà gọi là lễ "Hua Pơ sat hay Pơ-Thi" tương tự như lễ tạ mộ trong tiết Thanh minh của người Việt ở đồng bằng. Ở đây, mỗi năm do một gia-đình có người chết trước đứng ra tổ chức với sự tham-dự của toàn thể dân làng...

- Cưới hỏi : Trong hầu hết các bộ lạc sơn-cước tại Cao-nguyên miền Nam (Sedang, Jarai, Rengao...) những thanh niên đến tuổi trưởng-thành ban đêm phải ngủ ở một nơi riêng-

như chúng ta đã biết - gọi là nhà Rông - mục đích của phong tục này là để giữ an-ninh cho làng song thực ra là để ngăn ngừa những sự giao-du thân-mật giữa thanh-niên thiếu nữ trước khi lập gia-đình. Theo giáo sư Baudesson thì người sơn-cước hình như không lưu ý đến trình tiết của người phụ-nữ, nhiều người con gái chửa hoang cho rằng đây là triệu-chứng có thể truyền giống được. Cũng như người Việt trước đây, sự không có con là một cố để xin ly dị.

Hôn-nhân là việc hợp-thức một sự sống chung đã lâu, nhiều khi đã có nhiều đứa con rồi, người ta mới nghĩ đến làm lễ kết hôn. Những vụ hôn-nhân thường thường là giữa những cá-nhân cùng một nhóm, hình như tất cả những cư dân cùng một Buôn đều là bà con. Chúng ta thấy "những cuộc hôn nhân giữa những anh em bên mẹ đều ngăn cấm vì người sơn-cước quan-niệm rằng phần của người Mẹ trong sự di-truyền quan-trọng hơn phần của người Cha" (46). Thật ra thì việc hôn-nhân giữa các nhóm hay giữa các sán dân khác nhau đều dựa trên nguyên-tắc vật tổ của người sơn-cước. Vì vậy, phong-tục của họ ngăn cấm sự hôn-nhân giữa đàn ông và đàn bà cùng chung một vật tổ và do đó coi như chung một giòng họ (47). Tại Cao-nguyên, chế-độ độc thê được áp-dụng và có lệ bắt nguồn từ chỗ trai thừa gái thiếu vì lẽ người con trai lúc thiếu thời mạnh khỏe hơn người con gái, có thể con trai chịu đựng được sương gió và bệnh hoạn nên tỷ lệ tử tuất thấp hơn phái nữ. Ngoài ra, sự nghèo khổ cũng là một trở ngại cho người sơn-cước muốn có nhiều vợ. Giá trị của người đàn bà thay đổi tùy theo tuổi, điều kiện xã-hội và khu vực y thị ở. Thường thường người con gái được chồng mua lúc còn ở với cha mẹ mình, nếu người chồng tương lai không tậu đủ lễ vật cần thiết, đương sự phải đền bù bằng sức lao-động của mình. Thời gian này gọi là thời gian ở rể, lâu mau

(46) Les unions entre cousins germains par les femmes étaient interdites. Ils en concluent que l'apport de la mère dans l'héritage est considéré par les indigènes comme plus considérable que l'apport du père. P. 37. Chez les Moïs Baudesson. Paris 1932.

(47) Le système magico-religieux qu'on nomme totémisme est basé sur la croyance à un lien de parenté entre un groupe d'hommes d'une part, et de l'autre, une espèce d'animaux considérés comme protecteurs (totems). Chez les moïs - Baudesson. Paris 1932.

tùy từng bộ lạc ấn định. Việc từ hôn phải bị bồi thường được bên nhà gái ấn định trước : một vài con trâu hay heo. Phong tục này ở đồng bằng cũng áp dụng như tục lệ từ hôn phải bị bồi thường và tục lệ gửi rể. Có nơi lễ đính hôn được hình dung bằng sự kiện vị hôn phu cào vào má của hôn-thê, sự kiện này cũng có thể coi như sự ký nhận một cam kết (hôn ước). Trong những bộ lạc sơn-cước, người phụ nữ có địa-vị quan trọng trong gia-đình. Ở ngoài, lúc di chuyển, người đàn bà bao giờ cũng đi trước người đàn ông. Trong nhà, người vợ luôn luôn được hỏi ý kiến về những vấn-đề quan-trọng. Tất cả những công việc nặng nhọc người đàn bà đều gánh chịu như giã lúa, gieo giống, gặt lúa...

Sự chung thủy của người đàn bà đáng cho ta để ý, những người sơn-cước đã có chồng luôn luôn từ chối những món quà của người khác. Họ thường từ chối là "Báo" (tôi đã có chồng).

Tùy theo chế-độ mẫu hệ hay phụ hệ, mỗi tập tục cưới xin mỗi khác. Bộ lạc Bahnar, Sedang theo phụ hệ và người cha làm trưởng gia-đình. Khi cha chết của cái phần lớn được chia cho các con trai, nhưng người đàn bà cũng được hưởng một phần gia-tài nhỏ. Trong các bộ lạc này, quyền hạn của người cha không là tuyệt đối vì người anh ruột của vợ có quyền khuyên bảo và có thể kiểm soát sự chia của cái cho các em. Theo phong-tục của chế-độ phụ hệ, người con gái đến ở nhà bố mẹ chồng như phong-tục làm dâu của người Việt song cũng có khi trước khi mang vợ về nhà cha mẹ mình, người con trai phải đến ở gửi rể ở nhà bố mẹ vợ trong một thời gian.

Các bộ lạc Jarai, Rhadé theo chế-độ mẫu-hệ. Theo chế-độ này, sau khi cưới xong, người con trai phải về ở bên nhà vợ và lo công việc nhà vợ. Con gái theo đang bố mẹ và có của cái riêng biệt. Với chế-độ mẫu hệ, người đàn bà là gốc của gia-đình : tất cả các của cái của gia-đình sẽ chia cho các con gái. Trong hệ-thống mẫu hệ, người con trai

cũng được hưởng một phần nhỏ gia-tài. Khi cha mẹ chết, các con gái (quyền ưu tiên dành cho các con gái lớn trong gia-đình) hưởng phần lớn những ruộng đất và trâu bò còn con trai được một hay vài mảnh đất tùy theo gia-sản lớn hay nhỏ. Khi người vợ chết, các con ở lại với gia-đình của người Mẹ, còn người chồng phải trở về với gia-đình của mình, được mang theo của riêng của mình. Có khi gia-đình người vợ cũng cho một ít của để đền bù công lao của người chồng. Có khi vợ chết còn để lại con còn nhỏ tuổi, người chồng phải đem về gia-đình mình nuôi cho đến lớn rồi đem trả lại gia-đình của vợ. Nếu phải tục-huyền, y phải chọn chị em hay bà con cùng huyết thống với vợ cũ. Nếu gia-đình người vợ không còn ai để kết hôn với mình, người chồng mới được về nhà cha mẹ đẻ. Chế-độ mẫu hệ nói đây của người Jarai, Rha-dé mang nhiều sắc-thái đặc biệt nếu cắt nghĩa theo như chữ matriarcat, matriarchy của Pháp, Anh theo ngữ nguyên có nghĩa là đàn bà lãnh đạo (femme chef) thì không đúng vì trong chế-độ mẫu hệ này, người đàn bà sơn-cước vẫn đóng vai chủ động trong gia-đình cũng như chính hôn-nhận. Tuy rằng con cái mang giòng họ Mẹ nhưng trên thực-tế các tù trưởng nhất là các phiên vương Hòa xá và Thủy-xá trước đây đều là nam phái. Xã-hội Rha-dé và Jarai vẫn trọng nam và coi thường nữ-nhi thì chế-độ mẫu-hệ không thể là chế-độ matriarcat mà phải gọi là "chế-độ theo dòng họ Mẹ" "matrilinéarité" hay "phong-tục ở bên gia-đình Mẹ" "Matrilocation" hay phong-tục lấy họ Mẹ (metronymie). Quan điểm này là quan-điểm của linh mục J. Lournes ở Phú-Bồn rất phù-hợp với thực-trạng. Tập tục mẫu hệ này cũng mang đặc tính tương tự như tập tục của xã-hội Việt-Nam dưới đời Hồng-Bàng. Qua sự tích "con rồng cháu Tiên" chúng ta thấy rằng nước Việt-Nam ngày xưa cũng sống dưới chế-độ mẫu hệ vì Sùng-Lãm đã xưng đế là Lạc Long Quân và đã tự xác nhận mình là giống Rồng vì mẹ của Sùng-Lãm là Long Nữ như vậy đã tự thừa nhận mang họ mẹ của mình. Trên thực tế, hiện tại, người đàn ông sơn-cước vẫn đóng vai trò chủ động trong việc hôn-nhận. Họ vẫn đi kiếm vợ và hỏi vợ và khi đã yêu thương một cô gái nào thì chính người con trai xin cha mẹ người con gái làm lễ hứa hôn. Lễ hứa hôn được biểu hiệu qua hình thức lễ đeo vòng tay mà

người Jerei gọi là lễ "Binh Kong" theo nghi thức trao đổi vòng tay giữa trai và gái. Sau lễ này khoảng hai tháng đến một năm là đến lễ cưới và chính trong lễ cưới này nhà gái đi rước rể. Nhà gái phải tụ họp họ hàng đem theo cung ná thương để tượng trưng cho chí nam nhi của người trai và từ nhà rể họ cử hành lễ "Pơ-tui" đưa xuống tức là "rước rể". Người cầm thương đi trước rồi tới người cầm cung ná đao theo sau, rồi tiếp đến người rể mặc dân phục có phù rể để giúp tên lang. Khi đến nhà gái, sau vài lời cảm kết giữa hai họ thì lễ cưới bắt đầu, ăn uống tung bừng tùy theo gia thế giàu nghèo. Của hồi môn thì nhà gái phải cho nhà trai như sau : 1 áo, 1 yếm, 1 khố thuộc lễ phục của họ, vòng tay bằng đồng, sau đó hai vợ chồng ở nhà vợ cho đến khi sanh con thì lấy họ Mẹ và có thể ra riêng lập gia-đình mới. Tập tục ở nhà vợ phải chăng cũng là một điều nói lên sự trùng hợp với tục gửi rể thường xảy ra trong xã-hội Việt-Nam.

- Sinh đẻ.-Khắp nơi sự sinh hạ một đứa bé là một việc vui mừng của gia-đình và buôn ấp. Trong dịp này, mọi cuộc thăm viếng làng của người lạ đều bị cấm chỉ vì họ sợ ma quỷ đến khuấy phá. Tùy từng vùng sự kiêng cử này gọi là tabou, dieng, kalam.

Thường thường, họ làm một cái chòi đặc biệt ngoài làng cho người sản-phụ ở cử. Trên đỉnh chòi có cột một nhánh bưởi và một cục than làm dấu hiệu cho mọi người biết địa-điểm của nơi sản-phụ ở. Tất cả những người dân trong làng tụ họp ở một nơi cho đến khi có tin đứa bé ra đời. Tại căn chòi, những bà con thân thuộc đến để giúp đỡ sản-phụ. Sản phụ được ngồi thẳng, lưng dựa vào đầu gối của một trong những người đỡ đẻ. Bà Mẹ, tay cầm một bao tử cạp phơi khô vuốt dần từ trên ngực xuống bụng sản phụ cho đến khi đứa bé ra đời. Hai nhi được tắm bằng nước sắc bởi hoa mít và xoa khắp mình dầu dừa. Giây rún của đứa bé được họ cắt bằng một thanh tre vót mỏng như lưỡi dao cạo và sau đó được buộc chặt bởi một thứ giây đay hay gai nhỏ sợi. Nhau được chôn

cát cẩn thận ngay nơi chỗ sản-phụ sanh đẻ. Những lễ nghi này cũng tương-tự như lễ nghi ở đồng bằng Việt-Nam. Người Bushongos ở Congo Belge, Phi-Châu, người sản-phụ cũng ngồi đẻ sanh. Người Thổ ở Bắc-Việt thì đặc biệt hơn, sản-phụ đứng hai tay nắm chặt lấy hai sợi giây được luồn qua nách.

Sau khi sanh, người sản-phụ sơn-cước được đặt nằm trên một cái giường bằng gỗ hay chông tre được kê lên cao, dưới giường suốt ngày đêm một lò than nóng ấm ủ cháy. Phương pháp này nhằm mục-dịch làm ấm áp can chồi và khói than dùng để khử trùng. Mười hay mười lăm ngày sau khi đứa bé ra đời, người mẹ bắt đầu làm việc trở lại. Đứa bé được đặt trong một cái đay nhỏ mà người mẹ cột vào thắt lưng và hai vai (kiểu ấm con của người Tàu). Khi đứa bé được hai tuổi, người sơn-cước mới làm lễ đặt tên cho nó. Hầu hết người Thượng cho rằng việc đặt tên rất quan-trọng cho tương-lai của đứa bé và cần phải được thần-linh chấp-nhận. Để cử hành lễ này, gia-đình đứa bé phải đi mời vị phù thủy đến. Vị này trình với thần linh tên của đứa trẻ theo sự nhắc nhở của bà mẹ. Ví dụ như : Sóc cho con trai, chuột cho con gái, đó là những tên rất thịnh-hành; Người ta mang ra một chén đầy gạo, vị phù thủy lấy trong chén ra từng hai hột gạo một cho đến khi còn chén không; nếu cuối cùng chỉ còn có một hột thì vị phù thủy phải làm lại cho đến khi nào lần chót chỉ còn hai hột.

Khi đứa trẻ đủ sức chịu đựng một gánh nặng vừa phải, nó sẽ mang trên lưng một cái gùi. Nhiều nơi đứa bé phải cạo trọc chỉ để lại một mái tóc trên đỉnh đầu và ở trần truồng cho đến 5, 6 tuổi.

- Tang lễ.- Mỗi khi có người chết thì trong Buôn chiêng đánh liên hồi để báo tin cho mọi người biết. Tất cả dân chúng trong làng đều nghỉ việc để về làng lo việc mai táng. Người chết được quản tại nhà từ hai đến ba hôm : họ không tấn liệm như người Kinh. Tất cả nam phụ lão ấu trong

làng tu họp làm lễ cúng, giết trâu bò heo, gà, rượu chè linh đình mãi cho đến khi xác chết sinh lên họ mới đem chôn cất. Quan tài làm bằng một khúc cây lớn, đục trống ở giữa để tạt huyết, đến ngày chôn mới đem xác ra bỏ vào hòm cùng với quần áo và vật dụng của người chết rồi để xuống huyết lấp đất lên. Sau khi chôn cất xong, gia-đình thường phải đem cơm nước đến cúng cho đến khi nào có lễ bỏ mả mới thôi. Lễ bỏ mả tổ-chức sau thời gian nhiều hay ít năm tùy theo gia chủ giàu hay nghèo.

Người sơn-cước cũng có tục lệ để tang cho người chết như đồng bào Kinh, nhưng họ bỏ tóc, bỏ khăn không quấn, ngoại trừ khi người vợ có chồng chết phải cắt tóc ngắn ở vậy thủ tiết thờ chồng cho đến khi làm lễ bỏ mả người vợ mới được tái giá. Cha mẹ chết, quyền thừa-tự tùy sắc-tộc theo chế-độ phụ-hệ hay mẫu hệ, con gái hay con trai được hưởng. Điểm đặc biệt là đám ma của trẻ con được tổ chức linh đình hơn đám ma người lớn và họ chia của làm hai cho đứa trẻ chết mang theo.

Trên phương-diện xã-hội, người sơn-cước rất gần phong-tục của người Lào. Những bộ lạc sơn-cước ở phía Tây Bắc phần lớn đều bị các lân bang cai-trị, riêng những bộ-lạc sơn-cước ở phía Nam, giáp giới Việt-Nam đều được tự-trị hay độc-lập. Vì vậy mà chúng ta thấy người sơn-cước miền Nam vẫn còn giữ những định chế cổ-truyền.

Đơn-vị hành-chánh căn-bản là làng, tạo thành một thứ cộng hòa mà người Thủ-lãnh được dân làng bầu lên. Sự chọn lựa được đặt vào những cá-nhân được dân trong làng coi như những người có quyền-lực vật-chất cũng như tinh-thần. Quyền hành của người thủ-lãnh được chấm dứt khi người này qua đời và không thể truyền kế lại cho ai.

Nhiều khi những sự liên hệ hôn-nhân hay những tập thể cùng chung một quyền lợi, một số tập quán chung hay ngôn ngữ chung kết hợp nhiều làng với nhau thành một làng

lớn. Từ cái làng lớn đó, bộ lạc xuất hiện và nhu-cầu tồn tại bó buộc những phần-tử cùng một bộ lạc kết hôn với nhau. Như vậy bộ lạc có thể gồm một số nhóm (sous-tribus) và dưới các nhóm có những đơn-vị buôn, plei, sóc, bản hay làng.

Chúng ta thấy rằng xưa kia, chủng-tộc Aryenne là một chủng-tộc du-mục, nhân danh tập-thể, chủng tộc này chiếm ngự một số diện-tích đất đai để nuôi gia-súc và sinh sống. Khi họ đã cư-trú một chỗ hay định-cư để khai-thác, tài-sản không còn gì là tài-sản chung nữa là vì sự gia-tăng của dân số, của diện tích chăn nuôi, trồng trọt, hình thức tài sản tư-hữu gia-đình và cá-nhân đã dần dần xuất hiện. Hiện tại, Le Mir (russe), La Dessa (Javanaise), la Zadruga (Bulgare) là những di vết của chế-độ sơ khai này về tài-sản đất đai của tập thể. Nếu chúng ta nhận xét kỹ, chúng ta thấy tại cao-nguyên có ba hình-thức tư hữu, tập-thể, gia-đình và cá-nhân. Sự chi-phối của tập quán và luật-lệ nặng nhẹ tùy thuộc vào từng phạm-vi một.

Hình thức tài-sản tập thể, thể-hiện bởi sự kiện-toàn dân khai thác chung một diện-tích đất đai vừa đủ để nuôi sống tập thể (làng, buôn, plei...) đó là những chiến-lợi phẩm do chiến-tranh hay săn bắn những mùa màng gặt hái được. Khi chưa phân chia, các tài sản trên là công hữu tài sản. Tài sản này được chia đều cho những người thụ-hưởng và bình đẳng tuyệt đối trong việc phân chia. Chủ làng hay thủ lĩnh dành một phần, cộng thêm phần của mình, dành để lo tế lễ và đãi đằng người lạ đến làng.

- Hình thức tài sản gia-đình được thể-hiện bởi sự kiện mỗi gia-đình có một nơi cư trú riêng biệt và những dụng-cụ trong nhà. Thực vậy, một gia-đình có nhiều con gái lớn sẽ giàu hơn những gia-đình khác vì có con cái có thể làm gia-tăng ngân-quỹ gia-đình bằng cách dệt vải, đan các dụng-cụ bằng tre, làm những đồ gốm bằng đất phơi khô.

- Hình thức tài-sản cá nhân - Ngay trong đơn-vị gia-dình, những cá nhân tùy nam, nữ có những đồ dùng riêng biệt của mình. Con gái thì có những đồ trang-sức hay các tư-trang, con trai thì có những vũ khí cá nhân như giáo, mác, cung nỏ, ống điếu... Ngoài ra, tất cả các cá-nhân trong tập thể đều được chia đồng đều một phần thực-phẩm. Đôi khi, người tiết kiệm đem cho người ít tiết kiệm vay mượn phần ăn của mình. Trong trường-hợp người mượn không trả được nợ thì chính họ, hay vợ con họ, trở thành tài sản của chủ nợ. Con nợ trở thành nô-lệ, vì những món nợ của mình hay có khi thành tội tố suốt đời. Ở vùng đồng bằng, tập tục đi ở trừ nợ thường xảy ra song sự kiện này đánh dấu một trình-độ (stade) của văn minh. Thật vậy ở trong tình-trạng bán khai, lệ này rất thường xảy ra. Chế-độ buôn người trước đây cũng có tại cao-nguyên bắt nguồn từ chỗ bán thân để trừ nợ nay đã chấm dứt. Dù du cư hay du canh, người sơn-cước vẫn có quan-niệm về quyền sở hữu đất đai của cá nhân (gia-dình và bộ lạc. Thật ra là các tranh-chấp đất đai xưa kia đã là nguyên nhân của cuộc chiến-tranh giữa các bộ lạc sơn-cước. Người Bahnar đã từng bị các bộ lạc kế cận là Sedang và Jarai lấn đất. Con sông Shéepok là trường thành ngăn chặn bước xâm lăng của các bộ lạc khác tại địa phận của người M'ning. Mỗi Plei, buôn đều có ranh giới xác định rõ rệt của người Pacoh gọi là Cruang, Bahnar gọi là Toring và Sedang gọi là Cheam-Beng. Các sinh hoạt của dân Buôn nào chỉ giới hạn trong phạm-vi ranh giới của buôn mình.

"Mỗi buôn có người cai quản đất đai, người Rhadé gọi là Polan, người Sré gọi là Tom-Bri, người Dié gọi là Sal-Ja, người Churu gọi là Poa... Chế-độ Polan của người Rhadé là một chế-độ đặc-biệt. Mỗi Polan có thêm quyền trên một ranh giới. Trong vùng có thể chỉ có 1 buôn hay nhiều buôn. Hàng năm, dân trong vùng phải đóng góp heo, gà, rượu để Polan cúng yàng cầu mưa thuận gió hòa. Ngoài ra, dân trong vùng nếu ai vi phạm phong-tục phải nộp vạ cho Polan làm lễ cúng rửa đất xin yàng đừng giáng tai-họa xuống dân làng. Lâu lâu Polan đi quan sát ranh giới đất-đai, khi chết Polan truyền chức lại cho thừa kế là người con gái lớn,

trường hợp không có con gái mới truyền chức lại con trai. Vai trò Polan hiện nay nhiều nơi không còn tôn trọng nữa, nhưng theo đà tiến-bộ ý thức về quyền sở hữu đất đai của người sơn-cước thể hiện rất rõ rệt"(48).

Khi chuyển nhượng đất đai, người mua phải làm lễ mời nhân chứng là những người già, những trai trẻ, và trẻ con đến chứng-kiến việc mua bán khu đất đó. Vì vậy, mặc dù không có bằng khoán văn tự nhưng mọi người đều tôn trọng quyền sở hữu của nhau.

Luật pháp - Chúng ta có thể ghi nhận rằng công lý ở vùng sơn cước rất thực-tế có lẽ là vì đời sống vất vả và bản chất bán khai của họ. Đó là một nền công-lý thực-dụng justice utilitaire. Thực dụng và khách quan là hệ-thống đạo đức của họ. Người sơn-cước không nhận-định một hành-vi tốt hay xấu mà là hành vi đó hại hay lợi cho tập-thể và cá-nhân. Việc trừng phạt những tội hại cho tập-thể nặng nề hơn tội hại chỉ cho cá-nhân. Trong hệ thống tư tưởng đó, tất cả hành vi làm thiệt-hại đời sống tập thể sẽ bị nghiêm phạt coi như là một trường-hợp gia-trọng (circonstance aggravante).

Do đó, một hành vi ăn cắp gạo trong cái vựa lúa của làng sẽ bị xem như một trọng tội vì đó là căn bản của sự sinh tồn của tập thể song le việc ăn cắp gạo của một cá-nhân chỉ coi như một khinh tội và chỉ bị phạt nhẹ bởi vì hành vi này không ảnh hưởng gì đến tập thể.

Sự thẩm định nặng nhẹ của các vi-phạm cùng ấn định hình phạt đều do phong-tục truyền khẩu và thường thường là do các vị phù thủy ấn định. Tại một số bộ lạc mặc dù phong tục đã quy định hình phạt cho từng tội trạng song mọi người đều có quyền tham-gia xét xử, do đó mức quy-định của phong tục còn được các phù thủy hay già làng xét định lại, giảm khinh hay tăng gia. Các phong-tục này trong thời Pháp-thuộc được sưu chép lại như :

(48) Đồng bộ các sắc tộc thiểu số Việt-Nam. Nguyễn-trắc-Dĩ trang 69. Bộ Phát-triển sắc tộc ấn hành 1970.



Phu-nũ Thương

bộ luật Biduê của người Rhadé
bộ luật Nri của người Sré
hay tập quán pháp của người Stieng

và người Pháp còn tổ chức tại vùng sơn-cước những tòa án phong tục hình thức tổ-chức tương-tự như tòa án thường song các vị thẩm phán cũng như phụ-thẩm đều là người sơn-cước để xét xử những tranh chấp giữa đồng bào sơn-cước. Tất cả các bộ luật trên đều gồm hầu hết những cách ngôn, tục ngữ, kèm những hình phạt dành cho kẻ vi-phạm. Khi xử án, chánh án chỉ việc đọc lên những câu ca đó và chiếu hình phạt đã dự trù để tuyên án.

Bộ luật Biduê trang 152, trừng phạt tội hiếp dâm "thấy muối muốn ăn, thấy ngựa muốn cỡi, thấy con gái hay đàn bà giàu muốn hiếp nó vô cố, nếu hiếp một người nghèo phải trả một con heo, nếu hiếp một người con gái hay đàn bà giàu phải trả một con trâu".

Bộ luật Nri trang 37 trừng trị tội dâm ô bằng cách phạt vạ ó cái phèng lẹ.

Phần lớn hình phạt tù ít được quy-định chỉ ấn định các hình thức phạt vạ.

Trong một vài bộ lạc, tội ngoại tình không được coi như một tội phạm nếu người vi-phạm là bà con của chồng mình. Trái lại bộ luật Biduê trong điều 6 chương I và chương V điều 24/118 có ấn định tội chiếm đoạt chồng vợ người khác. Tuy nhiên, hầu hết các bộ lạc sơn cước đều nhìn nhận rằng để cảm dỗ người, người đàn ông đã lợi dụng lúc người chồng vắng mặt như đi chinh chiến hay săn bắn, việc vi phạm trong những trường hợp này mới bị nghiêm phạt. Theo tập-quán cổ truyền của người sơn-cước, mỗi khi có việc tố tụng, cả hai bên nguyên bị đưa nhau đến các vị chủ làng, thầy cúng hay các vị thân hào am hiểu có tục xét xử. Luật là những bài ca-deo truyền khẩu, người xử án chiếu theo những hình phạt

đã được kể trong ca-dao mà tuyên-án. Ca dao tục ngữ biểu trưng cho luật pháp tập quán của người sơn-cước được một số người Pháp trước đây sưu tầm soạn thành sách. Bộ luật Bi-dué của sắc dân Rhadé do công sứ Sabetier sưu tập. Bộ luật Nri của người Sré và tập quán pháp được soạn thảo theo thể-thức sưu tầm các tục lệ của đồng bào sơn-cước Stieng miền Đông Nam phần. Việc xét xử những nghi án Ma lai được xử theo những tục lệ đặc biệt và thông dụng nhất là : tục lặn nước, tục nhai gạo và tục đổ chì.

Tục lặn nước - nguyên cáo và bị cáo sau khi đã cúng trời đất, hai bên đồng ý đưa nhau đến một chiếc ao hay con suối nào đó rồi cùng lặn một lượt dưới sự chứng kiến của các vị thân hào nhân sĩ và dân chúng. Ai trồi lên trước là thua kiện.

Tục nhai gạo - bị cáo cho gạo vào mồm nhai nhỏ rồi nhổ ra nếu còn gạo trong miệng là bị thua kiện.

Tục đổ chì - chì được nung cho chảy, tay bị cáo được lót bằng nhiều lớp lá, nếu chì đổ lên mà chảy qua những lớp lá làm phỏng tay bị cáo hoặc chì quặn quanh bàn tay là bị thua kiện.

Sự tin tưởng an sâu vào tâm hồn người sơn-cước do đó việc xét xử và lên án theo tập quán đều được cả hai bên nguyên bị hài lòng dù bị oan ức. Trước khi Pháp-thuộc, tòa án thường thụ lý các tranh chấp giữa người sơn cước và người Việt hay ngoại quốc, tòa án phong-tục để xử những tranh tụng giữa các dân chúng sơn-cước. Trước tiên, tòa án phong-tục được thành lập tại Darlac và Kontum ngày 17.9.1929 do nghị định của Khâm sứ Trung kỳ, bổ túc bởi Nghị-định 21.8.1938 sau đó các tòa án này bị bãi bỏ. Đến ngày 9.8.1947, khi người Pháp trở lại Đông-Dương sau cuộc đảo chính Nhật 1945, Cao Ủy Pháp tại Đông-Dương lại ra ND số 221/2673 tái lập Tòa án Phong tục các cấp : xã, quận, tỉnh và một Tòa án đặc biệt chung cả vùng Cao-nguyên. Nghị-định này được bố-

túc bởi ND 4.3.1948 và được công nhận bởi Dụ ngày 21.5.1951
án định quy chế riêng biệt cho đồng bào sơn cước miền Nam.

Giáo huấn - Thật ra luật pháp chỉ có tính cách phụ
thuộc. Trật tự xã-hội phần lớn được duy trì là do ở những
di-huấn của tổ tiên. Người sơn cước cũng giống như người
đồng bằng có những câu ca dao, tục ngữ truyền tụng từ lâu
đời nhằm mục-dịch giáo dục xã-hội mà hầu hết đều tuân theo.
Để khuyến khích dân chúng sống hòa bình với nhau hay để ám
chỉ một việc làm vô ích, người Rhadé thường nói :

kdi rai Cao, ram yuan

có nghĩa là "mọi sự đã tan tành như sau trận chiến giữa
người Chăm và người Việt" (49).

Để khuyên bảo, răn dạy người đời phải giữ tròn hiếu
đạo, đừng để mất gốc, uống nước phải nhớ nguồn, người sơn-
cước :

"Prông êbũng koyua mào slê,
Prông pak-kê kơgua mầu koyào,
Prông Mnuih êtuh êbao
Kêgua mào ami-amar

có nghĩa là mạng lớn nhờ tre, các kè nhờ cây, người sinh
ngàn vạn, phải nhờ mẹ cha (50).

Hoặc để khuyên con cái, người sơn-cước cũng khuyên
răn con cái ý thức cái thiên chức của mình, con gái thì
phải lo tròn công, ngôn, hạnh, con trai thì phải siêng năng
làm việc và chu toàn công việc giao phó.

Phung mniê pok bi sém
kiêr arnat,

Dam mao hluat kboh bi tloh mrai
Bi rai mō
Bi hō brna drei nga hōai mǎng

Có nghĩa : Gái thời phải khéo nữ công
Tròn bề ngôn hạnh đỡ chồng rạn con
Trai lo đàn gùi cho tròn
Đừng cho mối, một ăn mòn nan tre...(51).

Đối với con trai, người sơn-cước cũng lấy việc học hành làm đầu để tương lai được rạng rỡ, bảo đảm. Khi đỗ đạt rồi, giữ địa-vị cao sang cũng phải khiêm tốn hòa nhã để được mọi người thương mến. Họ nói :

Phung hēh hriam hra bi mōai
Phung nai mā brua bi knhāo
Bi mao nanao klei mtluk mtlak
Mōak mnai dai kiē kngan bi hđjul bul

Có nghĩa : Học hành chịu khó chăm nom
Sách đèn khuya sớm mới mong nên người
Khi làm công bộc chớ lười
Ôn hòa hoạt bát người người mến yêu (52).

Người ta thường nghĩ lầm lẫn rằng những bộ lạc bán khai tự do tuyệt đối trong vấn đề ân ái thể xác. Trong thực tế, ý nghĩ này hoàn toàn không đúng đối với đồng bào sơn-cước, vì vấn-đề ái-ân cũng bị chi phối bởi những cấm-đoạn của xã-hội. Thật ra ngay cả chế-độ đa phu cũng không phải là hậu quả của sự dâm đảng của người đàn bà sơn-cước mà một chế-độ hôn-nhân được quy định như chế-độ đa thê ở những xã-hội khác" (53). Lý do xuất hiện chế-độ này là vì

(51)(52) Văn chương bình dân của người Rhadé của Huy Uynh, T.46 Thượng-vụ số 7.

(53) De même la polyandrie n'est pas une conséquence du dévergondage de la femme, mais bien un système matrimonial, aussi réglementé que l'est la polygamie. Chez les Moïs de Baudesson p. 59.

trai thừa gái thiếu, như đã nói ở trên, ở các bộ lạc sơn-cước tỷ lệ tử tuất phái nữ rất cao có lẽ vì cơ thể của phái nữ không chịu đựng nổi với khí hậu rừng sâu nước độc. Sự hiếm muộn con gái đã làm cho giá trị của người phụ nữ tăng lên ở các gia-đình sơn-cước. Tình trạng thực tế này có lẽ là một trong những nguyên-nhân của tục lệ "lévirat" tục lệ anh em chồng lấy chị em dâu được áp dụng tại hầu hết các sắc-tộc tại Cao-nguyên. Có người cho rằng những sự liên hệ loạn luân thường xảy ra ở các đồng-bào sơn-cước, thật ra đó chỉ là hậu quả của tục Lévirat. Chúng ta biết rằng phong-tục của người sơn-cước cho phép người quá phụ không con kết hôn với anh em chồng trừ phi người chết có một đứa con để thừa hưởng tài-sản gia-đình và để cho giòng họ chồng không mất giống. Người Rhadé còn bó buộc người góa phụ tục hôn với một người bên gia đình chồng. Mục-đích của tục-lệ này là để gia-đình người chết thừa kế tài sản của người quá cố.

Kiêng cử - Phần lớn người Thượng đều cử một điều là bắt đầu mùa tía lúa, họ rất kiêng những người xa lạ đến nhà, đến buôn áp. Họ cho rằng khách lạ đem bệnh "xà rơn" đến, đem giống lúa gạo khác đến lộn với lúa gạo họ, nếu bị xà rơn thì họ sẽ bị thiệt hại về tài sản và có khi cả tính mạng nữa. Việc kiêng cử kéo dài đến 2, 3 tháng mới hết. Khi đi đường gặp chỗ có dấu chữ thập cắm theo ven rừng, bờ suối, đó là dấu hiệu nguy hiểm không nên vào lối đó vì có hầm chông, cạm bẫy... Mỗi khi qua sông hay suối tuyệt đối không nên đại tiện hay tiểu tiện vì đồng bào Thượng sợ thần nước gây họa, hoặc bị hạn hán và vì hầu hết các bộ lạc sơn-cước sống tụ-tập ở dọc hai bên sông hay suối để cỏ nước dùng chủ không biết cách đào giếng. Khi trong làng có việc kiêng cử họ không muốn người lạ mặt vào và họ thường có những dấu hiệu như cắm một cành cây tươi trên đường đi vào làng hay làm một hình nộm đang cầm cung hướng về phía ngoài. Tại nhà nếu thấy một cành cây tươi cắm trước cửa nhà tức là nhà có kiêng cử như có người ốm đau hay đang cúng cầu. Khi thấy thang dựng ở trước mặt nhà úp sấp (thang này được dùng như tam cấp để bước lên nhà sàn) tức nhà ấy vắng chủ, người

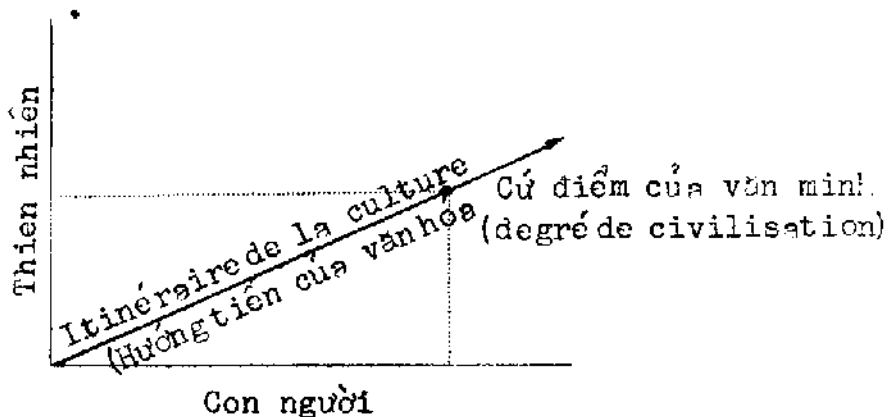
ngoài không được vào nhà, nhất là khi đi vào làng, đừng sờ mó vào những vật có buộc những sợi chỉ đỏ.

Theo những tài liệu truyền khẩu thì các họ của người Thượng đều có nguồn gốc ở đồ vật, cây cối, động vật. Bởi vậy, các họ của người Jarai phải kiêng cử một số thực-vật, động vật, thảo vật mà không hợp với họ hàng trên. Chẳng hạn họ Suu cấm không được ăn loại ong dưới đất, không được ăn con thằn lằn, rắn mối, họ Reom thì cấm ăn thịt bò...

III.- SINH-HOẠT TÂM-LINH

Tín-ngưỡng và những tập tục

Nếu người ta nghiên cứu lịch sử của nhân loại, người ta sẽ thấy khởi thủy những quan-niệm triết-lý đều giống như nhau, mỗi dân tộc ban sơ đều có một nền văn-hóa với những nét riêng biệt hay đặc thù. Chúng ta không thể đánh giá một nền văn-hóa của một quốc-gia : văn-hóa "nữa" của Âu-Châu cao hơn văn hóa "đầu" của người Á-Châu. Nhưng không ai có thể phủ nhận hướng tiến của một nền văn-hóa, hướng đi đó đem lại cho các sử gia những cứ điểm, những mốc thời gian để xác-định trình-độ văn-minh của một dân-tộc. Trong đời sống hàng ngày, con người và thiên-nhiên là hai trường động-lực. Nếu thích-ứng và chế-ngự được thiên-nhiên, con người sẽ đạt được một trình-độ văn-minh cao, nếu lệ thuộc vào thiên-nhiên, con



người sẽ không bao giờ tiến bộ được. Dù người ta có coi người sơn-cước như một giống người chậm-tiến hay như một sinh-vật với những tính-từ huê mỹ, thì chúng ta cũng phải xếp loại họ là những con người bán khai vì cái quan-niệm về đời sống siêu nhiên của họ thực-sự là quan-niệm của một giống người không tiến hóa (54). Người sơn-cước không giống như một người văn-minh, họ không biết phân biệt đời sống thiên nhiên và siêu nhiên. Người sơn-cước cho rằng vũ trụ bị ảnh-hưởng, không chế bởi những sức mạnh vô hình của thần-linh có óc não như người thường và có khả-năng làm thay đổi những biến chuyển của trời đất nếu người ta biết kêu gọi đến lòng thương hại của trời đất. Bất nguồn từ cái quan niệm đơn-giản đó, nhiều cuộc lễ bái theo sau mỗi hành động trong đời sống của các đồng bào sơn-cước. Người sơn-cước cho rằng, những thần-linh đã làm mọi vật chuyển động (lúa trở bông, chuối có quả, nước sông lên xuống, đá biến ra lửa, khi mưa to, gió lớn...) có khả-năng chứng-tỏ tình thương, lòng thương hại, sự kinh hoàng vậy ta cần dùng những phương-tiện mạnh mẽ ấy ít ra là để mình khỏi bị thần linh hãm hại. Ta thấy rằng kinh-nghiệm về sự sống trong xã hội sơn-cước không đủ làm thay đổi lòng tin-tưởng này đối với sự can thiệp của siêu nhiên hay thần linh trong trí-thức của họ vì sự thật thì ít khi hiện-tượng khẩn-cầu không xảy ra sau khi một lễ cầu khẩn được cử hành. Ví dụ một cuộc lễ cử hành nhằm cầu xin cho hết hạn hạn cũng sẽ được người sơn-cước xem như hữu hiệu hay được thần linh đoái thương chấp nhận ngay cả khi cơn mưa chỉ xảy ra nhiều tuần sau đó, vì người sơn-cước không có khái-niệm về thời-gian và không-gian nên không đủ năng thức để phân biệt sự liên-hệ nhân quả của một sự kiện.

Hầu hết ở các bộ lạc sơn-cước, ma thuật (la magie) khỏi thủy là nền tảng của tín-ngưỡng. Hiện tại ngay cả ở

(54) Que l'on considère le Moi comme un être primitif ou comme un être dégénéré... il faut le cataloguer parmi les individus à demi-civilisés, car sa conception du monde surnaturel est bien celle d'un sauvage" p. 74. Au pays des superstitions et des rites. Paris - Baudesson.

những lớp người đã văn-minh, người ta còn thấy những phong tục, những truyền thống không có gì khác hơn là những lễ-nghi bất nguồn hay biến thể của ma thuật (rites magiques altérés) chứ ma-giáo dùng ở đây rất đúng.

Theo những công-trình nghiên-cứu gần đây của các nhà nhân chủng học, phần lớn những cuộc lễ lạc cúng bái của người sơn-cước đều dựa trên những nguyên-tắc về ma-thuật bất chúớc (magie imitative) hay ma thuật giao cảm (magie sympathique).

Ma thuật bất chúớc dựa trên sự tin-tưởng rằng hậu-quả giống như nguyên-nhân. Sự hiểu biết thô-sơ của người bán khai có thể suy luận diễn dịch rằng bởi tạo ra hậu-quả bằng cách bất chúớc thần linh cũng có thể gây nên điều mà người ta mong ước. Ví dụ một người sơn-cước mong ước săn-bắn được nhiều? Trước khi lên đường, y tự đâm nhẹ mũi tên vào mình hay làm giả đồ (le simulacre) như tuồng mình bị mắc vào bẫy - có thể y nhảy hẳn vào lưới hay vào ngay cái bẫy - y tin chắc rằng như vậy con mồi sẽ bất chúớc y vào mắc bẫy dễ dàng hay mũi tên sẽ có khuynh hướng đâm trúng con thú !

Ma-thuật giao-cảm dựa trên sự tin-tưởng là những đồ vật trước đây của một người nào đó nay tuy không dùng đến nữa vẫn còn có thể tiếp tục ảnh hưởng tự nhiên đến người đó dù người đó hiện cư trú ở đâu đâu, hậu-quả của sự tin-tưởng mãnh-liệt này là chỉ cần có một phần nhỏ thân thể hay đồ vật của người mà ta muốn khống chế để có thể chắc chắn nhận được kết-quả mình muốn. Hiện tại, ma-thuật này người kinh thường gọi là ngải hay thư. Người đồng bằng thường nghe kể lại những câu chuyện mọi thư, thư là sự thực-hành ma-thuật giao-cảm. Người phù-thủy sơn-cước, trước hết muốn thư một người nào, cố tìm kiếm cho được hoặc những sợi tóc, những giọt máu khô còn đọng lại, những móng tay chân của người đó, người phù-thủy sẽ dùng đồ vật đó để trừ yêu hay làm cho người bị thư đau đớn. Họ nghĩ rằng nếu hình ảnh đau đớn

thì cái người ở trong hình ảnh cũng sẽ cảm thấy những đau đớn đó cũng như những phần nhỏ của cơ-thể bị người sơn-cước dùng để thử thì người bị thử sẽ cảm thấy nhức nhối đau đớn như si đang dậm vào các phần đó - ở nơi cơ thể - một người bị tình phụ sẽ mang vào, một tượng nhỏ bằng đất do họ tưởng tượng nạn ra, một mảnh áo lấy trộm được của người yêu hoặc những đồ dùng của người mà mình yêu trước đây, rồi thì người đó van lơn, cầu khẩn, vuốt ve, âu yếm cái tượng nhỏ bằng đất đó với lòng tin-tưởng rằng sẽ chiếm lại được tình yêu của kẻ bạc tình mình hay đôi khi cũng như vậy họ hủy diệt sự sống của người bội bạc. Lúc còn ở Cao-nguyên, tôi đã có dịp chứng kiến một trường-hợp thể-hiện ma-thuật giao-cảm. Một người sơn-cước ở Buôn E.A.Kmát, Darlac, đi lính lực-lượng đặc biệt. Trong lúc y vắng nhà quá lâu, người vợ đã bỏ nhà ra đi. Đến khi trở về y đi tìm kiếm mãi không ra, cuối cùng y quyết-định nhờ thần linh kêu vợ về - y bèn vật gà để cúng thần. Trước chiếc chiếu trải rộng ở cửa Tum, y dựng một cọc tre hình thập giá trông giống như hình một người có hai tay. Y đi lục lọi những đồ dùng còn sót lại của người vợ một búi tóc được cột chặt vào đỉnh, một cái áo cánh đã rách mảng vào hai tay của cọc tre - Tay y cầm một cây roi tre, y bắt đầu kêu tên vợ và mỗi lần kêu là mỗi lần y đập vào chiếc áo. Tôi hỏi xem những người sơn-cước ngồi hai bên y đang nói gì thì họ cắt nghĩa cho tôi đại khái : "Này, đi đâu thì lo mà về, hỏi Ami H'noi. Y định làm liên tiếp ba đêm như vậy, mỗi lần chỉ độ chừng mười lăm phút thế mà lạ thay, chưa đến lần thứ ba vợ y từ đâu đã trở về. Người ta kể lại rằng vợ chàng Y-Đông đang ở với trai, bỗng thấy nóng ruột quá mãi từ Bândông phải tìm đường về !

Thật ra muốn biết tâm tính và tập tục của đồng bào sơn-cước, vấn đề trước tiên là phải hiểu những nguyên-tắc nền tảng cho tín-ngưỡng của họ. Theo họ, thần thánh cũng như con người cũng có những đức tính như người ta, luôn luôn có khuynh hướng làm hại vì đức-vọng chỉ đem lại điều ác. Thần linh rất nhiều và mỗi vị có một phạm vi hoạt-động riêng biệt. Do đó, ta không thể nào không biết ý nghĩ tạo

nên một hệ-thống nhị-nguyên hướng dẫn sự thực-hành một số tập tục, một lá bùa rất cần để đạt được hoặc là sự giáng phúc hay ít ra là sự vô hại. Và chỉ có người phù-thủy mới có khả-năng cung-cấp cho họ những "lá bùa vật thần đó (55)". Sự cấu tạo nên vật thần (fétiche) thay đổi tùy theo mục-dịch. Đôi khi đó là một tiểu bộ phận của con vật mà người sơn cước sợ bị nó ám hại được dùng để làm lá bùa hộ mệnh như các nanh của thú dữ, móng cạp, nọc rắn hay răng của rắn độc được đựng trong một cái túi nhỏ may trước ngực của người thợ săn để tránh sự tấn công của con thú đáng sợ đó. Một cảm giác thật mộc mạc thúc đẩy người sơn cước biến đổi đối tượng của sự sợ hãi thành một thứ bùa, vì bởi những tư tưởng loại suy, người ta vẫn thường nói dĩ độc trị độc đó sao. Ở nơi hoang dã, giới y học thừa nhận rằng sự chích dưới da một thứ bột làm bằng đuôi của những con bò cạp tén nhỏ miễn dịch chống lại những vết thương do loài rít gây ra. Nhiều thứ bùa khác có tính cách tập thể nhằm bảo vệ một gia-đình, một Buôn hay có khi cả một bộ lạc. Người sơn cước thường treo lá bùa đó trước cửa nhà ở nơi cái cây lớn, ở cột buồm của chiếc thuyền độc mộc, ở hàng rào làng...

Người sơn cước gọi tất cả những thần thánh bằng thông danh "Phi". Danh từ này bao hàm một ý nghĩ mơ hồ về hành-động thần thông. Cũng giống như danh-từ "Orenda" của người Iroquois hay "Mana" của người Mối ở Polynésie. Người sơn-cước ít để ý đến những vị thần giáng phúc (phúc thần) nhưng rất sợ và dành những cuộc tế lễ cho các hung thần.

Ở đây, chúng ta nên phân biệt vật tổ (totem) và sự sùng bái vạn vật.

Trong tất cả những nhóm sơn-cước ở Đông Dương chỉ có mỗi một giống dân Mán là có một vật tổ (totem) xác định rõ rệt được coi như tổ tiên của người Mán. Để tỏ lòng tôn kính con vật tổ này - con chó - người Mán tự cảm đoán an

(55) Vật của người sơn-cước sùng bái như cục đá, cây cối, sông núi, gió mưa, thú vật...

thịt chó. Theo một câu chuyện cổ-tích của người Mán thì Phung Hưng (Pen Hưng) trị vì nhà Chu (Su) ở bên Tàu khoảng năm 525 T.T.L đã hứa gả con gái và trao nửa giang-sơn cho bất cứ ai trừ được giặc tướng (Cu-Hung). Tiếng tăm của tên tướng giặc này làm mọi người khiếp sợ không ai dám đối địch. Duy chỉ có một con khuyển tên là Phan Hư (Phan Hu) tình-nguyện đương đầu và cuối cùng đã giết được Cu-Hung. Dẹp giặc xong, Phan Hư xin vua giữ lời giao ước. Vua cha buộc lòng trao con gái cho Phan Hư song để giữ gìn phần giang-san phải nhiều cảm-tú, vua cha chỉ giao cho Phan Hư một vùng đồi núi để làm lãnh-thổ của khuyển vương. Theo Phan Chi Hu (Fan Chi Hu) sử gia Trung-Hoa của thế kỷ 12, con chó Phan Hư thực ra chỉ là một người núi đã cưới một công chúa - vật đánh cuộc - sau một cuộc tỉ thí. Thời đó một số người lông tóc mọc ra nhiều đến nỗi khuôn mặt trông giống hình thù của một con chó. Chẳng hạn như người Toddas ở Ấn. Miến Điện cũng đã có lúc đem trình diễn giữa công chúng nhiều người đặc biệt như vậy. Dù sao điều chắc chắn là lễ cưới đó đã xảy ra trong thời gian rất xa xưa có thể đã 20 thế kỷ trước kỷ nguyên của chúng ta. Người Mán sản phẩm của cuộc hôn-nhân đó đã lan rộng đến tận Bắc-Việt, Trung-Việt, Lào và luôn luôn chiếm ngự những đỉnh núi coi như giang sơn riêng biệt của họ. Ngày trước để đốt rừng khai thác, người Mán coi như là đặc quyền của họ và không bao giờ họ chấp nhận những qui lệ thủy lâm. Như vậy, đặc tính căn bản của sự thờ vật tổ bắt nguồn từ sự kiện là một nhóm chủng-tộc đã giao kết với một loại thú vật và đã tự tạo nên giữa sự giao tiếp đó một liên hệ thân thuộc vật chất và xã-hội. Vật tổ và sự sùng bái động vật khác nhau. Thật ra thì có những tập tục bắt nguồn từ chỗ sùng bái những động vật nuôi trong nhà "Zoolâtrie" và những động vật nguy hiểm "thériolâtrie" như cạp, cá sấu. Như vậy sự sùng bái thú vật của một số bộ lạc sơn-cước (le culte des animaux) không phải là sự sùng bái vật tổ (totémisme). Các vị thần : Đồng bào sơn-cước tôn thờ rất nhiều vị thần, có thể chia làm hai hạng : thượng đẳng và hạ đẳng thần.

Thượng đẳng thần gồm có :

- Bok - Hoi - Dơi tức Nam tạo hóa, là ma vạn vật ở tận cùng mây xanh. Theo họ, thần này được hiện thân là một cụ già đầu bạc trắng.

- La - kon - keh tức Nữ tạo hóa, vợ của Nam tạo hóa, là một bà già dơ dáy, bán thiu.

Hai vị này đã dùng cám nặn ra trái đất, mặt trời, mặt trăng và vạn vật.

- Bok - glaik - thần sấm sét. Vị thần này mùa nắng thì ngủ, mùa mưa thức dậy làm việc.

- Lã Pom - Bà là con của tạo hóa, chị của La Bok tức tổ tiên loài người. Bà rất từ tâm hay cứu giúp những người nghèo đói.

- Yang-Sor (thần lúa)
- Yang Dak (thần nước)
- Yang Kong (thần suối)

Hạ đẳng thần gồm có :

- Bok - Kla (thần cọp có thể hiện ra người)
- Roix Thần voi bảo vệ chiến sĩ
- Két-Droik thần cóc bảo vệ lúa rẫy
- Yang-Xatok thần ché.

- Yang Long thần cây. Thần này còn gồm nhiều loại như Long Sơn (cây gia), Long Hara (cây sung), Long-Brang (cây sao), Long Kachit (cây cà chít), Long kotrack (cây trác). Họ thường bảo là đi trong rừng thường nghe các vị này cười đùa với nhau (56).

(56) Nguyễn-Trác-Dĩ. Đồng bào các sắc tộc thiểu số V.N. p. 79 (Bộ Phát triển sắc tộc ấn hành 1970).

Các phù thủy. - Người sơn-cước có hai loại phù-thủy: những vị phù-thủy bói toán là những vị có nhiệm vụ khám phá tác giả những tội phạm và những vị phù thủy bùa ngãi để chữa bệnh. Những người sơn-cước quan-niệm rằng các vị này được thần linh chỉ định và ban cho phép màu nhiệm. Ở các bộ lạc Jarai, hai vị phù-thủy rất ảnh hưởng được coi như vua Jarai đó là vua lửa (Patau Pui) và vua nước (Patau-ya). Có lẽ rằng những tên gọi có tính cách thần thoại đó ảnh hưởng từ tôn giáo Bà-là-Môn qua tin-tưởng sự giáng trần của Agni, thần lửa và Varouna, thần nước. Thần Agni, theo thần thoại Ấn Độ (Mythologie indienne) luôn luôn cầm một cái lao. Cũng như vị Patau Pui chiếm giữ một gương thiêng mà theo người Jarai rất là huyền diệu: Nếu vị Patau rút lên khỏi vỏ gương vài phân mặt trời sẽ tắt hẳn, nếu rút gương khỏi vỏ, một cơn hôn mê tức thì sẽ bao trùm lên mọi vật. Phép thần thông của vị Patau Ya cũng không kém kinh dị. Vị này có trong tay hai vật thần đó là một trái cây luôn luôn xanh tươi và một cây roi thần. Vị Patau Ya chỉ cần dơ hai vật này lên và kêu một tiếng là vũ-trụ biến mất và chìm đắm trong những cơn thác nước do trời giáng xuống. Người Miên và người Chăm cho rằng ba vật thần đó là của sở hữu của vua họ và đã bị đánh cắp. Bao nhiêu lần họ tìm cách chiếm lại nhưng có lẽ thần linh không chấp nhận và mỗi lần chinh-chiến là người Jarai đã oanh liệt đánh tan quân họ. Những triều đại trước của giòng họ Norodom (tổ tiên của ông Hoàng Sihanouk) hàng năm đều có lễ triều cống các vị phù thủy này. Cống lễ là một con voi với đủ đồ châu báu, ngược lại hai vị phù thủy Jarai cũng tặng lại sáp ong đặc-biệt có in ngón tay của họ ở giữa và một số pho-sản của rừng cho vua Miên ở Nam-Vang. Hai vị vua này có ảnh hưởng lớn lao về phương-diện tín-ngưỡng trên toàn khu vực Cao-nguyên. Chức tước cao sang này có tính cách thế tập. Người Jarai cho đến bây giờ vẫn còn tin tưởng đến các vị vua lửa và vua nước vì hiện tại vẫn còn ông vua lửa ngụ tại Plei Dap thuộc quận Phú Thiên tỉnh Phú-Bôn đó là ông Siu Anyot và vua nước ngụ tại Plei Amang gần quận Phú-Thiên gọi là Siu Cobba.

Dấu hiệu của mỗi bộ-lạc và các vị thần theo tập tục.
Phần lớn những nhóm thiểu số bán khai tìm cách để phân biệt bộ lạc này với bộ lạc khác bởi những đặc điểm hoặc trong cách ăn mặc, trang sức, nhiều khi bằng cả sự bớt đi, cắt đi một phần cơ-thể.

Ở Phi-Châu, bộ lạc Bengendis (Congobelge) tạo nên những cái theo hình thuẫn hay tròn nung bằng sắt nóng lên trên mặt hay trên ngực. Bộ lạc Isambos (Congobelge) kéo dài đôi vú bằng dây hay bằng những vòng hạt trai nặng trĩu. Một vài bộ lạc khác nhuộm tóc đỏ, cạo nhẵn lông mày, nhổ lông nheo (Bashileles Congobelge). Có một số bộ lạc thực-hiện ở hàm răng (bộ lạc Bushongos-Congobelge) tự nhổ hai răng của hàm trên và một số phụ-nữ cạo nhẵn những răng của hàm dưới. Một số bộ lạc sơn cước cũng áp dụng một số phong tục đặc biệt trên mà thông thường là kéo dài hai tai và hai vú cũng như cạo nhẵn hay mài nhọn những hàm răng. Việc cạo răng được thực-hiện lúc trưởng thành. Sự kiện này thể hiện trong tập tục để đánh dấu sự bước từ một giai-đoạn này qua một giai-đoạn khác hay còn gọi là lễ mở lòng. Đối với người sơn cước việc cạo răng được kéo dài từ 10 cho đến 15 hôm bằng một thứ đá cuội nhặt trong các giòng suối. Những chiếc răng của của hàm dưới được cạo thành hình tam-giác hay thành nhọn như răng mèo, những chiếc răng ở hàm trên được mài thành hình bán nguyệt hay đôi khi mài nhẵn xuống tận nướu. Mặc dầu việc làm này sẽ làm cho họ đau đớn vô cùng song không ai từ khước vì họ cho càng đau đớn nhiều càng có công-nghiệp và tỏ ra mình biết kính trọng các tập quán cổ-truyền. Khi cạo tai nếu rui ro trái tai bị đứt, việc này buộc người đàn bà phải ở vậy suốt đời và bất cứ ai trốn tránh việc cạo răng sẽ không được lập gia-dình. Ở Phi-Châu, để cạo-răng người ta phải nhờ đến đũa và búa của người thợ rèn. Việc này còn đau đớn hơn cách cạo răng của người sơn-cước nhiều. Song cũng như người sơn-cước miền Nam, người Mọi Phi-Châu rất hạnh-diện vì sự đau đớn do cạo răng mà có. Thật ra không phải chỉ có những sự kiện trên là những đặc điểm duy nhất để phân-biệt nhóm thiểu dân hay sắc dân này với sắc dân khác mà đôi khi chúng ta còn thấy tập tục xâm mình nơi đồng bào sơn-cước, có lẽ tập tục này cũng nhằm mục-dịch trên.

Những người dân ở đảo Timor phân-biệt gia-đình này với gia-đình kia bằng những dấu hiệu xăm mình ở nơi má, cằm và vú. Ở Guinée, tập tục này cũng thường được áp-dụng. Phần lớn xăm theo những dấu hiệu tượng hình van-tử (idéogramme) và mẫu tự (alphabétiforme). Nhiều khi còn xăm vào một số đồ vật như đồ dùng, khí giới để chỉ định người sở hữu chủ các đồ vật.

Một số đồng bào sơn-cước sinh sống tại vùng hạ Lào, người đàn ông mang từ bắp chân đến bụng một hình xăm màu xanh nhạt. Trên cánh tay và thân trên được vẽ những chữ tượng hình Ai-Cập ghi trong những tam-giác màu đỏ giống những khuôn dấu của các quan lại xưa. Những đặc điểm này là những dấu hiệu thân thích và tư hữu. Chất liệu để xăm mình ở nơi nào cũng giống như nhau, ở đồng-bào sơn-cước, đó là một hợp-chất do khói đen và nhựa của cây conifère. Hình vẽ lên trên lớp da phẳng với những dấu đậm đều và sát nhau bằng một cái kim được nhúng trước vào một hợp chất màu. Sau đó lớp da trên bị ấn một dấu vết khó phai được với màu sắc xanh lợt. Tại hầu hết các bộ lạc sơn-cước, một số thú vật, đồ vật được họ kiêng cử gọi tên với bất cứ giá nào vì đó là những vật linh hiển... Người ta không lấy làm ngạc nhiên khi người sơn-cước không dám kêu tên những thú vật hay những đồ vật đó. Thật vậy, người sơn-cước không bao giờ kêu tên con cạp hay kêu tên Trời. Người sơn-cước coi con cạp như một vị thần họ gọi là thầy hay Ngài. Người sơn-cước cho rằng, khi tạo thiên lập địa, con người là một sinh vật nhỏ bé và rất dễ bị tiêu diệt. Trong lúc đó thần thánh đã chọn lựa để bảo vệ trời đất những vật không bao giờ bị tiêu diệt. Quan-niệm này làm nền tảng cho sự thờ những viên đá, những cây cối - những vật được tồn tại rất lâu và theo người sơn-cước được thần thánh ủy thác bảo vệ quả đất, người Bahner thờ những cục đá lửa và được đặt trên một bàn thờ bằng tre. Quan-niệm gán cho thú-vật một vị thần linh cũng bắt nguồn từ sự suy diễn đó; trên thực tế - tại núi rừng có một số thú vật có một sức lực hơn con người và nhiều lần con người là nạn nhân của chúng. Sự kiện này đã làm cho người sơn-

cước nghĩ rằng thú vật trên là thần linh hay chúa tể mọi vật. Chúng ta tìm thấy tại Cao-nguyên vết-tích của sự thờ cúng đá (litholâtrie)(57), cây (dendrolâtrie)(58), thú vật (thériorâtrie)(59). Con cạp là một con vật hung dữ rất phá phách trong những xứ có rừng rậm : bắt bò, heo và nhiều khi hại cả người, song tại Cao-nguyên, nó chiếm hạng nhất trong các con thú có một quyền lực siêu-việt theo sự tin-tưởng của người sơn-cước. Đối với người Thượng, họ gán cho con vật này những gì huyền bí : râu cạp khi rụng sẽ sinh ra những con sâu nhỏ gây nên những mụn nhọt không bao giờ chữa lành nếu đụng phải nó, xương cạp cũng có giá trị trong việc chữa bệnh, móng cạp là vật để phòng thân có khi họ đổi cả một con trâu. Chính vì vậy mà họ quen gọi con vật này là "Đức Thầy" Noble maître. Thường một cây cổ-thụ, cây đa được trồng trước cổng đi vào làng. Trên cây một chồi nhỏ được dựng trên chân cao căng dùng để thờ thần cây. Cái chồi nhỏ này chứa một lư hương trong đó cắm một vài cây hương nhiều khi họ còn để một vài cây roi mây để thần linh trừng trị kẻ gian-mạnh có tội.

Những người thủy-lâm kể lại rằng khi bảo những người phu sơn-cước chặt cây để lấy gỗ, nếu phải buộc thi-hành, người sơn-cước lại gán và cuyện xuống khăn vái : "lạy thần ở nơi cây này, xin thần tha thứ cho con, các ông chủ của con ra lệnh cho con hạ cái cây đang che mưa nắng cho Ngài. Con đau đớn phải làm việc này, xin Ngài đi tìm một cây khác mà ở và bỏ que cho sự xúc phạm ngoài ý muốn của con" (60).

(57) Litholâtrie : lithos pierre, lâtrenô : j'adore (culte des pierres)

(58) Dendrolâtrie : dendron : arbre (culte des arbres)

(59) Thériorâtrie : ther : bête féroce (culte des bêtes féroces)

(60) Esprit habitant cet arbre séculaire, je te respecte et viens réclamer ton indulgence. Les mandarins blancs, nos maîtres, m'ordonnent de couper l'arbre qui te sert de retraite. Pareille bosogne me contriste, je ne détruis ton habitation qu'à regret. Pars de suite te chercher un autre gîte, oublie l'injure involontaire que je te fais malgré moi !

Chez les Mois - Baudesson p. 93 sách dã dân.

Những cuộc lễ nghi nông nghiệp

Người sơn-cước cũng như người Việt sinh sống phần lớn bằng nông-nghiệp, do đó rất nhiều lễ nghi có tính cách nông-nghiệp. Chúng ta đã biết qua những ngày lễ cuối mùa gặt lúa mà các bộ lạc sơn-cước coi như ngày Tết thì trước khi gieo mạ, người sơn-cước cũng có một cuộc lễ hoặc cúng một con heo, một con gà và chấm dứt cuộc lễ trước khi gieo mạ bằng một bữa ăn uống với nhau. Tập tục một bữa ăn trước khi gieo mạ rất thịnh-hành từ lâu đời : họ cho rằng bao-tử no nê thì năng suất sẽ tăng lên và mùa gặt sẽ được nhiều lúa. Trước đây, họ còn đợi đến khi trăng lên mới bắt đầu gieo mạ, người đàn bà gieo hạt giống phải buông thả mái tóc ngô hầu cây lúa cũng bắt chước đó mà trở nên sum sê và tươi tốt.

Người Thượng luôn luôn gán cho hành động sinh lý thực hiện lúc gieo mạ một ảnh-hưởng rõ rệt trên mùa gặt. Có khi ảnh hưởng thuận lợi họ vui mừng có khi bất lợi họ nguyên rủa. Hiện tại, người Karens ở Miến-Điện cho rằng những tình yêu bất chính làm giảm năng suất trồng trọt của người phạm phải. Người ta nhớ lại rằng, thuở xưa, mỗi mùa gieo mạ là lúc những cuộc lễ rất thô bạo diễn ra và đạo đức nhường chỗ cho những cuộc vui trác táng. Đó là những cuộc lễ để tạ ơn thần Saturne, thần nông-nghiệp. Ngày nay ở Anh còn có lễ tạ ơn (les pardons) : cuộc lễ này tính cách nửa tục nửa thanh, nửa tôn giáo nửa thể tục mà nguồn gốc của tục lệ bắt nguồn từ lâu đời.

Nhưng có một điều là những lễ nghi nông nghiệp dù cho bất cứ nhóm chủng tộc nào thực hiện, không bao giờ tổ-chức ở trong nhà hay ở các đền chùa mà ở giữa trời. Tại các bộ lạc sơn-cước, việc khui một ché rượu cần là mở đầu bố buộc của mọi lễ lạc : khi nào chúng ta nghe tiếng trống xé tận sự tỉnh mêch của đêm dài, dù đã khuya người ta cũng vẫn lũ lượt kéo đến tham-dự.

Người sơn-cước cho sự sinh đẻ cũng ảnh hưởng đến sự đói no của một bộ lạc. Để tìm cách chấm dứt sự bất lực của

người đàn bà có hại cho đời sống của cả buôn, người sơn-cước ở Lào làm một cuộc hành hương đến một nơi có thờ vị thần kâli. Tượng này mang hình một người đàn bà da đen cầm trong tay một linggam (dương vật tượng tượng của thần Civa). Hằng ngày nơi này rất đông người đến viếng, các tín-dồ dùng dầu dừa thoa lên môi của vị thần mà theo họ, vị thần này có quyền phép làm cho họ có thể sinh đẻ được. Tại nhiều bộ-lạc ở Cao-nguyên miền Nam, người ta phải nhờ đến bàn tay của các phù thủy.

Người sơn-cước còn gán cho một số thảo-mộc một ảnh hưởng ma quái tốt cũng có ma xấu cũng có. Những thảo mộc này thuộc giống củ nghệ và củ gừng. Có khi người bệnh chỉ cần xát mình với các cây này thì có thể hết bệnh, thần linh gây bệnh hoạn phải nhường chỗ cho vị linh dược; có khi chỉ cần trộn một vài con g ì vào đồ ăn có thể làm cho người bệnh thiệt mạng nếu ăn phải. Trộn lẫn với thuốc hút, các thảo-mộc còn được dùng để làm bùa ngải. Trong một số bộ-lạc, loại cây trên được gọi là magan, việc trồng các loại cây này do phù thủy để dùng vào việc thư hay làm những lá bùa. Theo người sơn-cước, đặc tính của loại linh dược này còn ảnh hưởng trên những vụ gặt lúa và những súc vật : một vài con lá đặt trong những cái bẫy hay nơm sẽ bảo đảm cho việc săn bắn và việc bắt cá được nhiều. Cha Durand một vị linh mục đã từng ở lâu năm trên vùng sơn cước cho rằng cây magan được người Thượng coi như một vị thần, cha cũng đồng ý rằng nó cũng là một linh dược.

Do đâu mà có việc ma chay ?

Đối với người sơn cước, họ cho rằng sau khi chết, người chết cũng cảm thấy những nhu cầu vật chất như khi còn sống. Vì vậy, mà đồ ăn và những đồ dùng thường ngày được đặt trên mồ. Nhất là sau khi chết, một bữa ăn sẽ được tổ-chức cho người qua đời được người Mọi tổ-chức gần như cuộc tế lễ dưới thời vua Pharaons ở Ai-Cập : người ta vật ngã con vật xuống, buộc chặt các chân con thú lại, người giữ

vai trò đồ tể thọc mạnh dao vào hong con vật, con vật giãy lên thỉnh thịch, rên hừ hừ một chập rồi nằm im hai mắt vẫn mở. Máu chảy từ vết thương vào trong một cái bình bằng đất và người đồ tể trao cái chậu huyết cho người chủ tế, thường là một vị phù thủy - và nói nếm đi !

Người chủ tế là lưỡi liềm và trả lời : tỉnh khiết. Những người đàn ông khỏe mạnh xúm vào tiếp tay xả con vật ra nhiều mảnh bắt đầu từ đuôi và rồi phổi và bộ lòng được gom lại trong một chiếc chậu để cúng thần. Hằng năm, vào khoảng tháng sáu, người sơn-cước cử hành một đại lễ tập thể để tỏ lòng kính cẩn những người đã qua đời. Đây là cuộc lễ chính trong năm. Tám ngày trước, đàn bà con nít đã chặt tre đan những cái giỏ hoa. Tất cả người sơn cước dành cho cuộc lễ một tính cách rục rờ và long trọng. Từ sáng tinh-sương, dân trong làng lũ lượt kéo ra nghĩa địa để tham viếng những kẻ qua đời. Cũng như người Kinh, người sơn cước lợp mái của nhà mồ lại, quét dọn lá cây, làm cỏ, để đây thức ăn lên mồ. Trong một khu rừng thưa gần đó, nhiều cột tre được dựng lên, mỗi cột được cột chặt một con trâu, bao nhiêu người qua đời bấy nhiêu con vật được dùng để tế lễ. Đến khi mặt trời lên, bốn người lực lưỡng xuất hiện. Trước hết với những đòn tre họ vạt ngã con trâu xuống và nắm chặt cổ trâu bởi hai sừng để cho người đồ tể nhanh nhẹn thọc mạnh vào cổ trâu một lưỡi dao sắc bén. Một tiếng phập nhẹ nhàng và vừa rút ra thì máu tươi tuôn theo chảy vào một cái nồi bằng đồng được kê dưới cổ, máu càng lúc càng đông đặc, sủi bọt. Một người phụ tế dậm một ống tre vào nồi đồng và hút một hơi, rồi thì xung quanh con vật, thân quỵn người đã qua đời tiến tới, tóc xoắn, lấy đôi tay che mặt, họ ngồi xồm và bắt đầu kể lễ tiếc thương. Trên mình con trâu, người ta để những áo quần cho người quá cố : một cái chân, ống điều và một vài đồ vật người chết ưa thích. Thay thế vai trò của chủ tế, người phù thủy tiến lên và cất tiếng hát những câu ca-tụng người chết và cứ mỗi lần người chủ tế dứt câu thì những người dự lễ đều lặp lại và rồi một tiếng phèng la được đánh lên và cứ thế cuộc lễ được tiếp nối với những người qua đời khác. Như ta đã biết người sơn-cước cũng làm

lễ ma chay cho người chết tương tự như người Việt song lẽ chúng ta cũng nên ghi nhận một vài tập tục đặc biệt sau đây. Khi một người qua đời, họ bỏ vào miệng người chết một ít gạo nếp và ròi để chắc chắn là họ đã chết, mỗi người thân thuộc ghé vào tai người chết kêu to. Một người đàn bà đi ra một con suối gần nhất mức nước đầy vào một chiếc bình đặc biệt để tắm rửa sau đó xác được trum trong một chiếc men hay chiếu. Một con gà con được đặt cạnh bên người chết với mục-dịch để lấy hồn người chết. Với những tiếng phèng la điếc tai, những đứa trẻ cất lên một điệu nhạc đám ma. Những chiếc đuốc được thắp sáng đêm ngày trong căn nhà sà, mùi nhựa thông bay lên nồng nặc. Dưới sàn cho người chết đặt nằm, một cái nồi đồng thật lớn dùng để đựng những chất nước từ xác chết chảy ra. Theo họ, những ác thần rất thích những chất nước đó. Khi những người dự tang đã họp mặt đầy đủ và no say, người ta cử hành lễ chôn cất. Từ tang sáng, những người đi quan ôm chặt xác chết đi xung quanh chòi rồi thì họ bó chặt xác chết trong những lá nón và gánh bằng một đoạn của thân tre. Sau đó người ta đưa xác chết ra bằng một lối ra riêng mà sau đó lối này được bít lại với mục-dịch linh hồn người chết không biết lối về để khuấy phá người sống.

Nói đôi nhau, đoàn người khởi hành hướng về hướng tây : sau nhiều giờ đi giữ rừng, những người đi quan dừng lại. Lúc này là lúc họ đã thắm mệt song họ không nghĩ vậy mà lại cho rằng người quá cố đã làm cho linh-cửu nặng biếu lộ ý nguyện được chôn cất nơi đây (đây có lẽ là một tập tục rất xưa chứ hiện tại, thường thì các người chết được chôn cất ở một nơi)... Một cái cây được chọn lựa kỹ lưỡng và thân cây dùng để làm áo quan cho người chết. Trong khi công việc làm quan tài đang tiếp tục thì những người đàn ông khác đào huyệt. Chiều sâu của huyệt vừa bằng chiều cao của quan tài và chiều rộng hẹp hơn chiều rộng của quan tài để cho người ta phải dùng sức mạnh đẩy quan tài vào. Phương hướng thì làm sao cho đầu người chết hướng về phía tây.



Chiến-sĩ MAA Lâm-Đông

Người sơn cước cũng để tang cho người chết bằng sự cắt tóc ngắn trong một khoảng thời gian từ 1 - 5 năm và cũng làm lễ mãn tang. Phong-tục này tùy từng bộ lạc mỗi nơi có thể thay đổi. Trong một số bộ lạc, những quan-tài được treo trên những cành cây lớn và cột chặt bởi những cây mây. Phong tục này cũng được tìm thấy ở Bornéo.

IV.- SINH-HOẠT NGHỆ-THUẬT VÀ VAN-HOC

Nghệ-thuật dính liền với đời sống xã-hội, trình-độ văn-minh càng cao thì trình-độ nghệ-thuật càng tinh-vi. Chúng ta thấy nhận xét này rất đúng nếu chúng ta so sánh sinh hoạt nghệ-thuật của người sơn-cước với sinh-hoạt nghệ thuật của người Lào kế cận.

Người sơn-cước sống trong một khu-vực kém tổ chức không bao giờ cảm thấy sự ước muốn hay cần-thiết làm cho người khác thỏa mãn nghệ-thuật mà họ có thể tự trình diễn. Nếu người sơn-cước có ca hát đó là chỉ với sự hứng thú cá-nhân và điệu nhạc chỉ gồm có một nhịp điệu hay những thanh âm thiếu nhịp nhàng hay do sự lặp đi lặp lại một điệu, một âm hay một chữ. Bản năng quần-tụ ít được phát-triển. Vì vậy mà kịch và múa không được phát triển tại các bộ-lạc sơn cước miền Nam. Ngược lại, người Lào sống thành tập thể có tổ chức, cảm thấy sự cần thiết tổ chức những cuộc vui tập thể. Tiếng ca chỉ có một mình không đủ mà cần phải có sự đóng góp của nhiều người khác tạo nên những vở kịch, những điệu múa gợi lại một kỷ niệm hay kích thích một ước muốn chinh chiến nếu mang màu sắc chiến tranh hay thể hiện những diễn tiến những hiện tượng khác nhau của đời sống nông-nghiệp : cày, cấy, gặt nếu muốn có sắc thái thanh bình.

Giá-trị nghệ-thuật tùy theo trình-độ văn-minh của từng nhóm chủng tộc. Nếu tiếng hát là sự diễn tả tiên khởi nghệ-thuật của người bán khai đó cũng là một sự kiện dễ hiểu, những tiếng nói đầu tiên của loài người khởi thủy là

tiếng la, tiếng hát, nhiều nhà nhân chủng học nhận xét rằng, một đứa bé người ta nhốt lại một chỗ, biết kêu la song sẽ không bao giờ biết nói. Các Bà Mẹ rõ hơn ai hết, tiếp bập bẹ đầu tiên của đứa trẻ là tiếng hát. Quan-sát nơi đứa bé, người ta nhận xét thấy tiếng nói tiếp theo tiếp hát vào lúc nó được hai tuổi. Có thể nói âm nhạc khởi thủy là sự bắt chước nhịp nhàng những phát âm. Dần dần người ta nghĩ ra việc hòa theo tiếng hát, đệm theo tiếng hát một đồ vật : hoặc cây gậy hay người sơn-cước lấy gót chân dậm đều đều lên trên nền đất biểu diễn tiếng nhịp quân đi và dần dần những thứ khác được nghĩ ra kèm theo tiếng hát như tiếng trống, tiếng phèn la, tiếng sáo làm bằng ống tre hay hóp và đến dụng cụ đàn giầy đánh dấu một sự tiến-bộ trong nghệ-thuật ca, nhạc. Tại Cao-nguyên miền Nam, chúng ta ghi nhận nghệ-thuật vũ múa chưa phát-triển, đó chỉ là nhịp điệu của bước chân trong các đám ma hay các cuộc chiến chinh. Người sơn-cước cũng có một số nhạc cụ để hát cũng như để hòa âm. Phần trăm họ dùng một cái thùng gỗ gọi là cái trống bọc da trâu rất căng. Người chơi trống xử dụng một cái dùi gỗ bọc vải ở đầu. Người Rhadés và Jerais còn có những cái đĩa bằng gỗ hay kim loại, nhạc công mỗi tay cầm một cái và cọ xát vào nhau. Phần bồng được dùng bằng những cái phèn la, có nơi dùng những ~~ván~~ ống tre hay ống hóp để thổi. Nhiều nhà nghiên-cứu cho rằng : người sơn cước miền Nam có vũ-điệu Lam-thôn nhưng đây là vũ điệu của người Lào hay người Kha ở biên-giới Lào-Việt. Một học giả Pháp P.Guilleminet, đã cố gắng phân loại trình độ văn-hóa của đồng bào sơn-cước và đã ghi nhận nam trình-độ văn-minh sau :

1)- Những đồng-bào sơn-cước sống riêng biệt ở những nơi hẻo lánh ít có dịp giao-dịch với các vùng đồng bằng. Đời sống của những bộ lạc này rất thô sơ và vẫn giữ nguyên nhiều cổ tục của họ. Thí dụ : bộ lạc Katu ở Quảng-Nam.

2)- Những bộ lạc không đủ khả năng chống lại công cuộc xâm lăng của các bộ lạc ở gần họ nên phải sống tản mát ở những nơi thẳm sơn, đất xấu, khó trồng trọt cây cấy, những

sắc dân này rất khổ sở có thể bị tuyệt chủng. Đó là các bộ lạc Cil, Lat ở Tuyên-Đức và Die ở Kontum.

3)- Những bộ lạc tương đối còn khá mạnh để tự tồn, không đến nỗi bị họa diệt vong đó là các bộ lạc Ma (Dilinh) và Stieng (Biên-Hòa).

4)- Những bộ lạc đã giao-dịch nhiều với các dân tộc mạnh hơn, văn-minh hơn như người Lào, Việt nên chịu ảnh-hưởng nhiều nếp sinh-hoạt của người Lào, Việt. Chẳng hạn bộ lạc Hré (Quảng Ngãi) và Sédang (Kontum).

5)- Ba bộ lạc lớn Rhadé, Jarai, Bahnar đã theo kịp phần nào trình độ văn-minh của các quốc-gia Lào, Việt và số lượng cũng rất đông nên mạnh hơn các bộ lạc khác. Vì không có văn-tự nên mặc dù các bộ lạc này đã sinh sống lâu đời, nền văn hóa sơ khai vẫn không có gì tồn tại ngoài trừ một ít tục ngữ truyền khẩu và các tục lệ.

Các nhà quan sát thường căn cứ trên ngôn ngữ hay tiếng nói để phân biệt các sắc-tộc tại Cao-nguyên. Tại Cao-nguyên, chúng ta nhận xét thấy một số rất nhiều thổ ngữ, có thể nói mỗi bộ lạc nhiều khi các nhóm (sous-tribus) có một thổ âm gần như là mỗi làng hay mỗi bộ lạc mới hiểu hết được mà thôi. Thật ra hiện tượng trên không có gì là lạ cả vì sự phát-triển một ngôn ngữ dính liền với trình độ văn-hóa và xã-hội của nhóm dân chúng sử nó. Tại Cao-nguyên, trình-độ văn-hóa và xã-hội của các bộ lạc sơn-cước hầu như : trong tình-trạng trì trệ do đó thổ ngữ hay ngôn ngữ không được ổn định và phát huy và chỉ còn lệ thuộc vào những ảnh-hưởng xuyên qua sự giao-thiếp với các cư dân, bộ lạc mạnh hơn kế cận. Giáo sư Antoine Cabaton đã xếp loại những thổ âm tại Cao-nguyên thuộc ba nhóm chính tùy theo trình-độ văn-minh :

- a)- thổ âm nguồn gốc Malayo-polynésienne
- b)- thổ âm nguồn gốc Khmère
- c)- thổ âm nguồn gốc Thibéto-birmane.

Sự kiện đa tạo về thổ ngữ tại Cao-nguyên cho thấy rằng danh từ Mọi mà người ta thường dùng để gọi đồng-bào sơn-cước, chính nó không có một nghĩa nào về nhân chủng. Nó không nhằm chỉ riêng một sắc dân hay bộ lạc nào. Hiện tại, thật khó mà phân biệt rõ rệt những chủng tộc khác nhau tại Cao-nguyên nói riêng và bán đảo Đông-Dương này nói chung (61). Nếu những thổ âm rất nhiều tại Cao-nguyên miền Nam thì ngược lại các phương-pháp để chuyển đạt tư tưởng hay thông đạt gần như tương tự nhau theo một số ước hiệu. Người sơn-cước thích dùng những hình tam giác hay đa giác bằng tre hay mây dài khoảng 50 phân khổ lớn để vẽ những hình hay những ước hiệu báo trước cho người qua đường một vật gì nguy hiểm hay thông-báo cho biết sự cấm vượt qua hàng rào một cái làng có việc kiêng cử (tabou). Ký hiệu này được treo thế nào để mọi người dễ thấy.

Một phương-pháp khác để liên lạc làm bằng những giấy nhỏ. Dọc theo những giây đó những cái nơ đã được người sơn-cước cột lại (những cái giây này tương tự như trước đây người thổ dân Mễ-Tây-Cơ dùng để ghi lại những sự kiện quan-trọng hay lưu truyền những tư-tưởng của nhau). Hai người muốn hẹn nhau, nhiều hôm trước họ trao cho nhau mỗi người một cái giây có thắt nơ sẵn. Mỗi ngày khi mặt trời mọc, mỗi người tự tháo ra một cái nơ và khi sợi giây đã được cả hai tháo hết nơ ra, mỗi người tự thấy ngày hẹn hò đã đến và họ đi đến nơi hẹn để gặp nhau. Một số nhà giáo-dục cho rằng trí nhớ của một số người không lệ-thuộc tư-tưởng. Giáo sư Gaultier de Claubry xác nhận sự kiện này khi ông làm giám-đốc học-viện ở Đông-Dương. Được dạy tiếng Pháp cho hai mươi hai người Thượng từ 12 đến 20 tuổi, ông ta đã đem áp dụng phương pháp thực-nghiệm nghĩa là trước hết giải-nghĩa bài học và không bao giờ bắt chúng nó học thuộc lòng trước khi bài học được giảng giải rõ cho học-sinh hiểu. Sau

(61) Il est fort difficile, à l'heure actuelle, de cataloguer les différentes races qui composent la population indo-chinoise. Certains d'entre elles paraissent pures, à un premier examen; mais, si l'on approfondit l'enquête, on reconnaît, bien vite l'erreur. Les croisements sont d'autant plus fréquents, dans ces régions que la polygamie y est admise. En outre, les guerres entre voisins étant continuelles, la soumission de la race vaincue se transforme, au bout de peu de temps, en une absorption complète au bénéfice de celle qui l'a conquise. Chez les Mois (p.147 Baudesson). Sách dã dã.

một thời gian thí-nghiệm, ông ta phải nhìn nhận rằng phương pháp này không có kết-qua, những học-sinh đã học thuộc lòng những bài học với một sự khó khăn, nghĩa là càng giảng giải rõ ràng họ càng khó học thuộc lòng. Trái với nguyên-tắc sư phạm đã được thừa nhận, thầy giáo bắt học sinh học thuộc lòng như con vẹt và chỉ giải nghĩa sau khi học trò đã học thuộc bài. Kết-qua thấy rõ ràng trí nhớ của người Thượng trở nên mau mẫn và trung thực khi không hiểu gì về bài học cả. Nếu nhận định trên là đúng, chúng ta có thể suy diễn rằng, nơi một số người, sự liên lạc giữa cơ năng ký ức và cơ năng tư-tưởng không được điều-hợp hay không có. Hai khả năng trên không thể hoạt-dộng hòa hợp. Để dễ dàng, ký ức phải làm việc đơn độc vì nếu tư tưởng đi trước ký ức, nó chỉ làm cho ký ức rối loạn. Một nhận xét khác là người Thượng, ký ức rất nhạy và phát triển khi đề cập đến những sự kiện song lại thấy sự cần thiết không thể không có những phương-tiện giúp trí nhớ để nhớ lại hoặc những con số hay ngày tháng. Trong tập ký sự nghiên-cứu về bộ lạc Kha, Bác-sĩ Noel Bernard kể lại một câu chuyện sau. Trong một buôn thuộc Cao-nguyên Boloven, ông ta nhận thấy cư dân ở đây rất lo sợ một ác thần đã chiếu cố đến buôn này gần một năm nay. Vì theo vị Phôly, thì kể từ một nam trở lại đây, những vụ chết chóc đã tăng lên nhiều. Để trừ nạn này, tất cả dân chúng trong buôn đó dời làng đến một chỗ khác. Bác sĩ Noel tình cờ biết được việc trên mới hỏi thăm vị già làng có bao nhiêu người đã qua đời trong một năm song họ đã không thể nhớ tất cả là bao nhiêu người chết để cho Bác-sĩ biết. Giáo sư khấn khoản thì già làng mới kể tên những người chết và cứ mỗi người chết được nhắc đến tên là một cái cây nhỏ được đặt cạnh chân ông ta. Sau khi kể tên xong, vị già làng tổng kết : hai người chết trong mùa gieo mạ, ba người trong mùa gặt lúa, bốn lúc bắt đầu mùa mưa và ông già làng lấy hai tay ôm đầu nói lớn "Ôi nhiều quá" không có một người Thượng nào có mặt tại đó có khả-năng tính ra tổng số người mà sự thật thì chỉ có vồn vồn mười bảy cái que nơi chân của vị già làng ! Tập quán dùng những mảnh gỗ để giúp những công việc tính toán rất phổ quát tại Cao-nguyên. Trước đây,

tại Cao-nguyên, những công-nhân người Thượng luôn luôn trang bị một que trên đó mỗi buổi chiều họ dùng dao làm một cái khúc đánh dấu một ngày làm việc xong. Đến ngày phát lương, họ ngồi lại với nhau, im lặng lấy các đoạn tre ra khỏi thắt lưng và trao cho người cai thợ tính theo khúc mà trả công cho họ, việc tính toán này rất ít khi họ làm lẫn. Còn nói về việc đo lường thời gian một năm có mười hai tháng thì thật ra ít người sơn-cước biết điều đó. Người sơn-cước chỉ nhớ lại những sự kiện xảy ra trong đời họ liên hệ những sự kiện mà họ cần phải biết đến vì ảnh-hưởng trực-tiếp đến đời sống của họ như những thay đổi của gió mùa, bão tố, lụt lội, hay các tình-trạng xảy ra trong thời gian trồng lúa. Thật ra, người sơn-cước không phải chỉ dùng các thanh tre vào việc tính toán mà còn dùng để chuyển những mệnh lệnh hay những ý kiến. Trong trường hợp này, những cái nấc được họ đeo gọt cả hai cạnh của thế gỗ có hình dáng và chiều sâu khác nhau và cách nhau bằng những khoảng cách đã được tính toán. Mỗi dấu hiệu này có một nghĩa khác nhau. Chính là do phương-pháp này mà một buôn này thông-báo cho buôn khác sự tuyên chiến. Đây là những câu họ thường dùng : "Từ nay đến mười hai ngày nữa, tất cả những ai vượt quá hàng rào buôn của chúng tôi sẽ bị bắt và chúng tôi chỉ trả tự-do cho nó theo tiền chuộc sau : bốn con trâu lực-lượng đã từng làm việc ngoài đồng, nếu không có trâu thì phải chuộc bằng hai bộ trống cách đây ít nhất là mười năm. Bộ lạc của chúng tôi hiện có ba mươi thanh-niên rất giỏi về cung tên, một số già cả đàn bà và trẻ con". Trước khi giao cho một thông-tín-viên đặc-trách việc giao tối-hậu-thư này cho đối phương, thế gỗ tối hậu thư được trang trí bằng một số lông chim cò trắng, một khúc than tre và một trái ớt. Những vật trang-trí này mang những ý nghĩa sau : "người đưa thư phải chạy nhanh như con chim mà anh ta mang những chiếc lông của nó, anh phải đi ngày lẫn đêm và để soi sáng cho bước đi của anh cục than tre này nhắc anh phải thắp sáng đuốc lên, để cho vững lòng anh ta đừng quên ăn một vài trái ớt như trái mà anh mang theo". Ta cũng thường gặp những người đàn bà hay người già cả mang nơi cổ những thế gỗ nhỏ có khác nấc. Theo sự giải thích của họ, mỗi nấc biểu hiệu con gà hay con dê

mà họ hứa dâng cho những vị thần rừng nếu muốn tránh cọp hay các thú dữ.

Người sơn-cước gán cho tất cả các giấy tờ một quyền lực đặc biệt. Trong người có một mảnh giấy trước khi lên đường thì họ tin chắc rằng nhiệm vụ sẽ trôi lọt vô sự. Không bao giờ một thông-tín-viên khởi hành mà không có trong tay một bì thư trống dù chẳng có đề gì ở bên ngoài phong bì. Chỉ cần cầm một phong bì dán kín lại họ tự cho rằng chứa những chữ viết ở trong là có thể che chở họ khỏi cọp dữ, ác thần và bảo đảm cho họ trong suốt cuộc hành trình có miếng an khi đói, có chỗ ở khi lỡ đoạn đường. Cái cách viết chữ bằng những nét cũng được một vài giống dân miền Nam Trung-Hoa áp dụng. Cha Crabouillet đã ghi lại trong những tập hồi ký của cha rằng người sơn-cước ở miền Nam Trung-Hoa dùng phương-pháp này để chỉ định những vật dụng thường nhật hay để diễn tả những tư-tưởng trừu-tượng. Nhiều giống dân, mặc dầu cũng biết Hán tự, vẫn quen dùng với nhau hệ-thống này để ký kết các giao kèo với nhau mục-dịch là để cho những bộ lạc kế cận không thể hiểu một số chi-tiết quan-trọng của các cam-kết giữa họ hầu tránh sự dòm ngó. Còn nói về nghệ-thuật thì trước hết thì ca vũ đều lẫn lộn với nhau. Trong ba bộ môn nghệ thuật đó, lời nói với cử động chỉ là yếu-tố phụ-thuộc. Tiếng nói xác định ý nghĩa những âm điệu nhịp rặng song không thể tách khỏi ba bộ môn nêu trên. Hình thức của sự diễn tả này đôi khi giới hạn ở một sự cảm thán, một tiếng kêu, những bắt chước tiếng kêu của muôn thú. Những tán thán lặp lại chỉ là những sự hồi tưởng những câu chuyện không lời khởi thủy đi trước thơ nói (62). Ngoài ra, âm luật chỉ là kết-quả một thị dục linh hoạt của con người để diễn tả những âm thanh đều đều, nhịp nhàng. Thật vậy, những câu thơ do người sơn-cước đặt ra rất ngắn, và nếu có chỉ là sự kết hợp ép vần. Bài thơ dài ngắn khác nhau cho thấy được trình độ văn-hóa của một giống dân. Bài thơ chỉ được

(62) Les refrains interjectionnels que l'on retrouve chez les peuplades incultes, ne sont que des réminiscences de ces sortes de romances sans paroles lesquelles, à l'origine précéderent la poésie parlée" Chez les Mois p. 153. Sách đã dẫn.

kéo dài ra khi những quy luật về âm điệu và âm luật vững vàng và nghiêm ngặt.

Ở Trung-Hoa, người ta thấy thể thơ tứ vận lúc ban đầu, chỉ đạt đến thất vận sau một thời gian dài. Ở Ấn-Đô, thơ viết bằng chữ Phạn rất ngắn trong kinh. Rig-véda chỉ được kéo dài ra trong những anh hùng ca qua nhiều giai-đoạn chuyển tiếp. Câu thơ khoảng mười lăm vận song luôn cắt khoảng bởi một chỗ ngắt.

Về âm luật của người sơn-cước, nhiều nhà nghiên-cứu công nhận văn xuôi hay văn vần đều dùng lộn xộn. Nhiều khi một bài diễn văn có thể là một bài thơ. Thật vậy, nhiều khi chỉ cần nói với người sơn-cước bằng thơ họ dễ hiểu và dễ nghe hơn là nói thơ-ngữ.

Chúng ta đã thấy khởi thủy của xã-hội loài người, những diễn-tả nghệ-thuật giới hạn vào vũ hợp-diễn tương-trung cho những chủ-đề đơn giản (dễ hiểu) mang đặc-tính phi nhân cách (chỉ tiếng) và chỉ là phản ảnh những cảm tình và những ý tưởng mộc mạc liên hệ đến tập-thể... song những tiến bộ xã-hội có hậu-quả làm biến-đổi sâu xa những tình-cảm và những tư-tưởng đó và dần dần những tranh-chấp nảy nở theo đà tiến triển xã-hội giữa giai-cấp giàu, nghèo, chủ và tớ, và rồi một nền văn-chương mới do đó xuất hiện nhằm diễn đạt những nguyện-vọng khác nhau. Một số nghệ-sĩ bình dân xuất hiện khắp các quốc-gia đặc-biệt trong lối văn-chương bình dân đó. Những câu về (rapsode) ở Hy-Lạp, Scandinave và Celte là những kiểu mẫu rất phổ quát về loại văn-chương này. Khắp nơi, những thi-sĩ hát dạo mà các trước tác phản-ảnh những cảm nghĩ và nguyện vọng của thời-đại đã được truyền lại bằng miệng. Hiện tại đã tạo nên những tài liệu phong-tục giá-trị (63). Trong tiến trình văn học và nghệ-

(63) *Partout, ce furent ces chantres nomades qui donnèrent une forme précise aux traditions populaires. Leurs œuvres reflètent exactement les impressions et les aspirations de leur époque, elles se sont transmises par traditionnelle. A l'heure actuelle, elles constituent des matériaux folklorique dont il est impossible de nier la valeur documentaire. Chez les Moïses p. 115. Sách dã dân.

thuật đó, đồng bào sơn-cước miền Nam vẫn còn ở trong giai-
đoạn phôi thai nói lên tình trạng trì trệ của xã-hội sơn-
cước. Đi vào vào địa-hạt nghệ-thuật cũng như văn học của
người sơn-cước chúng ta thấy những nhận xét đó rất chính-
xác (chủ đề đơn giản) (đặc tính phi nhân cách) phản ảnh
những cảm tình, những ý tưởng mộc mạc liên hệ đến tập-thể...

Xem như vậy, muốn được đầy đủ, sự nghiên cứu một
nhóm chủng tộc phải cần nghiên cứu những câu chuyện thần-
tiên, truyền kỳ, nếu chủng tộc đó không có chữ viết. Những
tài liệu đó rất hữu ích cho việc tìm hiểu lịch-sử của họ.
Người ta thấy rằng sự thiếu hay không có chữ viết sẽ có hậu
quả là làm tăng trí nhớ tập thể của những giống dân chỉ có
truyền khẩu. Những công cuộc nghiên cứu gần đây về đồng-
bào sơn cước cho thấy ký ức (trí nhớ) nếu không có gì biến-
đổi quan-trọng, có thể có giá-trị trong một thời-gian có
thể là sáu đời hay 150 năm. Được tiếp xúc với người sơn-
cước nhất là các trưởng buôn, già làng họ có một trí nhớ
đặc biệt. Họ nhớ được cả những biến cố xảy ra cách đây cả
150 năm như cuộc khởi nghĩa của Trần Khởi 1834 hay những
biến cố dưới triều đại Tự-Đức.



BOẠN II

NGHIÊN-CỨU TRÊN PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ VÀ CHÍNH TRỊ

Vị trí địa-dư của lãnh thổ Việt-Nam đã đem đến cho nền văn-hóa dân-tộc tính cách đa tạo về nhân chủng cũng như về ngôn ngữ... Trên phương-diện nhân chủng, xuyên qua các công trình nghiên-cứu của các học giả về nguồn gốc của dân tộc Việt-Nam, chúng ta không thể phủ nhận được rằng giống Việt-Nam không phải là nguyên giống mà có hình dáng của người Mông Cổ mắt xếch, kiểu người da đen tóc quăn và kiểu người còn sơ khai. Thật vậy, từ thời "đồng đá" đã có nhiều giống người cư trú ở Việt-Nam. Ở những lớp đất sâu nhất người ta tìm thấy dấu tích của giống người da đen (Négritos), giống Mélanésiens và giống Úc Châu, sau này có giống Indonésiens, Mông Cổ. Trong công cuộc khai quật các di tích tiền sử ở các vùng đồi núi Bắc-Việt, ở Hạ-Lào và ở phía tây dãy Trường-sơn các nhà nhân chủng học đã tìm thấy dấu vết của những giống người trên :

- Négritos, Mélanésiens, Indonésiens và Mông Cổ, ở làng Cườm.

- Mélanésiens và Négritos, ở phía Nam Tam-Hang, Giáo-sư E. Patte cũng đồng ý rằng "trong giống dân Việt-Nam ta thấy kiểu người Mông Cổ da đen và sơ khai"(1). Sự kiện này

(1) "Les annamites ont envahi cette région depuis la période Pré-historique mais la race annamite n'est pas homogène, de bons observateurs tel que Holbé y reconnaîtraient un type mongolide, un type négroïde ainsi que des types sauvages..."
E. Patte? Notes sur le préhistorique indo-chinois. Résultats des fouilles de la grotte sépulcrale néolithique de Minh Cầm p. 27 (Bulletin du service géologique de l'Indochine Hanoi 1925).

để nhận thấy nhất với người Việt gốc Chàm ở Ninh-Thuận, Bình-Thuận, người Việt gốc Miên ở vùng Hậu-Giang, người Việt gốc Anh-đô nê-diêng ở vùng Cao-Nguyên Trung-Phan, người Việt gốc Trung-Hoa ở hầu-hết các tỉnh miền nam Việt-Nam.

Khái-niệm chủng tộc có một lúc đã suýt đưa nhân loại đến chỗ diệt vong với quan niệm chuyên đoán của Hitler với một giống duy nhất. Quan niệm sai lầm này đã chôn ngòi cho các cuộc chiến-tranh về chủng-tộc và không thể nào chấp nhận được vì không ai mà không hiểu được rằng thế-giới ngày nay là thành quả của một sự pha trộn sâu rộng nhiều chủng tộc khác nhau sau bao nhiêu năm chiến-chinh, di cư, cưới xin đến nỗi không còn đặc-tính chủng-tộc nào nguyên chất nữa. Thật vậy, giáo-sư Nghiêm-Thâm khi nghiên cứu về sự tồn tại của ban chắt Indonésiens (Anh-đô nê-diêng) Trong nền văn-hóa Việt-Nam cũng đã chứng dẫn rằng : "theo hiện tình của các công cuộc nghiên cứu về cổ nhân loại ở Đông-Dương thì người ta nhận thấy có hai giống người đã chiếm phần ưu thế đó là giống Mélanésiens và giống Anh-Đô nê-diêng ... - Người anh-đô nê-diêng được hầu hết các nhà nhân chủng học coi như là thủy-tổ của người sơn-cước và cả người Việt-Nam hiện tại - ít khi thấy nguyên giống mà ta thường thấy họ bị pha giống với các người Négrites, Ấn-Đô, Môn-Cô, Mã-Lai ... Và hai nhà bác học nổi tiếng của "học viện Viễn-Đông bác cổ Pháp" là Lester và Millot cũng đã xác nhận trong cuốn Les races humaines trang 101 : "Có một điều vững chắc là có rất nhiều dân tộc thuộc giống anh-đô nê-diêng chứ người ta không thấy được một giống anh-đô nê-diêng nguyên chất (2). Vì vậy mà hiện tại hầu hết các quốc-gia trên thế giới đều gồm nhiều chủng-tộc khác nhau về phong-tục tập quán, về tôn giáo ngôn ngữ cùng sống chung trong một lãnh thổ được gọi là quốc-gia và danh từ đa số, thiểu số chỉ là biểu tượng của phần tỷ lệ chủng-tộc trong khối

(2) Ce qu'il y a de certain, c'est qu'il existe des peuples indonésiens bien plus qu'une race indonésienne bien définie (Lester et Millot, les races humaines p. 101).

dân tộc của một quốc-gia. Giáo-sư Nghiêm-Mỹ trong một bài khảo luận về vấn-đề dân thiểu số đã nói rất đúng : "Dân tộc là một điều chủ quan. Nếu không chia xẻ với nhau những lý tưởng và nếu không có ý thức hệ thống-nhất, nhân dân cùng một chủng tộc hoặc ngôn ngữ, tôn giáo hay cư ngụ cùng một vùng cũng không tạo thành một quốc-gia hay một thiểu số quốc-gia. Chính cái linh cảm thống nhất ấy, cái ý thức hệ quốc-gia ấy cấu thành dân tộc" (3). Thật vậy một quốc-gia chỉ có thể hình thành và tồn tại khi những chủng-tộc khác biệt về phong-tục, tôn-giáo, ngôn ngữ đã liên đới xây đắp một dĩ vãng biểu hiệu những hy-sinh họ đã chịu trong quá khứ, những hy-sinh mà họ sẽ tiếp tục đóng góp nữa cho cái mà họ gọi là quốc-gia. Sự kiện này nói lên sự ưng thuận và lòng mong mỏi được tiếp tục sống chung với nhau. Chính ở cái đặc điểm chủ quan này, ở cái ý thức và khát vọng sống chung trong một lãnh thổ là cái nguyên lý tinh-thần của sự hiện-hữu của một dân tộc, của sự sinh tồn của một quốc-gia. Người ta có thể cắt nghĩa rằng quốc-gia Ấn-Độ đã bị phân chia thành Ấn-Độ và Hồi-Quốc vì lý do Ấn-Độ giáo và Hồi giáo song nhận xét đó chỉ là nhận xét phiến diện vì tôn giáo chung qui chỉ là một yếu-tố khách quan trội yếu trong những yếu-tố khách quan khác (ngôn ngữ, phong-tục, địa thế ...) chứ tự nó không thể là một yếu-tố quyết-định cho sự hình thành một dân tộc. Năm 1882, Renan đã định nghĩa dân-tộc như sau "Dân tộc là một liên đới rộng lớn hợp bởi linh cảm những hy sinh mình đã chịu, những hy-sinh mình sẵn sàng làm nữa ; nó đòi hỏi một dĩ vãng tuy nhiên trong hiện tại nó được tóm tắt trong một sự kiện hiển nhiên : sự ưng-thuận, lòng mong ước rõ rệt tiếp tục sống chung. Sự hiện hữu của một dân tộc là một cuộc trưng cầu dân ý hàng ngày cũng như sự hiện-hữu của một cá-nhân là một kháng định vĩnh-viễn của cuộc sinh tồn. Một dân tộc là một linh hồn một nguyên lý tinh-thần" Xem như vậy chúng ta nghĩ thế nào về đồng bào sơn-cước ? Đồng bào sơn-cước có thể được hiểu như là dân tộc thiểu số dựa trên một vài tiêu chuẩn khách quan

(3) Quê-hương 11/1961 số 29 trang 109. Vấn đề dân thiểu số. Nghiêm Mỹ.

như chủng tộc, ngôn ngữ, phong-tục, tập quán? Chúng tôi đã có dịp trình bày nguồn gốc của đồng bào sơn-cước cũng như phong-tục tập quán của họ trong phần thứ nhất của tập luận án. Chúng tôi có thể nhắc lại đây nhận xét của ông Paul Nư, người Bahnar nguyên là Tổng-Trưởng Bộ Phát-Triển sắc-tộc: "Thật ra vấn đề đồng bào sơn cước là một vấn đề được ghi trong lịch-sử. Nếu lịch sử Việt-Nam có 4.000 năm văn hiến thì đồng bào Thượng cũng đã hiện diện đủ 4.000 năm trên giải đất chữ S này, và phải chăng chính người Thượng là những người Việt thuần túy, giòng dõi của những chiến sĩ bưng biển bất khuất để có thành tích trên 10 thế kỷ chống lại sự đô hộ của Trung-Hoa, và sự xâm nhập của nền văn-minh Ấn-Độ. Nếu ở ngoài Bắc thời gian đang đang trên 1.000 năm dưới ách đô hộ của người Tàu, người Việt còn ở lại miền xuôi đã chịu ảnh hưởng và bị đồng hóa phần nào với văn-minh Trung quốc, các chiến sĩ bưng biển vẫn giữ nếp sống cổ xưa với tinh-thần bảo thủ dần dần trở thành bất biến, thì trong Nam gần như cùng một thời gian, các thương lái Ấn-Độ từ đường biển vào miền Nam lập-nghiệp, du nhập theo văn-minh của quốc gia họ, tạo nên xứ Phù-Nam và xứ Lâm-Áp (Chiêm Thành). Dân Việt, hay rõ hơn, những người ngày nay được gọi là đồng bào Thượng miền Nam đã kịch chiến với các lái thương Ấn-Độ rồi phải chạy lên rừng ăn náu bảo tồn tập quán cổ truyền... Nếu cần tìm dẫn chứng cho giả thuyết vừa kể, chúng ta có lẽ cũng không phải vất vả cho lắm khi so sánh cách thức sinh hoạt và tổ-chức xã-hội của đồng bào Kinh Thượng. Nhìn vào những tập-quán, y phục trang sức, những nét điêu khắc cổ hiện còn tồn tại, những cổ-tích huyền thoại còn được lưu truyền ở miền Thượng-du cũng như ở Trung-Châu v.v... chúng ta sẽ thấy sự nhịp nhàng, hòa đồng kỳ diệu giữa nền văn hóa cổ của Kinh và Thượng. Đi vào địa-hạt khoa học thì sau những giả thuyết về Mélanésien, Malayopolynésien, Australien v.v... những khám phá mới đây của các nhà khảo cổ đã đưa tới kết-luận là Kinh cũng như Thượng đều cùng chung một nguồn gốc Anh-dô-nê-diêng" (4). Giáo sư Nghiêm Thẩm cũng đã đưa ra nhận xét:

(4) Chính sách Thượng-vụ trong lịch-sử Việt-Nam trang 20 ấn bản 1966 (Bộ Phát-Triển sắc tộc ấn hành).

"Hiện nay về nguồn gốc người Việt-Nam chính các nhà học-giã cũng chưa biết chắc chắn nhưng nếu ta chịu nhận xét kỹ thì ta thấy nền học thuật Trung-Hoa chỉ phủ một lớp bề ngoài lên dân tộc Việt-Nam chỉ giới sĩ-phu là chịu ảnh hưởng nhiều chứ người thường dân còn giữ được nhiều dấu vết của nền văn minh cổ xưa. Ta thấy nhiều dấu vết tỏ ra là ta chung một giống với các người Thượng mà các nhà bác học gọi là giống Anh-đô-nê-diêng". Trong một bài khảo-luận bàn về "sự tồn-tại của bản chất Anh-đô-nê-diêng trong nền văn-hóa Việt-Nam", giáo sư Nghiêm Thẩm còn xác nhận thêm "nếu ta so sánh những phong-tục của các người Nam Man kể trong các tài-liệu sử ký của Trung-quốc và những phong-tục của các người Anh-đô-nê-diêng ngày nay thì ta thấy người Nam-Man và người Anh-đô-nê-diêng rất gần nhau, biết dùng mai để làm ruộng, biết dùng cung và tên tẩm thuốc độc để săn bắn, biết xăm mình, biết nhuộm răng và an trầu, biết dùng thuyền di trên nước. Những trống đồng mệnh danh là trống đồng Lạc-Việt còn cho ta biết là người Lạc-Việt một giống Nam-Man, làm nhà sàn, biết trang hoàng các thuyền theo hình chim và cũng biết lấy lông chim để hóa trang thành hình chim, các trống đồng Đào-Trinh ở Yên-Bái còn cho ta thấy là đàn ông thời đó đóng khố và đàn bà mặc váy như kiểu các người Anh-đô-nê-diêng ngày nay. Ta có thể cho người Nam-Man của sử Trung-Hoa là thuộc về giống Anh-đô-nê-diêng của các nhà nhân-chủng-học" (5). Theo công cuộc nghiên cứu về nhân-chủng-học hình thể và sinh lý thì chúng ta có thể cho rằng người Việt-Nam có liên-hệ nguồn-gốc với giống người Anh-đô-nê-diêng. Giáo-sư L. Besacier và H. Marneffe khi nghiên cứu về tập đoàn huyết hệ (groupe sanguin) đã nhận xét rằng huyết hệ của người Việt-Nam thuộc về loại Phi-Châu và Nam Á cùng chung với các giống người Bahnar, Rhadés...(6). Ngôn-ngữ cũng vậy nó chỉ là một phần tố khách quan trong việc hình thành một quốc-gia. Nó là yếu tố giúp cho những khiêu nại có tính cách quốc gia thêm hiệu lực như trường-hợp của Ruthénie, Ukraine, Georgie đã đưa việc tồn tại của ngôn ngữ riêng biệt để đòi độc-lập.

(5) Quê-Hương số 36 6/1962 trang 160 "sự tồn tại của bản chất..."

(6) Les groupes sanguins de l'Indochine du Nord Hanoi 1942 p. 57-100.

Ngôn ngữ cũng đã được dùng để tập trung và kết hợp những dân cư với nhiều nguồn gốc khác nhau như tại Hiệp-chủng-quốc Hoa-Kỳ với sự ưu thắng của Anh-ngữ. Fichte còn đi xa hơn "khi ta thấy một ngôn ngữ riêng biệt ở đâu thì ở đấy có một dân-tộc riêng". Dù sao thì quan điểm cực-đoan này thực không thể nào chấp nhận được vì ngôn ngữ cũng chỉ là một phần tố có thể bị biến đổi bởi những yếu-tố ngoại-lai. Một đứa trẻ Việt-Nam sinh đẻ và lớn lên tại Pháp chắc-chắc sẽ không còn biết tiếng Việt-Nam nữa. Ngôn ngữ của đứa trẻ đó hẳn là Pháp-ngữ và không thể nào kết-luận rằng đứa trẻ đó là một người Pháp vì nói tiếng Pháp. Nếu những yếu-tố căn bản như hình thể, sinh lý, huyết hệ cũng còn có thể bị biến thể vì sự pha giống thì yếu-tố ngôn-ngữ cũng chỉ là một yếu tố phụ-thuộc trong việc cấu-tạo nên một dân-tộc hay một quốc-gia. Do đó, chúng ta không thể dựa trên ngôn-ngữ hiện tại của đồng-bào sơn-cước mà kết-luận họ không liên-hệ gì tới nguồn-gốc của người Kinh. Trước đây các nhà ngôn-ngữ học cho rằng tiếng nói của người Việt là thuộc loại tiếng Trung-Hoa Tây-Tạng (langue Sino-tibétaine), song ngày nay các nhà bác học lại cho là tiếng Việt thuộc loại tiếng ở miền Nam Á-Châu (langue Austro-Asiatique) (7). Phân-tích như vậy, chúng ta nghĩ rằng không thể tiếp tục làm lần khi ám chỉ đồng bào sơn-cước sinh sống tại vùng Cao-nguyên miền Nam là đồng-bào thiểu-số và trên thực-tế trong quá-trình lịch-sử chúng ta đã ghi nhận không biết bao nhiêu hình ảnh người Kinh Thượng đoàn kết chống xâm lăng để giữ gìn quê cha đất tổ hay những sự kiện người sơn-cước lấy công-chúa và thiên-tử kết hôn cùng sơn nữ nói lên tinh thần hòa đồng của dân tộc Việt-Nam. Sự phân biệt người sơn-cước và đồng

(7) Khi nghiên-cứu về những cuộc di dân tại Đông Nam Á Châu về thời tiền sử đồ đá mới H.G. Quaritch Wales đã theo giả-thuyết của Van Heine-Geldorn mà cho là có hai đợt sóng người di dân : đó là đợt di dân của giống người "Austronésien" ở các đảo ở Đông Nam Á-Châu nói loại tiếng Malayopolynésien và đợt di dân của giống người Austro asiatiques ở miền Nam Á-Châu nói loại tiếng "Mon Khmer" (Prehistory and religion in South East Asia Londres 1957) - Giống người Austronésiens nguyên thủy, di cư từ Trung-Hoa xuống Đông-Dương vào đầu hay vào giữa khoảng 2.000 năm trước tây lịch, trước khi sống lẫn lộn với giống Austro asiatique và di cư đi các đảo ở Đông Nam Á-Châu cho đến tận Nhật (Notes préliminaires sur les formations cénozoïques et plus récentes de la chaîne annamitique septentrionale et du Haut Laos, Hanoi 1936 Fromaget et E. Saurin.

bằng chỉ xảy ra sau khi người Pháp đặt chân lên đất nước Việt-Nam ngõ hầu áp-dụng chính-sách chia để trị. Có lẽ rằng nếu người Pháp còn kéo dài sự đô hộ thì không riêng gì người Kinh và người Thượng mà cả đến những người Bắc, Trung, Nam cũng sẽ chỉ là những người xa lạ.

Để hiểu rõ các chính sách đường lối mà quốc-gia Việt-Nam đã áp-dụng đối với đồng-bào sơn-cước kể từ khi Việt Nam dành lại quyền tự chủ sau hơn 1.000 năm Bắc thuộc chúng ta sẽ lần lượt đi qua những trang sử cũ.

A.- CÁC CHÍNH SÁCH THƯƠNG VỤ TRONG THỜI KỲ ĐỘC LẬP

I.- CHÍNH-SÁCH THƯƠNG-VỤ TỪ NHÀ NGÔ ĐẾN NHÀ NGUYỄN GIA-LONG (939-1802)

Sở dĩ chúng tôi bắt đầu từ nhà Ngô để nghiên-cứu chính-sách thương-vụ là vì kể từ năm 939 với sự đại thắng quân Nam Hán trên sông Bạch-Đàng của Ngô-Quyền, nước Đại-Việt mới thực-sự được thành-lập và giữ vững nền tự-chủ. Kể từ đó, quốc-gia Đại-Việt phải lo củng cố nền độc-lập phối-thai của mình, đối ngoại luôn luôn bị đe-dọa bởi hai địch-thủ lợi hại : Trung-quốc từ phương Bắc và Chiêm-Thành ở phương Nam, đối nội từ nhà Ngô, Đinh, Lê, Lý phải bận rộn với những tranh-chấp nội-bộ nên trong suốt ba thế kỷ đó chúng ta chỉ ghi nhận cuộc Chiêm phạt đầu tiên của vua Lê-Đại-Hành để hai tội Chiêm-Thành bắt giam sứ Việt. Biện-cớ này thực ra không nhằm một chủ-trương chính-trị đối ngoại nào khác mà phải đợi cho đến triều đại nhà Lý nội ngoại tạm yên - Đại-Việt lúc bấy giờ chiếm cứ vùng khu vực sông Hồng-Hà cho đến địa phận tỉnh Thanh-Hóa ngày nay - mới nghĩ đến chuyện trấn Bắc và Nam tiến. Năm 1010 vua Lý-Thái-Tổ kế-nghiệp nhà Lê, ở phương Nam Đại-Việt, dãy núi Hoành-Sơn, Việt-Lĩnh án định biên thù Chiêm-Thành và Việt-Nam lúc bấy giờ; ở phía Bắc Đại-Việt từ Cao-Bàng sang đông, cương-giới

Tổng Lý cũng khá rõ rệt, còn từ Cao-Bàng tới Bảo-Lộc, Yên-Bái, chưa hẳn thuộc về ai : từ Hải-Ninh, Mông-Cái đến Khâm-Châu (Kintcheou) và từ huyện Quảng-Lạng đến Ôn-Châu, ở phía Nam Lạng-Sơn đến Ung-Châu (Nam-Ning) cả hai nước Hoa-Việt đều kiểm-soát. Dân-cư trong vùng biên thủy bờ ngõ được cả hai nước Hoa-Việt gọi là Man dân. Các Man-dân gồm nhiều bộ lạc khác nhau, mỗi bộ lạc chiếm cứ một khu-vực dưới quyền chỉ huy của một vị tù trưởng hay trưởng tộc. Ở cực đông có họ Hoàng ở hai mé biên giới tại Đông Như-Tích và Châu Vĩnh-An. Họ Hoàng nhỏ nhưng đã từng làm Châu mục tại Vĩnh-An. Họ Vi là một họ lớn, chiếm vùng Tư-Lãng, Lộc-Châu, Tây Bình ở Tống và châu Tô-Mậu ở Việt-Nam. Các động trưởng ở vùng này đều là họ Vi. Họ Vi và ba họ khác : Nùng, Hoàng, Chu là bốn họ mà Trung-Hoa nhận là dân Khê-động vùng tả giang và hữu giang. Tả giang và hữu giang là hai nguồn sông Tây giang ở Lương-Quảng. Hữu giang phát nguyên từ Vân Nam chảy xuống qua Quảng Tây theo hướng Đông-Nam. Tả giang phát nguyên từ chỗ giáp giới tỉnh Cao-Bàng và Vân-Nam chảy qua Cao-Bàng rồi theo chiều đông bắc qua Quảng Tây hợp với hữu giang ở phía Tây thành Ung-Châu sông Ô-Bí là một nhánh của tả giang. Các họ Nùng Hoàng Chu đều ở trong triền hai sông ấy. Theo Việt-Nam sử lược của Trần Trọng Kim thì khu vực Quảng Nguyên là thuộc địa-phận Lạng-Sơn bây giờ. Họ Nùng phần lớn ở bốn châu An-Bình, Vũ-Lạc, Tư-Hùng, Thất-Nguyên thuộc tả giang và ở Quảng-Nguyên tức là trên đất Cao-Bàng và đất phía Đông biên giới Cao-Bàng ngày nay. Họ Hoàng ở về phía Tây thuộc Hữu giang nhất là ở bốn châu An-Đức, Quy-Lạc, Lộ Thành, Điền châu tức phía Bắc và Tây Bắc Cao-Bàng. Hai đạo tả hữu giang gồm có khoảng năm mươi đến sáu mươi động, tù trưởng các động ấy khi trước đều tự lập. Đời Đường có viên kinh lược sứ Ung-Châu là Từ Thân Hậu chiêu dụ nên mới theo Đường (8). Trong thời kỳ này, tuy mới dành được nền tự chủ song le nước Đại Cồ-Việt vẫn còn trong thời kỳ bành trướng và công cuộc chinh phục các tiểu quốc lân-bang

(8) Hoàng-Xuân-Hân : Lý-Thường-Kiệt - Chương IV "Chính sách Bắc Cương triều Lý.
Hà nội 1949.

văn là chủ trương của nhà Lý, một mặt để gây thêm thanh-thế với các tiểu quốc hầu ngan chặn sự dòm ngó từ phương Bắc, một mặt củng cố nền độc lập phôi thai của mình. Vì vậy mà dưới đời nhà Lý, đối nội để ổn định tình hình, Lý Thái-Tổ đã đặt ra lệ là cứ hàng năm các quan văn võ trong triều phải đến Đông Cổ (ở làng Yên Thái Hà nội) làm lễ trời đất và phải đọc lời thề rằng : "làm con phải hiếu, làm tôi phải trung, ai bất hiếu, bất trung xin quý thần làm tội". Lệ này hề ai không tuân theo thì phải phạt năm mươi trượng (9). Đối ngoại, kỹ-thuật địa-phương tự trị và trung-ương tận quyền được áp-dụng triệt-để để trấn an các tiểu quốc lân bang. Phạm việc binh việc dân ở các châu đều giao phó cho các châu mục. Còn ở vùng Thượng-du thì tù-trưởng hay tộc-trưởng quản lĩnh. Chính quyền trung-ương chỉ hành xử quyền hạn của mình để hải tội các châu, động có ý chống lại trung ương hay có mầm mống phản loạn đe dọa triều đình như việc xưng Vương hay xưng Đế coi thường triều đình. Chẳng hạn năm 1038, Nùng Tôn Phúc tự xưng là Chiêu Thánh Hoàng-Đế đặt quốc hiệu là Trùng Sinh Quốc vì lý do đó Lý Thái Tông phải thân chinh đi hải tội. Năm 1048, Nùng Trí Cao xưng đế và đặt quốc hiệu cho vùng Châu Quảng Nguyên là Đại-Nam, vua Lý-Thái-Tông cũng đã sai quan Thái Úy Quách Thịnh Dật lên hải tội.

Quyền tự trị rộng rãi được dành cho các tiểu quốc song lệ quyền tự trị này giới hạn vào việc triều cống hàng năm được quy-định như một tục lệ truyền thống của sự lệ-thuộc của địa-phương đối với trung-ương. Vì vậy mà trong suốt thời tự chủ từ nhà Ngô đến Hậu-Lê chúng ta ghi nhận không biết bao nhiêu cuộc Chiêm phạt mỗi khi Chiêm-Thành không chịu triều cống :

Năm 994, Vua Lê-Đại-Hành tiến quân về Nam buộc Chiêm-Thành lập lệ triều cống. Dưới triều Lý Thái Tông năm

(9) Việt-Nam sử lược Trần Trọng Kim trang 99. Tân-Việt Saigon 1958.

Giáp-Thân 1044, quân nhà Lý đã tiến quân vào Phật Thệ (tỉnh Thừa-Thiên bây giờ cũng vì lý do Thái-Tông lên làm vua đã hơn mười lăm năm mà nước Chiêm-Thành vẫn không chịu thống sứ. Năm 1069 Lý Thánh Tông một lần nữa Chiêm phạt và được Chế Củ xin dâng ba châu để chuộc tội là châu Ma-Linh, Địa-Lý và Bố-Chính (những châu này là địa hạt tỉnh Quảng-Bình và Quảng-Trị). Cuộc đồng hóa đầu tiên được thực hiện với cuộc di dân Việt-Nam vào năm 1075 vào ba châu trên dưới đời vua Lý-Nhân-Tôn. Sự kiện này nằm trong chủ-trương đồng-hóa và một mặt nhằm ngăn chặn sự trở mặt của Chiêm-Thành và các tiểu-quốc ở phía Nam như Chân-Lạp và Lão Qua. Năm 1164 nước Đại-Việt đổi thành là An-Nam Quốc-Vương dưới đời vua Lý-Anh Tông (10).

Năm 1252, Trần-Thái-Tôn lại Chiêm phạt để chặn đứng âm mưu nổi loạn và đòi lại đất cũ của Chiêm-Thành. Năm 1307 để duy trì sự giao hảo với Chiêm-Thành hầu rảnh tay trong việc chống quân Nguyên ở phương Bắc và quân Ai-Lao ở phía Tây Nam triều đình đã gả công chúa Huyền-Trần cho vua Chiêm Thành là Chế-Mân. Chế-Mân lại xin dâng Châu Ô và Châu Rí để làm lễ cưới. Vua Anh Tông thu nhận hai châu đổi tên là Thuận-Châu và Hóa-Châu rồi sai Ông Đoàn Nhữ Hài vào kinh-lý và đặt quan cai-trị. Việc cưới hỏi này cũng nằm trong chính sách Nam tiến của nhà Trần. Dưới đời nhà Hồ, Chiêm-Thành lại dâng đất Cổ-Luy (Quảng-Nghĩa) rồi phân đất ra làm Châu Thang, Châu Hoa, Châu Tư, Châu Nghĩa và đặt quan An phủ sứ cai trị bốn châu ấy. Nhà Hồ cũng đã di dân đến khai khẩn để lập-nghiệp. Đến nhà Hậu Lê, dưới đời Hồng-Đức 1460-1497 mới định lại việc cai-trị. Chế-độ địa-phương tự-trị vẫn được duy-trì song chính-quyền trung-ương đã tìm cách can-thiệp vào nội bộ các tiểu quốc chư hầu : điều 24 trong 24

(10) "Nguyên khi trước Tàu gọi ta là Giao-Chỉ quận rồi sau đổi là Giao Châu còn đời nhà Đường đặt là An-Nam Đô hộ phủ. Nhà Đinh đặt là Đại Cồ Việt, vua Lý-Nhân-Tôn đổi là Đại-Việt. Nhưng Tàu vẫn phong cho vua ta là Giao Chỉ quận vương, đến đời vua Lý Anh Tông mới đổi là An-Nam Quốc-vương. Nước ta tên là nước An-Nam khởi đầu từ đây" Trần-Trọng-Kim V.N. sử lược trang 112. Tân-Việt Saigon 1958.

điều giáo huấn của vua Lê-Thánh-Tôn : "Các dân mường mán ở ngoài bờ cõi nên giữ lời di huấn, không được trái đạo luân thường như cha, anh, chú, bác đã chết thì con em không được chiếm lấy những thê thiếp, nếu mà trái phép, thì sẽ trị tội rất nặng. "Dưới đời vua Lê-Thánh-Tôn, vua Lê lấy đất Đồ Bàn, Đại-Chiêm, Cổ-Lũy lập thêm đạo Quảng-Nam có ba phủ chín huyện và đặt quan cai-trị cùng di dân đến sinh-cơ lập-nghiệp khai hóa Chiêm dân. Dưới đời vua Lê-Thánh-Tôn, thanh thế lừng lẫy, việc trấn Bắc do đó cũng được hữu hiệu, nước Lào và các Mường ở phía Tây đều về triều cống cả.

Trong suốt thời gian dài từ nhà Ngô đến Hậu Lê các nhà lãnh đạo đã áp-dụng chính-sách trấn Bắc bình Nam và quan-niệm các bộ lạc miền núi là những thuộc quốc nhỏ bé, những địa-phương tự trị dưới sự thống thuộc của triều đình trung ương. Những thuộc quốc này được hưởng một chế-độ tự trị rộng rãi. Các vị cai quản tiểu quốc luôn luôn được triều đình trung-ương tận phong tước hiệu. Sự tự ý tấn phong được coi như là một hành vi làm tổn thương đến quyền giám-hộ và sẽ bị trung-ương trừng phạt ngay. Dĩ nhiên chính sách địa phương tự trị vẫn còn quá rộng rãi đã làm cho quyền-hành các châu mục và tù-trưởng trở nên lớn lao và sẵn sàng uy hiếp và coi thường trung ương khi có cơ hội. Chúng ta có thể nói rằng chính-sách sơn-cước vụ của chính quyền lúc bấy giờ nằm trong hai chủ-trương uy và đức. Lấy uy để trừng phạt và lấy đức để ngăn ngừa. Thật ra suy cho kỹ thì đây chỉ là chính-sách giai-đoạn nhằm củng-cố thế-lực để chống lại kẻ thù nguy-hiểm từ Bắc-phương vì trong suốt thời-gian gần sáu thế kỷ nay không lúc nào các tiên-đế xao-lãng công cuộc Nam tiến. Ngoài việc hành xử tuyệt đối quyền hành của trung-ương đối với các địa-phương trực thuộc, một chủ trương bất kỳ thì được áp dụng triệt-đề. Chủ-trương này phải chăng là một chiến-thuật giai-đoạn ? Xuyên qua những biến chuyển chính trị và những biện pháp hành-chánh được áp-dụng kể từ khi lập quốc chúng ta không ngần ngại cho rằng đây quả là một chiến lược lâu dài được nối tiếp qua nhiều triều đại nằm trong công cuộc đồng hóa các Châu, động



Một làng sơn-cước tại Cao-nguyên

và bộ lạc sơn-cước. Nhiều sử liệu còn ghi chép lại rõ ràng các cuộc hôn-nhân giữa vua chúa Việt và các quan cai-trị các châu động người sơn-cước. Nếu giữa các vua chúa Việt và các bộ lạc địa-phương mà những cuộc hôn-nhân đã được thực hiện thì chúng ta có quyền suy-luận rằng giữa người Việt và người sơn-cước việc hôn-nhân là việc thường tình và sự kiện kỳ thi không thể có được. Nghiên-cứu lịch sử chúng ta còn ghi nhận thêm, thực ra thì Đại-Việt cũng chỉ là một trong số những bộ lạc của Bách-Việt. Thật vậy, khởi đầu của nền tự chủ vào năm 945, Đại-Việt gồm 12 sứ quân, các thổ hào ở các địa-phương mỗi người hùng cứ một phương và Đinh-Bộ-Lĩnh cũng chỉ là một kẻ mạnh của một trong 12 sứ-quân trấn đóng tại Bồ hải khẩu (Thái-Bình). Phương chi, trên phương-diện giao-thông liên lạc lúc bấy giờ, đường sá hiểm trở nên người ở thôn này động nọ ít khi giao tiếp được với nhau do đó mà thành xa lạ. Về các cuộc hôn-nhân giữa các bộ tộc sơn-cước và triều đình chúng ta ghi nhận các sự kiện sau : sách Mông-Kê bút đàm có chép : "Giáp động là bộ lạc lớn ở Lạng Châu chúa động tên là Giáp-thừa-Quý lấy con Lý-Công-Uẩn rồi đổi tên ra họ Thân. Con của Thừa-Quý là Thân Thiên-Lai lại lấy công chúa Bình-Dương con gái Đức-Chính tức là Lý-Thái-Tôn năm 1029, con Thiện Thái là Cảnh-Long lại lấy con Nhật Tôn (Thánh-Tông) là công chúa Thiện-Thành năm 1066 (11). Năm Bính-Tý 1036 vua Thái-Tông lại gả công chúa Kim-Thành cho châu mục Phong-Châu (vùng Sơn-Tây Phú-Thọ) tên là Lê-Thuận-Tông và gả công-chúa Trường-Ninh cho châu mục Thượng Oai (Hóa-Bình) là Hà-Thiện-Lâm.

Năm 1033, vua Thái-Tông lại chọn con gái Đào-Đại Di ở Châu Châu-Đang vùng Hưng-Hóa đưa về cung làm Hoàng-Phi. Vua Thánh-Tông gả con nuôi là công chúa Ngọc Kiều cho Châu-mục Châu Đang họ Lê.

Trong các cuộc Nam tiến sau này, nhà Trần, Hồ, Hậu Lê đều noi theo chính sách dùng uy-đức để thu phục Chiêm-

(11) Hoàng-xuân-Hản : Lý-thường-Kiệt chương IV chính sách Bắc Cương triều Lý.
Hà Nội 1949.

Thành và mở rộng bờ cõi. Trần Anh-Tôn cũng áp-dụng chính-sách hôn-nhân của các triều đại cũ gả công-chúa Huyền-Trần cho Chế-Mân để đổi lấy hai châu Ô, Ri năm 1036. Chính-sách của nhà Trần thực sự rõ ràng trong mục đích đồng hóa và kiểm-soát rộng rãi như di dân lập nghiệp và đặt quan cai-trị tại hai khu-vực mới kết nạp được. Tóm lại chính-sách sơn-cước vụ được áp-dụng dưới kỹ-thuật địa-phương phân-quyền nghĩa là các bộ lạc sơn-cước tuy được duy-trì chế-độ tự-trị song phải thần phục trung-ương và chấp nhận quyền-hành của Trung-ương. Sự chấp nhận quyền-hành được thể-hiện qua việc phong chức tước cho các tù-trưởng, các châu trưởng. Sự chấp nhận quyền hành địa-phương còn dựa trên căn-bản là địa-phương là thuộc quốc và thuộc dân của Trung-ương cho nên phải đóng góp vào gánh nặng công phí của triều đình như tùy theo địa-phương phải đóng góp cho trung-ương hàng năm những lâm sản như ngà voi, tê giác, quế, kỳ nam, mật ong. Triều đình không xâm-phạm đất đai và xen vào việc nội-trị của các người sơn-cước trừ khi các thuộc quốc đặt những địa-phương nào đó thuộc quyền cai-trị trực-tiếp của nhà vua lúc bấy giờ trung-ương mới đặt kế-hoạch di dân đến lập-nghiệp. Trên thực-tế những vụ di dân lập nghiệp từ đồng bằng lên miền sơn-cước và ngược lại hoàn toàn tự-do. Việc tự-trị rộng rãi là một chiến-thuật cai-trị của các triều đại xưa khi quyền bính và nền chính-trị trung-ương chưa ổn-định. Trung-ương đành lòng với sự phân quyền địa-phương rộng rãi song trong trường-hợp chính-quyền trung-ương được củng-cố thì trung-ương lại bắt đầu xen vào nội-bộ các địa-phương để sắp xếp chằng hạn như vua Lê-Thánh-Tông khi đã củng cố được quyền-hành liền nghĩ ngay đến việc cai-trị các địa-phương sơn-cước. Khi ban huấn dụ để sửa sang phong-tục quốc-gia, ngài đã nghĩ ngay đến việc cải đổi phong-tục đồng-bào sơn-cước cho phù-hợp với phong-tục an-nam lúc bấy giờ và cũng chính trong thời gian này nghĩa là từ vua Lê-Thánh-Tông cho đến cuối nhà Lê, trải qua hai triều chúa Trịnh chúa Nguyễn, chúng ta ghi nhận hai chính-sách sơn-cước rõ rệt của Bùi-Tá Hân (1540) và của Nguyễn-cư-Trình (1750). Chế-độ tự-trị địa-phương là chế-độ truyền-thống tại Việt-Nam từ xưa đến nay, chế-độ đó thực-sự đã làm cho phong-tục tập-quán của người Việt-Nam mất đi sự thuần nhất.

1)- Chính-sách sơn-cước-vu của Bùi-Tá-Hãn

Gao-nguyên miền Nam từ đầu thế kỷ 11 đến khi có cuộc Nam tiến của nhà Hậu Lê là nơi tranh giành ảnh hưởng giữa người Khmer và Chăm. Vương-quốc Chăm rất mạnh mẽ lúc bấy giờ nên các sắc dân như Rhadé, Jarai, Hroi, đã bị ảnh-hưởng của Chăm rất lớn. Vì vậy mà người sơn-cước miền Nam đã hợp tác với người Chăm để ngăn chặn công cuộc Nam tiến của triều đình Việt-Nam. Sau khi chiến-thắng Chiêm-Thành vào năm 1470 và sát nhập Đồ-Bàn, Đại-Chiêm, Cổ-Lũy thành đạo Quảng-Nam gồm ba phủ, chín huyện rồi đặt quan cai-trị, đặt trường học để truyền bá sự học hành và lễ nghĩa thì vùng sơn-cước triều đình chỉ ấn định ranh giới không cho họ tràn xuống đồng-bằng và chính-sách chú hầu ở miền Bắc được đem ra áp-dụng cho vùng sơn-cước. Sách Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập từ tờ 33 đến 40 có nói đến cuộc bang-giao vùng sơn-cước với Việt-Nam. Từ 1470 đời Lê-Thánh-Tôn lấy đất của Chiêm thành lập thành ba nước Chiêm-Thành, Hóa Anh và Nam-Bàn. Lãnh thổ của hai vị Thủy-xá và Hỏa-xá người Jarai thuộc nước Nam-Bàn. Cũng theo Đại-Nam chính biên liệt truyện sơ tập Nam Bàn gồm có hơn năm mươi làng lấy núi Thạch-Bi ở phía Tây làm địa-giới giáp giới tỉnh Phú-Yên. Năm 1540 dưới đời vua Lê-Trang Tôn (1533-1548) Ông Bùi-Tá-Hãn được cử vào trấn thủ thành Quảng-Nam. Lúc bấy giờ người sơn-cước Đá Vách gồm các bộ lạc Hré, Kré, Bonam, Khét, Takua và Katu thường tràn xuống Trung-châu cướp phá. Ông Bùi-Tá-Hãn phải thân chinh đi đánh dẹp nhiều lần mới yên. Sau khi bình định xong, Ông Bùi-Tá-Hãn đã đem áp dụng một chính-sách sơn-cước đặt căn-bản trên chính sách chú hầu ở miền Bắc nghĩa là sau khi thu phục được vùng sơn-cước miền Nam Ông cũng áp-dụng một chính-sách địa-phương tự-trị với chủ-trương dân-tộc hòa đồng. Chính-sách của Bùi-Tá-Hãn có những đặc-điểm sau :

a)- Chấp nhận tư-cách pháp-nhân cho vùng sơn-cước. Tư-cách này được thể hiện trong việc xác-nhận quyền-hành và phạm-vi trách-nhiệm lãnh-thổ của các phiên vương Hỏa-xá và Thủy-xá cùng các tù-trưởng sơn-cước.

b)- Quyền giám-hộ của trung-ương phải được tôn trọng của sự kiện trung-ương tấn phong cho các phiến vương Hồ-xá và Thủy-xá.

c)- Quyền kiểm-soát cũng được qui-định qua hệ-thống tổ-chức các thương hồ.

Kỹ-thuật địa-phương tự trị được áp-dụng từ lâu ở miền Bắc đã được đem thực-hiện tại miền Nam song nếu tại vùng sơn-cước miền Bắc, các triều đại trước đã thực-hiện một chính-sách tự-trị quá rộng rãi và thiếu kiểm-soát để nhiều khi trung-ương phải bắt lực trong công cuộc cai-trị thì tại vùng sơn-cước miền Nam kỹ-thuật địa-phương tự-trị khéo-léo hơn nghĩa là song song với việc tự-trị, chính-quyền trung-ương còn nghĩ đến việc cải-tổ hành-chánh, cải-tổ xã-hội và các biện-pháp an-ninh.

Trên phương-diện hành-chánh ngoài cơ-quan lãnh-đạo được coi như là cơ-cấu lập pháp nhằm tấn phong cho các chức chương truyền thống của đồng-bào sơn-cước (thủy-xá, hồ-xá, tù trưởng, thân hào). Chính sách của ông Bùi-Tá-Hàn còn nghĩ đến việc đặt một cơ cấu hành-chánh để lo việc cai-trị vùng sơn-cước. Cơ-cấu này được thể hiện qua chức giáo dịch (người sơn-cước) để đặc-trách trông nom các dân sơn-cước. Mỗi giáo dịch có bốn nguyên, mỗi nguyên có một cái quân và một số con quân. Con quân tổ-chức một số thương hồ người Việt hay người sơn-cước để đi lại liên lạc từ Cao-nguyên xuống Trung-châu và ngược lại. Trên phương diện chính-trị cơ-cấu này thực-sự tôn-trọng quyền tự quyết của địa-phương vì các chức-vụ đều do người địa-phương nắm giữ, tuy nhiên trên phương-diện hành-chánh tổ chức này vẫn được theo dõi và kiểm-soát qua hệ-thống thương hồ đi lại liên lạc trên vùng sơn-cước.

Trên phương-diện xã-hội và kinh-tế chính-sách này cũng trù-liệu kế-hoạch bình định lâu dài qua kế-hoạch di dân lập ấp trên vùng sơn-cước như khuyến-khích người sơn-

cuộc lập dinh điền và khai khẩn đất đai để khuếch trương kinh-tế trong khu-vực sơn-cước. Việc giao thương buôn bán giữa người sơn-cước và người đồng bằng được chấp-thuận. Những trường thi là những nơi tập họp buôn bán được thiết-lập. Chính-sách này còn cho phép các nông-dân người Việt và các tiểu phu đốt rừng làm rẫy lên vùng sơn-cước làm ăn và sinh cơ lập nghiệp.

2)- Chính-sách sơn-cước vụ của Nguyễn-Cư-Trinh

Nam Canh-Ngo 1750 đời chúa Nguyễn là Võ-Vương Nguyễn Phúc Quát, Ông Nguyễn-cư-Trinh được bổ-nhiệm làm Tuần Vũ Quảng-Ngãi. Ông đã nhận-định được nguyên-nhân của những cuộc nổi loạn của người sơn-cước vùng Quảng-Ngãi, Quảng-Nam, Quảng-Tín, Bình-Định mà sử liệu gọi là giặc Đá-Vách. Hai nguyên-nhân chính trong công cuộc nổi lên cướp phá vùng đồng bằng của các bộ lạc trên là vì :

- a)- Đời sống cơ cực đói khổ của người Đá Vách
- b)- Sự áp-bức và bóc lột của quan quân đồn trú.

Thật ra thì kể từ chính-sách sơn-cước vụ của Ông Bùi Tá-Hãn cho đến thời kỳ của Ông Nguyễn-cư-Trinh trong khoảng thời gian hai trăm năm đó chính sách của Ông Bùi-Tá-Hãn vẫn được duy-trì, nhưng kể từ 1558 khi chúa Nguyễn-Hoàng được cử vào trấn thủ đất Thuận-Hóa nội-tình Việt-Nam bị xâu xé bởi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, rồi Trịnh-Nguyễn phân tranh gây cảnh phân ly Nam triều Bắc triều cho nên chính sách thượng-vụ của Ông Bùi-Tá-Hãn đã không được các quan quân cai-trị địa-phương áp-dụng đúng đắn. Dù rằng chính-sách của họ Bùi sau này được đem ra áp-dụng cho toàn vùng Thượng từ Quảng-Nam xuống đến Bình-Thuận, một vài thay đổi trong tổ-chức như chức thương-hồ được thay đổi tùy theo địa-phương, tại Bình-Định Phú-Yên gọi là Thủ-ngũ hay Thuộc-lại, ở Khánh-Hòa là Thù-Biện và Bình-Thuận là Thông-dịch. Song về chính-sách hay mà không có cán-bộ thực-hiện hay là thực-hiện lệch lạc thì cũng không thể nào đem đến kết-quả mong muốn, vì

vậy mà về sau người sơn-cước đã nổi lên chống lại sự áp bức và bóc lột của các quan-lại địa-phương. Thực trạng xã hội như vậy, Ông Nguyễn-cư-Trinh bắt tay ngay vào công cuộc bình định, trước hết là tái lập uy-quyền của Trung-ương để cho người sơn-cước phải khuất phục. Ông Nguyễn-cư-Trinh tuyên-bố : "Kinh trung hữu thuyết, nhưng dịch thì ung, ai chịu quyền trọng trấn nhất phương, nếu không đánh để sau sinh tề". Ngay sau khi bình định, Ông lo tổ chức lại các dinh điền, đồn điền và định cư dân sơn-cước để giải-quyết vấn đề sinh-sống của đồng-bào sơn-cước. Thực ra thì chính sách của Nguyễn-cư-Trinh chẳng khác gì chính-sách của Ông Bùi-Tá-Hân nhưng cả hai chính-sách chỉ hữu hiệu trong một thời gian đầu. Hai ông chỉ là hai con én nhỏ khó làm nên một mùa xuân nhất là trong thời kỳ nhiễu nhương của đất nước. Cai-trị vùng Quảng-Ngãi được ít lâu, ông dân số về triều đình tố bày nỗi khổ của người sơn-cước và yêu-cầu chính-quyền phải theo thời thế để an dân trị quốc. Ông nói "dân là gốc nước, gốc không còn bèn chặt thì nước không được bình yên, nếu ngày thường không gia ân để buộc lòng dân thì khi có việc xảy ra còn mong nhờ vào đâu được. Thiết tưởng chốn dân gian tích tệ đã quá, nếu triều đình cứ yên giữ thường theo lối cũ, không tùy thời mà thêm bớt để lập kỷ cương thì một xứ còn không trị nổi, phương chỉ một nước". Ông còn trình bày cho triều đình những tích tệ thời đó và đưa ra chính-sách bài trừ như sau :

- Quan phủ huyện trị dân theo lối cho binh lính thừa sai nên không thấu được oan ức, khổ sở của dân. Xin bắt quan huyện, phủ phải trực-tiếp lo lấy các công-tác thuế lệ, điền tô liên quan đến dân.

- Các quan phủ huyện quen sách nhiễu dân kiếm bổng khiến dân đã nghèo lại nghèo khổ thêm, xin cấp lương cho quan và ai liêm thì thang ai tham thì trị.

- Xin điều tra sinh hoạt của dân, ai có cách sinh-nhai thì bắt nộp thuế, kẻ đói rét cơ cùng thì tha cho tùy cách mà vỗ về an ủi họ.

- Phải làm yên dân, không nên động dân, làm động dân thì nước dễ sinh loạn. Xin từ nay triều đình có phải người đến công-tác ở địa-phương phải trình giấy cho quan địa-phương để tránh kẻ giả mạo và bất cứ kẻ nào làm mất lòng dân cũng phải trị ngay, như vậy lòng dân mới khỏi bị giao-động. Tiếc thay chính-sách của ông Nguyễn-cư-Trình đã không được triều-đình lưu ý nên ông đã đệ đơn từ chức và vì vậy cả hai chính-sách của họ Bùi và họ Nguyễn đã mất dần hiệu lực và phải chờ đợi cho đến khi vua Gia-Long tức vị. Chính-sách sơn-cước vụ mới được ổn-định lại.

Đề cập đến chính sách sơn-cước từ nhà Ngô đến nhà Nguyễn tức vị, chúng ta có thể tạm phân chia làm ba giai-đoạn :

- giai đoạn chưa có chính sách sơn-cước rõ rệt
- giai đoạn với chính-sách của Bùi-Tá-Hãn
- giai đoạn với chính-sách của Nguyễn-cư-Trình

Giai đoạn 1

Trong giai-đoạn này, chính-quyền Trung-ương chưa ổn định, phía Bắc thì bị quân Tàu uy hiếp, phía Nam thì bị hăm dọa bởi Chiêm-Thành, chính-sách của chính-quyền đối với các bộ lạc sơn-cước lúc bấy giờ là dùng đủ mọi cách khi cương khi nhu để thu-phục các bộ lạc này hầu ngăn chặn các cuộc xâm lăng từ Bắc-phương. Thật vậy, từ đời vua Lý-Thái-Tông (1028-1054), triều đình Việt-Nam giao cho các tù-trưởng cai trị người Thượng, nhưng không đặt các quan lại tiết trấn nên các tù trưởng có rất nhiều quyền. Năm 1075, Lý-thường-Kiệt đã thu phục được các sắc dân Thượng ở dọc biên giới Việt-Hoa dùng miền này làm trường thành che chở vùng trung châu và làm bàn đạp để tấn công Trung-quốc. Chủ-dịch của nhà Lý xuyên qua chính-sách sơn-cước vụ này đã thành-công vì khi quân Tàu xâm chiếm châu Quảng-Nguyên (Lạng-Sơn, Cao-Bằng, Hà-Giang), Lý-thường-Kiệt đã liên kết các sắc dân sơn cước nổi lên khiến Trung-Hoa phải rút khỏi châu Quảng-Nguyên.

Và qua bao nhiêu lần quân Mông-Cổ xâm lăng Việt-Nam, đều bị các sắc dân sơn-cước chặn đánh ở trên miền núi. Sau khi bình định xong quân Mông-Cổ năm 1289, vua nhà Trần đã phong tước Hầu cho tất cả các tù-trưởng đã có công. Chính-sách của các triều-đại Việt-Nam đối với đồng-bào Thượng rất khôn khéo. Triều đình tôn trọng chế-độ tù-trưởng và phong-tục tập-quán riêng của các sắc dân Thượng. Những tù-trưởng Thượng đều được phong quan-tước, coi như quan lại của triều đình, đại-diện nhà vua để cai-trị thân dân và thu thuế nộp cống. Nhiều khi cần liên kết chặt chẽ với các sắc dân sơn-cước, triều đình Việt-Nam còn đem các quận chúa trong Hoàng gia hay các tiểu thư con các quan lại gả cho các tù-trưởng Thượng. Chiến-thuật này được áp-dụng nhiều nhất dưới đời Lý-thường-Kiệt. Như vậy, chúng ta không ngạc nhiên cho rằng chính-sách sơn-cước vụ của các triều đại trên là chính-sách liên-kết các bộ lạc sơn-cước coi như chư hầu của triều-đình, nếu chúng ta chỉ dùng danh-từ liên kết để xác định chính-sách chính-trị này e rằng không phù hợp với thực-tế vì rằng khi nói đến liên kết hẳn nhiên chúng ta phải quan-niệm các quốc-gia liên kết hay hội viên phải ở trên vị trí của các đồng-minh đồng đảng về năng lực pháp-lý và về quyền lợi nhưng nếu nghiên-cứu tình-trạng chính-trị lúc bấy giờ chắc chắn chính-sách liên kết không phải căn cứ trên những nguyên tắc căn-bản đó mà sự liên kết này bao hàm ý niệm liên kết giữa một cường quốc với các chư hầu hay trên nguyên-tắc bất bình đẳng giữa các thuộc quốc, thuộc man với triều đình trung ương - Xuyên qua tiến trình chính-trị của chính-sách liên kết này ta thấy rằng quyền hạn của chính-quyền trung-ương hay của đế-quốc Việt-Nam luôn luôn tiềm ẩn một hình-thái bảo-hộ nào đó khi thì lỏng lẻo như để cho các chư hầu toàn quyền cai-trị tiểu-quốc của mình, khi thì chặt chẽ như ấn-định quyền kiểm-soát và giám-hộ qua sự kiện Trung-ương luôn luôn tấn phong quan tước cho các tù-trưởng và các tù-trưởng hay các phiên-vương đều tự coi như quan lại của triều đình. Như vậy nói đến chính-sách của nước Việt-Nam đối với người sơn-cước qua thời đại trên chúng ta phải nhìn nhận đây là chính sách liên kết chư hầu. Chúng ta không có

đủ tài-liệu để minh chứng rõ rệt quan điểm thâm kín của các nhà lãnh-đạo chính-trị lúc bấy giờ đối với đồng-bào sơn-cước song suốt trong quá trình lịch-sử, công cuộc Tây tiến đã được đặt ra và luôn luôn dựa trên quan điểm Đồng-bào sơn-cước là thuộc quốc và thuộc man của triều-đình Việt-Nam. Sự kiện này có thể đưa đến giả-thuyết rằng thuộc quốc hay thuộc man có lẽ cũng chỉ là những bộ lạc có liên hệ nguồn gốc hay chủng-tộc đối với bộ lạc Bách-Việt, một bộ lạc, một giòng họ mạnh nhất lúc bấy giờ, tương tự như các giòng họ Lê, Trần, Nguyễn, Ngô hiện tại; có những giòng họ vì những lý do đặc-biệt đã phát-triển mạnh và khống chế các giòng họ khác hay làm lu mờ các giòng họ khác hoặc là lãnh-đạo các giòng họ khác. Có lẽ chính vì nguyên-nhân sâu xa đó đã làm cho các chính-quyền trong lịch-sử Việt-Nam không lúc nào không nghĩ đến việc liên hợp các đồng-bào sơn-cước. Dù sao thì chúng ta có thể đồng ý rằng trong giai-đoạn chưa có chính-sách rõ rệt hay chưa có kế-hoạch rõ rệt đối với người sơn-cước, nếu mục-dịch của chủ-trương lúc bấy giờ là việc liên-kết các bộ-lạc sơn-cước trong công cuộc chống xâm-lãng và để củng-cố nội-bộ thì chúng ta có thể kết-luận nhà cầm-quyền lúc đó đã thành-công trong những mưu-đò chính-trị, quân sự của mình qua hai sự kiện điển hình :

1)- Khi quân Tàu chiếm vùng Lạng-Sơn, Cao-Bằng, Hà-Giang ở vùng Thương-du Bắc-Việt, nhà Lý đã liên kết với các bộ lạc sơn-cước ở vùng biên-giới này nổi lên chống lại quân Tàu, người sơn-cước đã hưởng ứng và đã giúp Việt-Nam chiếm lại được khu-vực này.

2)- Những lần quân Mông-Cổ xâm lăng Việt-Nam đều bị quân sơn-cước liên kết với quân Việt-Nam chặn đánh ở trên miền núi. Thật vậy, sự thất bại của đại quân Mông-cổ hẳn phải có sự đóng góp của liên minh bộ lạc sơn-cước, chính vì vậy mà lịch-sử ghi lại rằng "Nam 1289, sau khi bình-định xong quân Mông-Cổ, Vua nhà Trần đã phong-tước hầu cho tất cả các tù-trưởng đã có công góp phần cho chiến-thắng của quân Việt". Mọi cho đến khi công cuộc chống xâm lăng ở Bắc

tạm yên, triều đình mới rảnh tay xúc tiến công cuộc Nam tiến và một chính-sách sơn-cước miền Nam mới được triều-đình quy-định.

Giai đoạn 2

Chính-sách đối với các bộ lạc sơn-cước miền Nam đã được đem áp-dụng, đây có thể nói là một chính sách địa-phương tự trị, nghĩa là một chính-sách sơn-cước vụ dựa trên hai điểm chính sau :

1)- Chấp nhận tư cách pháp-nhân cho các khu-vực sơn-cước.

2)- Trung-ương hành xử quyền giám-hộ và kiểm-soát; ở giai-đoạn này chúng ta ghi nhận có một sự tiến triển trong việc áp-dụng chính-sách đối với đồng-bào sơn-cước. Nếu tại miền Bắc chính-sách chủ hầu được áp-dụng với những quyền-hạn tự-trị quá rộng rãi thì đến khi du nhập vào miền Nam, chính-quyền trung-ương đã quy-định chặt chẽ hơn nghĩa là song song với việc tự-trị, chính-quyền Trung-ương còn nghĩ đến việc : cải-tổ hành-chánh hay việc cai-trị, cải-tổ đời sống của đồng-bào sơn-cước và còn đề ra những biện-pháp kiểm-soát hữu hiệu. Sự cải-tổ chặt-chẽ này đã giúp cho Trung-ương nắm vững được tình-hình của vùng sơn-cước để một mặt theo dõi được những biến chuyển của tình hình, một mặt dùng làm bàn đạp trong công cuộc Nam tiến bình Chiêm và đánh đuổi quân Phù Nam tại lưu vực sông Cửu-Long tức Nam-phần bây giờ. Sau khi chiến thắng Chiêm-Thành năm 1470 và sát nhập Đồ-Bàn, Đại Chiêm, Cổ-Lũy thành đạo Quảng-Nam, quân Chiêm phần lớn rút vào vùng núi phía Tây và Nam Quảng Nam để kháng chiến. Nhà Lê lúc bấy giờ vì trong nước có nhiều biến loạn nên chỉ muốn ấn-định ranh giới ngăn cản người sơn-cước tràn xuống Trung-Châu, vì vậy mà mọi cải-tổ tại vùng sơn-cước chỉ nhắm một mục-tiêu tối hậu là giữ yên các bộ lạc sơn-cước miền Nam. Chúng ta thử nghiên-cứu xem mục-tiêu này có thực-hiện được không qua chính-sách của

ông Bùi-Tá-Hãn ? Kể từ chiến-thắng của vua Lê-Thánh-Tôn năm 1471 và kể từ khi những thuộc-địa được lập nên ở Vương quốc Chăm, dưới triều vua Lê-uy-Mục, lợi-dụng sự suy yếu của triều đại này, người Chăm và người sơn-cước miền Nam đã nổi lên chống lại người Việt-Nam. Cuộc nổi dậy bị dập tắt và những người sơn-cước phải rời bỏ vùng đồng bằng vào khoảng 1504-1509. Cuộc giao tranh vẫn cứ tiếp diễn thường xuyên giữa các bộ lạc Sedang, Bahnar và người Việt-Nam tại vùng cận sơn Nam Ngãi. Mãi cho đến 1540, Ông Bùi-Tá-Hãn được cử về trấn thành phố Quảng-Nam, các cuộc nổi dậy mới tạm dẹp yên. Ông Bùi-Tá-Hãn đã chứng tỏ không những là một hành-chánh-gia giỏi mà lại là một nhà quân-sự có tài. Trước tiên ông xây những pháo đài nhỏ ở biên phòng phía Tây của tỉnh Quảng-Ngãi bấy giờ (tỉnh Quảng-Ngãi chỉ được thiết-lập gần 100 năm sau).

Kỹ-thuật địa-phương tự trị được đem ra áp-dụng tại khu-vực đã được bình định. Chính sách của họ Bùi đã thành công, công cuộc thái-bình đã thể-hiện vào đầu thế-kỷ 16. Rất nhiều người sơn-cước theo về với triều-đình Việt-Nam. Đến thế kỷ 17, tổ-chức quân-sự được củng-cố : sáu đạo được thành lập bao quanh khu-vực người sơn-cước trú ngụ. Mãi đến 1570, chúa Nguyễn-Hoàng, người khai sáng đất Nam-Kỳ đến trấn nhận khu-vực này, ông cũng tôn trọng và duy-trì các tổ chức của Ông Bùi-Tá-Hãn. Theo sử-liệu thì gần 200 năm thái bình đã nói lên sự thành công của chính-sách trên, chính-sách này cũng đã giúp cho người Việt thành-công trong công cuộc Nam tiến.

Chúng ta thấy, xuyên qua chính-sách sơn-cước vụ của ông Bùi-Tá-Hãn, ba chủ đích rõ rệt của triều-đình trong việc ấn-định một chính-sách sơn-cước vụ tại miền Nam :

+ Buộc người sơn-cước không được hiếu động và ngăn cản họ tràn xuống vùng đồng-bằng phì-nhiều nhất là khu-vực này trước đây là phần đất của các bộ lạc sơn-cước và họ có

khuyh-hương là luôn luôn khai-thác cơ-hội để trở lại sinh sống. Để củng-cố chủ trương này nhiều đạo-quân được thành lập để ngăn chặn và những dinh điền, đồn điền được thành-lập để tạo vết dầu loang chiếm cứ hết vùng Cao-nguyên.

+ Những bộ lạc thần phục triều đình, chính-quyền đã bắt buộc họ phải nộp cho triều đình vàng bạc, lâm sản phẩm tùy theo chức tước và khả-năng.

+ Triều đình còn dành cho các quan viên quyền buôn bán với người sơn-cước để lấy lợi nhằm mục-dịch khuyến-khích sự giao-thiệp giữa người sơn-cước và người đồng-bằng; hoặc tổ-chức các hệ-thống thu thuế viên một mặt tận thu cho triều đình, một mặt nắm vững tình hình tại các khu-vực sơn-cước. Đây cũng có thể xem như là một tổ-chức tình báo của triều-đình được ngụy trang dưới hệ-thống lái nhiệm vụ hay thu thuế viên.

Để thực-hiện những chủ-dịch trên, chế-độ áp-dụng tại vùng sơn-cước được thực-hiện một cách thật mềm dẻo. Sự hiếu động và hăng hái của người sơn-cước vùng Nam Ngãi làm cho nhà Nguyễn dùng nơi đây làm thí điểm để rồi đem áp-dụng cho các khu-vực khác từ đèo Hải-Vân đến tận vùng Cận sơn tỉnh Bình-Thuận. Trước hết, một vùng sơn-cước được thành-lập với lãnh-tụ hay vị cai quản là một người sơn-cước gọi là giáo-dịch. Được thành lập vào giữa thế kỷ 16, chức giáo dịch chỉ bị bãi bỏ vào 1863 khi tổ-chức sơn-phòng được thành-lập. Cái quận do giáo dịch trông coi được phân chia thành 4 Nguyễn, một cai quản và nhiều con quản phụ-tá đại-diện cho chính-quyền Việt-Nam. Nhiệm-vụ của các chức sắc Việt-Nam này là chọn lựa những thương-hồ có khả-năng liên lạc trong các Nguyễn để phụ-trách việc buôn bán và ngược lại một số người sơn-cước được quyền giao thương buôn bán trong vùng có người Việt ở. Thuế suất được ấn định là 1.500\$ cho 4 Nguyễn ở Quảng-Ngãi. Ngoài thuế suất đó, những toán tính nhằm kiếm lợi thêm đều bị dân địa-phương chống-đối. Các thương hồ được gia tăng để thực-hiện các chủ-dịch

trên và được gọi các lái, thuộc lại, thủ ngữ cũng chỉ nhằm mục-tiêu giao-thương, thu thuế và thực-hiện các công-tác đặc biệt, đây có thể coi như là một hệ-thống cán bộ đặc-biệt phải am hiểu phong-tục, tập-quán, ngôn-ngữ, địa hình địa vật và còn phải được huấn luyện. Chính-sách sơn-cước vụ của Ông Bùi-Tá-Hãn đã thực-sự bình định được vùng sơn-cước. Mặc dù chiến tranh giữa Trịnh và Nguyễn 1627-1677 cũng không vì đó mà các bộ tộc sơn-cước nổi loạn ngay cả những lúc lâm nguy nhất cho chúa Nguyễn ở miền Nam. Lúc bấy giờ những nhà cai-trị Việt-Nam đã tôn-trọng triệt để phong tục tập-quán của đồng bào sơn-cước. Thật vậy, ngoài chủ-trương quân-sự là cầm chân các bộ lạc sơn-cước ở Nam Ngãi, chủ trương kinh tài cũng đã thành-công trong việc bắt buộc các bộ lạc sơn-cước đóng góp vào công quỹ.

Dù rằng tổ-chức hành-chánh và thương-vụ rất chặt-chẽ song chủ-trương nào cũng được điều động khéo léo dựa trên sự tôn-trọng phong tục tập-quán của đồng-bào sơn-cước. Chính vì vậy mà tuy bị bắt buộc đóng góp song người sơn-cước vẫn chấp nhận vui vẻ vì lẽ rằng cái "chủ quyền" vẫn nằm trong tay họ và uy-tín của các tộc-trưởng đã không bị thương-tôn hay coi thường. Chẳng hạn ở Ninh-Thuận, việc tìm kiếm các gỗ quý được giao cho một quan lại Chăm phụ-trách, Po-Golhas, trưởng làng Palei Balap ở Bắc Phan-Rang. Các lâm-sản-phẩm khác thì ở Quảng-Ngãi có các thương hồ, ở Bình-Định (các lái) ở Nha-Trang (thủ ngữ, thuộc lại, thừa biện), ở Phan-Thiết (thông-dịch) là những tổ hợp thương mại có môn bài hay là những người được chính-quyền thuận nhận độc quyền trung gian thương mại cho chính-phủ và đồng-bào sơn-cước. Nhưng mãi đến dưới đời Võ-Vương 1738-1765 những sự nổi dậy của các bộ lạc sơn-cước Quảng-Ngãi, Hré, Taré Karé (Lai Jarai), Xa-Giang, Ka-Giang (Lai Sédang), Bonom (Lai Bahnar), Talieng Teva. Những bộ lạc này đã tràn xuống vùng Trung-Châu cướp phá khiến những người Việt Nam ở cận sơn phải di cư đi nơi khác. Biện cố dưới đời Võ-Vương này cho chúng ta thấy rằng chính-sách hay mà không có cán bộ thực-thi hay thực-thi không đúng đắn thì chính-sách

đó cũng sẽ thất-bại; chính sách hay mà thiếu kiểm-soát, theo dõi thì việc thực thi chính-sách cũng sẽ lệch lạc và không thể đem lại thành quả tốt được. Thật vậy, trong khoảng thời gian từ chính-sách Bùi-Tá-Hãn 1540 đến lúc Ông Nguyễn-cư-Trình được bổ-nhiệm làm tuần vũ Quảng-Ngãi 1750, nội tình Việt-Nam bị xâu xé bởi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, rồi Trịnh Nguyễn phân tranh gây cảnh phân ly Nam Bắc triều cho nên chính-sách sơn-cước vụ không được chính-quyền trung ương theo dõi như lúc đầu, do đó các quan quân cai-trị địa-phương đã áp-dụng không đúng đắn những chỉ-thị ban đầu, các hệ-thống lại nhiệm-vụ mặc tình thao túng sự giao thương giữa người Việt và người sơn-cước để kiếm lợi riêng tư, do đó mà sưu cao thuế nặng và người sơn-cước lâm vào cảnh kiệt quệ, họ không còn tin-tưởng vào chính-quyền Trung-ương nữa và đã nổi lên khắp nơi để chống lại sự áp bức và bóc lột của quan địa-phương.

Giải đoạn 3

Phân tích chủ-trương và đường lối của ông Nguyễn-cư-Trình chúng ta phải nhìn nhận thực sự là một chính-sách cấp-tiến nhất là ở vào cái thời kỳ quân quyền được đề-cao hơn bao giờ hết và tinh-thần cần vương trong dân chúng rất mạnh mẽ. Cái quan-niệm dân chủ pháp trị và một nền nhân-bản pháp luật được thể-hiện rõ rệt khi ông tuyên bố rằng "dân là gốc nước", "bất cứ kẻ nào làm mất lòng dân cũng phải trị ngay, như vậy lòng dân mới khỏi bị giao động".

Trên phương-diện chính-trị, chủ-trương của ông Nguyễn-cư-Trình quá cách-mạng khi ông quan-niệm "dân vi quý" và "xã-tắc thứ chi", cái quan-niệm này có lẽ phải đợi đến gần 200 năm sau mới thành sự thực thức tỉnh triều-đại cuối cùng của nhà Nguyễn. Phương chi lúc bấy giờ, người sơn-cước dưới mắt triều đình cũng như trong hầu hết dân chúng đều là những người mọi rợ thậm chí gần 100 năm sau (1834) vua Minh-Mạng còn nói : "Trăm nghìn nước đó ở vào một góc xa xôi... những người (mọi) đều có đủ tóc và răng như

chúng ta át phứ bảm của họ cũng có năng trí..." Sự ngạc nhiên của chính quyền đóm đối chiếu với chủ-trương đồng hóa nghĩa là coi người sơn-cước cũng như là người Việt đều là công-dân của triều-đình và triều-đình có bốn phận lưu tâm săn-sóc hẳn là một chủ-trương thật tiến-bộ không thể thích hợp với quang-cảnh chính-trị lúc bấy giờ. Có lẽ vì lý do đó mà bản phúc-trình cải-tổ vùng sơn-cước của cụ Nguyễn-cư-Trinh đã không được Trung-ương lưu ý. Ngoài ra ông còn là người đi tiên phong trong việc ổn-định xã-hội miền Thượng bằng cách đề-nghị những đặc quyền, đặc lệ áp-dụng cho người sơn-cước, ông cho rằng những luật lệ, thể-lễ phải tùy theo từng địa-phương mà áp-dụng cho phù-hợp như ông đã nhấn mạnh rằng chính-quyền phải tùy thời mà thêm bớt để lập kỷ-cương, hay yêu cầu Trung-ương phải điều-tra sinh-hoạt của dân địa phương nghĩa là ông quan-niệm mọi chính-sách phải nhằm xoa dịu dân chúng, làm cho dân hoang mang thì nước dễ sinh loạn. Xuyên qua chủ-trương ổn định xã-hội sơn-cước của ông Nguyễn Cư-Trinh, quả thật ông là một chính-trị-gia có tài, mọi chính-sách hẳn nhiên không thể thành-công nếu chính-sách đó không được chuẩn bị kỹ-lưỡng mà theo ông công việc tiên-quyết là việc vận-động tâm-lý và dư-luận dân chúng. Thật vậy dân chúng thường có thói quen hay mặc cảm ngờ vực mọi biện-pháp của chính-quyền nhất là đối với tầng lớp dân chúng còn bán khai, lạc-hậu như người dân sơn-cước. Vậy trước khi áp-dụng một biện-pháp nào thiết tưởng cần phải nghiên-cứu tâm lý của họ, những nhu-cầu nguyện-vọng của họ để nhằm xoa dịu, trấn an; cũng cần phải tham dò dư luận của họ để nghiên cứu những phản ứng có thể xảy ra để tìm phương cách ổn định, cũng cần phải xem xét khả năng của người dân để có những chức giãm, những chãm chức, những đặc lệ cần thiết áp-dụng đối với họ. Kinh-nghiệm cho chúng ta thấy rằng những chính-sách thượng-vu thường thường gặp những chống-đối và thất bại cũng là vì sự thiếu chuẩn bị, dư-luận và không phù hợp với tình-trạng của đồng-bào sơn-cước. Nếu ngày nay đã có nhiều học-giã nhận-định về những biến động tại Cao nguyên miền Nam và khẳng định rằng... "cứ mỗi lần cao-nguyên lên cơn sốt là y như mỗi lần được chính-quyền chích cho một mũi thuốc an thần", ~~thì quả~~ thì quả thật cụ Nguyễn-cư-Trinh

đã là người nhìn xa thấy rộng, khuyến cáo cụ cụ thực sự đã đi trước chúng ta trên hai trăm năm khi cụ nói "Dân là gốc nước, gốc không bền chặt thì nước không được bình yên, nếu ngày thường không gia ân để buộc lòng dân thì khi có việc xảy ra còn mong nhờ vào đâu được".

Trên phương diện hành-chánh, ông bài xích đường lối cai-trị theo lối chỉ tay nam ngón, nhắm mắt đưa ra những biện-pháp áp-dụng dù biện-pháp đó có làm mất lòng nhân dân. Mọi biện-pháp cai-trị, theo ông, phải phản ảnh đúng đến thực-trạng của dân chúng, phải phản-ảnh nhu-cầu của dân-chúng; muốn vậy các quan cai-trị phải hòa mình với dân, trực-tiếp lo liệu các việc thuế lệ điền tô chứ không nên cai-trị theo lối thừa sai gián tiếp để các cấp trung-gian này có cơ hội sách nhiễu nhân-dân và để cho biện-pháp áp-dụng có thể được sửa đổi cho phù-hợp hoàn cảnh nhân-dân. Để khuyến-khích những công-chức cán-bộ trong con đường phục vụ dân chúng Ông chủ-trương thưởng phạt công bằng ai liêm thì thăng, ai tham thì phải trừng trị.

Chính-sách của ông Nguyễn-cư-Trình rõ rệt hơn chính sách của Ông Bùi-Tá-Hãn nhưng cả hai ông đều đánh dấu những tiến bộ trong tư tưởng đối với việc cai-trị và cải cách vùng sơn-cước Nam, Ngãi, Bình. Song le, trước tình-trạng chính-trị lúc bấy giờ, bài số của Ông Nguyễn-cư-Trình đã không được chính-quyền đếm xỉa đến nên Ông đã từ chức. Sau khi Ông từ chức, giặc giã phát khởi từ vùng sơn-cước lại liên tiếp xảy ra, và lại từ đời vua Duệ-Tông, chúa Nguyễn và Tây-Son, vì những cuộc nội chiến lớn lao nên các nhà lãnh-đạo không có đủ thì giờ để nghĩ đến việc cai-trị vùng sơn-cước. Mãi đến khi vua Gia-Long lên ngôi (1802) triều-đình mới nghĩ đến việc củng-cố trở lại vùng sơn-cước.

II.- CHÍNH-SÁCH THƯƠNG-VU TỪ 1802-1885

Hai năm sau khi lên ngôi vua Gia-Long mới nghĩ đến việc củng-cố vùng sơn-cước. Chính-sách của vua Gia-Long được giao-phó cho nhiều người thực-hiện.

Năm 1819, tá quân Lê-văn-Duyệt được phái đến vùng thượng-du Nam-Ngãi dẹp loạn rồi ông phụ-trách việc xây đắp lũy Sơn Phòng chạy dài từ Trà Bồng (Quảng-Ngãi) xuống tận An-Lão (Bình-Định) dài 90 cây số. Danh-từ Trấn-Mạn thật ra đã có từ đời vua Duệ Tôn (tức chúa Định-Vương Nguyễn-phúc-Thườn) năm 1765 bao gồm vùng Trà-Mi (Quảng-Nam) và Tây Bắc Bình-Định. Việc cải-tổ kinh-tế được giao cho hai Ông Nguyễn-công-Trứ, Nguyễn-khắc-Tuấn. Chương-trình phát-triển kinh-tế của hai ông như sau :

- Tổ-chức dạy đồng-bào sơn-cước cấy bừa và làm ruộng sâu để định canh định cư.

- Tổ-chức nhiều khu dinh điền và đồn điền di dân ở vùng đồng-bằng lên khẩn hoang, lập ấp, mục-dịch vừa để giải quyết nạn đông dân ở miền xuôi, vừa dùng làm những thí điểm kiểu mẫu cho đồng-bào sơn-cước. Dinh-điền lập ở những nơi có an-ninh dành cho dân di-cư từ vùng trung châu lên. Đồn điền là nơi định-cư gia-đình binh-sĩ. Lúc bình thường, quân đội phụ giúp với gia-đình họ khẩn hoang canh-tác, khi hữu sự họ là những binh đội giữ an-ninh trong vùng và hỗ-trợ, tiếp ứng cho đồn binh gần nhất.

- Việc buôn bán giữa đồng bào sơn-cước và đồng-bằng được tự do.

Chính-sách này vẫn được duy-trì cho đến năm 1863 lúc bấy giờ Trấn Mạn được đổi tên là Sơn Phòng Trấn gồm các vùng sơn-cước từ Quảng-Nam xuống đến Bình-Định và Ông Nguyễn Tấn được cử giữ chức Tiều Phu Sứ, Nguyễn Độ rồi đến Nguyễn Thân kế nghiệp ông che viết ra cuốn Phù Mạn tạp lục. Căn cứ vào đó đường lối của Tiều phu sứ gồm các điểm chính sau :

- . Hiếu rō phong-tục tập-quán ngôn-ngữ địa-phương
- . Cương-quyết trong việc lãnh-đạo, nhưng thận-trọng khoan dung trong cách đối xử.
- . Công bằng và triệt-để giữ lời hứa.

Về chính-trị Ông chủ trương : "Am hiệu người sơn-cước, thận trọng và rộng lượng nhưng cũng phải biết không nương tay trong một vài trường-hợp. Phải giữ bí-mật công-tác, không để cho tiền thuế rơi vào tay những người thu thuế. Nếu người sơn-cước tấn công ta cắt hết lúa của họ, nhưng khi họ đã thua không được trả thù, ngược lại phải rộng lượng với họ. Cho họ thực-phẩm quần áo, săn sóc cho những người đau ốm. Nếu người sơn-cước không chịu đóng thuế, cướp mùa gặt của họ, song dù trong trường-hợp nào đi nữa cũng phải để ý là người sơn-cước ngay thẳng, thật thà, chất phác, do đó phải luôn luôn giữ lời hứa. Khi những kẻ nổi loạn đã chịu lỗi và quy phục ta, hãy tha thứ cho họ những lỗi lầm khi trước. Dân sơn-cước không vua chúa, không luật-pháp, lại ở trong rừng núi hiểm trở, nên thường hay ngược ngạo đi cướp phá. Nếu muốn chế-ngự họ ta dùng biện-pháp cứng rắn thì họ trốn vào rừng sâu, nếu ta mua chuộc bằng tình cảm họ sẽ coi thường. Nếu ta giết họ, họ mang lòng oán-thù và nếu ta rộng lượng với họ thì họ cũng cho đó là lẽ thường. Bởi vậy, người chỉ huy đừng bao giờ có những hành-động nhu-nhược, phải có nghị lực, nhiều sáng kiến phải được lòng cấp dưới, phải ngay thẳng biết thưởng rộng rãi và phạt nghiêm-minh".

Về hành-chánh tiêu phu sứ Nguyễn-Tán bãi bỏ chế-độ giáo-dịch có từ đời Ông Bùi-Tá-Hạn. Ông căn cứ theo các thủy lộ lập ra các tổng nguồn, dưới mỗi tổng nguồn có một số đầu mục tương đương với xã trưởng, dưới đầu mục là sách trưởng tương đương với thôn trưởng; các chức này đều do người sơn-cước phụ trách. Thanh-niên được kiểm tra chặt chẽ tên tuổi được ghi vào sổ danh-bộ.

Về thuế khóa trước đây mỗi buôn thượng phải nộp thuế hàng năm là 1470 quan, Tiêu phu sứ Nguyễn Tấn đến nhận chức liền miễn hẳn cho đồng-bào sơn-cước một năm thuế. Những năm sau họ xuống chỉ còn 1350 quan mỗi năm. Thuế chia bố cho các nguồn tùy khả-năng, tùy nhân khẩu giao các lái nhiệm vụ thu thập đem về nộp cho các tri châu.

Dưới đời vua Thiệu-Tri và Tự-Đức, có soạn cuốn "Khâm-Định Đại Nam Hội Điển sử lệ" do đó chính-sách của các triều đại kế-nghiệp vua Gia-Long đối với dân sơn-cước được trình-bày rõ ràng trong phần Nhu Viễn một phần trong bộ Khâm-Định Đại Nam Hội Điển sử lệ. Theo bộ Nhu-Viễn này thì các vùng dưới ảnh-hưởng của hai Phiên vương Thủy xá và Hỏa xá được tấn phong dưới thời Ông Bùi-Tá-Hãn đời vua Lê-Trang Tôn được coi là Thuộc Quốc còn các bộ lạc khác gọi là Thuộc Man. Thuộc Quốc, theo Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện sơ tập quyển thứ 32 từ từ 33 đến 46" hai nước Thủy xá Hỏa xá ở đất Nam Bàn. Khi vua Lê-Thánh-Tôn (năm 1470) đánh được Chiêm-Thành lập thành ba nước Chiêm-Thành, Hóa-Anh và Nam-Bàn. Nam-Bàn là miền Cao-nguyên của Chiêm-Thành khi xưa. Trong nước Nam-Bàn có núi Bà Nam rất cao, vua Thủy-Xá ở về phía đông, vua Hỏa xá ở về phía tây núi ấy. Tháng 7 năm Minh-Mạng thứ 21, sắc giao bộ Lễ cử một phái bộ do Ông Lê-van-Quyền dẫn đạo sang dò xét tình hình hai nước Thủy xá và Hỏa xá. Khi về phái bộ trình rằng : "Nước Thủy xá phía Tây giáp nước Hỏa-xá, phía đông giáp tỉnh Phú-Yên, phía bắc giáp Bình-Định. Còn nước Hỏa xá phía tây giáp Sơn Phủ, phía đông giáp nước Thủy xá, phía nam và bắc đều giáp rợ man khác. Hai nước dù có vua song không có quân binh thành quách.

Đối với Thuộc Quốc

Năm 1829 dưới đời vua Thánh-Tổ, niên hiệu Minh-Mạng, Thủy xá phái người đến trấn Phú-Yên xin nộp cống cho triều-đình. Năm 1831, sứ giả Thủy xá đến kinh đô Huế dâng cống còn Hỏa xá mãi đến đầu năm Thiệu-Tri (1841) mới triều cống "Bộ Lễ thông tư cho các hạt Bình-Định, Quảng-Ngãi, Quảng-Nam mỗi nơi phải phái quân viên cùng dự bị phu trạm theo thứ tự các hạt mà nghinh tiếp" (Nhu Viễn - Nghinh Tống). Tại kinh-đô, sứ bộ được bộ Lễ tiếp rước với lễ nghi của một tiểu quốc và được vua mời lên Điện hỏi han. Qua những lần tiếp xúc với sứ bộ của Thủy xá và Hỏa xá, các vua nhà Nguyễn đã muốn lấy ân đức ra để an ủi và giáo dục các đồng bào sơn

cước. Nam Minh-Mạng thứ 15 (1834) có dụ rằng "Trăm nghĩ nước đó (thuộc quốc) ở vào một góc xa xôi, thất nút dây mà cai trị, tự cây lấy mà ăn, phong tục còn theo thời thượng cổ, nhưng người đến có đủ tóc và răng như chúng ta ắt phải bám của họ cũng có năng trí thì sao lại không có thể giúp họ làm lành được. Cho nên thánh nhân đã lấy văn-minh mà giáo-hóa man rợ, phải lấy lễ nghĩa dẫn dắt họ, khiến họ ngày nay theo phong-tục văn-minh... Hôm nay Trăm ngự diện cho sứ thần ấy triều cống, Trăm thấy tận mắt bọn họ áo mũ tề chỉnh quỳ lạy thung dung đều hợp lễ tiết, lòng Trăm khen thưởng sâu xa, những phẩm vật gì để ban thưởng thì hãy cho thu nhận. Lại thưởng thêm cho hai người sứ thần ấy mỗi người sa đoạn mỗi thứ một cuốn cho một viên thông sự, thế ta hai tấm, lại ban thưởng cho chánh sứ họ Lĩnh (vẫn giữ tên Duyên), cho phó sứ họ Kiệu vẫn giữ tên Tài khiến cho biết tên và họ để nhiệm theo phong-tục văn minh" Nhu Viễn tử dữ Thuộc-quốc.

Đối với Thuộc Man

Thuộc Man là các bộ lạc nhỏ thuộc vùng Cao-nguyên Trung-phần ranh giới tỉnh Quảng-Tri và Lào-qua (Lào). Các bộ lạc này được gọi là Mường. Dưới đời vua Thánh-Tổ, ở miền Cam-Lộ có chín Mường : Mang Vang, Ná Bí, Thượng Kế, Tà Bang, Xương Thịnh, Tầm Bồn, Ba Lan, Mang Bồng, Leng Thời xin về nội thuộc với triều đình. Nhà vua chia ra làm 9 châu và cho chiếu lệ triều cống. Nam Minh-Mạng thứ 10 (1829) có dụ rằng : "Những thổ ty đạo Cam-Lộ bấy lâu là bề tôi của triều đình, đời đời giữ việc dâng cống, nam ngoai nhận việc biên vụ, bọn ấy mới nghe được triều đình mới liền tề tựu ngay. Trăm xem lòng cảm kích của chúng chân thành nên đã xuống chỉ dạy kỳ dâng cống nam nay cho chúng đến kinh đô nhận thưởng. Từ nay khi bọn ấy đến kinh-đô, triều đình bèn thưởng cho 3 viên tri châu người sơn-cước áo mũ thường triều mỗi người một bộ để tỏ lòng khen thưởng. Hôm đó quan bộ lễ dẫn bọn thổ ty ấy vào lạy châu theo nghi thức cung-kính làm lễ dâng cống và tạ ơn. Cách họ lạy quỳ khi tiến khi dừng xem ra khá trang-nhã thuần thực. Trăm nhận nghĩ



Người sen-cửa dệt-vải
với các dụng-cụ thô-sơ

bọn họ ở nơi hẻo lánh xa xôi từ trước tới nay chưa từng tập tành lễ độ, lần này mới mặc đồ đội mũ theo nghi phép lại có thể chiêm cận ở chốn điện đình không trái với lễ nghi, dường như việc chịu cảm hóa ấy đã do lòng chận thành mà ra, thật là đáng khen; ngoài các phẩm vật theo lệ thưởng và gia thưởng đã có sắc lệnh cho bộ ấy tuân theo lệ mà chăm chước và đời chiếu chỉ ban cấp. Nay trước tiên đem những bố tử màu xanh trang bị y phục từng thất phẩm của ba viên tri châu người bản thổ ấy đang mặc đổi cho thứ màu đỏ để rõ lễ đặc cách. Lại thưởng cho ba viên thổ tri châu ấy và sáu người đi thay 17 viên thổ lại mục, tất cả 26 viên áo dài bằng the thiết mỗi người một cái, cho 10 viên đầu mục mỗi người áo dài bằng the thiết một cái khiến cho bọn ấy đều biết tập theo phong-hóa mặc áo đội mũ để thanh-uy và giáo hóa của triều đình lần lần truyền mãi vô cùng (Nhu Viễn, Tử dữ Thuộc Man). Để thực-hiện chính-sách giáo hóa người sơn-cước nhà Nguyễn một mặt lấy lễ nghĩa để giáo dục một mặt áp-dụng một kế-hoạch sơn-cước vụ tại các khu-vực có các bộ lạc sơn-cước trú ngụ. Chính-sách chủ-trương khuếch-trương và phát-triển kinh-tế trong khu-vực như cấy cấy, chăn nuôi dẫn thủy vào ruộng lập các đình điền đồn điền nhằm mục-đích định canh đồng bào sơn-cước. Việc phát-triển kinh-tế trong khu-vực nhằm trước tiên ổn-định đời sống cơ-cực của đồng-bào sơn-cước nhằm một mặt đóng góp cho gánh nặng công phí của quốc-gia. Vì vậy mà các vị quan lại trấn nhậm các vùng sơn phòng đều tổ-chức việc thu thuế đồng-bào sơn-cước. Thuế xuất được áp dụng công bằng trên những người chịu thuế, đối với người giàu có thì đóng nhiều đối với người nghèo khó thì giảm miễn. Trước đây Tiều phu sứ Nguyễn Tấn đã miễn cho đồng-bào sơn-cước tại Nam-Ngãi Bình một năm thuế. Chính-sách dù có hay bao nhiêu mà không được thực-thi đúng đắn thì cũng không mang lại kết-qua tốt đẹp. Vì vậy mà việc huấn luyện cán-bộ được các chính-quyền dưới triều Nguyễn đề cao lại được hệ thống hóa thành một kế-hoạch. Nam Minh-Mạng thứ 15 (1834) nhà vua ra lệnh cho các bộ, viện, lựa chọn những con em dưới 16 tuổi cho học tập ngôn ngữ chữ nghĩa của các nước Tây Dương Phiên thuộc, chờ khi chúng học tập

xong thì đem những người có kiến thức có thể dùng được sẽ liệu đường mà thu dụng. Các thông dịch viên Thượng-ngũ đảm nhận công-tác thông-ngôn, thông sự, hướng dẫn sứ bộ và phiên dịch các bản văn Thượng ngữ. Những thông-dịch-viên này được xếp vào hàng Hàm bát phẩm và cửu phẩm. Xem như vậy, chính-sách sơn-cước vụ dưới nhà Nguyễn thực-sự đã rõ rệt và tiến bộ. Nếu người sơn-cước và đồng-bằng đã trở thành xa lạ, nếu có thi kỳ thi thì chắc chắn đó không phải hoàn toàn bắt nguồn từ chính-sách của nước Việt-Nam mà là hậu-quả của chính-sách chia để trị của người Pháp vì những mục-dịch riêng tư của họ.

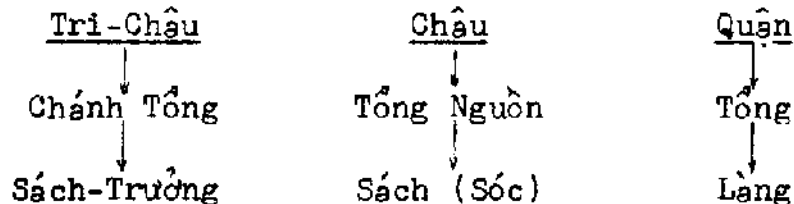
Sau khi Nguyễn-cư-Trình rời đến tể-quân Lê-văn-Duyệt tiếp tay dập yên sự nổi loạn của người sơn-cước, mười hai pháo lũy được thành-lập dọc theo vùng cận sơn các tỉnh Nam, Ngãi, Bình. Rút tỉa được những khiếm khuyết trong chính-sách sơn-cước vụ của nhà Hậu-Lê, chính-sách sơn-cước vụ của vua Gia-Long được khai triển song hành cả hai phương diện quân-sự và kinh-tế. Đó là quan-điểm "nhu viễn" lấy uy lực để đề-phòng và ngăn ngừa và lấy đức nhằm gia ân để cảm hóa và thuyết-phục. Việc Tiều phu sứ Nguyễn Tấn miễn cho đồng-bào sơn-cước một năm thuế là sự kiện gia ân nằm trong "chính-sách nhu viễn" của Trung-ương. Ngoài ra, những huấn lệnh ban-hành cho các giới chức quân-sự nói lên chính-sách của chính quyền hiện tại tại Trấn lũy Sơn-Phong : "Hiếu biết người sơn-cước, thận trọng, kiên nhẫn nhưng cũng phải cương quyết" (13), chính-sách đó cũng đã dựa trên những yếu tố tâm lý như phong-tục, tập-quán, lẽ lối sinh-hoạt của người sơn-cước, những yếu-tố rất quan-trọng cho việc cấu-tạo và thực-hành viên mãn những quyết-định của những giới chức cai-trị tại vùng sơn-cước mà Ông Nguyễn-cư-Trình đã ghi nhận trong bài sớ tâu lên triều-đình dưới đời Hậu Lê.

(13) Phủ-Nam tạp lục 1904.

Dưới đời các vua kế-nghiệp vua Gia-Long, ngoài lãnh thổ của hai Phiên vương Hôe-xá và Thủy-xá được tấn phong dưới đời Ông Bùi-Tá-Hãn, được coi là thuộc quốc còn các bộ lạc khác thì gọi là thuộc Man. Kể từ chính-sách của nhà Hậu Lê đến nhà Nguyễn Gia-Long, khu-vực Nam-Ngãi vẫn luôn được dùng làm thí điểm cho một chính-sách sơn-cước vụ và các văn-quan võ tướng đều được nhà vua trải nghiệm khả-năng lãnh đạo tại đây. Vì vậy trước khi có những nhận xét rõ-rệt về chính-sách sơn-cước vụ dưới nhà Nguyễn chúng ta cũng nên tóm lược những thành quả của triều Nguyễn trên các phương diện hành-chánh, thuế-vụ, thương-vụ.

Về hành-chánh

Các chức Thủ Ngũ và Thừa-Biện được bãi bỏ. Khu vực (từ Quảng-Nam xuống Bình-Đinh) này được chia thành bốn Châu: Trà My, Nghĩa Hành, Đức-Phổ, Bồng Sơn. Đứng đầu mỗi Châu có tri châu tương đương với chức-vụ quận-trưởng hiện tại. Tri châu có nam công-chức phụ giúp. Dưới quyền cai-trị của châu có những chánh tổng, phó tổng người Việt cai-quản các tổng nguồn. Dưới các chánh tổng có các đầu mục và sách-trưởng người sơn-cước tương đương với lý-tướng, thôn trưởng hiện tại.



TỔ-CHỨC HÀNH-CHÁNH TẠI KHU-VỰC SƠN-CƯỚC

Trong quản-hạt tỉnh, các tri châu là các vị quan phụ-trách công việc hành-chánh vùng sơn-cước tương-tự như các vị phó tỉnh-trưởng hay phó quận-trưởng đặc-trách Thượng-vụ hiện tại. Trong tổ-chức hành-chánh này, chúng ta nhận thấy từ

chánh-tổng, phó tổng trở lên đều do người Việt phụ-trách riêng các sách trưởng thì giao phó cho người sơn-cước. Đường lối tổ-chức này thích-hợp trên hai phương-diện quản-trị công-tác Thượng-vụ của chính-quyền và nguyện-vọng cùng quyền lợi của đồng-bào sơn-cước. Thật vậy, đồng-bào sơn-cước bao gồm nhiều sắc dân khác nhau, ngay lúc bấy giờ người Mọi Đá Vách ở Quảng Nam cũng bao gồm các bộ lạc Hré, Taré, Karé (lai Jarai), Bonom (lai Bahnar), Xa giang, Ka giang (lai Sedang), Tava, Talieng, Khét, Takua và Katie... Mỗi sắc dân có thể gồm nhiều bộ lạc sống rải rác ở trong những buôn, plei hay sóc. Sinh hoạt của mỗi sóc đều biệt lập nhau và dưới sự quản lĩnh về mọi phương-diện của một sóc trưởng hay già làng. Người sơn-cước thực sự chỉ biết đến vị sóc trưởng coi như là chủ quyền tuyệt đối của họ. Như vậy, đơn-vị hành-chánh căn bản của mỗi Châu là các sóc và do vị Trưởng-sóc hay đầu-mục người sơn-cước nắm giữ là một việc làm phù-hợp với nguyện-vọng và quyền lợi của họ. Ngoài ra, trên phương-diện quản-trị công-tác Thượng-vụ, các cấp chỉ huy của châu và cấp trung gian tổng nguồn là người Việt là một phương-pháp quản-trị hợp lý vì các cấp này sẽ điều hợp được tất cả các sóc trên phương-diện quyền lợi và tâm lý. Trên phương-diện quyền lợi, vì không phải là người sơn-cước nên công việc phân phối quyền lợi cho người sơn-cước được công bằng tránh được những trường-hợp thiên-vị nếu chánh tổng hay tri-châu là người của một bộ-lạc sơn-cước nào đó trong số những bộ lạc tại trên lũy sơn-phòng. Chính vì vậy mà ngay trong tổ-chức hiện tại của Bộ Phát-Triển sắc tộc, nhiều người đã ~~ngạc~~ngại sự thiếu hữu hiệu của tổ-chức hành chánh này vì vị Trưởng Cơ-quan này là sắc dân Bahnar. Và lại, trên phương diện tâm lý, các bộ lạc sơn-cước vẫn thường có mặc cảm là không chịu thuận-phục nhau, các chức sắc Việt-Nam phụ-trách công việc điều hợp các sóc hay buôn sẽ tránh được sự so bì và mặc cảm tâm lý trên. Xem như vậy, thì chính sách sơn-cước vụ của Tiểu phu sứ Nguyễn Tấn quả đã đạt được nhiều tiến bộ so với các chính-sách trong quá khứ nhất là việc đạt được một số cơ cấu hành chánh hợp tình hợp lý tại khu vực sơn-cước.

Trên phương-diện thuế vụ, đây là công-tác khó khăn và quan yếu nhất của triều đình và là một trong những mục-tiêu chính của chính-sách sơn-cước vụ - người sơn-cước là công dân của Việt-Nam phải đóng góp vào gánh nặng công phí của quốc-gia. Sự đóng thuế là một hình-thức thể hiện bổn-phận của công dân và làm nảy nở tinh thần quốc-gia nơi người sơn-cước. Chính vì cái tác dụng chính-trị của việc này mà tiêu phu sứ Nguyễn Tấn khi đến trên nhậm đã miễn hẳn cho người sơn-cước một năm thuế ~~Lưu~~ một bước, hy-sinh một phần ngân sách quốc-gia để duy-trì và nuôi dưỡng tinh-thần quốc gia nơi người sơn-cước và nhất là để buộc người sơn-cước tiếp-tục thể-hiện bổn-phận công dân là việc làm khéo léo nhất của Ông Nguyễn Tấn. Chiến thuật này hẳn phải nằm trong chính-sách chung của quốc gia đã giữ yên được vùng sơn-cước Nam-Ngãi và làm cho các thuộc quốc và thuộc Man giữ lệ dưng cống. Thật ra, trong khoảng thời gian này, Việt-Nam đang ở trong một tình thế nguy ngập, bên trong thì việc bách hại công-giáo đã làm cho dân tình ta thán, bên ngoài thì việc bế quan tỏa cảng làm cho các quốc-gia Tây-phương đem lòng oán hận. Sứ giả Trần-Trọng-Kim đã nhận-định rất xác thực rằng : "sức đã không đủ giữ nước mà lại cứ làm điều tàn ác. Đã không cho người ngoại quốc vào buôn bán, lại đem làm tội người đi giảng đạo, bởi thế cho nên nước Pháp và nước Ý-pha-Nho mới nhân cơ ấy mà đánh nước ta vậy" (13). Hơn nữa, lúc bấy giờ những học-giả thức thời như Nguyễn-trường-Tộ (năm 1866 tức là năm Tự-Đức thứ 19 dâng sớ xin cải cách việc nước) như Đinh-van-Điền (năm 1868 tức là năm Tự-Đức thứ 21 dâng bản điều trần canh cải quốc gia) hay Nguyễn-Hiệp, Lê Đĩnh sau khi đi sứ ở Anh-quốc và Xiêm về cũng dâng biểu xin vua sửa sang việc nước, mở mang thương mại, cải tổ chính-sách ngoại giao, nhưng vua Tự-Đức đã không nghe theo, là một văn quan làm đến chức Án-Sát hẳn Ông Nguyễn Tấn đã hiểu rõ tâm lý của vua Tự-Đức, một con người có tài nhưng quá bảo thủ, bị bao vây bởi những phũ-tá không ưu thời mãn thế nên khi được bổ-nhiệm tại lũy sơn phòng, ông đã linh-động áp-dụng một chính-sách thuế-vụ mà

(13) Trần-Trọng-Kim, Việt-Nam sử lược trang 477. Tân Việt Saigon 1958.

chắc chắn nếu phúc-trình về triều đình sẽ không bao giờ được phê chuẩn nhất là trong lúc ngân-sách quốc-gia thiếu hụt đến nỗi vua Tự-Đức phải định lệ bán quan để lấy tiền.

Ngoài ra, trên phương diện hành thù thuế, trước hết tiêu phu sứ bãi bỏ chế-độ giảo dịch đó là những thương lái và thù thuế viên được chọn lựa trong những người sơn-cước. Từ nay văn phòng của họ được thay bởi những Tổng nguồn dưới sự cai quản của chánh tổng người Việt. Sự kiện này có nghĩa sự thu thuế trở thành công-tác của người Việt. Phụ vào tổng nguồn có những đầu mục sơn-cước và những sách trưởng một thứ lý trưởng có nhiệm vụ thu số tiền cho tổng nguồn.

Trên phương-diện thương-vụ, theo chỉ-thị của Tri-châu những thị-trường trao đổi được thiết lập cạnh mỗi tổng nguồn. Song le những nơi này không được phát đạt, vì vậy, trên thực-tế, việc buôn bán vẫn được dành cho các cán-bộ sơn phòng - do các tổng nguồn thuế mượn và kiểm soát - đặc trách việc buôn bán trong một hay nhiều làng ở vùng sơn-cước. Cũng như khắp nơi ở vùng sơn-cước, những người bán rong đem lên vùng sơn-cước muối, ché, đồ sứ, đồ đồng để đổi lấy gà voi, gỗ quý, quế, sừng tê, hươu, nai và nạp thuế cho Châu. Tóm lại, Trấn Man hay Sơn-phòng Trấn là những thí-điểm cho việc áp dụng chính-sách sơn-cước vụ. Chính-sách này vẫn dựa trên hai yếu-tố căn-bản :

- Quyền tự trị của địa-phương
- Trung-ương chỉ hành xử quyền giám hộ.

Chúng ta có thể nói chính sách sơn-cước vụ dưới đời nhà Nguyễn đã thực-sự có một nền tảng khá vững chắc. Trên phương diện pháp-lý, khu-vực sơn-cước vẫn là nơi dành riêng cho đồng-bào sơn-cước dưới sự tự quản của các vị tù-trưởng. Trung-ương chỉ hành xử quyền giám-hộ qua việc tấn phong cho các vị tù-trưởng. Những vị này lãnh-đạo trực tiếp đồng-bào sơn-cước đã được coi như các quan lại của triều đình đại-

diện của nhà Vua để cai trị dân chúng, thu thuế, nộp cống. Nghĩ cho kỹ thì việc ấn-định quyền tự trị cho các bộ lạc sơn-cước thực-sự đó cũng chỉ là việc áp dụng tổ chức nền hành-chánh của Việt-Nam kể cả việc ấn-định quyền tự trị của đồng-bào sơn-cước. Thật vậy, ở trong các khu-vực đồng-bằng là nơi người Kinh sinh sống, quan của nhà Vua bỏ ra chỉ đến phủ huyện như ở các tri châu còn từ tổng trở xuống thuộc về quyền tự trị của dân. Tính cách đa tạo của đồng bào sơn-cước về phương-diện chủng-tộc đã làm cho cái nếp sống trung gian này phải nằm trong tay người Việt còn làng hay xã cũng như (Buôn, sóc, plei) là phần tử cốt yếu của dân. Phong-tục, lệ luật của làng nào riêng làng ấy, triều đình không can thiệp đến cho nên ở khu-vực đồng-bằng người ta có câu : "phép vua thua lệ làng" và chế-độ xã thôn tự trị này cũng được áp-dụng rộng rãi đối với đồng-bào sơn-cước. Để nắm vững dân tình, chính-quyền trung-ương mặc dù giao-phó công việc quản-trị hành chánh tại các sóc cho người sơn-cước nhưng vẫn tổ-chức một hệ-thống lái nhiệm-vụ hay một hệ-thống thương hồ, một mặt phụ-trách thương-vụ, một mặt theo dõi những biến chuyển tại đây. Đây cũng có thể coi như là một tổ-chức tình báo của triều-đình, những cán bộ này phải am-hiểu phong-tục, tập-cuán, ngôn ngữ của đồng bào sơn-cước, họ lại còn phải giữ bí-mật các công-tác giao-phó. Muốn nắm vững đồng-bào sơn-cước, phải làm sao cho thổ-dân tin-tưởng vào lớp cán-bộ này. Muốn vậy, phương-châm của Trung-ương đề ra là phải trị hành hiệp nhất, giữ đúng lời hứa. Trên phương-diện chính-trị, xã-hội thì chính-sách đã chủ-trương rất sát với thực-tế khi Trung-ương đã nhận-định về sinh-hoạt của người sơn-cước : "Dân sơn-cước không vua không chúa, không luật-pháp, lại ở trong rừng núi hiểm trở, nên thường hay ngược ngạo, đi cướp phá. Nếu muốn chế ngự họ, ta dùng biện-pháp cứng rắn thì họ trốn vào rừng sâu. Nếu ta mua chuộc họ bằng tình-cảm họ sẽ coi thường. Nếu ta giết họ, họ mang lòng oán thù và nếu ta rộng lượng với họ cũng cho đó là lẽ thường. Bởi vậy, người chỉ-huy dùng bao giờ có những hành-động nhu-nhược, phải có nghị-lực, nhiều sáng-kiến, phải được lòng cấp dưới, phải ngay thẳng, biết

thường rộng rãi và phật nghiêm minh" (14). Căn cứ theo Phủ
Tham tập lục, các điều tâm niệm sau có thể coi là những
phương châm hoạt-động của các cán-bộ do Tiều-phu-sứ huấn-
thị :

- Nghiên cứu kỹ càng địa hình, địa vật, đường lối
giao thông trong khu-vực hoạt-động.
- Hiểu rõ phong-tục, tập quán, ngôn ngữ địa-phương.
- Hoàn toàn bí mật trong công-tác quân-sự.
- Cương-quyết trong việc lãnh-đạo song thận-trọng
khoan dung trong cách đối xử.
- Công bằng và triệt-để giữ lời hứa.

Chính vì chính-sách sơn-cước-vụ của các triều-đại
xưa rất linh-động và tâm lý mà suốt trong thời kỳ nhà Ngô
đến nhà Nguyễn, người sơn-cước đã đóng góp rất lớn trong
công cuộc chống xâm lăng và dẹp yên những cuộc nổi loạn của
Chiêm-Thành và Lão-Qua. Ngay cả vào năm 1859, người Pháp
chiếm tỉnh Gia-Định và bành-trướng thế-lực về hướng Tây Bắc
đồng-bào Stieng đã cùng với kháng chiến quân Việt-Nam chống
trả mãnh liệt và tấn-công hầu hết các tiền đồn của người
Pháp.

Để thực-hiện chính-sách giáo-hóa người sơn-cước,
nhà Nguyễn một mặt lấy lễ-nghĩa để cảm-hóa, một mặt khuếch-
trương và phát-triển hạ tầng kinh-tế trong khu-vực nhằm
định-cư và định-canh đồng-bào sơn-cước. Sự phát-triển kinh
tế trong khu-vực nhằm trước hết ổn định đời sống cơ cực của
người sơn-cước và sau là để đóng góp cho gánh nặng công-phí
của quốc-gia. Thuế tô được ấn-định cho mỗi buôn hàng năm
là 1.350 quan tiền. Chính-sách dù có đầy đủ bao nhiêu mà
không được thực-thi đúng đắn thì cũng không mang lại kết-
quả tốt đẹp vì vậy mà việc huấn-luyện cán-bộ thượng-vụ được

(14) Bernard Bourotte (sách đã dẫn).

các chính-quyền dưới nhà Nguyễn đề cao lại được hệ-thống hóa thành một kế-hoạch. Chúng ta có thể nói rằng, cái điểm đáng chú ý nhất của nhà Nguyễn là biết kế tục sự nghiệp Tây tiến của triều đại thù-nghịch với giòng họ mình đó là nhìn về hướng núi của nhà Nguyễn Tây-Sơn. Đối với các sắc dân miền núi, triều Nguyễn đã dùng chính-sách khôn khéo là nhu viên, nguyên lý của chính-sách này là "chiêu văn đức dĩ lai chi", mình phải làm cho sáng cái văn đức khoan-dung, đại-lượng để người ta tình-nguyện theo về với mình. Muốn vậy, cần phải quy-tụ một số cán-bộ thông hiểu tập quán phong-tục và nhất là ngôn-ngữ miền sơn-cước. Dưới đời vua Minh-Mạng, có Ông Lê-văn-Quyền quê ở Phú-Yên rất am hiểu ngôn-ngữ của người sơn-cước, do đó ông đã trở thành giáo-sư tiếng sơn-cước và thông dịch các thổ-ngữ ở Hành nhân ty. Chúng ta có thể nói rằng, Lê-văn-Quyền là người huấn-luyện-viên cán-bộ trong công-tác thượng-văn đầu tiên. Chiêu dụ bằng ân đức, hòa đồng bằng văn-hóa người miền núi vào đại gia-đình Việt-Nam khỏi có nạn kỳ thị đó là những tư-tưởng chỉ đạo của chính-sách nhu-viên mà các triều-đại Việt-Nam từ ngàn xưa đã áp-dụng. Nếu người sơn-cước và đồng bằng đã trở thành xa lạ, nếu có sự kỳ thị thì chắc chắn đó không phải là bắt nguồn từ chính-sách của Việt-Nam mà đó là hậu-quả của chính sách chia để trị của nước Pháp và những mục-dịch riêng tư của họ !

B.- CÁC CHÍNH SÁCH THƯỢNG VỤ DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC

I.- CHÍNH-SÁCH CỦA PHÁP ÁP-DỤNG TẠI CAO-NGUYÊN MIỀN NAM

Trước khi người Pháp chiếm kinh thành Huế 1885, vùng sơn-cước tuy thuộc vào lãnh thổ nước Việt-Nam, song sự thực triều đình Huế chỉ mới thiết lập được nền móng hành-chánh cho Trấn-Mạn hay sơn phòng trên chạy dọc theo dãy Trường-Sơn từ Quảng-Nam xuống tới Bình-Thuận, Ninh-Thuận

cho đến cuối thế-kỷ thứ 19 tại Cao-Nguyên chưa có mấy người Kinh lên sinh cơ lập nghiệp. Trung-ương cũng chỉ mới đặt các trạm thơ và các đồn binh tại các địa-điểm quân lý. Mỗi đồn binh phụ-trách một đạo tương đương cấp quận hiện nay. Mỗi đạo do một viên giám binh trông coi. Từ 1862 người Pháp đã bắt đầu xâm nhập Cao-nguyên miền Nam, cũng trong năm này người Stieng ở Bắc Thủ-dầu-Một và Biên-Hòa, người Chrau ở Đông Bà-Ria đã nổi lên trong phong-trào chung chống Pháp. Tất cả những đồn bót của biên thù phía Bắc và Đông Nam Nam-Việt đều bị phong tỏa. Suốt trong năm 1863 các kháng chiến quân sơn-cước liên hiệp với quân dân đồng bằng đã gây nhiều lo lắng cho quân binh viễn chinh Pháp. Sơn-cước đã là những địa-điểm chiến-lược xuất phát những đoàn xung kích bất thần tấn công quân Pháp. Năm 1887 người Pháp đặt tổng-đốc toàn quyền để cai-trị Đông-Dương. Nam-Kỳ là xứ thuộc Pháp do một viên thống đốc cai-quản. Trung-Kỳ và Cao-Miền có những viên khâm sứ phụ-trách, Bắc-kỳ và Lào mỗi nơi có thống sứ cai-trị.

Cao-nguyên Trung-phần bấy giờ thuộc vào xứ Trung-Kỳ và vẫn chia thành những khu-vực hành-chánh; Chính-sách của Pháp ở Đông-Dương tùy thuộc ở các vị toàn quyền Le Myre de Vilers, de Lanessan, Doumer, Paul Beau và toàn quyền P. Pasquier. Tính cách thiếu ổn định của chính-sách Pháp tại Cao-nguyên miền Nam bắt nguồn từ những biến chuyển chính-trị của những vùng thuộc Cao-nguyên miền Nam. Thật vậy, chiếu hiệp ước ngày 3.10.1893, Cao-nguyên Trung-phần bị sát nhập vào Lào. Nhưng âm mưu chính-trị đó bất thành vì một mặt triều đình Huế phản đối và một mặt phản ứng mãnh-liệt của đồng-bào sơn-cước nên năm 1898, chính-quyền Pháp phải đặt tòa đại lý hành chánh tại Kontum và ủy cho linh mục Viellenton làm đại lý để nhờ uy tín giáo hội công-giáo xoa dịu sức phản ứng của người sơn-cước. Kế-hoạch này cũng không thành công nên ngày 22.11.1904 Darlac rời ngày 4.7.1905 Kontum được trở về cho Việt-Nam. Năm 1895 đánh dấu sự giải tán liên bang Bahnar-Rengao được thành lập từ 1889. Lãnh thổ của liên bang này trước đây được đặt dưới sự cai quản của khâm-sứ Qui-Nhon, Guiomar.

- Công việc tổ chức của người Pháp tại Cao-nguyên.

Ngày 22.11.1904 tỉnh Darlac thuộc Cao-nguyên Trung-phần được giao hoàn cho triều-đình Việt-Nam. Tỉnh Pleiku được thiết-lập năm 1907, Kontum lúc bấy giờ chỉ là một sở đại-lý của Qui-Nhon, Cheo-Reo phụ thuộc tỉnh lỵ Sông Cầu. Vai trò của Vincillion, viên quan cai-trị An-Khê có nhiệm-vụ bình-định và thu phục các bộ lạc sơn-cước Bahnar, Sédang. Từ đồn binh ở Plei-Tur được thành-lập từ 1905, Bardin có nhiệm-vụ ổn-định trong khu-vực các bộ lạc Hadrong; cùng lúc đó các bộ lạc Rhadé ở khu-vực Darlac được người Pháp tổ-chức kỹ lưỡng và xem chừng là bộ lạc tiến-bộ nhất tại Cao-nguyên qua sự cai trị của các viên chức hành chánh Bourgeois và Sébatier. Năm 1923 Darlac được thành-lập thành một tỉnh dưới quyền cai-trị của một công-sứ người Pháp. Sébatier vị trưởng tỉnh Darlac đầu tiên liền ra lệnh cấm người Việt-Nam lên lập-nghiệp tại Banmêthuôt với mục-đích bảo vệ quyền lợi của các nhà trồng tía, chủ đồn điền người Pháp tại đây. Như vậy, Cao-nguyên Trung-phần gồm các tỉnh Pleiku, Darlac và một số đại lý hành chánh Kontum, Cheo Reo do người Pháp cai-trị. Triều-đình Việt-Nam chỉ đặt một việc quản đạo tuy bề ngoài lo việc an-ninh trật-tự trong tỉnh song trên thực-tế chỉ có tính-cách tượng-trưng nhằm đánh lạc hướng các nhà ái-quốc và dư-luận quần-chúng. Ngay cả tại các vùng sơn-cước thuộc các tỉnh Nam-Ngãi Bình từ xưa vẫn chịu ảnh hưởng của triều đình Việt-Nam cũng bị người Pháp tách khỏi quyền kiểm soát của Nam triều. Thật vậy, ngày 16.10.1898, khâm sứ Trung-kỳ Boulloche đề-nghị với triều-đình Huế đặt vùng sơn-cước dưới sự đặc-trách của người Pháp kể cả các khu-vực của đồng-bào sơn-cước tại Sơn phòng trên. Dĩ nhiên, với áp-lực quân-sự, triều đình Huế phải đành lòng chấp nhận và kể từ đó người Pháp nắm hẳn việc khai thác vùng sơn-cước miền Nam. Năm 1901 Pháp lập một nha đại-lý tại vùng Trà-Mi và kiểm soát lần hồi các quận thượng du thuộc vùng Trung-nguyên Trung-phần hiện nay. Các đại-lý lần lượt sát nhập vào các tỉnh Kontum, Pleiku, Darlac, Đông Nai Thượng. Để củng-cố chính sách biến Cao-nguyên thành một khu-vực tự trị dưới quyền khai-thác của Pháp, Pháp đã ngăn cản người kinh lên lập nghiệp và buôn

bán tại vùng sơn-cước. Trong lúc đó các tư bản Pháp lũ lượt kéo lên Cao-nguyên lập đồn-diện. Để ngăn ngừa sự chống đối của người sơn-cước người Pháp không đặt trọng-tâm khai hóa dân địa-phương và cố tình để cho người sơn-cước ở trong tình-trạng trì trệ, lạc hậu ngõ hầu dễ khai-thác và tận-dụng trong công-cuộc khẩn hoang tại Cao-nguyên miền Nam.

- Chính-sách của Pháp trong việc bình định tại Cao-nguyên. Năm 1899 viên quan cai-trị Bourgeois đã thành-lập khu-vực Bandon với mục-đích làm thí điểm trong công cuộc bình-dịnh Cao-nguyên Trung-phần. Tại đây Bourgeois và một số lãnh-tu sơn-cước làm cố-vấn, đó là Phet Lasa một kiều-dân Lào và Kun Yu Nob người M'Nong là những công sự viên được người Pháp mô tả như là những người tài ba và trung-thành nhất của các viên khâm-sứ Pháp ở tỉnh Darlac. Bourgeois quyết-tâm mua chuộc và thu-phục các bộ lạc Rhadé-Kpa và các bộ lạc Bih ở hạ lưu Krong-Hana và Krong-ko. Lãnh-tu của sắc dân Bih lúc bấy giờ là Ngeuh đã chống lại âm mưu của Bourgeois. Khư khư trong mưu đồ của mình, ngày 1.3.1900 Bourgeois xua quân tiến chiếm Ban-Tur và Ban Trap là hai buôn của người Bih trú ngụ. Hai hôm sau, một cuộc đụng độ dữ dội xảy ra ở Ban-Treuh, Ngeuh chạy thoát được và trú-ân vào vùng núi ở phía Tây Darlac. Sau khi Ngeuh trốn thoát, toàn thể dân Bih gần 250 gia-đình đã rời bỏ buôn ấp đi theo vị lãnh-tu của họ tận khu-vực sông Srépok thuộc biên giới Miên-Việt khiến quan quân Pháp không tài nào xâm nhập được. Sự kiện này đánh dấu việc thất bại đầu tiên của Pháp trong ý đồ mua chuộc và bình định các bộ-lạc sơn-cước tại Cao-nguyên Việt-Nam. Các nhà cai-trị Pháp tại khu-vực Darlac ban đầu đồng đô ở Bandon mãi sau vì sự cướp bóc thường-xuyên của người Lào và Miên, tỉnh-ly phải dời về Banmethuot. Sự thất bại đầu tiên của Bourgeois, cái chết của Henri-Maitre, viên quan cai-trị nổi tiếng ở Cao-nguyên năm 1914, sự bất ổn hầu như thường xuyên tại Cao-nguyên, sự hiếu động của các bộ-lạc sơn-cước và nhất là tình hình chính-trị tại Pháp-quốc trong những năm đầu của đệ nhất thế chiến là những nguyên nhân khiến cho Pháp không có một chính-sách Thượng-

vụ rõ rệt và tất cả chỉ còn trông chờ vào sáng kiến của những cá-nhân do đó chính-sách Thượng-vụ trở nên rời-rạc. Thậm chí có những viên chức sau một thời-gian phục-vụ tại Cao-nguyên đã không còn cần biết đến mẫu quốc Pháp nữa như Nam tước Meyréna nam 1888 được chính-phủ Pháp cử lên Cao-nguyên nghiên-cứu tình-hình chính trị tại đây, sau khi tiếp xúc với các giáo-sĩ công-giáo tại Kontum và dần dần thu-phục được các vị tù-trưởng sơn-cước, Meyréna lóa mắt bởi các quyền lợi tại Cao-nguyên nên ngày 3.6.1888 y liền triệu tập tất cả các tù-trưởng họp tại làng Kongung tuyên-bố thành-lập quốc-gia Sédang có hiến-pháp, có quốc-kỳ riêng và tự xưng làm vua lấy hiệu là Marie đệ I. Sau đó Meyréna đi thu phục các bộ lạc lân cận và ngày 20.6.1888 sắc dân Hámong và sắc dân Bahnar-Rengao ký hiệp ước liên minh. Tháng 9 năm 1888, y xuống tàu Qui-Nhơn và đi du thuyết các nước Bỉ, Anh để xin giúp đỡ tân quốc-gia Sédang. Trên đường trở lại Cao-nguyên, Meyréna bị giữ tại Tân-gia-Ba và bị cấm trở lại Việt-Nam. Sau đó y trốn sang cù lao Ti-ô-men thuộc Mã-Lai và chết tại đó. Tháng 3.1889 viên công sứ Qui-Nhơn đến làng Kon-Trang gặp các viên tù-trưởng Sédang để báo tin vua Marie đệ I đã bị truất phế và khuyên họ gia-nhập liên-bang Bahnar-Rengao do giáo hội công-giáo thành-lập và được Pháp thừa nhận. Các tù-trưởng Sédang bằng lòng gia-nhập liên-bang Bahnar-Rengao nhưng không bao lâu liên bang này bị giải tán (1895). Như đã trình bày ở trên, trong bối-cảnh chính-trị tại Việt-Nam nói chung và Cao-nguyên nói riêng chính-sách Thượng-vụ của Pháp không có tính-cách thống-nhất mà chỉ là những kế-hoạch dò dăm phát xuất từ sáng kiến của các nhà cai-trị Pháp tại đây. Vì vậy nói đến chủ-trương của Pháp tại Cao-nguyên chúng ta không thể quên đi hoạt-động của viên khâm-sứ Sabatier, vị tỉnh-trưởng đầu tiên của tỉnh Darlac. Ngoài công trình điển chế bộ luật Bi-đuê, một bộ luật gom góp những phong tục tập quán của người Rhedé và chính y là linh-hồn của thông tư 30.7.1923 do Pesquier ban hành nhằm làm nền tảng cho chính-sách thượng-vụ của Pháp tại Cao-nguyên miền Nam.

- Thông-tư 1923 và sự chuyên-hướng trong chính-sách Thương-vụ của Pháp. Pasquier lúc bấy giờ là khâm-sứ Trung kỳ, đã đoán biết trước hậu-quả của sự đổ xô lên Cao-nguyên vì lòng tham lam vô độ của những mại bản Pháp. Ông nói : "Lòng tham lam và ích-kỷ của những tư-bản Pháp xâm nhập Cao-nguyên sẽ trước tiên làm sụp đổ công-trình của chúng ta tại đây và ông kêu gọi sự tập-trung và kế-hoạch hóa các năng-lực và tài-lực của người Pháp tại Cao-nguyên Pasquier đã ban hành thông-tư ngày 30.7.1923 do sự khuyến cáo của công-sứ Sabatier. Tại thông-tư này, người ta ghi nhận những nguyên-tắc chỉ đạo về nền hành chánh tại Cao-nguyên được các nhà cai-trị Pháp lúc bấy giờ coi như là một bảo-đảm cho việc phát-triển vùng sơn-cước và tương-lai của những người Thượng. Sự bảo-đảm này là dấu hiệu của một chính-sách mới có thể làm thương tổn đến những quyền-lợi của các nhà trồng lúa tại Cao-nguyên. "Tài liệu này có thể xem như là biểu hiệu những ý định của chính-phủ Pháp đối với các bộ lạc sơn-cước biểu hiệu rõ rệt sự bảo hộ mà chính phủ Pháp thấy có bốn phần đối với người sơn-cước đang bị đe dọa một mặt bởi những thế-lực tư-bản thường thường là an xối ở thì và một mặt bởi những chủ-trương thực dân - không phải là chủ-trương của Pháp nên rất vô tâm và tàn-nhân" (15). Pasquier tuyên bố rằng đã đến lúc hành-động ở vùng Cao-nguyên và thực thi tại đây một chính-sách chủng-tộc nghĩa là cần bảo-vệ những bộ lạc tại Cao-nguyên chống lại tất cả những thế-lực không liên hệ nguồn gốc chủng-tộc và cũng cần bảo-vệ cả những đất đai tại Cao-nguyên miền Nam. Trong lúc chờ đợi những chủng-tộc này có đủ năng-lực, chính-phủ Pháp phải ngăn cản họ tiếp-xúc, sự tiếp xúc này có thể coi như những sự lợi-dụng lòng ngây thơ của người sơn-cước và xúi-giục họ phạm những tội ác đối với chính-quyền Pháp làm kéo dài tình-trạng bất ổn tại Cao-nguyên. Nhằm cắt đứt mọi liên lạc giữa vùng đồng-bằng Việt-Nam và miền Cao-nguyên, thông-tư này còn chỉ thị ấn-định rõ ràng giới hạn khu-vực (đồng bằng và cao-nguyên), một số khu-vực đã bình định ở bên kia sông Dak-Sal, Krong-Kno sẽ được ngăn

(15) Bernard Bourrette, sách đã dẫn trang 96.

chặt chẽ nghiêm ngặt. Cần định-cư các bộ lạc sơn-cước bằng phương-pháp định canh hay thiết lập những công-trình đê thủy nhập điền vào ruộng, hoặc bằng những vườn trồng cây an trái xung quanh làng. Công cuộc khai thác kinh-tế sẽ được điều-khiển bởi các vị đầu tỉnh người Pháp đúng như ý định muốn tập trung mọi nỗ lực khai thác Cao-nguyên trong tay chính-phủ Pháp. Thương-mại nhất là việc buôn bán muối sẽ được dự phòng để tránh sự hoạt-động của các thương lái Việt-Nam những người này, dưới sự đe dọa, bắt người mọi khờ đại chấp nhận một sự buôn bán bấp bõm. Ngoài ra, trên phương diện văn-hóa, thông-tư còn chỉ thị các tỉnh-trưởng Pháp có nhiệm-vụ điển chế và góp nhặt tất cả những phong-tục tập-quán của người sơn-cước. Chủ-trương chính-trị này có lẽ được kéo dài cho đến khi xảy ra biến-cố ngày 9.3.1945. Về sau khi Nhật đầu hàng đồng minh, người Pháp đã trở lại Cao-nguyên với một chủ-trương cai-trị quyết-liệt hơn. Việc đầu tiên là tách Cao-nguyên ra khỏi Việt-Nam của sắc lệnh 27.5.1946, Cao-nguyên miền Nam được tổ-chức thành một liên bang thuộc Pháp. Liên-bang được gọi là "liên bang phụ-trách các dân-tộc sơn-cước miền Nam Đông-Dương". Quyền cai trị do các quận hành chánh đặc biệt phụ-trách dưới quyền chỉ đạo của Phủ Cao-ủy Pháp. Song lại trước cao trào Cách-mạng 1945 âm mưu đó không được tồn tại bao lâu và người Pháp buộc phải trả lại cho Chính-phủ Việt-Nam cả hai khu-vực Cao-nguyên miền Nam và Bắc sau thỏa-hiệp 8.3.1949.

Tóm lại kể từ thông-tư 1923 cho đến Sắc-lệnh 1946 chúng ta ghi nhận ba sự kiện chính nằm trong chủ-trương chính-trị của Pháp tại Cao-nguyên :

- a)- Ngăn cấm đến mức tối đa sự tiếp xúc liên lạc giữa người sơn-cước Việt-Nam và người đồng-bằng;
- b)- Nắm độc quyền khai-thác Cao-nguyên bằng cách tập-trung mọi nỗ-lực vào trong tay những vị đại-diện chính-thức của Pháp;
- c)- Tách Cao-nguyên ra khỏi lãnh-thổ Việt-Nam.

Đó là tất cả những chủ đích của Pháp làm căn bản cho chính-sách sơn-cước của Pháp áp-dụng tại Cao-nguyên miền Nam. Nhưng trong suốt thời gian dài xâm chiếm Cao-nguyên, lịch-sử tại Cao-nguyên đã ghi nhận những cuộc nổi dậy của đồng bào sơn-cước Việt-Nam nhằm lật đổ chế-độ cai-trị của Pháp tại đây : năm 1900 sắc dân Bih đã nổi lên tại Darlac rồi đến cuộc khởi nghĩa của Lê Võ Trụ tập hợp hơn 200 dân quân sơn-cước tấn công vào quận lỵ Sông Cầu; năm 1901 sắc dân Sédang nổi lên tại Kontum giết chết viên trưởng đồn Robert trấn giữ con đường liên-lạc của các bộ-lạc Sédang từ Quảng-Nam, Quảng-Ngãi đến Tây Bắc Kontum năm 1904 viên quan cai trị Pháp tên là Prosper Odend'hel bị người sơn-cước giết chết cùng đoàn tùy tùng chỉ vì muốn bắt ép bộ lạc Jarai theo chế-độ Pháp và bắt buộc Hỏa xá trình cho ý xem các bảo vật; Năm 1935 tù trưởng Ama Trạng Long, người M'Nong đã nổi lên ở Quảng-Đức và tù-trưởng Behnar ở Pleiku, An-Khê năm 1942.

Trong lúc ở ngoài Bắc, người Pháp đã ổn-định được tình hình tại vùng thượng-du để rồi tổ-chức thành những khu tự trị thì ngược lại trong Nam suốt từ Thừa-Thiên đến miền Đông Nam-phần, người Pháp phải luôn luôn đương đầu với những cuộc nổi loạn của người sơn-cước khi thì hoặt-động riêng rẽ khi thì liên kết với người Việt-Nam.

Tại vùng Thượng-du Bắc-Việt ngay từ 1890, Ông Đào-van-Trí đã được Ông Pavie, Phó Lãnh-sự Pháp, nhân danh Hoàng đế Việt-Nam cử làm Tri-phủ Điện-Biên-Phủ. Chức-vụ này có tính cách thế-tập và mãi đến 1948, khu Thái mới được tổ-chức thành một khu tự trị có đầy đủ cơ-cấu lập-pháp và hành-pháp. Cơ-cấu lập pháp do các đại biểu dân cử của các châu, với nhiệm-kỳ là 4 năm. Quyền hành-pháp nằm trong tay một vị đại diện do các tỉnh-trưởng, tri-trưởng, tri-châu bầu ra với 2/3 phiếu. Nhiệm-kỳ của vị chủ-tịch hành-pháp là 5 năm. Cảnh vị này có các cố-vấn Pháp giúp đỡ về tư-pháp, luật cổ-truyền được tôn-trọng và về văn-hóa chữ Thái và Pháp được dùng trong các trường học". Tại khu Nùng thì quy-chế tự-trị rộng rãi hơn :

- Về cơ-cấu lập-pháp thì do một hội-đồng lãnh-thổ phụ-trách, cứ 1.000 dân được bầu một đại-biểu vào hội-đồng.
- Về cơ-cấu hành-pháp có một hội-đồng cai-trị thường trực.
- Về tư-pháp do Luật Việt-Nam chi phối (16).

Riêng về các sắc tộc miền Nam thì từ 1899 vùng sơn-cước miền Nam bắt đầu thuộc quyền bảo-hộ của Pháp. Năm 1931 Pháp lập một Nha Đại-ly tại vùng Trè-My và kiểm-soát dần dần các quận thượng du thuộc Trung-nguyên Trung-phần. Hiện nay, các tỉnh Kontum, Pleiku, Darlac, Đồng Nai Thượng cũng được thiết lập sau đó. Kể từ thông tư 30.7.1923 cho đến biến cố 9.3.1945, chủ-trương của Pháp ở Cao-nguyên nhằm ba mục-tiêu :

1)- Ngăn cấm đến mức tối đa sự tiếp xúc liên lạc giữa người sơn-cước và người Việt.

2)- Nắm độc-quyền khai thác Cao-nguyên bằng cách tập trung mọi nỗ lực vào trong tay những vị đại-diện chính-thức của Pháp.

3)- Tách Cao-nguyên ra khỏi lãnh-thổ Việt-Nam. Kết-quả của chủ-trương trên là việc ban hành những công lệnh cấm người Việt-Nam lên lập nghiệp tại Cao-nguyên. Sau đó, những khu tự trị của từng bộ lạc được người Pháp cố tâm thành-lập để dễ kiểm-soát như khu-vực Bandon tập-trung các bộ lạc Rhadé do sáng kiến của viên quan cai-trị Bourgeois, liên-bang Bahnar-Rengao, các tổng tự trị Stieng và ở phía Nam, một số đường được khai thông :

- đường từ núi Chứa-Chan đến Võ Đát
- đường từ Biên-Hòa xuyên qua núi Bà Rá chạy đến Bù-Đốp
- một đường đến An-Bình.

(16) Paul Huc - chính sách Thượng vụ trong quá trình lịch-sử trang 74. Bộ Phát-triển sắc tộc an hành 1965.

Công-sứ Biên-Hòa Thiébaull cùng với viên quan cai-trị Odéra bình định các ngọn đồi của vùng Chrau và Cho Ma. Gắn hết lưu vực sông La-Ngà được bình định. Giữa Bà Rịa và Sông Bé, người Pháp thành lập ba tổng Stieng, Thiểu-Tá Carrier, lập con đường ở khu-vực phía đông núi Bà-Rá để thành lập một công-ty kỹ-nghệ. Những đồn-diên cao-su được phát-triển mạnh-mẽ tại khu-vực Đồng Nai Thượng và khu-vực hai tỉnh Pleiku, Darlac. Trong khoảng thời gian từ 1899 đến 1945, thực ra người Pháp vẫn chưa thực-hiện xong công-kuộc bình-định và phải đối phó thường xuyên với những cuộc nổi dậy của các bộ-lạc sơn-cước tại Cao-nguyên. Hai vụ nổi loạn lớn lao nhất trong thời Pháp xâm chiếm Cao-nguyên là vụ tấn công của đồng-bào sơn-cước vào căn cứ Rolland của Pháp ở tỉnh Quảng-Đức khoảng 1933 và vụ nổi dậy của các sắc dân lớn tại Kontum chống lại sự cai-trị của Pháp (1936). Vụ tấn công căn cứ Rolland đã cày-tụ hầu hết các sắc dân ở phía Nam Cao-nguyên Biet, Mnong, Stieng, Nong với một mặt trận dài 200 cây số từ Tây tỉnh Biên-Hòa xuống đến Tây Bắc Quảng-Đức. Sự liên hiệp của các bộ lạc sơn-cước làm cho Pháp phải mở một mặt trận quy mô gồm liên quân Miên, Việt, Rhadé và Pháp để đối phó và phải mất một thời gian gần hai năm mới tạm dẹp yên. Vừa bình định xong khu vực phía Nam, thì phía Bắc tại Pleiku, Kontum, Phú-Yên, Bình-Định, các bộ lạc sơn-cước ở tại đây lại nổi lên chống Pháp. Lúc bấy giờ vào năm 1935, ở Kontum có tin đồn trong dân chúng một gia-đình sơn-cước đã hạ sanh một "đứa bé hình trăn" hiện thân của thời-đại huy hoàng của người sơn-cước. Sự ra đời của vị phúc thần này khiến cho người sơn-cước không còn vất vả nữa, sẽ làm chủ mình và không bị lệ-thuộc Pháp". Năm 1937, những toán người Hré (Quảng-Ngãi), Bonom (Đông Kontum), Rhadé (Darlac), Jarai (Cheo Reo) đã đến tận Kontum hành hương và dâng đồ tế lễ cho "đứa bé hình trăn". Vì không có gì khác để trao cho đoàn người tới viếng. Mawih cha "đứa bé" trao tặng cho những người hành hương những chai nước suối. Dân chúng lại phao tin là những chai nước này có thể che chở cho người dùng nó khỏi những nguy hiểm, tai biến. Khắp nơi những người có loại nước này đều đồng ý rằng có được bùa linh thiêng chống lại sức mạnh của súng đạn, họ

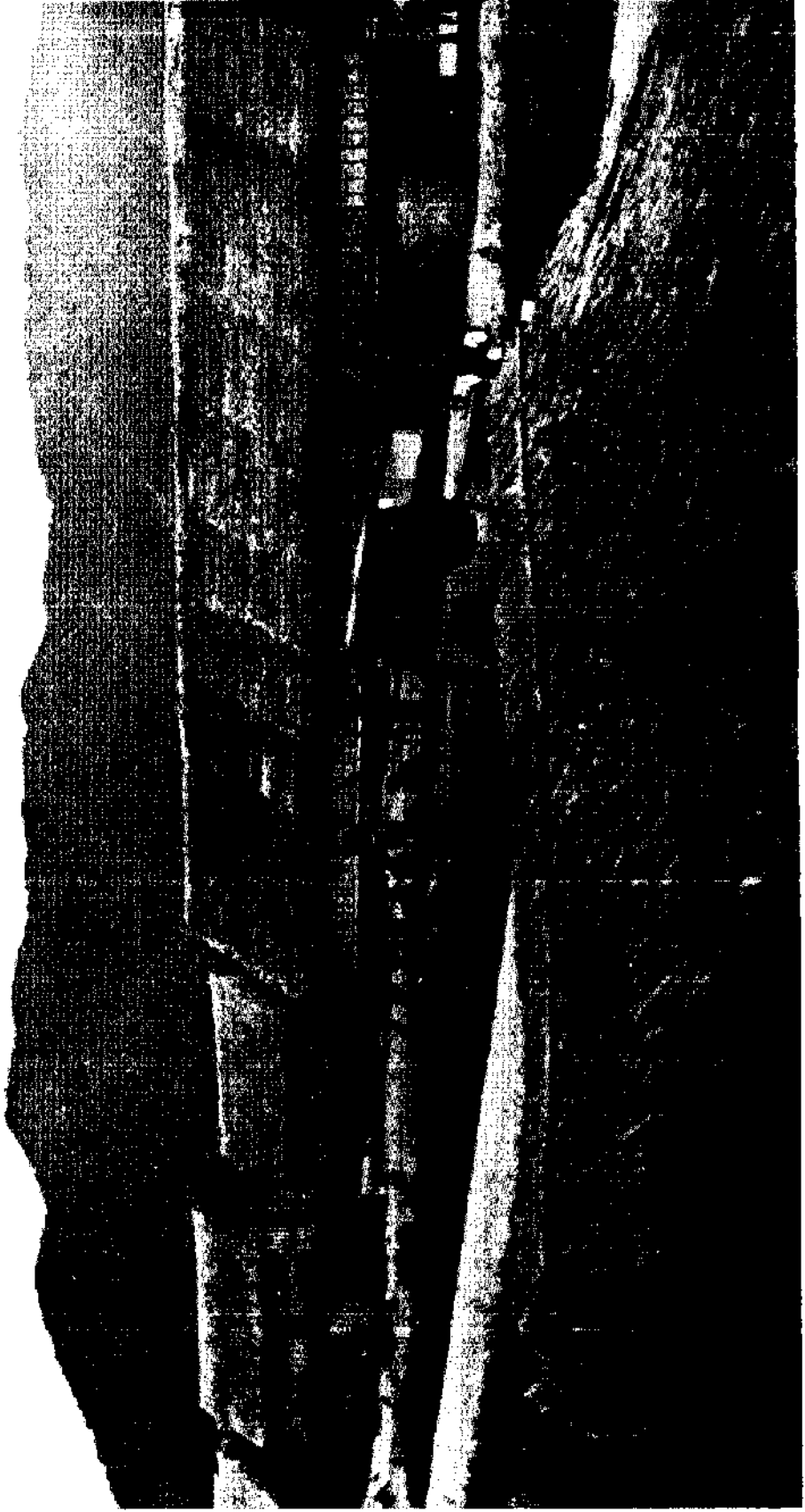
hội họp thành một lực lượng riêng. Những người gây rối liền trà trộn vào các sắc dân sơn-cước Sedang, Dió, Rhé, Bonom, Alakong quyết-định cắt đứt liên lạc với Pháp. Người Sedang đi tiên phong làm gương tấn công vào các đồn binh Pháp tại Kontum vào đầu 1928, những bộ lạc khác ở Bình-Dinh, Phú-Yên cũng nối dấy và để quyết tâm kháng-chiến chống Pháp họ liền nổi lửa đốt làng. Sau khi tìm ra nguyên nhân của vụ biến động, Ma-wih bị bắt nhưng có lẽ đó là âm mưu của các kháng chiến quân Việt-Nam. Người sơn-cước hầu hết đều sống rải rác trong các buôn, ấp do đó các tỉnh lý mọc lên ban đầu cũng chỉ là những đại lý hay những ban quản-trị của những đồn-diện của Pháp lo việc mộ phu, mộ lính. Thật sự người Pháp chỉ đặt trọng tâm vào việc khai-thác kinh-tế tại đây mà thôi. Về các bộ lạc sơn-cước thì chính các nhà cai-trị Pháp lúc bấy giờ đã nhận định như sau "đó là những bộ lạc man rợ nhất, hiếu chiến nhất và quá bất trị mà của nhiều thế kỷ đã tránh khỏi sự lệ thuộc nên đã quen kéo dài một cuộc sống hỗn-loạn, bán khai và phóng túng trong rừng núi" (17). Với nhận xét căn bản đó về chủng-tộc sơn-cước, chính-sách khai-hóa người sơn-cước đã không được người Pháp lưu tâm. Người Pháp sau khi mất một thời gian dài bình định và mở mang việc giao-thông liên lạc tại Cao-nguyên, liền nghĩ ngay đến hoàn tất mục tiêu cuối cùng của chính-sách đó là việc tách rời Cao-nguyên ra khỏi lãnh-thổ Việt-Nam. Nhưng âm mưu đó chưa thực hiện được vì cuộc chiến-tranh thế-giới bùng nổ và sự đổ bộ của quân Nhật lên bán đảo Đông-Dương. Mãi đến 1946, trở lại Việt-Nam, người Pháp không còn dấu-diểm âm mưu trên. Do sắc lệnh ký ngày 27.5.1946 các tỉnh Darlac, Đồng Nai Thượng, Lâm Viên, Pleiku, Kontum được tổ-chức thành một liên bang mệnh danh là "Liên bang phụ-trách các dân-tộc sơn-cước miền Nam Đông-Dương". Liên bang do một tòa ủy viên phụ-trách, trụ-sở đặt tại Banmethuot. Sắc lệnh thành lập nói rõ là liên bang này tách khỏi quyền hạn của ủy viên cộng-hòa Nam-Việt và trực-tiếp thống thuộc Cao ủy Phủ Pháp tại Đông-Dương. Dĩ nhiên âm mưu đó không thể

(17) Bernard Bourotte - sách đã dẫn trang 98.

nào tồn tại được và mục tiêu cuối cùng của Pháp không bao giờ có thể thành sự thực được. Dù sao, điều mà chúng tôi muốn trình bày là thành quả các chính-sách sơn-cước vụ của Pháp. Trong suốt thời gian chiếm hữu Cao-nguyên làm tài-sản riêng, người Pháp hầu như chỉ nhằm mục-đích đưa người lên khai thác cao-nguyên. Vấn đề khai-hóa dân địa-phương phó mặc cho các nhà truyền giáo, nhà cầm quyền chỉ lo mộ phu, mộ lính, và các công-tác xã-hội là đem các quần áo cũ, muối, gạo phân phát cho các đồn điền. Điều này chúng tôi thấy rõ khi nhìn vào con số thống kê tình-trạng giáo-dục người sơn-cước. Tổng cộng tính đến 31.3.1949 trên toàn vùng thượng-du miền Nam có :

24 trường mẫu giáo 1 lớp
4 trường sơ học 2 lớp
6 trường sơ học 3 lớp
3 trường tiểu học
2 trường trung học chỉ có lớp đệ thất
1 trường chuyên nghiệp.

Số học sinh Thượng đến ngày vừa kể cộng chung là 3522 học-sinh. Công cuộc giáo dục chỉ đến bậc tiểu học với số lượng học sinh trên đủ nói lên tính cách vô trách-nhiệm của chính-sách Thượng vụ của Pháp nhằm khai hóa vùng Cao-nguyên miền Nam. Đây thực ra không phải là một chế-độ địa phương tự trị vì người địa-phương không trực-tiếp cai-trị và chịu trách-nhiệm về sinh-hoạt tại địa-phương mình. Quyền hạn của địa-phương đã không được quy-định một cách rõ rệt và chính-thức. Người Pháp cũng không áp-dụng một chế-độ giám hộ pháp lý vì trên nguyên-tắc và thực-tế mọi quyền-hành đều nằm trong tay người Pháp. Dù là địa-phương tự-trị hay chế-độ bảo-hộ thì quyền hành của chính-phủ Pháp hay của mẫu quốc phải được dân chúng sơn-cước thừa nhận như phong-tước, phong hàm cho các tù-trưởng, tộc trưởng, chủ làng. Nhưng ngược lại, người Việt-Nam tại Cao-nguyên mà người ta quen gọi là người Thượng, người sơn-cước đã nhiều lần nổi lên chống lại người Pháp. Hơn nữa, trên phương diện cai-



Một làng sơn-cưa tân lập gần quốc-lộ

tri, người Pháp đã không thực hiện được một công-trình xã-hội văn-hóa nào tại Cao-nguyên đánh dấu sự hợp-tác giữa người sơn-cước và các quan cai-trị người Pháp mà gần nửa thế-kỷ với bao nhiêu âm-mưu chính-trị tại Cao-nguyên miền Nam, người Pháp đã để lại :

- . Những đòan điền của các tư bản Pháp tại Cao-nguyên
- . Một tầng lớp dân chúng sơn-cước hoàn-toàn thất học.

Vì vậy mà nghiên-cứu chính-sách của Pháp - trong thời gian cai-trị tại Cao-nguyên miền Nam, chúng ta có cảm tưởng rằng đây là một khu-vực đã để lại dấu vết của những thực-dân đến khẩn hoang và được che chở bằng những lực-lượng quân-sự. Những thực-dân đó sau khi ra đi đã để lại một khu vực xơ xác điêu tàn với những bộ lạc sơn-cước sống lầy lắt, vô tổ-chức, thất học. Chính sách đó quả thực là một chính-sách vô nhân-đạo được thực-hiện bởi một quốc-gia tự hào có một truyền thống dân chủ lâu đời. Chính-sách vô nhân đạo đó đã để lại cho quốc-gia Việt-Nam sau khi thu-hồi được độc lập, những hậu-quả bi-đát :

- Tình-trạng chậm tiến của đồng-bào sơn-cước vì bị kềm kẹp và không được tiếp xúc với người Việt ở đồng bằng bởi âm mưu tách rời Cao-nguyên khỏi Việt-Nam.

- Sự kỳ thị giữa đồng bào sơn-cước và đồng bào đồng bằng mà trong lịch sử lập quốc người Việt tại Cao-nguyên và đồng bằng đã bao lần chen vai sát cánh đánh đuổi xâm-lãng và giữ gìn non sông gấm vóc. Sự kỳ thị đó không thể có được trong lịch-sử Việt-Nam khi những cuộc hôn-nhân giữa vua chúa Việt-Nam và sơn-nam sơn nữ là chuyện thường xảy ra, khi một số công-dân Việt-Nam xuất thân ở vùng Cao-nguyên đã dựng nên nghiệp vương đế.

II.- CHÍNH-SÁCH CAO-NGUYÊN, HOÀNG TRIỀU CƯƠNG THỔ DƯỚI THỜI BẢO-ĐẠI

Trước cao trào cách-mạng đang lên, người Pháp đành phải trao trả nền độc lập cho Việt-Nam. Song le Chính-phủ Pháp vẫn không từ bỏ âm mưu tách rời Cao-nguyên miền Nam khỏi lãnh-thổ Việt-Nam. Người Pháp đã cố tình không đếm xỉa đến những ràng buộc thiêng liêng nhất của người Việt-Nam hai miền sơn-cước và đồng-bằng đã gắn bó keo sơn suốt từ khi lập quốc (939) đến ngày người Pháp mất quyền bảo hộ để chủ-trương rằng người sơn-cước và đồng bằng không liên hệ chủng-tộc gì với nhau với mục-đích duy nhất là bám vào những quyền-lợi kinh-tế tại Cao-nguyên của hệ-thống chủ đồn điền Pháp-quốc sinh cơ lập nghiệp tại đây. Chính vì vậy mà Tổng-Thống Pháp Vincent-Auriol, sau khi đã phải trao trả cho chính-phủ Việt-Nam cả hai khu Cao-nguyên Nam Bắc đã không ngần ngại gửi Hoàng-Đế Việt-Nam giặc thư ngày 8.3.1949 với lời lẽ như sau : "Đối với các dân-tộc không thuộc về giống nòi Việt-Nam mà khu-vực cư-trú lịch-sử vẫn ở trên lãnh-thổ Việt-Nam và theo truyền thống vẫn quy thuận Hoàng-triều thì Hoàng-Đế Việt-Nam sẽ ban bố những quy-chế riêng biệt cho đại-diện các dân-tộc đó. Cái quy-chế này sẽ ấn-định với sự thỏa-thuận của chính-phủ Pháp và chính-phủ Pháp có bốn phạm riêng biệt đối với các dân-tộc thiểu số ấy ? Những quy-chế ấy đồng thời phải bảo đảm các quyền-lợi tối cao của nước Việt-Nam và sự tự do tiến hóa của các dân-tộc trong sự tôn trọng tục lệ cổ-truyền của họ". Trong một văn thư cùng ngày, Ông Vincent Auriol còn xác định thêm về sự ban hành quy-chế đặc biệt cho đồng bào sơn-cước : "Về những quy-chế đặc-biệt sẽ ban hành cho những dân-tộc tuy không phải là huyết thống Việt-Nam nhưng từ xưa đến nay vẫn sống trên lãnh-thổ Việt-Nam, thì chính-phủ Việt-Nam mỗi khi ban bố hay thay đổi quy-chế ấy phải thỏa-hiệp trước với chính-phủ Pháp". Có lẽ vì lý do chính-trị đối nội cũng như đối ngoại nhất là tuy Pháp trao trả nền độc lập cho Việt-Nam song trên thực-tế ảnh-hưởng của Pháp vẫn còn mạnh trên nhiều phương-diện chính-trị, quân-sự, kinh-tế, tài-chánh cho nên quốc-trưởng Bảo-Đại trong phúc điệp cùng ngày

(8.3.1949) đã chấp nhận toàn bộ giặc thư trên. Để thi-hành những điều cam kết với chính-phủ Pháp ngày 15.4.1950 Quốc-Trưởng Bảo-Đại ban-hành dụ số 6 biến vùng Cao-nguyên Việt-Nam thành Hoàng triều cương-thổ Bắc và Nam đặt trực-thuộc quyền Quốc-Trưởng. Theo điều 2 sắc lệnh số 3 ngày 25.7.1950 các tỉnh Darlac, Đồng Nai Thượng, Lâm Viên, Pleiku và Kontum hợp thành một địa-phận hành-chánh, riêng biệt gọi là Cao-nguyên miền Nam thuộc Hoàng triều cương thổ đặt dưới quyền quản-trị của vị Khâm Mạng Hoàng triều cương-thổ và người Việt-Nam vẫn bị hạn chế lên sinh cơ lập nghiệp tại vùng Cao-nguyên. Để thỏa-mãn những yêu sách của Pháp, ngày 21.5.1951 Quốc-trưởng Việt-Nam đã vội vã ban hành đạo dụ số 16/QT/TD án-định quy-chế riêng cho đồng-bào sơn-cước tại Cao-nguyên miền Nam. Chính-sách sơn-cước vụ của triều-đại cuối cùng của nhà Nguyễn thể hiện qua quy-chế này và nằm trong khuôn khổ của Cao-nguyên Hoàng-triều cương-thổ. Đại-cương bản quy-chế gồm các điều-khoản như sau :

Điều I.- Quy-chế nhằm mục-dịch bảo đảm uy quyền tối cao của Quốc-gia Việt-Nam và sự phát-triển tự-do của sắc-tộc thiểu số trong sự tôn-trọng phong-tục tập-quán của họ.

Điều II.- Cao-nguyên miền Nam vẫn trực-thuộc Đức Quốc-Trưởng.

Điều III.- Hướng dẫn đồng-bào Thượng tham-gia vào việc phát triển Cao-nguyên miền Nam.

Điều IV.- Tôn-trọng các tù-trưởng, truyền-thống kế vị và các chức việc do đồng-bào Thượng đề cử.

Điều V.- Thành lập một hội-đồng kinh-tế để phát-triển nông-nghiệp, kỹ-nghệ thương-mại trên Cao-nguyên miền Nam.

Điều VI.- Thành lập Tòa án phong-tục Thượng.

Điều VII.- Bảo đảm quyền sở-hữu đất đai của đồng-bào Thượng.

Điều VIII.- Hoạch định các kế hoạch phát-triển y-tế, giáo-dục nhằm nâng cao điều kiện vật-chất và tinh-thần đồng bào Thượng. Duy-trì việc dạy thố ngữ ở bậc sơ học và tiểu-học. Đào tạo cán-bộ Thượng cung ứng cho nhu-cầu quân-sự hành-chánh y-tế và giáo-dục trên Cao-nguyên.

Điều IX.- Việc thi-hành quân-dịch không áp-dụng găt gao với đồng-bào Thượng và các binh-sĩ Thượng được tổ-chức thành những đơn-vị riêng biệt, ưu tiên phục-vụ tại Cao-nguyên. Ban quy-chế này thực-sự không đem lại một cái-cách mới mẻ nào cho xã-hội Thượng dân cả. Ngoài sự thành-lập một hội-đồng kinh-tế phụ-trách nông-nghiệp, kỹ-nghệ, thương mại tại Cao-nguyên miền Nam mang tính-chất hư cấu, kỳ dư quy-chế thể hiện chính-sách giữ y nguyên trạng, có thể nói không ngần ngại đó là chính-sách sống chết mặc bầy của chế độ Bảo-Đại.

Chính-sách của Pháp tại Cao-nguyên miền Nam thực ra vẫn được kéo dài cho đến 1954 với hiệp định Genève phân chia hai miền Nam Bắc và chấm dứt sự hiện diện của Pháp tại Việt-Nam xuyên qua giắc thư 8.3.1949 và sự ra đời của dụ số 6 ngày 15.4.1950 "cao-nguyên miền Nam thành Hoàng-triều cương-thổ và người Việt-Nam vẫn bị ngăn cấm sinh cơ lập-nghiệp tại Cao-nguyên". Thật ra, thì trong khoảng thời-gian đó, áp lực của Pháp vẫn còn mạnh mẽ trên mọi phương-diện. Sự trao trả hai miền Cao-nguyên Nam Bắc - trên phương diện pháp lý, chỉ nhằm xoa dịu và đánh lạc hướng các phong trào kháng chiến chống Pháp đang dâng cao lúc bấy giờ. Trong bối cảnh chính trị đó, cái quy-chế quy-định bởi đạo-dụ số 16/QT/TD ngày 21.5.1951 không phải nhằm cải tạo khu vực sơn cước miền Nam mà chỉ là để thỏa mãn một yêu sách chính-trị có tác dụng :

- giữ y nguyên-trạng khu vực Cao-nguyên miền Nam.
- bảo-vệ các quyền lợi của người Pháp đã và đang tiếp-tục khai-thác Cao-nguyên.

Chúng ta thấy chính-quyền Bảo-Đại đã tỏ ra lúng-túng trong việc ấn-định một chính-sách tại Cao-nguyên miền Nam. Có lẽ rằng chính-quyền Bảo-Đại tuy bề ngoài được coi như là một chính-thể độc-lập song bên trong bị khống chế bởi quyền hành của Pháp. Lý do rõ rệt nhất là sự kiện duy trì việc tách rời Cao-nguyên ra khỏi lãnh-thổ Việt-Nam dưới chiêu bài mới Cao-nguyên Hoàng-triều Cương-thổ, của tư-hữu của triều-đình. Với định chế mới đó, người Việt-Nam sinh sống ở Cao-nguyên mà người ta quen gọi là đồng-bào sơn-cước đã vẫn phải tiếp tục không được chung vai sát cánh với người kinh trong công cuộc đồng tiến xã-hội. Cái lỗi lầm chính-trị quan-trọng nhất của Bảo-Đại là đã chấp nhận một âm mưu chính-trị tai hại của người Pháp, đã nuôi dưỡng một chính-sách vô trách-nhiệm mà hậu-quả là Đồng-bào sơn-cước phải gánh chịu những thua thiệt trầm trọng. Trong một bối cảnh chính-trị như vậy, dĩ nhiên rằng cái quy-chế thượng-vụ cũng chỉ là một quy-chế có tác-dụng phô-trương lấy lệ do quan thầy Pháp phác họa. Cái quy-chế đó thực ra cứu xét từng điểm một, chúng ta thấy chẳng có gì là mới lạ cả.

- Một Hội-Đông Kinh-Tế (điều 4) nếu có được thành-lập thì cũng chỉ là để phát-triển các dinh điền, đồn điền cao-su, cà phê, trà, thuốc lá của người Pháp. Hội-Đông đó chẳng lẽ lại gồm những người sơn-cước cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, không biết chữ đang hoạt-động như những cu-li và nô lệ trong các đồn-điền cao-su của Pháp ?

- Còn các điều 1, 2, 3, 5 đã được các triều đại quân chủ Việt-Nam lập đi lập lại cách đây gần 4 thế kỷ.

Trên phương-diện chính-trị, quy-chế này nhằm thỏa-mãn yêu sách của người Pháp. Quy-chế được coi như hậu-quả của giặc thư 8.3.1949. Dù sao thì chúng ta cũng không thể trách cứ hoàn toàn Quốc-Trưởng Bảo-Đại được khi tình-hình chính-trị lúc bấy giờ quá phức-tạp. Tuy bề ngoài được trao trả độc-lập, song bên trong áp lực và ảnh-hưởng của người Pháp vẫn còn mạnh mẽ nhất là cần sự trợ giúp của người Pháp

đề đương đầu với lực-lượng kháng-chiến đang biến-thể dưới làn sóng ý thức hệ Công-sản quốc-tế. Nhiều người cho rằng Bao-Đại đã chứng tỏ một sự bất lực lãnh đạo trên nhiều phương-diện khi đặt trọn tương-lai của quốc-gia và của đồng bào sơn-cước trong tay đoàn quân viễn chinh Pháp. Trên phương diện xã-hội, quy-chế chỉ có một giá-trị tượng-trưng. Hiển nhiên sự thi-hành quy-chế phải phó-thác trong tay người Pháp vì mục-dịch của quy-chế không gì khác hơn là giữ y nguyên trạng mọi cơ cấu hành-chánh, chính-trị, quân sự, kinh-tế tại Cao-nguyên. Hơn nữa trong một thời gian ngắn-ngủ là 3 năm với những biến chuyển chính-trị, quân-sự đột ngột và lớn lao, quy-chế đó thực ra chưa được thực thi bao giờ cả. Mà nếu có thực-hiện thì cũng lại do người Pháp vì chính-quyền Việt-Nam không thể có cán-bộ khả dĩ xúc-tiến các công-tác vĩ-đại của điều 6 và 8 nêu trong quy-chế. Dĩ-nhiên đối với người sơn-cước thật thà chất phác, quy-chế này thỏa mãn nguyên-vọng được sống yên ổn của đồng bào sơn-cước, song tỏ ra vô trách nhiệm vì không tạo được tính-chất hòa đồng dân tộc và niềm cảm thông Kinh Thượng đang một ngày một xa lạ cách ngán, nhất là chế-độ này đặt Cao-nguyên miền Nam thành đất tư của Hoàng-triều và ngăn cấm sự di-cư lập-nghiệp của người Việt lên Cao-nguyên Trung-phần.

Chính vì vậy mà sau này mọi công cuộc cải-cách của những chế-độ nối tiếp đều gặp phải phản ứng mạnh mẽ của người sơn-cước vì các chính-sách trước đây của thực-dân phong-kiên đã không tạo được một chiều hướng thuận lợi trong công cuộc canh-tân xứ sở trong đó có xã-hội thượng dân. Sự tự do gần như bị bỏ rơi có lợi điểm là trấn an được lớp người đông đảo tại Cao-nguyên miền Nam nhưng vô-tình nuôi dưỡng trong lòng người sơn-cước những mặc-cảm tâm lý và những xúc-động quá nhạy trước những cải cách xã-hội cần-thiết. Phương chi mọi công cuộc cách-mạng xã-hội đều đòi hỏi nhiều hy-sinh, nhiều thiệt thòi không thể tránh khỏi của các cá-nhân và từng lớp xã-hội và đó là điều bất lợi to lớn hay hậu-quả tất nhiên của chính-sách ngu-dân của Pháp và vô trách-nhiệm của chế-độ quân-chủ cuối cùng của nhà Nguyễn.

**C.- CÁC CHÍNH SÁCH THƯƠNG VỤ TỪ 20.7.54 ĐẾN NGÀY
THÀNH LẬP NỀN ĐỆ NHẤT CÔNG HÒA (1.4.67)**

I.- CHÍNH-SÁCH THƯƠNG-VỤ DƯỚI NỀN ĐỆ-NHẤT CÔNG-HÒA

Sau khi Quốc-trưởng Bảo-Đại ủy nhiệm Ông Ngô-Đình-Diệm thành lập chính-phủ, Thủ-Tướng Ngô-Đình-Diệm đã tìm cách bãi bỏ ngay cái quy-chế Hoàng-triều cương-thổ, cái quy-chế đem một phần đất bất khả phân của lãnh-thổ quốc-gia thành của riêng của Hoàng-triều. Quy-chế này đã làm phá sụn tình đoàn-kết dân-tộc, suy giảm tầm-trọng ý chí chung của quốc-gia và vô tình tiếp tay cho chính-sách chia rẽ dân-tộc của Pháp. Đề-nghị của Thủ-Tướng Diệm đã được Quốc-Trưởng Bảo-Đại chấp-nhận và ngày 11.3.1955, Bảo-Đại đã chuẩn phê dụ số 21 nhằm sát nhập Hoàng-triều cương thổ vào lãnh-thổ Việt-Nam và đặt khu-vực này trực-thuộc hệ-thống hành-chánh của quốc-gia. Thể-hiện đúng đắn tinh-thần của đạo dụ 21, một sắc lệnh cùng ngày đã thiết-lập Tòa Đại-Biểu Chính-phủ tại vùng Cao-nguyên Trung-phần để thay thế cho Tòa khâm-sứ.

Nhằm khai hóa cho đồng-bào sơn-cước, Ông Ngô-Đình-Diệm đã minh-định chính-sách Thương-vụ, một chủ-trương dân tộc hóa trong một buổi lễ tuyên thệ của đồng-bào sơn-cước ngày 12.6.1955 tại Banmethuôt. Chính-sách sơn-cước vụ của nền đệ-nhất công-hòa rất rõ rệt : "Trên phương-diện chính-trị, Kinh Thương đều là công-dân nước Việt-Nam Cộng-Hòa, đều bình-đẳng về quyền lợi cũng như về nhiệm-vụ, tại khắp lãnh-thổ Việt-Nam, đồng-bào sơn-cước cũng như đồng-bào đồng bằng có quyền sinh sống làm ăn như nhau, việc gì, chức vụ gì mà người Kinh làm được thì người Thương có đủ năng-lực cũng có quyền làm. Hiệu năng như nhau thì Kinh hay Thương đều được tiền lương tiền công như nhau. Đồng-bào Thương cũng như đồng bào Kinh phải thi-hành nhiệm-vụ công dân".

Trên phương-diện xã-hội, để nâng cao trình-độ sinh hoạt của đồng bào sơn-cước lên bằng đồng-bào Kinh, các biện-pháp sau đây được chính-quyền đệ-nhất Cộng-Hòa đặt ra:

- Áp dụng mọi biện-pháp để nâng cao đời sống của đồng bào sơn-cước.

- Vận-động đồng-bào sơn-cước tham-gia công-cuộc cải-tiến đời sống của họ.

- Khuyến-khích giúp đỡ đồng-bào sơn-cước cải thiện lề lối sinh-hoạt của họ (nhà cửa áo quần vệ-sinh phòng bệnh). Cách canh-tác (cày cấy, dùng phân bón, dùng nông cụ). Cách nuôi súc vật.

- Khuyến khích dân cư sống quần tụ để dễ dàng trong việc phát-triển, đề-đề-phòng lưu-manh và các tổ-chức của Việt-cộng.

- Khuyến-khích bỏ di đoan mê tín thay thế bằng thuốc men song tránh chạm đến tín-ngưỡng của họ. Vấn-đề này cần phải dày công giáo-duc và nhiều thời-gian. Tuyệt đối tránh đụng chạm đến tục lệ cổ-truyền và tín-ngưỡng của đồng-bào sơn-cước.

Chính-sách trên của đệ I Cộng-Hòa nhằm hai mục-tiêu cấp thiết và căn-bản :

1)- Giải-quyết vấn-đề di-cư của đồng-bào miền Bắc sau ngày 20.7.1954 vì cao-nguyên là khu-vực đất rộng nhưng dân số thưa thớt. Diện-tích Việt-Nam gồm cả ba phần là 329.600 cây số vuông nhưng người Việt chỉ ở trên những đồng-bằng thấp có nước để cấy lúa nghĩa là vào khoảng 50.000 cây số vuông còn những miền rừng núi chiếm diện-tích còn lại nghĩa là gấp 5 lần diện-tích của người Kinh do đồng-bào sơn-cước sinh-sống.

2)- Đồng-hóa đồng-bào sơn-cước với văn-hóa Việt-Nam. Chính-sách của chính-phủ là khuyến-khích người sơn-cước phải theo những định chế xã-hội và những đặc-tính văn-hóa của người Việt tuy nhiên chính-sách đó cũng vẫn tôn-trọng đến tín-ngưỡng và các tục-lệ cổ-truyền của đồng-bào sơn-

cước. Giới hạn đó đã được nhắc đi nhắc lại trong chính-sách thương-vụ của chính-phủ nhưng giới-hạn đó đã bị vượt qua vì nhu-cầu của một cuộc cách-mạng xã-hội rộng lớn của Thủ-Tướng Ngô-Đình-Diệm với những biện pháp cải-cách mạnh mẽ tại Cao-nguyên miền Nam như sau :

- Xác định lại quyền sở hữu đất đai của người sơn-cước.

- Bãi bỏ các tòa án phong-tục Thượng.

- Cấm và hạn chế tối đa việc dạy thổ ngữ. Trong thực tế, những cải-cách mang màu sắc đồng hóa triệt-để đó đe-dọa phá sản những giá-trị truyền-thống của đồng-bào sơn-cước và làm suy giảm uy tín của các vị tù-trưởng, hơn nữa chính-phủ hình như không lưu ý đến những phản-ứng của đồng-bào sơn-cước; chương-trình cải cách điền-địa lúc bấy giờ như lấy đất tại Cao-nguyên để cho người Kinh lên định-cư khai thác và đồng-bào sơn-cước bị bắt buộc hạn-chế số đất đai cha truyền con nối thành đất hưu trí. Hai sắc lệnh 1958, 1959 làm cho người sơn-cước mất quyền sở hữu đất đai họ đã khai-thác. Trên phương-diện pháp-luật, luật của đồng-bào sơn-cước được thay thế bằng luật Việt-Nam và để thống nhất ngành tư-pháp, các hệ-thống Tòa án phong-tục cũ đã không còn được duy-trì tuy rằng không có văn-kiến chính-thức nào bãi bỏ. Thêm vào đó các cấp chỉ huy hành-chánh còn tự đặt ra nhiều biện-pháp riêng cho địa-phương theo sáng-kiến của mình. Ở tỉnh Darlac, nơi đa số sắc dân Rhadé sinh sống, Tỉnh-Trưởng đã bắt buộc người Rhadé muốn vào thành phố phải bận quần dài và áo chemise, trang phục như người Việt-Nam và ở Pleiku, người Jarai phải cất nhà trên nền như người Việt-Nam cấm làm những nhà sàn trên các cột gỗ hay cột tre.

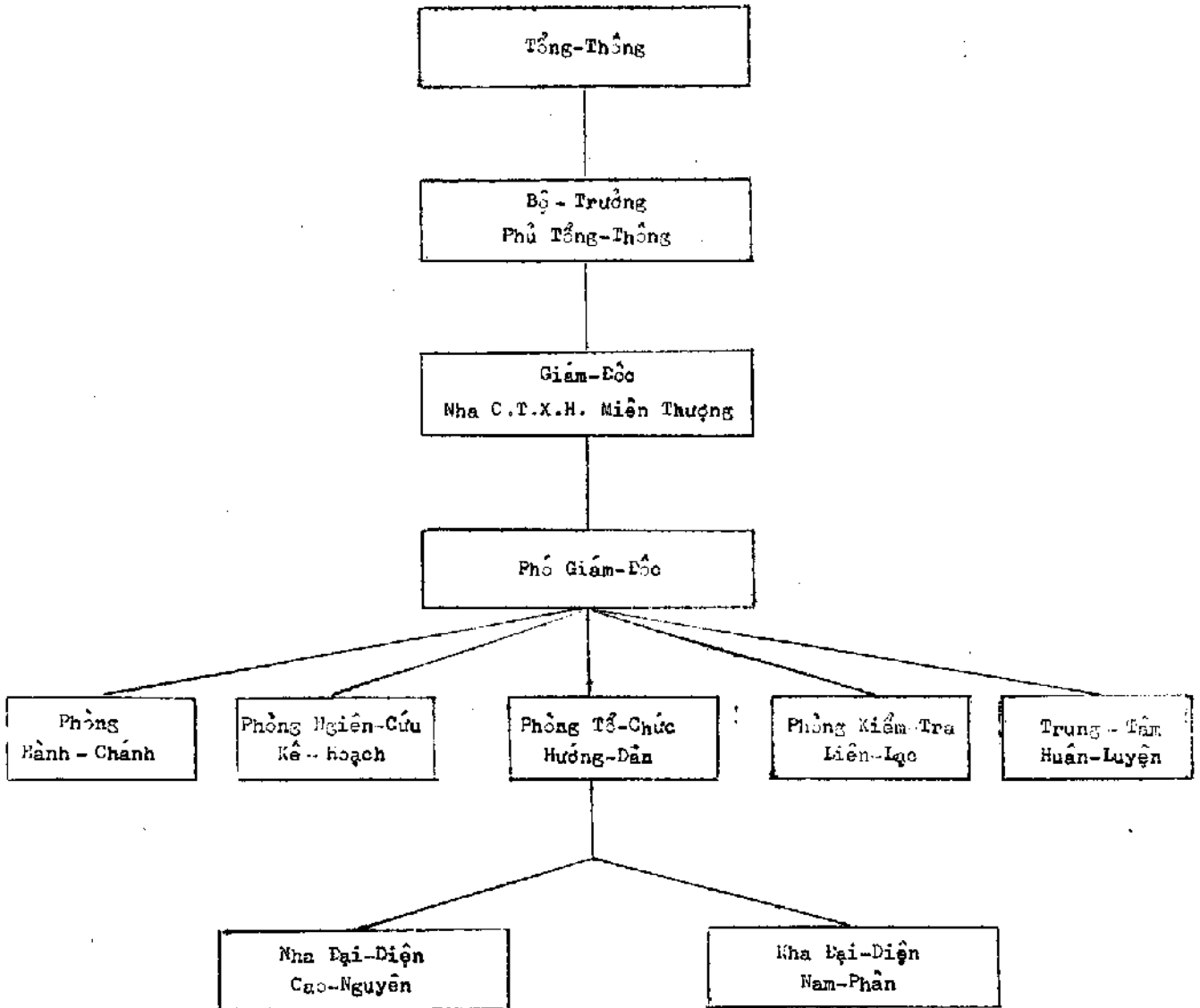
Vì vậy vào đến năm 1958, một số nhân sĩ sơn-cước tại các tỉnh Kontum, Pleiku, Darlac, Tuyên-Đức thành-lập một ủy ban liên tỉnh nhằm trình bày với chính-quyền trung-ương những phản-ứng và nguyện-vọng của họ. Phong-trào này

được gọi tắt là phong-trào Bajaraka (Bahnar, Jarai, Rhadé và Koho). Để làm áp-lực với chính-phủ, phong-trào liền kêu gọi một cuộc tổng đình công tại Banmethuot ngày 9.9.1958 nhưng không đầy một tuần lễ sau vào ngày 15.9.1958, bảy nhân-vật lãnh-đạo gồm :

- . Y Bham Enuol - Rhadé
- . Paul Nưr - Bahnar
- . Nay Luett - Jarai (Hroi)
- . Y yu Eban - Rhadé
- . Touneh Yoh - Chru
- . Siu Sipp - Jarai
- . Y Thih E Ban - Rhadé

đều bị chính quyền bắt giam. Trước sự bạo-động trên, nhà cầm-quyền không những không tìm cách xoa dịu phản ứng của đồng-bào sơn-cước hay thay đổi các biện-pháp áp-dụng quá mạnh-mẽ và cứng rắn, chính-quyền Trung-ương tin-tưởng ở công-cuộc cải-cách mang tính chất cách-mạng của mình, quyết định trừng phạt tối đa các nhân-sĩ sơn-cước chống đối chính phủ và áp-dụng đồng thời một số biện-pháp hành-chánh đối với đồng-bào sơn-cước. Một mặt cấm tù các kẻ chủ mưu bạo-động, một mặt chấm dứt việc nâng đỡ các học-sinh sơn-cước theo học tại các phân khoa của Học-viện Quốc-Gia Hành-Chánh và kể từ 1958-1963, không một thanh-niên sơn-cước nào được nhận vào học trường này. Còn các công-chức sơn-cước dính dấp vào âm-mưu bạo-động trực-tiếp cũng như gián tiếp đều bị đối xướng các tỉnh đồng-bằng nhằm chặt đứt vây cánh của phong-trào. Chính-phủ còn ra lệnh tịch-thu tất cả những ná sản của đồng-bào sơn-cước để tránh xử-dụng bạo động chống chính-phủ. Tuy nhiên trước sự chống đối đó, chính-phủ Ngô-Đình-Diệm đã ban-hành Nghị-định số 302-NV ngày 3.7.1957 thành-lập Nha Công-tác xã-hội miền Thượng với phạm-vi hoạt-động là vùng Thượng Cao-nguyên và Trung-nguyên Trung-phần. Phạm vi này được nới rộng tới các tỉnh Bình-Tuy, Bình-Long, Phước-Tuy và Long-Khánh thuộc miền Đông Nam-phần theo Nghị-định số 1670-TTP/VP ngày 3.10.1957. Theo các văn-kiện trên, "Nha Công-tác Xã-hội miền Thượng" được đặt trực thuộc Phủ Tổng-Thống và đặt trụ-sở tại cố đô Huế.

HỆ THỐNG TỔ CHỨC
NHA CÔNG-TÁC XÃ-HỘI MIỀN THƯỢNG



Nha này có nhiệm vụ nghiên-cứu cho phù-hợp thực-trạng đồng-bào sơn-cước để áp-dụng chính-sách sơn-cước vụ do Bộ Thông-Tin soạn thảo và phổ biến với phương châm "vì Thượng và bởi Thượng". Chính-sách Thượng đã đề ra bốn điểm chính-yếu sau :

- Xây-dựng tinh-thần Kinh Thượng bình đẳng.
- Xây-dựng tinh-thần Kinh Thượng đoàn kết.
- Xây-dựng tinh-thần yêu tổ quốc Việt-Nam.
- Nâng cao trình-độ sinh-hoạt của đồng-bào sơn-cước lên ngang hàng đồng-bào Kinh. Chính-sách Thượng của chính quyền đệ I Cộng-Hòa nhằm theo đuổi sự thực-hiện các mục-đích kể sau :

1)- "Kinh, Thượng đều là công-dân nước Việt-Nam Cộng-Hòa, không phân biệt giống nòi (vì không làm gì có một chủng tộc thuần-túy), mỗi giống người đều có ít nhiều sự pha trộn, lại các giống khác "Kinh, Thượng đều bình-đẳng về quyền-lợi cũng như về nhiệm-vụ, tại khắp lãnh-thổ Việt-Nam, đồng-bào Thượng cũng như đồng-bào Kinh, có quyền sinh sống làm ăn như nhau, việc gì, chức vụ gì mà người Kinh làm được thì người Thượng có đủ năng-lực cũng có quyền làm. Hiệu-nang như nhau thì Kinh hay Thượng đều được tiền lương, tiền công như nhau. Đồng-bào Thượng cũng như đồng-bào Kinh phải thi-hành tròn nhiệm-vụ công-dân. Có làm tròn nhiệm-vụ thì Thượng cũng như Kinh mới xứng đáng là công-dân Việt-Nam Cộng-Hòa.

2)- "Xóa bỏ mọi ngờ-vực, thành-kiến chia rẽ giữa Kinh và Thượng từ trước đến nay do thực-dân, phong-kiến, Việt-Cộng gây nên, làm cho miền Thượng không còn là nơi rừng thiêng đối với đồng-bào Kinh và ngược lại làm cho thành-thị, đồng-bàng cũng không phải là chốn xa lạ đối với đồng-bào Thượng. Xóa bỏ đầu óc bóc lột, thủ lợi, mua đất, bán rẻ trong việc giao-dịch buôn bán với Thượng. Xóa bỏ tính tự cao mặc cảm của một số đồng-bào Kinh đối với đồng-bào Thượng, cũng như xóa bỏ tính tự ty mặc cảm của đồng-bào Thượng đối với đồng bào Kinh.

3)- Làm cho đồng bào Thượng yêu tổ-quốc Việt-Nam, hãnh diện về quốc-gia Việt-Nam mà họ đã đóng góp xây-dựng. Kể tên và công-trạng các đồng-bào sơn-cước có công với Việt-Nam : chống xâm lăng, chống Pháp, chống Việt-Cộng. Đồng-bào Thượng cũng như đồng-bào Kinh đã góp sức xây dựng Cộng Hòa, đánh đổ quân chủ, tham-gia xây-dựng hiến-pháp.

4)- Áp-dụng mọi biện-pháp để nâng cao đời sống của đồng bào Thượng. Vận-dộng đồng-bào Thượng tham-gia công cuộc cải-tiến đời sống của họ. Khuyến-khích giúp đỡ đồng-bào Thượng cải-thiện cách sống (nhà cửa, áo quần, vệ-sinh, phòng bệnh), cách canh-tác (cày cấy, dùng phân bón, dùng nông-cụ), cách nuôi súc vật v.v... Khuyến khích bỏ phương pháp làm rẫy đốt rừng vì tai hại chính cho đồng-bào Thượng và năng xuất kém. Hướng về cách trồng lúa người Kinh. Khuyến khích dân-cư sống quần-tụ để mở mang, để phát-triển, để đề-phòng lưu manh và Việt-Cộng. Khuyến-khích bỏ đi đoàn mê-tín, thay thế bằng thuốc men, nhưng tránh chạm đến tín-ngưỡng. Vấn đề này cần phải dạy công giáo-đức và nhiều thời-gian. Tránh chạm tới tục lệ cổ-truyền và tín-ngưỡng. Phương-châm của chính-sách Thượng-vụ là vì Thượng, bởi Thượng. Vì Thượng có nghĩa là, nhân-viên cán-bộ các ngành, các cấp hoạt-động tại miền Thượng phải đặt mục-dịch tối hậu cho mọi công-tác của mình là vì đồng-bào Thượng mà làm, vì mục-dịch nâng cao đời sống, trình-độ của đồng-bào Thượng lên bằng đồng-bào Kinh. Bởi Thượng nghĩa là phải cố gắng xử-dụng cán-bộ Thượng, đồng-bào Thượng trong mọi việc, mọi công-tác. Bất cứ việc gì ở miền Thượng mà đồng-bào Thượng, cán-bộ Thượng có đủ khả-năng đảm-nhiệm thì phải để cho họ làm. Muốn thế, phải giáo-đục đồng-bào Thượng, đào-tạo nâng đỡ cán-bộ Thượng. Chủ-trương công-tác là một cơ-quan, mỗi đoàn-thể, mỗi ngành, mỗi Bộ chiếu theo mục-dịch và phương-châm mình định ở trên để ấn-định chủ-trương công-tác của mình (đây là nguyên-văn bản chính-sách Thượng-vụ được phổ-biến).

Nhà công-tác xã-hội miền Thượng đã can cứ vào bản chính-sách này để hoạch-định rất nhiều chương-trình song

không hề được Trung-ương cứu xét thực hiện, nhận định về cơ-quan này, Ông Paul Nư^{nguyên}, Tổng-Trưởng Bộ Phát-Triển Sắc-tộc nói "nếu nói là cơ-quan công-tác Thượng thì không đúng vì Nha này trong suốt thời-gian từ 1957 đến 1963 không có một công-tác nào đáng kể ngoài việc điều-hành trung-tâm cán-bộ Thượng tại Huế, nếu nói là cơ-quan cố-vấn cho chính phủ về Thượng-vụ cũng không phải vì không có một cơ-quan nào tham khảo ý kiến của Nha Công-tác Xã-hội miền Thượng về đường lối hoạt-động trên vùng Thượng cả, thậm chí những ý kiến của cơ-quan này đưa ra không được ai lưu ý cả".

Chính-sách cải-cách của nền Đệ I Cộng-Hòa tại Cao-nguyên miền Nam quá táo bạo, lại thêm tầng lớp cán-bộ phục vụ tại Cao-nguyên phần lớn đều là những phần-tử bất hảo, vô kỷ-luật bị đoi lên vùng sơn-cước do đó các cán-bộ Kinh tại Cao-nguyên thường có mặc cảm bị lưu đày nên thường tỏ ra bất mãn, tặc trách không những không tạo được niềm cảm-thông và điều-kiện thuận-lợi cho sự thực-thi chính-sách của Trung-ương mà lại còn đào sâu cách biệt và làm cho đồng bào sơn-cước càng oán trách chính-quyền Trung-ương.

Như đã trình bày ở trên, Ông Ngô-Đình-Diệm, người khai sinh ra chế-độ đệ I Cộng-Hòa, đã thừa hưởng một di-sản tại Cao-nguyên miền Nam với tất cả những mầm mống bất thuận lợi cho công-cuộc cải-tổ vùng sơn-cước, những mầm mống hậu quả của một chính-sách vô trách-nhiệm của chế-độ thực-dân, phong-kiến để lại. Mặc dù với sự cáo chung của Pháp, sau trận đánh quyết-định ở Điện-Biên-Phủ, nhưng tại Cao-nguyên Trung-phần người Pháp vẫn nghiêm-nhiên và ung-dung sống tại đây trong những đồn điền phì nhiêu bất ngát. Nhiều người cho rằng, chính hệ-thống chủ đồn điền này là trung tâm của các biến động và xáo trộn tại Cao-nguyên nhằm làm khó-khăn cho mọi cải-cách kinh-tế, xã-hội tại đây. Từ phong-trào Bajarakka 1958 đến phong-trào Fulro 1964 phải chăng đều có bàn tay của người Pháp nhúng vào những âm mưu chính-trị này? Cái khiếm khuyết tiên khởi của Thủ-Tướng Ngô-Đình-Diệm là đã không đẩy mạnh cuộc cách-mạng chính-trị lên tận

vùng sơn-cước, nơi mà toàn thể dân chúng sơn-cước đang khao khát một cuộc cải cách đưa họ ra khỏi bóng tối để vươn lên. Khát vọng này đã được chứng-minh rõ rệt qua những cuộc vùng dậy tập thể của các bộ lạc sơn-cước miền Nam Cao-nguyên những năm 1932, 1933 và miền Nam Cao-nguyên những năm 1935, 1937, 1938, những cuộc vùng dậy quy-mô người Pháp đã quyết đoán là do người đồng-bằng Việt-Nam khơi nguồn và phát-động. Nếu tại vùng đồng bằng Việt-Nam, cuộc cách-mạng thực-sự và toàn diện (bãi phong, đá thực, diệt cộng) đã giúp Ông Ngô-Đình-Diệm ổn định được tình hình chính-trị gần như vô phương cứu chữa thì tại Cao-nguyên, một cuộc cách-mạng nửa vời nằm trong một chủ-trương chính-trị đối ngoại thiếu dứt khoát và cứng rắn nên đã vô tình nuôi dưỡng những mầm mống phản-động tại khu-vực này. Người ta lấy làm tiếc rẻ và ngạc nhiên không hiểu tại sao trước "tình-trạng tương thế" của những năm tiếp theo hiệp định Genève 20.7.1954, chính-quyền lúc bấy giờ lại không quốc-hữu-hóa những đồn-diền và dinh diền của Pháp, tại sao không đẩy mạnh phong-trào tẩy chay và trục-xuất các Pháp-kiều ra khỏi Cao-nguyên miền Nam trong những ngày đầu của khí thế cách-mạng. Phân-tích cho kỹ thì hầu hết đồng-bào sơn-cước lúc bấy giờ đều oán ghét và mất tin-tưởng ở thiện-chí của người Pháp - Ông Paul Nư, tổng-trưởng Bộ Phết-Tiến Sắc Tộc, người Bahner đã nhận xét rằng: "Trong già nửa thế kỷ độc quyền khai-hóa cho dân sơn-cước, mà trong gần một triệu dân chỉ có 3522 người gọi là biết đọc chữ thì quả thật chính-sách ngu-dân của thực dân đã đạt đến mức tinh-vi nhất" (18).

Dĩ nhiên cũng như ở đồng bằng vẫn có một số nhà trí thức vọng bản được người Pháp đãi ngộ là còn tiếc rẻ và đề-cao người Pháp mà thôi, thành-phần này rất dễ nhận-diện và cần thẳng tay loại trừ để khai-quang cho con đường cách-mạng xã-hội. Ngoài ra, vì quá tin-tưởng vào những quy-định của Hiệp-định Genève, chính-quyền lúc bấy giờ đã quên đi bản

(18) Trích diễn văn của Ông Đặc Ủy Trưởng Thượng-vụ đọc trước Đại hội các sắc-tộc thiểu số tại Pleiku ngày 25, 26.6.67.

tay phá-hoại của một số cán-công nằm vùng đã hoạt-động suốt thời kỳ kháng chiến từ 1945-1954 trong mặt trận Tây-nguyên từ trị qua các Thượng-công Nay Der, Chủ-tịch Ủy-ban Nhân-dân Thiểu số Kontum-Pleiku, Nay Phin - dân biểu quốc-hội vùng Cheo-Rao; Y Wang - dân biểu vùng Darlac; Y-Klam - Thủ-lãnh thanh-niên sơn-cước... Chủ-trương của chính-quyền lúc bấy giờ tại Cao-nguyên tương tự như những sợi dây đàn bèn, đẹp nằm trên những phím đàn đã cũ kỹ, dây tuy tốt chắc, thanh-tạo nhưng phím đàn không đủ sức để căng dây và chống đỡ cho nên đã không thể tạo thành âm điệu. Thật vậy, vì biết được những nhược điểm của một chính-sách ngoại giao nhượng bộ và chủ-trương chính-trị không quyết-liệt cho nên cuộc cải cách tại Cao-nguyên đã bị những bộn đầu cơ chính-trị xuyên-tạc ngay trong những thời gian đầu của công cuộc cải cách nhất là trong năm 1958 với chương-trình cải-cách điền-địa đụng chạm trực-tiếp đến những thế-lực tư-bản thực-dân còn sót lại nên công cuộc chống đối chính-quyền ban đầu ngấm ngấm đã trở nên công khai. Dù sao, ngoài những thành quả đã thực sự được chính-quyền đệ I Cộng-Hòa thực hiện trong suốt chín năm cầm quyền, chúng ta phải ghi nhận những ưu điểm không thể chối cãi được của chính-sách sơn-cước vụ dưới nền đệ I Cộng-Hòa, chính-sách đó đã mở đường cho nền đệ II Cộng-Hòa trong công-cuộc tiếp tay bình định vùng Cao-nguyên miền Nam và áp-dụng một quy-chế Thượng vụ thích-hợp.

1)- Cải ưu điểm đầu tiên của chính-sách sơn-cước vụ của Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm là việc thống-nhất được lãnh-thổ hai khu-vực Cao-nguyên và đồng-bằng đã bị ngoại nhân chia cắt hơn nửa thế kỷ. Nếu là một người xu thời thì có lẽ Thủ-Tướng Ngô-dình-Diệm đã không bao giờ trình lên Quốc-Trưởng Bảo-Đại dự thảo dụ số 21 ngày 11.03.1955 "sát nhập đất tư hữu của nhà Vua vào lãnh-thổ Việt-Nam"! Và liền đó với sắc-lệnh số 61 cùng ngày, vị đại biểu chính-phủ đầu tiên tại Cao-nguyên Trung-phần được bổ-nhiệm và sau đó các cơ-cấu tổ chức hành chánh cũng như quận-sự tại Cao-nguyên Trung-phần đều được tái tổ chức theo một đường lối duy nhất trực thuộc

hệ-thống hành-chánh và quốc-phòng của quốc-gia. Sự kiện quyết-liệt này đã nói lên ý chí cương-cuết của chính-quyền lúc bấy giờ trong việc cải-tạo xã-hội miền Nam đang gây đổ trên mọi phương-diện trong đó có khu-vực Cao-nguyên miền Nam. Sự kiện này còn nói lên sự dấn thân của Ông Diệm trong cuộc ổn-định tình hình đất nước mà từ trước đến nay Tổng hành dinh ở Balê đã mặc tình phó thác trong tay những kẻ đầu cơ trục lợi chính-trị.

2)- Cái ưu điểm thứ hai của chính-sách sơn-cước vụ của Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm là đã gây được tinh-thần hòa đồng địa-phương và dân-tộc. Tinh-thần hòa-đồng này có thể nói đã được phát-động mạnh mẽ dưới nền đệ I Cộng-Hòa qua nhiều chiến dịch (phong-trào di-cư, chiến dịch xây dựng ấp chiến-lược, chiến dịch cải-tiến dân sinh) và phát-triển dưới nền đệ II Cộng-Hòa hiện tại. Sau Hiệp-định Genève 1954, kế-hoạch đưa một số lớn "đồng-bào Bắc-Việt di-cư vào Nam" lên Cao-nguyên Trung-phần là một việc làm sáng suốt tạo được những tác-dụng thuận lợi cho công cuộc cải-tạo xã-hội Đồng bào sơn-cước. Trên lý-thuyết thực ra không ai phân biệt Cao-nguyên và Trung Châu vì tất cả đều là di sản của tổ-tiên để lại song lạ trên thực-tế chúng ta, những người Việt vẫn có cái mặc cảm "đường lên xứ Mọi quanh co"... Vì vậy nếu bảo rằng người sơn-cước chống lại việc đưa đồng-bào di cư lên thì nhận xét đó thực-sự không hoàn toàn đúng đắn mà có lẽ cần phải nhận xét ngược lại người Trung-châu hầu hết đều e-dè vùng Cao-nguyên coi như là nơi "lam sơn chướng khí". Thật ra đó là cái thế "chặng đàng đùng" của đồng bào Việt-Nam di cư từ miền Bắc và cũng chính nhờ cái sự "bất buộc tình cờ của lịch-sử" này mà tinh-thần hòa đồng địa-phương đã nảy nở và cái mặc cảm xứ Mọi hiểm nguy đã nhường chỗ cho nguồn cảm hứng mãnh liệt của nơi chôn nhau cắt rún của đồng bào sơn-cước cũng như đồng-bằng đang trưởng thành tại đây! Sự sinh sống thường xuyên của người đồng bằng tại Cao-nguyên sẽ tạo được những cơ-hội cùng trao đổi những tiến-bộ của văn-minh, cùng chia sẻ những phong-tục tập-quán để xây-dựng văn-hóa dân tộc với người sơn-cước. Ngoài ra, sự hiện diện

của người Việt còn giúp cho chính-phủ đào tạo được tại chỗ một số cán bộ Thượng-vận, những cán bộ trong mọi ngành sinh hoạt của quốc-gia sẵn sàng sinh-hoạt tại Cao-nguyên, quê hương thứ hai của họ.

3)- Cái ưu điểm thứ ba là đã ấn định được một đường lối phát-triển sơn-cước rất rõ rệt và mạch lạc nói lên thiện-chí của Tổng-Thống Diệm trong công-cuộc cải-tạo xã-hội đồng bào sơn-cước. Trên phương-diện hành-chánh, nhằm xóa bỏ những tàn tích của thực-dân, những tàn tích nhằm chia rẽ và phân hóa dân tộc, Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm quyết-định bãi bỏ "ngạch công-chức sơn-cước" cadre montagnard. Ngoài việc ấn định nguyên-tắc xử-dụng đồng-bào sơn-cước chiếu thông-tư số 1369-BPTT/VP/M ngày 9.5.1958 "dù Kinh hay Thượng phải căn cứ vào học-vấn hay năng lực mà xử-dụng", chính-phủ cũng thực-hiện kế-hoạch nâng đỡ giới công-chức sơn-cước bằng cách chỉ-thị cho Học-viện Quốc-gia Hành-chánh mở các khóa hành-chánh cấp thời đào tạo cán-bộ hành-chánh người sơn-cước để phục-vụ tại Cao-nguyên.

Khóa I : 7 học-viên (4 sơn-cước miền Nam,
3 sơn-cước miền Bắc)

Khóa II : 7 học-viên (3 sơn-cước miền Nam,
3 sơn-cước miền Bắc và 1 Chàm)

Khóa III : 12 học-viên (4 sơn-cước miền Nam, 5 sơn-cước
miền Bắc, 3 Chàm).

Khóa IV : 6 học-viên (1 sơn-cước miền Nam, 2 sơn-cước
miền Bắc, 3 Chàm).

Trên phương-diện này, chính-quyền lúc bấy giờ cũng không phải áp-dụng nguyên-tắc cứng rắn trong việc xử-dụng các viên-chức hành chánh. Vì tuy ấn định nguyên-tắc tuyển dụng căn cứ học vấn song lẽ nếu không có điều kiện này thì có thể căn cứ trên kinh-nghiệm, khả-năng, và Tổng-Thống Diệm cũng không quên yếu-tố tác-phong và uy-tín. Thật vậy, thông-tư số 557-TTP/ĐL/VP 11.11.1958 "khi nào xét thiệt

người chắc chắn trung kiên và có đủ tư cách về văn-hóa và chính-trị thì nên cử làm phó tỉnh-trưởng, quận-trưởng..." Trên phương-diện chính-trị, trong ngành lập pháp, từ quốc-hội lập hiến (1956) đến quốc-hội lập pháp khóa 3 (1963) đều có sự hiện diện của các dân-biểu người sơn-cước vì chính-quyền lúc bấy giờ cũng dành sẵn số ghế cho ứng cử viên sơn-cước miền Nam. Thật vậy, xuyên qua chính-sách sơn-cước vụ của nền đệ I Cộng-Hòa, chủ-trương của chính-phủ là "vận-động và khuyến-khích" tuyệt nhiên không có tính cách bắt buộc hay cưỡng chế thi-hành nhất là chính-sách chủ-trương "tránh chạm tới tục lệ cổ-truyền và tín-ngưỡng của người sơn-cước". Điều này nói lên tinh-thần tôn-trọng phong-tục tập-quan của chính-quyền lúc bấy giờ! Việc nâng cao mức sống của đồng bào sơn-cước có thể nói là trọng-tâm của chính-sách sơn-cước vụ của đệ I Cộng-Hòa. Chính-sách này được phổ biến vào năm 1957 cùng một lúc với sự thành-lập Nha Công-tác xã-hội miền Thượng ngày 3.7.1957 qua Nghị-định 302-NV. Ngoài ra, việc cải-cách cao-nguyên Trung-phần trên căn bản của một vấn-đề xã-hội là một nhận định xác thực phù hợp với thực-trạng đồng bào sơn-cước. Xuyên qua chính-sách của Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm, việc cải-tiến dân sinh là ưu-tiên công-tác của Nha Công-Tác miền Thượng và ngay sự thành hình của Nha này với nhiệm-vụ được minh-thị "công-tác xã-hội miền Thượng" trực thuộc sự chỉ đạo của Tổng-Thống đã nói lên được rằng chính-sách sơn-cước-vụ đã được đặt đúng đường và phù-hợp với thực-trạng xã-hội. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu-điểm lớn lao đó, chính-sách sơn-cước-vụ của nền đệ I Cộng-Hòa đã phạm phải những lỗi lầm trầm trọng sau đây :

- Thiếu chuẩn-bị dư-luận quần-chúng vùng sơn-cước ở những khu-vực chậm tiến, dân chúng thường có mặc cảm lo-lắng, sợ sệt mọi thay đổi, biến chuyển dù những thay đổi, đó có lợi cho họ. Và lại, khi đề-cập đến sự thay đổi, cải cách ít nhiều sự kiện này cũng đem lại bất lợi cho một thiểu số người gồm phần lớn những thành-phần đã được ưu đãi và có thế lực. Những thế-lực này chạy theo những ảnh-hưởng ngoại lai trước đây đã xử-dụng quyền uy để bóc lột đồng bào của

họ thì nay sẵn sàng bằng mọi cách, bằng mọi phương-tiện lợi dụng tầng lớp dân chúng mọi rợ ít học để củng cố địa-vị và quyền lợi đang bị đe dọa - nếu ở Trung-châu sự kiện đó vẫn thường xảy ra qua những biến chuyển chính-trị thì ở Cao-nguyên, cuộc cải cách của chính-phủ áp-dụng tại Cao-nguyên cũng gặp phải những trở lực tương-tự. Nói như vậy không có nghĩa là tại Cao-nguyên miền Nam hầu hết những người trí-thức, nhân sĩ đều chống lại cuộc cách-mạng xã-hội của nền đệ I Cộng-Hòa, chúng ta vẫn tìm thấy khá nhiều người đứng ngoài vòng ảnh-hưởng của những thế-lực cũ, các nhân-sĩ, trí-thức, tù trưởng tiến bộ. Tuy vậy, lẽ ra lúc bấy giờ chính quyền cần phải có một đại hội các tù-trưởng nhân sĩ địa-phương để nghiên-cứu công cuộc cải-cách tại Cao-nguyên và những biện-pháp cần thiết. Các vị thân hào nhân sĩ địa-phương sẽ là gạch nối gây nhịp cầu thông đạt giữa chính-quyền và địa-phương cũng như nhân dân thuộc các bộ lạc sơn-cước. Nếu tại Trung-châu "phép vua thua lệ làng" và vị lý trưởng đóng một vai trò quan-trọng trong việc thực-thi các quyết-định hành-chánh của Trung-ương thì ở Cao-nguyên các vị tù-trưởng, tộc-trưởng, già làng cũng góp phần quyết-định trong sự thành công của chính-sách sơn-cước-vụ. Vì thiếu chuẩn bị dư-luận đồng-bào sơn-cước qua các thân hào, nhân-sĩ sơn-cước cho nên, quyền-hành truyền thống của các vị này bị thương tổn, họ dễ dàng nghe theo những xúi-giục của những thế-lực cũ đang bị đe-dọa bởi những canh tân của chính-phủ cách-mạng và đang chờ đợi những bất đồng giữa Trung-ương và địa-phương để khai-thác và vận-động chống lại chính-sách của chính quyền. Vì vậy mà khi chương-trình cải-cách điền địa 1958 được thực-hiện thì một phong-trào sơn-cước được thành lập để chống lại và cùng thời-gian đó các cán-bộ Thượng-cộng nằm vùng cũng xuất đầu lộ diện với mặt trận "Tây nguyên tự trị".

- Thiếu thực-tế khi áp-dụng - Lý thuyết và những phương hướng của chính-sách sơn-cước-vụ rất hợp lý và tiến bộ song le vì việc làm quá vội vã cho nên những nguyên-tắc tốt đẹp đó đã không được sự tiếp tay và đóng góp của đồng-



*Trang-sức của một phụ-nữ sơn-cước
sống gần tỉnh-ly*

bào sơn-cước cho nên chính-sách đã mất đi tính cách sống động, thiết-thực. Hơn nữa, nguyên-tắc chỉ đạo "Kinh Thượng bình đẳng" khi người sơn-cước hầu hết thất học, không đủ điều kiện tối thiểu để cạnh tranh bình đẳng với người Kinh thì nguyên-tắc đó đã làm cản trở lớn lao cho công cuộc cải cách. Nếu hiểu nghĩa Kinh Thượng bình đẳng trên phương-diện giá-trị tinh-thần thì có thể chấp nhận được nhưng nếu bình-đẳng về chủ-trương "việc gì người Việt làm được thì người Kinh cũng làm được, chức-vụ gì mà người Kinh làm được thì người sơn-cước có đủ năng-lực cũng có quyền làm, Kinh cũng như Thượng phải thi-hành tròn nhiệm-vụ công-dân". Cái chủ-trương bình đẳng đó đã vô tình loại bỏ người sơn-cước ra khỏi guồng máy hành-chánh của chính-quyền. Vì trên thực tế nếu không có một sự nâng đỡ, nếu không có một số đặc-quyền dành cho đồng-bào sơn-cước thì làm sao người sơn-cước có thể cạnh tranh bình đẳng với người Kinh trong các công việc hành-chánh, kinh-tế, xã-hội và văn-hóa ?

- Quá chú-trọng đến tác-dụng hình thức - Nhiều học giả đã chỉ-trích chính-quyền đệ I Cộng-Hòa đã thực-hiện những cải-cách chỉ mang tính chất phô-trương gây tác dụng bất lợi cho chính-sách Thượng-vụ tốt đẹp và nhân-đạo. Chẳng hạn việc bắt người sơn-cước vận âu-phục, bắt làm nhà như lối kiến trúc của người Việt, bắt đổi tên sơn-cước thành tên Việt, và nhất là bãi bỏ những tên cũ của các địa-phương Cao-nguyên mang những địa danh Việt-Nam như Chèo-Reo thành Hậu-Bôn, Blao thành Bảo-Lộc... những biện-pháp này không có một lợi ích thiết-thực mà chỉ gây thêm lý do để những bọn đầu cơ chính-trị xuyên tạc chính-quyền âm mưu đồng hóa đồng-bào sơn-cước.

Thêm vào đó, trong những cuộc bầu cử quốc-hội tại các đơn-vị địa-phương tại Cao-nguyên miền Nam, chính-quyền Trung-ương đã quá tin vào những báo cáo của các cấp chỉ-huy địa-phương nên đã dàn áp trắng trợn các ứng-cử-viên không thân chính-quyền hay đối lập. Trong kỳ bầu cử pháp nhiệm I, Ông Touprong-Hrou, ứng-cử-viên đơn-vị Tuyên-Đức Lâm-Đông đã

bị cầm tù vì những tội vu vơ : trong pháp-nhiệm II Ông Y Soang Khuê đơn-vị Darlac bị xóa tên, pháp nhiệm III Ông Y Bliêng đơn-vị Darlac bị buộc phải rút tên vì vậy mà một số người đã kết luận ngay việc thực thi dân chủ cũng chỉ là hình-thức mà thôi - Dầu sao thì "lầm lẫn không thể tránh khỏi này", chính-quyền đệ I Cộng-Hòa phải gánh chịu trách-nhiệm hoàn-toàn nhưng nếu bình tĩnh ôn lại tình hình chính trị lúc bấy giờ và nhất là trong hoàn cảnh của một quốc-gia phải đương đầu với Cộng-sản - việc chọn lựa những người đại-diện dân vào tòa nhà lập-pháp có một tầm mức quan-trọng đặc biệt - chúng ta có thể không quá khắt khe về việc chính quyền kiểm soát và can-thiệp vào công việc tự do lựa chọn của người dân. Sự can-thiệp đó có thể đúng mà cũng có thể lầm lẫn, nhưng cái chiến thuật loại trừ một thành-phần nguy hiểm cho một chủ trương chính-trị của quốc-gia là một luật chơi của bất cứ một chế-độ dân-chủ nào trên thế-giới miễn sao sự loại trừ này không phải là biện-pháp thủ tiêu, ám-sát như ở những quốc-gia độc-tài và Cộng-sản kể cả trong những quốc-gia tân tiến song thiếu hẳn một căn-bản đạo-đức chính-trị. Nếu trong mọi ngành sinh-hoạt của quốc-gia vẫn có sự hiện diện của người sơn-cước hay hơn thế nữa có những người trung kiên với chế-độ để ổn-định tình hình chính-trị trong một giai-đoạn phôi thai, điều đó thực sự cũng không phải là một điều đáng trách.

- Thiếu một quy-chế cán-bộ thượng-vụ thích-hợp. Chính sách hay mà không có cán-bộ thực-thí nghiệm chính thì chính sách đó cũng không thể nào mang lại kết-qua. Hệ-thống cán bộ thực ra đóng một vai-trò quan-trọng trong sự thành-công hay thất bại của chính-sách nhất là tại khu vực Cao-nguyên. Chính vì vai trò quan-trọng của các cán-bộ Thượng-vụ vào dưới triều Vua Minh-Mạng (1834) nhà vua đã ra lệnh cho các bộ viện lựa chọn những con em dưới 16 tuổi cho học tập ngôn ngữ, phong-tục của các sắc-tộc sơn-cước và để sử-dụng trong công tác thượng-vụ "chính-quyền đệ I Cộng-Hòa" để thiếu chuẩn bị hệ-thống cán-bộ này để thi-hành chính-sách của Trung-ương

mà lại phó thác trong tay các vị trưởng nhiệm sở hành-chánh địa-phương, những vị này đã vì quyền uy sẵn có nên khó gây được sự thông-cảm giữa người sơn-cước và chính-quyền, và lại mỗi vị theo sáng kiến của mình đã đưa ra những biện-pháp cải cách mạnh mẽ, táo bạo như buộc người Rhadé muốn vào thị xã phải mặc quần dài, áo chemise, ở Pleiku lại còn ngăn cấm người sơn-cước làm nhà trên những cột gỗ mà phải theo kiểu của người Việt ở đồng bằng. Những biện-pháp cải cách này đã làm tổn thương đến những giá-trị truyền-thống của đồng-bào sơn-cước. Ngoài ra, phần lớn những cán-bộ công-chức phục-vụ tại Cao-nguyên đều là những thành-phần bị dày ải, bất mãn cho nên đã không đem lại một không khí thông cảm thuận lợi cho việc thực-thi và phổ biến sâu rộng chính-sách sơn-cước vụ của Trung-ương.

Cũng cần nói thêm rằng, có nhiều người cho là chính sách sơn-cước-vụ của nền đệ I Cộng-Hòa đã có tình coi thường phong-tục tập-quán của người sơn-cước. Nhận xét này có lẽ không được đúng lắm vì rằng nghiên-cứu kỹ chính-sách thượng vụ của chính-quyền lúc đó, chúng ta thấy trong các biện-pháp nhằm nâng cao trình-độ sinh-hoạt của đồng-bào sơn-cước lên bằng đồng bào Kinh, tất cả đều là những phương-cách vận động và khuyến-khích tuyệt nhiên không có tính cách bắt buộc hay cưỡng chế thi-hành nhất là chính-sách chủ-trương "tránh chạm tới tục lệ cổ truyền và tín-ngưỡng". Ngoài ra văn-thư số 19/TTP/ĐL ngày 1.6.1960, Đông-Lý Văn-phòng Phủ Tổng-Thống chuyển chỉ thị của Tổng-Thống đến các địa-phương : "Đồng-bào sơn-cước có nhiều phong-tục tập-quán khác nhau... Trong chương-trình cải tiến dân sinh, cần có cán-bộ biết tiếng Thượng ở vùng áp nếu không có cán-bộ sẵn thì phải lựa cán-bộ huấn-luyện tiếng Thượng". Xem như vậy thì chính-sách không nhằm một chủ-trương coi thường hay loại bỏ những phong tục, tập quán, tín-ngưỡng của đồng-bào sơn-cước nhưng trên thực-tế vì tổ-chức đặc-trách thực thi đường lối của Trung-ương đã không làm đúng vai trò của mình và đã không đạt đúng mức tầm quan-trọng của chính-sách, hơn thế nữa vì Trung-ương thiếu sự kiểm-soát, theo dõi cho nên các cấp thừa hành

đã thực thi lệch lạc; những vị này lại là những đại diện của Trung-ương như Tỉnh-trưởng, Thị-trưởng cho nên xuyên qua đường lối lãnh đạo trực tiếp đó tại Cao-nguyên, đồng-bào sơn-cước đã nhận-định đó là chủ-trương của Trung-ương và hậu-quả là trên thực-tế phong-tục, tập-quán, tín-ngưỡng của một số sắc dân đã bị coi thường! Dù sao, trong suốt chín năm cầm quyền, chính-sách sơn-cước vụ của nền đệ I Cộng-Hòa đã đạt được những thành-quả sau đây trên nhiều phương-diện (19).

Trên phương-diện hành-chánh, chính-trị (20)

Tại địa-phương nhằm kết hợp buôn xã lẻ tẻ vào địa-điểm định cư, đã có 596 ấp chiến-lược định cư 153.422 người, ngoài ra đã có 483 địa-điểm định-cư 214.533 đồng bào sơn-cước tị nạn Cộng-sản.

Trên phương-diện kinh-tế

Về canh nông - đã tổ-chức được 86 địa-điểm định-cư, định canh. Trên phương-diện hướng dẫn cải tiến nông-nghiệp kết quả đã có 20,50%, người sơn-cước biết canh-tác theo lối của người Kinh.

Về tiểu công nghệ - Tổ chức và điều hành các trung-tâm tiểu công-nghệ tại Bình-Tuy, Ninh-Thuận, Bình-Thuận, Bình-Long, Phước-Tuy, Bình-Đình, Tuyên-Đức, Phước-Long, Long-Khánh, Quảng-Nam. Đã tổ-chức và điều-hành một trung-tâm huấn-luyện cán-bộ Thượng tại Huế, phát cho học viên tốt nghiệp và trợ-cấp đồng-bào sơn-cước 166 máy khâu và 867 bộ đồ hớt tóc.

(19) Thành quả trích phúc trình của Bộ Xã Hội ngày 21.03.1964.

(20) Trên phương diện này, chính-quyền lúc bấy giờ đã bổ nhiệm những Phó Tỉnh-trưởng người sơn-cước, nhân-viên Hội-dồng hàng Tỉnh và các dân biểu tại tòa nhà lập pháp.

Hướng dẫn đồng bào sơn-cước tại các địa điểm định-cư, áp chiến-lược cải tiến và khuếch-trương ngành thủ công nghệ. Trong chương-trình này đã cấp phát cho học-viên tốt nghiệp :

80 khung dệt
115 bộ đồ mộc
27 bộ đồ rèn
18 bộ đồ làm dép.

Về phương-diện y-tế vệ-sinh

Y-tế đã tổ-chức được :

70 bệnh xá
17 nhà hộ sinh
467 trạm thuốc
21 đoàn y-tế lưu-động.

Về phương-diện giáo-dục

Trên phương-diện giáo-dục, Nha Công-tác Xã-hội miền Thượng đã thanh toán được + 27% nạn mù chữ. Hiện có :

193 trường tiểu và sơ học
494 học-sinh trung-học
8441 học-sinh tiểu-học
7941 học-sinh sơ học

Tổng cộng có cả thảy 17.069 học-sinh, nếu đem đối chiếu với con số 3522 vào năm 1954 thì chúng ta thấy hoạt-động giáo-dục đã xúc-tiến mạnh từ cơ-sở cho đến số lượng học-sinh (tăng + 5 lần hơn nghĩa là +500% so với thời Pháp thuộc). Ngoài ra, Nha này đã tổ chức và điều hành ký túc xá học-sinh tại Huế và đã cấp các học-bổng sau :

5 cán-sự y-tế
25 học-sinh kỹ-thuật
3 cán-sự công-chánh
2 học-sinh trường bách-khoa Phú-Thọ
4 giáo-sinh cộng-đồng Long-An
1 sinh-viên y-khoa.

Về huấn luyện thì đã đào tạo :

- 1.725 cán-bộ công-tác xã-hội miền Thượng
- 4.310 hương-chức Thượng
 - 965 cán-bộ V.T.T.T. (võ trang tuyên truyền)
 - 100 cán-bộ Thượng-vận
 - 370 cán-bộ xây-dựng Ấp Tân-sinh
 - 40 cán-bộ xây-dựng miền Thượng
 - 42 cán-bộ văn-ngệ chiêu hồi.
- 8.490 thanh-niên võ-trang
- 5.000 biệt cách Thượng
 - 48 tá-viên điều dưỡng
 - 76 điều hộ hương-thôn
 - 72 cô mụ hương-thôn
 - 222 cán-bộ canh nông
 - 355 giáo-viên
 - 30 tá-viên thú y
 - 278 cán-bộ y-tế
 - 347 thợ may
 - 382 thợ mộc
 - 183 thợ rèn
 - 414 thợ hút tóc
 - 418 thợ làm dép
 - 230 nữ công gia chánh
 - 20 thợ đan mây tre

Sau khi đã phúc-trình những thành-qua của Nhà Công tác xã-hội miền Thượng khoảng 4 tháng sau ngày Cách-mạng lật đổ nền đế I Cộng-Hòa, chính-quyền lúc bấy giờ đã đưa ra những nhận xét sau :

Về phương-diện hành-chánh và chính-trị, công-tác còn ở dạng, việc tìm hiểu những người có uy-tín coi như tạm xong nhưng việc xử-dụng những người này vào công-tác chưa được tiến hành dưới chính-quyền cũ. Hiện nay về mặt hành-chánh và chính-trị đáng kể là đã nâng đỡ được một số trí-thức Thượng.

Về Kinh-tế - Dưới chính-quyền cũ, các địa-điểm định cư định canh đồng-bào Thượng là những thí-điểm đáng kể trong việc tập trung đồng-bào Thượng để cải tiến về mọi mặt nhất là về kinh-tế... Việc cải-tiến nông-nghiệp có kết-qua nhưng đồng-bào sơn-cước phần thiếu nông-cụ, phần chưa được định-cư nên không thể làm ruộng như người Kinh.

Về thương mại, bản phúc-trình của Bộ xã-hội đã nhận xét rằng thành quả đáng kể là ngăn chặn được nạn thương lái bóc lột đồng-bào Thượng, khuyến khích dùng tiền bạc thay-thế cho việc đổi chác, còn về xã hội thì các buôn xóm Thượng đã được cải-thiện sinh-hoạt phần nào và các tập-quán cổ hủ cũng đã giảm dần. Về y-tế thì kết-qua đáng kể là người Thượng hiện nay đa số đã biết xử-dụng thuốc men thay cho việc cúng quảy chữa bệnh. Cuối cùng về văn-hóa, kết-qua thật đáng mừng vì hiện nay 27% người Thượng đã biết chữ.

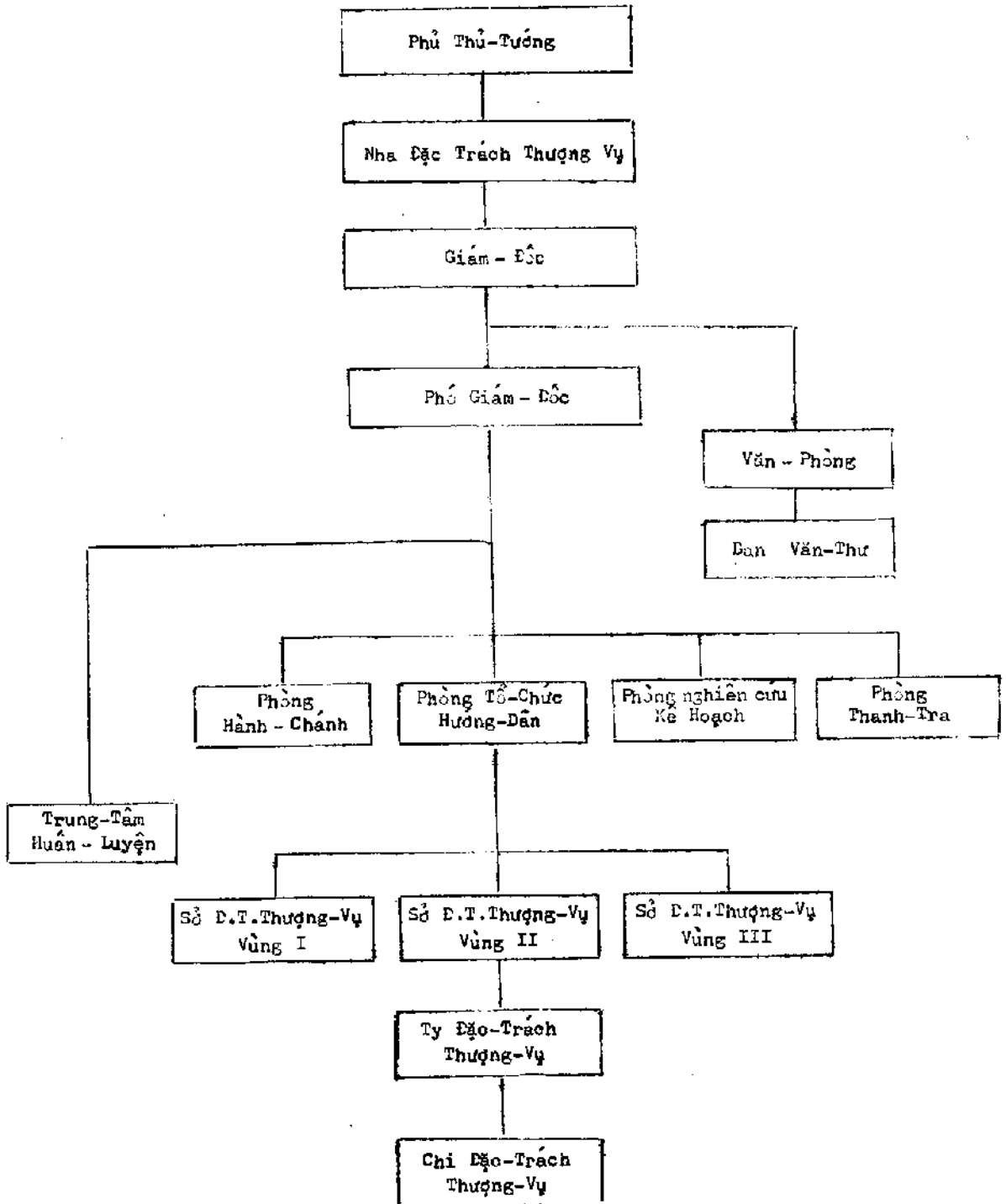
Xuyên qua bản phúc-trình này, bản phúc-trình được thiết-lập sau ngày cách-mạng thành-công để nhận xét và công-trình của một chế-độ đã bị lên án dĩ nhiên chúng ta có quyền đánh giá lại những thành-qua và những nhận xét này. Nhưng dù sao thì chúng ta cũng phải thành khẩn nhìn nhận công-ước cải cách của nền đệ I Cộng-Hòa đã thành-công một phần nào tại khu vực này và chúng tôi cũng đồng ý với nhận xét cuối cùng của bản phúc-trình ngày 21.03.1946 : "công-ước cải-tiến dân-sinh là một công-tác trường kỳ cần đòi hỏi nhiều thời gian và thiện-chí".

II.- CHÍNH-SÁCH SƠN-CƯỚC VU TỪ 1963 ĐẾN 1.4.1967

Sau khi chế-độ đệ I Cộng-Hòa bị lật đổ, tình hình quân-sự càng ngày càng tang gia bất lợi cho quốc-gia thêm vào đó những cuộc chỉnh lý và đảo chánh liên tiếp xảy ra đã gây một tình-trạng bất ổn cho guồng máy chính-trị và hành-chánh. Tuy vậy, vấn-đề đồng-bào sơn-cước vẫn được đặt ra. Sau khi các lãnh-tụ sơn-cước bị chính-quyền tiền cách-mạng bắt giữ được phóng-thích, trọng dụng, chính-quyền cách-mạng

đã liên tiếp tổ-chức các cuộc hội-thảo giữa chính-quyền địa phương và các tù-trưởng, nhân-sĩ sơn-cước nhằm tìm hiểu đích thực những nhu-cầu và nguyện-vọng của người sơn-cước ngõ hầu đưa ra một chính-sách sơn-cước vụ thích-nghi. Vấn-đề tiên-quyết lúc bấy giờ là cần có một tổ-chức, một cơ-sở hành-chánh hữu hiệu để có vấn và giúp đỡ chính-phủ trong công-tác sơn-cước vụ. Như đã trình-bày trong phần trước, dưới thời đệ nhất Cộng-Hòa, cơ-quan phụ-trách công-tác Thượng là Nha Công-tác Xã-hội miền Thượng, Nha này được đặt trực thuộc Phủ Tổng-Thống. Sau cách-mạng 1.11.1963, Chính phủ Nguyễn-Ngọc-Thơ tiếp-tục đặt cơ-quan Công-tác Xã-hội miền Thượng trực-thuộc Phủ Thủ-Tướng ngày 11.11.1963, song le chỉ hai ngày sau, Hội-Đồng Nội-Các họp quyết-định đặt cơ quan này dưới sự quản-trị của Tổng Nha Xã-Hội ngày 13.11.1963 và với công-văn của Bộ Phủ Thủ-Tướng số 17-BPTT/VP/13/11/63 ủy cho Tổng Nha Xã-Hội soạn-thảo Nghị-định tổ-chức và điều hành. Sau cuộc chỉnh lý 30.01.1964, Tổng Nha Xã-Hội được nâng lên thành Bộ Xã-Hội, Nha Công-Tác Xã-Hội miền Thượng đương nhiên trực thuộc Bộ này và cũng đã được Phủ Thủ-Tướng xác nhận bằng công văn số 469-BPTT/VP/ ngày 22.2.1964. Tháng 05/1964 Thủ-Tướng Chính-phủ ký Nghị-định số 911/QP ngày 5.5.1964 cải-biến Nha Công-Tác Xã-Hội miền Thượng thành Nha đặc-trách Thượng-vụ đặt thuộc Bộ Quốc-Phòng và dời trụ-sở của Nha này từ Huế vào Saigon. Việc xếp đặt sự thống thuộc này cho thấy phần nào quen-điểm của chính-quyền lúc bấy giờ về một chính-sách Thượng-vụ : quan điểm lúng túng và thiếu dứt khoát khi thì đơn thuần là một vấn-đề xã hội, khi thì là một vấn đề bình-định và quan-sự mà thôi. Trước thái độ lúng túng đó của chính-quyền, phong-trào Fulro nổi lên tháng 09/1964 ban đầu ở Darlac và lan mạnh đến các tỉnh Quảng-Đức, Lâm-Đông, Phú-Bôn, Pleiku, Kontum khiến Chính-phủ phải xét lại vấn đề và ngay sau đó ban-hành nghị-định số 1935-TTP/VP ngày 07.10.1964 đặt Nha Đặc-trách Thượng-Vụ trực thuộc trở lại Phủ Thủ-Tướng và mười hôm sau một đại-hội các sắc dân sơn-cước được triệu tập tại Pleiku. Như vậy là gần một năm sau ngày cách-mạng lật đổ chế-độ đệ I Cộng-Hòa, chính-sách sơn-cước vụ mới được đề ra qua bức thông-điệp ngày 17.10.1964 của Thủ-Tướng Nguyễn-Khánh. Chính-sách sơn-cước vụ dựa trên những căn-bản sau :

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC NHÀ ĐẠC TRÁCH THƯỢNG-VỤ



- 1)- Kinh Thượng đoàn kết và bình đẳng thực-sự
- 2)- Đặc biệt nâng-đỡ đồng bào Thượng mau theo kịp đồng bào Kinh.
- 3)- Tôn-trọng phong-tục tập-quán của đồng bào thiểu-số.

Dựa trên những căn-bản đó, chính-phủ đã hoạch-định một chương-trình cải-tiến sâu rộng Cao-nguyên Trung-phần trên mọi địa-hạt.

- Về chính-trị hành-chánh, người sơn-cước tự do lựa chọn đại diện để tham-gia vào quốc-hội, hội-đồng tỉnh và xã. Chính-quyền sẽ nghiên-cứu bổ-nhiệm người sơn-cước theo khả năng vào các chức-vụ Trung-ương và địa-phương.

- Về quân-sự, ngoài sử xữ-dụng công-bằng hợp lý người sơn-cước trong công việc huấn luyện cũng như bổ-nhiệm, một trường thiếu-sinh-quân sẽ được thiết-lập trên vùng Cao-nguyên.

- Về kinh-tế, tôn-trọng quyền sở hữu đất đai của đồng bào sơn-cước. Huy bỏ các văn-kiện xác định lại quyền sở-hữu đất đai của đồng bào sơn-cước năm 1958, 1959 của chế-độ cũ; cải-tiến canh-tác, chăn nuôi, mở mang các đường giao-thông trên Cao-nguyên.

- Về văn-hóa giáo-dục, xây cất trường-học, ký túc xá, cấp học-bổng nâng đỡ đặc biệt cho học-sinh Thượng, tại bậc Tiểu học thổ-ngữ sẽ được dạy song song với Việt ngữ.

- Về xã-hội - mở thêm bệnh xá, hộ-sinh, y-tế lưu-động và nhất là cứu trợ cần-thiết theo nhu-cầu.

- Về tư pháp - các tòa án phong tục sẽ được tổ-chức lại.

Sau khi Thủ-Tướng Nguyễn-Khánh từ chức, các chính-phủ kế-tiếp đều biểu lộ ý chí tôn-trọng chính-sách Thượng-

vụ vừa kể và nội-các chiến-tranh của Thiếu-Tướng Nguyễn-Cao-Kỳ cũng đã long trọng xác-nhận qua tuyên cáo ngày 2.8.1965 : "chính-phủ xác nhận ý-chí sẽ tiếp-tục thực-hiện những điểm trong chương-trình đã thỏa-hiệp với các sắc dân Thượng tại Pleiku hồi tháng 10.1964.

Nhưng dù sao trong giai-đoạn giao thời này, vấn-đề sơn-cước vụ không được các chính-quyền hậu cách-mạng đặt nặng ngoài trừ sau biến cố 9/1964 tại Cao-nguyên do phong-trào Fulro của bộ lạc Rhadé gây nên. Vì vậy mà ngay dưới chính-phủ của Thủ-Tướng Nguyễn-Cao-Kỳ, chính-sách thượng-vụ của nội-các chiến-tranh cũng chỉ là tiếp nối chương-trình của nội các Nguyễn-Khánh và chúng ta phải đợi cho đến ngày 1.4.1967 khi Hiến-pháp đệ II Cộng-Hòa được ban-hành, chính-sách sơn-cước mới có cơ-sở pháp-lý rõ rệt.

Thật ra sau cách-mạng 1963, tình-hình chính-trị nước nhà rất hỗn độn, những cuộc đảo chánh, chỉnh lý liên tiếp đã làm cho mọi chính-sách quốc-gia mất tính cách liên tục và khu-vực Cao-nguyên Trung-phần đã không được trung-ương lưu ý đến. Không đầy một năm sau, ngày 20.9.1964 đồng bào sơn-cước đã bạo động tại một số tỉnh và thị xã tại Cao-nguyên.

Và chính cái biến-cố đầu tiên này đã thức tỉnh chính quyền tìm cách giải-quyết những nhu-cầu và nguyện-vọng của đồng-bào sơn-cước. Vì vậy sau biến cố này, nhiều đại hội các sắc-tộc sơn-cước được tổ-chức để chính-quyền tìm cách, giải quyết những nguyện-vọng của đồng-bào sơn-cước. Chúng ta đã có dịp đề-cập đến chính-sách của chính-phủ đã được hứa hẹn trong những năm 1964, 1965, 1966 và chính những hứa hẹn đó đã xoa dịu phần nào sự căng thẳng của tình-hình Cao-nguyên lúc bấy giờ. Những hứa hẹn đó đã được chính-quyền ghi vào Hiến-pháp đệ II Cộng-Hòa qua các điều 2, 24, 36, 66, 97 và 98 để xác nhận long-trọng thiện chí của chính quyền và tạo một căn bản hiến định cho công-cuộc cải-cách tại khu-vực này.

Trong buổi giao thời này chúng ta có thể ghi nhận những thực-hiện sau đây của nội các chiến tranh Nguyễn-Gao-Kỳ : Các công tác thượng-vụ trong giai-đoạn này nhằm thể-hiện chính sách Thượng-vụ của chính-phủ đã được công-bố nhân dịp Đại hội các sắc dân Thượng tại Pleiku ngày 17.10.1964 qua các điểm chính sau :

- Kinh Thượng bình đẳng và đoàn kết thực sự.
- Đặc biệt nâng đỡ đồng bào Thượng mau tiến bộ kịp đồng bào Việt-Nam.
- Tôn trọng phong tục tập quán của đồng bào Thượng.

Dưới chính phủ Phan huy Quát do sắc lệnh số 92 TTP ngày 18.5.1965 Nha "đặc trách thượng vụ" được cải biến thành Thượng-vụ cuộc nhưng vì biến chuyển chính-trị đột ngột sắc-lệnh này chưa được thực hiện. Mãi đến ngày 9.3.1966 với sắc lệnh số 121 SL.HP.VP Phủ đặc ủy Thượng vụ được thiết lập để thay thế Thượng-Vụ Cuộc. Thật ra thì trong suốt thời gian sau cách-mạng đến 1.4.67, nhiều công tác và thành quả đã thực hiện được dưới thời nội các chiến tranh qua sự trung-gian của Phủ Đặc Ủy Thượng-Vụ. Chúng ta ghi nhận (21)

I)- Hành-chánh - Đã bỏ nhiệm :

- 1 Đặc ủy trưởng (Thứ-Trưởng)
- 1 Phụ tá chuyên môn (Tổng Giám-Đốc)
- 1 Công cán ủy viên
- 1 Phân ủy trưởng (Giám đốc)
- 1 Khu trưởng (Giám đốc)
- 1 Quận đốc trung tâm huấn luyện
- 1 Tỉnh trưởng
- 6 Phó Tỉnh-trưởng
- 2 Quận trưởng
- 24 Phó Quận-trưởng

(21) Trích thành tích công tác của ngành Thượng-vụ trong năm 1966-1967)
Phủ Đặc ủy Thượng-vụ ấn hành.

- 5 Thanh tra sơ, tiểu học
 - 24 Hiệu-trưởng
 - 15 Trưởng-Ty - Phó Trưởng-Ty
 - 10 Giám-thị các trường Trung Tiểu-học
- Đã đào tạo được 14 Đốc sự và 20 Tham-sự.

Trong công cuộc bầu cử quốc hội lập-hiến, có 9 dân biểu gốc Thượng, Chăm và Thượng miền Bắc di cư đã được đặc cử.

II)- Kinh-tế

- 1 Trường Trung-học kỹ thuật Y-Yút tại Ban-mê-Thuột
- 11 Trung tâm canh mục Thượng
- 3 Trung tâm huấn luyện tiểu công nghệ
- 1 Hợp tác xã dệt thành lập tại Darlac
- 21 Cơ sở dạy may, mộc, rèn, hớt tóc
- 33 Chợ
- 55 Thương điểm
- 28 Trại chăn nuôi
- 309 Ao nuôi cá

Đã đào tạo :

- 2019 Nam nữ thanh niên Thượng học các nghề (may, mộc, rèn, hớt tóc, đan...)
- 842 Nông dân ngành dưỡng ngư.

III)- Văn-hóa

- Ban hành đặc ân giảm 20% điểm cho thí-sinh Thượng dự thi Trung học Đệ I cấp, Tú tài I và II.
- Mở thêm 7 lớp đệ-thất đặc biệt tại các tỉnh Kontum, Pleiku, Phú-Bôn, Darlac, Tuyên-Đức và Lâm Đồng.
- Miễn học phí cho các em học sinh Thượng.
- Tăng giới hạn tuổi nhập học bậc Trung-học và Chuyên nghiệp.

Kết-quả :

- 10 Cao đẳng công chánh
- 8 Bách khoa trung cấp
- 129 Kỹ thuật
- 28 Nông lâm súc
- 8 Trang trí mỹ thuật
- 3 Cao đẳng điện học
- 3 Quốc-gia thương mại
- 109 Sư phạm
- Trên 1.000 em học sinh tốt nghiệp bậc Trung học
- Niên khóa 65-66 cấp phát 248 học bổng trị giá 2.000.000
- Niên khóa 66-67 cấp phát 459 học bổng trị giá 6.112.400
10 học bổng trị giá 500.000\$ theo học trường Kỹ-thuật Régina Pacis.
- Hai giáo chức Thượng (K'Briou và Y-Char H'Qock du-học Hoa-Kỳ 5 năm.
- 15.000 cuốn tập đọc SRE, Boti-Kha, Siu-Sre.

IV)- Y-Tế :

Đào tạo cán bộ :

- 1 Sinh viên đại học y-khoa
- 1 Sinh viên đại học dược khoa
- 14 Cán sự y-tế
- 18 Tế viên điều dưỡng (kể cả Chàm và Thượng Bắc di cư).

Các cơ sở y-tế :

- 63 bệnh xá
- 43 nhà hộ sinh
- 829 trạm phát thuốc
- 13 đoàn y tế lưu động
- 6 trại cùi.

V) - Quân-sự

- Chính phủ ban hành đặc ân hoãn dịch cho đồng bào Thượng.
- Chỉ cần bằng Trung học đệ I cấp được theo học sĩ quan Thủ-Đức.
- 56 Sĩ quan tốt nghiệp.
- 60 Hạ sĩ quan
- 181 em đang theo học tại trường Thiếu sinh quân Pleiku được thành lập 1965.
- 6.000 cán bộ truyền tin được đào tạo tại Trung tâm huấn luyện cán bộ Thượng tại Pleiku.



PHẦN THỨ HAI

CHÍNH SÁCH THƯƠNG-VỤ

của

NỀN ĐỆ II CỘNG-HÒA

và

CÁC BIỆN-PHÁP ĐỀ-NGHỊ

ĐOẠN I

**NGHIÊN-CỨU ĐỐI CHIẾU
VỀ CÁC CHÍNH SÁCH THIỂU SỐ**

A.- CHÍNH-SÁCH THIỂU-SỐ CỦA MIẾN-ĐIỆN

Trước hết chúng ta nên biết qua bối cảnh chính-trị của vấn-đề dân thiểu-số Miến-Điện hiện tại để có những nhận xét thích-hợp. Vấn-đề dân thiểu-số ở Miến cũng là một vấn-đề khó khăn phức-tạp như bất cứ một quốc-gia nào ở Đông-Nam-Á. Biên-giới chính-trị hiện tại của liên-bang Miến-Điện sau khi thu-hồi độc-lập phần lớn là do kết-quả của những toan tính của đế-quốc Anh để quy-định một khu vực ảnh hưởng nhằm chống lại những thế-lực của Pháp và Trung-Hoa lúc đó. Thoạt kỳ thủy Quốc-vương Miến-Điện chỉ kiểm-soát vùng thung-lũng Irrawaddy cho đến vùng Bắc Bhamo. Ngay trước khi người Anh xâm-chiếm Miến-Điện, trong công-cuộc bành-trướng lãnh-thổ, Miến-Điện đã từng khiêu-nại và nhiều lần bất thần đột kích để dành lại ảnh-hưởng trên các khu-vực Manipur và Assam thuộc Miến do người Anh chiếm đóng, sự-kiện này đã đưa đến sự tranh-chấp giữa Miến-Điện và Đế-quốc Anh trên vùng Ấn-Độ. Cuộc tranh-chấp này đã làm cho lãnh-thổ của Miến bị Đế-quốc Anh chiếm cứ dần dần. Theo hoà-ước Yandabo (1826) Miến-Điện bắt buộc phải nhường cho Đế-quốc Anh các vùng Arakan, Tenasserim, Assam, Manipur, Cachar. Sau những tranh-chấp khác biệt năm 1852, Miến-Điện lại phải cắt nhường thêm một phần lớn trung-châu và duyên-hải. Rồi những cuộc xâm lăng liên tiếp của người Anh vào năm 1885 đã đưa đến sự sụp đổ hoàn toàn của Vương-quốc Miến và Quốc-vương Theebaw bị người Anh truất-phé. Có thể nói kể từ 1-1-1886 toàn thể lãnh-thổ Miến-Điện

bị chiếm đóng và lệ-thuộc Đế-quốc Anh. Lúc bấy giờ chính-quyền Anh liền tổ-chức Miến-Điện thành một tỉnh của Đế-quốc Anh tại Ấn do một Phó Thủ-Hiến cai-trị với một Hội-dồng Lập-pháp gồm những hội-viên do Thủ-Hiến đại-diện của toàn-quyền Anh-quốc tại Ấn bổ-nhiệm. Một số hội-viên được cử làm đại-diện cho Miến-Điện tại viện Lập-pháp trung-ương của Ấn-Độ. Riêng vùng sơn-cước hiện tại tạo thành biên phòng tiếp giáp Đông-Hồi, Ấn-Độ, Trung-Cộng, Lào và Thái-Lan là nơi trú ngụ của các bộ-lạc sơn-cước không phải là người Miến chính cống đó là các sắc dân Chin, Kachin, Wa, Shan, Karen và Mon... Những bộ-lạc sơn-cước được đặt dưới sự cai-trị đặc-biệt của người Anh nghĩa là không liên quan đến nền cai-trị của vùng đồng bằng Miến-Điện theo đạo-luật ("Hill People's Regulation Act năm 1889"). Các bộ lạc sơn-cước theo đạo-luật này được đặt dưới quyền thống-trị của toàn-quyền Anh-quốc qua trung-gian của tổ-chức hành-chánh biên phòng "Frontier Areas Administration". Sau đại chiến thứ nhất, khi hiến-chương 1919 được ban-hành tại Ấn, tổ-chức hành-chánh Miến-Điện được thay đổi song-mãi đến năm 1923 mới thực-hiện được. Với sự cải đổi này Miến-Điện vẫn sát nhập với Ấn-Độ song le một viện Lập-pháp Miến được thành-lập với 103 nghị-sĩ trong đó có 79 vị do dân bầu. Quyền hành-pháp thuộc một Thủ-hiến (Governor) do Anh-Hoàng bổ-nhiệm và một Hội-dồng Hành-pháp chỉ được biểu-quyết và phụ-trách các vấn-đề giáo-dục xã-hội và hành-chánh. Sự sát nhập này làm cho Miến-Điện rất thiệt thòi trên nhiều phương-diện chính-trị xã-hội, tín-ngưỡng, tập-quán, phong-tục. Thật vậy, tại viện Lập-pháp Trung-ương đại-diện Miến-Điện là thiếu-số quyền-lợi của dân Miến và dân Ấn thường tương-phản nhau, hơn nữa hai dân-tộc Ấn Miến không đồng nhất về phong-tục và tôn-giáo : đạo-Phật của Miến không hợp với các đạo giáo Ấn-Độ nhất là đạo Bà-La-Môn do đó những vụ tranh- chấp giữa Miến và Ấn thường xảy ra và đưa đến phong-trào đòi hỏi sự ly khai khỏi Ấn-Độ. Hơn mười năm sau, yêu sách đó mới được Đế-quốc Anh thỏa-mãn với Hiến-chương Government of Burma Act 1935 để cho Miến-Điện một chế-độ tự-trị đối với Ấn-Độ. Năm 1936 nên lập-pháp của Miến gồm hai viện : một Thượng-nghị-viện trong đó một

nửa nghị-sĩ do toàn-quyền cử nhiệm, một viện dân-biểu do dân bầu nhưng trong 132 ghế, 22 dành cho các dân thiểu-số Karen, 9 dành cho đại-diện các giới người Âu... Quyền Hành pháp vẫn còn bị giới-hạn vào các vấn-đề y-tế, giáo-duc, xã-hội do một Thủ-tướng người Miến và một nội-các chịu trách-nhiệm trước viện dân-biểu. Chế-độ này chấm dứt với sự xuất-hiện của Nhật-Bản trên hầu hết các quốc-gia Đông Nam Á Châu. Khi Nhật tràn sang Đông-Nam-Á sau khi đánh Trân-Châu-Cảng năm 1941 thì người Nhật đã phát-động sau một phản-ứng dây chuyền làm cho hích thống-trị của Âu-châu sụp đổ nhanh chóng ở Đông-Nam-Á. Tại Miến-Điện ngay trước thế-chiến thứ hai, Ông Aung-San và 29 đồng-chí của mình đã bí-mật qua Nhật do sự thoả-thuận của Chính-phủ Nhật-Hoàng để tổ-chức chống lại Đế-quốc Anh. Đến khi Nhật chiếm Miến 1943 thì một chính-phủ độc-lập đầu tiên của Miến do Bác-sĩ Ba Maw cầm đầu với một đạo quân giải-phóng do Nhật huấn-luyện đã long-trọng tuyên-bố Miến-Điện hoàn toàn độc-lập ngày 1-8-1943. Nhưng vì âm-mưu chính-trị của Nhật cho nên tháng 3 năm 1945 Ông Aung-San đã nổi lên chống lại Nhật và về theo đồng-minh. Dưới sự lãnh-đạo của Ông Aung-San tất cả các lực-lượng quốc-gia đều liên-minh lại thành lập "đoàn-thể dân-chúng chống Phát-xít và tranh-thủ tự-do" (Anti, Fascist People's Freedom league, A.F.P.F.L) - Liên-hiệp này đã thương-lượng với Chính-phủ Anh trả lại độc-lập cho Miến vào năm 1948 do thoả-ước Attlee Aung-San ngày 27-1-1947 nhưng vẫn ở trong Khối Liên-hiệp Anh. Chính trong lúc này một số sắc dân đã nổi lên chống đối tân Chính-phủ Miến-Điện vì họ đã không được tham-dự vào công cuộc đàm phán giữa Anh và Miến để duy-trì nền tự trị xưa nay. Dầu sao thoả-ước vẫn được thi-hành. Tháng 4 năm 1947 Quốc-Hội Lập-Hiến được bầu-cử. Trong 285 ghế thì có 210 ghế cho Miến thỉnh thống, 69 cho các sắc dân sơn-cước (Karens, Shan, Mons, Kachin). Ngày 23-5-1947 Quốc-Hội Miến-Điện tuyên-bố : Miến-Điện là một nước Cộng-Hoà hoàn-toàn độc-lập và rút lui khỏi liên-hiệp Anh. Trong thời kỳ rối ren đó nhất là cuộc khủng-hoảng giữa Chính-phủ Trung-ương và các bộ-lạc sơn-cước, Hiến-pháp Miến-Điện đã ra đời ngày

24-9-1947 và rồi Hiệp-ước Attlee-Thakin Nu ký ngày 17-10-1947 thừa nhận nền độc-lập hoàn-toàn của Miến-Điện.

I.- CÁC NHÓM CHỦNG-TỘC TẠI QUỐC-GIA MIẾN

Miến-Điện là một quốc-gia tương đối thưa dân nhất là ở vùng núi, dân-số của quốc-gia này ước khoản 23.664.000 dân (ước tính từ năm 1964) - xem bảng kê dân số sau - Diện-tích của Miến-Điện khoản 261.610 dặm vuông Anh, trong đó khu vực Miến chính thống chiếm 172.500 dặm vuông Anh. Trong tổng số dân-số kể trên thì có chừng 13.342.000 Miến chính thống (Burma Proper), sắc dân Karen có khoản 1.340.000, sắc dân Shan khoản 1 triệu 200.000, sắc dân Kachin có độ 750.000, sắc dân Chin có khoản 400.000, sắc dân Mon khoản 337.000, Ma có khoản 334.533 người... ngoài ra là những bộ-lạc nhỏ không đáng kể như Lahu, Lu, Kadu, Naga, Achang... Thành-phần quốc-gia Miến Điện rất phức-tạp, khu-vực của dân Miến chính-thống ở từ miền Tây Bắc xuống đến miền Tây Nam gồm các miền Sagaing, Mandalay, Magwe, Tennasserim, Arakan, Irrawaddy và Pegu phần lớn nằm dọc theo giòng sông Irrawaddy chạy suốt từ bắc đến nam Miến-Điện. Kỳ dư là các vùng rừng núi nơi cư-ngụ các sắc dân thiểu-số.

- 1)- Vùng cư-trú của sắc dân Karen đông nam giáp Thái Lan.
- 2)- Vùng cư-trú của sắc dân Shan đông và đông nam giáp Trung-Hoa và Lào.
- 3)- Vùng cư-trú của sắc dân Kachin đông bắc giáp Trung-Hoa.
- 4)- Vùng cư-trú của sắc dân Chin tây bắc giáp Đông Hồi và Ấn-Độ.



Phụ nữ Rhadé đang dả gạo

5) - Vùng cư trú của sắc dân Mon giáp với Thái-Lan.

Dân Miến chính thống xưa nay vẫn đóng một vai trò quan trọng trong lịch-sử lập-quốc. Từ thế-kỷ thứ 9 Vua Anawrahta (1044) từ kinh-đô Pagan đã mở rộng giang-sơn về phía đông nam nhưng trong thời-gian này Miến-Điện bị chia xẻ bởi các tiểu-quốc tranh cường mãi đến cuối thế-kỷ thứ 15 mới được hợp nhất dưới các triều vua Ta-binsh-wehti (1531-1550) và Bayinnaung (1550-1581). Kế đó vị vua Alaungpaya of Shwebo (1752-1758) đã lại mở rộng hơn địa-phận xuống tận vùng Ngưỡng-Quang, Kinh-đô hiện tại. Cho tới năm 1885 khi quân Anh xâm lăng thì triều đại cuối cùng của Miến với Theebaw sụp đổ.

Nghiên-cứu lịch-sử Miến-Điện, chúng ta thấy rằng không phải chỉ có người Miến chính-thống liên tiếp thống-trị đất Miến mà các bộ-lạc sơn-cước cũng đã góp phần củng cố lãnh-thổ hiện tại với những khu vực tự-trị lâu đời của họ. Hơn nữa, nhiều sắc dân đã lấn áp cả người Miến chính thống, như ở thế-kỷ thứ 18 sắc dân Mon ở khu-vực sơn-cước giáp giới Thái-Lan đã nổi dậy và hùng cứ ở vùng sơn-cước Miến-Điện và bất kỳ lúc nào, các vùng thiểu-số cũng do các tiểu vương hay tù-trưởng cai-trị theo chế-độ riêng biệt của họ tương-tự như các thuộc quốc Thủy-xá và Hoá-xá tại Cao-nguyên Việt-Nam. Sau khi người Anh xâm chiếm Miến Điện người Anh đã áp dụng chính-sách giữ y nguyên trạng các khu-vực tự-trị của đồng-bào sơn-cước có khi còn củng cố và khuyến-khích quyền tự-trị này qua trung-gian của các hội truyền giáo Anh-quốc. Thực-trạng chính-trị này rất tương đồng với Việt-Nam qua chính-sách cai-trị của người Pháp áp-dụng tại Việt-Nam nói chung và khu-vực sơn-cước nói riêng. Quốc-gia Sedang, liên bang cao-nguyên miền Nam, khu tự-trị Bandon, liên bang Bahnar, Rengao là những thí-dụ lịch-sử của chính-sách chia rẽ để trị của người Pháp trong thời kỳ xâm lăng của Việt-Nam.

Trong thời kỳ kháng Nhật thì các sắc dân kể trên trong đó có Miến chính thống và các bộ-lạc sơn-cước đều

liên-kết trong một phong-trào lấy tên là "Phong-trào chống Phát-xít và tranh-thu tự-do A.F.P.F.L.". Song khi độc-lập đã thành-tựu, sự thống-nhất quốc-gia và dân-tộc gặp rất nhiều khó khăn do những hậu-quả chính-trị của chính-sách cai-trị của Đế-quốc Anh trước kia. Thật vậy nền độc-lập của Miến-Điện dưới hình-thức liên-bang được thiết-lập năm 1948 đó là kết-quả của những quyết-định của Hội-nghị Pangalong tiếp theo những hoạt-động của Ủy-ban đặc-trách thăm dò những vùng ở biên-giới (Frontier Areas Enquiry Commission). Chính những cuộc thảo-luận tại Ủy-ban này đã giúp thuyết-phục các đại-diện của những sắc dân miền núi trong lãnh-thổ Miến-Điện để biểu-quyết một liên-bang với một đa số Miến chính thống. Từ ngày độc-lập năm 1948 Miến-Điện đã trải qua nhiều cuộc rối loạn dưới nhiều hình-thức và cường-độ khác nhau. Trong số những sắc dân sơn-cước nổi loạn có tổ-chức bảo-vệ quốc-gia Karen (K.N.D.O). Tổ-chức bảo-vệ quốc-gia Mon (M.N.D.O) và những nhóm khác bao gồm những nguyện-vọng của các sắc dân Kachin, Shan và Arakanese nhằm thừa nhận như những tiểu-bang độc-lập. Vụ giầy loạn của sắc dân Karen có tính cách nghiêm trọng nhất. Lý do trực-tiếp của cuộc nổi loạn là sự tàn sát một số thường dân Karen đang dự thánh lễ đêm Noel 1948 do Cảnh-sát thị-xã Palaw gây ra; song lẽ nguyên nhân sâu xa là ý muốn tự trị của họ. Mặc dù có một số nhỏ thiểu dân Karen hợp-tác với chính-quyền, phần đông do nhóm cực đoan lồi cuốn đã đòi lập khu-vực Karen thành một quốc-gia tự-trị và độc-lập hay tối thiểu một tiểu-bang với quyền tự-trị rộng rãi trong liên-bang Miến-Điện. Để làm áp-lực cho những yêu-sách của mình, loạn quân Karen chiếm đóng nhiều tỉnh và đã có lần tiến sát vào thủ-đô Rangoon. Chính-phủ trung-ương lúc đầu còn tìm cách thoả-hiệp và thương-lượng song việc nhượng bộ đã không đi đến kết-quả, không chần chờ gì nữa biện-pháp quân-sự đã được quyết-liệt áp-dụng và đẩy lui loạn quân Karen. Tuy nhiên để tránh một cuộc nội-chiến, Chính-phủ trung-ương liền tìm cách điều đình vì rằng sự nổi loạn của sắc dân Karen và sự đàn áp của chính-quyền đã là một phản-ứng dây chuyền kéo theo sự nổi loạn và đòi tự-trị của các sắc dân Mon,

Shan, Kachin, Arakanese... Tháng 10 năm 1948 một Ủy-ban đặc-biệt của Chính-phủ trung-ương được cử tới miền Karen để điều-tra về tình-hình và cứu xét nguyện-vọng của dân thiểu-số tại đây. Sau đó, Chính-phủ tuyên-bố đại xá cho những quân phiến-loạn và Hiến-pháp đã được tu-chỉnh để thành-lập thêm một tiểu-bang tự-trị Karen State (điều 180 Hiến-pháp Miến-Điện). Tuy nhiên, chỉ một số phiến-loạn ra quy-thuận còn thì rút lui vào vùng rừng núi để tiếp tục phá hoại du-kích. Chính-phủ Miến-Điện do Thủ-Tướng U Nu lãnh-đạo đã ban-hành chính-sách khoan-hồng và khuyến-khích quy thuận song lẽ chính-sách này vẫn không ổn-định được tình-hình do đó những cuộc hành-quân tận biên-giới Thái-Lan vẫn phải tiếp diễn để duy-trì an-ninh và trật-tự quốc-gia. Sự nổi loạn của phong-trào Karen cũng tương-tự như sự nổi loạn của phong-trào Fulro 1964 tại Cao-nguyên miền Nam mà thành-phần chủ-chốt là sắc dân Rhadé. Chủ-trương tự-trị của các sắc dân thiểu-số tại Miến cũng như ở tại Việt-Nam đều bắt nguồn ở chỗ dân thiểu-số cảm thấy chính-sách của Chính-phủ đối với họ là một chính-sách hẹp hòi về tài-chánh (sự phân phối lợi tức quốc-gia không đồng đều cho các khu-vực hành-chánh trên toàn lãnh-thổ) và một nền hành-chánh phụ-thuộc (vì thẩm-quyền hành-chánh hầu hết tập-trung trong tay sắc dân đa số như Miến chính-thống và người Việt-Nam ở đàng bằg). Đó có thể coi như là những nguyện-vọng và nhu-cầu của các sắc dân thiểu-số Miến-Điện vì thiếu những điều-kiện căn-bản đó thì công cuộc cải-tiến dân-sinh, nâng cao dân-trí không thể thực-hiện được.

II.- CHÍNH-SÁCH CỦA MIẾN ĐỐI VỚI CÁC SẮC DÂN THIỂU-SỐ

Chính-sách của Chính-phủ Miến-Điện đối với đồng-bào sơn-cước đã dựa trên những yếu-tố địa-lý nhân-văn chính-trị và văn-hoá đặc thù của quốc-gia này.

- Trên phương-diện địa-lý - có thể nói hơn 1/3 diện-tích lãnh-thổ Miến do người sơn-cước trú ngụ.

- Trên phương-diện nhân-văn dân sơn-cước bao gồm 11 nhóm chủng-tộc nói những ngôn-ngữ khác nhau, họ chiếm một tỷ-lệ đáng kể so với dân chúng Miến chính thống :

| | |
|--------------|------------|
| Karen | 1.340.000 |
| Shan | 1.200.000 |
| Kachin | 750.000 |
| Chin | 344.000 |
| Mon | 337.000 .. |

nghĩa là dân Miến chính thống chiếm tỷ-lệ :

13.342.000/23.664.000

- Trên phương-diện chính trị : Nền chính-trị của các bộ-lạc sơn-cước đã được hưởng một quy-chế tự-trị lâu đời. Từ lúc lập quốc, các sắc dân thiểu-số sống dưới các định-chế Sawbaw và tù-trưởng. Định-chế này về sau được củng-cố bởi chính-sách thuộc-địa Anh.

- Trên phương-diện văn-hoá - Ngôn-ngữ phong-tục tập-quán và tín-ngưỡng phần lớn khác biệt với khu-vực đồng bằng, có khu-vực đã phát-triển mạnh-mẽ hơn cả khu-vực của người Miến chính-thống qua công-trình của giáo-hội truyền-giáo Anh-quốc nhất là nhiều nhà lãnh-tụ chính-trị của các tiểu-bang Karen, Chin, Kachin rất cấp tiến và xuất thân từ Thiên-chúa giáo. Những hội truyền-giáo đã đem lại cho các tiểu-bang sơn-cước sức mạnh văn-hoá để quả quyết rằng họ cũng là những hội-viên bình-dẳng với người Miến chính-thống trong cộng-đồng kinh-tế và chính-trị quốc-gia. Công-tác quan-trọng mà giáo-hội thiên-chúa giáo đã xây-dựng cho một số lớn sắc dân sơn-cước là nền móng văn-minh bắt nguồn từ nhà Chung và giáo-hội Thiên-chúa giáo. Nền móng đó là nền móng văn-minh Tây-phương.

Chính vì những yếu-tố đặc-thù đó mà quốc-gia Miến-Điện sau khi thu-hồi độc-lập đã trở thành một liên-

bang bao gồm khu-vực đồng bằng và các tiểu-bang sơn-cước. Hiến-pháp của Miến-Điện có thể coi như là nền-tảng và căn-bản pháp-lý của chính-sách thiểu-số. Vì vậy muốn tìm hiểu chính-sách sơn-cước vụ của Miến-Điện thiết tưởng cần nghiên-cứu xem Hiến-pháp đã quy-định những điều khoản như thế nào về tổ-chức và quyền-hạn của liên-bang, của các tiểu-bang cùng là mối tương-quan giữa các quyền-hạn này.

Như đã trình-bày trên, Miến-Điện là một nước Cộng-Hoà độc-lập hoàn-toàn tự-chủ. Danh-hiệu chính-thức là liên-bang Miến-Điện. Hiến-pháp Miến-Điện ban-hành ngày 24-9-1947 và đã được sửa đổi một lần vào năm 1951 để thành-lập tiểu-bang Karen.

A.- QUYỀN LẬP-PHÁP VÀ HÀNH-PHÁP TẠI TRUNG-ƯƠNG

* QUYỀN LẬP-PHÁP

Quyền Lập-pháp, thuộc Tổng-Thống và Quốc-Hội. Quốc-Hội gồm 2 viện. Viện dân-biểu và viện dân-tộc. Hai viện đều do dân-chúng bầu theo lối phổ-thông đầu phiếu.

Viện dân-biểu.- Số dân-biểu do luật định cứ mỗi vị cho 100.000 dân. Song Quốc-Hội phải cố-gắng định liệu để số dân-biểu phải gấp hai số nghị-sĩ thuộc viện dân-tộc. Nhiệm-kỳ của dân-biểu là 4 năm. Viện có thể bị Tổng Thống giải-tán.

Viện Dân-tộc.- Viện này có thể coi như là Thượng nghị-viện của Anh. Số nghị-sĩ do Hiến-pháp quy-định là 125 người được phân chia như sau :

- 8 cho Miến chính-thống
- 25 đại-biểu của tiểu-bang Shan
- 12 đại-biểu của tiểu-bang Kachin

- 8 đại-biểu của khu-vực đặc-biệt Chin
- 3 đại-biểu của tiểu-bang Kayah
- 14 đại-biểu của sắc dân Karen
- 55 đại-biểu cho các dân-tộc thiểu-số khác.

Viện này được coi như giải-tán nếu Viện Dân-biểu giải-tán. Từ ngày độc-lập tới nay đã có 3 lần Tổng Tuyển-cử. Lần thứ hai vào năm 1956 (27.4). Theo Luật Tuyển-cử 20-10-1955 thì có 250 khu cử-tri cho Viện Dân-biểu và 125 cho Viện Dân-tộc. Hiện nay số ghế ở mỗi viện như sau : Viện Dân-biểu 250 ghế trong đó đảng A.F.P.F.L. chiếm 155 ghế. Viện Dân-tộc đảng này chiếm 56 ghế.

* QUYỀN HÀNH-PHÁP

Tổng-Thống do lưỡng-viện bầu trong phiên họp khoáng đại bằng phiếu kín. Quyền hành của Tổng-Thống bị khống-chế bởi Quốc-Hội qua điều 59 của Hiến-pháp : "Quốc-Hội có thể ủy thặng cho các nhà chức-trách cấp dưới hoặc ngược lại, giao cho Tổng-Thống quyền hành đã do luật định cho các tòa án hay cơ-quan hành-chánh". Ngoài ra, Tổng-Thống có quyền tuyên-bố tình-trạng khẩn-cấp (proclamation of Emergency) theo điều 94 của Hiến-pháp khi tình-thế bị nguy ngập về phương-diện an-ninh quốc-phòng hoặc kinh-tế. Khi đó Quốc-Hội có quyền ban-hành Luật-lệ thay cho các cơ-quan Lập-pháp địa-phương. Tình-trạng đó được giới-hạn trong vòng 6 tháng hay có thể do Quốc-Hội kéo dài thêm 12 tháng nữa.

Chính-phủ liên-bang hành xử phần lớn quyền hành-pháp gồm có Thủ-Tướng và các Bộ-Trưởng. Thủ-Tướng do Viện Dân-biểu tiến cử trong số các nghị-sĩ, lãnh-tụ đủ uy-tín để được đa số tín-nhiệm và do Tổng-Thống bổ-nhiệm. Các Bộ-Trưởng sẽ được lựa chọn trong hàng ngũ các dân-biểu do Thủ-Tướng đề-nghị và Tổng-Thống bổ-nhiệm. Nếu trong 6 tháng liền vị Bộ-Trưởng không còn có chân trong viện dân-biểu thì phải từ chức.

B.- QUYỀN LẬP-PHÁP VÀ HÀNH-PHÁP TẠI ĐỊA-PHƯƠNG

Liên-bang Miến-Điện khi ban-hành Hiệp-pháp gồm có :

- Vùng đồng bằng, khu-vực này cư-trú người Miến chính-thống theo chế-độ chung của liên-bang nghĩa là trực-tiếp dưới quyền Quốc-Hội và Tổng-Thống theo điều 8 Hiến-pháp.

- Các tiểu-bang Shan
- Các tiểu-bang Kachin
- Các tiểu-bang Karenni
- Khu-vực đặc-biệt Chin.

Sau khi thay đổi theo những biến-chuyển vào năm 1948 thì Hiến-pháp Miến-Điện đã được tu-chính năm 1951 và hiện nay có 4 tiểu-bang sơn-cước và một khu-vực đặc-biệt.

- 4 tiểu-bang :
- Shan
 - Kachin
 - Kayah
 - Karen

và khu-vực hành-chánh đặc-biệt :

- Chin

Tiểu-bang Karenni trước kia là tiểu-bang Mongpei thuộc miền liên-quốc Shan (Federal Shan State hồi thuộc Anh) đã được đổi ra là Kayah State với Hiến-chương 1951 và với Hiến-chương này tiểu-bang Karen cũng được chính-thức thành hình. Thật ra tiểu-bang Kayah trước đây thường gọi là tiểu-bang Karenni trong đó có cả sắc dân Karen. Có thể nói sự thay đổi danh-hiệu này xảy ra vào năm 1951 trong một hoàn cảnh chính-trị đặc-biệt giữa các bộ-lạc Kantarawadi, Kyebogyi và Bawlahkê. Lúc bấy giờ phong-

trào Kayah đòi tự-trị và ly khai ra khỏi tiểu-bang Karenni vì một số sắc dân Karen trong tiểu-bang này đã nổi lên chống Chính-phủ Trung-ương. Bộ-lạc Kayah không muốn dính dấp vào phong-trào phản loạn của người Karen năm 1949 và những năm kế-tiếp (1).

Trên phương-diện nhân-chúng, người Kayah tự cho mình là một sắc dân đặc-biệt nằm trong tiểu-bang Karenni. Sự kiện điển hình nhất là nền cai-trị truyền-thống của họ dưới định-chế Sawbaw nghĩa là dưới sự cai-trị trực-tiếp của các tiểu vương tương-tự hệ-thống chính-trị của sắc dân Shan, bắt nguồn từ chế-độ quân-chủ xa xưa của Miến-Điện. Kayah có 3 bộ-lạc chính đó là : Kantarawadi, Kyêbogyi và Bawlahkê, mỗi bộ-lạc đều do một Ông Hoàng lãnh-đạo. Bộ-lạc Kyêbogyi là bộ-lạc ở trung-bộ quốc-gia Kayah đã gia-nhập vào tổ-chức bảo-vệ quốc-gia Karen (K.N.D.O.). Vị tiểu vương trẻ tuổi của bộ-lạc này là Saw Shwe đích thân lãnh-đạo lực-lượng của mình trong phong-trào Karen. Vì đa số dân chúng thuộc bộ-lạc Kyêbogyi không muốn đặt lực-lượng của mình dưới sự chỉ-huy của Ủy-ban Trung-ương của tổ-chức K.N.D.O. và lý do đó đã đưa đến sự bất đồng quan-điểm giữa bộ-lạc này và phong-trào K.N.D.O. Lực-lượng này liền quyết-định rút khỏi tổ-chức và Saw Shwe đã bị tổ-chức K.N.D.O. thủ-tiêu. Trước sự kiện đó, các bộ-lạc Kayah, kể cả hai bộ-lạc không tham-gia phong-trào Karen quyết-định tách ra khỏi tiểu-bang Karenni để lập thành một tiểu-bang tự-trị Kayah trong khuôn-khó luật-lệ quốc-gia Miến-Điện.

Tất cả các tiểu-bang kể trên mặc dù khác nhau nhiều về phương-diện nhân-chúng, ngôn-ngữ, phong-tục song đều có một điểm chung là về phương-diện chính-trị

(1) An example of intra-minority problems : Kayah, Karen and Shan. Southeast Asian tribes, minorities and nations by Peter Kunstadter P. 99 - 1967.

cho tới khi Miến-độc-lập thì các miền đó được các chính-quyền Anh đề biệt-lập đối với vùng dân Miến chính-thống. Phần lớn các sắc dân thiểu-số sống trong vùng sơn-cước giáp giới các lân bang Trung-Hoa, Ấn-Độ, Hồi-Quốc, Thái-Lan... mà trình-độ văn-minh cao thấp không đồng đều do những tiểu vương, tù-trưởng, tộc-trưởng cai-t. i theo chế-độ độc-tài phong-kiến và dưới sự bảo-hộ của người Anh.

Chế-độ liên-bang Miến-Điện có đặc điểm là trong hạn 10 năm kể từ khi ban-hành Hiến-pháp mỗi tiểu-bang có quyền xin rút lui khỏi liên-bang. Đơn xin rút lui phải do Hội-đồng tiểu-bang biểu-quyết thuận trên 2/3 tổng số nghị-sĩ trong Hội-đồng Chủ-Tịch tiểu-bang chuyển đơn lên Tổng-Thống. Tổng-Thống sẽ ra lệnh tổ-chức trưng cầu dân ý (Referendum) tại tiểu-bang liên-hệ và cử một Ủy-ban phụ-trách gồm 1/2 nhân-viên trung-ương và 1/2 nhân-viên địa-phương (điều 203 chương X Hiến-pháp). Trong thực-tế, mặc dù có những phong-trào tự-trị song chưa thấy áp-dụng lần nào điều 203 trên.

Quyền-hạn của các tiểu-bang sơn-cước :

Theo Hiến-pháp Miến-Điện thì các tiểu bang sơn-cước đều được hưởng một quy-chế tự-trị trong liên-bang Miến. Mỗi tiểu-bang đều có quyền lập-pháp và hành-pháp.

Quyền Lập-pháp của tiểu-bang. - Quyền lập-pháp của mỗi tiểu-bang đều nằm trong tay của Hội-đồng tiểu-bang. Hội-đồng này gồm có những đại-diên đã được cử vào viện Dân-tộc. Nếu mất chân ở Viện Dân-tộc thì đồng thời cũng phải thôi việc ở Hội-đồng Tiểu-bang. Hội-đồng thảo-luận và biểu-quyết về các đạo-luật áp-dụng cho tiểu-bang đối với các vấn-đề do Hiến-pháp ấn-định theo danh sách riêng (State legislative List) về các vấn-đề kinh-tế, an ninh, trật-tự, giao-thông, giáo-dục, y-tế, hành-chánh. Hội-đồng Tiểu-bang có quyền quy-định về Hiến-pháp riêng

được coi như là một ước chương miễn là không trái với tinh-thần của Hiến-pháp liên-bang. Tuy nhiên mọi dự-án luật của tiểu-bang đều do Tổng-Thống duyệt ký và ban hành.

Quyền Hành-pháp của tiểu-bang. - Quyền Hành-pháp của tiểu-bang thuộc chủ-tịch tiểu-bang (The head of the State), Chủ-tịch này do Tổng-Thống bổ-nhiệm chiếu đề-nghị của Thủ-Tướng và ý kiến của Hội-đồng Tiểu-bang. Vị này được chọn lựa trong số các Bộ-Trưởng của Nội-các Chính-phủ liên-bang. Như vậy, Thống-Đốc tiểu-bang vừa là đứng đầu hành-pháp địa-phương vừa là thành-phần trong Chính-phủ Trung-ương chiếu các điều 160, 173, 181, 189 của Hiến-pháp. Để phụ giúp cho Chủ-tịch Tiểu-bang, còn có một nội-các tiểu-bang (Cabinet of State Ministers) gồm những Bộ-Trưởng do Hội-đồng Tiểu-bang bầu ngay trong phiên họp đầu tiên. Ở tiểu-bang Karenni hay Kayah thì chỉ bầu 1 hay vài Bộ-Trưởng không gọi là Nội-các.

Chủ-tịch phải hỏi ý kiến Hội-đồng về các vấn-đề quan-trọng và tường trình cho Hội-đồng rõ về tình-hình trong xứ, hoặc đưa ra những khuyến-cáo về các vấn-đề công ích để Hội-đồng cứu xét.

C. - SỰ TƯƠNG-QUAN GIỮA TRUNG-ƯƠNG và ĐỊA-PHƯƠNG

Trên phương-diện lập-pháp, thẩm-quyền của Quốc-Hội liên-bang và của các Hội-đồng tiểu-bang được quy-định trong các danh-sách (legislative list).

Quốc-Hội liên-bang phụ-trách các vấn-đề quốc-phòng, ngoại-giao, tài-chánh và giao-thông liên-bang cùng một số vấn-đề kê khai trong danh sách liên-bang (Union Legislative list).

Các Hội-đồng Tiểu-bang có quyền quy-định về Hiến-pháp riêng, miễn là không trái với Hiến-pháp liên-

bang về các vấn-đề kinh-tế, an-ninh trật-tự, giao-thông, giáo-đục, y-tế, hành-chánh v.v... như đã quy-định trong danh-sách tiểu-bang. Trong tình-trạng khẩn-cấp, Quốc-Hội liên-bang có quyền làm luật về những vấn-đề thuộc danh-sách tiểu-bang và lại các nghị-sĩ Hội-đồng Tiểu-bang chính là các nghị-sĩ Quốc-Hội như đã trình bày ở trên. Ngoài ra các dự-thảo luật của tiểu-bang đều đặt dưới sự duyệt xét và ban-hành của Tổng-Thống liên-bang.

Trên phương-diện hành-pháp, các vị chủ-tịch tiểu-bang là Bộ-trưởng của Chính-phủ Trung-ương nên tuy quốc-gia Miến-Điện tổ-chức dưới định-chế liên-bang nhưng trên thực-tế quyền hành-pháp rất thống-nhất vì hành-pháp tiểu-bang và liên-bang phải theo một đường lối chung và liên lạc rất chặt-chẽ. Đối với khu-vực đặc-biệt Chin (special division of Chin) quyền hành-pháp còn giản-tiện hơn nữa. Ở đây không có chủ-tịch, không có nội-các riêng vì vậy Trung-ương đặt ở đây một vị Bộ-Trưởng của Chính-phủ Trung-ương cai-trị gọi là Bộ-Trưởng Đặc-trách khu-vực Chin (The Minister for Chin affairs).

Trên phương-diện tư-pháp, các tòa án địa-phương chỉ xử sơ-thẩm và lệ-thuộc các tòa trên, tòa thượng-thẩm Rangoon và tối-cao pháp-viện. Chính Hiến-pháp Miến-Điện trong điều 133 đã quy-định rõ : "Trên toàn lãnh-thổ liên-bang quyền tư-pháp theo hệ-cấp sơ-thẩm ở địa-phương và chung-thẩm ở tòa thượng-thẩm trung-ương. Phán-quyết của Tối-cao Pháp-viện có hiệu-lực trên toàn-thể liên-bang.

Tóm lại, chế-độ chính-trị Miến-Điện được phỏng theo hình-thức chế-độ Đại-nghị của mẫu quốc Anh. Quyền hành-pháp trong tay Thủ-Tướng và Nội-các chịu trách-nhiệm trước Viện Dân-biểu, còn Tổng-Thống chỉ có tính-cách nghi lễ. Viện Dân-biểu gồm có 250 nghị-viên nhiệm-kỳ 4 năm. Thượng-viện được mệnh danh là viện Dân-tộc gồm 125 thượng nghị-sĩ đại-diện cho các tiểu-bang. Viện Dân-tộc được coi như Nguyên Lão Nghị-viên (Chamber of Lords) của Anh chẳng

có quyền-hạn gì vì dự-án-luật tài-chánh chỉ có Viện Dân-biểu mới có quyền đề-nghị. Như vậy, Miến-Điện là một liên-bang gồm có Miến-Điện chính-thống và các tiểu-bang của các sắc dân thiểu-số sơn-cước. Tuy các tiểu-bang có quyền bảo-vệ quyền-lợi của mình theo Hiến-pháp kể cả quyền ly-khai khỏi tiểu-bang (the right to secede from the Union), song Hiến-pháp Miến đã thiết-lập một chế-độ tập-trung quyền-hành. Nhưng chế-độ trên đã kết-thúc bởi cuộc đảo-chánh năm 1962 của tướng Newin. Hiện nay cơ-quan cai-trị liên-bang Miến-Điện là Hội-đồng Cách-mạng gồm 17 sĩ-quan do tướng Newin làm chủ-tịch tập-trung các quyền lập-pháp, hành-pháp và tư-pháp. Chính-quyền hiện tại thật ra chẳng có chính-sách nào khác hơn những điều quy-định rõ rệt và tổng quát của Hiến-pháp đối với các sắc dân sơn-cước. Sau cách-mạng 1962 Chính-phủ đã tuyên-tuyên rộng rãi về việc phát-triển văn-hoá, kinh-tế cho các bộ-lạc sơn-cước. Ví dụ Chính-phủ đã thiết-lập những dự-án phát-triển điện-tích trồng trọt trong các vùng Chin, Kachin và cũng đã thiết-lập một hàn-lâm-viện nhằm phát-triển những nhóm chủng-tộc ở Sagaing, sự-kiện này được xem như là công-tác chính-yếu của Chính-phủ nhằm tập hợp khoản 10 người của mỗi sắc dân. Họ sẽ sinh-hoạt với nhau và được huấn-luyện trong vòng 2 năm. Mục-đích của kế-hoạch này là để cho những chủng-tộc khác nhau có cơ-hội để hiểu biết nhau về phong-tục tập-quán và cũng là để làm nảy nở tinh-thần hợp-tác liên-đới trong cộng-đồng quốc-gia Miến.

Xem như vậy, trước Cách-mạng 1962, chính-sách sơn-cước dựa trên liên-bang-chế chỉ là một chế-độ liên-bang hình-thức, trên thực-tế thì đó là một quốc-gia có tổ-chức thống-nhất. Vì rằng tương-quan giữa trung-ương và địa-phương rất chặt-chẽ nhất là quyền trung-ương rất mạnh (luật địa-phương do Tổng-Thống ký, nghị-sĩ tiểu-bang là nghị-sĩ Quốc-Hội liên-bang, Chủ-tịch Tiểu-bang lại là nhân-viên của hành-pháp liên-bang). Nhận xét này phù-hợp với lời tuyên-bố của một chính-khách Miến-Điện : "Hiến-pháp của chúng tôi trên lý-thuyết là liên-bang

song thực ra thì cũng như Hiến-pháp của một quốc-gia có tổ-chức thống-nhất" (2)

III.- NHẬN XÉT CHÍNH-SÁCH THIỂU-SỐ CỦA MIẾN

Như chúng ta đã biết, chính-sách của Miến-Điện đối với các sắc dân sơn-cước là chủ-trương chấp nhận quyền tự-trị cho các sắc dân này. Quyền tự-trị được thể-hiện qua hình-thức liên-bang-che. Chính-sách này bắt nguồn từ ba nguyên-nhân chính :

1)- tỷ-lệ dân-số của đồng-bào sơn-cước đối với dân số Miến-Điện. Có thể nói dân sơn-cước chiếm khoảng 1/4 dân-số liên-bang Miến. Nếu so sánh với Việt-Nam, tỷ-lệ dân số sơn-cước miền Nam trên dân số quốc-gia là $\frac{1}{20}$ nếu theo thống-kê dân số năm 1964 của Unesco (tổng số dân số Nam Việt-Nam là 14.900.000 và các bộ-lạc sơn-cước 642.855) (3).

2)- các sắc dân sơn-cước đã được hưởng từ lâu một sự tự-trị trên thực-tế. Ngoài các thiểu dân cư-trú ở vùng đồng bằng như Shan, Mon và Arakanese, còn các bộ lạc sơn-cước một số lớn (Karen, Kachin) hấp thụ một nền văn-minh Tây-phương qua các hội truyền giáo Thiên-chúa mà trình-độ văn-minh không thua gì người Miến chính thống.

3)- nếp sống khác biệt giữa các bộ-lạc sơn-cước và người Miến chính-thống. Nếp sống đó một phần lớn do nguồn gốc chủng-tộc khác biệt mà phần lớn cũng là do ảnh

(2) "Our constitution, though in theory federal, is in practice unitary" (Chan Htoon, Constitutional adviser Nation 2-7-1952) (Xem The Union of Burma by Hugh Tinker trang 30).

(3) Số thống-kê về dân số sơn-cước được lập bởi Phủ Đặc-Ủy Thượng-Vụ 1965.

hương của nền văn-minh Tây-phương. Sự kiện rõ rệt là một số lớn sắc dân sơn-cước theo Thiên-chúa giáo trong lúc đó Phật-giáo coi như là tôn-giáo chính của người Miến chính-thống. Ở Việt-Nam, nghiên-cứu trên phương-diện phong-tục tập-quán giữa người Kinh và Thượng ta thấy có rất nhiều sự trùng-hợp nếu chúng ta chịu khó so sánh lối sinh-hoạt của dân chúng ở trong vùng nông-thôn và dân sơn-cước. Trên phương-diện tín-ngưỡng, chúng ta không nghĩ rằng đa số hay một tỷ lệ đa số người Việt là Phật-giáo ; đạo giáo trong quảng-đại quần-chúng Việt-Nam là một hệ-thống tín-ngưỡng thờ ông bà tổ tiên và những vật vô hình mang tính-chất nông-nghiệp như tín-ngưỡng của người sơn-cước.

Thật ra thì những nguyên-nhân trên chỉ là những nguyên-nhân trực-tiếp nhưng nguyên-nhân sâu xa của chính-sách liên-bang đang áp-dụng hiện tại là hậu quả của âm mưu chính-trị của quốc-gia bảo-hộ. Chúng ta phải nhìn nhận rằng tình-trạng phân hoá chủng-tộc là tình-trạng chung của hầu hết các quốc-gia Đông Nam Á sau khi văn hội độc-lập và chủ-quyền; chính-sách thuộc-địa với chủ-trương chia để trị thực-sự đã làm cho quốc-gia và dân-tộc mất đi tính-cách thuần nhất. Thủ-Tướng Nehru Ấn-Đô cũng đã từng xác nhận "sự chia rẽ giữa các bộ-lạc thiểu-số là di-tặng của chính-sách chia để trị của thực-dân"(4). Chính-sách của người Anh nhằm giữ nguyên-trạng định-chế xã-hội cổ-truyền của các bộ-lạc sơn-cước chẳng khác gì chính-sách của người Pháp áp-dụng tại Việt-Nam trong hơn nửa thế-kỷ xâm-lăng Việt-Nam. Nếu ở tại Miến-Điện, các khu-vực sơn-cước được đặt dưới quyền cai-trị của toàn quyền Anh-quốc thì ở Việt-Nam Cao-nguyên miền Nam cũng đặt dưới sự thống thuộc của toàn-quyền Đông Pháp. Cái điểm khác biệt đáng lưu ý là suốt trong thời kỳ xâm chiếm

(4) "The separatism of the minorities is merely a legacy of the colonial policy of divide and rule "South east asian tribes minorities and nations" Peter Kunstadter - Princeton university Press 1967 p. 27.

Cao-nguyên miền Nam, người Pháp đã không bao giờ được rảnh tay để nghĩ đến việc giáo-hoá khu-vực sơn-cước và họ phải luôn-luôn đương đầu với các phong-trào kháng-chiến của dân quân sơn-cước hay liên quân Kinh Thượng. Chính-sách của giáo-hội truyền giáo cũng bị dân sơn-cước ngờ vực cho nên các nhà truyền giáo đã không thể tích-cực hoạt-động tại Cao-nguyên Trung-phần. Sự kiện này đã nói lên cái tinh-thần hoà đồng giữa hai vùng sơn-cước và đồng bằng vì vậy mà sau khi thu-hồi độc-lập, tinh-thần đó đã khai thông không mấy khó khăn như tại Miền Điện cho chính-sách sơn-cước-vụ dựa trên tinh-thần hoà-đồng dân-tộc và đồng-tiến xã-hội. Nếu ở tại Miền-Điện, chính-quyền phải giải-quyết tình-trạng phân hoá trầm trọng giữa người sơn-cước và đồng bằng thì ở tại Việt-Nam, sự kiện đó không phải là vấn nạn của Chính-phủ mà mối quan-tâm hiện tại của Việt-Nam là phải giải-quyết tình-trạng chậm tiến, bán khai của đồng-bào Việt-Nam sinh sống tại miền Cao-nguyên.

Giáo-sư Nash (5) cho rằng "những ai lý luận sự phân hoá trong các chủng-tộc Miền là hậu-quả của chính-sách thuộc-địa Anh là những người không hiểu biết rõ ràng tình-trạng các bộ-lạc sơn-cước tại đây và hình như đã dựa vào sự tuyên-truyền của người Miền-Điện chính-thống". Để chứng-minh, giáo-sư Nash cho rằng trong tiến trình văn-minh nếu người nông dân Miền không muốn được đại-diện là chính-quyền Anh thì các bộ lạc Miền cũng không muốn những vị đại-diện của họ là người Miền-Điện. Thật ra nhận định đó mơ hồ không khách-quan vì nếu chúng ta chịu khó so-sánh tình-trạng nhân-chúng của một quốc-gia bị ngoại-bang đô-hộ và một quốc-gia trong quá khứ không bị lệ-thuộc

(5) Most of the people who have argued that tribal unrest is a result of colonialism have not themselves studied the situation among the tribes but instead seem to have relied on information from non-tribal Burmans "Nash Manning". The golden road to modernity : village life in contemporary Burma - New-York... John Wiley and sons. Inc. 1965 p. 93-103.

chẳng hạn Thái-Lan, chúng ta sẽ tìm thấy điểm khác biệt. Dù là một quốc-gia thuần nhất chủng-tộc hay đa tạo nên nền độc-lập và chủ-quyền được ổn cố và toàn vẹn, tình trạng chủng-tộc sẽ ở trong một tình-trạng bình-thường và sự thích-nghi văn-hoá hay sự đồng-hoá, hội nhập giữa thiểu số vào với đa số rất dễ thực-hiện. Tình-trạng bình thường của các nhóm chủng-tộc ở Thái-Lan (Thái Trung-Hoa cũng như các bộ-lạc sơn-cước Karen, Meo, Akha, Htin, Lisu, Lahu, Yao...) là vì Thái-Lan là nước duy nhất ở Đông-Nam-Á không chịu ách thống-trị của Tây-phương và cũng chính vì lý-do đó Thái có một nền quân chủ vững ổn nhất vùng này. Hơn nữa, vào cái thời kỳ mà các nhà thực-dân Tây-phương đổ xô về Châu-Á là lúc mà các cuộc di-cư vĩ-đại trên thế-giới mới chấm dứt, xã-hội loài người đang sống trong một thời kỳ hỗn tạp các biên-giới địa-lý và chính-trị chưa xác-định rõ-rệt, chủ-quyền các quốc-gia chưa được phát-huy trên toàn lãnh-thổ; trong lúc này sự thống-nhất quốc-gia dân-tộc đòi hỏi một điều-kiện tiên quyết là sự độc-lập quốc-gia và chính trong lúc mà xã-hội Á-Châu đang trên con đường ổn định thì người Tây-phương xuất-hiện. Sự xuất-hiện của Tây-phương không thể nào phù-hợp cho quyền-lợi của các quốc-gia bán khai ở đây cho nên hiện-tượng thống-nhất quốc-gia là sự-kiện đáng sợ nhất cho sự thống-trị của Tây-phương lúc đó. Chính vì vậy, mà sự giữ y nguyên-trạng các khu-vực khác nhau trong phạm-vi lãnh-thổ một quốc-gia cũng là sự khuyến-khích nuôi dưỡng ý thức tự-trị trong các khu-vực này là sách-lược của các nhà cai-trị Tây-phương. Vì vậy ngoại trừ Thái-Lan, hầu hết các quốc-gia tại Đông-Nam-Á sau khi thu-hồi độc-lập đều phải giải-quyết chung một vấn đề phức-tạp là làm sao gắn bó cái tinh-thần dân-tộc - đã bị chính-sách chia để trị phân hoá trầm-trọng - trong một nước với tổ-chức quốc-gia để giải-quyết vấn-đề xây-dựng và phát-triển quốc-gia .

Nếu phân-tích tình-trạng nhân-chúng ở Miến-Điện trong thời kỳ Anh-thuộc, giáo-sư Nash sẽ còn thấy một trường-hợp điển hình sau đây. Ở Miến-Điện, sắc dân Kachin

giáp giới Trung-Hoa và Thái-Lan đã may mắn được giáo-hội truyền giáo Anh-quốc đem nền văn-hoá Miến-Điện để giáo-hoá sắc dân này. Giáo-hội Thiên-chúa giáo đã tập-trung các bộ-lạc Kachin ở Bhamo một thị-trấn ở cực Bắc Miến-Điện. Thị-trấn này lúc bấy giờ đã trở thành địa-điểm chính của các nhà truyền giáo Anh-quốc để giáo-dục người Kachin và ngôn-ngữ Miến chính-thống được dùng làm chuyên ngữ. Kết-qua là trong thời-gian tranh-thu độc-lập sắc dân này luôn-luôn hưởng ứng các phong-trào chính-trị của quốc-gia để chống Anh-quốc 1935, chống Phát-xít Nhật năm 1943, 1944, 1945 và tự nguyện đứng vào quốc-gia độc-lập Miến-Điện (6). Sự-kiện điển hình này cho thấy rằng, nếu các quốc-gia bảo-hộ áp-dụng một chính-sách cai-trị đúng đắn nghĩa là không nhằm gây chia rẽ chủng-tộc thì chắc chắn sự phân hoá chủng-tộc và sự tranh-chấp giữa các địa-phương và Trung-ương khó có thể xảy ra được, như vậy chúng ta có thể kết-luận được rằng ít nhất là trong các quốc-gia ở Đông-Nam-Á, sự phân-hoá chủng-tộc trong những quốc-gia bị bảo-hộ sau khi nền độc-lập được văn hồi không thể nói rằng không dính dấp gì đến chính-sách cai-trị của các quốc-gia bảo-hộ.

Vấn-đề đặt ra ở đây là chúng ta nghiên-cứu xem, chính-sách sơn-cước-vụ của Miến-Điện dưới hình-thức liên-bang-chế có thực sự ổn-định tình-hình chủng-tộc và chính-trị tại quốc-gia này và phát-triển các khu-vực sơn-cước trên các phương-diện kinh-tế, xã-hội? Câu trả lời là không! Xuyên qua tình-hình chính-trị của quốc-gia này chúng ta thấy những tranh-chấp chính-trị giữa chính-quyền liên-bang (trung-ương) và các khu-vực sơn-cước (tiểu-bang) thường xuyên xảy ra. Thật ra thì những tranh-chấp này không hoàn-toàn tầm-trọng đến độ phải ly-khai

(6) The Kachin contienned to resist the British until 1935 and then resisted the Japanese....Following the war, they willingly agreed to become a part of an independant Burma
Petor kunstadter - sách dã dân t. 143.

ra khỏi liên-bang Miến-Điện mà chỉ là những đòi hỏi cải-cách trên phương-diện tài-chánh, hành-chánh để tạo những điều-kiện thuận-lợi cho công cuộc cải-tiến dân-sinh và nâng-cao dân-trí của các sắc dân thiểu-số. Nhu-cầu và nguyện-vọng của đồng-bào sơn-cước Miến-Điện hiện tại có thể tóm tắt trong hai vấn-đề sau đây :

- a)- Cần có một sự phân phối đồng đều các tài-nguyên quốc-gia.
- b)- Đồng-bào sơn-cước phải trực-tiếp điều-khiển nền hành-chánh địa-phương.

Nhiều người cho rằng những nhu-cầu và nguyện-vọng căn-bản trên xem ra có vẻ mâu-thuân với chế-độ chính-trị hiện tại của Miến-Điện vì Miến-Điện đang theo đuổi chế-độ liên-bang kể từ ngày thu-hồi độc-lập tới nay nghĩa là các khu-vực sơn-cước đều là những tiểu-bang ở trong liên-bang này hẳn nhiên các tiểu-bang phải được hưởng một quy-chế tự-trị rộng-rãi gần như là quy-chế của một quốc-gia độc-lập. Trên thực-tế các tiểu-bang phải có những quyền sau đây :

- quyền trực-tiếp quản-trị và thi-hành một ngân-sách riêng.
- quyền trực-tiếp điều-khiển nền hành-chánh địa-phương.
- quyền lập-pháp trong phạm-vi tiểu-bang của mình.

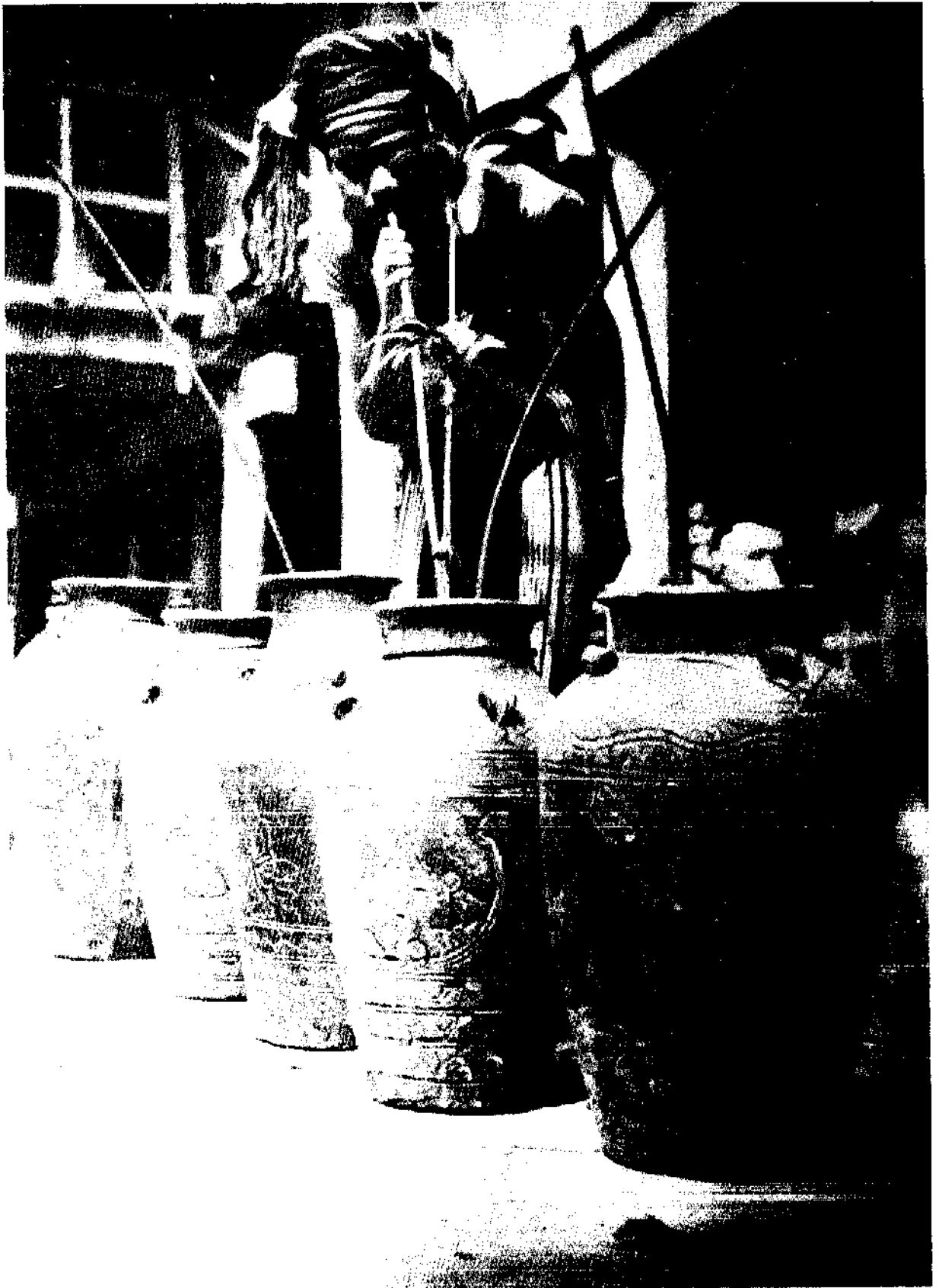
Trên thực-tế như chúng ta đã biết, chế-độ liên-bang tại Miến-Điện chỉ có trên hình-thức vì các quyền-hạn của tiểu-bang đã bị bóp nghẹt, tất cả đều tập-trung vào trong tay trung-ương các quyền lập-pháp, hành-pháp và tư-pháp. Trên phương-diện lập-pháp thì Hội-đồng Tiểu-bang chỉ là một Quốc-hội Liên-bang thu nhỏ lại hay nói cho đúng hơn những nghị-sĩ của Quốc-hội Trung-ương biệt phái xuống địa-phương. Hơn thế nữa mọi dự thảo luật

của tiểu-bang đều do Tổng-Thống phê duyệt và ban-hành dù rằng những vấn-đề này đã được quy-định rõ-rệt trong danh-sách luật của tiểu-bang (legislative state list). Như vậy thì chúng ta thử hỏi vai trò của vị Chủ-tịch hay Thống-đốc tiểu-bang đặt ra để giữ nhiệm-vụ gì ? Ngoài ra trên phương-diện hành-pháp thì Chủ-tịch hay Thống-đốc của tiểu bang chỉ là Bộ-Trưởng của Hành-pháp Trung-ương, vị này phần nhiều được chọn lựa trong hàng ngũ dân Miền chính-thống, do đó khó lòng đi ngược lại chính-sách của trung-ương hay có những đề-nghị cần-thiết và thuận-lợi cho sự phát-triển của tiểu-bang nhưng không phù-hợp với chính-sách của trung-ương. Vị Chủ-tịch này thật ra chỉ là đại-diện chính-thức của cơ-quan hành-pháp trung-ương đóng vai trò nghi lễ và giữ an-ninh trật-tự của tiểu-bang. Ngay cả cái quyền đề-nghị những dự-thảo-luật về tài-chánh cũng được coi như là sáng quyền lập-pháp của quốc-hội liên-bang. Xuyên qua việc phân định quyền-hành giữa liên-bang và các tiểu-bang, chúng ta thấy ngay được rằng người thiểu-số sơn-cước Miền-Điện thật sự chẳng được hưởng quyền tự-trị nào qua định-chế chính-trị này. Chế-độ liên-bang chỉ có danh mà không có thực nhằm xoa dịu nguyện-vọng tự-trị của các bộ-lạc thiểu-số, nó chỉ là một chiến-thuật để củng-cố sự kiểm-soát của trung-ương trên các địa-phương. Lời tuyên-bố trắng trợn của nhà cầm-quyền quốc-gia này chứng-minh điều đó : "Hiến-pháp của quốc-gia chúng tôi trên lý-thuyết là liên-bang song trong thực-tế là Hiến-pháp của một quốc-gia thống-nhất". Nhiều người lấy làm ngạc-nhiên về sự phát-biểu này của nhà cầm-quyền Miền-Điện vì họ đã dám can-đảm nhìn nhận cái "bánh vẽ" mà họ đang dâng hiến cho các bộ-lạc sơn-cước Miền. Chính vì cái bánh vẽ đó mà nội-tình Miền-Điện luôn-luôn bị cấu xé và tình-trạng đó đã đưa đến các cuộc nội-loạn triền-miên giữa Miền-Điện và các sắc dân thiểu-số đến nỗi Miền-Điện đã đi đến việc áp-dụng một chế-độ độc-tài quân phiệt do tướng Newin cầm đầu tập-trung trong tay tất cả các quyền lập-pháp hành-pháp và tư-pháp. Đó là con đường tất nhiên và cuối cùng của một chính-quyền đã không duy-trì nền tảng luân-lý của pháp-luật. Kinh-nghiệm

của Miến-Điện cho chúng ta thấy rằng sự xáo trộn là do chính-sách thiếu thiện-chí và thiếu thành-thật của Miến. Mặc dầu Hiến-pháp của Miến-Điện có dự-trù điều 203 quy-định sự rút lui của tiểu-bang ra khỏi liên-bang Miến-Điện qua một cuộc trưng-cầu dân-ý, Nhưng sự kiện đó chưa một lần xảy ra mặc dầu các sắc dân sơn-cước đang sống dưới một chính-sách bất công về chính-trị và hành-chánh. Cái ý chí muốn sống chung mạnh-mẽ đó đáng lý ra phải được quốc-gia Miến đền-bù bằng sự gột bỏ mặc cảm ngờ vực để áp-dụng một chính-sách sơn-cước-vụ công-bình và hợp-ly hay phát-huy định-chế liên-bang hiện tại để tạo điều-kiện thuận-lợi cho các tiểu-bang phát-triển. Nhiều người cho rằng thà là sống trong một chế-độ độc-tài còn hơn là sống dưới một chế-độ dân-chủ tự-do giả hiệu, cái thứ tự-do để làm cảnh, cái thứ tự-do mà không bao giờ người dân có điều kiện để thực-hiện. Sự kiện đó đang đe dọa trầm trọng trong chế-độ chính-trị ở Miến-Điện và các sắc dân thiểu-số sơn-cước đang trên đường đưa ra những đòi hỏi cực đoan như quyền tham-gia của các tiểu-bang trong công cuộc phân phối lợi-tức quốc-gia nhất là quyền thương-thuyết độc-lập với các quốc-gia bạn trong vấn-đề ngoại-viện (7).

Nếu so sánh chính-sách sơn-cước của Miến-Điện với Việt-Nam chúng ta có những nhận-xét sau : Trên phương-diện chính-trị, để giải-quyết vấn-đề đồng-bào miền núi, Việt-Nam không áp-dụng một chế-độ liên-bang như Miến-Điện mặc dầu trong năm 1965, lãnh-tụ Fulro, Ông Y B'ham Enuol đã có lần yêu-cầu Chính-phủ lập một liên-bang Cao-nguyên Việt-Nam và Cao-nguyên miền Nam tạo thành "Cộng-Hoà liên-bang Việt-Nam". Chính-sách sơn-cước-vụ của Chính-phủ

(7) What the minorities wanted, as a minimum common denominator, was more power to distribute central Government revenue to and within the non-Burman States. There was also talk in the Federalist circles of asking for the right of the states to negotiate independently with foreign governments - ostensibly for foreign economic aid-and this must have appeared a very serious threat to the union. Lehman, F.K. Ethnic categories and theory of social systems. Princeton university press 1967 p. 95.



Người sơn-cước uống rượu cần

Việt-Nam Cộng-Hoà hiện tại dựa trên những điều-khoản minh-thị của Hiến-pháp 1-4-1967 và Sắc-lệnh 033/67 ngày 29-8-1967 thi-hành điều 24 của Hiến-pháp.

Điều 2 và 24 của Hiến-pháp Việt-Nam Cộng-Hoà đã nói rõ : "Quốc-gia công-nhận sự hiện hữu của các sắc-tộc thiểu-số trong cộng-đồng Việt-Nam, chủ-trương sự bình-dẳng giữa các công-dân không phân biệt sắc-tộc, tôn-trọng phong-tục tập-quán của đồng-bào các sắc-tộc và đặc-biệt một đạo-luật sẽ quy-định những quyền lợi đặc-biệt để nâng đỡ đồng-bào thiểu-số". Đạo-luật này đã được soạn-thảo bởi các đại-diện của đồng-bào các sắc-tộc và ban-hành ngày 29-8-1967; Đạo-luật này trên thực-tế đã quân-bình-hoà khả-năng chênh-lệch giữa đồng-bào sơn-cước và đồng-bào đồng-bàng. Để thực-thi chính-sách đã được ghi trong Hiến-pháp và quy-chế riêng biệt 033/67, Chính-phủ đã thành-lập Bộ Phát-triển Sắc-tộc để phụ-trách các công-tác liên-quan đến đời sống của đồng-bào sơn-cước. Hầu hết các cấp chỉ-huy của Bộ này kể cả vị Bộ-Trưởng - Ông Paul Nư sắc dân Bahnar - đều là những thành-phần thuộc đồng-bào các sắc-tộc. Ngoài một số nghị-sĩ và dân-biểu hiện diện tại cơ-quan lập-pháp, người sơn-cước và các sắc dân thiểu-số khác còn có một Hội-đồng sắc-tộc, thiết-lập chiếu điều 97 và 98 của Hiến-pháp, quy-tụ đầy đủ các đại-diện của hầu hết các sắc dân thiểu-số miền Nam để soạn-thảo các dự-án-luật liên-hệ đến sinh-hoạt của đồng-bào các sắc-tộc và cố-vấn cho Chính-phủ và sẽ được Quốc-Hội tham-khảo ý kiến. Dĩ nhiên cả hai chính-sách đều nhằm mục-dịch phát-triển các sắc dân sơn-cước nhưng cả hai quốc-gia đều có những yếu-tố đặc-thù về chính-trị, văn-hoà và hoàn-cảnh xã-hội khác biệt nhau. Do đó mỗi quốc-gia đều áp-dụng một định-chế chính-trị khác nhau và một chính-sách khác nhau đối với đồng-bào thiểu-số. Tuy nhiên, ít nhất trên phương-diện chính-trị, chính-sách sơn-cước miền Nam đã thành-công và kể từ khi nền đế II Cộng-Hoà được thành-lập chưa có một sự xáo-trộn chính-trị nào xảy ra tại Cao-nguyên và cũng chưa có một phản-ứng nào của

đồng-bào sơn-cước nhằm chống lại chính-sách hiện tại của Chính-phủ. Thực ra, chúng ta phải nhìn nhận rằng chính-sách sơn-cước-vụ của Việt-Nam không mang nặng cái mặc-cảm ngờ vực như chính-sách của Miến-Điện do đó người dân sơn-cước Việt-Nam đã được hưởng những quyền-lợi chính-trị tương xứng với khả-năng và vai-trò của họ trong cộng-đồng quốc-gia như :

- quyền tham-gia tích-cực của đồng-bào sơn-cước trong các cơ-cấu lập-pháp từ Trung-ương xuống tận địa-phương.
- quyền tư-pháp được độc-lập và các toà án phong-tục được coi như là những toà án riêng của đồng-bào sơn-cước mà phán quyết của các toà này có tính-cách chung quyết và luật-lệ áp-dụng là luật-lệ riêng biệt của người sơn-cước. Điểm này khác biệt rõ rệt với hệ-thống tư-pháp thống-nhất của Miến-Điện.
- quyền sở-hữu đất đai theo chế-độ Polan đã được tôn trọng qua các sắc-luật do Chính-phủ ban-hành.

Trên phương-diện hành-chánh, cũng như Miến-Điện, nền hành-chánh Cao-nguyên vẫn thống thuộc nền hành-chánh của quốc-gia qua trung-gian các vị Tỉnh-Trưởng và Quận-Trưởng Việt-Nam. Thực ra trên phương-diện này, người sơn-cước Việt-Nam cũng như Miến-Điện chỉ đóng một vai-trò phụ thuộc vì trong hầu hết các tỉnh tại Cao-nguyên chỉ có tỉnh Pleiku là do một sĩ-quan sơn-cước đảm-trách kỳ dư đều nằm trong tay các Tỉnh-Trưởng Việt-Nam. Sự kiện này có thể là do người sơn-cước thiếu khả-năng hành-chánh hay người sơn-cước không có đầy đủ các sĩ-quan cao-cấp có đủ điều-kiện để đảm-nhận vai-trò chỉ-huy hành-chánh trong giai-đoạn chiến-tranh ? Nhưng còn có lý do nào khác hơn nữa như sự dè dặt của chính-quyền xuyên qua các biến-cố chính-trị tại Cao-nguyên từ 1958 đến 1965. Dầu sao thì nền hành-chánh tại vùng sơn-cước nên giao-phó trong tay những người trí-thức sơn-cước có lập-trường quốc-gia vững chắc xuất-hiện từ khu-vực sơn-cước. Và lại

trong giai-đoạn đấu-tranh mắt còn với Cộng-sản, chỉ có người sơn-cước, các hành-chánh-gia sơn-cước mới giúp Chính-phủ bình-định khu-vực này. Ngày nào mà người sơn-cước chưa đóng vai trò chủ-động về chính-trị và nhất là hành-chánh tại Cao-nguyên thì ngày đó Cộng-sản còn có lý do để tuyên-truyền và hứa hẹn.

CÁC NHÓM CHỦNG-TỘC TẠI MIỀN-ĐIỆN

| Chủng-tộc | Dân-số | Vị-trí | Ngôn-ngữ |
|--------------------|-------------------|--------------------------|------------------|
| Miền-Điện | 13.342.000 | Miền-Điện | Tibeto-Burman |
| Karen (Brá, Kayah) | 1.340.000 | Miền, Thái, Trung-Hoa | Sino - Tibetan |
| Shan (Tai, Lữ) | 1.200.000 | Miền, Thái | Tai |
| Kachin | 750.000 | Miền, Thái | Tibeto Burman |
| Trung-Hoa | 400.000 | | Trung-Hoa |
| Chin | 344.000 | | Kuki-Chin |
| Mon | 337.000 | | Mon-Khmer |
| Va | 334.533 | | Mon-Khmer |
| Ấn-Độ | 100.000 | | Ấn |
| Lahu | 66.000 | | Tibeto-Burman |
| Lữ (Thai-lục) | 50.000 | | Tai |
| Akha | 40.000 | | Tibeto-Burman |
| Kadu | 40.000 | | Tibeto-Burman |
| Lisu | 30.000 | | Tibeto-Burman |
| Moken | 5.000 | | Malay Polynesian |
| Panthay | 1.200 | | Tàu |
| Hpon | 1.000 | | Tibeto-Burman |
| Achang | | | |
| Naga | | | |
| Palsung | | | |
| Tổng cộng | 23.664.000 | | |

(Thống kê của Miền-Điện năm 1963)

B.- CHÍNH-SÁCH THIỂU-SỐ CỦA TRUNG-CỘNG

Trước khi đi sâu vào Chính-sách Thiểu-số của Trung-Hoa Cộng-Sản, thiết tưởng chúng tôi cũng xin trình bày những lý do chính sau đây đưa đến việc nghiên-cứu quốc-gia này :

1)- Trung-Hoa Cộng-Sản là một quốc-gia rất lớn với một dân số ước khoảng 600.000.000 người và lại là một quốc-gia có đông đảo chủng-tộc thiểu-số - theo thống-kê mới nhất tổng số dân thiểu-số ước chừng 48 triệu gần gấp ba dân-số Nam Việt-Nam - chia ra làm 50 chủng-tộc khác nhau. Trung-Cộng lại là một cường-quốc trong khối xã-hội chủ-nghĩa và chính-sách thiểu-số của quốc-gia này đã được nhiều quốc-gia cộng-sản Á-Châu trong đó có Bắc-Việt bắt chước (8). Dấu sao chính-sách thiểu-số của quốc-gia này cũng tiêu-biểu cho một trào-lưu tư-tưởng mới mang tính-chất cách-mạng mà việc nghiên-cứu sẽ là dịp để đối chiếu xem chính-sách đó có những điểm tương-đồng dị-biệt nào đối với chính-sách thiểu-số trong các quốc-gia dân-chủ tự-do.

2)- Nhiều học-giả gần đây cho rằng Hoa-lục đã thành-công trong chính-sách chủng-tộc và thành-công hơn cả chính-sách thiểu-số của Trung-Hoa Quốc-Gia (9). Đó cũng là lý-do thứ hai để chúng tôi nghiên-cứu chính-sách

(8) The present chinese system of establishing autonomous areas for minority groups has been copied in North Vietnam. Kunstadter, Peter 1967 Southeast Asian tribes, minorities and nations, trang 149.

(9) "The nationalist government adopted the same method of administration that prevailed in non-minority areas. Consequently, racial disputes were aggravated instead of alleviated. Results - as racial discrimination and oppression have been reduced or eliminated - have proved that the communist way was more clever and practicable than the fact-ignoring approach of the Nationalist-government". DIAO RICHARD K. Minorities and the chinese communist regime p. 199.

này của Trung-Cộng hầu rút được những ưu-điểm, những kinh nghiệm để nếu có thể bổ-túc cho chính-sách thương-vụ hiện tại của chúng ta.

3) - Chúng ta biết rằng Trung-Cộng là một quốc-gia theo chế-độ dân-chủ tập-quyền song lại áp-dụng một chính-sách tự-trị cho những khu-vực thiểu-số. Định-chế chính-trị này gần như là mâu-thuần với chủ-trương tập-quyền Trung-ương của Cộng-sản. Vậy thì việc nghiên-cứu sự thực thi chính-sách thiểu-số cho chúng ta thấy Trung-ương đã hoá giải vấn-đề này như thế nào để một mặt tôn-trọng quyền tự-trị của các chủng-tộc thiểu-số và mặt khác không làm cản-trở hay trái với nguyên-tắc tập-quyền cai-trị, căn-bản của các tổ-chức hành-chánh Cộng-sản.

Chúng tôi sẽ lần lượt phân-tích và trình-bày Chính-sách Thiểu-số của Trung-Hoa Cộng-sản qua bốn tiêu-mục :

- I.- Các sắc dân thiểu-số tại Hoa-lục.
- II.- "Khu tự-trị", căn-bản của Chính-sách Thiểu-số của Trung-Cộng.
- III.- Thủ nghiên-cứu xem Chính-sách Thiểu-số của Trung-Cộng áp-dụng trong một khu tự-trị.
- IV.- Nhận-định về Chính-sách Thiểu-số của Trung-Cộng.

I.- CÁC SẮC DÂN THIỂU-SỐ TẠI HOA-LỤC

Trung-Cộng là một quốc-gia có rất nhiều chủng-tộc khác nhau cùng cư-trú. Ngoài Hán-tộc tức là dân Trung-Hoa chính-thống chiếm đa số, còn có năm mươi (50) chủng-tộc thiểu-số khác. Thế theo những bảng thống-kê chính-thức

1953, tổng số các dân thiểu-số lên đến hơn 35.500.000 người, năm 1957 tăng lên 38.900.000 (như vậy cứ trong vòng 4 năm con số thiểu dân tăng gia khoảng 3 triệu, chúng ta có thể phỏng chừng con số dân thiểu-số hiện ở Trung-Cộng trong năm 1970 có khoảng 48 triệu), chiếm một tỷ-lệ khoảng 6 % của tổng số dân Trung-Cộng.

Những sắc dân thiểu-số trên một triệu người gồm có :

- 1.- Chuang
- 2.- Uighur
- 3.- Hui
- 4.- Yi-hay Lolo
- 5.- Tibetan
- 6.- Miao
- 7.- Manchurian
- 8.- Mongolian
- 9.- Puyi
- 10.- Korean

những sắc dân thiểu-số có từ 500.000 đến dưới một triệu :

- 1.- Tung
- 2.- Yao
- 3.- Pai
- 4.- T'Uchia
- 5.- Kamatk

những sắc dân thiểu-số có từ 100.000 đến 500.000 người :

- 1.- Hani
- 2.- Thai
- 3.- Li
- 4.- Lisu
- 5.- Kawa
- 6.- She
- 7.- Tunghsi-ang
- 8.- Nasi

- 9.- Laku (lahu)
- 10.- Shui
- 11.- Ching-po (Jinghpaw)

những chủng-tộc thiểu-số còn lại có từ vài chục ngàn, vài ngàn hay vài trăm người.

Tuy số lượng không quá lớn lao, nhưng các chủng-tộc thiểu-số lại có mặt rải rác khắp nơi ở lãnh-thổ Trung-Cộng. Thiểu dân đã chiếm cứ khoảng 60 % diện-tích đất đai Hoa-lục là 9.600.000 cây số vuông. Trong số các dân thiểu-số có khoảng 8 triệu hay 20 o/o đều sinh sống thường xuyên ở các đô-thị, thị-xã và các làng xóm khắp nơi trong nước. Thật ra thì nhiều nơi dân thiểu-số thuộc các nhóm khác nhau sống lẫn-lộn : "chẳng hạn sắc dân Hui trú ngụ khắp trên 1.600 hạt (hsiens, country) nghĩa là hiện diện trong khoảng 70 o/o của tất cả các hạt trong lãnh-thổ Trung-Cộng. Cũng như sắc dân Manchurian cư-trú trong 860 hạt; phần lớn thiểu dân Koreans đều tập-trung ở thị-trấn tự-trị (Chou) yen-pien song số ít còn lại rải rác trong các hạt (Hsiens) và thị-xã (Shih) ở những tỉnh phía Đông Bắc và ở Nội Mông (Inner Mongolia). Sắc dân Uzbeks khoảng 13.000 người sinh sống rải rác trên 69 hạt và thị-xã trong khu tự-trị Uighur ở Sinkiang" (Uighur Autonomous Region in Sinkiang) (10) Những vùng tập-trung đông đảo các sắc dân thiểu-số của Trung-Cộng đều ở gần hay trong những vùng biên-giới chẳng hạn như Nội Mông, Sinkiang, Tây-Tạng, Vân-Nam; những khu-vực này rất dồi dào các tài-nguyên thiên-nhiên cũng như rất quan-trọng trên phương diện chiến-lược.

Mỗi một sắc dân thiểu-số đều có những phong-tục tập-quán riêng biệt khác với phong-tục tập-quán của người Hán. Hơn nữa, giữa một số các sắc dân thiểu-số còn có những khác biệt lớn lao trên phương-diện phát-triển kinh-

(10) Kuang-ming daily, Peking, February 22, 1957.

tế và văn-hoá, thêm vào đó các sắc dân còn ngờ-vực và kỳ-thị nhau do đó việc kiểm-soát của chủng-tộc thiểu-số thật là khó khăn cho chính-quyền Trung-Cộng. Vấn-đề chỉ-đạo các chủng-tộc thiểu-số được Trung-Hoa Cộng-sản coi như là một vấn-đề sinh-tử trong công cuộc thống-nhất quốc-gia. Thật vậy, "sự củng-cố và phát-triển chế-độ Cộng-sản Bắc-Kinh tùy thuộc phần lớn vào việc cai-trị hữu-hiệu các chủng-tộc thiểu-số trong nước" (11).

(11) "The consolidation and further development of the communist regime depends very much on whether the national minorities can be effectively ruled" Diac Richardk Minorities and the chinese communist regime p. 171.

Bảng kê dân-số/vị-trí địa-lý/nghề-nghiệp, tôn-giáo và ngôn-ngữ của các chủng-tộc thiểu-số tại Trung-Cộng (12)

| Sắc dân | Dân số | Vị-trí | Nghề-nghiệp | Tôn-giáo | Ngôn-ngữ |
|------------|-----------|-------------------------------|-------------------|-------------------------|----------------------------------|
| | (13) | | | | |
| Chuang | 7.785.414 | Trung-Cộng | Nông-nghiệp | Thần-giáo | Tai |
| Uighur | 3.901.205 | Nga-Hoa | Nông-nghiệp | Hồi-giáo | Altaic : Turkic |
| Hui | 3.934.335 | Nga/Hoa/ Miến/Thái/ Lào | Nông-nghiệp | Hồi-giáo | Trung-Hoa |
| Yi | 3.264.432 | Hoa/Lào/ Bắc-Việt | Nông-nghiệp | Thần-giáo | Tibeto- Burman |
| Tibetan | 2.775.622 | Hoa/Hồi/Ấn | Chăn nuôi | Lạt-ma giáo | Tibeto- Burman |
| Miao | 2.687.590 | Hoa/Lào/ Thái/Việt | Nông-nghiệp | Thần-giáo | Miao-yao |
| Manchurian | 2.430.561 | Trung-Hoa | Nông-nghiệp | Thần-giáo | Altaic : Tunguso- Mãn-châu |
| Mongolian | 1.645.695 | Hoa Nga | Nông/chăn nuôi | Lạt-ma giáo | Altaic : Mông Cổ |
| Puyi | 1.313.015 | Trung-Hoa | Nông-nghiệp | Thần-giáo | Tai |
| Korean | 1.255.551 | Hoa/Đại- Hàn | Nông-nghiệp | Phật/Thiên chùa giáo | Đại-Hàn |
| Tung | 125.323 | Trung-Hoa | Nông-nghiệp | Thần-giáo | Tai |
| Yao | 747.985 | Hoa/Việt/ Thái/Lào | Nông-nghiệp | Thần-giáo | Miao-yao |
| Fai | 684.386 | Trung-Hoa | Nông-nghiệp | Thần-giáo | Tibeto- Burman |
| B'Uahia | 603.773 | Trung-Hoa | Nông-nghiệp | Hồi-giáo | Tibeto- Burman |

(12) Anon - 1964 Atlas of the peoples of the world, Moscow, institute of Ethnography, and Academy of Sciences, U.S.S.R.

(13) China News Analysis weekly newsletter Hongkong (569 : 2-3, June 18, 1965)

| Sắc dân | Dân số | Vị-trí | Nghề-nghiệp | Tôn-giáo | Ngôn-ngữ |
|-------------|---------|------------------------------------|-------------|----------------|---------------------|
| Kazakh | 533.160 | Nga-Hoa | Chăn nuôi | Hồi-giáo | Altaic : Turkic |
| Hani | 549.362 | Hoa/Việt/ Miến | Nông-nghiệp | Thần-giáo | Tibeto- Burman |
| Thai | 503.616 | Hoa/Thái/ Lào/Bắc- Việt/Miến | -nt- | Phật-giáo | Tai |
| Li | 395.556 | Trung-Hoa | -nt- | Thần-giáo | Kadai |
| Lisu | 316.465 | Hoa/Miến/ Thái | -nt- | -nt- | Tibeto- Burman |
| Kawa | 286.158 | Hoa Miến | -nt- | Phật-giáo | Mon-khmer |
| She | 226.697 | Trung-Hoa | -nt- | Thần-giáo | Miao-yao |
| Nung | 200.000 | Hoa/Bắc- Việt | -nt- | -nt- | Tai |
| Tung hsiang | 159.345 | Trung-Hoa | -nt- | Hồi-giáo | Altaic- Mông-Cổ |
| Nasi | 155.748 | -nt- | -nt- | -nt- | Tibeto- Burman |
| Laku | 183.103 | Hoa/Miến/ Thái Lào | -nt- | Phật-giáo | -nt- |
| Shui | 160.313 | Trung-Hoa | -nt- | Thần-giáo | Tai |
| Chingpo | 101.852 | Miến/Hoa/ Hồi/Thái | -nt- | -nt- | Tibeto- Burman |
| Kirghiz | 68.862 | Nga-Hoa | Chăn nuôi | Hồi-giáo | Altaic : Turkic |
| Tu | 63.259 | Trung-Hoa | Nông-nghiệp | Lạt-ma giáo | Altaic - Mông-Cổ |
| Daghor | 50.121 | Trung-Hoa | -nt- | -nt- | -nt- |
| Molao | 44.679 | Trung-Hoa | -nt- | Thần-giáo | Tai |

| Sắc dân | Dân số | Vị-trí | Nghề-nghiệp | Tôn-giáo | Ngôn ngữ |
|---------|--------|-------------------|-------------|--------------------|-------------------------------------|
| Ch'iang | 42.955 | Trung-Hoa | Nông-nghiệp | Thần giáo | Tibeto Burman |
| Pulang | 41.595 | Hoa Miến | -nt- | Phật-giáo | Mon Khmer |
| Salar | 31.923 | Trung-Hoa | -nt- | Hồi-giáo | Altaic : Turkie |
| Russian | 20.000 | Nga Hoa | -nt- | Chính-thống Nga | Into-Euro- poan |
| Ch'ilao | 20.000 | Hoa/ Bắc-Việt | -nt- | Thần-giáo | Kadai |
| Sibo | 21.405 | Trung-Hoa | -nt- | | Altaic : Tunguso Man- churian |
| Maonan | 24.239 | Trung-Hoa | -nt- | -nt- | Tai |
| Achang | 17.741 | Miến Hoa | -nt- | Phật-giáo | Tibeto Burman |
| Tadjik | 15.014 | Nga Hoa | Du mục | Hồi-giáo | Indo Euro- mėan |
| Uzbek | 13.000 | Nga Hoa | Nông-nghiệp | Hồi-giáo | Altaic : Turkie |
| Nu | 13.724 | Trung-Hoa | -nt- | Lạt-ma giáo | Tibeto Burman |
| Tatar | 6.000 | Nga Hoa | Công-nghệ | Hồi-giáo | Altaic : Turkie |
| Ahwenke | 7.245 | Nga Hoa | Săn bắn | | Altaic : Tunguso Man- churian |
| Solon | 4.900 | Trung-Hoa | Du-Mục | | -nt- |
| Paoan | 5.516 | Trung-Hoa | Nông-nghiệp | -nt- | Altaic : Mông cổ |
| Ching | 4.444 | Hoa/Việt/ Miến | Ngư-nghiệp | Thiên-ohúa | Việt Mường |

| Sắc dân | Dân số | Vị-trí | Nghề-nghiệp | Tôn-giáo | Ngôn-ngữ |
|----------|--------|-----------|-------------|-------------|-----------------------------------|
| Yuku | 4.617 | Trung-Hoa | Du-mục | Lạt-ma giáo | Altaic : Tunkic |
| Penglung | 6.309 | Trung-Hoa | Nông-nghiệp | Phật-giáo | Mon-Khmer |
| Oronchon | 2.459 | Trung-Hoa | Săn bắn | Thần-giáo | Altaic : Tunguso Manchurian |
| Tulung | 2.763 | Trung-Hoa | Nông-nghiệp | -nt- | Tibeto Burman |
| Hoche | 575 | Nga Hoa | Ngư-nghiệp | | Altaic : Tunguso Manchurian |
| Pumi | 15.000 | Trung-Hoa | Nông-nghiệp | -nt- | Tibeto Burman |
| Kutsung | 4.000 | Trung-Hoa | không rõ | không rõ | -nt- |

II. - "KHU TỰ-TRỊ", CĂN-BẢN CỦA CHÍNH-SÁCH THIỂU-SỐ TRUNG-CỘNG

Chính-sách căn-bản của chính-quyền Trung-Cộng đối với các sắc dân thiểu-số được thể-hiện qua định-chế khu tự-trị. Thật ra chính-sách này là do Trung-Cộng thu thập được tại Liên-bang Sô-Viết và đã được biến-đổi cho phù-hợp với những điều-kiện của Trung-Cộng (14). Định-chế "khu tự-trị" cho phép các sắc dân thiểu-số thiết-lập Chính-phủ riêng của mình và hành xử những quyền-hành dưới sự lãnh-đạo của Đảng Cộng-sản Trung-Hoa và của Chính-phủ Trung-ương - Khác với hệ-thống chính-trị của Sô-Viết, Nga-Sô minh-thị nhìn nhận cho các sắc dân thiểu-số quyền tự-

(14) "This policy is largely based on experience learned from the Soviet Union, but modified according to conditions in China". Dia Richard K. sách đã dẫn trang 171.

quyết và cả quyền ly khai ra khỏi liên-bang Sô-Viét, chính sách thiểu-số của Trung-Cộng lại đặc-biệt nhấn mạnh rằng lãnh-thổ tự-trị của các chủng-tộc thiểu-số là những thành phần bất khả phân của Hoa-Lục.

21.- Các loại khu tự-trị :

Thế theo "Bản cương-lĩnh các nguyên-tắc tự-trị trong các vùng thiểu-dân cư-trú" ban-hành năm 1952, các vùng tự-trị của đồng-bào thiểu-số được chia làm ba loại :

- khu tự-trị do một sắc tộc duy nhất cư-trú.
- khu tự-trị gồm một sắc dân chiếm đa số và nhiều sắc dân thiểu-số khác.
- khu tự-trị gồm hai hay nhiều sắc dân.

Trong những năm đầu của chế-độ Cộng-sản Trung-Hoa, tất cả những nơi có thiểu-dân tập-trung cư-trú, không kể lớn nhỏ đều được gọi là "những khu tự-trị". Sau khi Hiến-pháp 1954 ban-hành, những vùng thiểu-dân tùy theo kích-thước hành-chánh được chính-thức phân chia thành các :

- Khu tự-trị (autonomous region)
- Thị-trấn tự-trị (autonomous chou)
- Hạt tự-trị (quận) (autonomous hsiens)

Danh hiệu "khu" tương-đương với một tỉnh, "chou" tương-đương với một thị-trấn và hsiens tương-đương với một hạt hay quận hành-chánh. Hiện tại, ở Hoa-lục có :

- 5 khu tự-trị
- 29 thị-trấn tự-trị
- 65 hạt tự-trị,

được thành-lập sau đây :

| Số tt | | Các sắc tộc | Dân số | Ngày lập |
|----------|---|--------------|---------------------|------------|
| | a) - <u>Các khu tự-trị</u> : | | | |
| 1 | Inner Mongolia | 11 chủng tộc | 11 ^t 700 | 1-05-1947 |
| 2 | Uighur | 13 " | 4 ^t 870 | 1-10-1955 |
| 3 | Chuang | 11 " | 19 ^t 500 | 5-03-1958 |
| 4 | Ningsia Hui | 4 " | 1 ^t 820 | 25-10-1958 |
| 5 | Tibetan | 4 " | 1 ^t 270 | 22.04-1956 |
| | b) - <u>Các thị-trấn tự-trị</u> (special districts) | | | |
| 1 | Yen-pien Korean | 6 chủng-tộc | 1 ^t 019 | 3-09-1952 |
| 2 | Kan-nan Tibetan | 6 " | 0 ^t 340 | 1-10-1953 |
| 3 | Lin-hsia Hui | 7 " | 0 ^t 810 | 15-11-1956 |
| 4 | Hai-pei Tibetan | 6 " | 0 ^t 130 | 31-12-1953 |
| 5 | Hai-nan Tibetan | 6 " | 0 ^t 200 | 15-12-1953 |
| 6 | Huang-nan Tibetan | 4 " | 0 ^t 077 | 22-12-1953 |
| 7 | Yu-shu Tibetan | 4 " | 0 ^t 100 | 12-02-1952 |
| 8 | Kuolo Tibetan | 2 " | 0 ^t 065 | 1-01-1954 |
| 9 | Hai-hsi Mongolian Tibetan and Kazakh | 7 " | 0 ^t 100 | 25-01-1954 |
| 10 | I li Kazakh | 13 " | 1 ^t 000 | 29-11-1954 |
| 11 | K'o-tzu-lo-su Kirghiz | 11 " | 0 ^t 180 | 14-09-1954 |
| 12 | Ch'ang-chi Hui | 13 " | 0 ^t 098 | 15-07-1954 |

| Số tt | | Các sắc tộc | Dân số | Ngày lập |
|----------|-----------------------------------|--------------|--------|------------|
| 13 | Pa-vin-kuoleng Mongol | 12 chủng-tộc | 1t057 | 23-06-1954 |
| 14 | Po-er-t'a-la Mongol | 13 " | 0t041 | 15-07-1954 |
| 15 | Hsiang-hsi T'u chia and Miao | 6 " | 1t800 | 16-09-1957 |
| 16 | Hai-nanli and Miao | 4 " | 0t691 | 01-07-1952 |
| 17 | Kan-tzu Tibetan | 4 " | 0t540 | 25-12-1950 |
| 18 | A-pa Tibetan | 5 " | 0t520 | 01-01-1951 |
| 19 | Liang-shan I | 3 " | 0t860 | 01-10-1952 |
| 20 | Ch'ien-tung-nan Miao and T'ung | 7 " | 1t960 | 23-07-1956 |
| 21 | Ch'ien-nan Pu-i and Miao | 8 " | 1t949 | 08-08-1956 |
| 22 | Tchung Thai and Ching-Po | 9 " | 0t400 | 24-07-1953 |
| 23 | Hsi-shuang Pan-na | 14 " | 0t320 | 23-01-1953 |
| 24 | Hung-Ho Ha-ni and I | 12 " | 1t880 | 18-11-1957 |
| 25 | Nu-Chiang Li-su | 17 " | 0t220 | 23-08-1954 |
| 26 | Ti-ch'ing tibetan | 7 " | 0t170 | 13-09-1954 |
| 27 | Ta-li Pai | 9 " | 1t600 | 22-11-1956 |
| 28 | War-shan Chuang and Miao | 7 " | 1t400 | 01-04-1958 |
| 29 | Ch'u-hsung I | 10 " | 1t670 | 15-04-1958 |

| | | | | |
|----|---------------------------------|------|---------------------------------------|------|
| | c)- <u>Các hạt tự-tri</u> | 20 | Hsun-hua salar | 1954 |
| 1 | Ta-ch'ang Hui | 1954 | 21 Ho-nan Mongol | 1954 |
| 2 | Meng-ts'un Hui | 1954 | 22 Pa-li-k'un Kazakh | 1954 |
| 3 | O+lun-ch'un | 1951 | 23 L'a-shih-k'u- erh-kan Tadzhik | 1954 |
| 4 | Mo-li-ta-wa Ta-hu-erl | 1958 | 24 Mu-lei-kazakh | 1954 |
| 5 | O-wen-k'ò | 1958 | 25 Yen-ch'i Hui Ho- pu-k'ò-sai-erh | 1954 |
| 6 | Fou-hsin-Hui | 1957 | 26 Mongol | 1954 |
| 7 | K'ò-la-ch'in Tso-i Mongol | 1957 | 27 Ch'apu-ch'a ers sobo | 1954 |
| 8 | Ch'ang-pai Korean | 1958 | 28 Chiang-hua yao | 1955 |
| 9 | Ch'ien-kuo-erh- lossu Mongol | 1956 | 29 Ch'eng-pu Miao | 1956 |
| 10 | Tu-erh-po-t'e Mongol | 1956 | 30 Hsin-huang T'ung | 1956 |
| 11 | Chang-chia-ch'uan Hui | 1955 | 31 T'ung-tao T'ung | |
| 12 | T'ien-chu Tibetan | 1955 | 32 Lien-shan Chuang and Yao | 1958 |
| 13 | Sunan yu-ku | 1954 | 33 Lien-Nan Yao | 1953 |
| 14 | Supei Mongol | 1950 | 34 Ju-yuan Yao | 1956 |
| 15 | A-k'ò-sai Kazakl | 1954 | 35 Tung-hsing | 1957 |
| 16 | Tung-hsiang | 1950 | 36 Chin-chow chuang | 1957 |
| 17 | Hu-chu T'u | 1954 | 37 Tu-an yao | 1955 |
| 18 | Hua-Lung-Hui | 1954 | 38 Pa-ma Yao | 1955 |
| 19 | Men Yuan Hui | 1953 | 39 Lung Lin | 1953 |

| | | | | | |
|----|--------------------------|------|----|---------------------------------|------|
| 40 | Ta-miao-shan Miao | 1955 | 53 | Kong-ma Thai and K'awa | 1955 |
| 41 | Ya-yan shan-yao | 1952 | | | |
| 42 | San-chiang T'ung | 1952 | 54 | Li-chiang Nashi | 1958 |
| 43 | Lung-sheng | 1951 | 55 | Ning-lang I | 1956 |
| 44 | Mu-li Tibetan | 1953 | 56 | Ho-k'on yao | 1963 |
| 45 | Mao-wen-ch'iang | 1958 | 57 | P'ing-pien Miao | 1958 |
| 46 | Yen-yuan I | 1964 | 58 | Chiang-ch'eng Hani and I | 1954 |
| 47 | Sung-t'ao Miao | 1956 | 59 | Lan-ts'ang La-hu | 1953 |
| 48 | Chen-ning Pu-i and Miao | 1963 | 60 | Meng-lien Thai La-hu and k'a-wa | 1954 |
| 49 | Wei-ning I, Hui and Miao | 1954 | 61 | Kung-shan Tu-lung and Nu | 1956 |
| 50 | San-tu shui | 1956 | 62 | Wei-shan I and Hui | 1960 |
| 51 | O-shan I | 1951 | 63 | Nan-chien I | 1963 |
| 52 | Ts'ang-yuan k'a-wa | 1958 | 64 | Hsi-meng k'a wa | 1965 |
| | | | 65 | Lu-nan I | 1957 |

Trong khi bên ngoài nhà cầm-quyền Hoa-lục cho thấy sự quan-tâm lớn lao của họ trong sự bình-dặng chính-trị, xã-hội của các sắc dân thiểu-số và nhất là trong việc đề-cho người thiểu-số đóng vai trò chủ-nhân, song le ít ai để ý đến thực-chất của chính-sách này. Thật ra, chính-sách thiểu-số của Trung-Cộng bao gồm bốn điểm căn-bản sau :

a) - Những sắc dân thiểu-số cư-ngụ tại đô-thị và các quận thôn quê (rural districts) không được hưởng chế-độ tự-trị.

b) - Hán dân (dân Trung-Hoa chính-thống) đều không ngớt được khuyến-khích và nâng đỡ đến trụ ngụ trong những khu-vực tự-trị của dân thiểu-số với mục-tiêu tối hậu là chiếm một "đa số Trung-Hoa". Sự di-cư của Hán-tộc vào những khu-vực tự-trị của Thiểu-dân, theo sự giải-thích của nhà cầm-quyền Trung-Cộng "Đem sự lợi ích cho cả hai giới trên phương-diện xây-dựng các khu tự-trị cũng như trên phương-diện đoàn-kết các dân-tộc quốc-gia" (15). Song động-cơ đích thực của chính-sách di-dân hiển nhiên là chủ-trương của Trung-Cộng nhằm kiểm-soát chặt-chẽ các chủng-tộc thiểu-số và lần-lần đồng-hoá họ. Chúng ta có thể lấy những ví-dụ cụ-thể để minh-chứng âm-mưu đồng-hoá này.

Ở Nội Mông, người Mông-Cổ gồm khoảng 1/8 dân-chúng trong khu-vực, trong lúc đó dân Hán (Trung-Hoa chính-thống) chiếm hơn 50 o/o và những sắc dân thiểu-số khác chỉ khoảng 1 o/o tổng-số dân (16). Tại các thị-trấn tự-trị Ha-ni và Yi ở tỉnh Vân-Nam, sắc dân thiểu-số Ha-ni chiếm 14 o/o, sắc dân Yi chiếm 18 o/o, 11 sắc dân thiểu-số khác chiếm khoảng 1 hay dưới 2 o/o trong khi đó thì dân Hán chiếm gần 50 o/o tổng số dân trong các thị-trấn tự-trị này (17). Chủ-trương này của Trung-Cộng đã thành-công vì bằng vào thống-kê 1960 trong tổng-số dân của tất cả các khu tự-trị là 63 triệu, dân Trung-Hoa chính-thống chiếm hết 36 triệu. Ngoài âm-mưu đồng-hoá, chủ-trương này còn

(15) Report by Li-wei-han to the second enlarged conference of the Central Nationalities Affairs Commission, held on December 21, 1951.

(16) "Nhân-Dân nhật báo" Bắc-Kinh 31-01-1963.

(17) Nhân-Dân nhật báo, Bắc-Kinh 7-15-1959.

có tác-dụng là sắp đặt một cách chuyên-chế những khu tuyến cử tương-lai có lợi cho công cuộc kiểm-soát các khu-vực tự-trị trong trường-hợp người Trung-Hoa lọt vào và chiếm tỷ-lệ đa số trong các cơ-quan lập-pháp và hành-pháp khu-vực tự-trị (18).

c)- Tổng-số dân Mãn-châu (Manchurians) khoảng trên một triệu song lẽ chỉ riêng sắc dân thiểu-số này đã không có một Chính-phủ tự-trị cho sắc dân họ ở mọi cấp bậc hành-chánh. Chính-quyền Cộng-sản đã không quên rằng người Mãn-châu đã trị vì Trung-Hoa rất lâu và sắc tộc này có một sự liên hệ gần-gũi với Hán-tộc và so ra thì họ cũng văn-minh hơn cả dân Hán. Để đề-phòng và ngăn cản sắc dân này đạt đến sự độc-lập chính-trị, theo quan-điểm của nhà cầm quyền Cộng-sản, cần phải từ chối không cho dân Mãn-châu quyền tự-trị.

d)- Nhằm hoàn tất mục-đích chia để trị, chính-quyền Hoa-lục đã quyết-định đặt dân chúng cùng một sắc tộc dưới sự cai-trị của những chính-quyền tự-trị khác nhau. Một trường-hợp rất rõ rệt là trường-hợp của dân Tây-Tạng, sắc dân này có hơn 2 triệu 700.000 người ở Trung-Cộng, song lẽ họ sinh sống rải rác ở các vùng Kansu, Tsinghai, Szechwan, Yunnan và Tibet. Đáng lý ra nhà cầm-quyền Hoa-lục phải chấp-thuận cho họ tập-trung trong một vùng và thiết-lập một khu tự-trị tại Tây-Tạng, trái lại Trung-Cộng đã đưa sắc dân thiểu-số này đến sinh sống trong chín thị-trấn tự-trị kế cận (neighboring autonomous chous) như :

(18) The success of the policy of encouraging Han migration to minority regions is shown by the fact that by 1960 the total population in autonomous areas was sixty-three million, of which the majority, thirty-six million, was Chinese. China-News-Analysis weekly newsletter 5.63 Hồng-Kông.

| | |
|-----------|--------------------|
| Kan-nan | của tỉnh Kansu |
| Hai-pei | |
| Hai-nan | |
| Haung-nan | |
| Yu-shu | |
| và Kuo-lo | của tỉnh Tsing Hai |
| Kantzu | |
| và Apa | của tỉnh Szechwan |
| Ti-ch'ing | |

của khu tự-trị Tây-Tạng.

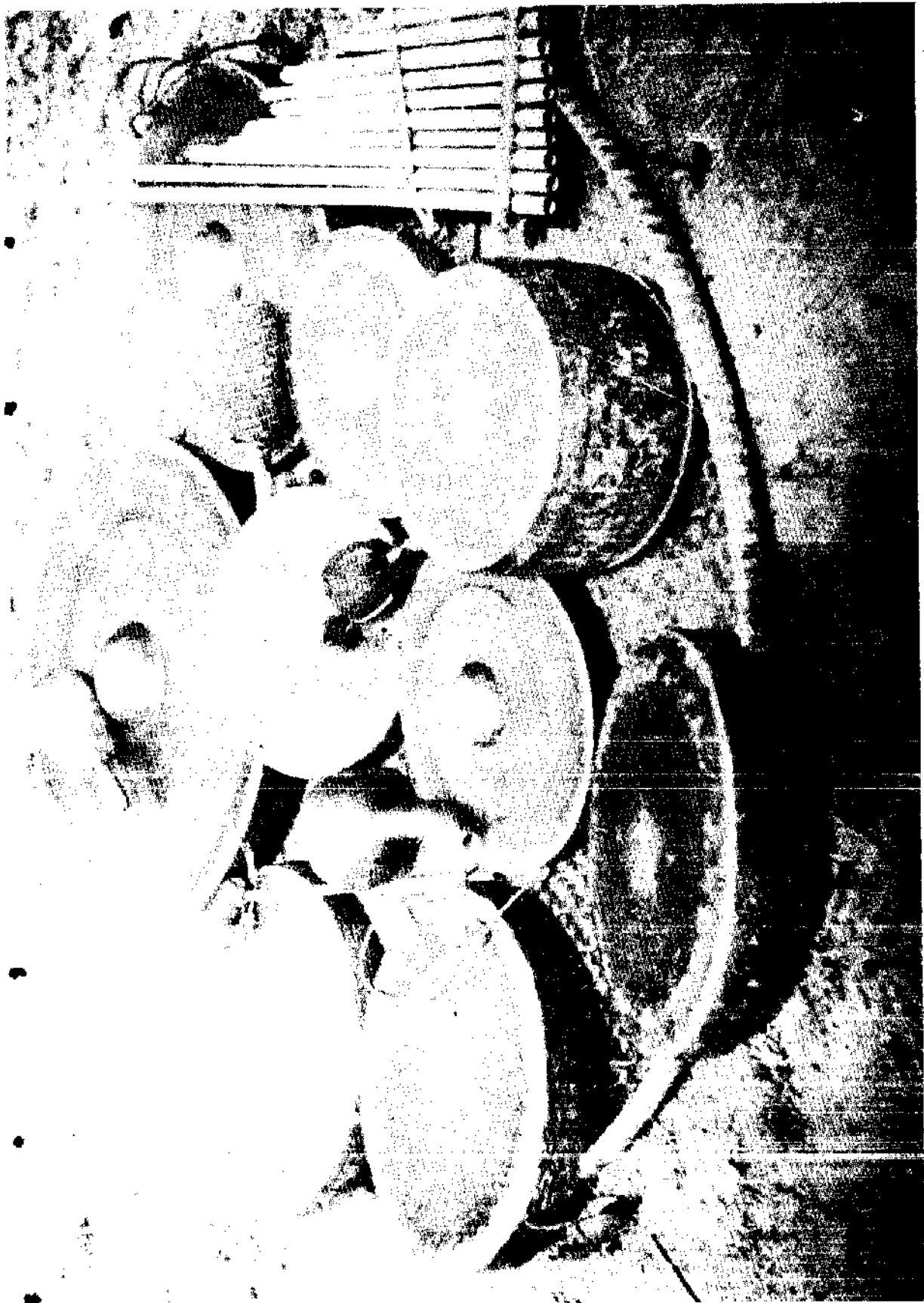
22.- Chính-phủ tự-trị và các quyền hạn :

Giống như bất cứ chính-quyền địa-phương nào khác ở đồng-bằng, Chính-phủ tự-trị được thiết-lập trên căn-bản của "nguyên-tắc dân-chủ tập-quyền" (democratic-centralism) và quốc-dân nghị hội (people's congress). Theo danh xưng, một Chính-phủ tự-trị có quyền-hành lớn hơn một ủy-ban quản-trị của một đơn-vị hành-chánh tương-tự ở một vùng không có dân thiểu-số. Thế theo sự quy-định của điều 70 của Hiến-pháp Trung-Cộng, các cơ-quan của chính-quyền tự-trị tại ba cấp bậc :

- khu (region)
- thị-trấn (chou)
- hạt (hsien)

ngoài việc được hưởng quyền hành xử sự tự-trị, còn có quyền :

- a)- quản-lý tài-chánh trong giới-hạn của quyền-hành cho phép.
- b)- tổ-chức các lực-lượng an-ninh công-cộng trong khu-vực phù-hợp với hệ-thống tổ-chức quân-đội của quốc-gia.



Nhạc cụ của người sơn-cửu

c) - thiết-lập những luật-lệ để hành xử sự tự-trị cũng như những pháp-quy đặc-biệt và đệ-trình cho ủy-ban thường-trực của quốc-hội để chấp-thuận. Trong thực tế, những cơ-quan tự-trị thường cảm thấy bị trói tay bởi những hạn-chế do Đảng Cộng-sản đưa ra cho Quốc-hội và nguyên-tắc dân-chủ tập-quyền trung-ương là một lý-do thường hữu để đặt tất cả hoạt-động của các chính-quyền địa-phương tự-trị cũng như không tự-trị dưới sự lãnh-đạo thống nhất của Đảng Cộng-sản Trung-Hoa.

Chúng ta thử nghiên-cứu và phân-tích xem bằng kỹ-thuật nào mà những hạn-chế được đưa ra cho các cơ-cấu tự-trị ?

1) - Thế theo luật bầu-cử của Cộng-sản Trung-Hoa, các quốc-dân hội-nghị ở mọi cấp đều được thành-hình qua cuộc bầu-cử, nhưng sự phân-phối các đại-biểu phải dựa trên dân-số. Như vậy, số đại-biểu đại-diện chung-tộc chính yếu sẽ rất nhỏ nếu trong khu-vực tự-trị đó dân thiểu số chủ yếu chiếm tỷ-lệ nhỏ so với các chung-tộc khác. Như vậy trong trường-hợp của Nội Mông, các đại-biểu Mông-Cổ, dưới những điều-kiện như vậy (người Mông-Cổ chỉ chiếm 1/8 dân chung trong khu tự-trị Nội Mông, Trung-Hoa chiếm + 80 o/o...) đương nhiên bị khống-chế bởi dân Trung-Hoa và không thể làm gì hơn để cho tiếng nói của họ được lưu ý ở các nghị hội, Quốc-hội. Nếu chính-quyền Trung-Cộng hứa hẹn để cho dân thiểu-số đóng vai trò chính, thực-sự chỉ là từ ngữ trống rỗng.

2) - Những đại-biểu của các sắc dân thiểu-số quốc-gia cũng bị những khó khăn tương-tự tại những Hội-đồng dân-cử địa-phương. Trong phần lớn các vùng có thiểu dân ở, nhiều chung-tộc sống chung với nhau thành thử Hội-đồng thường gồm đầy đủ thành-phần chung-tộc liên-hệ. Trên nguyên-tắc, chức-vụ chủ-tịch của chính-quyền cấp khu nằm trong tay của vị lãnh-đạo của sắc tộc chính của khu-vực,

còn hậu hết các chức-vụ khác như Phó Chủ-tịch Hội-đồng, Phó Chủ-tịch Chính-phủ, Phó Thẩm-phán, và các Quận-trưởng, Hạt-trưởng đều do người Trung-Hoa đảm trách hay do những thành-phần của các sắc dân thiểu-số khác. Trong trường-hợp của Nội Mông, Chủ-tịch của Hội-đồng đầu tiên ở Nội Mông là người Mông-Cổ nhưng trong số 7 vị Phó Chủ-tịch của Hội-đồng chỉ có 3 là Mông-Cổ, số còn lại do người Trung-Hoa (Hán) đảm trách. Trong số 37 nghị-viên của Hội đồng thì 16 Mông-Cổ, 1 Hui, 1 Mãn-châu và 19 Trung-Hoa (19). Thật ra chỉ nhìn vào các con số những đại-biểu, không cho chúng ta thấy được thực chất của chính-sách thiểu-số của Trung-Cộng vì ngay cả các đại-biểu được coi như thuộc sắc dân Mông-Cổ ở trong chính-quyền Nội Mông họ cũng đã bị Trung-Hoa-hoá từ vật-chất đến tinh-thần. "Các vị này không còn nói tiếng Mông-Cổ nữa, họ ăn mặc và hành-động như một người Trung-Hoa" (20). Hội-đồng nhân-dân dưới những điều-kiện như vậy làm sao hành xử nhiệm-vụ và quyền-hạn của mình để nâng đỡ và bảo-vệ quyền-lợi của các sắc dân thiểu-số. Chúng ta không lấy làm ngạc nhiên khi thấy người Mông-Cổ đã hoai công trong quá khứ tập-trung tất cả những cộng-đồng ở Nội-Mông thành các quận Mông-Cổ, quận gồm Mông-Cổ và Hán-Tộc, và các quận Hán-tộc với hy-vọng tách rời họ với các quận Hán-tộc vì "những người Mông-Cổ đã là chủ-nhân của các lãnh-vực của họ nhưng không thể cai-quản lãnh-vực này như những chủ-nhân" (21).

3) - Thế theo nguyên-tắc dân-chủ tập-quyền cá-nhân phải tuân phục tập-thể, cơ-quan địa-phương phục-tùng cơ-quan trung-ương và tất cả những cơ-quan địa-phương phải

(19) Jen-Min Jih-Pao-Peking 6-5-1955.

(20) *Most of the representatives who are supposed to be ethnic Mongols in the Inner Mongolian government have 'become Chinese', they no longer speak Mongolian, and they dress and act like Chinese" Rupen, Robert A. The M.P.R. and I.M. 1964 - China news Analysis 540 : 1.7, 13 November.

(21) "The Mongolians have become heads of the house-hold, but cannot run the household as master" Inner Mongolia daily, 14-11-1957.

được đặt dưới sự lãnh-đạo duy nhất của chính-quyền trung-ương cũng như thực-thi các nhiệm-vụ và quyền-hạn dưới sự chỉ-huy và giám-thị của những cấp bậc cao kế cận. Nguyên tắc điều-hành căn-bản này cũng được áp-dụng cho tổ-chức của các chính-quyền tự-trị thiểu-số. Khi một quyết-nghị liên-quan đến quyền-lợi của một chung-tộc thiểu-số do một đơn-vị hành-chánh nào đó của chính-quyền tự-trị dự-thảo, quyết-nghị đó có thể bị phủ-quyết hay không chấp-thuận ở đơn-vị hành-chánh cao hơn. Chẳng hạn, khi Hội-đồng nhân-dân hạt Molitawa ở Nội Mông biểu-quyết một nghị-quyết yêu-cầu thiết-lập thị-trấn tự-trị Dagher bao gồm ba hạt (Molitawa, A-Jung, Pu-t'e-ha ở Nội Mông và một phần đất của các hạt Tsi-tsi-har, Lung-chiang và Fu-ch'iu ở Heilung-kiang), dự án quyết-nghị đó đã bị bác bỏ bởi đơn-vị hành-chánh cao hơn (22).

4)- Vai trò của Đảng Công-Sản trong công cuộc lãnh-đạo tối cao. Tất cả quyền-hành hiện tại của chính-quyền địa-phương trên danh-nghĩa do Quốc-hội (people congress) và Hội-đồng (people council) điều-hành song thực tế đều nằm trong sự không-chế của đảng ủy địa-phương (local party committees) những ủy-ban này luôn-luôn được đặt dưới sự kiểm-soát chặt-chẽ của cục chính-trị (political Bureau) và của Ủy-ban Trung-ương của Đảng Công-sản Trung-Hoa. Bất cứ quyết-định quan-trọng nào của chính-quyền địa-phương phải được sự chấp-thuận tiên quyết của đảng ủy địa-phương. "Không có quyết-định bất cứ điều gì có thể được hoàn thành không hoàn-toàn làm đúng theo quyền-lợi và ý muốn của Đảng Công-sản nhất là trên các phương-diện tài-chánh và quân-lực" (23). Nói cách khác "chính-quyền tự-trị địa-phương chỉ được phép hành xử

(22) Xem Nhân-dân nhật báo - Bắc-Kinh 26-02-1958.

(23) "No decision whatsoever can be made without fully complying with the interest and desire of the communist party, especially on matters concerning finance and the armed forces" Diáo Richard K. sách đã dẫn 175.

nhiệm-vụ và quyền-hạn của mình trong những giới-hạn quy-định bởi chính-trị cục và Trung-ương Đảng Bộ và không phải bởi Hiến-pháp Hoa-lục" (24). Như vậy việc nghiên-câu Hiến-pháp của Trung-Cộng không thể nào phản-ảnh trung thực chính-sách của Trung-Cộng đối với các chủng-tộc thiểu-số.

Tóm lại, chính-quyền tự-trị chỉ còn được quyền hành xử nhiệm-vụ và quyền-hạn về những vấn-đề phong-tục, tập-quán, hôn-nhân và tín-ngưỡng; cơ-quan này được phép thực-hành những quy-chế đặc-biệt chiếu những điều-kiện thực-tế địa-phương và đệ-trình quy-chế này cho ủy-ban thường-trực của Quốc-Hội để phê-chuẩn.

23.- Vấn-đề Quốc-gia-hoá dân thiểu-số :

Vấn-đề Quốc-gia-hoá đồng-bào thiểu-số của các chính-quyền tự-trị được coi như chủ-trương quan yếu nhất của chính-quyền Cộng-sản nhằm củng-cố mối tương-quan giữa chính-quyền với các chủng-tộc thiểu-số, thực-thí tinh-thần liên-đới hợp-quần giữa các chủng-tộc và nhất là củng cố chế-độ Cộng-sản. Vì vậy ba khía cạnh chính của chủ-trương trên là :

- việc đào-tạo cán-bộ thiểu-số
- việc sử-dụng ngôn-ngữ
- sự tham-gia của thiểu-dân trong các cơ-cấu lập-pháp và hành-pháp.

a) - Vấn-đề đào-tạo cán-bộ thiểu-số. - Năm 1950, chính-quyền Hoa-lục đã ban-hành "kế-hoạch thí-nghiệm

(24) "The local autonomous government may exercise its functions and power only within the limits prescribed by the Political Bureau and the Central committee of the party, and not by the constitution".
Diaol Richard K. sách đã dẫn trang 175.

đào-tạo những cán-bộ thiếu-số". Kế-hoạch dự-trù huấn-luyện một số lớn cán-bộ thiếu-số trong những trung-tâm huấn-luyện quốc-gia sẽ được thiết-lập gồm các trường trung-học thiếu-số, các trường cán-bộ và kỹ-thuật. Kế-hoạch cũng quy-định việc vận-động các thanh-thiếu-niên thiếu-dân theo học ở các trường trung-học tráng-niên và thiếu-niên. Với sự giúp đỡ tích-cực của Chính-phủ, kế-hoạch này đã thu-hoạch những kết-quả cụ-thể mau chóng bằng chứng là sự gia-tăng số cán-bộ được huấn-luyện người thiếu-số. Thế theo những thống-kê chính-thức năm 1949, số sinh-viên thiếu-số theo học các trường Đại-học chỉ vào khoảng 600, năm 1963 chỉ riêng tại trường Đại-học thiếu-số quốc-gia, số sinh-viên đã lên đến con số 1086 (25). Tháng 05-1961, 8 trường Đại-học thiếu-số ở Hoa-lục đã cấp pháp-bằng tốt-nghiệp cho 41.973 sinh-viên đại-diện cho 50 sắc dân thiếu-số ngoài ra còn có 12.716 sinh-viên đang theo học (26).

Các cán-bộ sắc dân thiếu-số năm 1949 có khoảng 10.000, 1952 tăng lên 100.000, 1959 là 480.000 và 1963 là 500.000. Sự tăng gia có thể khoảng gấp 50 lần nếu so sánh tổng-số cán-bộ thiếu-số trong năm 1949. Trong tổng số đó, trên 100.000 là các cán-bộ kỹ-thuật, các giáo-viên tiểu-học, trung-học, các nhân-viên y-tế và vệ-sinh, các chuyên-viên văn-hoá và nghệ-thuật, các thông-dịch-viên; số lớn còn lại phần đông giúp việc cho Chính-phủ trong các cơ-quan tự-trị địa-phương (27).

Những con số trên cho thấy rằng con số cán-bộ gia-tăng khoảng :

(25) China News service (CNS) Hồng-Kông 29-1-1964.

(26) Nationalities solidarity (N.S.) monthly 6-9-1961.

(27) Kuang Ming daily (KMD) Peking, 28-9-1963.

90.000 giữa 1950-1952

300.000 giữa 1953-1957

80.000 chỉ trong 1 năm giữa 1957-1958.

Tốc-độ gia-tăng đã chậm lại sau 1958, trung-bình chỉ khoảng vài ngàn hàng năm. Sự sa sút sau năm 1958 có thể do sự khủng-hoảng kinh-tế bắt nguồn từ sự thất-bại của "bước nhảy vọt" nhưng cũng có thể chính-quyền Cộng-sản đã trở nên thận-trọng hơn trong công cuộc bành-trướng lực-lượng những cán-bộ thiếu-số do đó bắt buộc chiết giảm việc huấn-luyện. Hiện tại tỷ-lệ các cán-bộ thiếu-số trong một vài khu tự-trị nhiều hơn số-lượng các cán-bộ Hán-tộc cũng trong những khu-vực đó. Như vậy, cũng có thể rằng công cuộc huấn-luyện cán-bộ thiếu-số đã đạt đến mức độ cần-thiết và vừa đủ. Chương-trình huấn-luyện hiện tại của Trung-Cộng chỉ nhằm đến phẩm hơn là lượng. Nhiều cố gắng ghi nhận được cho thấy Hoa-lục đang cố đào-tạo những cán-bộ kế-nghiệp cách-mạng vô-sản trong số các chủng-tộc thiếu-số. Đối với đồng-bào thiếu-số, "chỉ khi nào một Chính-phủ được điều-hành bởi những cán-bộ thiếu-số mới có thể gọi là chính-quyền của thiếu-dân" (28); trái lại chính-quyền có thể tốt đẹp nhưng không phải là chính-quyền của thiếu-dân. Do đó để thuận-lợi cho công cuộc cai-trị các thiếu-dân, một số cán-bộ thiếu-số đã phải được cần trọng huấn-luyện để thay thế các cán-bộ Hán-tộc. Chương-trình huấn-luyện luôn-luôn nhấn mạnh đến sự quan-trọng của yếu-tố nhân-bản và lập-trường giai-cấp. Trong việc chọn lựa các ứng-viên, yếu-tố và điều-kiện cần-bản là "đạo-đức" còn khả-năng và bằng cấp chỉ là thứ yếu. "Đanh-tử đạo-đức phải được hiểu theo quan-điểm của Cộng-

(28) "Only when a government is run by the cadres cadres of its own people can it be called a government of its own". Jen. Min Jih. Pao, Peking 14-6-1951.

sản là quá-trình lý-lịch của một người, mức-độ trung-thành đối với Đảng Cộng-sản về "ý-thức cách-mạng" (29). Hiện tại, những đứa trẻ thuộc các thành-phần địa-chủ, phú-nông, phản cách-mạng, hủ-hoá và thiên-tả rất khó có may mắn được chấp nhận theo học các bậc đại-học ; tình-trạng của những đứa trẻ thuộc gia-đình tiểu-tư-sản cũng tương-tự.

Nguyên-tắc chấp-nhận vào các trường đại-học quốc-gia thiếu-số quy-định rằng trước hết các ứng-viên phải là những thành-phần đã từng tiếp tay trong cuộc đấu-tranh cách-mạng và đã hoạt-động ít nhất cho cách-mạng trên hai năm. Một báo cáo đăng trong tạp-chí "Đoàn-kết các chủng-tộc" số 10 năm 1959 đã tiết-lộ rằng ; "Hiện tại, có khoảng trên 500.000 đảng-viên. Đảng Cộng-sản Trung-Hoa là thiếu-số và trên 900.000 đoàn-viên thiếu-số trong "Đoàn thanh-niên Cộng-sản (young communist league). Những con số này gần gấp ba lần nhiều hơn tổng số các "cán-bộ thiếu-số". Điều này cho thấy rằng phần lớn các "cán-bộ thiếu-số đã không được lựa chọn trong số dân thường song được cân-trọng lựa chọn từ các đảng-viên và đoàn-viên Thanh-niên Cộng-sản Đoàn" hay trong các thành-phần có tác-phong tốt đối với "Đảng cũng như đối với thanh-niên Cộng-sản Đoàn", những thành-phần được coi là trung-kiên của chế-độ Cộng-sản.

Ở Sinkiang, "nhiều dân-tộc thiếu-số coi những cán-bộ cùng chủng-tộc mình như là những con chó săn của chính-quyền Trung-Cộng" (30) người Mông-cổ "gọi các cán-

(29) "The term 'morality' refers to the individual's family background, his revolutionary awareness, and the degree of his loyalty to the Party".

Patterson, George N. Recent chinese policies in Tibet and towards the Himalayan border states. The china quarterly, 1962 December : 191-202.

(30) "Many of the minority people considered cadres of their own nationalities as 'running-dogs' of the chinese". Nhân-Dân nhật báo phát-hành ở Bắc-Kinh 26-12-1957.

bộ Mông-Cổ là (những tên phản-bội chủng-tộc) và ngay cả việc xem những cán-bộ lão luyện Mông-Cổ như những người Trung-Hoa cải dạng thành dân Mông-Cổ để dễ-dàng kiểm-soát dân Mông-Cổ" (31).

Ở Kansu, người Huis gọi các cán-bộ Huis là "bọn phản-bội" đã bán rẻ tín-ngưỡng của mình để vinh thân" (32). Mặc dầu chính-quyền Cộng-sản tuyên-bò rằng vấn-đề quốc-gia-hoá thiểu-dân của các chính-quyền tự-trị phải chú ý đến việc xử-dụng các cán-bộ thiểu-số, chính-quyền Trung-Cộng cũng còn nhấn mạnh rằng... "con số cán-bộ và công-nhân thiểu-số đối với con số các cán-bộ và công-nhân địa-phương đã gần đạt được tỷ-lệ hợp-lý giữa các chủng-tộc thiểu-số và tổng số dân địa-phương" (33). Trên thực-tế, nhiều khu-vực thiểu-số bao gồm nhiều chủng-tộc khác nhau và dân Trung-Hoa - Hán-tộc - thường chiếm đa số. Tỷ-lệ cán-bộ Trung-Hoa và các cán-bộ thiểu-số dĩ nhiên đem đến thắng lợi cho Trung-Hoa. Các cán-bộ thiểu-số trong hoàn-cảnh đó chỉ được giữ những vai-trò thứ yếu trong chính-quyền.

Ví dụ : Tổ-chức chính-quyền tự-trị Nội Mông. Các cán-bộ Mông-Cổ được bổ-nhiệm trong các cơ-cấu dưới sự quản-lý của Hội-đồng Nhân-dân chỉ gồm khoảng 9,9 o/o, các cán-bộ Trung-Cộng 90 o/o. Trong những cơ-quan quan-trọng, tỷ-lệ cán-bộ Mông-Cổ còn ít hơn. Trong phân-ủy an-ninh công-cộng, cán-bộ Mông-Cổ chỉ chiếm khoảng 5,2 o/o, Ngân-

(31) "The Mongolians called the Mongolian cadres (racial renegades) and even viewed the veteran Mongolian cadres as-actually chinese who have disguised themselves as Mongolians to exercise control over the Mongolians "Nội Mông Nhật Báo" phát-hành ngày 14-11-1957.

(32) In Kansu, the Huis called the Hui cadres "traitors" who sell their religion for personal glory" Kuang Ming Daily-Peking 17-01-1958.

(33) Kuang Ming Daily-Peking 29-03-1957.

hàng 5,9 o/o, Thương-mãi 4,3 o/o. Trong các cơ-cấu không quan-trọng, cán-bộ thiểu-số lại chiếm tỷ-lệ cao hơn 50,5% trong ngành văn-hoá và thể-thao, 47 o/o trong ủy-ban phụ-trách vấn-đề chủng-tộc, 33,3 o/o văn-phòng đặc-trách các vấn-đề tôn-giáo.

Các cán-bộ thiểu-số không phải chỉ có số lượng ít ỏi và giữ những chức-vụ thứ yếu trong những cơ-cấu không quan-trọng, họ còn bị những cán-bộ Trung-Cộng qua mặt và chỉ được coi như nhằm tác-dụng phô-trương, làm cảnh cho kế-hoạch gọi là quốc-gia-hoá dân thiểu-số (34). Thật vậy, nếu một cán-bộ thiểu-số được giữ một chức-vụ cao, các cán-bộ Trung-Hoa dưới quyền thường có thái-độ tự-tôn, coi thường cấp chỉ-huy thiểu-số. Tình-trạng này nhan nhản khắp các khu tự-trị. Kuang-Ming nhật báo ngày 14-12-1956 cũng đã cho thấy rằng : "Tại hạt tự-trị (Hsien) Tây-Tạng T'ien-chu ở tỉnh Kansu, ở đó có 1 viên hạt-trưởng và ba phụ-tá. Một phụ-tá người Trung-Hoa nắm hết các công-việc. Tất cả các cán-bộ phải thỉnh-thị chỉ-thị của y. Vị chủ-tịch và các vị phụ-tá khác vì là sắc dân Tây-Tạng được coi như bất lực, thiếu khả-năng giải-quyết công việc. Cán bộ Trung-Hoa này cũng không bao giờ hỏi chỉ-thị nơi vị chỉ-huy Tây-Tạng vì vậy tất cả nhàn rỗi suốt ngày. "Nhật báo này cũng tiết-lộ một trường-hợp khác như sau "Ma-Kuo-Han, chỉ-huy hạt tự-trị Tung-Hsiang - cũng tỉnh Kansu - là một người thuộc sắc dân Tung-Hsiang và rất có khả-năng. Ông ta được sự kính nể của dân-chúng ở địa-phương này. Song Hsueh Chen-wu, một người Trung-Hoa, phụ-tá, không tin-tưởng vị Chủ-tịch Tung-Hsiang, nên ông này gặp khó-khăn trong công-tác. Mặc dù Ma Kuo-Han là chỉ-huy của chính-quyền địa-phương song y chỉ thỉnh-thoảng mới được thông-báo về những diên tiến của công-vụ".

(34) The minority cadres were not only smaller in number and given only minor posts in the less important organs, they also were ignored by the Chinese cadres, who took them to be nothing more than decorations on the facade of "minority nationalization".
Kuang Ming Daily (KMD) 14-12-1956.

b) - Việc sử-dụng ngôn-ngữ :

Thế theo điều 3 của Hiến-pháp, các sắc dân thiểu-số đều được phép, không phân biệt, sử-dụng thổ-ngữ của mình để viết cũng như nói. Thổ-ngữ không những chỉ để dạy trong các trường học thiểu-số mà còn được sử-dụng chung với tiếng Trung-Hoa trong sự giao-dịch chính-trúc bởi các chính-quyền tự-trị.

Trong năm 1949, đã có khoảng 17 thổ-ngữ viết được trong đó chỉ có tiếng Mông-Cổ, Tây-Tạng, Mãn-Châu và Đại-Hàn được dùng rộng-rãi còn vì dân-số của các thiểu-dân khác quá ít sự sử-dụng thổ-âm của họ cũng rất hạn-chế. Được coi như là bước đầu tiên trong việc nâng đỡ chính-sách thiểu-số, chính-quyền đã thực-hiện những cố-gắng không ngừng để phát-minh và cải-tiến bản chữ viết của các sắc dân thiểu-số. Đầu năm 1951, chính-quyền Trung-Cộng đã quyết-định thành-lập những bản chữ viết cho những thổ-ngữ trước đây không có chữ viết và cải-tiến các thổ-ngữ còn thiếu sót hay không được hệ-thống-hoá. Cho đến 1956 chương-trình này đã thu-hoạch được nhiều tiến-bộ khi những cuộc chuẩn-bị và sưu-tầm cần-thiết đã được thực-hiện và một số cán-bộ chuyên-môn đã được huấn-luyện đầy đủ. Hiện tại, vì dùng bản chữ viết tương-tự tiếng Trung Hoa nên trong tương-lai rất dễ-dàng cho các sắc dân học ngôn-ngữ Trung-Cộng. Chính-quyền Cộng-sản cũng để ý đặc-biệt đến sự phổ-biến thổ-ngữ kể cả các bản chữ viết mới.

"Từ 1952 đến 1958 có 9050 cuốn sách được ấn-hành trên 97.353.000 bản, xuất-bản bằng tiếng Mông-Cổ, Tây-Tạng, Uighur, Chuang, Puyi, Miao, Korean, Yi, Li, Thai, Kazakh, Kirghiz, Sibo, Lisu, Chingpo, Laku, Kawa và Hani. Thêm vào đó khoảng 70 (bảy mươi) nhật-báo và tạp-chí xuất bản cùng một lúc ở Tây-Tạng, Mông-Cổ, Uighur, Kazakh, Chuang; Korean, Kirghiz, Thai, Chingpo, Lisu và Sibo"(35)

(35) "Nationalities solidarity" Peking xuất-bản 6-17-1959.

Ngoài ra, nhiều chương-trình tiếng thổ-ngữ được phát-thanh bởi các đài phát-thanh trung-ương và địa-phương, nhiều cuốn phim được chuyển âm bằng tiếng thổ-âm và nhiều vở kịch được viết bằng thổ-ngữ bởi các văn-hào và nghệ-sĩ thiếu-số.

Trái với tinh-thần của chính-sách này, người Huis và Mãn-châu rất đông đảo không được phổ-biến chữ viết, ngôn-ngữ cũng như việc nghiên-cứu truyền-thống văn-hóa của họ. "Các sắc dân này được chính-quyền Hoa-lục khuyến-kích học và sử-dụng tiếng Trung-Hoa, như vậy nhằm tăng-gia mau chóng chương-trình đồng-hóa của Cộng-sản. Thái-độ này chứng tỏ Cộng-sản Trung-Hoa sợ rằng các sắc dân này có tham-vọng chính-trị và tranh-đấu đòi độc-lập" (36).

Trong khi bề ngoài việc phổ-biến rộng-rãi các thổ-ngữ rất phù-hợp với chương-trình quốc-gia-hóa, song bên trong Cộng-sản lợi-dụng để phổ-biến các tư-tưởng chỉ đạo của Mao-Trạch-Đông và cũng được coi như là phương-tiện chủ yếu để giáo-dục tư-tưởng cho đồng-bào thiếu-số.

Để hạn-chế các phản-ứng chống lại sự kiểm-soát của chính-quyền Trung-Cộng và để de-dàng cho con đường xâm nhập của Đảng, chính-quyền Cộng-sản cho phép các chính-quyền tự-trị địa-phương được thành-lập những tổ-chức dưới hình-thức cộng-đồng về phong-tục, tập-quán của các đơn-vị hành-chánh trực-thuộc. Ngoài ra, trong tất cả các chính-

(36) "The Huis and Manchurians were encouraged to learn and use the Chinese language, thus speeding the communist program of assimilation. This different attitude seems to show that the communist authorities are afraid that with stronger group identification, the Huis and Manchurians might become politically ambitious and fight for independence". Southeast Asian Tribes, minorities and nations Kunstatter, Petdr 1967 trang 181.

quyền tự-trị địa-phương, Hội-đồng Nhân-dân và Quốc-dân nghị-hội bắt buộc phải thực-hiện những nhiệm-vụ của mình đúng theo nguyên-tắc dân-chủ tập-quyền. Như vậy, thì hiện tại ngoài các

"Ch'i (banner) áp

và Meng (league) Hội-đoàn ở Nội Mông cũng như các Pan-na (valley plain) vùng thung-lũng ở Vân-Nam" còn duy-trì các lề-lối tổ-chức hành-chánh và chính-trị cổ xưa, còn tất cả đều không có gì khác biệt với các chính-quyền địa-phương ở bất cứ đâu trong lãnh-thổ Hoa-lục. Tất cả các cuộc bầu-cử Quốc-hội và thành-phần của Hội-đồng Nhân-dân cũng như các danh xưng các công sở đều hoàn-toàn tương-tự như ở các khu-vực Trung-Hoa chính-thống.

c) - Sự tham-gia của thiếu-dân trong các cơ-cấu lập-pháp và hành-pháp :

Đây cũng có thể coi như là một trong những biện-pháp để thu-phục sự hợp-tác và lòng trung-thành của các chủng-tộc thiểu-số. Để thi-hành kế-hoạch này, chính-quyền Cộng-sản đã tuyển-dụng một số nhân-vật thiểu-số thân chính quyền Cộng-sản để tham-gia các cơ-cấu lập-pháp và hành-pháp.

QUỐC-HỘI (National people's congress N.P.C.)

Đây là cơ-quan cao nhất của uy-quyền quốc-gia. Sự phân-phối các đại-biểu của "Quốc-Hội" được chiếu theo chương III của luật bầu-cử. Các vị đại-biểu của Quốc-Hội được bầu lên trong các tỉnh của Hoa-lục trên tiêu-chuẩn 800.000 dân, một đại-biểu. Con số đại-biểu sẽ không ít hơn 3 vị cho mỗi tỉnh. Ở các thị-trấn dưới sự kiểm-soát trực-tiếp của chính-quyền Trung-ương và trong các đô thị kỹ-nghệ trên 500.000 dân dưới sự quản-trị của chính-quyền tỉnh, mỗi đại-Biểu được bầu lên cho mỗi 100.000 dân

(điều 20 của luật bầu-cử). Tất cả các sắc dân thiểu-số có thể bầu một số 150 vị đại-biểu cho Quốc-Hội (điều 21 của luật bầu-cử).

Ở khoá họp thứ 4 của Quốc-Hội kỳ II khai-mạc tháng 11-1963, một dự-thảo quyết-nghị tăng số lượng đại-biểu cho Quốc-Hội kỳ III đã được biểu-quyết chấp-thuận. Quyết-nghị như sau : "Đại-biểu của Quốc-Hội được bầu lên trong các tỉnh và các khu-vực tự-trị dựa trên tiêu-chuẩn mỗi đại-biểu cho 400.000 dân. Con số đại-biểu không dưới 10 vị trong một tỉnh hay khu tự-trị. Trong các thị-trấn dưới sự cai-trị trực-tiếp của chính-phủ trung-ương hay chính-quyền tỉnh, trong các đô-thị kỹ-nghệ trên 300.000 dân và trong các đô-thị hãm mỗ dưới 300.000 dân nhưng với những công-nhân và thặng-quyền đến 200.000 người, sự phân phối sẽ là mỗi đại-biểu cho 50.000 dân. Riêng đồng-bào các sắc tộc thiểu-số có thể bầu lên 300 đại-biểu cho Quốc-Hội.

Kết-quả, tổng số đại-biểu của Quốc-hội pháp-nhiệm III tháng 12-1964 tăng lên từ 1226 vị của pháp-nhiệm II lên đến 3040 trong khi đó thì tỷ-lệ bách phân của các đại-biểu thiểu-số đã giảm xuống từ 12,23 o/o còn 9,87 o/o. Trong 28 tỉnh, thị-trấn và khu tự-trị, mười một tỉnh và thị-trấn không có đại-biểu đại-diện cho đồng-bào thiểu-số. Trong 17 (mười bảy) tỉnh, thị-trấn và khu tự-trị khác, các đại-biểu thiểu-số có khu-vực chỉ có 1, có khu-vực có đến 50 vị (xem bảng tỷ-lệ sau) (37).

(37) Diao, Richard K. sách đã dẫn trang 183.

Bảng tỷ-lệ bách phân các đại-biểu thiếu-số
của Quốc-Hội pháp-nhiệm III (1964)

| Khu vực | Tổng số đại-biểu | Số đại-biểu thiếu-số | Tỷ-lệ |
|----------------|------------------|----------------------|-------|
| Tibet | 24 | 21 | 87 % |
| Sinkiang | 53 | 40 | 75,45 |
| Tsinghai | 18 | 12 | 66,66 |
| Kwangsi | 87 | 47 | 54,02 |
| Yunnan | 93 | 50 | 53,76 |
| Ningsia | 15 | 7 | 46,66 |
| Kweichow | 67 | 27 | 40,29 |
| Inner Mongolia | 55 | 21 | 38,18 |
| Kansu | 52 | 12 | 23,07 |
| Kirin | 76 | 9 | 11,84 |
| Szechwan | 240 | 27 | 11,25 |
| Heilung kiang | 132 | 12 | 9,09 |
| Peking | 101 | 4 | 3,85 |
| Kwang tung | 160 | 6 | 3,75 |
| Fukien | 54 | 2 | 3,70 |
| Hupeh | 126 | 2 | 1,58 |
| Shensi | 70 | 1 | 1,42 |

Xem vậy thì sự phân-phối các đại-biểu thiểu-số không cần-thiết phải cân xứng với dân-số, song le gần như tất cả các chủng-tộc thiểu-số đều có đại-biểu ở Quốc-Hội. Một phương-thức phân-phối như vậy nói lên rõ rệt sự cẩn-thận và dè dặt của chính-quyền Cộng-sản đã dùng để thu-phục sự trung-thành của dân thiểu-số. Sắc dân Chuang và Tibetans mỗi sắc dân với 43 đại-biểu, có một số lượng đại-biểu lớn nhất kể đến là Uighur với 27 đại-biểu, Hui 25, Yi 23, Mông-Cổ 21, Miao 17, Korean 10, Manchurian 9, Puyi 8, Thai 6, Kazakh, Yao mỗi sắc dân 5 đại-biểu, Tung và Hani mỗi sắc dân 4, Ta-hu-erh và Kawa mỗi sắc dân 3, Tung-hsiang, Li, Lisu, Laku và Chilao mỗi sắc dân 2 và Ahchang, Dulang và 27 sắc dân khác mỗi sắc dân 1 đại-biểu. Tổng số Phó Chủ-tịch của Ủy-ban thường-trực Quốc-hội pháp-nhiệm III đã tăng từ 16 đến 18 song tổng-số các Phó Chủ-tịch thiểu-số giảm xuống từ 3 còn có 2. Ngoài Saifudin tái đắc-cử, Ngapo Ngawang Zigme tân đại-biểu còn đức Dalai Lama và Panchen Erdeni đã bị thất-cử. Con số đại-biểu của Ủy-ban thường-trực của Quốc-hội pháp-nhiệm III đã tăng từ 62 lên 96. Trong số này hai vị đại-biểu thiểu-số là :

Lữ-Hán của thiểu-dân Yi

và Hsieh Fu-min của thiểu-dân Chuang

đều được tái đắc-cử. Về tỷ-lệ bách-phân, các đại-biểu thiểu-số của Ủy-ban thường-trực Quốc-hội cũng bị giảm.

CHÍNH-PHỦ TRUNG-ƯƠNG VÀ CÁC CƠ-CẤU QUỐC-GIA

Theo sự thông-báo chính-thức của tờ Nhân Dân Nhật-báo phát-hành ngày 5-01-1965, Ulanfu Phó Thủ-tướng và Đồng Chủ-tịch "Ủy-ban đặc-trách các vấn-đề chủng-tộc" là người đại-diện duy nhất của dân thiểu-số trong hơn 50 chức-vụ cao cấp hành-pháp. "Ulanfu, là một người Mông-Cổ, đảng-viên của Ủy-ban Trung-ương Đảng Cộng-sản Trung-

Hoa và ủy-viên của chính-trị-cục. Một người với một quá trình chính-trị tích-cực như vậy khó có thể được coi như là một vị đại-diện thực-sự của chủng-tộc thiểu-số" (38). Bất-luận trong trường-hợp nào, các sắc dân thiểu-số không có đại-diện trong các cơ-cấu cao cấp của hành-pháp trung-ương.

ỦY-BAN QUỐC-GIA CỦA HỘI-ĐỒNG TƯ-VẤN CHÍNH-TRỊ
TRUNG-CỘNG (Chinese people's political consul-
tative conference C.P.P.C.C.)

Ủy-ban Quốc-gia của Hội-đồng Tư-vấn Chính-trị Trung-ương là trung-tâm đầu não của các hoạt-động của mặt trận thống-nhất Trung-Cộng. Trước khi ban-hành Hiến-pháp Trung-Cộng, Ủy-ban này được coi như là một Quốc-Hội (N. P.C.). Ngày nay còn tồn-tại chỉ được coi như một bộ phận cố-vấn của Chính-phủ Trung-ương. Số đại-biểu của "Hội-đồng Tư-vấn Chính-trị" hiện tại đã tăng lên từ 1071 đến 1119 song lệ số đại-biểu thiểu-số giảm từ 3,36 o/o còn 3 o/o. Số các Phó Chủ-tịch của Hội-đồng Tư-vấn Chính-trị hiện tại tăng từ 15 lên 22 nhưng số Phó Chủ-tịch thiểu-số giảm từ 3 vị còn 1 vị đó là Pebala Golieh-namje, một người thuộc sắc dân Tây-Tạng. Phân-tích từ những hình ảnh trình bày trên, ảnh-hưởng của các chủng-tộc thiểu-số ở Quốc-Hội, ở Chính-phủ Trung-ương và của Hội-đồng Tư-vấn Chính-trị Trung-ương đã thực-sự yếu dần. Sự kiện đó cho chúng ta thấy rằng "thực-chất của chính-sách Trung-Cộng đối với đồng-bào thiểu-số không nhằm tôn-trọng sinh-hoạt của các sắc dân thiểu-số mà là nhằm khép chặt dần sự kiểm-soát của chính-quyền Hoa-lục trên đồng-bào thiểu-số" (39).

(38) Xin xem The U.P.R. and Inner Mongolia 1964 - China News Analysis số 540, tr. 1-7 (13-11-64). Rupen, Robert A. Cũng trong tài-liệu này Rupen còn xác nhận ba lãnh-tự cao-cấp nhất của Nội Mông là Ulanfu, K'uei Pi, Chi ya-t'ai, cả ba đều là dân Mông-Cổ đã từng theo học tại trường Quốc-dân-dảng Trung-Hoa ở Bắc-Kinh từ 1923.

(39) "The true nature of the Chinese communist policy toward the national minorities shows that it does not lie in according due respect to them, but in further tightening government control over them" Diao, Richard K. "minorities and the Chinese communist regime" p. 185.

III.- CHÍNH-SÁCH CHUNG-TỘC TRONG KHU TỰ-TRỊ THAI

A.- CÁC CHÍNH-QUYỀN ĐỊA-PHƯƠNG

Dân-số Thai khoảng chừng 500.000 người, ước độ 8 o/o của dân thiểu-số lên gần 6.000.000 trong tỉnh Vân-Nam. Dân Thai sống rải-rác trong khu Te-Hung ở phía Tây tỉnh Vân-Nam và Hsi-shuang Pan-na ở phía Nam tỉnh Vân-Nam. Trên 300.000 dân Thai tập-trung ở hai khu-vực này và số còn lại có thể tìm thấy khắp Vân-Nam. Hiện tại, dân Thai đã lập nên hai thị-trấn (Chou) tự-trị đó là :

1.- Thị-trấn tự-trị Hsi-shuang Pan-na Thai.

2.- Thị-trấn tự-trị Te-Hung Thai-Ching-po và hai hạt (Hsien) tự-trị là :

1.- Hạt tự-trị Meng-lien Thai, Laku và K'a-wa

2.- Hạt tự-trị Keng-ma Thai và K'a-wa.

a)- Thị-trấn tự-trị Hsi-shuang Pan-na Thai :

là Chính-phủ tự-trị đầu tiên gồm nhiều chủng-tộc với một dân-số rất lớn mà chính-quyền Cộng-sản đã lập nên ngày 23-1-1953. Nằm ở phía Nam vĩ-độ 22 bao gồm các hạt Ch'e-li, Fo-hai, Nan-ch'iao và Chen-yueh với một diện-tích khoảng 25.000 cây số vuông. Dân Thai chiếm một nửa của tổng-số 320.000 dân. Người Hán cũng là nhóm đa số. Thêm vào đó khoảng 10 chủng-tộc nữa đó là : các sắc dân Hani, Pulang, Laku, Yao, Miao, Hui, Kawa và Ching-po.

Năm 1950 một ủy-ban chuẩn-bị thiết-lập chính-phủ tự-trị đã bắt tay vào việc và hơn 200 nhân-viên của một phái-đoàn công-tác về chủng-tộc được trung-ương phái đến

để lập ba hạt tự-trị ở Ch'e-li, Fo-hai và Nan-ch'iao vào ngày đầu năm 1953 một cuộc họp mở rộng gồm hơn 430 đại-biểu tham-dự. Đề-tải nghị-sự gồm việc ổn-định số hội-viên để phục-vụ cho Hội-đồng Nhân-dân Thị-trấn, ổn-định ranh giới thị-trấn, quy-định danh-hiệu chính-thức của thị-trấn tự-trị và các chính-sách hành-chánh. Qua nhiều phiên họp thảo-luận của ủy-ban, chính-quyền tự-trị đã được long-trọng khai-mạc ngày 23-1-1953, Ban đầu được gọi là chính-quyền khu tự-trị song đến ngày 8-6-1955 được đổi lại là thị-trấn tự-trị thể theo Hiến-pháp mới ban-hành.

b) - Thị-trấn tự-trị Te-hung Thai-Ching-po :

Thị-trấn này ở trong tỉnh Vân-Nam, nằm trên vùng biên thùỵ Hoa Miến được Trung-Cộng thành-lập ngày 24-7-1923. Thị-trấn tự-trị này có khoảng 400.000 dân bao gồm 5 hạt :

Lu-hsi
Jui-li
Lung-ch'uan
Ying-chiang
và Liang-ho

Sắc dân Thai và Ching-po cả hai là chủng-tộc chiếm đa số của khu-vực này với dân-số 175.000 Thai và 97.000 Ching-po. Sau khi được cải danh ngày 1-5-1956 như một thị-trấn tự-trị, lãnh-thổ của thị-trấn đã được bành-trướng rõ rệt với sự sát nhập của T'eng-ch'ung, Pao-shan, Lung-ling và Ch'ang-ning, các hạt này trước đây thuộc quản-hạt của chính-quyền quận Pao-shan. Dân-số cũng vì vậy tăng lên hơn 1.600.000 với một diện-tích tổng cộng là 37.000 cây số vuông. Hiện tại sau khi thị-trấn được bành-trướng, có khoảng hơn 10 chủng-tộc khác nhau ở trong thị-trấn gồm có dân Trung-Hoa chiếm đa số khoảng 70 o/o dân số, Thai và Ching-po chiếm khoảng 10 o/o (Thái) và 6 o/o (Ching-po) và số còn lại là Ah-chang, Peng-lung,

Lisu, Hui, Yi, Miao, Kawa và Pai. Thổ-dân ở khu-vực này đã công-khai phản-ứng lại sự nới rộng lãnh-thổ của thị-trấn. "Những dân thiểu-số đã linh-cảm rằng một khi lãnh-thổ được nới rộng và nhiều Hán-dân được sát nhập, quốc-gia của họ sẽ không còn nữa và sự tự-trị chỉ là hữu-danh vô-thực vì Đảng Cộng-sản sẽ nắm lấy vai-trò lãnh-đạo của Chính-phủ tự-trị" (40). Các hạt tự-trị :

- Meng-liên Thái Laku và K'a wa
- Keng-ma Thai và K'a wa

cũng được tuân-tự thành-lập ngày 16-10-1954 và 15-10-1955.

B.- VẤN-ĐỀ CẢI-CÁCH RUỘNG ĐẤT VÀ PHONG-TRÀO HỢP-TÁC-XÃ NÔNG NGHIỆP

Lãnh-thổ của khu tự-trị Thái xuyên qua các vùng nhiệt-đới, bán-nhiệt-đới và ôn-đới có nhiều mưa và đất đai màu mỡ. Đây là khu-vực sản-xuất lúa mì, chuối, thơm và dứa. Ngoài ra còn có trà, sợi, cam-thảo, cà-phê. Trà nổi danh của Trung-Cộng là "Pu-Erh" trong khu rừng núi gần Men-Hai ở thị-trấn Hsi-shuang Pan-na.

Người Thái phần lớn là các chủ trại. Đầu thế-kỷ thứ 12 khi Trung-Hoa còn ở dưới chế-độ phong-kiến, hệ-thống kinh-tế phong-kiến vẫn còn tồn-tại trừ một vài vùng thổ-dân đã được đồng-hoá bởi Trung-Hoa cho đến khi chính-quyền tự-trị Thái được thành-lập. Dưới chế-độ phong-kiến, tất cả những đất đai ở khu Hsi-shuang Panna là đất đai của các lãnh chúa Hsuang-wei Szu hay Chao-pien-lin.

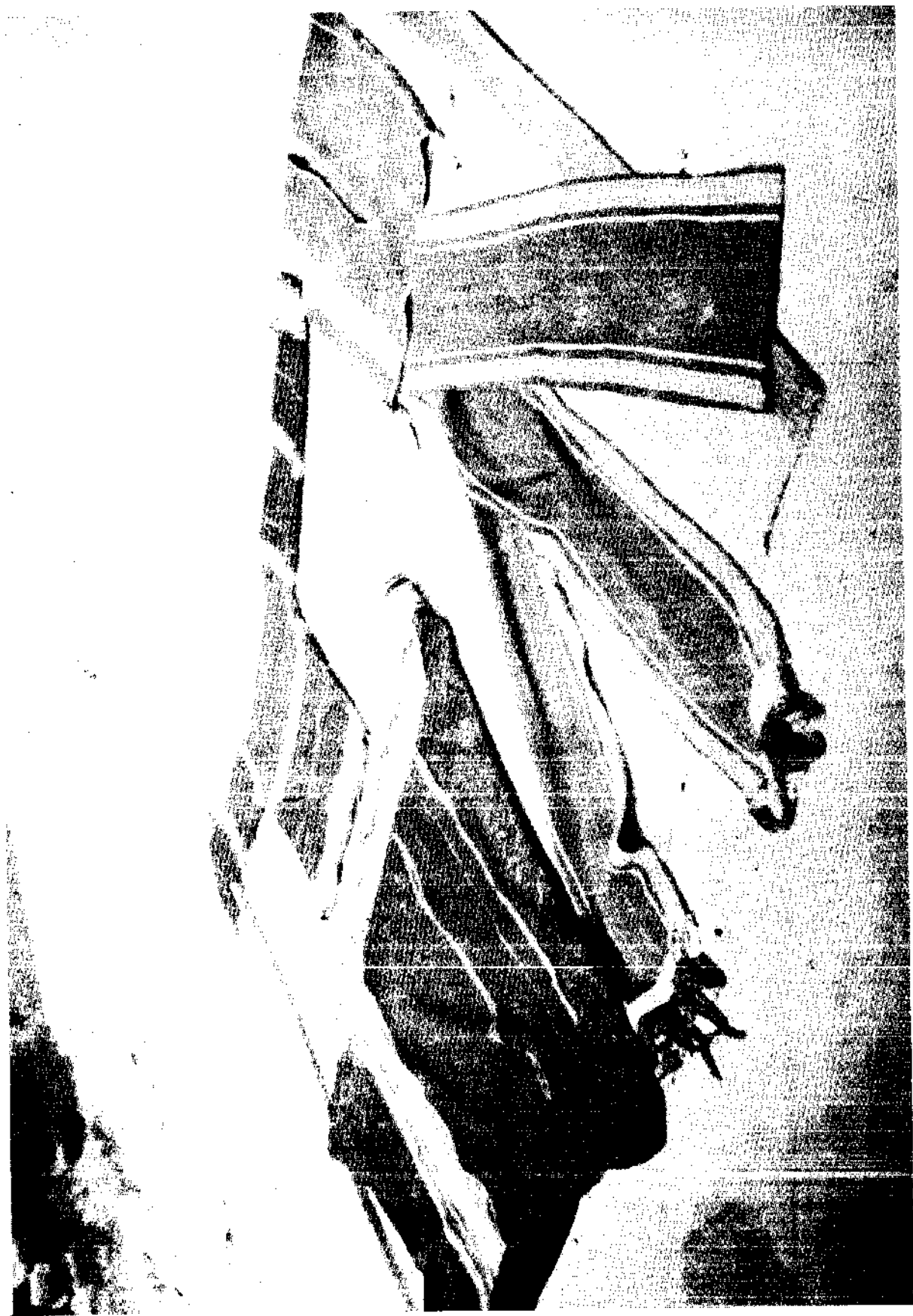
(40) "Once the territory is expanded and more Han chinese take in, our kingdom will be eliminated and that "Regional autonomy is only nominal, with no position and no authority, and the Party takes over the place of the government" Yunnan-daily 29-12-1957.

Hsuang-Wei-szu đứng ra phân-phát đất đai cho các T'iu Szu (hạt-trường hạt panna) và T'iu Szu lại phân chia (tái phân) cho các trưởng làng và vị trưởng làng lại chia phần này với các dân làng. Những chủ-trại tá-canh ngoài việc đóng góp phần nông-sản cho vị T'iu Szu và trưởng làng như thuế suất chính-thức để đảm-nhiệm các dịch-vụ khác nhau trong khu-vực. Theo những nguồn tin của nhà cầm-quyền Công-sản Hoa-lục (41), "trong những trường-hợp thông-thường, người chủ trại phải đóng góp 30 o/o sản ngạch và trong trường-hợp đặc-biệt lên đến 70 o/o của số thu hoạch cho các chủ đất địa-phương". Quân-đội riêng và các trại giam được duy-trì để dập tắt bất cứ cuộc chống đối nào. Những nông nô có thể bị tự-hình theo ý muốn của các lãnh-chúa họ hay các chủ đất của họ.

Do đó, sau khi chính-quyền tự-trị được thiết-lập, chính-quyền Công-sản bắt đầu thực-hiện những cải-cách xã-hội nhất là các cải-cách điền-địa. Trên thực-tế chính-sách cải-cách ruộng đất trong các khu-vực thiểu-số rất khác với chính-sách áp-dụng ở các khu vực khác. "Đáng lý ra vận-động, xúi-giục các bản-cổ-nông đấu-tranh chống lại chủ đất như đã xảy ra trong hầu hết các khu-vực của Trung-Hoa lục-địa, phương-pháp ôn-hòa hơn được áp-dụng đó là sự thương-lượng thân hữu đối với các chủ đất" (42). Chính-quyền bằng cách dùng những chiến-thuật thuyết-phục cũng như hăm dọa để cho các chủ đất tự ý trút-hữu phần đất đai của họ có lợi cho nông-dân. Như vậy, chính-sách cải-cách điền-địa được gọi là ôn-hòa đã được êm-dềm thực-hiện

(41) People daily 6-6-1957.

(42) Lin Yuch-Hua "The minority peoples of Yunnan, China Reconstructs", 26-29.12.1961... After the oppressed masses were fully awakened to the necessity for such reforms, the government held consultation with the landlords and slaveowners... urging them to give up their oppression and exploitation and promising that, if they did, they would be accorded appropriate political positions and a living standard not-lower than before".



Lễ-phục của người sơn- cước

trong năm 1955-1956. "Phần lớn các nông-dân Thái đã nhận được một diện-tích trồng-trọt trung-bình là hai mẫu có thể sản-xuất từ 460 dạ đến 1.200 dạ lúa mỗi năm" (43).

Kể từ cuộc cách-mạng vô-sản và công cuộc cải-cách điền-địa, chế-độ phong-kiến đã bị hạ bệ và các tá-cạnh đã trở thành điền-chủ. Ngày nay dân Thái được hưởng dân bởi Cộng-sản ít ra cũng có một chính-quyền riêng của họ trên hình-thức qua những cuộc bầu-cử. Thế theo luật bầu cử, dân chúng bầu người đại-diện của mình để lập quốc-hội dân cử địa-phương (local people's congress) và những vị đại-diện này bầu ra những hội-viên của Hội-đồng hay Ủy-ban địa-phương (local council). Thủ-tục này tương-tự như thủ tục được áp-dụng tại các khu-vực khác của Hoa-lục trừ một vài đơn-vị hành-chánh còn duy-trì chế-độ cổ xưa quen thuộc với dân địa-phương qua tập-quán lâu đời. Ở thị-trấn tự-trị Hsi-shuang Pan-na Thái, họ còn dùng danh-từ Pan-na thay cho "Hsien" để chỉ các hạt. Nếu không kể đến danh-từ và tên gọi được dùng, tất cả các đơn-vị hành-chánh địa-phương của người thiểu-số cũng đều giống các đơn-vị hành-chánh trong nước và đều dưới sự kiểm-soát chặt-chẽ của Cộng-sản qua Quốc-Hội và hệ-thống dân-chủ tập-quyền.

Thời kỳ cải-cách điền-địa cùng một lúc với tăng gia mức-độ xâm nhập của ảnh-hưởng của Đảng Cộng-sản. Tờ Nhân-Dân nhật báo báo-cáo ngày 14-1-1957 rằng 8.500 cán-bộ được tuyển-dụng và huấn-luyện trong thời-kỳ cải-cách ruộng đất, 582 thổ-dân được kết nạp vào Đảng Cộng-sản và 1938 thanh-niên gia-nhập vào thanh-niên đoàn Cộng-sản. Kết-qua là các điền-chủ Thái rất khó khăn trong việc không-chế các tá-điền như trước, nhiều điền-chủ giác-ngộ hiện đã lao-động với các nông-dân. Tóm lại sau cuộc cải-cách ruộng đất hoàn tất, chính-quyền đã thúc giục nông-dân gia-nhập các đoàn tương-trợ và bắt đầu xây-dựng một

(43) Nationalities solidarity. Peking 6-7-1959.

số hợp-tác-xã nông-nghiệp để gây tin-tưởng trong dân-chúng tiếp tay xây-dựng phong-trào hợp-tác cộng-đồng. Nhưng những nông-dân vì được thỏa-mãn với sự cày cấy trên một mảnh đất dù nhỏ song là của riêng của họ đã chứng tỏ không còn lưu tâm đến các chương-trình cộng-đồng của Chính-phủ. Phần lớn tỏ ra bảo thủ dè dặt chỉ một số nhỏ quyết-định gia-nhập các hợp-tác-xã. Tờ "Vân-Nam nhật báo" xuất-ban ngày 19-10-1957 có đăng một bài xã-thuyết nhan đề : (những nhận xét và khuyên-cáo về những điều-kiện căn-bản của thị-trấn tự-trị Tehung Thai Ching-po) đã viết như sau : trong thời-gian phát-triển những hợp-tác-xã nông-nghiệp, kế-hoạch này hy-vọng rằng từ 4 o/o đến 5 o/o dân chúng nông-thôn sẽ tham-gia trong năm đầu, 10 o/o năm thứ hai, 30 o/o năm thứ 3. Khi đạt đến tỷ-lệ 30 o/o con số này có nghĩa là tất cả những người nghèo, bán-nông cũng như trung-nông trong khu-vực sẽ được thu hút vào trong các hợp-tác-xã. Nhưng theo báo-cáo của tờ "Đoàn-kết các chủng-tộc" ngày 6-7-1958 báo-cáo rằng một trong hai hợp-tác-xã đầu tiên ở Hsishuangpanna đó là hợp-tác-xã nông-nghiệp Susheng của thị-trấn Ching-hung được thiết-lập đầu tiên vào tháng 5-1956 đã phải đương đầu với một sự rút ra hàng loạt khỏi hợp-tác-xã vào tháng 4 và 5 năm 1957. Mười hai của ba mươi hội-viên nhất quyết duy-trì việc rút ra khỏi hợp-tác-xã. Sự kiện này cho thấy rằng công cuộc phát-triển phong-trào hợp-tác-xã nông-nghiệp đã bị sự chông đỏi rõ rệt. Ngay cả chính-quyền Cộng-sản cũng đã phải nhìn nhận rằng : "Mặc dầu các cố-gắng lớn lao trong việc phổ-biến tổ-chức hợp-tác-xã, sự hiểu biết của quần-chúng nông dân hình như còn rất yếu ớt" (44). Phong-trào hợp-tác-xã vẫn chưa đạt được nền móng cho đến cuối năm 1958 nhất là khi "bước nhảy vọt" đã gây nhiều sóng gió trên khắp quốc-gia. Trong thời-gian đó chính-quyền Cộng-sản cũng đã điều

(44) "Despite the great effort we made in publicizing the cooperative system, the understanding of the peasant masses was still very poor". The Nationalities Solidarity July, 1958.

động thiết-lập một số nông-trường tập-thể và một vài nông trại quốc-doanh chuyên trồng các ngũ-cốc. Nhưng số người gia-nhập còn rất thấp nếu đem so sánh với các khu-vực khác của quốc-gia ở Hsi-shuang Pan-na chỉ có 70,46 o/o các nông gia tham-gia những hợp-tác-xã nông-nghiệp (45). Hiện tại, nông-nghiệp vẫn còn là mối bận tâm chính ở Hsi-shuang Panna. Một vài sự tiến-bộ trong công cuộc sản-xuất được ghi nhận như là thành-quả của kế-hoạch canh-tân các phương pháp nông-nghiệp cũng như sự hoàn tất các dự-án dự-trữ nước. Chẳng hạn như lúa, khoai, củ đậu tất cả đều có tăng gia mức thu-hoạch. Nhật-báo Quang-Minh báo-cáo ngày 23-2-1964 : "Ở thị-trấn tự-trị Tehung-Thai và Ching-Po tổng số lúa thu-hoạch được trong năm 1962 so với 1952 tăng 49 o/o. Khoảng 1/2 gia-chủ trong thị-trấn tự-trị Tehung-Thai và Ching-Po, mỗi người trong gia-đình có khoảng 700 dạ lúa so với 817 dạ của thị-trấn tự-trị Hsi-shuang Pan-na Thai. Năm 1963 sự sản-xuất lúa tăng 3,6 o/o so với năm 1962. Nông-sản và gia-sản cũng thu-hoạch được như sau so sánh mức sản-xuất 1962 với 1952 chỉ sợi tăng 80 o/o, mía tăng 141 o/o, trà tăng 63 o/o, gia-súc tăng 39 o/o, heo tăng 140 o/o và cừu tăng 100 o/o (46). Một khía cạnh quan-trọng của chương-trình thiếu-số của Cộng-sản Trung-Hoa là nhằm mục-đích giúp-đỡ dân thiếu-số hoàn tất công cuộc phát-triển kinh-tế nhất là về nông-nghiệp. Nói một cách tổng-quát phương-pháp canh-tác cổ-truyền của đồng-bào thiếu-số rất lạc hậu; với sự giúp đỡ của chính-quyền, nông-gia thiếu-số đã dần-dần thực-hiện những phương-pháp khoa-học gồm việc gieo giống, gặt và các phương-pháp xử-dụng thuốc sát trùng. Ngày nay hầu hết đồng-bào thiếu-số đều làm ruộng trong những hợp-tác-xã nông-nghiệp hay trong các nông-trường được tổ-chức trong những khu-vực thiếu-dân.

(45) Kuang Ming Daily Peking 12-11-1958.

(46) The people's daily 6-5-1963.

Thêm vào đó, chính-quyền Cộng-sản đã yểm-trợ nhiều kế-hoạch khác nhau cho đồng-bào thiểu-số như là dự-trữ nước, kỹ-nghệ, chuyên-chở cũng như các dịch-vụ y-tế giáo-dục. Để làm các công-tác này, chính-quyền Cộng-sản thường để cho các chính-quyền địa-phương tự-trị một phần lớn lợi-tức quốc-gia thu-hoạch bởi các chính-quyền địa-phương qua các sắc thuế. Chính cũng nhờ sự thiết-lập những kế-hoạch quốc-gia, nhiều ngân-khoản bổ-túc từ Chính-phủ Trung-ương được phụ thêm cho ngân-sách địa-phương tự-trị. "Chính-sách này bắt nguồn từ tư-tưởng chỉ đạo của học-thuyết Marxít Lêninít là để thu-phục sự ủng-hộ của dân thiểu-số và đạt được sự tín-nhiệm của họ, việc cần-thiết trước hết là giúp đỡ họ trong công cuộc phát-triển kinh-tế" (47). Như vậy công cuộc phát-triển kinh-tế được dùng để bổ-khuyết và san bằng mọi trở ngại cho sự thi-hành quyền kiểm-soát chính-trị của Chính-phủ Trung-ương.

Vì vậy mà điều-kiện sinh sống của dân Thái nhất là giới nghèo và trung-nông đã được cải-thiện kể từ ngày giải-phóng (48).

C.- CÁC CÔNG-TÁC KỸ-NGHỆ, THƯƠNG-MÃI, LIÊN-LẠC GIAO-THÔNG VÀ BƯU-TÍN

Trên phương-diện này, nhiều tiến-bộ được ghi nhận. Trong quá khứ chỉ có một nền công-nghệ ở trong khu-vực Thái tự-trị. Gần đây, nhiều xí-nghiệp hầm mỏ và biến-chế

(47) "This policy is integrated with the Marxist-Leninist political doctrine that in order to win over the support of the minorities and gain their trust, it is first necessary to help them in economic development".
Diao Richard K. p. 191.

(48) "The living conditions of the Thai people, especially the poor and lower-middle peasants, have improved from the pre-liberation days". Kunststadter, Peter 1967, sách đã dẫn.

được thiết-lập gồm có cơ xưởng máy móc, dụng-cụ điện, sản xuất trà, làm giấy, lọc đường. Theo những báo cáo chính-thức, tổng số sản-lượng kỹ-nghệ 1962 ở "Tehung Thái và Ching-Po" (Thị-trấn tự-trị) là 8,4 lần nhiều hơn 1952 và nền kỹ-nghệ nhẹ đã tiến từ 4,1 o/o lên 21,9 o/o. Trong quá khứ, những đường xe hơi không có ở đây, một người du-lịch phải mất một tháng để đến Côn-Minh thủ-đô của tỉnh Vân-Nam. Hiện tại trên 1.000 cây số đường được thành-lập ở cả hai khu tự-trị Hsi-shuang Pan-na và Tehung Thai và một đường lớn đến Côn-Minh mất chỉ khoảng 3, 4 ngày. Thêm vào đó, một đường hàng-không được thiết-lập giữa Pao-shan và Kunning. Cùng một lúc nhiều nông-trường, hạt, thị-xã có trang-bị hệ-thống vô-tuyến điện-thoại. Hệ-thống bưu-tín cuộc cũng đã tăng gia gấp 4 lần nhiều hơn trong quá khứ. Tiến-bộ rõ rệt nhất là trên địa-hạt liên-lạc và giao-thông để phân-phối sản-phẩm từ đây đến các vùng khác và ngược lại.

D.- THUẾ

Hệ-thống thuế-khoá trong các khu-vực thiếu-số đều giống như những vùng khác của Hoa-lục. Thuế thông-thường đều được chia làm hai loại : thuế nông-nghiệp và thuế công-thương-nghiệp. Theo ngạch số của lợi-tức quốc-gia, thuế kỹ-nghệ và thương-nghiệp quan-trọng hơn thuế nông-nghiệp. Tuy nhiên ở khu-vực Thái, cũng như ở những khu-vực thiếu-số khác, nông-nghiệp hã còn là mối quan-tâm lớn lao của chính-quyền. Thuế nông-nghiệp coi như một nguồn lợi-tức chính mà chính-quyền Hoa-lục có thể thu-hoạch từ các khu-vực thiếu-số.

Sự thu-thuế nông-nghiệp được quy-định bằng bách phân huê-lợi hàng năm và được trả trước hết bằng lúa. Thuế-suất trung-bình từ 1958 được định là 15,5 o/o. Mỗi chính-quyền địa-phương trong phạm-vi quản-hạt mình có thể thay đổi thuế-suất do Chính-phủ Trung-ương quy-định từ 6 đến 25 o/o. Thuế-suất ở các khu đồng-bào thiếu-số thường

dưới mức trung-bình trừ những khu-vực ở đó số thu-hoạch hàng năm cao và gặp lúc được mùa. Thuế-suất ở Hsi-shuang Pan-na Thai và thị-trấn tự-trị Tehung Thai và Ching-Po cả hai sản-xuất rất dồi-dào lúa thì thuế-suất là 14 o/o chứ không 12 o/o mức thuế trung-bình do Chính-phủ Trung-ương ấn-định cho tỉnh Vân-Nam. Mặc dầu chính-quyền Cộng-sản cho rằng thuế nông-nghiệp hiện chỉ vào khoảng 6 o/o, 7o/o của tổng số lợi-tức quốc-gia. Thuế vẫn là gánh nặng cho nông-dân Hoa-lục. Thuế nông-nghiệp trên thực-tế rất lớn vì việc thu thuế nông-nghiệp được bổ-túc bởi việc quốc-gia đứng ra mua thóc lúa và phần thua thiệt của nông-dân bán số thóc tiết-kiệm đã biến thành những món lời cho các cơ-quan thực-phẩm và thương-mãi của Chính-phủ. Đó là chưa kể việc trộm lậu thuế nông-nghiệp bởi chính-quyền địa-phương. "Hiện tại trong tổng số lợi-tức quốc-gia gần 1/3 bắt nguồn trực-tiếp hay gián-tiếp từ sản-xuất nông-nghiệp."

Bắt đầu từ 1964 với sáng-kiến của phong-trào giáo dục xã-hội và quốc-gia đại-dồng, Cộng-sản đã quyết-tâm khuyến-khích nông-dân bán "số thóc thặng dư" cho quốc-gia thêm vào phân-xuất chính-thức đã được định sẵn và quốc-gia sẽ đứng ra tiêu-thụ số thóc đó. Kết-quả là nông-dân hiện tại đã thu-hoạch rất ít cho nhu-cầu cá-nhân ngay cả trong những khu-vực ở đó sản-xuất lúa được báo-cáo là đã tăng gia từ 1964. Thế theo những tin-tức thu lượm từ những cuộc phỏng-vấn những người vừa rời tỉnh Vân-Nam. Họ cho hay rằng nông-dân ở thị-trấn tự-trị Hsi-shuang Pan-na Thai năm 1964 đã phải nhượng hơn 20 o/o số thu-hoạch của mình cho chính-quyền Cộng-sản và khoảng 15 o/o cho các hợp-tác-xã hay nông-trường. Hai con số này hiện tại đã vượt quá cái mà dân Thái đã phải đóng góp cho các chủ đất trong những ngày tiền cách-uạng vô-sản.

Về thuế kỹ-nghệ và thương-mãi, quan-trọng nhất là thuế củng-cố kỹ-nghệ và thương-vụ bao trùm hầu hết tất cả dịch-vụ và hoạt-động chuyên-chở như là biến-chế các sản-phẩm kỹ-nghệ việc mua sản-phẩm nông-nghiệp, nhập-cảng và

việc bán các tiện ích, dịch-vụ của quốc-gia và các xí-nghiệp tập-thể. Các thứ thuế loại này rất ít ở khu-vực Thái.

E.- CẢI-CÁCH NGÔN-NGỮ, GIÁO-DỤC, Y-TẾ

Hệ-thống chữ viết của Thái dựa trên văn-tự Ấn-độ nên phiên âm thiếu sót. Lịch-sử của chủng-tộc Thái cho thấy văn và thơ đã được sáng-tác và được viết lại trên các lá cây. Năm 1957 những nhà cải-cách ngôn-ngữ của Trung-Cộng đã bắt đầu thực-hiện, dựa trên sự phát-âm cổ-truyền của Thái, một hệ-thống chữ viết mới và những cố-gắng hệ-thống-hoá được thực-hiện để phổ-biến công-trình này. Ban đầu, dạy cho người nghèo các thành-phần bản-nông phần lớn thất học trong các lớp học đặc-biệt, chính-quyền Cộng-sản có loại trừ nạn mù chữ trong khu-vực và cùng lúc đó phổ-biến tư-tưởng Cộng-sản. Năm 1958, nhiều tác-phẩm được soạn theo tiếng Thái và rồi tiếp đến nhật báo, tạp chí xuất-bản bằng tiếng Thái. "Hiện tại gần 70 o/o thanh-niên đã học để đọc và viết. Cho đến 1960 có khoảng 5 trường trung-học, 250 trường tiểu-học với trên 20.000 học-sinh ở thị-trấn tự-trị Hshi-shuang Pan-na" (49). Ở trong thị-trấn tự-trị Tehung Thai và Ching-po, một bài báo ngày 5-1963 đã phúc-trình : "cho đến cuối 1962, tiểu-học tăng 79 o/o so với 1952 và sinh-viên tăng 39 o/o cũng trong khoảng thời-gian đó. Các trường biên-giới tăng 178 o/o, và sinh-viên tăng 269 o/o so với năm 1952. Các trường Trung-học tăng gấp đôi và sinh-viên tăng 47 o/o, trong số đó những trường ở khu-vực biên-giới tăng ba lần hơn 1952 và tổng số học-sinh, sinh-viên tăng 2,260 o/o.

Trong địa-hạt y-tế vệ-sinh các bệnh dịch, sốt rét, thổ tả được kiểm-soát chặt-chẽ và sự ngăn ngừa cũng như trị-liệu rất có kết-quả. Thế theo báo-cáo chính-thức, bách phân ty-lệ các trường-hợp sốt rét giảm từ 7,9 o/o năm 1953

(49) People's daily 27-11-1960.

còn 1,5 o/o 1962. Vùng Meng hai Pa là vùng bị bệnh sốt rét nhiều nhất từ 80 o/o 1953 còn 0,03 o/o năm 1962 (50).

"Cũng theo thống-kê chính-thức, các cơ-sở y-tế ở Hsi-shuang Pan-na đã tăng từ 8-33 o/o trong mười năm ở thị-trấn tự-trị Tchung Thai và Ching-Po, 14 trạm y-tế được thiết-lập từ 1962, một sự tăng gia 245 o/o so với 1952. Con số giường bệnh tăng 821 o/o so với 1952. Các nhân-viên y-tế cũng đã tăng khoảng 300 o/o trong đó các nhân-viên y-tế thiếu-số cũng đã tăng lên 14 lần hơn tổng số nhân-viên y-tế thiếu-số trong năm 1952" (51).

F.- TÍN-NGƯỠNG và HÔN-NHÂN

Gần như hầu hết các sắc dân Thái trong các khu tự-trị đều theo Phật-giáo Nam Tông hay Theravada. Trong mỗi làng đều có một ngôi chùa Phật và dân chúng Thái dành khoảng 10-20 o/o lợi-tức của mình để tuân theo các lễ lạc Phật-giáo.

Theo phong-tục cổ-truyền của dân Thái, một đứa bé trai được đưa vào chùa lúc lên 7 tuổi hay 8 tuổi để dọn mình chuẩn-bị thành một chú tiểu. Đứa bé ở mãi trong chùa đến 20 tuổi. Trong khi sinh sống trong Chùa, đứa bé không phải chỉ có học kinh kệ mà còn học đọc và viết nữa. Trong quá khứ những thầy chùa rất được tôn kính bởi dân địa-phương. Thức ăn của các tu-sĩ được dân làng cung thỉnh đến và họ không bao giờ làm việc chân tay. Ngay cả khi một tu-sĩ đi giữa nắng, theo phong-tục Thái dân làng phải che dù cho vị này.

(50) Kuang Hing Daily Peking 24-1-1963.

(51) Nationalities solidarity. Peking 5-1963.

Chính-quyền Trung-Cộng khi đề-cập đến những tu-sĩ thiếu-số này, họ rất khôn-khéo để tỏ rằng chính-quyền vẫn tôn-trọng tự-do tín-ngưỡng song họ cũng tìm cách quảng-bá tư-tưởng "quyền tự-do không tín-ngưỡng" Freedom not to believe. Hiện tại luật-pháp ngăn cấm bất cứ người nào "bắt buộc" hay "xúi giục" bất cứ ai trở thành tín-đồ. Cùng lúc đó, chính-quyền thực-hiện những công-tác đã phá những mê-tín trong các giới thanh-niên và xúi giục họ hành-động chống lại những vị sư không chịu lao-động ngoài đồng. Để hoàn thành mục-tiêu này, Công-sản đã phổ-biến một bài về phổ-biến trong các làng Thái để nhạo báng các tu-sĩ như sau :

"Các vị sư chỉ biết tụng kinh suốt ngày mà không có bao giờ làm việc. Trong khi mọi người đổ mồ hôi ngoài đồng, các vị sư vẫn đi ngựa vẫn che dù vẫn tìm cách lợi-dụng để ăn uống, nhưng không bao giờ lao-động hay sản-xuất, chúng tôi không biết quý vị nghĩ sao mà không trở lại cuộc sống như mọi người" (52).

Không thể tiếp-tục làm ngơ trước những lời trách móc có ý nhục-mạ từ quảng-đại quần-chúng, cuối cùng các vị tu-sĩ đã tự-ý tham-gia công việc ngoài đồng ruộng như các nông-dân (53).

Ngoài ra, phong-tục từ lâu ngăn cấm các thầy tu không được tiếp-xúc với phụ-nữ cho đến khi họ trở lại cuộc sống bình thường. Song chính-quyền Trung-Cộng, dưới

(52) "Humming the scriptures, you don't work; you enjoy circling on horseback with an umbrella over your head; while others perspire profusely in the fields; you eat up all the food you exploit; but you neither labor nor produce; we'll see what you're up to when you return to your normal life" New observation Gen. no 197, 16-11-1958.

(53) "Ở Nội Mong, Phật-giáo cũng là mục-tiêu của các cuộc cải-cách tại đây. Các vị Lạt-ma cũng phải tham-gia các hợp-tác-xã và phải lao-động 260 ngày mỗi năm, sau đó các vị này có thể dùng thời-gian còn lại cho các công-tác thật sự". Ripen 1964 : 4, citing Ulanfu's speech to the Silingol League Lamas, 10-7-1958.

lý do phổ-biến chế-độ hôn-nhân mới công-khai ra lệnh cho dân làng không được cản dự hay cản ngăn các vị tu-sĩ muốn tìm các bạn gái và các thiếu-nữ được khuyến-khích kết bạn với các vị sư. Trên phương-diện đa-phá uy-tín các vị lãnh-đạo tôn-giáo này, giáo-sư Richard K. Diào đã nhận xét rất đúng như sau : "Đây quả là một âm-mưu quý-quyết của Cộng-sản Trung-Hoa vì đe gài gửi các phụ-nữ, các tu-sĩ phải chứng tỏ mình cũng là một người tích-cực lao-động. Sự lã lơi của những sự lao-động cộng-đồng càng mạnh chừng nào thì dục-vọng càng lớn chừng đó. Và khi dục-vọng đã thắng-thế dù cho các tu-sĩ cũng trở nên hăng hái ngoài đồng để chứng tỏ tài năng với phụ-nữ. Cứ như thế, rồi ra ảnh-hưởng tôn-giáo yếu dần trong dân-chúng Thái và có thể một ngày rất gần tín-ngưỡng tại khu-vực này có thể hoàn-toàn bị loại bỏ".

Nói về hôn-nhân, thì hệ-thống hôn-nhân của Thái chấp nhận tự-do luyến-ái và chế-độ nhất-phu nhất-thê. Ở đây vẫn còn giữ tục-lệ mai mối như một số các quốc-gia Á-Châu, nhưng sự kiện này chỉ là để chứng tỏ sự kính trọng hai bên cha mẹ và hoàn-toàn là nghi-thức. Thật ra thì hệ-thống hôn-nhân như vậy phù-hợp với tư-tưởng Cộng-sản cho nên không có cải-cách lớn-lao về địa-bạt này. Nhưng các buổi học tập chính-trị đã giáo-dục người thanh-niên nam nữ cẩn-thận chọn lựa người bạn đường của mình, ngoài tình yêu, cả hai cần nắm vững giai-cấp của nhau và nhất là quá-trình chính-trị của nhau. Vì vậy mà một tu-sĩ không tích-cực lao-động khó có thể tìm kiếm một người ý-trung-nhân lý-tưởng. Trên thực-tế, Cộng-sản Trung-Hoa cũng đã can-thiệp vào những phong-tục cưới hỏi tại những khu-vực mà những phong-tục không phù-hợp với những giáo-điều Cộng-sản. Chẳng hạn họ bãi xích các cuộc hôn-nhân môn-đang hộ-đối, các sinh lễ quá tốn kém và tiết giảm các lễ cưới linh-đỉnh dưới một cuộc lễ đơn-giản"(54).

(54) "China News Analysis - Hong-Kong số 536 p. 6, 7-5-1965.

Trong quá khứ, người đàn bà Thái chỉ có lo việc nội-trợ thuần-túy. "Các dân làng tin-tưởng rất dị đoán rằng khi một phụ-nữ cày đất, hạn hán sẽ kéo dài liên tiếp ba năm; khi một phụ-nữ đào rãnh dẫn nước, nước sẽ không bao giờ chảy nữa, khi một phụ-nữ giúp xây một cái đê thì y nhiên đê không bao giờ đầy nước" (55). Những mê-tín dị đoán này bây giờ đã giảm bớt đi nhiều, hiện tại người đàn bà Thái không phải chỉ làm công việc giữ nhà dạy dỗ con cái mà họ còn tham-gia các công việc đồng áng như các nam giới. Tuy nhiên trường-hợp họ đã chứng tỏ nhiều khả-năng hơn đàn ông nữa.

G.- VẤN-ĐỀ HUẤN-LUYỆN CÁN-BỘ THIẾU-SỐ

Đây là chính-sách căn-bản của Trung-Cộng. Trong 10 năm qua, Trung-Cộng đã huấn-luyện "hơn 1.300 cán-bộ thiếu-số trong 14 chủng-tộc ở khu-vực Hsi-shuang-Panna. Như vậy đã đạt được 20 lần nhiều hơn trong những năm gần đây của chế-độ. Các tiến-bộ tương-tự cũng được ghi nhận ở thị-trấn tự-trị Tehung-Thai và Ching-Po. Hiện tại các cán-bộ thiếu-số toàn thời-gian gồm khoảng 14,1 o/o của tổng số cán-bộ trong khu-vực. Ở các vùng biên-giới, con số cán-bộ thiếu-số là 26,8 o/o tuy tổng số cán-bộ quốc-gia tại đây và có thể lên con số 30 o/o nếu kể cả cán-bộ xã và thị-xã" (56).

(55) Kuang Ming daily Peking 18-5-1961.

(56) Nationalities solidarity 5-1963.

IV.- NHẬN-ĐỊNH VỀ CHÍNH-SÁCH THIẾU-SỐ CỦA TRUNG-CỘNG

Trong suốt phần khảo-luận chính-sách thiếu-số của Trung-Cộng, chúng ta có thể rút ra được hai khía cạnh căn bản đó là :

- 1)- Trên phương-diện chính-trị và hành-chánh, nhà cầm quyền Trung-Cộng chấp nhận một mức độ tự-trị cho đồng-bào thiếu-số trên các địa-hạt liên-hệ.
- 2)- Trên phương-diện kinh-tế và xã-hội, Cộng-sản đặt trọng-tâm các công cuộc cải-cách nông-nghiệp, cải-cách các phương-thức lao-động có lợi cho các giai-cấp bị trị. Cũng trên phương-diện này, Cộng-sản đã khai-thác các mâu-thuẫn giai-cấp đe hạ bệ hai thành-phần mà Cộng-sản coi như là nguy-hiểm cho chế-độ chính-trị tập-quyền của họ (giai-cấp chính-trị lãnh-đạo cũ và giai-cấp lãnh-đạo tôn-giáo).

Cả hai khía cạnh đặc-biệt này đều nhằm một mục-tiêu tối hậu là thực-thi một hệ-thống tập-quyền đảng-trị trên Đại-biểu tư-sản. Trên lý-thuyết, Trung-Cộng và Sô-Viét dùng tư-tưởng Marxist Lêninít như là nền-cảng của các chính-sách đối với dân-tộc thiếu-số. Tư-tưởng đó được gói ghém trong phương-châm sau : "Quốc-gia trong hình-thức, xã-hội trong thực-chất". National in form, socialist in content". Nói khác, để đặt dân thiếu-số trên phương-diện chính-trị dưới sự kiểm-soát chặt-chẽ của Đảng Cộng-sản, cần chấp nhận cho họ một mức-độ tự-do trong các địa-hạt kinh-tế, văn-hoá, ngôn-ngữ, phong-tục, tập-quán và tín-ngưỡng. Vấn-đề này, theo Cộng-sản, rất quan-trọng để chinh-phục lòng trung-thành của thiếu-dân. Nhận xét chính sách thiếu-số của Trung-Cộng, giáo-sư Diaoc đã nhận xét bất hủ như sau : "Đây quả là một sự treo đầu cừ bán thịt chó". Thịt chó nói ở đây là nội-dung của chính-sách thiếu-số của Trung-Cộng trong khi đó "nhãn-hiệu thịt cừ là hình-thức

tự-trị địa-phương; thật là một âm-mưu xảo-quyệt để hoàn thành một mục-tiêu chính-trị". Trên phương-diện kinh-tế, tư-tưởng Marxit Lêninit cũng đã chỉ-đạo chính-sách kinh-tế trong các khu-vực thiếu-số. "Để thu phục sự ủng-hộ của dân thiếu-số và đạt được sự tín-nhiệm của họ, việc cần-thiết trước hết là giúp đỡ họ trong công cuộc phát-triển kinh-tế". Công cuộc phát-triển kinh-tế nhằm trước hết việc truất-hữu đất đai của các điền-chủ có lợi cho nông-dân và nhằm giảm thiểu uy-tín của lớp thống-trị này trong giai-đoạn đầu vì trong giai-đoạn sau dưới hình-thức thuế nông-nghiệp và đầu lại vào đó nông-gia trước đây lại phải đóng góp cho nhà nước. Theo những tin-tức thu-lượm được từ những người rời khỏi Vân-Nam cho hay nông-dân trong năm 1964 ở trong thị-trấn tự-trị Hsi-shuang Panna Thái đã phải nhượng hơn 20 o/o số thu-hoạch của mình cho Chính-phủ, 15 o/o cho các hợp-tác-xã địa-phương. Hai con số này hiện đã vượt qua mức đóng góp trong thời tiền cách-mạng".

Trong thực-tế, Cộng-sản Trung-Hoa đã áp-dụng phương-pháp khác Cộng-sản Sô-viết. Chế-độ Sô-viết dùng hình-thức liên-bang ít ra trên danh-nghĩa đã nhìn nhận quy-chế độc-lập của những hội-viên gia-nhập và ngay cả chấp nhận quyền tự quyết-định và quyền tự ý ly khai ra khỏi Sô-viết liên-bang.

Cộng-sản Hoa-lục, nhấn mạnh đến quyền tối thượng của một Chính-phủ và các khu tự-trị trong lãnh-thổ quốc-gia là thành tố bất-khả-phân của quốc-gia. Do đó tuy là tự-trị nhưng các thiếu-dân đã không có quyền tự quyết-định mọi việc và nhất là quyền ly khai ra khỏi Hoa-lục. Sự khác biệt trong đường lối giải-quyết các vấn-đề thiếu-số phần lớn do sự kiện là dân-số thiếu-số Trung-Hoa Cộng-sản quá ít so với dân-số Trung-Cộng và trên phương-diện lịch-sử phần lớn có những liên-hệ gần gũi với Hán-tộc. Thêm vào đó, quyền-lợi của Đảng Cộng-sản Trung-Hoa đã đề ra chính-sách phủ-nhận quyền tự-quyết và quyền ly-khai của các Chính-phủ thiếu-số tự-trị.

Chính-sách Thiểu-số của Trung-Cộng cũng khác biệt chính-sách của Chính-phủ Trung-Hoa quốc-gia. Mặc dù Bác-sĩ Tôn-dật-Tiên đã chủ-trương từ lâu tư-tưởng "bình-dẳng chủng-tộc", chính-quyền quốc-gia Trung-Hoa đã không mấy chú ý đến tính-chất quan-trọng của vấn-đề này, vẫn thực-hiện một sự kỳ-thị giữa Chính-phủ và các chủng-tộc thiểu-số. Để đơn-giản-hoá những điều-kiện phức-tạp trong những khu-vực thiểu-số, chính-quyền quốc-gia cũng chấp nhận một phương-thức quản-trị hành-chánh như ở khu-vực đồng-bằng. Hậu-quả là những tranh-chấp chủng-tộc đã gia-tăng. Chính quyền Cộng-sản ban-bố chính-sách của họ bằng cách thừa nhận quan-điểm biện chứng : "Giải-quyết mâu-thuẫn trên căn-bản nhìn nhận những mâu-thuẫn đó". Do đó, công việc làm đầu tiên là thừa nhận và chấp nhận những khác biệt giữa các chủng-tộc và họ đã tôn-trọng sự kiện này của thiểu-dân. Khởi đi từ quan-điểm đó, Trung-Cộng đã chấp nhận cho họ một sự tự-trị và dần-dần với các chương-trình cải-cách xã-hội trong những khu-vực tự-trị, Cộng-sản Trung-Hoa đã tìm cách kiểm-soát và khống-chế sự tự-trị này. Trong thực-tế, Trung-Cộng đã không bao giờ dùng áp-lực từ bên ngoài song nhằm lũng các cán-bộ được chọn lựa huấn-luyện trong số các thanh-niên thiểu-số để-tạo nhịp-cầu phổ-biến các tư-tưởng và thực-thi các phương-thức cách-mạng. Kết-quả cho thấy đường lối của Cộng-sản khéo léo hơn và thực-tiến hơn là chủ-trương của Trung-Hoa quốc gia không lưu-ý đến khía cạnh thực-tế của vấn-đề dân thiểu-số.

Hiện tại sự kỳ thị chủng-tộc và áp-bức trước kia đã giảm thiểu rõ rệt hay là không còn nữa. Hiến-pháp của Hoa-lục lại quy-định minh-thị : "tất cả các chủng-tộc đều bình-dẳng. Phương-châm phải được thực-hiện là liên-đới chủng-tộc, liên-đới tương-trợ và đoàn-kết quốc-gia". Thật ra thì cũng đã có những thay đổi, cải-cách rõ rệt trong mối tương-quan giữa các chủng-tộc thiểu-số và Hán-tộc và những tranh-chấp giữa các chủng-tộc thiểu-số cũng đã giảm thiểu vì; chính-quyền Cộng-sản Trung-Hoa

cũng đã thực-hiện được những tiến-bộ tốt đẹp trên các phương-diện kinh-tế, văn-hoá, giáo-dục và y-tế.

Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm trên, chính-sách thiếu-số của Cộng-sản Hoa-lục cũng đã mắc phải một số nhược-diểm. Thật vậy, trong thời kỳ cải-cách xã-hội trong các khu-vực thiếu-số, chính-quyền Trung-Cộng đã gieo rất nhiều hạt giống bất hoà trong các thành phần xã-hội khác nhau của các khu-vực này. Từ mảnh đất bất hoà đó, đã mọc lên một hình-thức mới của kỳ-thị và áp-bức. Kỳ-thị giữa các cán-bộ Hán-tộc và thiếu-số, áp-bức giữa các thành-phần trung-kiên của Đảng và những thành-phần thường dân. Các hình-thái kỳ-thị và áp-bức mới này đã bắt đầu phát-triển mạnh đến nỗi dân thiếu-số đã công khai biểu-lộ các phản-ứng.

Ở trong tỉnh Vân-Nam chẳng hạn, dân thiếu-số thường chỉ-trích công-khai các cải-cách xã-hội của Cộng-sản. Trong các dư-luận chống đối này chúng ta ghi nhận ("giai-cấp và giai-cấp đấu-tranh trong các khu-vực của người thiếu-số là do Đảng Cộng-sản Trung-Hoa tạo ra", "Cải-cách dân-chủ chỉ là cố tạo nên một sự kỳ-thị chủng-tộc mới". Đời sống của các chủng-tộc thiếu-số cũng vẫn không có gì tốt đẹp hơn những ngày tiền cách-mạng") (57). Các báo-cáo chính-thức của Trung-Cộng có dấu-diểm những tin-tức về các hành-động, phong-trào phản đối trừ các trường-hợp nội-loạn trên một đại quy-mô như đã bùng nổ ở Tây-Tạng và Tân-Gương. Tuy nhiên có một đoạn trong một bài báo nhan đề "vấn-đề chủng-tộc hiện tại trong quốc-gia chúng ta và vấn-đề đấu-tranh giai-cấp" do Lin Ch'un Phó Chủ-tịch Ủy-ban đặc-trách các vấn-đề chủng-tộc đăng trong nhật-báo Hồng-kỳ (Redflag) - Hung Ch'i - ngày 3-6-1964 : "Trong những năm gần đây các hoạt-động của các

(57) "Class and class-struggle in the minority area are created by the Communist party; Democratic reform is to create a racial split; the livelihood of the minority people is not as good as in the pre-liberation days" Yunnan Daily 22-8-1957.

phần-tử thiên-tả ở địa-phương (ám chỉ Trung-Hoa quốc-gia) đã len lỏi vào các khu-vực thiểu-số". Nói khác, sự kiện này có nghĩa rằng phản ứng và chống đối của dân thiểu-số không phải chỉ có tính-cách ngầm ngầm song có lẽ đã bùng nổ thật sự.

Trong việc thực-thi chính-sách chủng-tộc, chính-quyền Trung-Cộng trong những năm gần đây đã không ngừng báo-động các cán-bộ Hán-tộc canh-cải mối tương-quan giữa chính-quyền với đồng-bào thiểu-số để vượt qua các trở ngại cho chủ-nghĩa Đại Hán. Mặt khác Trung-Cộng cũng đồng thời lưu ý các chính-quyền tự-trị địa-phương các hành tung của những thành-phần quốc-gia địa-phương, thiên-tả, có thể đang cố tìm cách đòi hỏi sự độc-lập chính-trị và ly-khai khỏi sự cai-trị của Cộng-sản.

Chính-quyền Trung-Cộng trong những năm vừa qua đã không phút giây lơ là việc thực-thi sự đấu tranh ý-thức-hệ và kiểm-thảo chống đối các thành-phần mà Cộng-sản cho là phản-động, thiên-tả, bảo thủ trên. Những chỉ-trích nặng nề và các phong-trào đấu-tố được thực-hiện quy-mô trong thời kỳ "Tram hoa đua nở" và tiếp đó là cả một phong-trào vận-động chống lại lực-lượng thiên-tả giữa 1957-1958. Trong thời-kỳ này, một số trí-thức thiểu-số đã công-khai chỉ-trích chống lại chính-sách của nhà nước đối với các chủng-tộc thiểu-số. "Một số người nói Cộng-sản đã làm bẽ-tác công cuộc cải-cách xã-hội; một số người khác cho rằng chính Cộng-sản đã làm suy sụp phong-trào hợp-tác-xã và một số người khác đã phàn nàn rằng thực-phẩm đã trở nên khan hiếm hơn vì những tiện nghi hàng ngày đã suy giảm rõ rệt" (58). Kết-quả là một số trí-thức thiểu-số bị tẩy não song những biện-pháp đàn áp không đủ mạnh-mẽ để loại bỏ ảnh-hưởng lẫn lủa của chủ-nghĩa quốc-

(58) Kuang Ming daily 26-12-1957.

gia địa-phương. Trong những năm gần đây, những rối ren địa-phương đã buộc Trung-Cộng lưu ý và 1963 chính-quyền đã tự ý sửa sai để duy-trì công cuộc kiểm-soát các chủng-tộc thiểu-số. Công việc làm thứ nhất là sáng kiến năm 1963 của phong-trào giáo-dục xã-hội dựa trên giai-cấp đấu tranh. Để thực-hiện cuộc đấu-tranh bằng một phương-pháp đã điều-nghiên kỹ-lưỡng, Cộng-sản đã tái chủ-trương giai-cấp chống đối nhau và tạo một tình-trạng phân-biệt chủng-tộc giữa các dân-tộc thiểu-số. Cùng lúc đó, họ quyết-tâm khai-trừ ảnh-hưởng của chủ-nghĩa quốc-gia địa-phương đang len lõi coi như là vấn-đề sinh-tử của công cuộc phòng thủ quốc-gia. Một bài báo nhan đề "Phát-triển giáo-dục toàn giai-cấp giữa các chủng-tộc thiểu-số" đăng trong tạp-chí "Đoàn-kết chủng-tộc" ngày 8-1963 được ghi nhận : "Để thực-hiện giấc mộng phục-hưng chế-độ cai-trị phong-kiến và để che đậy bản-chất thực-sự của các hoạt-động chống Đảng, chống Chủ-nghĩa xã-hội, bọn giai-cấp phản-động len lõi trong hàng ngũ các chủng-tộc thiểu-số đang cố làm tê liệt ý-thức giai-cấp nơi quần-chúng. Trong khi đó, do sự kiện hầu hết các khu-vực đồng-bào thiểu-số đều nằm trên các vùng biên-giới của Hoa-lục và các lân-bang, đế-quốc, phản-động cũng như bọn xét lại đang mưu đồ lật đổ quốc-gia để xúi giục các chủng-tộc thiểu-số tách rời khỏi con đường xã-hội-chủ-nghĩa".

Những tiết-lộ đó cho chúng ta thấy rằng, chính-sách thiểu-số của Trung-Cộng đang phải đương đầu với những phản-ứng của các chủng-tộc thiểu-số. Sự kiện này nói lên rõ-rệt chính-sách của Cộng-sản chỉ thành-công trong giai-đoạn đầu khi mà các hình-thức mị dân đã chưa bị bại lộ, nhưng giai-đoạn sau, giai-đoạn mà âm-mưu chính-trị của Cộng-sản đã tự nó phát-giác, chính-sách đó chỉ đem lại những bất ổn, chống đối, nhận xét đó khó lòng bị phủ-nhận vì chính Cộng-sản Hoa-Lục cũng đã phải nhìn nhận và một mặt tìm cách sửa sai và một mặt tìm cách khai-trừ các nhóm chống đối để siết chặt thêm quyền-hành chính-trị của chế-độ trên các chủng-tộc thiểu-số.

ĐOẠN II

CHÍNH SÁCH THƯƠNG VỤ CỦA NỀN ĐỆ II CỘNG HÒA

A.- NHU-CẦU VÀ NGUYỄN-VỌNG CỦA ĐỒNG-BÀO SƠN-CƯỚC.

Trong phần thứ nhất, chúng tôi đã nghiên-cứu trình bày nguồn-gốc và phong-tục của Đồng-bào Sơn-cước. Một số chỉ điểm về phong-tục và sinh-hoạt của người sơn-cước cho thấy nhiều trường-hợp ngẫu nhiên liên-hệ đến nguồn-gốc giữa người kinh và người thượng. Từ truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên của người Việt-Nam đến chế-độ mẫu hệ, sinh-hoạt cưới hỏi, ma chay, đến đời sống tâm linh tín-ngưỡng của đồng-bào sơn-cước đã giúp cho những bộ-lạc hiện-sinh sống rải-rác trên những vùng đồi núi Việt-Nam và những người Việt ở đồng bằng xích lại gần nhau trong mối tình đồng-bào. Như vậy thì trên phương-diện tình-cảm, người Việt-Nam không thể lơ-là với cuộc sống tâm-tối, đầy đoạ hiện tại của người sơn-cước và hơn nữa dù cho kinh-thượng có bắt nguồn từ những nguồn-gốc chủng-tộc khác nhau thì bổn-phận của một quốc-gia trên phương-diện pháp-lý phải bảo-bọc, nâng đỡ mọi công-dân không phân-biệt nam nữ, tôn-giáo, chủng-tộc. Đồng-bào sơn-cước kể từ thời Pháp-thuộc với chính-sách ngu dân và chia để trị của chính-quyền đô-hộ đã làm cho đồng-bào sơn-cước lạc-hậu hơn, xa lạ hơn với đồng-bào kinh sinh sống tại đồng bằng. Trong bài diễn-văn của ông Paul Nư,

Đặc-ủy trưởng Thượng-vụ lúc bấy giờ, đọc trước đại-hội các sắc-tộc thiểu-số tại Pleiku ngày 25-6-1967 đã xác nhận rõ-rệt chính-sách này của thực-dân Pháp "Trong hơn nửa thế-kỷ độc-quyền khai-hoá cho dân miền Thượng, trong gần một triệu dân chỉ có khoảng 3.000 người biết đọc. Qua đen thời Bảo-Đại thì với chế-độ Hoàng-Triều cường Thố, đất khu-vực cao-nguyên thành đất của Hoàng-triều, mọi sự di-cư của người Kinh lên Cao-nguyên đều bị hạn-chế. Do đó giữa Kinh và Thượng bị phân-hoá trong hơn nửa thế-kỷ dưới ách đô-hộ của Pháp, nay vẫn còn có sự ngăn cách không có dịp giao-tiếp thông cảm để dừ đất nhau cùng tiến-bộ và cùng xây-dựng quốc-gia."

Thật vậy, từ năm 1949 đến 1954 với bản quy-chế số 10 ngày 21-5-1951, chính-sách sống chết mắt bầy được thể-hiện rõ-rệt, nhất là công cuộc cải-cách chỉ có trên giấy tờ mà thôi. Và rồi đến Chính-phủ Ngô-Đình-Diệm, tình trạng của Đồng-bào Sơn-cước vẫn không có gì cải-thiện sau non một thế-kỷ. Trước tình-trạng bi đát của gần một triệu người sơn-cước, Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm đã tuyên-bố chính-sách dân-tộc-hoá để quyết-liệt khai-hoá vùng sơn-cước trong buổi lễ tuyên-thệ của Đồng-bào Sơn-cước tại Ban-Mê-Thuật ngày 12-6-1955. Tuy nhiên thiện-chí quá trớn của chính-quyền đã vấp phải những sai lầm sau đây :

- Không tôn-trọng phong-tục, tập-quán, ngôn-ngữ của Đồng-bào Sơn-cước.
- Thực-hiện nhiều cải-cách quá mạnh mà không chuẩn-bị trước.
- Phủ nhận quyền sở-hữu đất đai truyền-thống của Đồng-bào Sơn-cước.

Hậu-quả của những sai lầm trên là xã-hội sơn-cước bị giao-động mạnh, họ có cảm-tưởng là mất hết tự-do. Nhất

là trên thực-tế những lời tuyên-bố và cam-kết của Chính-phủ chỉ là sáo-ngữ. Công cuộc di-dân lập-áp tại Cao-nguyên Trung-phần và chính-sách kỳ-thị thể-hiện trong khắp các ngành hoạt-động đã làm cho các trí-thức người sơn-cước gồm các sắc dân Bahnar, Jarai, Rhadé, Koho nổi lên tranh đấu và đưa ra các yêu-sách nguyện-vọng của họ trong tháng 7/1958. Nghiên-cứu Bản nguyện-vọng đấu-tranh của đồng-bào sơn-cước của phong-trào Bajaraka, chúng ta thấy đồng-bào sơn-cước không có đứng lên đòi quyền tự-trị mà chỉ vạch ra những sai lầm bất công để nhà cầm quyền tùy-nghĩ giải-quyết.

Trước tình-hình đó, Chính-phủ đã cho thành-lập một cơ-quan thượng-vụ mệnh-danh là "Nha công-tác xã-hội miền Thượng" đặt tại Huế thuộc miền Bắc Trung-phần và sau đó những nhân-vật trong phong-trào Bajaraka đều bị bắt giữ. Mãi đến ngày 1-11-1963, những nhân-vật này mới được chính-quyền phóng thích. Từ đó đến nay, chính-quyền đã liên-tiếp mở nhiều cuộc đại-hội Kinh-Thượng để hàn gắn những sai lầm của thời tiền cách-mạng và cùng nhau giải-quyết những nguyện-vọng của đồng-bào sơn-cước. Chúng ta lần-lượt ghi nhận theo thứ tự thời-gian các đại-hội Kinh-Thượng sau đây :

- Ngày 5-5-1964, Chính-phủ đã mời 64 nhân-sĩ đại-diện đồng-bào sơn-cước toàn-quốc về Saigon thăm viếng Thủ-đô để chính-quyền Trung-ương có dịp tham-khảo ý kiến và nguyện-vọng của người sơn-cước.

- Ngày 26-8-1964 Bộ Tư-lệnh Quân-đoàn II tổ-chức tại Pleiku đại-hội các sắc dân sơn-cước vùng II Chiến-thuật, có 55 đại-diện các sắc dân sơn-cước về tham-dự. Mục-đích của đại-hội cũng là để tham-khảo nguyện-vọng của đồng-bào Thượng để hoạch-định một đường hướng công-tác rõ rệt cho vấn-đề Thượng. Những nguyện-vọng mà đại-diện các sắc dân sơn-cước vùng II Chiến-thuật đưa ra trong kỳ đại-hội này chưa được Chính-phủ chú ý xét thì vào ngày 20-9-1964



Lễ đâm trâu
(Trước khi hành lễ)

phong-trào Fulro bạo-động tại Ban-Mê-Thuật tiến chiếm dài phát-thanh thị-xã. Ông Đặc-ủy trưởng Thượng-vụ đã nhận định về vụ bạo-động ngày 20-9-1964 của nhóm Fulro trong dịp tiếp xúc với thân-hào nhân-sĩ và đồng-bào sơn-cước thuộc tỉnh Quảng-Đức ngày 5-5-1966 như sau ; "Chúng ta thấy rằng, thời-gian từ Đại-hội 26-8-1964 đến vụ bạo-động của nhóm Fulro ngày 20-9-1964 chưa đầy một tháng thì Chính-phủ làm sao thỏa-mãn đầy đủ nguyện-vọng của Đồng-bào Sơn-cước nếu không muốn tác-trách hay mỉ-dân".

- Ngày 17-10-1964 Chính-phủ đã cho triệu-tập lại đại-hội các sắc tộc sơn-cước vùng II Chiến-thuật tại Pleiku. Mục-đích là để kiểm-điểm lại những nguyện-vọng của đồng-bào sơn-cước trong kỳ đại-hội 26-8-1964. Tham-dự có 73 thân-hào nhân-sĩ sơn-cước vùng II Chiến-thuật. Đại-hội đã thảo-đạt thành-qua rục-rỡ và những quyết-nghị của Đại-hội 17-10-1964 là căn-bản của chính-sách thượng-vụ Dân-tộc, Hoà-đồng, Đồng-tiến. Trong kỳ đại-hội này, đại-diện Đồng-bào Sơn-cước các tỉnh đã đưa ra ba nguyện-vọng :

- Xin có một chính-sách thượng-vụ hữu-hiệu.
- Xin thiết-lập một tổ-chức đặc-trách vấn-đề Thượng có tầm quan-trọng hơn là một Nha.
- Xin có chương-trình nâng-đỡ thiết-thực Đồng-bào Sơn-cước.

- Ngày 17-10-1966, Chính-phủ lại tổ-chức tại Pleiku một đại-hội Kinh-Thượng nhằm kiểm-điểm các thành-qua thượng-vụ trong hai năm sau ngày đại-hội 17-10-1964.

Trong tất cả 4 kỳ đại-hội lớn vừa kể cũng như trong các cuộc hội-thảo, nguyện-vọng và quyết-nghị của đồng-bào sơn-cước có thể tóm lược vào ba điểm sau đây :

1)- Xin Chính-phủ ban-hành một chính-sách Thương-vụ hữu-hiệu để thể-hiện sự bình-dẳng, tự-do, đoàn-kết giữa Kinh và Thương và xoá bỏ những bất công từ trước.

2)- Xin lập một cơ-quan thẩm quyền nâng đỡ đồng-bào sơn-cước. Về thỉnh-cầu này trong dịp về thăm thu-đô 5-5-1964 các phái-đoàn đã xin cải-tổ Nha công-tác xã-hội miền Thương thành Nha đặc-trách Thương-vụ thuộc Bộ Quốc-Phòng. Đến đại-hội 25, 26-8-1964 xin đặt Nha Đặc-trách Thương-vụ thuộc Phủ Thủ-Tướng đến đại-hội 17-10-1964 lại xin nâng Nha Đặc-trách Thương-vụ lên hàng Phủ Đặc-ủy Thương-vụ.

3)- Xin có chương-trình nâng đỡ đặc-biệt cho đồng-bào sơn-cước trên các địa-hạt hành-chánh, chính-trị, văn-hoá, kinh-tế, xã-hội theo nhu-cầu thực-trạng và nguyện-vọng của Đồng-bào Sơn-cước. Các biên-bản đều ghi rõ thỉnh nguyện chi-tiết của phái-đoàn đại-diện Đồng-bào Sơn-cước từng tỉnh trên mọi địa-hạt. Tuy nhiên, nhu-cầu và nguyện-vọng của Đồng-bào Sơn-cước được quảng-diễn đúng đắn và đầy đủ trong bản thỉnh-nguyện ngày 25, 26-6-1967 được dùng làm căn-bản cho quy-chế riêng biệt của Đồng-bào Sơn-cước đó là quy-chế 033/67 ngày 29-08-1967.

Mục 1.- CHÍNH-TRỊ - KINH-TẾ

TRÊN PHƯƠNG-DIỆN CHÍNH-TRỊ

Chúng ta ghi nhận những nguyện-vọng sau đây :

1) Thỉnh-cầu nâng Phủ Đặc-ủy Thương-vụ thành lập do Sắc-lệnh số 21/SL/HP/VP ngày 22-2-1966 lên Bộ Thương-vụ hay Bộ Thiểu-số ngang hàng với các Bộ khác để tăng cường các nỗ-lực nâng-cao đời sống Đồng-bào Sơn-cước.

2) - Yêu-cầu thành-lập Hội-đồng các sắc tộc thiểu-số căn-cứ trên các điều-khoản 97, 98 của Hiến-pháp 1-4-1967 để tư-vấn cho Chính-phủ và Quốc-hội về các vấn-đề liên-quan đến Đồng-bào Sơn-cước và thiểu-số.

3) - Yêu-cầu cho các công-chức gốc Thượng được hưởng những điều-kiện nâng đỡ như sau :

- Bổ-nhiệm vào các chức-vụ tương-xứng với khả năng và thiện-chí của từng người.
- Được hưởng những điều-kiện rộng-rãi trong các kỳ thăng thưởng, nhập ngạch tu-nghiệp.

4) - Xin tiếp-tục đào-tạo để tăng cường thêm các cấp chỉ-huy và nhân-viên hành-chánh người Kinh phục-vụ trên miền Thượng; họ cần được huấn-luyện để hiểu rõ và thực-thi đúng chính-sách Thượng-vụ của Chính-phủ.

5) - Xin phát-triển mạnh thêm chương-trình phổ-biến văn-hoá và chính-sách thượng-vụ để gây sự hiểu biết và tạo niềm thông-cảm giữa đồng-bào Kinh và các sắc tộc thiểu-số qua báo-chí, sách vở, đài phát-thanh và các phương-tiện khác.

6) - Yêu-cầu cho thành-lập trong phạm-vi từng tiểu khu : những lực-lượng địa-phương gồm các thanh-niên thiểu-số tình-nguyên gia-nhập và do cán-bộ người thiểu-số được đào-tạo bởi các trung-tâm huấn-luyện quốc-gia chỉ-huy, để được trực-tiếp chống xâm-lăng Cộng-sản, bảo-vệ cao-nguyên và buôn áp.

7) - Thỉnh-cầu cho các thanh-niên thiểu-số được tiếp-tục hưởng biện-pháp giảm điều-kiện văn-bằng để theo học trường sĩ-quan và hạ-sĩ-quan Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hoà.

8)- Xin tiếp-tục lựa-chọn và giao-phó cho các sĩ-quan và hạ-sĩ-quan người thiếu số những chức-vụ chỉ-huy tương-xứng với khả-năng và thiện-chí của từng người.

9)- Thỉnh-cầu cho con em quân-nhân, công-chức hay những gia-đình đồng-bào thiếu-số có người hy-sinh vì tổ-quốc được tiếp-tục thâu-nhận vào các trường thiếu-sinh-quân cao-nguyên và quốc-gia nghĩa-tử-cuộc với những điều-kiện nâng-đỡ đặc-biệt.

TRÊN PHƯƠNG-DIỆN KINH-TẾ

Chúng ta ghi nhận những nguyện-vọng sau đây :

1)- Xin sớm ban-hành luật kiến-điền dành riêng cho đồng-bào Thượng với những điều-kiện phù-hợp với thực-trạng và tập-quán để công nhận quyền sở-hữu đất đai của Đồng-bào Sơn-cước.

2)- Xin thành-lập một cơ-quan nghiên-cứu và phát-triển nông-nghiệp của đồng-bào thiếu-số.

3)- Xin tiếp-tục giúp đồng-bào thiếu-số cải-tiến kỹ-thuật canh-tác, chăn nuôi, mở mang tiểu-công-nghệ, thương-mãi, công, kỹ-nghệ v.v...

4)- Xin mở mang các đường sá giao-thông trên cao-nguyên để tiện cho việc đi lại buôn-bán.

Mục 2.- XÃ-HỘI - VĂN-HÓA

TRÊN PHƯƠNG-DIỆN XÃ-HỘI

Đồng-bào Sơn-cước thỉnh-cầu Chính-phủ tùy tình-hình và thực-trạng mỗi địa-phương, thực-hiện những chương trình cải-tiến dân-sinh cho đồng-bào sơn-cước như sau :

1)- Thiết-lập thêm bệnh-xá, nhà hộ-sinh, trạm thuốc, tăng cường đoàn y-tế lưu-động cùng mở mang các cơ-sở y-tế khác và yểm-trợ đầy đủ thuốc men, tăng cường thêm nhân-viên cho các cơ sở đó để chăm nom săn-sóc sức khỏe cho đồng-bào Sơn-cước đồng-thời giáo-dục về vệ-sinh, y-tế.

2)- Xin mở mang trường đào-tạo cán-bộ y-tế các cấp người thiếu-số để tự săn-sóc sức-khoẻ cho đồng-bào.

3)- Trong các trường-hợp thiên-tai hoả-hoạn thiên cư vì Công-sản tùy theo nhu-cầu cần-thiết của đồng-bào, xin có chương-trình trợ giúp đặc-biệt và hữu-hiệu để đồng-bào sớm tiến tới tự-túc.

4)- Xin thành-lập các cô-nhi-viện tại mỗi địa-phương.

TRÊN PHƯƠNG-DIỆN VĂN-HÓA GIÁO-DỤC

Chúng ta ghi nhận những nguyện-vọng và thỉnh-cầu sau :

1)- Trong phần chương-trình phát-triển chung, thỉnh-cầu Chính-phủ mở thêm trường Trung-học, Tiểu-học, xây cất Ký-túc-xá để con em thiếu-số có đủ chỗ học-hành.

2)- Thỉnh-cầu tiếp-tục giúp đỡ và cấp thêm học-bổng cho con em thiếu-số có phương-tiện theo học các trường Trung, Đại-học và chuyên-nghiệp trong và ngoài nước.

3)- Xin tiếp-tục cho con em thiếu-số được hưởng những biện-pháp nâng đỡ đặc-biệt trong các kỳ thi lấy bằng hay nhập-học các trường chuyên-môn như : giảm điều-kiện văn-bằng, dùng tỷ-lệ hay miễn thi nhập học, tăng điểm để được chấm đậu.

4)- Xin sớm thực-hiện chương-trình dạy thổ-ngữ với chương-trình Việt-ngữ tại bậc Tiểu-học. Chương-trình dạy thổ-ngữ chú trọng tới phong-tục tập-quán của các sắc dân.

5)- Thỉnh-cầu Hội-đồng các sắc tộc thiếu-số tương-lai nghiên-cứu :

- thành-lập viện bảo-tàng nhân-chúng tại nhiều nơi trên toàn-quốc để bảo-vệ và phát-huy văn-minh cổ của Việt-Nam.
- thành-lập một viện nghiên-cứu các sắc tộc để giúp đỡ chính-phủ thiết-lập các kế-hoạch phát-triển đời sống đồng-bào thiếu-số.

6)- Xin ban-hành chính-sách cưỡng bách giáo-dục cho con em đồng-bào sơn-cước.

7)- Xin tôn-trọng và bảo-vệ các di-tích lịch-sử của người thiếu-số.

8)- Trên căn-bản tôn-trọng phong-tục tập-quán của đồng-bào thiếu-số xin tiếp-tục duy-trì các toà-án phong-tục xã, quận, tỉnh tái-lập theo Sắc-lệnh số 006/65 ngày 22-7-1965 và xin thiết-lập thêm tại vùng hiện chưa có luật lệ bất thành văn xin sưu-tầm và điển-chế.

Mục 3. - NHẬN XÉT VỀ CÁC NHU-CẦU VÀ NGUYỆN-VỌNG

Như chúng ta đã biết sau Cách-mạng 1-11-1963, phong-trào đồng-bào sơn-cước đã nổi dậy tại một số tỉnh tạo Cao-nguyên Trung-phần. Sự biểu-dương lực-lượng của họ trên phương-diện chính-trị là một mặt trận liên-hiệp các sắc dân bị áp-bức cho nên Mặt Trận đã liên-kết các sắc dân Chăm và người Việt gốc Miên; trên phương-diện quân-sự các đơn-vị dân-sự chiến-đấu người sơn-cước tại các trại Sarpa, Bandon, Buprang, Miga đều nổi loạn tàn sát các quân-nhân Việt-Nam rồi tiến quân chiếm đóng đòi phát-thành Ban-Mê-Thuật. Chính trong bối-cảnh chính-trị này, những nguyện-vọng của phong-trào sơn-cước mới phản ảnh trung-thực những đòi hỏi của đồng-bào Cao-nguyên Trung-phần như :

- 1.- Kiểm-soát trực-tiếp nền hành-chánh Cao-nguyên.
- 2.- Tham-gia rộng-rãi các sinh-hoạt chính-trị.
- 3.- Trả lại quyền sở hữu đất đai tại Cao-nguyên.
- 4.- Tự do phát-triển phong-tục tập-quán.

Dù rằng trước những dồn ép của thời cuộc, những nguyện-vọng trên do phong-trào Fulro đưa ra ngày 20-9-1964 thật ra cũng không có gì cực đoan và quá đáng. Cái nguyện-vọng mà nhiều người nhìn với ngờ vực dè dặt là việc kiểm-soát trực-tiếp nền hành-chánh Cao-nguyên. Song lẽ nếu chúng ta đã sinh sống tại Cao-nguyên ở một khu-vực mà mọi yếu-tố cấu-tạo đều liên-hệ gần xa với sinh-hoạt của đồng-bào sơn-cước và với sự trưởng thành thực sự của một số lớn trí-thức sơn-cước được đào-tạo ở các trung-tâm giáo-dục quốc-gia, Cao-nguyên không thể nào đặt ngoài tầm tay của các thành-phần cốt cán này nhất là trên ^{lãnh} vực hành-chánh, lãnh-vực giữ vai-trò điều-hợp mọi sinh-hoạt quân-sự, kinh-tế, chính-trị và an-ninh tại đây.

Chúng ta đồng ý đường-lối tranh-thủ cho những nguyện-vọng chính đáng của mình bằng bạo-động, nổi loạn là đường-lối tranh-đấu đầy nguy-hiêm cho quốc-gia nhưng ở trong cái hoàn-cảnh của một tầng lớp người bị lãng quên từ đời này qua đời khác, ~~và~~ những tiếng kêu cứu đã như những tiếng quốc-quốc lạc-long trong đêm thì còn đường-lối tranh-đấu nào khác hơn là đường-lối bạo-động, nổi-loạn để thức tỉnh nhà cầm-quyền. Tuy nhiên lúc phong-trào Fulro nổi lên tại Darlac người ta đã không tìm thấy tên tuổi của một số lãnh-tụ chính-trị trước đây đã đoàn-kết trong phong trào Bajaraka. Nhiều người sơn-cước nói rằng rút kinh-nghiệm của phong-trào Bajaraka, các chiến-hữu cách-mạng của phong-trào Fulro đã đồng-ý phân chia làm hai nhóm, nhóm tích-cực làm áp-lực có chân trong phong-trào Fulro và nhóm tiêu-cực, ôn-hoà duy-trì cuộc Thương-nghị với chính-quyền đứng ngoài phong-trào ? Có lẽ vì vậy mà chúng ta thấy trong năm 1965 khi những yêu-sách của phong-trào đang được chính-quyền cứu xét, cường-độ bạo-động đã tăng gia mạnh-mẽ và một số nhu-cầu nguyện-vọng của phong-trào Fulro cũng cực-đoan và quyết-liệt hơn như :

- 1.- yêu-cầu lập liên-bang Cao-nguyên Việt-Nam
- 2.- "Chúng tôi phải có quốc-kỳ riêng"
- 3.- một lực-lượng quân-sự riêng.

Trong lúc đó thì nhóm ôn-hoà vẫn tiếp-tục cuộc thương-nghị để đi đến việc chấp-thuận của chính-quyền đối với những nguyện-vọng và nhu-cầu đã được phong-trào Fulro đề-xướng trong năm 1964. Thực ra, những nhu-cầu nguyện-vọng chính-thức của đại-hội các sắc dân thiểu-số trong năm 1967 (25, 26-6-1967) chẳng khác gì mấy những nguyện-vọng ban đầu của phong-trào Fulro năm 1964 nhất là những nguyện-vọng đó đã duy-trì được tính-chất hoà-đồng dân-tộc qua nguyện-vọng số 4 (phương-diện chính-trị) "Xin tiếp-tục đào-tạo để tăng cường thêm các cấp chỉ-huy và nhân-viên hành-chánh người Kinh phục-vụ trên miền sơn-cước; họ cần được huấn-luyện để hiểu rõ và thực-thi đúng chính-

sách thương-vụ của Chính-phủ" và trên phương-diện văn-hoá giáo-dục "xin thực-hiện song-hành việc dạy Việt-ngữ và thổ-ngữ tại bậc Tiểu-học tại Cao-nguyên", và hơn nữa gần đây ngày 1-2-1969 toàn-bộ lực-lượng Fulro gồm 5.971 người đã trở về hợp-tác với chính-quyền.

Qua những thành-quả đã được ghi nhận từ ngày ban hành Sắc-luật 033/67 ấn-định chính-sách thương-vụ của nền Đệ II Cộng-Hoà, chúng ta nhận thấy một số lớn những nguyện vọng trên đã được chính-quyền lưu-tâm giải-quyết và thực-hiện, tuy nhiên chúng ta vẫn phải nhìn nhận hai khiếm-khuyết trầm-trọng sau :

- Không có một kế-hoạch cải-cách thiết-thực ấn-định thời-gian và mục-tiêu của kế-hoạch cùng là các giai-đoạn thực-hiện dựa trên các yếu-tố địa-lý và nhân-văn tại Cao-nguyên. Do đó đời sống của đồng-bào Sơn-cước tại Cao-nguyên trên phương-diện xã-hội và kinh-tế chưa được cải-thiện mấy nhất là tình-hình an-ninh chưa thực sự được văn hồi tại khu-vực này. Nếu trong năm 1964 và trước đó, sự lưu-thông giữa các tỉnh trên Cao-nguyên bằng đường bộ rất thuận-tiện và an-ninh thì nay việc giao-thông trên bộ đã bị thu hẹp trong phạm-vi các vùng phụ cận thành-phố mà thôi. Tình-hình an-ninh đã ảnh-hưởng lớn lao đến công cuộc phát-triển kinh-tế, xã-hội của Cao-nguyên. Trên phương-diện nhân-văn, người Việt-Nam cũng như Cộng-sản Bắc-Việt khó mà kiểm soát được khu-vực núi đồi này nếu không có sự hợp-tác của đồng-bào sơn-cước.

- Các biện-pháp cải-cách trên phương-diện hành-chánh chưa thực-thi đúng mức do đó có thể coi như nguyện-vọng căn-bản và khẩn-thiết của đồng-bào sơn-cước chưa được thoả-mãn. Phương-diện này đã làm nản lòng những người trí-thức trẻ trung sơn-cước đang ôm-ấp hoài-bảo thổi vào khu-vực này một luồng sinh-khí mới : hợp-tác để cùng tiến-bộ. Việc trẻ-trung-hoá bộ máy hành-chánh Cao-nguyên mới mong canh-tân xã-hội sơn-cước trong chiều-hướng tiến-bộ. Yếu-tố

này cũng đóng góp một phần lớn trong công cuộc văn hồi an-ninh tại Cao-nguyên.

* * *

B.- SẮC-LUẬT 033/67 NỘI-DUNG VÀ THÀNH-QUẢ

Mục 1. - BỐI-CẢNH CHÍNH-TRỊ VÀ PHÁP-LÝ CỦA CHÍNH-SÁCH THƯƠNG-VỤ HIỆN TẠI QUA SẮC-LUẬT 033/67.

Vấn-đề Đồng-bào Thiểu-số là một vấn-đề mà hầu hết các quốc-gia trên thế-giới đều phải lưu-tâm giải-quyết : Áo với người Slo-vène, Croate, Pháp với người Bretons, Alsaciens. Hoa-Kỳ với người da đen, da đỏ, Miến-Điện với người Karen, Shan, Kachin, Thái-Lan với sắc dân Kni Phu Thai, Karen Mon Mèo, Mã-Lai với các bộ-lạc Kadazad, Bajau, Murut... Đồng-bào Sơn-cước nói ở đây là những bộ-lạc sống rải-rác ở những vùng núi đồi miền Nam Việt-Nam (từ Quảng-Trị xuống đến tỉnh Long-Khánh) mà nguồn gốc của họ thuộc nhiều chủng-tộc khác nhau. Nếu có dịp dừng chân lại bất cứ thành-phố nào thuộc Cao-nguyên chúng ta sẽ được thấy tận mắt những người sơn-cước; chúng ta thấy vẫn có lý do và vẫn còn xác-thực khi có nhiều người gọi những người Thượng sinh sống tại vùng Cao-nguyên là "Mọi".

Thật vậy, thực-trạng sinh-sống của Đồng-bào Thiểu-số miền sơn-cước là một xúc-dộng cho những ai hàng quan-tâm đến họ. Đi sâu vào trong các buôn ấp của người Thượng tại Cao-nguyên, những căn nhà sàn, xơ xác điêu-tàn, dân-chúng sống lây lất vô tổ-chức, khổ sở, thiếu vệ-sinh hơn 90 o/o thanh-thiếu-niên Nam, Nữ thất học. Chúng ta phải chưa chát nhìn nhận rằng các chính-quyền liên-tiếp chưa

có một cố-gắng thiết-thực nào để canh-tân xã-hội miền Cao-nguyên trên các địa-hạt giáo-dục, kinh-tế, xã-hội nhất là trong khoảng thời-gian từ 1954-1966. Thật ra từ hồi Pháp thuộc và qua các chế-độ chính-trị tại Việt-Nam, người ta cũng đã chú ý đến đồng-bào sơn-cước, đến vùng đồi núi bao la trù-phú tiếp-giáp biên-giới các lân-bang Cao-Miên và Ai-Lao song vì những mục-đích khác nhau.

Người Pháp chiếu-cổ đến Cao-nguyên vì nơi đây là một vùng đồi núi phì-nhiều mà theo các nhà địa-chất-học thì nơi đây được tạo lập bởi địa xác (plissements terriens) trường-sơn đã tạo thành một vùng đất đỏ màu mỡ rất thuận lợi cho việc khai-khẩn đồn-diễn. Hơn nữa hình ảnh của những thanh-niên sơn-cước Rhadé, Jarai, Bahnar, Sédang, Koho cường-tráng can-đảm là nguồn nhân-lực đáng kể cho công cuộc khai-thác kinh-tế và quân-sự của mầu-quốc Pháp. Chính vì lý do duy nhất muốn dành độc-quyền khai-thác Cao nguyên mà vào năm 1898 viên Khâm-sứ Trung-kỳ Boulloche đã đề-nghị lên Cơ-mật-viện để yêu-cầu đặt vùng sơn-cước dưới sự cai-quản trực-tiếp của người Pháp. Yêu-cầu này được chuẩn-y và từ năm 1899 vùng sơn-cước miền Nam bắt đầu thuộc quyền cai-trị trực-tiếp của người Pháp qua các toà Đại-lý...

Ngoài vị-trí canh-nông tuyệt-diệu Cao-nguyên miền Nam còn là nơi sản bán lý-tưởng và khung-cảnh thiên-nhiên thơ mộng qua những thắng cảnh nổi tiếng. Đó cũng là một trong nhiều lý do khiến Hoàng-Đế Bảo-Đại chấp nhận các điều-khoản của giặc-thư ngày 8 tháng 3 năm 1949 của nước Pháp nhằm ban-hành quy-chế Hoàng-triều cương-thổ biến vùng sơn-cước thành một khu-vực tự-trị tách rời khỏi lãnh thổ Việt-Nam và dưới sự đặc quản của vị Khâm-mạng Hoàng-triều. Một quy-chế riêng cho các sắc dân tại Cao-nguyên miền Nam với những điều-khoản có tác-dụng phổ-trương lấy lệ thể-hiện một chính-sách sống chết mặc bầy cũng đã được ban-hành bởi Đạo-dụ 16/QT/TĐ ngày 21-5-1951.

Chính-sách chia để trị của Pháp được tiếp nối bởi chính-sách của triều-đại cuối cùng của nhà Nguyễn đã làm cho khu-vực này trở thành xa lạ, bí hiểm đối với đất nước Việt-Nam. Nhưng việc phải đến đã đến, ngày 10-8-1954 đánh dấu ngày cáo-chung của chế-độ Hoàng-triều Cương-thổ và khu-vực này đã quy hoàn lãnh-thổ Việt-Nam ngày 11-3-1955 sau khi ông Ngô-Đình-Diệm về chấp-chính. Dưới chế-độ của Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm một cơ-cấu hành-chánh được thiết lập để phụ-trách công việc liên-quan đến đồng-bào sơn-cước miền Nam đó là "Nha công-tác xã-hội miền Thượng" trực thuộc Phủ Tổng-Thống được đặt tại Cố-đô Huế, và một chính-sách Thượng-vụ được cấp thời thực-hiện nhằm hai mục-đích chính :

1)- Lấy Cao-nguyên đất rộng dân thưa giải quyết vấn-đề di-cư đồng-bào miền Bắc sau Hiệp-định Genève 20-7-1954.

2)- Thực-hiện một chính-sách đồng-hoá qua các biện-pháp cải-cách xã-hội mạnh-mẽ tại Cao-nguyên (bãi bỏ các toà án phong-tục Thượng cấm dạy Thổ-ngữ Thượng, cải-cách lại quyền sở hữu đất đai của Đồng-bào Sơn-cước cải-tiến dân-sinh theo lẽ-lối sinh-hoạt của Đồng-bào đồng-bàng). Chủ-trương Kinh Thượng dễ-huế, tự-do bình-đẳng không có sự phân biệt chia rẽ nào cả đã được Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm minh-thị xác nhận ngày 12-6-1955 tại Ban-Mê-Thuật. Chính-sách Thượng-vụ của Tổng-Thống Diệm đã gặp một sự phản ứng mạnh-mẽ trong giới Thượng-dân tại Cao-nguyên vì mục-đích của chính-sách đã không nhằm thoả-mãn nhu-cầu của Đồng-bào Sơn-cước mà chỉ nhằm giải quyết vấn-đề di-cư, lập ấp cũng như để thực-hiện một chính-sách đồng-hoá không quan-tâm đến phong-tục tập-quán của Đồng-bào Sơn-cước, vì vậy mà trong năm 1958 một phong-trào lấy tên là Bajaraka quy-tụ 4 sắc dân tiến-bộ tại Cao-nguyên (Bahnar, Jarai, Rhade và Koho) đã đứng lên chống lại. Phong-trào này do một nhân-sĩ nổi tiếng tại Cao-nguyên là Y-Bham-Enuol sắc dân Rhadé lãnh-đạo. Phong-trào bị dập

tất ngay sau đó và hầu hết các nhân-vật lãnh-đạo phong-trào đều bị chính-quyền bắt giữ mãi đến sau ngày 1 tháng 11 năm 1963 mới được phóng-thích. Đầu năm 1964 một số những nhân-vật này đã lại kết-hợp với nhau một lần nữa trên một phạm-vi rộng-rãi hơn để thành-lập Mặt-trận mới và cũng đặt dưới sự lãnh-đạo của ông Y-Bham-Enuol. Khởi đầu Mặt-trận lấy danh-hiệu là Mặt-trận Giải-phóng Quốc-Gia (viết tắt là F.L.N. Front de la libération Nationale) và Mặt-trận đã cho chuyển tay tại các tỉnh thuộc Cao-nguyên Trung-phần một bản hiệu-triệu bằng ba thứ tiếng, Pháp, Rhadé và Chăm (1). Bản hiệu-triệu này với lời lẽ quyết-liệt khích-dộng như mở đầu bằng những câu "Giờ khởi nghĩa đã đến... Bản hiệu-triệu này không khác gì mấy nội dung của bài diễn-văn mà Henry Highland Gargnet một lãnh tụ da đen đã tuyên đọc tại đại-hội da màu Buffalo năm 1843 (2). Nhưng không lâu sau đó (khoảng tháng 6/1964 Mặt trận đã thay đổi danh xưng thành Fulro (Front Unifié de la Libération des Races Opprimées) và tiếp theo là một cuộc nổi dậy ngày 20-9-1964 của các sắc dân chiến-đấu người sơn-cước ở các trại lực-lượng đặc-biệt Sarpa, Bandon, Buprang và Miga thuộc hai tỉnh Quảng-Đức và Darlac; sau khi giải giới các sĩ-quan chỉ-huy người Việt-Nam lực-lượng nổi dậy đã kéo quân chiếm đóng đài phát-thanh Ban-Mê-Thuật. Trong biến-cố đầu tiên này ba mươi lăm sĩ-quan và binh-sĩ Việt-Nam đã bị bắt giết (3), quận-trưởng Quận Đức-Lập tỉnh Quảng-Đức bị bắt.

(1) Tác-giả đã được một người Rhadé tại Ban-Mê-Thuật cho xem bản hiệu-triệu này ba bốn tháng trước khi đài phát-thanh Ban-Mê-Thuật bị lực-lượng dân-sự chiến-đấu Thượng nổi lên chiếm đóng ngày 20-9-1964.

(2) Lomax, Louis E.- La révolte noire - La révolution Américaine et ses conséquences p. 23. "Mes frères, soulevez vous ! Soulevez vous ! Frappez pour sauver votre vie et votre liberté. L'heure et le jour sont venus. Que chacun des esclaves de ce pays se soulève et les jours de l'esclavage seront comptés. Aucun peuple opprimé n'a obtenu sa liberté sans résistance..."

(3) Cái gọi là "Phong-trào đòi tự-trị" Fulro. Chuẩn-tướng Vĩnh-Lộc. Pleiku, Ban-Mê-Thuật tháng 9 năm 1965 trang 56.

Mặt-trận này đã đưa ra năm nguyện-vọng sau :

- 1.- Thương-nghị với Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hoà.
- 2.- Tự-do phát-triển phong-tục, tập-quán, việc dạy tiếng Thượng tại cấp Tiểu-học.
- 3.- Tham-gia sinh-hoạt chính-trị quốc-gia.
- 4.- Kiểm-soát trực-tiếp nền hành-chánh Cao-nguyên.
- 5.- Xác-định lại quyền sở hữu đất đai tại miền Sơn-cước.

Trong thời-gian này một số nhân-sĩ Thượng ôn-hoà đã triệu-tập một buổi họp tại tỉnh Darlac để cấp thời thành-lập một ủy-ban hoà-giải trong đó các nhân-vật hữu danh như Paul Núr, Y Dhuat, Niê K'dam (Trưởng-ty Tài-chánh Phú-Bôn) và có ra tuyên-ngôn gồm có hai điểm chính :

- Nhìn nhận những nguyện-vọng trên là hợp lý và chính đáng.
- Xác-nhận đường-lối bạo-dộng là nguy-hiêm và chỉ dùng đường lối ôn-hoà để tranh-đấu với Chính-phủ.

Sau những dàn xếp, hầu hết các trại dân-sự chiến-dấu đã hoạt-động trở lại bình thường chỉ còn một số nhân-sĩ lãnh-đạo phong-trào Fulro và một số nhỏ dân-sự chiến-dấu cực-đoan lưu-vong sang Cao-Miền sau khi biến-cố được dập tắt. Tháng 10 năm 1964 một Đại-hội Thượng được triệu-tập tại Pleiku gồm một số thân-hào nhân-sĩ Thượng, Chăm thuộc các tỉnh Kontum, Pleiku, Phú-Bôn, Darlac, Quảng-Đức, Tuyên-Đức, Quảng-Ngãi, Bình-Định, Phú-Yên, Khánh-Hoà và Ninh-Thuận dưới sự chủ-toạ của Thủ-Tướng Chính-phủ để thảo-luận và biểu-quyết những nguyện-vọng của đồng-bào thiểu-số. Đại-cương gồm có một số điểm chính sau đây :

- Tham-gia sinh-hoạt chính-trị quốc-gia.

- Tham-gia kiểm-soát trực-tiếp nền hành-chánh Cao-nguyên.
- Cải-tiến biện-pháp kinh-tế và giáo-đục xã-hội cần-thiết để nâng đỡ đồng-bào thiếu-số.
- Tái-lập Toà-án phong-tục.
- Đòi quyền sở hữu đất đai của đồng-bào Thượng quy-định 513a/ĐT/CCĐĐ ngày 12-12-1958.
- Chính-quy-hoá lực-lượng dân-sự chiến-đấu thành lực-lượng chỉ-huy và sĩ-quan Việt-Nam phụ-tá.
- Xin thành-lập Phủ Đặc-ủy Thượng-vụ do đồng-bào thiếu-số điều-khiển để thay thế Nha Đặc-trách Thượng-vụ (4).

Sau đại-hội vào ngày kết-thúc trước đại-diện các sắc dân Thượng Chăm, Thủ-Tướng Chính-phủ đã tuyên đọc bản Thông-điệp ngày 17-10-1964 ban-hành chính-sách đối với đồng-bào thiếu-số của Chính-phủ. Ta ghi nhận một số cải-cách sau :

- Bãi bỏ các Sắc-lệnh Nghị-định của Chính-phủ Ngô-Đình-Diệm nhằm hạn-chế quyền sở hữu đất đai của đồng-bào thiếu-số tại Cao-nguyên Trung-phần.
- Thiết-lập lại Toà-án phong-tục.
- Chấp thuận việc dạy tiếng Thượng trong các trường Tiểu-học Thượng.
- Chấp nhận quyền tham-gia các sinh-hoạt chính-trị qua thể chế ứng-cử và bầu-cử.

(4) Sau ngày 1-11-1963 Nha Công-tác xã-hội miền Thượng được cải-biến thành Nha Đặc-trách Thượng-vụ trực-thuộc Bộ Quốc-Phòng. Ngày 5 tháng 5 năm 1964 bởi ND. 911-QP và với ND. 1935-TTP-VP đặt Nha Đặc-trách Thượng-vụ trực-thuộc trở lại Phủ Thủ-Tướng.

Nhưng rồi khoảng 29-7 đến 2-8-1965 lực-lượng Fulro ly-khai sau biến-cố 20-9-1964 đã lại bắt-thần tấn-công chiếm đóng trại dân-sự chiến-đấu cùng đem toàn-bộ vũ-khí của đơn sang biên-giới Cao-Miên. Hai tuần sau đó 16-8-1965 ông Y-Bham đã gọi cho Chính-phủ một lá thư nhằm đạt đạt những yêu-sách của mặt-trận. Dưới đây là một đoạn trích trong lá thư này :

"Tôi rất lấy làm hận-hạnh được biết thiện-chí của quý Chính-phủ trong việc cải-thiện tình-hình tại Cao-nguyên vốn đã gay go từ năm 1958.

Tôi xin phép trình bày với Thủ-Tướng là sau thế-chiến thứ hai, nước Pháp đã tách lãnh-thổ của chúng tôi ra khỏi nước Việt-Nam và lập thành một quốc-gia tự-trị đặt trực-tiếp dưới quyền của nước Pháp theo Nghị-định ngày 27-5-1946 Quốc-gia Tự-trị của chúng tôi mệnh-danh từ đó là Hoàng-triều Cương-thổ, bao gồm các Cao-nguyên Kontum, Pleiku, Darlac, Đồng-Nai Thượng và Lang-Biang nghĩa là các tỉnh Kontum, Phú-Bôn, Darlac, Quảng-Đức, Lâm-Đông, Tuyên-Đức ngày nay. Nhưng lãnh-thổ Cao-nguyên chúng tôi chẳng phải chỉ giới hạn tới đó mà nằm từ vĩ-tuyến 17 đến Đồng-Xoài. Ngoài ra chúng tôi còn có quyền đối với các tỉnh Khánh-Hòa, Ninh-Thuận và Bình-Thuận của dân-tộc Chăm cùng máu mủ với chúng tôi. Trong lá thư này lãnh-tự của Mặt-trận Fulro đã ghi nhận 4 yêu-sách sau :

- Để tránh sự chia rẽ giữa hai dân-tộc khác nguồn gốc tại miền Nam Việt-Nam và để cho người Thượng và người Việt-Nam được bình-đẳng về mọi phương-diện điều-kiện tất yếu là Chính-phủ Việt-Nam chấp nhận tái lập Liên-bang Cao-nguyên cả hai tạo thành "Cộng-Hòa Liên-bang Việt-Nam", như kiểu Cộng-Hòa Liên-bang Đức hay Đại-Mã-Lai.

- Chúng tôi phải có Quốc-kỳ riêng.

- Một lực-lượng quân-đội riêng.

- Số người Việt-Nam di-dân phải giảm đi bằng con số trước năm 1954.

Nếu 4 điểm mà chúng tôi đề-nghị được cứu xét thì cuộc tiếp xúc sơ khởi sẽ được tổ-chức tại Ban-Mê-Thuật nhưng hội-nghị chính-thức sẽ nhóm tại nước ngoài ở Manille, Phi-Luật-Tân (5)".

Và một tuần sau vào ngày 23-8-1965 một phái-đoàn của Mặt-trận Fulro do ông Y-Dhe-Edrong cầm đầu với chức-vụ "đại-diện Chủ-tịch Chính-phủ lâm-thời Cao-nguyên"... Phái-đoàn này được ông Y-Bham cử tới Ban-Mê-Thuật để xin gặp Chính-phủ nhưng phát-ngôn-viên Chính-phủ (Tổng Ủy-viên Chiến-tranh) đã tuyên-bố trong một cuộc họp-báo ngày 25-8-1965 "Hội-đồng Nội-các quyết-định không gởi một đại-diện nào lên Ban-Mê-Thuật tiếp xúc với Fulro. Họ gặp Tỉnh-Trưởng là đủ. Nếu sau một thời-gian kêu gọi họ không trở về, Chính-phủ sẽ buộc phải áp-dụng những biện-pháp mạnh" (6).

Trong khi đang có những cuộc tiếp xúc dàn xếp thì một lần nữa lực-lượng võ trang Fulro đã lại bạo-động ngày 17-12-1965 tại Quảng-Đức Pleiku, và nhất là ở Phú-Bồn lực lượng đã tàn-sát một số quân-nhân công-chức Việt-Nam.

Sau những giai-đoạn đấu-tranh quyết-liệt ôn-hoà cũng như bạo-động của đồng-bào sơn-cước nhiều cải-cách đã được thực-hiện nhất là việc Nha Đặc-trách Thương-vụ được nâng lên hàng Phủ Đặc-uy Thương-vụ vào ngày 22-2-1966 và ông Paul Nur Nguyễn Phó Tỉnh-Trưởng Kontum thành phần trí-thức Bahnar đã từng bị giam giữ năm 1958 qua phong-trào Barajaka được chỉ-định giữ chức-vụ Đặc-uy Trưởng. Cuối cùng ngày 25-26 tháng 6 năm 1967 tại Pleiku

(5) Cái gọi là "Phong-trào đòi tự-trị Fulro" - Vĩnh-Lộc Pleiku Ban-Mê-Thuật tháng 9/1965 trang 82.

(6) Cái gọi là "Phong-trào đòi tự-trị Fulro" - Vĩnh-Lộc Pleiku Ban-Mê-Thuật tháng 9 năm 1965 trang 85.

một đại-hội quy tụ 170 vị đại-diện gồm các dân-biểu thiểu số, hội-viên Hội-đồng dân-quân, các đại-diện của hầu hết các sắc tộc thuộc ba vùng chiến-thuật kể cả mười đại-biểu thuộc Phái-đoàn Fulro lưu-vong để đúc kết thỉnh-nguyện chung của đồng-bào thiểu-số toàn-quốc. Nội-dung thỉnh-cầu Chính-phủ ban-hành một quy-chế riêng biệt đã được đại-hội đồng thanh chấp thuận để nâng đỡ đồng-bào thiểu-số hầu theo kịp đà tiến-bộ của dân-tộc và bao-đảm những phong-tục tập-quán cùng lối sinh-hoạt của đồng-bào thiểu-số. Và trong bối-cảnh chính-trị đó ngày 29-8-1967 Chính-phủ đã duyệt ký ban-hành Sắc-luật 033/67 nhằm ban-hành một quy-chế đặc-biệt cho đồng-bào thiểu-số.

Một số học giả cho rằng : "Ngày nào một quốc gia được coi là một định chế chính trị và kinh tế thì ngày đó không còn có chỗ cho các vấn đề đa số thiểu số vì ai ai cũng được hưởng quyền lợi đồng đều trong quốc gia và quốc gia không biết tới chủng tộc của người dân, danh từ thiểu số lúc bấy giờ chỉ còn có ý nghĩa về phương diện thống kê". Thật vậy đã từ lâu quốc gia là một khái niệm chính trị với những biên giới rõ rệt và một chính quyền chú không chú ý đến dân cư. "Tại các quốc gia Âu, Mỹ, các nhóm thiểu số được tự do theo những phong tục tập quán riêng biệt trong khung cảnh rộng lớn của quốc gia; họ không bao giờ muốn thụ hưởng một quy chế riêng vì như thế tức là đi ngược lại quyền lợi của chính họ. Quyền lợi được luật pháp quốc gia bảo đảm, mọi khát vọng văn hoá được thực hiện đầy đủ trong quốc gia, những nhóm thiểu số gắng sức hoà mình trước hết với quốc gia và chỉ sau đó mới nghĩ đến đoàn thể riêng biệt và nhỏ hẹp hơn về nhân chủng ngôn ngữ và tôn giáo"(7). Dĩ nhiên đây là trường hợp đặc thù của xã hội Tây phương mà trong đó trình độ văn minh của các nhóm thiểu số và đa số không mấy chênh lệch và luật lệ được áp dụng đồng đều cho mọi người không phân biệt là điều kiện tất yếu cho công cuộc đồng tiến cộng đồng (mass-advancement).

(7) Nghiêm-Lý "vấn-đề dân thiểu-số" Quê-hương 29-11-1961.

Song le sự đồng-hoá này vẫn phải nằm trong giới hạn của việc phát-huy văn-hoá và những giá-trị truyền-thống của nhóm thiểu-số chính vậy mà gần đây phong-trào Bretagne đòi tự-trị đã thành-lập để chống lại chính-sách của Tổng-Thống De Gaulle và lãnh-tụ Mặt-trần, ông Yann Goulet đã tuyên-bố trong một cuộc phỏng-vấn đầu năm 1969 : "Nếu Tổng-Thống De Gaulle không cho người Breton được tự-do để phát-triển văn-hoá, phong-trào sẽ bạo-động" .

Tại Mỹ-Châu, Hoa-Kỳ cũng đã áp-dụng một chính-sách tương-tự. Các chính-khách tại đây cũng quan-niệm rằng vấn-đề thiểu-số chỉ là vấn-đề nhân-quyền. Tại Liên-Hiệp-Quốc 1945 khi đề cập đến vấn-đề thiểu-dân, Bà Roosevelt đã từng phát-biểu trước uy-hội nhân-quyền rằng : "Nếu những quyền cá-nhân của mỗi người được tôn-trọng thì hà tất phải tuyên-bố gì về những quyền của thiểu-dân" .

Hiến-chương Liên-Hiệp-Quốc trong đoạn mở đầu đã long-trọng xác nhận : "Chúng tôi, những dân-tộc của Liên-Hiệp-Quốc quyết tâm xác nhận một lần nữa lòng tin-tưởng ở những quyền lợi căn-bản của con người ở tư cách và giá-trị của cá-nhân, ở sự bình-quyền nam nữ cũng như ở sự bình-dẳng giữa những dân-tộc lớn cũng như nhỏ (8). Như vậy lời tuyên-bố trên đã xác nhận rõ rệt việc bảo vệ thiểu dân chỉ là một vấn-đề nhân-quyền, không phải chỉ giới-hạn trong một số quốc-gia mà áp-dụng chung cho bất cứ khu-vực nào của thế-giới.

Lập-trường của Liên-Hiệp-Quốc cũng như chính-sách mà Huê-Kỳ long-trọng tuyên-bố về đeo đuổi nghĩa là muốn bảo-vệ thiểu-dân chỉ cần bảo-đảm và bảo-vệ nhân-quyền là một lý-luận khá xác đáng, tuy nhiên trong thực-tế kinh-nghiệm cho thấy rằng lập-luận này có nhiều nhược điểm :

(8) Nous, peuples des Nations Unies, résolus à proclamer à nouveau notre foi dans les droits fondamentaux de l'homme dans la dignité et la valeur de la personne humaine dans l'égalité de droits des hommes et des femmes ainsi que des Nations grandes et petites. Charte des Nations Unies 26-6-1945.

1) - Trước hết, người ta phải nhận rằng những sự cam-kết long-trọng ghi trên các văn-kiến pháp-lý chỉ có giá trị lý thuyết vì trên thực-tế các quốc-gia vẫn dành quyền biện-minh cho sự bất-thi-hành hay thi-hành không đúng đắn sự tôn-trọng nhân-quyền.

2) - Sự thực-thi đúng đắn quyền cá-nhân như chính-sách mà Huê-Kỳ đeo đuổi đối với thiểu-số da đen tại Mỹ có thể chỉ giải quyết nhất thời một tình-trạng chứ chưa hẳn đã giải-quyết được vấn-đề. Nhận định chính-sách này giáo-sư Louis E. Lomax thuộc Đại-học-đường Savannah, Huê-Kỳ đã nói : "Tại Hoa-Kỳ sau cuộc nội-chiến đẫm máu Nam Bắc hơn bốn triệu người da đen hầu hết vô học được giải-phóng, nhưng khôn-nạn thay lớp người đông-đảo này vô-gia-cư, vô-nghề-nghiệp thất học làm sao đảm nhận ngay được những trách-nhiệm mới trong một xã-hội phức-tạp như tại Mỹ-quốc. Sự thiếu chuẩn-bị chắc chắn không phải là lỗi của thiểu-dân... Sự kiện này đã đưa đến sự kỳ-thị đau lòng tồn tại cho đến ngày nay (9).

3) - Giá-trị tương-đối của lý-luận : Thật vậy, quan điểm và lập-trường trên chỉ có giá-trị tương-đối. Nó tỏ ra hữu hiệu tại một số quốc-gia mà trình-độ văn-minh của các nhóm thiểu-số và đa số không chênh-lệch và hoàn-toàn bất-

(9) Lomax, Louis E. "La révolte noire" La guerre de sécession page 27 :
"Le résultat final de la guerre de sécession est cependant pour nous d'une importance capitale : quelque quatre millions d'esclaves presque tous illettrés furent (libérés) mais ils n'avaient ni maison, ni terre, ni métier et n'étaient absolument pas préparés - sans qu'il y eût là aucune faute de leur part - à assumer → leurs responsabilités dans une société économiquement complexe. Les avaient soutenu, au nom des textes fondamentaux de la constitution américaine et au nom de la morale chrétienne que l'esclavage devait être supprimé. Ils gagnèrent la guerre mais perdirent la paix. Ils affranchirent les Noirs mais durant les années allant de 1865 à 1877 en raison de l'opportunisme et de la convoitise des autres et de leur propre manque de préparations - ils ouvrirent la voie à l'institution de la ségrégation dont nous continuons à souffrir".
V (abolitionistes)
V (charitables)
leur



Lễ đâm trâu
(Một chiến-sĩ sdn-cước lực-lượng trong lễ-phục
đang phóng lao vào con trâu để lễ Yang).

lực tại các quốc-gia phải đối-phó với các nhóm thiểu-số đang còn ở trong tình-trạng chậm-tiến.

Tại các quốc-gia sau này việc bảo-vệ nhân-quyền chưa đủ vì một chính-sách thiểu-số như vậy chỉ làm trì-trệ thêm tình-trạng chậm-tiến của thiểu-dân và nhất là cô lập thiểu-dân với guồng máy sinh-hoạt quốc-gia, trong đó thiểu-dân sinh-sống. Kinh-nghiệm đó thật rõ rệt và mới mẻ tại Việt-Nam- Cộng-Hoà với chính-sách Kinh Thượng bình đẳng của cố Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm.

Vì vậy mà khởi thủy một "Ủy-hội nhân-quyền" được thành hình tại Liên-Hiệp-Quốc nhằm mục-dịch bảo-vệ thiểu-dân, do đó chúng ta có thể kết-luận rằng trước năm 1946, vấn-đề bảo-vệ thiểu-dân được hầu hết các quốc-gia trên thế-giới đồng-hoà với vấn-đề tôn-trọng nhân-quyền. Vì mãi đến tháng 6 năm 1946, một phân ủy-hội mới được Liên-Hiệp-Quốc thành-lập gọi tắt là "Phân Ủy-hội chống kỳ-thị chủng-tộc và bảo-vệ thiểu-dân". Phải chăng đây là lần đầu tiên một cơ-chế bảo-vệ thiểu-dân được công-khai thành-lập. Cơ-chế mới này có đưa ra cả một quan-niệm tiến-bộ và thực-tiến khi họ xác-nhận rằng sự hiện-hữu của những nhóm chủng-tộc thiểu-số trong một quốc-gia cần phải được hưởng một sự đãi-ngộ sai biệt trong một giới hạn nào đó, không những nhằm mục-dịch để giữ-gìn những đặc-tính căn-bản phân-biệt họ với đa số mà còn tạo những điều-kiện thuận-lợi cho việc cải-tiến xã-hội của họ ngõ hầu theo kịp trình-độ văn-minh của đa số : Quan-niệm thực-tiến này đã được đa số các quốc gia chấp nhận và kết-quả là một số hiệp-ước ký kết sau đó, các nhóm chủng-tộc thiểu-số được nhìn nhận như những thực-thể công-cộng được hưởng những đặc-quyền, những đối xử sai biệt vượt ra ngoài khuôn-khó việc tôn-trọng nguyên-tắc bất-kỳ-thị. Tại các quốc-gia trung-lập như Miến-Điện và Cộng-sản như Trung-Cộng và Sô-Viết, hình-thức tiểu-bang tự-trị hay khu tự-trị được coi là căn-bản của chính-sách thiểu-số. Tại các quốc-gia Cộng-sản, chính-sách thiểu-số của họ được quy-định minh-thị bởi Hiến-pháp theo đó bên ngoài các sắc tộc thiểu-số được hưởng một sự tự-trị rộng-

rải nhưng trong thực-tế các quốc-gia này đã tìm đủ mọi cách để tổ-chức một sự kiểm-soát chặt-chẽ các sinh-hoạt của các khu-vực thiểu-số và chu-trường đồng-hoá các sắc dân này. Khuynh-hướng chung của các quốc-gia này vẫn là sự dành cho đồng-bào thiểu-số những đặc quyền, những nâng đỡ đặc-biệt (xin xem phần chính-sách thiểu-số của Miến-Điện và Trung-Cộng, hai quốc-gia được chọn lựa nghiên-cứu đối-chiếu trong luận-án này).

Tại Việt-Nam Cộng-Hoà Hiến-pháp 1-4-1967 cũng đã long-trọng xác nhận trong điều II : "Quốc-gia chủ-trương sự bình-dẳng giữa các công-dân không phân biệt nam nữ, tôn-giáo, sắc tộc, đảng phái". Đồng-bào thiểu-số được đặc biệt nâng đỡ để theo kịp đà tiến hoá chung của dân-tộc, một Đạo-luật sẽ quy-định những quyền lợi đặc-biệt để nâng đỡ đồng-bào thiểu-số. Với điều 24 Hiến-pháp không những đã công nhận sự hiện-hữu của thiểu-dân mà lại còn long-trọng xác nhận một số ưu-quyền cho họ qua tinh-thần và văn từ minh-bạch của điều II trên. Với Hiến-pháp năm 1967 những quyền về văn-hoá của đồng-bào thiểu-số được tự-do thực-hiện trong khung-cảnh của quốc-gia bằng những lời lẽ rõ ràng của điều 24 khoản II "Quốc-gia tôn-trọng phong-tục, tập-quán của đồng-bào thiểu-số". Và gần đây Sắc-luật 033 ngày 29-8-1967 đã ban-hành một quy-chế đặc-biệt nhằm nâng-đỡ đồng-bào thiểu-số theo kịp đà tiến-bộ của dân-tộc. Xa hơn nữa, những quyền chính-trị của thiểu-dân đã được thừa nhận trong thực-tế, ngoài truyền-thống tự-trị xã thôn và địa-phương nhân-quyền được Hiến-pháp xác nhận, người thiểu-số tại Việt-Nam cũng đang đóng những vai-trò chính-trị quan-trọng trong phần lớn các khu-vực đồng-bào thiểu-số sinh sống qua các chức-vụ hành-chánh Tỉnh-Trưởng, Quận-Trưởng, Ty-Trưởng... và các chức-vụ chính-trị như Nghị-sĩ, Dân-biểu, Tổng-Trưởng.

Mục 2. - NỘI-DUNG VÀ THÀNH-QUẢ

Tôn-trọng tinh-thần của Hiến-pháp Việt-Nam Cộng-Hoà ngày 1-4-1967 xác nhận trong điều 11 khoản 2 "Quốc-gia chủ-trương sự bình-đẳng giữa các công-dân không phân biệt nam nữ, tôn-giáo, sắc-tộc, đảng-phái. Đồng-bào thiểu số được đặc-biệt nâng-đỡ để theo kịp đà tiến-hoá chung của dân-tộc và điều 24 của Hiến-pháp quy-định :

- 1) - Quốc-gia công nhận sự hiện-hữu của các sắc tộc thiểu-số trong cộng-đồng Việt-Nam.
- 2) - Quốc-gia tôn-trọng phong-tục tập-quán của đồng-bào thiểu-số. Các Tòa-án phong-tục phải được thiết-lập để được xét xử một số các vụ án phong-tục giữa các đồng-bào thiểu-số.
- 3) - Một đạo-luật sẽ quy-định những quyền-lợi đặc-biệt để nâng đỡ đồng-bào thiểu-số.

Một đại-hội sắc tộc thiểu-số được triệu-tập ngày 25, 26 tháng 6 năm 1967 để nhằm nghiên-cứu và đúc kết các thỉnh-nguyện của đồng-bào thiểu-số để hoạch-định một quy-chế riêng biệt cho đồng-bào thiểu-số và ngày 29-8-1967 Chủ-tịch Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia và Chính-phủ đã ban-hành Sắc-luật 033/67 ấn-định "quy-chế đặc-biệt nâng đỡ đồng-bào thiểu-số theo kịp đà tiến-bộ của dân-tộc". Quy-chế này có thể coi là căn-bản pháp-lý cho chính-sách Thượng-vụ của nền Đệ II Cộng-Hoà. Bản quy-chế này đã đáp ứng từng thỉnh-nguyện của đồng-bào thiểu-số qua đại-hội các sắc-tộc toàn-quốc ngày 25, 26-6-1967. Chẳng những vậy, quy-chế đã rút tía được những ưu-điểm của các bản quy-chế cũ và chính sách Thượng-vụ đã áp-dụng từ trước đến nay. Quy-chế này thể-hiện Chính-sách Thượng-vụ dựa trên tinh-thần dân-tộc hoà-đồng, đồng-tiến xã-hội xác nhận long-trọng bởi Hiến-

pháp Việt-Nam Cộng-Hoà 1-4-1967. Nghiên-cứu Sắc-luật này chúng ta ghi nhận các điểm quan-trọng sau đây :

1)- Hội-đồng các sắc-tộc thiểu-số sẽ được thành-lập theo các điều-khoản 97, 98 của Hiến-pháp nhằm cố-vấn Chính-phủ các vấn-đề liên-quan đến đồng-bào thiểu-số.

2)- Cơ-quan Đặc-trách Thượng-vụ sẽ được nâng ngang hàng cấp bộ trong Chính-phủ.

3)- Trên phương-diện hành-chánh công-chức thiểu-số được nâng đỡ đặc-biệt về tuyển-dụng, xũ-dụng, tu-nghiệp hầu đáp ứng các nhu-cầu của các ngành hành-chánh, tư-pháp, giáo-dục v.v...

4)- Sẽ tùy nhu-cầu an-ninh địa-phương lập những lực-lượng địa-phương thiểu-số do người thiểu-số chỉ-huy. Nâng đỡ đặc-biệt các thanh-thiếu-niên Thượng trong đời sống binh-nghiệp.

5)- Quyền sở hữu đất đai của đồng-bào thiểu-số được tôn-trọng. Một sắc-luật về kiến-điều dành cho đồng-bào thiểu-số với những điều-kiện rộng-rãi sẽ được ban-hành. Sẽ thành-lập một cơ-quan nghiên-cứu và phát-triển nông-nghiệp và những chương-trình giúp đỡ đồng-bào thiểu-số cải-tiến kỹ-thuật canh-tác, chăn-nuôi, mở mang về tiểu công-nghệ, thương-mại, công-kỹ-nghệ v.v...

6)- Về cải-tiến dân-sinh nhằm các tiêu-chuẩn sau : thiết-lập các cơ-quan y-tế, giáo-dục, xã-hội.

7)- Hoạch-định chương-trình cưỡng bách giáo-dục con em thiểu-số, tái-lập Toà-án phong-tục, sưu tầm lưu giữ các luật-lệ bất thành văn của đồng-bào thiểu-số.

8)- Tuy nhiên điều 9 quy-định rằng : "Vì trình-độ sinh-hoạt của các sắc-tộc không đồng đều để đạt những mục

đích trên, các cơ-quan chuyên-môn sẽ phối-hợp chặt-chẽ với các cơ-quan đặc-trách về đồng-bào thiểu-số nói ở điều II để nghiên-cứu chương-trình kế-hoạch sát với thực-trạng của từng địa-phương và trình-độ của từng sắc tộc."

Nhìn vào thực tại, Sắc-luật 033/67 ngày 29-8-1967 là một Chính-sách Thượng-vụ được mệnh danh là "Chính-sách dân-tộc, hoà-đồng, đồng-tiến" đã đáp ứng được nguyện-vọng của đồng-bào thiểu-số. Theo dư-luận của đồng-bào Rhadé, chính-sách hiện tại đã mang lại thông-cảm thiết-thực và đã giúp cho các sắc-tộc thiểu-số có cơ-hội tự-do phát-triển từ những biện-pháp ưu đãi nhằm dễ-dàng cho các đồng-bào thiểu-số tham-gia việc điều-hành các cơ-cấu tổ-chức chính-trị, kinh-tế, văn-hoá, xã-hội từ những việc nâng đỡ học-sinh, sinh-viên sơn-cước để có phương-tiện tiếp-tục học-hành, từ những ngân-sách lớn lao để điều-hành các cơ-sở phát-triển sắc tộc là những việc làm biểu-lộ thiện-chí xây-dựng và lòng thông-cảm sâu xa của chính-quyền. Thật ra, không phải chỉ dưới nền Đệ II Cộng-Hoà mới xuất-hiện một chính-sách thượng-vụ công-bình và hợp-lý. Nếu không có định-chế dân-chủ nào trên thế-giới chủ-trương độc-tài và chống lại các quyền tự-do căn-bản của con người thì cũng không thể có một quy-chế thượng-vụ nào mà không thể hiện những nguyên-tắc bình-dẳng, nhân đạo. Như vậy thì giá-trị thật sự của một quy-chế như quy-chế thượng-vụ hiện-hành không phải chỉ nằm trong nội-dung của bản văn mà là sự áp-dụng đúng đắn, thích-nghi, đầy đủ những điều khoản đã được ấn-định.

THÀNH QUẢ

- Thiện-chí đầu tiên của Chính-phủ là việc ban-hành quy-chế 033/67 ngày 29-8-1967 do Đại-hội sắc-tộc toàn-quốc họp tại Pleiku ngày 25, 26-6-1967 đề-trình. Cũng trong ngày ban-hành quy-chế 33/67, Chính-phủ công-bố Sắc-luật 034/67 ngày 29-8-1967 công nhận quyền sở hữu

đất đai của đồng-bào sơn-cước. Việc ban-hành Sắc-luật 034/67 có tầm quan-trọng đặc-biệt vì dưới nền Đệ I Công-Hoà, chính-quyền lúc bấy giờ cho rằng đồng-bào sơn-cước chỉ có quyền hưởng-thụ hoa-lợi trên các diện-tích trồng trọt chứ không thể có quyền sở-hữu đất đai. Nhiều người cho rằng đây là một sai lầm quan-trọng vì theo chế-độ Polan, một chế-độ tập-quán của người sơn-cước do khẩu ước quy-định và nhân-chứng ba đời, quyền sở-hữu đất đai trồng trọt của họ được bảo-vệ tuyệt-đối. Quyết-định bãi bỏ quyền sở-hữu đất đai của đồng-bào sơn-cước là nguyên-nhân chính khiến cho phong-trào Bajaraka xuất-hiện và cũng là một trong những mục-tiêu tranh-đấu của Phong-trào Fulro năm 1964 nhằm hủy bỏ Nghị-định số 513a/DTCCDD ngày 12-12-1958 và công-văn số 982-BTC/ĐC ngày 23-5-1959 của chế-độ cũ. Ban-hành Sắc-luật 034/67, Chính-phủ đã giải-quyết thoả-đáng nguyện-vọng của đồng-bào sơn-cước. Để thi-hành Sắc-luật này, ngày 15-7-1969 Thủ-Tướng Chính-Phủ đã ban-hành Sắc-lệnh số 076-SL/CCDP/CN ấn-định công-tác kiến-điền cho người sơn-cước.

- việc làm thứ hai là Phủ Đặc-ủy Thượng-vụ được nâng lên thành Bộ Phát-triển sắc tộc ngày 15-12-1967.

- việc làm quan-trọng nhất của nền đê II Công-Hoà là việc Hội-đồng sắc-tộc được ban-hành ngày 14-10-1969 qua Sắc-luật số 014/69 ấn-định tổ-chức và điều-hành Hội-đồng Sắc-tộc.

Việc thành-lập Hội-đồng các sắc-tộc là điểm son của nền Đệ II Công-Hoà vì Hội-đồng này sẽ soi sáng cho Chính-phủ những nhu-cầu và nguyện-vọng đích thực của người sơn-cước qua các vị đại-diện của các bộ-lạc lớn như tại Cao-nguyên miền Nam. Nhìn vào những công-trình của Chính-phủ thực-hiện cho đồng-bào các sắc tộc tại Việt-Nam trong đó có đồng-bào sơn-cước chúng ta phải nói ngay quyền-lợi của đồng-bào sơn-cước và tương-lai của họ đã được bảo-đảm. Chính-sách sơn-cước-vụ đã dựa trên nền tảng của Hiến-pháp

và luật-pháp quốc-gia, việc chi-tiết-hoá chủ-trương đường lối của Chính-phủ cho phù-hợp với thực-trạng của đồng-bào sơn-cước đã có Hội-đồng Sắc-tộc và việc thực-thi cũng như theo dõi kiểm-soát đã có cả một tổ-chức quy-mô từ Trung-ương xuống tận các buôn ấp của đồng-bào Thượng đó là Bộ Phát-triển Sắc-tộc - Vì vậy trước khi đi sâu vào những thành-quả của Chính-sách Thượng-vụ của nền Đệ II Cộng-Hoà chúng tôi xin nói ngay rằng chính-sách này đã thực-sự ổn-định được những biến-động tại Cao-nguyên và sự-kiện thiết-thực nhất là ngày 1-2-1969 toàn-bộ lực-lượng Fulro trên 5.900 người đã trở về hợp-tác với Chính-phủ chấm dứt một tình-trạng căng-thẳng tại Cao-nguyên Trung-phần. Để tìm hiểu xem chính-sách sơn-cước-vụ được chính-quyền Đệ II Cộng-Hoà áp-dụng như thế nào, nhất là để xác nhận ý chí của Chính-phủ nhằm nâng đỡ đặc-biệt đồng-bào thiểu-số để theo kịp đà tiến-hoá chung của dân-tộc, chúng ta cần xét xem các thành-tích công-tác đã được thực-hiện kể từ ngày quy-chế 033/67 được ban-hành vào khoảng hạ bán niên năm 1967. Những thành-tích ghi nhận sau đây đều dựa trên tài-liệu của Bộ Phát-triển Sắc-tộc. Và lại tình-thình không cho phép để có thể quan-sát và phỏng-vấn tại chỗ những sinh-hoạt của Thượng-dân nên khó có thể đưa ra một kết-luận khách-quan và vô-tư về sự thực-thi đúng đắn quy-chế một cách đồng đều và công bằng cho hầu hết các bộ-lạc tại Cao-nguyên miền Nam. Nhưng dầu sao những con số thống-kê sau đây khá-dĩ giúp chúng ta tìm hiểu đời sống của đồng-bào sơn-cước có được những dữ-kiện để so-sánh với thực-trạng.

I. - VỀ HÀNH-CHÁNH VÀ CHÍNH-TRỊ

A. - VỀ HÀNH-CHÁNH

- Sắc-lệnh ấn-định chức-chương của Tổng-Trưởng Phát-Triển Sắc-tộc đã được ban-hành ngày 22-12-1969.

- Tổ-chức của Bộ cũng đã được chỉnh đốn lại từ Trung-ương đến Địa-phương với 25 Ty và 65 Chi Phát-triển Sắc-tộc.

- Một Trung-tâm Huấn-luyện Cán-bộ Quốc-gia vùng Cao-nguyên được thiết-lập tại Pleiku từ 8/1970 có nhiệm-vụ mở các khoá huấn-luyện tương-tự như Trung-tâm huấn-luyện Cán-bộ Quốc-Gia Vũng-Tàu để thu nhận học-viên Thượng. Trung-tâm sẽ hướng-dẫn học-viên bằng thổ-ngữ của từng sắc-tộc để dễ-dàng thu thập những điều cần học hỏi. Trung-tâm này đã chính-thức thu-nhận học-viên các khoá đầu tiên từ tháng 10/1970 gồm 268 viên-chức xã ấp, cán-bộ điều-hành và Đoàn-trưởng Xây-dựng Sơn-thôn. Trung-tâm cũng đang huấn-luyện 538 học-viên các khoá viên-chức xã ấp và cán-bộ điều-nghiên.

- Qua kế-hoạch bình-định phát-triển sơn-thôn, Bộ Phát-triển Sắc-tộc đã sát cánh cùng các Bộ và cơ-quan khác trong Chính-phủ tổ-chức và kiện-toàn được nền hành-chánh xã, ấp các sắc-tộc : Hiện trong 25 tỉnh và 79 quận có đồng-bào các sắc-tộc cư-ngụ, trong tổng số 553 xã và 2.004 ấp của đồng-bào sắc-tộc đã có 388 xã và 1.555 ấp đã được hoàn-toàn bình-định và kiểm-soát tương-đối có đầy đủ viên-chức thiếu-số biết điều-hành và quản-trị việc hành-chánh xã ấp như các viên-chức Kinh.

- Tham-gia ý-kiến trong việc lựa chọn các viên-chức sắc-tộc nắm giữ các chức-vụ chỉ-huy hành-chánh.

Những người Sơn-cước đã được chỉ-định vào các chức vụ sau :

- 1 Tổng-Trưởng
- 1 Đồng-lý Văn-phòng
- 1 Tổng Thư-Ký
- 1 Tổng Giám-Đốc Công-Tác
- 1 Công-cán Ủy-viên
- 1 Giám-Đốc
- 3 Chánh-sự-vụ
- 1 Thanh-tra-trưởng
- 4 Thanh-tra ngành Hành-chánh

- 1 Tỉnh-Trưởng
- 10 Phó Tỉnh-Trưởng
- 8 Quận-Trưởng
- 30 Phó Quận-Trưởng
- 26 Trưởng-ty (Phát-triển Sắc-tộc và chuyên-môn)
- 24 Phó Trưởng-ty
- 9 Chủ-sự
- 58 Trưởng-chi
- 4 Chánh-án
- 4 Lục-sự
- 74 Phụ-thăm tỉnh và quận
- 270 Phụ-thăm xã
- 106 Hiệu-trưởng Trung và Tiểu-học
- 10 Thanh-tra học-vụ
- 7 Giám-thị ký-túc-xá
- 3 Quản-đốc ký-túc-xá

- Can-thiệp để đào-tạo tại các trường Đại-học, Kỹ-thuật và Chuyên-nghiệp trong nước và ngoại-quốc cũng gọi tu-nghiệp ngoại-quốc rất nhiều viên-chức cao cấp từ hành-chánh lẫn chuyên-môn. Trong lãnh-vực này một số Đốc-sự và Tham-sự đã tốt-nghiệp (trong năm 1967 có 14 Đốc-sự và 20 Tham-sự thụ-huấn tại Học-viện Quốc-gia Hành-chánh. Ngoài ra có một Đốc-sự và 10 Tham-sự tốt-nghiệp - trích thành-tích Thượng-vụ của Nội-các Chiến-tranh). Hai viên-chức cao cấp sơn-cước tốt-nghiệp khoá II Cao-đẳng Quốc-phòng, 15 viên-chức sơn-cước dự khoá tái-thiết nông-thôn tại Phi-Luật-Tân, 2 viên-chức cao-cấp du-hành quan-sát về 4 chương-trình tổng-hợp của Phong-trào Tái-thiết Nông-thôn tại Phi-luật-Tân. Tất cả đã trở về viên mãn và đang tích-cực phục-vụ trong ngành Phát-triển Sắc-tộc.

- 23 cựu công-chức cán-bộ gốc Sơn-cước nguyên là đoàn-viên Fulro trở về hợp-tác với Chính-phủ cũng đã được can-thiệp cho hồi ngạch.

- Một khoá Tham-sự Hành-chánh đặc-biệt dành cho 50 thanh-niên gốc thiểu-số đã được tổ-chức và hoạt-động từ ngày 16-8-1970.

B.- VỀ CHÍNH-TRỊ

- Đã thực-hiện chiến-dịch "đoàn-kết để tiến-bộ" trên khắp vùng Cao-nguyên đem lại phấn-khởi và niềm thông cảm giữa Kinh và Thượng mà thành-tích đáng kể là sự trở về hợp-tác với Chính-phủ của toàn-bộ lực-lượng Fulro gồm 5971 người vào ngày 1-2-1969. Luật số 04/67 ngày 7-8-1967 bầu-cử Hạ-nghi-viện cũng đã dành 6 ghế dân-biểu cho đồng-bào Sơn-cước miền Nam qua điều 4 của luật này. Tại Thượng-viện hai Nghị-sĩ Sơn-cước cũng đặc-cử trong các liên-danh Hoa-Sen(K'sor Rốt) và Mặt trời mọc(Y-Bling Buôn Krong Pang).

- Đã hướng dẫn được đồng-bào Sơn-cước làm quen dần với nếp sinh-hoạt dân-chủ để củng-cố hạ-tầng cơ-sở hành-chánh xã, ấp, phối-hợp với các cơ-quan bạn tổ-chức các cuộc bầu-cử Nghị-viện Hội-đồng Tỉnh, Thị-xã, bầu-cử xã ấp.

Trong cuộc bầu-cử Hội-đồng Đô Tỉnh Thị ngày 26-4-1970 đã đưa đến một thành-quả chính-trị lớn lao và sự hiện-diện của các Nghị-viện Sơn-cước trong các Hội-đồng Tỉnh Thị tại Cao-nguyên. Bảng ghi chú sau đây sẽ cho ta một số nhận xét về sinh-hoạt chính-trị của người Sơn-cước tại Cao-nguyên miền Nam.

Nhận xét I.- Chúng ta thấy trên tổng số 49 Nghị-viện tại Cao-nguyên, người Sơn-cước chiếm một tỷ-lệ quá bán 25/49.

Nhận xét II.- Phần lớn Nghị-viện đặc-cử đều thuộc các sắc-dân đa số Jarai và Rhadé bởi lẽ Phong-trào đoàn-kết các Sắc-tộc là một lực-lượng chính-trị của người Rhadé và Jarai.

Nhận xét III.- Trong số Nghị-viện Sơn-cước đặc-cử, 2/3 thuộc Phong-trào đoàn-kết các Sắc-tộc.

| | <u>Sơn-cước</u> | <u>Việt-Nam</u> | <u>Chàm</u> |
|---------------------------------------|-----------------|-----------------|----------------------|
| - Kontum có 7 nghị-viên đặc-cử.... | 03 (PTĐKST) | 04 | |
| - Pleiku có 9 nghị-viên | 04 (PTĐKST) | 04 | 01 |
| - Phú-Bôn có 6 nghị-viên | 05 (PTĐKST) | 01 | |
| - Darlac có 8 nghị-viên | 04 (PTĐKST) | 04 | |
| - Quảng-Đức có 6 nghị-viên | 03 (PTĐKST) | 03 | |
| - Lâm-Đồng có 6 nghị-viên | 03 | 03 | |
| - Tuyên-Đức có 7 nghị-viên | 03 | 02 | T.S.A.B.V.D.C. 02 |

- Các thanh-niên Sơn-cước được tạm hoãn-dịch nhưng đã có trên 15.000 người được khuyến-khích tình-nguyện gia-nhập các lực-lượng thuộc Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hoà. Trong số đó có :

734 Sĩ-quan
3.000 Hạ-sĩ-quan

- Phối-hợp với Bộ Quốc-Phòng tổ-chức các khoá hoàn-hảo và điều-chỉnh cấp bậc cho các anh em đoàn-viên Fulro và quy-thuận Chính-phủ ngày 1-2-1969 : trong năm 1969 đã huấn-luyện và điều-chỉnh cấp bậc cho 130 sĩ-quan gồm có :

2 Trung-tá
7 Thiếu-tá
14 Đại-úy
18 Trung-úy
30 Thiếu-úy
59 Chuẩn-úy

320 Hạ-sĩ-quan :

55 Thượng-sĩ nhất
65 Thượng-sĩ
75 Trung-sĩ nhất
125 Trung-sĩ

Đợt II đã huấn-luyện xong :

19 Hạ-sĩ-quan
7 Sĩ-quan.

Các đoàn-viên thuộc lực-lượng Fulro về hợp-tác với Chính-phủ nay được tổ-chức thành 9 đại-đội địa-phương-quân sơn-cước.

- Bộ Phát-triển Sắc-tộc đã giới-thiệu các thanh-niên ưu-tú theo học các trường Sĩ-quan, Hạ-sĩ-quan với điều-kiện dễ-dãi. Kết-quả đã có :

23 theo học võ-bị quốc-gia Dalat
105 theo học trường Bộ-binh Thủ-Đức
23 theo học khoá Sĩ-quan đặc-biệt
97 theo học trường Hạ-sĩ-quan Nha-Trang.

- Đồng-bào Sơn-cước cũng được khuyến-khích gia-nhập tổ-chức nhân-dân tự-vệ. Tính đến cuối tháng 8/1970 có 112.013 đoàn-viên được đoàn-ngũ-hoá, trong số có :

61.386 đoàn-viên đã được huấn-luyện
32.945 đoàn-viên đã được võ-trang.

- Trường Thiếu-sinh-quân tại Cao-nguyên được nói rộng thu nhận tất cả các con em của quân-nhân sơn-cước. Hiện nay đang huấn-luyện 418 em, đã có 98 em được học các lớp cao hơn, một số lớn tuổi gia-nhập Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa, 21 em được chuyển đến học tại trường Thiếu-sinh-quân Vũng-Tàu.

- Bộ cũng đã can-thiệp xin đặc-ân cho các đào-binh sơn-cước ra trình-diện để được tiếp-tục phục-vụ trong Quân-đội. Kết-qua từ tháng 3/1970 có trên 1.000 đào-binh sơn-cước ra trình-diện.

II. - KINH-TẾ CÁN-H-NÔNG

A. - VỀ THƯƠNG-MAI

- Giúp đỡ hợp-tác-xã Dệt tại Darlac chỉnh-trang và tu-bổ để tiếp-tục hoạt-động sau biến-cố Tết Mậu-Thân.

- Khuyến-khích đồng-bào sơn-cước tham-gia các hợp-tác-xã tại Quảng-Ngãi, Pleiku, Phú-Bồn, Darlac và Lâm-Đồng.

B. - VỀ TIỂU-CÔNG-NGHỆ

- Tổ-chức liên-tục trong ba năm 170 lớp huấn-nghệ : may, mộc, rèn, dệt, thợ hồ, hớt tóc cho đồng-bào sơn-cước. Đã có 2.467 người được huấn-luyện và hiện có 169 người đang theo các lớp huấn-luyện tại các tỉnh.

- Hướng-dẫn đồng-bào tổ-chức được 40 lò đốt than bán cho các thị-trường trong nước.

- Yểm-trợ cho các trung-tâm huấn-nghệ từ-thiện tư-nhân Dampao (Tuyên-Đức), Phan-Rang, Gò Đền (Ninh-Thuận), Dak-Nông (Quảng-Đức) để có thêm phương-tiện hướng-nghiệp cho các thanh-thiếu-niên nam nữ sơn-cước.

C.- VỀ NÔNG-NGHIỆP

Trong việc phát-triển nông-nghiệp, Bộ Phát-triển Sắc-tộc chú-trọng về 2 phương-diện :

- tăng-gia diện-tích trồng-trọt,
- cải-tiến kỹ-thuật canh-tác nhằm hướng-dẫn đồng-bào Thượng định-canh, bỏ dần đời sống du-mục.

Trong chiều-hướng ấy, các công-tác sau đây đã và đang được thực-hiện :

a)- Kiến-diện cho đồng-bào Sơn-cước :

Phối-hợp với Bộ Cải-cách Điền-địa và Phát-triển Nông Ngư Nghiệp thực-hiện công cuộc kiến-diện và quản-thủ điền-địa cho đồng-bào sơn-cước theo tinh-thần Sắc-luật 034/67 ngày 29-8-1967 và Sắc-lệnh số 076/CCDD/CN ngày 15-7-1969. Hai năm đầu dồn vào công-tác phối-hợp nghiên-cứu các thủ-tục pháp-ly để thực-thí việc kiến-diện. Mục-tiêu trong năm 1970 là hoàn tất việc đo-đạc và cấp-phát chứng thư kiến-diện cho 40.000 ha ruộng đất tại 9 tỉnh Cao-nguyên. Đến nay công-tác đã thực-hiện là :

- Diện-tích đang thực-hiện (đã có sự-vụ-lệnh) 14.568 ha
 - Đã đo-đạc và hoàn-tất sơ đồ 8.745 -
 - Đã cấp phát 6.935 -
 - Số người thụ hưởng 3.523 -
 - Chứng-khoán đã cấp phát 197
- chứng khoán

Điều 5 khoản 9 của Luật 003/70 ngày 26-3-1970 về chính-sách "Người cày có ruộng" luật này không áp-dụng cho các ruộng đất dành riêng cho các buôn ấp của đồng-bào sơn-cước theo Sắc-luật 033/67 và 034/67 ngày 29-8-1967.

Ngày 15-7-1967, Sắc-lệnh 076-SL/CCDB/CT gồm 8 điều đã ấn-định viện kiến-điền cho đồng-bào Thượng chiếu Sắc-luật 034/67 xác nhận và cấp quyền sở hữu cho đồng-bào sơn-cước. Để thực-hiện công việc kiến-điền :

- Điều 3 quy-định rằng : "trong thời hạn hai tháng kể từ ngày quyết-định của Tỉnh-Trưởng được đăng vào công-báo Việt-Nam Cộng-Hoà, các đồng-bào Thượng có ruộng đất canh-tác trong Buôn phải nêu rõ ranh giới ruộng đất của họ bằng cọc cây hay trụ-đá ở mỗi góc đất".

- Điều 4 : "Tại mỗi tỉnh sẽ thành-lập :

a)- Một ban kiến-điền Buôn gồm có :

- Trưởng-ty Điền-địa Trưởng-ban
- Trưởng-ty Phát-triển Sắc-tộc (Hội-viên)
- Đại-diện Buôn "
- Ba nhân-chứng thuộc ba thế-hệ do Buôn đề-cử "
- Hai chủ đất biết rõ ruộng đất do Buôn đề-cử "
- Một vị Polan - nếu có - "

b)- Một Ủy-hội hành-chánh tỉnh :

- Tỉnh-Trưởng Chủ-tịch
- Trưởng-ty Sắc-tộc Hội-viên
- Trưởng-ty Điền-địa "
- Đại-diện Buôn "
- Ba nhân-chứng "
- Hai chủ đất biết rõ ruộng đất "
- Một vị Polan - nếu có - "

- Điều 7 : "Bộ Cải-cách Điền-địa và Phát-triển Nông Ngu Nghiệp sẽ ấn-định thể-thức quản-thủ điền-địa đối với ruộng đất của đồng-bào Thượng dựa trên cơ-sở các chế-độ điền-thổ hiện-hành ở Việt-Nam".

*

Nghị-định 788-CCĐĐNN/HCTC3 ngày 28-11-1969 ấn-định diện-tích tối-đa đất luân-canh được cấp quyền sở hữu cho mỗi gia-đình Đồng-bào Thượng. Nghị-định gồm ba điều.

* Điều 1 : "ấn-định diện-tích tối đa đất luân-canh được cấp quyền sở-hữu cho mỗi gia-đình Đồng-bào Thượng là 10 mẫu tây".

Theo diễn-văn của ông Tổng-Trưởng Phát-triển Sắc-tộc trong buổi lễ bế-giảng khoá 1-70 viên-chức xã ấp ngày 24-11-1970 tại Trung-tâm huấn-luyện cán-bộ sắc-tộc tại Pleiku thì hiện nay công-tác kiến-điền cho Đồng-bào các sắc-tộc đang xúc tiến. Tính đến 10/70 đã thực-hiện việc đo đạc và lập hồ-sơ 19.128 ha và đang thực-hiện 2.829 ha. Số nông-dân sắc-tộc đã thụ-hưởng là 7.128 gia-đình. Sang năm 1971 công-tác dự-trù kiến-điền 40.000 ha cấp phát cho nông-dân và thực-hiện việc ấn-định khu-vực sinh sống chính cho 400 buôn ấp Thượng.

QUYỀN SỞ HỮU ĐẤT ĐAI CỦA ĐỒNG-BÀO SƠN-CƯỚC

Thông thường người ta nghĩ rằng đồng-bào sơn-cước là những bộ-lạc sống du-cư nên không định-canh, do đó ý niệm quyền sở-hữu ruộng đất không có ở nơi họ. Đó là một quan-niệm xa xưa và lỗi thời. Trên thực-tế, tại miền Nam hiện tại những sắc-tộc lớn Jarai, Roglai, Halang, Bahnar, Hroi, Chăm-churu, Sré, Lat... cũng đã biết làm ruộng; tục làm rẫy dành cho những sắc dân định-cư ở những vùng núi cao. Tuy nhiên, xuyên qua phong-tục tập-quán của Đồng-bào Sơn-cước, dù làm ruộng hay rẫy họ vẫn có quan-niệm rõ-rệt

về quyền sở-hữu đất đai của từng gia-đình, từng Buôn, bộ-lạc, sắc-tộc.

a) - Ranh-giới :

Chúng ta cần phân biệt ranh giới Buôn và ranh giới sanh sống là phạm-vi đất đai dân trong Buôn trồng trọt, săn bắn. Buôn của người Sơn-cước là nơi tụ tập một số gia đình cùng bộ tộc trên một diện-tích được rào bằng dậu tre hay có khi bằng những rào cây thiên-nhiên thường-thường rộng khoảng 100-200 thước vuông. Mỗi Buôn đều có một ranh giới riêng để dân Buôn sinh sống : người Bahnar gọi là Toring, người Pacoh gọi là Cruang, người Sedang gọi là Cheam-Beng. Dân trong mỗi Buôn chỉ được làm rẫy, săn bắn, đánh cá trong phạm-vi ranh giới thiên-nhiên do dân trong Buôn ấn-định mà thôi.

b) - Quản-thủ :

Mỗi Buôn có một người trông nom về đất đai, người Rhadé gọi là Polan, người Sré gọi là Tom-Bri, người Dié gọi là Sal-ja, người Churu gọi là Po-Ea. Lâu-lâu các vị Polan đi quan-sát đất đai và khi chết truyền chức lại cho con gái, nếu không có con gái mới truyền lại cho con trai. Theo đà tiến-bộ, các chế-độ quản-thủ truyền-thống trên tuy không được triệt để tôn-trọng nữa nhưng ý-thức về quyền sở-hữu đất đai của đồng-bào Sơn-cước thể-hiện rất rõ rệt.

c) - Chuyển-nhuợng :

Khi phát mãi đất đai, người mua phải mời nhân chứng đến chứng kiến việc mua bán khu đất đó. Do đó tuy không có bằng khoán viết nhưng mọi người đều tôn-trọng quyền sở hữu của nhau.

NHÂN XÉT VỀ QUYỀN SỞ-HỮU ĐẤT ĐAI
CỦA ĐÔNG-BÀO SƠN-CƯỚC

Nhiều người cho rằng sở dĩ người Sơn-cước vẫn còn duy-trì tục-lệ du-cư và du-canh đó là vì lý do kỹ-thuật canh-tác. Người Sơn-cước sau nhiều năm rời bỏ khu-vực canh tác cũ vì hết màu mỡ, nơi bỏ hoang có cây sẽ mọc lên, héo tàn rụng xuống làm đất đai màu mỡ trở lại, người Sơn-cước lại kéo nhau trở về đốt cây và trồng trọt lại. Chế-độ du-canh của người Sơn-cước là một chế-độ của tầng lớp bán khai lệ thuộc vào thiên-nhiên. Ngoài ra có thể còn giải-thích tục du-canh là do ở phong-tục tín-ngưỡng nữa như tục-lệ chạy làng. Chính vì thế mà nhiều Buôn sau nhiều năm rời đi nơi khác để tránh một điềm xấu lại trở về chỗ cũ. Khi họ bỏ làng nhà cửa vườn tược được bỏ trống nhưng dân trong làng vẫn thường lui tới nơi cũ xem xét trông nom.

Dưới thời quân-chủ, triều-dình vẫn để người sơn-cước duy-trì chế-độ đất đai theo phong-tục kiêng cử của từng sắc-tộc, hàng năm thu tượng-trung một số thuế dưới hình-thức triều-cống của các Tù-trưởng. Hình-thức triều-cống này thể-hiện quyền sở hữu đất đai thuộc nhà nước.

* Người Pháp cũng đã mặc nhiên thừa nhận chế-độ đất đai theo phong-tục của người Sơn-cước. Để mở mang các thị-trấn, đồn-diên họ bồi thường tượng-trung cho vị Polan và còn đóng thuế điền-thổ cho vị Polan. Song về việc mua bán phải chịu sự giám-hộ hành-chánh.

- Dưới 30 ha phải có Quân-trưởng phê chuẩn.
- Trên 30 ha phải được Khâm-sứ chuẩn-y.

Biện-pháp này phải được coi như âm-mưu chia để trị của thực-dân Pháp nhằm củng-cố những tư-tưởng bán-khai về quyền sở-hữu đất đai của người Thượng. Tuy trung thì người Pháp vẫn không bị thiệt-hại gì đến quyền lợi của họ khi sự bồi thường các khu-vực người Pháp chiếm cứ chỉ có

tính-cách tượng-trung. Phương chi nếu đất đai là của người Thượng thì hà tất phải cần đến sự cho phép của Pháp. Đây thực sự là một âm-mưu chính-trị thâm-độc vì người Pháp chỉ thừa nhận tập-quán của người Thượng mà không tôn-trọng tập-quán của người Việt-Nam trong đó có người Thượng vì phải chăng nếu phải đóng thuế thì chỉ cần đóng thuế cho triều-đình Việt-Nam như công việc người Thượng đã làm xưa nay với triều-đình Trung-ương. Quả các quan-thầy Pháp đã cố tình không đếm xỉa đến những ý-niệm pháp-luật sơ đẳng nhất về lãnh-thổ và chủ-quyền của triều-đình Việt-Nam khi Đế-quốc Pháp mới đến chiếm cứ !

* Dưới thời Đệ I Cộng-Hoà, do Nghị-định 513a/ĐT/CCDD ngày 12-12-1958 và các văn-kiện kế tiếp cho rằng đồng-bào Thượng không có quyền sở-hữu mà chỉ có quyền hưởng-dụng đất đai nên tất cả các vụ mua bán đều phải được Tổng-Thống cho phép trước. Và nhiều người cho rằng đây là nguyên-nhân của phong-trào Bajaraka (1958) và phong-trào Fulro (1964). Trước hết chúng tôi không hoàn-toàn đồng ý lập-luận tương-quan nhân-quả này vì thực sự có rất nhiều yếu-tố đưa đến những cuộc tranh-đấu của phong-trào Bajaraka và Fulro.

- Sự thù-nghịch giữa Cao-Miên và Việt-Nam trước đây về các vấn-đề biên-giới và vấn-đề người Việt gốc Miên.

- Lý do chính-trị nội-bộ (các tầng lớp cai-trị cũ tại Cao-nguyên).

- Sự thù-nghịch giữa Pháp Việt nên các chủ đồn-điền Pháp là trung-tâm biến động tại đây. Vì thật ra những chủ đồn-điền Pháp mới là những người làm thiệt-hại quyền lợi đất đai của Đồng-bào Sơn-cước nông-cạn và mộc-mạc nghĩ rằng đất đai tại Cao-nguyên là của họ.

- Chúng ta cũng đừng quên bàn tay thâm độc của Cộng-sản nếu chúng ta biết trong thời gian từ 1956-1960

Việt-cộng chuẩn-bị cho Mặt-trận Tây-nguyên để mở hành lang xâm nhập vào Nam Việt-Nam qua đường mòn Hồ-Chí-Minh và hành lang xuyên sơn. Vị trí chiến-lược này buộc Việt-Cộng phải xúi giục các Đồng-bào Sơn-cước chống lại chế-độ Đệ I Cộng-Hoà.

Hơn nữa chúng ta làm sao chấp nhận một quyền sở hữu rộng lớn như vậy. Chế-độ vô-pháp-luật và có thể công bình trong quá khứ khi dân ít đất nhiều song le là một sự bất công phi-lý trong hiện tại khi hàng triệu đồng-bào khác không nơi cư-trú trong năm 1954. Việc cải-cách điền địa phải là biện-pháp hàng đầu của mọi công cuộc cách-mạng và như chúng ta đã thấy nền Đệ II Cộng-Hoà cũng đã đang thực-hiện cuộc cách-mạng đó nhằm phục-vụ quyền lợi quảng-tại quần-chúng với Sắc-luật Người cày có ruộng 003/70. Nếu phải chỉ trích chính-sách cải-cách đất đai của nền Đệ I Cộng-Hoà đối với đồng-bào Sơn-cước thì chỉ có thể chỉ trích sự thiếu ổn-định một khu-vực tư-hữu của các gia-đình sơn-cước, sự ổn-định phù-hợp với phong-tục tập-quán của từng sắc-tộc, sự ổn-định phải hợp-lý và nhân-đạo. Người công-dân không phân-biệt Kinh Thượng được hưởng thụ những quyền lợi của chế-độ dân-chủ thì cũng phải chấp nhận luôn những phiền-toái, những thủ-tục bắt buộc của chế-độ dân-chủ, đó là luật chơi mà khi đã nhập cuộc, mỗi hội-viên phải tuyệt-đối tôn-trọng; cũng như các đồng-bào Kinh đối với Luật Người cày có ruộng, quyền-lợi truyền thống của gia-đình, bộ-tộc nhiều khi phải hy-sinh cho quyền lợi tối thượng của quốc-gia dân-tộc.

Ngày nay, do Sắc-luật 034/67 ngày 29-8-1967 Chính-phủ công nhận quyền sở-hữu đất đai của người Thượng. Công cuộc kiến-diễn cho người Sơn-cước đang được xúc tiến : "mỗi gia-đình ngoài số ruộng đất đang canh-tác còn được hưởng hai khu-vực tương-đương là 10 mẫu để luân-canh , ngoài ra mỗi Buôn có một khu-vực đất riêng tương-đương với số diện-tích đất đai của tất cả các gia-đình trong Buôn". Việc làm này hợp-lý song để cho công cuộc kiến-diễn



Người Rhadé trong lễ phục
đang trình-diễn âm-nhạc cổ-truyền.

thực sự mang lại lợi-ích thiết-thực cho Đồng-bào Sơn-cước thiết-tưởng không những cần phải cải-tiến kỹ-thuật mà còn cần phải giáo-dục các cán-bộ sơn-thôn vận-động đồng-bào Sơn-cước đả-phá những mê-tín, dị-đoan của những tập-tục chạy làng.

b) - Nông-nghiệp thuần-túy :

- Cũng trong mục-dịch tăng-gia diện-tích canh-tác để tăng-gia sản-xuất nông-nghiệp, một mặt các cán-bộ Phát triển Sắc-tộc và Cán-bộ Xây-dựng Thôn-sơn đã thường-xuyên khuyến-khích và hướng-dẫn Đồng-bào Sơn-cước phát thêm rẫy, khai-khẩn đất hoang và mặt khác, Chính-phủ cũng đã lo xây các đập nước và trang-bị máy bơm để hoàn-bị các hệ-thống dẫn-thủy nhập-diện hầu tránh tình-trạng ruộng đất phải bị thất canh vì thiếu nước.

- Trong chiều hướng cải-tiến kỹ-thuật canh-tác, Bộ Phát-triển Sắc-tộc đã can-thiệp với Bộ Cải-cách Điện-địa và Phát-triển Nông-ngư-nghiệp và Nha Học-vụ Nông-lâm-súc mở nhiều khoá huấn-luyện cho cán-bộ và nông-dân về cách sử-dụng máy cày và đến nay đã có 43 học-viên sắc-tộc mãn khoá trở về địa-phương huấn-luyện lại cho đồng-bào, trong khi Trung-ương vẫn còn tiếp-tục huấn-luyện thêm nữa để cung-ứng cho nhu-cầu ngày một gia-tăng.

- Hiện đã có 12 Trung-tâm canh mục hướng-dẫn nông-dân Sơn-cước về kỹ-thuật canh-tác và chăn-nuôi.

D.- KẾ-HOÁCH ĐẦU-TƯ NHÂN-LỰC

Nhằm mục-dịch phát-triển ngành canh-nông, Bộ Phát-triển Sắc-tộc đã can-thiệp và giúp đỡ phương-tiện cho một số sinh-viên học-sinh theo học :

- Ban Cao-đẳng Nông-lâm-súc (kỹ-sư)... 28 sinh-viên
- Ban Sư-phạm Nông-lâm-súc (giáo-sư).. 1 "
- Ban Trung-học Nông-lâm-súc 79 học-sinh
- Tại các Trung-tâm canh-mục sắc-tộc.. 886 học-viên

Ngoài ra, hàng năm lúa giống, cây giống, gia-súc giống, cá giống, phân bón, thuốc sát trùng, máy cày, nông-cụ nhẹ cũng được cấp-phát cho Đồng-bào Sơn-cước để gia-tăng số lượng sản-xuất, tính đến nay có :

- Lúa giống 6.100.000\$00
- Cây giống 5.837.500,00
- Gia-súc và cá giống. 7.000.000,00
- Máy cày 2 chiếc
- Nông-cụ nhẹ 32.000 chiếc

Đã can-thiệp và vận-dộng các cơ-quan bạn giúp :

- 250 heo giống
- 7.350 gà giống
- 80.000 cây giống.

III.- VĂN-HOÁ GIÁO-DỤC

Trên phương-diện này, chúng ta ghi nhận những thành-quả sau :

- 142 sinh-viên đại-học, Cao-đẳng Kỹ-thuật và Chuyên-nghiệp (18 đã tốt-nghiệp).
- 1.483 học-viên và học-sinh trung-đẳng kỹ-thuật và chuyên-nghiệp (745 đã tốt-nghiệp).

Số học bổng, số ký-túc-xá và số trường số lớp học (Trung Tiểu-học và sơ-cấp, đều gia-tăng theo đà tăng tiến của sĩ-số học-sinh như sau trong niên-khoá 1969-1970.

- 609 học-bổng Quốc-gia được cấp thành tiền là :
7.780.950\$00. Trong số gồm có :

- . 20 học-bổng đại-học
- . 33 học-bổng Cao-đẳng chuyên-nghiệp
- . 27 học-bổng Trung-đẳng chuyên-nghiệp
- . 125 học-bổng Trung-học Đệ II cấp
- . 273 học-bổng Trung-học Đệ I cấp
- . 131 học-bổng Tiểu-học

phân-phối như sau :

| | | | |
|-----------------|---|-----|----------|
| Thượng miền Nam | : | 347 | học-bổng |
| Thượng miền Bắc | : | 141 | " |
| Châu | : | 121 | " |

- 40 học-bổng văn-hoá Á-châu trị-giá lên đến
996.000\$00.

- và 12 học-bổng Tin-lành trị-giá mỗi học-bổng
3.000\$00 mỗi-tháng.

- 65.943 học-sinh Trung, Tiểu-học và sơ-cấp trong
toàn-quốc đang được học tại :

| | | |
|-----|-----------|--|
| 71 | trường | Trung-học |
| 132 | trường | Tiểu-học |
| 403 | trường | Sơ-cấp |
| 52 | ký-túc-xá | Trung, Tiểu-học với 7.340 nội-trú sinh. |

Trong hai năm qua và đầu năm 1970 một số sinh-
viên, học-sinh sắc-tộc cũng được can-thiệp cho xuất dương
du-học, kết-quả được ghi nhận như sau :

Tại Hoa-Kỳ :

- Một sinh-viên theo học về Đại-học sư-phạm trong
5 năm 6 tháng.
- Một sinh-viên điện-khí.

Tại Pháp :

- Một sinh-viên theo học về Kinh-tế xã-hội.

Tại Nhật-Bản :

- 1 nữ-sinh ngành kỹ-nghệ thực-phẩm và đồ hộp.
- 1 nam-sinh ngành điện-lực.
- 2 nam-sinh ngành canh-nong.
- 4 nữ-sinh ngành y-tế.

Tại Đài-Loan :

- 3 nam-sinh theo học ban cao-học.

(Trích thành-tích 3 năm 1968-1969-1970 của Bộ Phát-triển Sắc-tộc).

VIỆC SOẠN-THẢO SÁCH GIÁO-KHOA DÀNH CHO 12 SẮC-TỘC ĐỒNG DÂN NHẤT

Từ trước, Trung-tâm học-liệu thuộc Bộ Giáo-dục đã đảm-trách in và xuất-bản các bản-đồ, sách tập viết, sách tập đọc Việt-ngữ cho Đồng-bào Thượng cùng sách hướng dẫn các giáo-chức dạy Đồng-bào Thượng cho các sắc-tộc Bahnar, Brû, Jarai, Koho, Rhadé. Một số sách khác về khoa-học, vệ-sinh và toán-pháp đang in và sắp sửa phát hành.

Với ngân-khoản 5.000.000\$00 dành cho năm 1971, Trung-tâm Học-liệu sẽ xuất-bản các loại trên cùng thêm vào đó các sách tập-đọc, luận-lý, dân-ca, văn-hoá cho các sắc dân Bahnar, Cham, Hré, Jarai, Koho, Rhadé, Mường, Brû, White Tai. Với đà này, Bộ Quốc-gia Giáo-dục sẽ giải-quyết được phần nào việc ấn hành sách giáo-khoa cho 12 sắc-tộc đồng dân nhất (1).

(1) Trích chương-trình giáo-dục năm 1971 của Bộ Quốc-gia Giáo-dục thuyết-trình tại Trung-Tâm Huấn-luyện Cán-bộ Quốc-gia Vũng-Tàu ngày 4-1-1971.

Những tài-liệu trên đây thể-hiện những cố-gắng và thành-tích công-tác của Chính-phủ qua những ngân-khoản yểm-trợ lớn lao trên nhằm mục-dích canh-tân xã-hội sơn-cước trong công cuộc cộng-đồng đồng-tiến xã-hội, dầu sao hãy còn quá sớm để đánh giá đúng đắn các công cuộc cải-cách của Chính-phủ nghĩa là các cố-gắng có đáp ứng thiết-thực và hữu-hiệu những nhu-cầu và nguyện-vọng của Đồng-bào Sơn-cước.



ĐOẠN III

CÁC BIỆN PHÁP ĐỀ NGHỊ

A. - THỰC-TRẠNG CỦA ĐỒNG-BÀO SƠN-CƯỚC MIỀN NAM

Thật ra vấn-đề thiểu-số tại mỗi quốc-gia mang những sắc-thái và đặc-điểm khác nhau. Mỗi quốc-gia đều áp-dụng những đường-lối chính-sách khác biệt để giải-quyết vấn-đề thiểu-dân. Dĩ nhiên mục-tiêu tối-hâu của mọi chính-sách đều nhằm kết-quả là đồng-hoá nhóm thiểu-số vào với nhóm đa-số. Nếu tại các quốc-gia Âu-châu người ta đã áp-dụng hữu-hiệu một chính-sách bình-dẳng về các phương-diện văn-hoá, chính-trị, kinh-tế, hành-chánh giữa các nhóm thiểu-số và đa-số hầu giảm thiểu sự chia rẽ và kỳ-thị giữa các chủng-tộc khác nhau trong lãnh-thổ một quốc-gia thì tại những quốc-gia chậm tiến, nhất là tại các quốc-gia Á-châu, chính-sách đó không thể đem lại kết-quả mong-muốn mà đôi khi lại còn đào sâu sự chia rẽ và kỳ-thị giữa các nhóm thiểu-số và đa-số nữa. Sở dĩ vậy vì thiểu-dân tại đây không phải bắt nguồn từ những biên-giới địa-lý như trường-hợp thiểu-dân ở đảo Aland tại Phần Lan hay biên-giới văn-hoá như dân Bretons tại Pháp mà bắt nguồn ở tình-trạng đặc-biệt, tình-trạng chậm-tiến và bán-khai của nhóm thiểu-số.



*Người sơn-cước cạnh cửa nhà sàn gỗ-sầu
đang suy-nghĩ về các đại-hội của sắc dân thiểu-số*

Nếu áp-dụng ở Á-châu một chính-sách tương-tự tại các nước Âu-châu nghĩa là đồng-hoá thiểu-số với đa-số thì chắc-chắn thiểu-dân sẽ bị cô-lập khỏi guồng máy sinh-hoạt quốc-gia vì sự yếu-kém của họ trên mọi phương-diện trước nhóm đa-số. Thật vậy, nếu không có một sự nâng đỡ đặc-biệt thì người sơn-cước khó lòng cạnh tranh với người đồng-bằng để tham-dự vào mọi sinh-hoạt quốc-gia.

Thêm vào đó một khía-cạnh chính-trị đặc-biệt chi-phối chính-sách thiểu-dân là hầu hết các quốc-gia Á-châu đều là những cựu thuộc-địa vừa mới thâu hồi độc-lập. Các quốc-gia đô-hộ trước đây đã áp-dụng một chính-sách chia để trị ngõ hầu bình-định thuộc địa của mình. Nếu tại Việt-Nam, người Pháp đã nắm hẳn việc cai-trị người Thượng để nhằm tách rời Cao-nguyên ra khỏi Việt-Nam và biến những đồng-bào Sơn-cước thành những người xa lạ thì tại Miến-Điện, người Anh cũng đã áp-dụng một chính-sách tương-tự với Đạo-luật "Hill people's Regulation Act 1889". Một số sắc-tộc Shan Karen được đặt dưới sự cai-trị trực-tiếp của toàn-quyền Anh-quốc. Cũng vì vậy mà sau khi thu-hồi độc-lập, Miến-Điện đã phải đương-đầu với những cuộc chống đối đòi tự-trị, đòi tách rời khỏi Miến-Điện của các sắc-tộc bị chính-sách ngoại-nhân làm cho xa lạ qua các phong-trào K.N.D.O. (Karen National Defense Organization) và M.N.D.O. (Mon National Defense Organization) và cuối cùng để tránh một cuộc nội-chiến, một liên-bang Miến-Điện được thành-lập gồm các tiểu-bang tượng-trưng cho mỗi nhóm sắc-tộc Kayah, Karen, Shan, Kachin. Năm 1965 ông Y-Bham lãnh-tụ phong-trào Fulro ở Cao-nguyên Trung-phần đã có lần thỉnh-nguyện lập một Cộng-Hoà Liên-Bang Việt-Nam gồm Việt-Nam và Cao-nguyên Trung-phần. Ý kiến đó hẳn nhiên cũng là hậu-quả của chính-sách áp-dụng bởi người Pháp trước đây mà trên thực-tế xét không đem lại một ích lợi nào cho việc cải-tiến Đồng-bào Sơn-cước nói riêng và Quốc-gia Việt-Nam nói chung cả. Đó là một yêu-sách mang màu sắc chính-trị hơn là xã-hội. Tại Miến-Điện giải-pháp Liên-bang được áp-dụng là vì ba yếu-tố chính sau đây :

* Yếu-tố văn-hoá : Một số sắc-tộc tại Miến-Điện như Karen, Shan, Kachin có một trình-độ văn-minh khá cao có thể đồng-hoá với người Miến chính-thống. Tại những khu-vực đã được tự-trị lâu đời dưới sự cai-trị trực-tiếp của người Anh mà các sắc-tộc này sinh sống, sinh-hoạt văn-hoá đã được phát-triển mạnh-mẽ như ở tiểu-bang Kachin có đủ các trường Cao-đẳng, Trung-học, Tiểu-học và cả các cơ sở thương-mãi.

* Yếu-tố tôn-giáo : Các sắc-tộc trên, dưới ảnh hưởng của các phái-bộ truyền-giáo thiên-chúa phần lớn đều theo đạo Thiên-chúa giáo trong khi Miến-Điện là một quốc-gia Phật-giáo.

* Yếu-tố dân-số : Các sắc-tộc tại Miến-Điện đều chiếm một tỷ-lệ dân-số khá lớn trong toàn-thể dân-số của Liên-bang Miến-Điện.

| | |
|---------------------|-------------------|
| Người Karen khoảng | 1.340.000 người |
| Người Shan khoảng | 1.200.000 người |
| Người Kachin khoảng | 750.000 người (1) |

Riêng tại Việt-Nam, đồng-bào thiểu-số tại vùng Cao-nguyên gồm khoảng 29 chủng-tộc khác nhau, mà dân-số từ vài chục người của giống Cil, Lat... cho đến tới đa không quá 100.000 người của các bộ-lạc Rhadé, Jarai, Bahnar... Hình-thức liên-bang do Y-B'ham đề-nghị là một đòi hỏi thiểu thực-tế. Như vậy một quy-chế đặc-biệt để nâng-đỡ đồng-bào thiểu-số để theo kịp sự tiến-bộ của đồng-bào Kinh là một giải-pháp hợp-tình hợp-ly tuy nhiên trước khi đề cập đến quy-chế 033/67 đang được áp-dụng, Chúng ta thiết-tượng cần ước-lượng đúng đắn một vài vấn-đề sau đây :

(1) Kunstadter, Peten "Southeast Asian tribes, minorities and nations" 1967.

a) - Thực-trạng của đồng-bào Sơn-cước
trên quan-niệm bình-đăng :

Chúng ta biết rằng tại Cao-nguyên Trung-phần đồng-bào Sơn-cước bao gồm nhiều sắc-tộc khác nhau. Theo giáo-sư Hickey có khoảng 29 sắc-tộc rải-rác tại vùng đồi núi, quận-ly, tỉnh-ly thuộc Cao-nguyên miền Nam gồm các tỉnh của Bắc Trung-phần, Nam Trung-phần và Cao-nguyên Trung-phần (2).

Trên phương-diện văn-hoá xã-hội thì có thể xác nhận rõ-rệt bốn sắc-dân sau đây (Bahnar, Rhade, Jarai, Koho) có một trình-độ văn-hoá và những điều-kiện xã-hội tương-đối tiến-bộ khá dĩ có thể theo kịp và thích-nghĩ với trình-độ văn-minh của người Kinh nếu được đặc-biệt nâng đỡ và trong khi cố-gắng hấp-thụ nếp sống văn-minh những sắc-dân này vẫn có thể bảo-tồn các sắc-thái đặc-thù của một trình-độ văn-hoá không quá bán-khai để cải-tiến xã-hội của họ. Ngoài ra nếu tính về dân-số thì bốn sắc dân này có một dân-số khá lớn có thể chiếm tỷ-lệ gần một nửa tổng số đồng-bào Sơn-cước tại Cao-nguyên Việt-Nam. Đây cũng là một yếu-tố quyết-định cho nỗ-lực cải-tạo xã-hội và là một lực-lượng sản-xuất cần-thiết trong công-kuộc phát-triển kinh-tế tại Cao-nguyên.

Về địa-điểm cư-ngụ thì cũng nhờ ở nhân-số đông-đảo những sắc-tộc kể trên đã dành được những địa-bàn thiên nhiên thuận-lợi gần trung-tâm quận-ly, tỉnh-ly, trên những vùng đất màu mỡ để thích-nghĩ cho công-kuộc trồng trọt chăn-nuôi và giao-thông thương-mãi, trái lại những nhóm sắc-tộc khác dân-số ít ỏi và luôn-luôn bị áp-lực của các sắc-dân lớn phải lùi dần vào nơi lam-sơn chướng-khí và ít khi có cơ-hội tiếp-xúc với đời sống văn-minh. Như vậy

(2) Hickey Gerald C. "The highland people of South Vietnam Social and economic development" Rand Corporation memorandum.

ngay giữa các bộ-lạc sinh sống tại Cao-nguyên miền Nam, chúng ta thấy có một sự chênh-lệch rõ rệt, một sự bất bình đẳng xã-hội giữa họ về ba phương-diện :

- Phương-diện địa-lý : Chỉ có khoảng bốn bộ-lạc Bahnar, Jarai, Rhadé, và Koho chiếm những địa-thể thuận-lợi còn các bộ-lạc khác hầu hết đều ở những nơi thâm sơn cùng cốc...

- Phương-diện dân-số : Những bộ-lạc khác so với bốn bộ-lạc Jarai, Rhadé, Bahnar, Koho là những nhóm thiểu-số bất lợi cho việc phát-triển đời sống của họ.

- Trình-độ văn-minh : "Chính những bộ-lạc lớn văn thường có thái-độ khinh-miệt và dèm-pha những bộ-lạc nhỏ và thậm-chí còn xem như hươu nai sống trong rừng già" (3). Rõ-rệt nhất là hầu hết công-chức tư-chức tại Cao-nguyên miền Nam đều thuộc thành phần các bộ-lạc Bahnar, Jarai, Rhadé, Koho. Chẳng hạn như thành phần các phong-trào thượng đoi tự-trị trước đây (Bajaraka và Fulro) cũng chỉ gồm những thành phần trí-thức thuộc bốn bộ-lạc trên và gần đây "Phong-trào đoàn-kết các sắc-tộc thiểu-số Cao-nguyên Miền Nam Việt-Nam 1969 cũng chỉ gồm phần lớn sắc-tộc Rhadé trong thành-phần sáng-lập-viên".

b) - Địa-vị của những nhóm sắc-tộc trong vấn-đề nhân-dụng và nghề-nghiệp :

Tại Cao-nguyên Trung-phần hầu hết các công-chức tư-chức công-nhân phục-vụ ở các đồn-diễn cao-su, cà-phê, trà đều là người Rhadé, Jarai, Bahnar và Koho. Chúng ta khó lòng tìm thấy Đồng-bào Sơn-cước là chủ-nhân các đồn-diễn, các dinh-diễn, các trại chăn-nuôi hay trong số những

(3) Văn-Hoá Việt-Nam - Đào-quang-Huy. Giảng-văn Cao-học Hành-chánh Khoa III năm 1969.

thương-gia giàu có. Tình-trạng này là hậu-quả tất nhiên của chính-sách Thương-vụ từ thời Pháp-thuộc đến chế-độ Cộng-Hoà.

Thật ra một phần vì đặc-tính thiếu tích-cực của Thượng-dân; một phần vì chính-sách ngu dân của thực-dân phong-kiến chỉ muốn biến cải người Thượng vừa đủ làm tay sai cho họ trong công việc khai-thác Cao-nguyên Trung-phần. Tình-trạng này cũng tương-tự như tình-trạng xã-hội của hầu hết các nước Á-Phi dưới thời bị đô-hộ nghĩa là giữa lớp người bảo-hộ và lớp người bị trị bản xứ luôn-luôn có một lớp trung-gian thương-mãi, kỹ-nghệ-gia giàu có gồm các Ấn-kiều, Hoa-kiều, Pháp-kiều vì vậy mà khi mới thu hồi độc-lập chúng ta khó mà tìm thấy những thương-gia, kỹ-nghệ-gia bản-xứ giàu có. Các thành-phần này thuộc người bản-xứ chỉ thấy xuất-hiện rất lâu sau khi nền độc-lập quốc-gia đã thực sự được phục-hồi. Cũng vì vậy mà tại Cao-nguyên Trung-phần, những doanh-thương giàu có đều là Pháp-kiều, Hoa-kiều. Tại thị-xã Ban-Mê-Thuột, Pleiku, Đalat ngay cả nghề buôn bán các lâm-sản như sừng nai, nhung hươu, ngà voi, da thú do người Hoa-kiều khai-thác và những đồn-diền rất lớn nằm trong tay các Pháp-kiều. Người Kinh vì bị hạn-chế giao thương với vùng Cao-nguyên nên chỉ mới xuất-hiện và phát-triển kể từ sau ngày nền Đệ nhất Cộng-Hoà được thành-lập, còn các Đồn-bào Sơn-cước thì chỉ rải rác tại các công sở hành-chánh, an-ninh, hay phục-vụ với tính-cách công-nhân trong các đồn-diền hay dinh-diền hoặc trong các xí-nghiệp kỹ-nghệ.

Kể từ sau đệ nhất thế-chiến, vấn-đề bảo-vệ dân thiểu-số được các Hiệp-ước quốc-tế quy-định. Vấn-đề đã được quy-định minh-thị bởi hai điều 86 và 93 của Hoà-ước Versailles và điều I khoản III của Hiến-chương Liên-Hiệp-Quốc. Theo đó, mọi quy-chế bảo-vệ thiểu-dân đều phải thể hiện những quyền lợi sau đây :

"Bảo-vệ đời sống, bảo-đảm tự-do cá-nhân và tự-do tín-ngưỡng, bình-đẳng về các quyền công-dân và chính-trị,

tôn-trọng các sắc-thái đặc-biệt của thiểu-dân như được tự-do sử-dụng ngôn-ngữ, các quyền đặc-biệt về văn-hoá và giáo-dục... Và để bù lại một quyết-nghị của Đại Hội-dồng ngày 21-9-1922 thì thiểu-dân có bốn-phần phải trung-thành với quốc-gia mà họ lệ-thuộc (4).

Vấn-đề thiểu-dân tại các quốc-gia Âu-châu như đã nói ở trên mang những sắc-thái đặc-biệt so với vấn-đề đồng-bào Sơn-cước tại Việt-Nam. Thiểu-dân ở Âu-châu là hậu-quả của những cuộc di dân, chiến-tranh, và tranh-chấp biên-giới mà thành khác với tình-trạng đặc-biệt của Việt-Nam trong đó Thượng-dân và Hạ-dân đã cư-ngụ từ lâu đời tại bán-đảo này và tuy ngôn-ngữ có khác biệt song rất nhiều phong-tục tập-quán và lễ-lối sinh-hoạt trùng-hợp. Thượng-bang vì chính-sách chia để trị của người Pháp và vì các bộ-lạc của Bách-Việt này phải cư-trú ở những khu-vực núi đồi hiểm trở ít có cơ-hội hấp thụ được những tiến bộ của văn-minh nên hãy còn chậm tiến và bán-khai. Nhiều nhà nhân-chung-học nghiên-cứu các chủng-tộc tại Cao-nguyên miền Nam cũng đã đưa ra giả thuyết : "Người Sơn-cước tại Cao-nguyên Việt-Nam không ai khác hơn là người Việt, người Kinh trong trạng-thái nguyên-thủy".

Người thiểu-số tại Âu Mỹ phần lớn có trình-độ văn minh khá cao ý-thức được các quyền-lợi và bốn-phần cùng các giá-trị truyền-thống và giá-trị mới khi đã hội nhập vào xã-hội đa số, họ dung-hòa được những quyền-lợi khác biệt để phụng-sự quốc-gia trong đó họ trú-ngụ và sinh-sống. Do đó một quy-chế bảo-vệ thiểu-dân như trên là thiết-thực và đầy đủ. Thật vậy nguyện-vọng của thiểu-dân trong các quốc-gia Âu Mỹ không gì khác hơn là sự đãi-ngộ công-bình và bình-đẳng về quyền-lợi giữa các nhóm thiểu-

(4) Rousseau, Charles. *Traité de Droit International Public Protection des minorités*. Paris, Sirey 1953 p. 218.

số và đa-số. Giáo-sư F.L. Schoell cũng đã xác-nhận vậy trong cuốn Lịch-sử chủng-tộc da đen tại Hoa-Kỳ (5).

Tại Việt-Nam chưa - có lẽ chưa bao giờ có cái tình-trạng kỳ-thị đó, cái tình-trạng bị đát mà nhiều nhà xã-hội-học tại Hoa-Kỳ phải lên tiếng cảnh-cáo : "dự-luận thế-giới không thể chấp nhận một cá-nhân bị thối-mạ vì chủng-tộc và màu da của mình. Sự kỳ-thị vì chủng-tộc không có chỗ đứng trong khoa-học cũng như trong bất cứ chế-độ dân-chủ nào. Đạo-đức của nhân-loại hoàn-toàn chống đối và nó không thể nào tồn-tại được (6). Ở Việt-Nam, Kinh Thượng hoàn-toàn bình-đẳng nhưng không phải và không thể là cái bình-đẳng như nguyện-vong của thiếu-dân của quốc-gia Âu-châu và Mỹ-châu. Nhiều chính-quyền liên-tiếp đã dò dẫm và đang trác-nghiệm những phương-thức thực-hiện nguyên-tắc căn-bản này công-bình và hợp-lý vì kinh-nghiệm cho thấy nguyên-tắc bình-đẳng nếu thực-hiện máy móc sẽ làm trở ngại cho công cuộc tiến-triển của Đồng-bào Sơn-cước tại Cao-nguyên và gián-tiếp loại bỏ họ ra khỏi sinh-hoạt quốc-gia. Do đó một quy-chế tương-tự xét ra rất nhân đạo và phụ-hợp với các nguyên-tắc căn-bản của công-pháp quốc-tế đã được trác-nghiệm dưới thời Bảo-Đại và kể cả dưới nền Đệ nhất Cộng-Hòa song lẽ đã không giải-quyết thoả đáng vấn-đề Đồng-bào Sơn-cước tại Việt-Nam.

(5) Schoell F.L. "Histoire de la race noire aux États-Unis du 17^e siècle à nos jours". p.238 Payot Paris 1959. "L'aspiration principale des Noirs Américains tous les observateurs méritant crédit en sont d'accord est actuellement d'obtenir l'égalité effective des droits et de traitement sur sol américain".

(6) L'opinion mondiale n'admet pas qu'un homme soit stigmatisé à cause de sa race et de sa couleur. La ségrégation basée sur la race ne trouve appui ni dans la science ni dans la démocratie. Elle a contre elle tout le poids moral de l'univers. Elle ne peut persister "Schoell F.L." Histoire de la race noire aux États Unis du 17^e siècle à nos jours p. 34 Payot Paris 1959.

Từ trước đến nay, những chính-sách Thượng-vụ đều thất bại là vì đã được hoạch-định trên nguyên-tắc Kinh Thượng bình-đẳng mà không căn-cứ vào khía cạnh thực-tế xã-hội của vấn-đề. Hậu-quả của những chính-sách đó là sự kỳ-thị giữa người Kinh và người Thượng càng ngày càng khó hàn gắn nối và cuối cùng là sự bùng nổ của phong-trào chống-đổi Bajaraka năm 1958 và Fulro năm 1964. Thật vậy từ trước đến nay người ta đã cố-gắng đồng-hoá người Kinh và Thượng về mọi phương-diện nghĩa là trong khung-cảnh pháp-lý trước đây mọi cơ hội đều được chia xẻ đồng đều cho mọi người Kinh cũng như Thượng và người dân nào có đủ điều-kiện khả năng người đó sẽ được hưởng thụ hoàn-toàn những cơ hội pháp-định đó. Nhưng thực-tế làm sao đồng-bào Sơn-cước có thể cạnh-tranh bình-đẳng với đồng-bào Đồng-bàng khi họ còn yếu kém về mọi mặt và vô-hình-chung chính-sách bình-đẳng đẹp đẽ trên-đạo đã gián-tiếp đặt Đồng-bào Sơn-cước ra ngoài lề xã-hội và sinh-hoạt quốc-gia. Vì vậy mà tại nhiều quốc-gia, chính-quyền đã phải giải-quyết vấn-đề bằng một sự đả-ngộ bình-đẳng trên căn-bản bất-bình-đẳng nghĩa là thiếu-dân phải được thụ-hưởng một số đặc-ân một số ân-huệ hay những điều-kiện giảm miễn cần-thiết để bù đắp những yếu kém của họ và để quân-bình-hoá khả-năng quá cách-biệt giữa nhóm đa-số và thiếu-số.

Ở Việt-Nam qua bao nhiêu tháng năm dò dẫm, qua bao nhiêu chế-độ mãi sau ngày Cách-mạng 1-11-1963, chính-quyền mới định rõ một chính-sách Thượng-vụ thể-hiện được cái quan-niệm hợp-tình hợp-lý về bình-đẳng cơ hội giữa đồng-bào Kinh và đồng-bào Sơn-cước xuyên qua bản Sắc-luật 033/67 ngày 29-8-1967. Sắc-luật đã thể-hiện rõ rệt hai khía cạnh của vấn-đề nghĩa là một mặt các sắc-tộc tại vùng Sơn-cước có thể bảo-vệ được các sắc-thái văn-hoá đặc-thù của mình, một mặt có thể tiến kịp những người Việt-Nam trong công cuộc phát-triển chung. Quy-chế 033/67 đã có tạo nên một khung-cảnh thuận tiện cho đồng-bào Sơn-cước nhưng vấn-đề thực-sự có hữu-hiệu hay không là do ở sự thi hành và áp-dụng của các cơ-cấu công-quyền quốc-gia trong

thực-tế. Câu hỏi đầu tiên đến với chúng ta là Sắc-luật 033/67 có thực sự tạo được một sự bình-đẳng cơ hội hay không giữa đồng-bào Sơn-cước và đồng-bào Đồng-bằng, có thực sự giúp đỡ hữu-hiệu họ phát-triển để tiến-bộ trong cuộc đồng-tiến xã-hội hay không ?

Xuyên qua khía cạnh thực tế xã-hội của đồng-bào Sơn-cước, chúng ta thấy tại Cao-nguyên miền Nam có rất nhiều sắc-tộc khác nhau về văn-hoá, về trình-độ văn-minh, về điều-kiện dân-số kể từ những bộ-lạc nhỏ như Cil, Lat, Maa đến những bộ-lạc lớn như Rhadé, Jarai... hơn nữa, những bộ-lạc lớn đều chiếm đóng những vị-trí thiên-nhiên thuận-lợi, dễ dàng phát-triển đời sống của họ trái với những bộ-lạc nhỏ ở các cao-độ thâm sơn khó có thể cạnh-tranh đồng đều với những bộ-lạc tiến-bộ để hưởng-thụ các điều-kiện đặc-biệt quy-định bởi Sắc-luật 033/67 dành cho đồng-bào Sơn-cước. Giáo-sư Nghiêm-Thẩm đã nhận xét thật đúng : "Một đặc-điểm của nhân-văn địa-lý tại Việt-Nam nói riêng và tại Đông-Dương nói chung là sự trái ngược giữa dân-cư ở miền đồng-bằng và miền-núi. Độ cao (altitude) đã chi-phối rõ-rệt trình-độ văn-minh. Càng lên cao trạng-thái của nền văn-minh càng thô-sơ" (7).

Chúng ta e-ngại rằng tình-trạng kỳ-thị đã chuyển từ tay đồng-bào Kinh sang đồng-bào Sơn-cước với những bộ-lạc lớn bé khác nhau tại Cao-nguyên miền Nam. Thực-tế cho thấy rõ-ràng là từ ngày có Bộ Phát-triển Sắc-tộc, phần lớn các chức-chương của Bộ này và các đơn-vị trực-thuộc đều được chia xẻ giữa các sắc-dân tiến-bộ với nhau. Dĩ nhiên là các bộ-lạc nhỏ thiếu khả năng để đảm-nhận công việc hành-chánh, song lẽ họ cần phải có tiếng nói của họ và cũng cần được nâng đỡ như các sắc-tộc lớn tại Cao-nguyên miền Nam đang thụ-hưởng Sắc-luật 033/67. Hiến-pháp tuy có quy-định một Hội-đồng sắc-tộc để cố-vấn cho cơ-

(7) Nghiêm-Thẩm "Tìm hiểu đồng-bào Thượng". Quê-hương XXIV 6-1961 p.136-139.

quan lập-pháp qua hai điều 97, 98 và việc tổ-chức cũng như điều-hành Hội-đồng đã được nghiên-cứu. Nếu giả-thuyết trong tương-lai Hội-đồng sắc-tộc mà thành phần chỉ gồm các hội-viên đại-biểu của một số bộ-lạc tiến-bộ thì vô-hình-chung quy-chế 033/67 cũng như Hiến-pháp 1-4-1967 đã làm cái công-cụ cho việc phát-triển một số nhỏ bộ-lạc mà hy-sinh một số lớn bộ-lạc khác. Và trên bình-diện quốc-gia vấn-đề thiếu-số vẫn chưa giải-quyết thoả-đáng và vấn-đề kỳ-thị Kinh Thượng vẫn còn. Dù rằng điều 9 của Sắc-luật 033/67 quy-định : những biện-pháp nâng đỡ đồng-bào thiếu-số ấn-định trong Sắc-luật này nhằm mục-đích chính là giúp đồng-bào thiếu-số sớm theo kịp đà tiến-bộ chung của dân-tộc. Vì trình-độ sinh-hoạt của các sắc-tộc không đồng-đều, nên để đạt mục-đích trên các cơ-quan chuyên-môn sẽ phối-hợp chặt-chẽ với các cơ-quan đặc-trách về đồng-bào thiếu-số nói ở điều II để nghiên-cứu chương-trình kế-hoạch ban-hành những biện-pháp áp-dụng và ấn-định thời-hạn thi-hành nhất-định cho thật sát với thực-trang của từng địa-phương và trình-độ của từng sắc-tộc. Dù thực sự có sự phối-hợp giữa các cơ-quan nào khác với hai cơ-cấu trên nói ở điều II Sắc-luật 033/67 thì sự phối-hợp này cũng chỉ có tính-cách một chiều vì mọi vấn-đề liên-quan đến đồng-bào thiếu-số hai cơ-cấu trên sẽ có những ý-kiến tối-hậu và quyết-định. Như vậy một Hội-đồng phát-triển sắc-tộc vì lý do này hay lý do khác chỉ gồm một số đại-biểu của những sắc dân nổi bật tại Cao-nguyên hay sự đại-diện tượng-trung chỉ có tác-dụng phổ-trương mà thôi thì chắc chắn điều 9 sẽ không có ảnh-hưởng gì thực sự trên bản văn 033/67 nhằm ổn-định xã-hội thiếu-số tại Cao-nguyên miền Nam. Vì vậy mà những quy-chế đặc-biệt dựa trên tinh-thần của điều 9 Sắc-luật 033/67 thật vô cùng cần-thiết. Có vậy thì hầu hết các sắc-tộc tại Cao-nguyên miền Nam nếu điều-kiện an-ninh cho phép sẽ được hưởng-thụ những cơ-hội đặc-biệt để phát-triển và tiến-bộ hầu theo kịp các sắc-tộc đang lớn mạnh tại Cao-nguyên miền Nam.

Việc quy-định 1/3 hội-viên của Hội-đồng các Sắc-tộc do Tổng-Thống chỉ định là một sự quy-định phù-hợp với

thực-trạng của đồng-bào Sơn-cước nếu sự chỉ-định này nhằm mục-tiêu nâng đỡ các sắc-dân yếu kém. Mà quy-chế 033/67 đã không dự-liệu đúng mức hay nói cho đúng hơn sự chỉ-định này phải là công việc cần-thiết để bổ-túc cho điều 9 của Sắc-luật 033/67. Trên phương-diện này một số ý-kiến của các chính-trị-gia về cái thành-phần 1/3 hội-viên của Hội-đồng các Sắc-tộc do Tổng-Thống chỉ-định được ghi nhận như sau :

Dân-biểu Ksor-Rót trong phiên-nhóm ngày 6-3-1967 đã tuyên-bố trước diên-đàn Quốc-hội : "Hội-đồng các Sắc-tộc thiếu số là một Hội-đồng đặc-biệt nên về diệm Hội-đồng có 1/3 do Tổng-Thống chỉ-định không hợp lý vì không biết 1/3 sắc-tộc nào được chỉ-định, 2/3 sắc-tộc nào phải bầu-cử và như vậy Hội-đồng này bị mất tự-do". Dân-biểu Thanh Giác cũng cho rằng : "Tổng-số hội-viên tương-lai của Hội-đồng các Sắc-tộc này có thể từ 25 đến 30 người là nhiều. Nếu nói rằng 1/3 do Tổng-Thống bổ-nhiệm như tất cả các Hội-đồng trước e rằng nó không được công-bình. Vì chúng tôi sợ Tổng-Thống chỉ nhắm vào một sắc-tộc nào đó để bổ-nhiệm còn lại các sắc-tộc khác phải bầu-cử như vậy không được công-minh lắm. Hội-đồng sắc-tộc thiếu-số đã nói lên tinh-thần đặc-biệt của nó rồi, do đó, tôi cũng tha-thiết yêu-cầu xét lại và xin được đề-nghị như sau :

1) - Hội-đồng các sắc-tộc sẽ do các sắc-tộc bầu lên.

2) - Một Đạo-luật sẽ quy-định việc tổ-chức và điều-hành của Hội-đồng này. Có như vậy mới mong phản ảnh được sự mong mỏi của các sắc-dân thiếu-số".

Dân-biểu Trần-Điền ủng-hộ ý-kiến của hai vị Dân-biểu thiếu-số cho rằng Hội-đồng Sắc-tộc là Hội-đồng đặc-biệt không cần có 1/3 chuyên-viên. Có bao nhiêu sắc-tộc là phải có bấy nhiêu đại-diện. Nếu Tổng-Thống cử 1/3 thì sẽ có những sắc-tộc có số đại-diện nhiều hơn, và lại những chuyên-viên không phải đại-diện sắc-tộc.

Thật ra thì những ý-kiến trên có tác-dụng khuyến-cáo Tổng-Thống thân trọng trong việc chọn lựa và chỉ-định hơn là đưa ra những luận cứ phụ-hợp với thực-trạng của đồng-bào các sắc-tộc nhất là đồng-bào Sơn-cước. Việc chỉ-định 1/3 các sắc-tộc thiểu-số có lẽ phải được hiểu như là việc chỉ-định những đại-diện có thẩm-quyền cho các sắc dân thiểu-số chậm-tiến, không có những đại-biểu có khả-năng để có thể phản-ảnh trung-thực nhu-cầu và nguyện-vọng của các bộ-lạc đó. Việc chọn lựa sẽ không phân-biệt thiểu số hay đa-số miễn là am-hiểu những sinh-hoạt cùng là phong-tục tập-quán của sắc-dân này.

Ngày 14-10-1969, Tổng-Thống ban-hành Luật 014/67 ấn-định tổ-chức và điều-hành Hội-đồng các Sắc-tộc. Nếu theo các điều 97, 98 của Hiến-pháp Việt-Nam Cộng-Hòa thì Hội-đồng các Sắc-tộc chỉ đóng vai-trò tư-vấn đối với Hành-pháp nhưng luật 014/69 đã sớm điều-chỉnh được cái đặc-tính thụ-động này của Hội-đồng với sự quy-định của điều 2 luật 014/69 : "Chính-phủ phải tham-khảo ý-kiến Hội-đồng các Sắc-tộc về các vấn-đề liên-quan đến đồng-bào thiểu-số".

Điều 5 của Luật 014/69 phân chia số hội-viên nguyên-văn như sau :

- Mười sáu (16) hội-viên thực-thụ và bốn (4) hội-viên dự-khuyết do Tổng-Thống chỉ-định.
- Ba mươi hai (32) hội-viên thực-thụ và tám (8) hội-viên dự-khuyết do đồng-bào Việt gốc Thượng miền Nam, Thượng miền Bắc di-cư và Chăm đề-cử và được Tổng-Thống bổ-nhiệm bằng Sắc-lệnh.

Việc chỉ-định nếu không phải là nhằm mục-đích khống-chế hội-đồng này thì chỉ còn một mục-tiêu duy nhất là để nâng đỡ các sắc-dân yếu kém nhất là đối với một số sắc dân nhỏ Sơn-cước miền Nam đã được quy-định thiểu rõ-

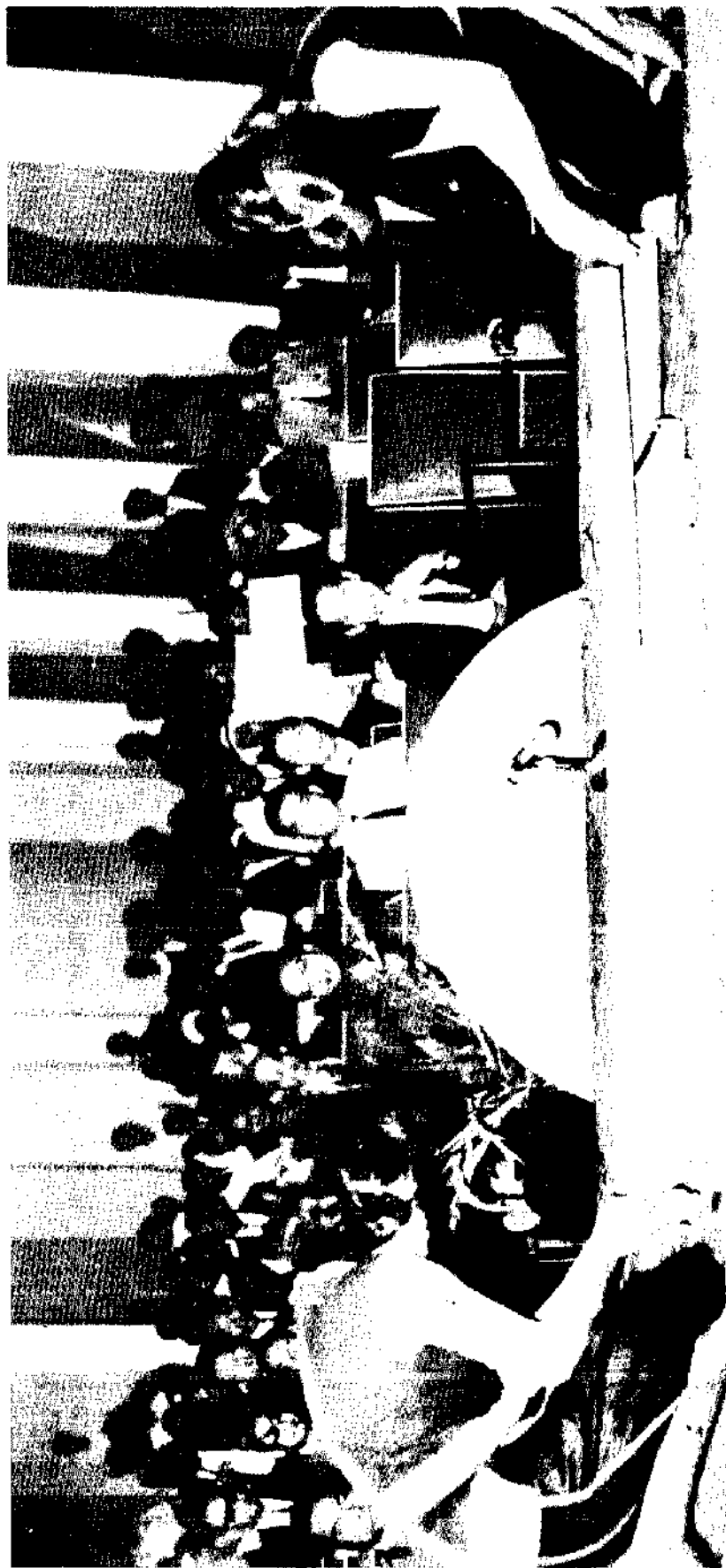
ràng : "Quốc-hội đồng ý để Tổng-Thống tùy nghi lựa chọn hội-viên bất-luân thuộc sắc-tộc nào, kể cả các chuyên-viên người Kinh". Nội-dung của việc quy-định này xuyên qua bản phúc-nghị của Thượng-viện trên bản chung-quyết ngày 6-12-1968 của Hạ-viện đã làm cho nhiều người thất vọng. Thật ra thì trên phương-diện pháp-ly, Hiến-pháp đã dự-liệu minh-thị vai-trò "thụ động" của Hội-đồng các Sắc-tộc qua hai điều 97, 98; nếu Hành-pháp muốn không-chế Hội-đồng này, phương-pháp hữu-hiệu nhất là duy-trì tính-chất vô-hiệu của Hội-đồng được Hiến-pháp minh-thị chấp-nhận hà tất phải sửa đổi vai-trò của Hội-đồng qua Luật 014/69; và nếu đã có thiện-chí sửa đổi vai-trò tiêu-cực của định-chế này thì cần gì phải lèo-lái sự chỉ-định một thiểu-số thành-phần của Hội-đồng để không-chế sinh-hoạt của cơ-cấu này. Chúng tôi nghĩ rằng nếu hành-pháp không có mảy-may ân-ý chính-trị thì việc quy-định phương-thức chỉ-định đã không nhận-chân đúng-dắn thực-trạng xã-hội của đồng-bào Sơn-cước miền Nam và đúng lý ra phải quy-định như sau : "Tổng-Thống tùy-nghi chọn lựa hội-viên đại-diện cho các sắc dân yếu kém hay các sắc dân vì lý do này hay lý do khác không có đại-biểu hay có đại-biểu nhưng không đủ khả năng đại-diện cho sắc-dân mình". Tóm lại phải quan-niệm rõ-rệt việc chỉ-định là nhằm mục-đích duy nhất nâng đỡ các sắc dân yếu kém và đưa tiếng nói của các sắc dân này vào trong Hội-đồng các Sắc-tộc. Trong chiều-hướng đó các hội-viên do Tổng-Thống chỉ-định sẽ không phân-biệt nguồn gốc chủng-tộc thiểu-số.

Theo Sắc-lệnh số 610 ngày 28-10-1969 thì số hội-viên do các sắc-tộc đề-cử được phân chia như sau :

- 1.- Jarai (gồm chung Arap. 2 thực-thụ, 1 dự-khuyết
Hrung, Tơbuôn)
- 2.- Rhadé (gồm chung Tring. 2 thực-thụ, 1 dự-khuyết
Adham, Bih, Dlié)
- 3.- Bahnar (gồm chung Rơn. 2 thực-thụ, 1 dự-khuyết
gao Mơnam, Tolo) (Alakong, Jolong)

| | |
|--|--------------------------|
| 4.- Kaho (gồm chung Lat-Nop, Do, Sré) | 2 thực-thụ, 1 dự-khuyết |
| 5.- M'Nong (gồm chung Nong, Budong, Proh, Rlan, Gar) | 1 thực-thụ, 1 dự-khuyết |
| 6.- Stiêng (gồm chung Ray. | 1 thực-thụ, 1 dự-khuyết) |
| 7.- Roglai | 1 thực-thụ, 0 dự-khuyết) |
| 8.- Hroi (gồm chung M'Thur) | 1 thực-thụ, 0 dự-khuyết |
| 9.- Mae (gồm chung Talop Tala) | 1 thực-thụ, 0 dự-khuyết |
| 10.- Hré | 1 thực-thụ, 0 dự-khuyết |
| 11.- K'Tul | 1 thực-thụ, 0 dự-khuyết |
| 12.- Cil | 1 thực-thụ, 0 dự-khuyết |
| 13.- Sédang (gồm chung Striêng) | 1 thực-thụ, 0 dự-khuyết |
| 14.- Chroo | 1 thực-thụ, 0 dự-khuyết |
| 15.- Halang (gồm chung Kyong) | 1 thực-thụ, 0 dự-khuyết |
| 16.- Bru (gồm chung Vân-kiều Pacoh, Tau) | 1 thực-thụ, 0 dự-khuyết |
| 17.- Dié (gồm chung Duan) | 1 thực-thụ, 0 dự-khuyết |
| 18.- Churu | 1 thực-thụ, 0 dự-khuyết |
| 19.- K'Tu (gồm chung We, Katua) | 1 thực-thụ, 0 dự-khuyết |
| 20.- Chăm | 1 thực-thụ, 0 dự-khuyết |
| 21.- Cua | 1 thực-thụ, 0 dự-khuyết. |

Hơn nữa trên thực-tế Hội-đồng các Sắc-tộc có thể dấn chân lên công việc của Hội-đồng văn-hoá giáo-dục. Trên phương-diện văn-hoá Hội-đồng văn-hoá giáo-dục không thể không đề-cập đến yếu-tố nhân-văn trong nền văn-hoá Việt-Nam để soạn-thảo và thực-thi chính-sách văn-hoá dân-tộc trong đó hẳn phải có chính-sách văn-hoá giáo-dục áp-



Hai phụ-nữ Rhadé
lĩnh-diễn khen Dông-put.

dụng cho đồng-bào Sơn-cước tại Cao-nguyên miền Nam. Ngoài ra tại Quốc-hội đã có Ủy-ban đặc-trách vấn-đề thiểu-số có nhiệm-vụ nghiên-cứu và soạn-thảo các dự-thảo-luật liên-quan đến đồng-bào thiểu-số do Quốc-hội hay Chính-phủ - Bộ Phát-triển Sắc-tộc - đưa ra. Như vậy thì vai-trò của Hội-đồng các Sắc-tộc nếu không hoạch-định được một chương-trình hoạt-động tích-cực nhằm phối-hợp các kế-hoạch xây dựng phát-triển Cao-nguyên cũng như phối-hợp các kế-hoạch vận-dụng nhân, tài, vật-lực địa-phương thì sẽ trở nên lu mờ, thứ yếu và chỉ còn là một định-chế chính-trị có tác-dụng phô-trương mà thôi. Chính vì muốn tạo cho Hội-đồng này một thể hoạt-động thuận-lợi và hữu-hiệu, chúng tôi trộm nghĩ rằng phải chỉ một cơ-cấu tương-tự được đặt trong khuôn-kho của Bộ Phát-triển Sắc-tộc ? (Chúng tôi sẽ trở lại vấn-đề này trong phần sau luận-án).

Ngoài ra sự dãi-ngộ đặc-biệt về văn-hoá giáo-duc hành-chánh như các Học-viên Hành-chánh và Trường Cao-dẳng được dành một số chỗ nhất định với những điều-kiện dễ-dàng để cho những đồng-bào Thượng có thể gia-nhập vào các cộng-đồng hành-chánh văn-hoá, đó là con dao hai lưỡi mà người xử-dụng không khéo-léo thì chỉ có hại mà thôi, vì có thể trên thực-tế đồng-bào Thượng càng dốt nát hơn, càng yếu kém hơn với người Kinh và càng nhiều mặc-cảm, bất mãn hơn khi họ biết rằng họ chỉ là những công-dân bất đắc dĩ vì nếu giữa hai bên đa-số và thiểu-số không tìm được một phương-thức thiết-thực nhằm giải-quyết tình-trạng đặc-biệt song-hành với việc ban-hành quy-chế 033/67. Nhìn về quá khứ kể từ nền Đệ I Cộng-Hoà non gần mười lăm năm chính sách này đã được áp-dụng nhưng sao xã-hội Thượng vẫn chưa có gì đổi mới, tỷ-số trí-thức vẫn dậm-chân một chỗ và nếu số-lượng có tăng gia đôi chút thì phẩm-chất vẫn còn là thực-trạng chậm-tiến và còn phải bám vào những dãi-ngộ đặc-biệt của những quy-định đặc-biệt của Chính-phủ. Chúng ta phải nhìn nhận rằng mọi công cuộc cải-cách xã-hội đều dĩ-nhiên gặp nhiều trở lực, nhiều đối-kháng của một số người. Từ cuộc cách-mạng dân-quyền ở Pháp đến những cuộc

cách-mạng nhỏ bé tại Việt-Nam chứng-minh điều đó. Nhưng khi một lớp người đông-đảo bị đe dọa, dĩ nhiên sự hy-sinh những quyền-lợi ích kỹ, nhỏ bé là điều không thể tránh khỏi và một Chính-phủ không mị-dân phải thực-hiện cho kỳ được. Tại xã-hội Thượng cũng vậy... chúng ta không nên đem áp-dụng những nguyên-tắc pháp-lý dù cho nguyên-tắc đó có phù-hợp với trào-lưu tiến-hoá của Công-pháp quốc-tế, dù đã thành-công trong một số quốc-gia nào đó nếu chúng không thiết-thực và không phù-hợp với thực-trạng.

Chúng tôi thực-sự đồng ý với quan-điểm của Montesquieu về học-thuyết tương-đối của lịch-sử. Thật thế, mọi định-chế quốc-gia không bao giờ có giá-trị tuyệt-đối cả biện-pháp định-chế chịu ảnh hưởng sâu xa của các yếu-tố thiên-văn và nhân-văn của mỗi quốc-gia. Sự áp-dụng một định-chế pháp-lý của quốc-gia này cho một quốc-gia khác nhiều khi chỉ đem đến những tai hại. Chính vì vậy mà quy chế 033/67 là một bước nhảy vọt lớn lao phù-hợp với trào lưu xã-hội quốc-tế nhưng chắc-chắn nó không phải là kết-tinh của tình-trạng xã-hội Việt-Nam. Qua tình-trạng thực tế xã-hội của đồng-bào Sơn-cước chúng ta đã nhận chân được :

- Số-lượng của đồng-bào thiếu-số qua các sắc-tộc khác nhau tại Cao-nguyên Trung-phần.

- Phẩm-chất của đồng-bào thiếu-số qua các khía cạnh sinh-hoạt, phong-tục, tập-quán. Qua tình-trạng pháp-lý chính-trị, chúng ta còn nhận định được thêm rằng những nguyện-vọng và nhu-cầu của đồng-bào Sơn-cước qua các phong trào Bajaraka và Fulro không phải là nhu-cầu và nguyện-vọng của toàn-thể đồng-bào Sơn-cước tại Cao-nguyên miền Nam và sự thoả-mãn đòi hỏi chỉ nhằm vào một số sắc-tộc bộ lạc đang phát-triển chứ không phải là thoả-mãn nguyện-vọng và nhu-cầu của đồng-bào Sơn-cước. Sở dĩ vậy vì ngay chính trong xã-hội Thượng-dân, chính-quyền cũng cần phải có một sự đãi-ngộ sai-biệt nữa giữa những sắc-tộc khác nhau; hơn nữa quy-chế 033/67 đối với các sắc-dân đã tiến-bộ (so sánh

với các sắc-tộc khác tại Cao-nguyên) chắc-chắn cũng chỉ là một liều thuốc an-thần chứ chưa phải là liều thuốc trị bệnh và nếu có sống tại Cao-nguyên sát cánh với đồng-bào Sơn-cước, chúng ta thấy rõ ràng có một liên-hệ nhân-quả giữa những biến-cổ chính-trị và những cải-cách sau đó tại khu-vực này hay nói khác hơn chúng ta có cảm-tưởng như mỗi lần Cao-nguyên lên cơn sốt thì y nhiên là mỗi lần được chích "một ống thuốc an-thần" là vì hai khiếm-khuyết căn-bản sau :

- Thiếu những cải-cách kinh-tế
- Thiếu những tổ-chức xã-hội.

Và vì hai vấn-đề căn-bản đó chưa bao giờ được chiếu-cổ và giải-quyết thoả đáng nên mọi chính-sách Thượng-vụ, mọi quy-chế Thượng-vụ không có giá-trị thiết-thực và vấn-đề đồng-bào Sơn-cước vẫn còn là một ung nhọt sẵn-sàng bề ra trong xã-hội này.

Ôn lại kinh-nghiệm cũg thời Pháp-thuộc, chúng ta thấy rõ ràng người Việt-Nam hồi đó đã bị hạn-chế văn-hoá đến tối-đa, trong lúc đó thì đề gọi là nâng đỡ dân bản xứ, Pháp thiết-lập những trường Y-sĩ (médecin indochinois) và Kỹ-sư Đông-Dương với điều-kiện đặc-biệt để nâng đỡ người Việt-Nam bị trị. Những người bản xứ có thể trở thành những chuyên-viên qua một thời-gian kỹ-lục. Trong lúc đó người Pháp đã không thực-hiện một cải-cách kinh-tế, xã-hội nào và tạo một khung-cảnh thuận-lợi cho một tổ-chức giáo-dục khai-phóng. Những công-nhân cán-bộ nửa nạc, nửa mỡ được chọn lựa và nhào nặn, giáo-dục không ngoài mục-đích là giúp người Pháp khai-thác tối đa "thuộc địa" này. Với chính-sách ngu-dân và khung-cảnh đó, làm sao thanh-thiếu-niên Việt-Nam có đủ điều-kiện để theo đuổi văn-nghiệp, võ-nghiệp đến nơi đến chốn may ra thì theo học hết bậc sơ-học trường làng, trường tổng, để rồi kiếm ăn qua các chức-vụ hạ đẳng. Và sự ưu-đãi trên đã đem đến hậu quả bi đát là sau khi Việt-Nam thu hồi độc-lập, trí-thức Việt-Nam chỉ là một số nhỏ, phần lớn vong-bản vì đã bị

Pháp-hoá từ vật-chất đến tinh-thần. Nếu không có những cố-gắng vượt bực của các phong-trào cải-cách từ hai chục năm trở lại đây thì bộ mặt Việt-Nam có khác chi bộ mặt Cao-nguyên hiện tại.

Xem như vậy chỉ việc thực thi một chính-sách đãi-ngộ đặc-biệt là một công việc dĩ-nhiên cần-thiết nhưng không phải đầy đủ, vì ngày nào mà đồng-bào Sơn-cước vẫn còn nghĩ rằng thật là một khó-khăn lớn lao để rời Buôn, Plei ra tỉnh theo đuổi việc học-hành, ngày nào mà gia-đình của họ cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, đau ốm không thuốc thang, tương-lai mịt-mù thì ngày đó cái quy-chế 033/67 đã không còn có đôi-tượng sống-động, nó chỉ còn là một cái gì khách-sáo, không tương ! Thật vậy, vấn-đề không phải giản-dị như công việc làm của một vài đại-hội sắc-tộc mà trên thực-tế vì nhiều lý do khác nhau : an-ninh, chính-trị, xã-hội, đã không thể-hiện trung-thực tiếng nói của đồng-bào Sơn-cước và cũng không phải chỉ có việc ban một cái quy-chế ấn-định một vài ân-huệ, đặc-quyền nhào nặn một vài cơ-cấu chính-trị mà giải-quyết được vấn-đề, mà vấn-đề phải được giải-quyết trong khung-cảnh của chính-sách chung của quốc-gia từ phát-triển kinh-tế, phân-phối đồng đều các cố-gắng quốc-gia và đến việc ấn-định những thứ tự ưu-tiên trong công cuộc cải-tiến xã-hội và kinh-tế.

Nếu chúng ta hiểu rằng Cao-nguyên miền Nam từ trước đến nay vẫn là nơi sinh sống của đồng-bào Sơn-cước. Các cơ-quan công-quyền địa-phương chỉ tập-trung ở trung-tâm tỉnh-ly, quận-ly mà đường bán kính thường thường là không quá ba cây số, ngoài ra là các địa-điểm tập-trung các bộ-lạc sơn-cước. Trái với vùng đồng-bằng Việt-Nam, ngoại-ô các tỉnh-ly, quận-ly là những làng-mạc người Kinh. Tại Cao nguyên ngoại-ô là các Buôn, Plei với những nhà sản tiêu-diệu của người Sơn-cước. Bộ mặt xã-hội khác biệt này là hậu-quả của các chính-sách sai lầm của những triều-đại quân-chủ với sự ngăn cấm người Kinh sinh sống tại Cao-nguyên và nhất là do chính-sách chia để trị của

người Pháp. Những thực-dân khai-phá đồn-diên đã muốn biến vùng đất đỏ phi-nhiều này thành một trung-tâm mọi da đen mà các nhà trồng tía Tây-Ban-Nha nhập-cảng vào Mỹ-châu ở Thế-kỷ 16 : Chính-sách đó đã làm cho đồng-bào ta sống tại Cao-nguyên bị lâm vào tình-trạng chậm-tiến, ngu đốt không hấp-thụ được nếp sống của văn-minh.

Sự thua thiệt đó đối với người Kinh buộc chúng ta phải đặt Cao-nguyên lên hàng ưu-tiên đãi-ngộ trong mọi kế hoạch phát-triển của quốc-gia, nhất là về hai phương-diện kinh-tế xã-hội và giáo-dục. Những cuộc cải-cách tại Việt-Nam ngoài tính-chất phi-lý và thiếu hoạch-dinh của nó như tập-trung quá nhiều tại Saigon và phụ-cận hầu hết sinh-lực của quốc-gia về các phương-diện chính-trị kinh-tế xã-hội còn thì những công cuộc cải-cách tại các thành-thị cũng chỉ tập-trung đặc-biệt ở một số tỉnh ở vùng đồng-bằng như tại Thừa-Thiên, Đà-Nẵng, Vĩnh-Long hay Mỹ-Tho, Bình-Thuận, dù cho có biện-minh bằng lý do gì đi nữa. Trong lúc đó thì không ai chối cãi được rằng Cao-nguyên miền Nam là một nguồn lợi-tức vô cùng quan-trọng có thể đóng góp đáng kể vào lợi-tức chung của quốc-gia nếu được khai-thác hợp-ly :

- Về các ngành trồng-tía : cao-su, cà-phê, trà, bông vải.
- Về khoáng-sản và lâm-sản quý báu.
- Về chăn-nuôi.

*Pleiku, Kontum với khu-vực đất đỏ rộng chừng 200.000 mẫu tây rất thích-hợp cho việc trồng-tía và có thể tự-túc lúa gạo cho toàn khu-vực Cao-nguyên miền Nam.

Ngoài ra Phú-Bổn, và cả Pleiku còn có trên hàng trăm ngàn mẫu đất bồi ở hai bên khu-vực ở sông Ba chảy suốt từ An-Khê đến Cheo-Reo trên một miền dài hàng trăm cây số rất thích-hợp cho việc trồng bông vải và thuốc lá,

tiêu, cà-phê. Hơn nữa khí-hậu tại đây rất thuận-tiện cho việc chăn-nuôi nếu phát-triển với một kế-hoạch khoa-học có thể có một triển-vọng tốt đẹp. Đà-lạt, Lâm-Đồng có chừng 500.000 mẫu đất rất thích-hợp cho việc trồng-trọt. Khu thứ nhất rộng chừng 300.000 mẫu chạy từ đèo Blao tới chân đèo Prenn và một khu-vực khác rộng khoảng 200.000 mẫu nằm dài từ đèo Prenn đến đèo Khong-Pha. Trước đây năm 1961 thì khu-vực này có khoảng 3.000 mẫu trà với mức sản-xuất rất cao. Mỗi mẫu trà có thể sản-xuất từ năm thứ năm trở đi 900 đến 1.200 kí trà khô và Lâm-Đồng còn sản-xuất cả giống trà Bạch-Mao-Shan rất quý trên thị-trường trà. Chính vì vậy mà dưới thời Ngô-Đình-Diệm người ta đã nghĩ đến các tài-nguyên phong-phú tại Cao-nguyên như công-trình thủy-điện Danhim và trung-tâm nguyên-tử-lực của Việt-Nam và việc làm thực-tiến nhất là việc xây-dựng trường Nông-lâm-mục Blao. Hơn nữa tại Ban-Mê-Thuột còn có một mỏ vôi có khả-năng cung-cấp rất dồi-dào, cách tỉnh-ly khoảng 60 cây số. Nhưng rất tiếc là những dự-án đều đã không tiến-hành đến nơi đến chốn để tận-dụng những nguồn lợi lớn-lao tại Cao-nguyên miền Nam (8)."

Như vậy, thì một lần nữa, chúng tôi nhận định rằng vấn-đề không phải chỉ giải-quyết một cách gian-dị qua một vài đại-hội sắc-tộc của một số người trí-thức bất-mãn lòng vào những tham-vọng của mình những đòi hỏi mang màu sắc xã-hội và nhân-dạo mà chính-quyền cần phải thực-hiện một công cuộc cải-cách thực sự - nếu không muốn nói một cuộc cách-mạng - tại khu-vực này trên hai phương-diện kinh-tế xã-hội và giáo-dục.

(8) Hà-Vũ "Khả-năng kinh-tế Cao-nguyên Trung-phần Việt-Nam"
Quốc-hương XXIX 11-1961, 163-172.

B, - CÁC BIỆN-PHÁP ĐỀ-NGHỊ BỎ-KHUYẾT CHO CHÍNH-SÁCH THƯƠNG-VỤ HIỆN TẠI

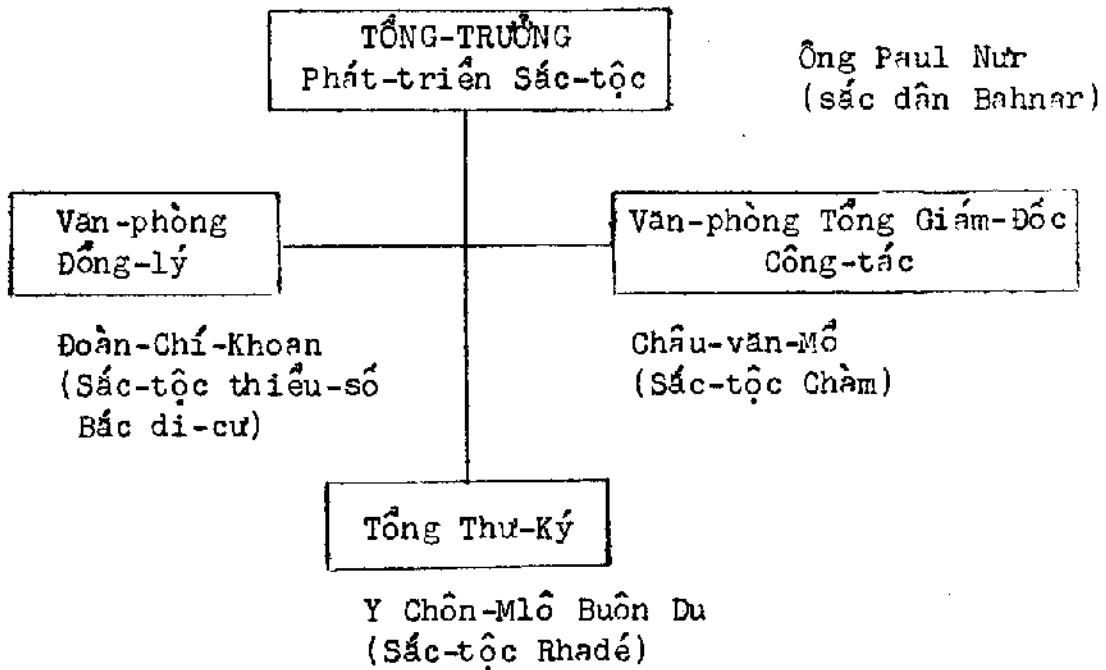
Trước khi đưa ra những biện-pháp đề- nghị nhằm bỏ-
khuyết cho Chính-sách Thương-vụ hiện tại cần phải được
áp-dụng cấp thời tại Cao-nguyên,

Chúng ta cũng nên nhận xét xem Chính-sách hiện
tại của Chính-phủ áp-dụng trong thực tế qua ba phương-
diện :

- Cơ-cấu
- Nhân-sự
- Các biện-pháp đang áp-dụng.

* PHƯƠNG-DIỆN CƠ-CẤU

Chúng ta nhớ lại rằng ngày 22-2-1966, Nha Đạc-
trách Thương-vụ, một cơ-quan ít ai biết đến được Chính-
phủ nâng lên thành Phủ Đạc-ủy Thương-vụ. Ngày 29-8-1967,
thể theo nguyện-vọng của một Đại-hội các sắc dân thiểu-số
tại Nam Việt-Nam, Chính-phủ ban-hành Sắc-luật 033/67 ấn-
định quy-chế quy-định những quyền-lợi đặc-biệt cùng là
những biện-pháp cải-cách chính-trị, hành-chánh, quân-sự
kinh-tế nhằm nâng đỡ đồng-bào các sắc-tộc và ngày 9-11-
1967 Phủ Đạc-ủy Thương-vụ được nâng lên thành Bộ Phát-
triển Sắc-tộc do một Tổng-Trưởng người thiểu-số điều-khiển.
Cơ-cấu cấp Bộ này đã được cải-tổ gần đây chiếu Sắc-lệnh
197-SL/PTST ngày 22-12-1969 gồm các chức-chương sau :



Với cuộc cải-tổ Chính-phủ gần đây (12-6-1971) tổ-chức này vẫn không thay đổi chỉ có sự thay đổi trên phương-diện nhân-sự.

Đây có thể coi là một tổ-chức theo gần đúng khuôn mẫu của tổ-chức một Bộ Thông-thường. Vị Đông-ly được xem như vị Phụ-tá Tổng-Trưởng để điều-hành tổng-quát công-tác của Bộ thay mặt cho vị Tổng-Trưởng. Chức-vụ của vị Đông-ly mang màu sắc chính-trị hơn là hành-chánh. Vị Tổng Giám-Đốc công-tác đặc-trách các vấn-đề chuyên-môn về những kế-hoạch hay dự-án chương-trình công-tác của Bộ khác với vị Tổng Thư-ký ở chỗ vị này đặc-trách các vấn-đề quản-trị tài-chánh, nhân-viên. Một vài Bộ hiện tại tổ-chức theo khuôn mẫu này như Bộ Lao-động, Bộ Chiêu-hồi... Trên phương-diện kỹ-thuật, việc tổ-chức như vậy rất thuận-tiện cho việc điều-hành vì vấn-đề phân-công phân-nhiệm rất rõ-rệt và giản-dị-hoá được các thủ-tục hành-chánh khỏi một thì giờ và phải qua quá nhiều trung-gian. Kỹ-thuật tổ-chức thực sự là lý-tưởng trong một tổ-chức hành-chánh,

song nó lại mang nhiều nhược-điểm trong một tổ-chức được khai-sinh vì một nhu-cầu chính-trị hơn là một nhu-cầu hành-chánh. Nhiều người sẽ phản đối lập-luận này và cho rằng Bộ Phát-triển Sắc-tộc là tổ-chức đặc-trách các sắc dân thiểu-số cũng như Bộ Lao-Động đối với các công-nhân. Bộ Chiêu-Hồi với các Hồi-chánh-viên, đó là một nhu-cầu xã-hội đích-thực không liên-hệ gì đến chính-trị cả. Thật ra khi đề-cập đến nhu-cầu chính-trị tôi đã đặt vai-trò phát-triển sắc-tộc vào trong bối-cảnh chính-trị tại Cao-nguyên qua các phong-trào Bajaraka, FLN và Fulro trong những năm 1958/1964/1965. Trước đây nhiều người đã mang trong tâm-trí nhiều mặc-cảm khác nhau nên đã gán ghép cho cơ-cấu này vai-trò xã-hội của nó và với nhu-cầu xã-hội, Bộ này đã được đặt dưới sự điều-hợp của Bộ Xã-Hội và đã có lần được coi như một Nha Công-tác Xã-hội miền Thượng. Vì nghĩ rằng Bộ Phát-triển Sắc-tộc là một Bộ mang tính-chất chính-trị nhiều hơn là hành-chánh cho nên kỹ-thuật tổ-chức như trên sẽ vấp phải những khó-khăn chính :

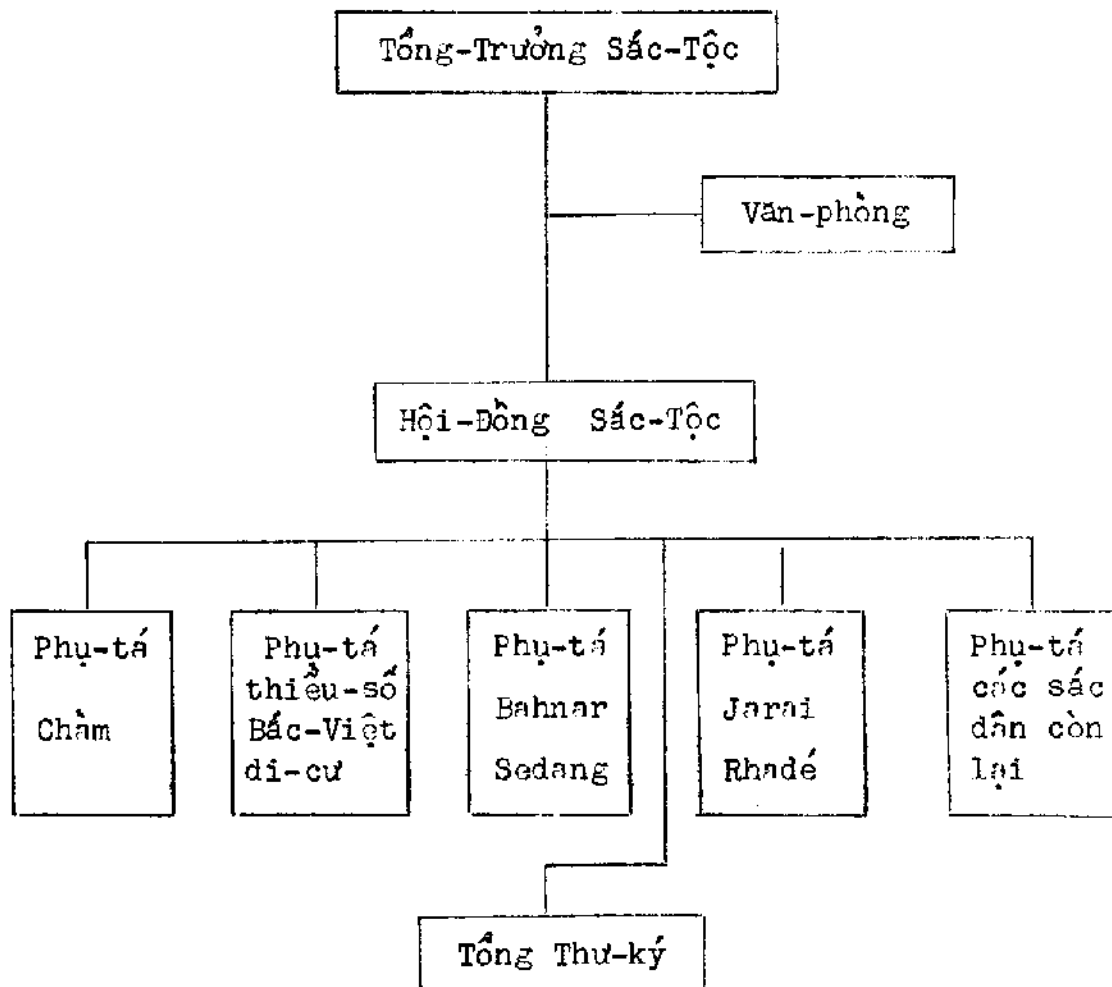
1)- Các sắc-dân thiểu-số không được đại-diện đúng mức để tham-dự hoạch-định công cuộc cải-tiến dân-sinh, dân-trí của sắc-tộc mình ngay tại trung-ương.

2)- Việc phân-phối ngân-khoản hay việc ủy-ngân xuống địa-phương mang tính-chất chủ-quan và thiếu vô-tư vì quyền quyết-định tài-chánh nằm trong tay vị Tổng-Trưởng và Tổng Thư-ký.

3)- Sẽ gây nên tình-trạng lung-củng bất mãn vì nhiều sắc-dân sẽ cho rằng bao nhiêu công-trình tranh-đấu của mình không được đền bù, một số bộ-lạc thấy các lãnh-tụ của mình không có chỗ đứng trong cơ-quan hành-pháp để đại-diện trực-tiếp các quyền-lợi của họ.

Thật ra thẳng thắn mà nhìn nhận thì sự cải-tổ này cũng đã bắt nguồn ở những bất đồng quan-điểm giữa một số trí-thức người Sơn-cước về cơ-cấu cũ. Cũng có nhiều dư-

luận cho rằng một số quyền lợi của nhiều sắc dân đã bị hy-sinh và thua-thiệt. Sự kiện này gần đây đã được phơi bày trên các nhật báo tại Saigon. Ông Nguyễn Tổng-Trưởng Paul Nử đã phải tuyên-bố "Chúng tôi không phải gặp khó-khăn với người Kinh mà lại gặp khó khăn giữa những người thiểu-số với nhau", và cũng vì vậy mà trong kỳ cải-tổ Nội-các ngày 12-6-1971 ông Paul Nử đã được thay thế. Để giải-quyết những khó khăn trên và nhất là để dung-hòa quyền-lợi chính đáng của các sắc-dân thiểu-số, trên phương diện cơ-cấu, chúng tôi đề-nghị một mô hình sau :



* LÝ DO ĐẶT HỘI-ĐỒNG CÁC SẮC-TỘC
TRONG BỘ PHÁT-TRIỂN SẮC-TỘC

Theo điều 97 của Hiến-pháp 1-4-1967, vai trò của Hội-đồng các Sắc-tộc là :

- cố-vấn Chính-phủ về các vấn-đề liên-quan đến đồng-bào thiểu-số.
- đối với cơ-quan Lập-pháp như Quốc-hội, Hội-đồng các Sắc-tộc có thể cử đại-diện trình bày trước Quốc-hội về các vấn-đề liên-quan đến Đồng-bào thiểu-số nếu được Quốc-hội chấp thuận.

Xuyên qua các văn từ của điều 97 Hiến-pháp, Hội-đồng các Sắc-tộc chỉ đóng một vai-trò phụ thuộc đối với Hành-pháp cũng như đối với Lập-pháp. Đối với Hành-pháp, Hội-đồng các Sắc-tộc chỉ là một cơ-quan cố-vấn nghĩa là Bộ sở-quan có thể tham-khảo ý-kiến và cũng có thể không cần tham-khảo ý-kiến. Còn đối với Lập-pháp thì Hội-đồng các Sắc-tộc cũng chỉ đóng một vai-trò phụ thuộc vì chỉ khi Quốc-hội chấp thuận cơ-quan này mới có quyền trình-bày những vấn-đề liên-quan đến các sắc-tộc thiểu-số trước Quốc-hội. Như vậy trong trường-hợp có một sự bất đồng quan-điểm giữa Quốc-hội và Hội-đồng hay trong trường-hợp Quốc-hội xét thấy không cần-thiết, Quốc-hội vẫn có toàn-quyền từ chối yêu-cầu của Hội-đồng về các vấn-đề Hội-đồng muốn trình bày trước diễn-đàn Quốc-hội; vả lại nếu vấn-đề dự-định thuyết-trình tạo khó-khăn cho chính-sách của quốc-gia hay không thích-nghĩ cho sinh-hoạt của Lập-pháp, đương nhiên Quốc-hội sẽ từ chối như vậy thì Hội-đồng các sắc-tộc chỉ là một cơ-cấu hữu-danh vô-thực, lạc lỏng bơ-vơ. Phải chi đặt cơ-cấu này hay một cơ-cấu gồm đủ các đại-biểu của các sắc-tộc kể cả những vị hội-viên được Chính-phủ chỉ-định đại-diện cho các nhóm Sơn-cước bé nhỏ tại Cao-nguyên miền Nam - ở trong Bộ Phát-triển Sắc-tộc - coi như là "một ủy-ban đầu não, Brain-trust" để duyệt xét, phê-chuẩn tất cả những kế-hoạch dự-án, chương-trình phát-triển Cao-nguyên do chính Hội-đồng đề ra hay do các Phụ-tá Tổng-Trưởng sắc-tộc đại-diện chính-thức của sắc-dân mình đạo-

đặt lên Hội-đồng. Chúng tôi cũng nghĩ rằng trong hiện tại, Hội-đồng các Sắc-tộc là một cơ-quan hiến-định và theo điều 66 Hiến-pháp, Phó Tổng-Thống là Chủ-tịch Hội-đồng; tuy nhiên khi nghiên-cứu tất cả các cơ-cấu hiện tại có liên-hệ đến đồng-bào các sắc-tộc, chúng tôi thấy một cơ-cấu tương tự thật hữu ích và cần-thiết cho Bộ Phát-triển Sắc-tộc nhất là để đối-phó với tính-cách đa-tạo về đối-tượng của Bộ này.

* LÝ DO ĐẶT CÁC PHỤ-TÁ TỔNG-TRƯỞNG

Đúng như danh-từ đã chỉ-định, mỗi vị Phụ-tá sẽ đặc-trách một sắc-dân hay một nhóm chủng-tộc. Những vị Phụ-tá Tổng-Trưởng phải được xếp ngang hàng các Tổng Giám-Đốc. Cương-vị này nhằm tạo cho họ tư-thế và những điều-kiện làm việc thuận lợi. Sự tổ-chức như vậy sẽ có những ưu-điểm sau :

1)- Bộ Phát-triển Sắc-tộc đặc-trách rất nhiều sắc dân thiểu-số khác nhau như sắc-tộc Chăm, sắc-tộc thiểu-số miền Bắc di-cư, các sắc-dân Sơn-cước miền Nam gồm khoảng 21 sắc-tộc.

2)- Mỗi Phụ-tá Tổng-Trưởng được coi như là đại-diện chính-thức của sắc-dân mình, với những nếp sống và tập-quán cùng là trình-độ văn-minh đồng-đều, sắc dân liên hệ để thông-cảm để trình-bày những nhu-cầu nguyện-vọng của họ.

3)- Các vị này nắm được vững vàng tình-hình sinh-hoạt của sắc-dân mình, có những kế-hoạch thích-hợp. Có thể phân-tích không mặc-cảm những nguyện-vọng và nhu-cầu chính đáng của sắc-dân do mình đại-diện.

4)- Sự chia xẻ quyền hành như vậy còn có ưu điểm :

- tránh được tình-trạng bất mãn trong hàng ngũ các lãnh tụ các sắc-dân Sơn-cước.
- tránh được nạn bè-phái, cấu-kết để thao túng các quyền-lợi mà các sắc-dân thiểu-số phải được hưởng đồng đều.
- lượng giá đúng đắn các chương-trình của Bộ trong việc thực-thi các kế-hoạch do các vị phụ-tá đệ-trình.
- có một sự thi-đua phát-triển sắc-tộc nhằm tận-dụng đúng mức ngân-sách quốc-gia và ngoại-viện phân-phối cho mỗi sắc-tộc.

* PHƯƠNG-DIỆN NHÂN-SỰ (9)
(của Nội-các ngày 1-9-1969)

Bộ Phát-triển Sắc-tộc được đặt dưới sự chỉ-huy của một nhân-vật thuộc sắc-dân Bahnar. Đồng-ly Văn-phòng của Bộ này là một nhân-vật thuộc sắc-dân thiểu-số Bắc-Việt di-cư. Tổng Thư-ký là một trí-thức có cấp bằng hành-chánh thuộc sắc dân Rhadé. Bên cạnh lại có một Tổng Giám-Đốc đặc-trách công-tác do một nhân-vật thuộc sắc-tộc Chăm phụ trách. Trên phương-diện nhân-sự, chúng ta thấy có sự phân-phối quyền-hành giữa các sắc-tộc : Bắc-Việt di-cư, Chăm, Bahnar và Rhadé, tuy nhiên sự phân-phối này không đầy đủ vì có những sắc-dân lớn tại Cao-nguyên miền Nam đã không được chú ý đến và thiếu thực-tế vì tầm quan-trọng của các chức-vụ trên không đồng đều. Nếu quan-niệm Tổng-nhà Công-tác là nơi hoạch-định các kế-hoạch ngắn-hạn và dài-hạn cho đồng-bào các sắc-tộc thì e rằng một người trong khối sắc-dân Chăm khó có đủ thẩm quyền để chu-toàn trách-vụ đó là chưa kể hệ-thống quy-chiếu của từng cá-nhân

(9) Xin được phân-tích Bộ Phát-triển Sắc-tộc dưới sự chỉ-huy của ông nguyên Tổng-Trưởng PAUL NUR.

và phe nhóm làm cho quyết định của vị Tổng Giám Đốc thiếu vô-tư và khách-quan. Với tư cách là chuẩn-chi-viên, vị Tổng Trưởng thường thường ủy quyền cho vị Tổng-thư-ký giữ nhiệm vụ quản lý viên kinh phí ; cả hai vị này coi như nắm cái quyền quan-trọng nhất của Bộ đó là quyền phân phối ngân khoản cho các địa phương hay phân phối ngân khoản cho các chương trình công-tác. Hiện Bộ Phát-triển Sắc-tộc đang điều hành một ngân khoản hàng năm khá lớn, trên cả Bộ Lao-Động và Bộ Chiêu-Hồi. Ngân khoản này nhằm tài-trợ cho những đối tượng không đồng nhất, như vậy nếu không có một ủy-ban hay hội-đồng tập-trung đầy đủ những thành phần đại diện cho các sắc dân thiểu-số để nghiên-cứu và phê-chuẩn các kế-hoạch và các dự trù kinh phí e rằng quyền hạn tài chánh tập trung trong tay một vài sắc-tộc sẽ gây ra những bất công, hiểu lầm và tranh-chấp khó tránh khỏi được. Những khiếm-khuyết trên có thể tránh khỏi được nếu chúng ta áp-dụng mô-thức tổ-chức đề-nghị với thành phần nhân sự hợp tình hợp lý. Vị Tổng Trưởng phát-triển sắc-tộc có thể chọn lựa trong số những lãnh tụ của các sắc-tộc thiểu-số có chân trong Hội đồng và phải được "Hội đồng các sắc-tộc" - được đặt cạnh Bộ Phát-triển sắc-tộc có thể coi như là một hội đồng quản-trị trong một xí nghiệp - bầu lên theo lối minh danh đầu phiếu với đa số đại diện của hội đồng và nhiệm kỳ là một năm. Sau mỗi niên khóa, hội đồng sẽ kiểm điểm thành tích và tùy hội-đồng tái tính nhiệm hay đề cử một người khác trong số các hội-viên của hội-đồng. Vị Tổng-Thư-ký cũng sẽ do hội đồng các sắc-tộc chỉ-định trong số các hội viên của Hội đồng cùng một lần và theo thể thức như bầu vị Tổng trưởng. Nhiệm-kỳ của vị Tổng thư-ký cũng là một năm và cũng có thể được hội đồng tái tín nhiệm. Các vị phụ tá Tổng-trưởng sẽ do chính phủ chỉ định bằng sắc-lệnh - cũng như Tổng-trưởng và Tổng thư ký - Các vị phụ tá sẽ được chọn lựa trong số các công chức ngạch hành-chánh hay những nhận-sĩ của các sắc dân thiểu số. Theo tổ-chức đề-nghị gồm có :

- Một phụ tá người sắc dân Chăm.
- Một phụ tá thuộc sắc dân thiểu số Bắc-Việt di-cư.

- Một phụ tá cho các sắc dân Bahnar Sedang thuộc nhóm chủng tộc Môn-Khmer, rất gần gũi nhau.
- Một phụ tá cho các sắc dân Jarai Rhadé thuộc nhóm chủng-tộc Malayo-Polynésien.
- Một phụ tá chọn lựa trong các sắc dân còn lại để đại-diện cho nhóm chủng tộc thiểu số tại cao nguyên miền Nam.

Các vị phụ tá có nhiệm vụ đúc kết các nhu cầu nguyện vọng của sắc dân mình để đề nghị những kế-hoạch và những chương trình cải cách cũng là những ngân khoản cần thiết lên Hội-dồng Sắc-tộc nghiên cứu, thảo-luận và biểu quyết để vị Tổng trưởng thi hành.

• PHƯƠNG DIỆN CÁC BIỆN PHÁP ĐANG ÁP DỤNG.-

Chúng ta sẽ nhận xét các biện pháp đã và đang được áp dụng trên các bình diện kinh tế xã hội hành chánh tài chánh.

Trên bình diện kinh tế, những đường hướng công tác phần lớn được quy định bởi sắc luật 033/67 (điều V) như :

- Sẽ thiết-lập một cơ-quan nghiên cứu và phát triển nông nghiệp.

- Giúp cải tiến kỹ thuật canh tác, chăn nuôi, mở mang tiểu công nghệ, thương mại, công kỹ nghệ... Kể từ khi sắc luật 033/67 ra đời và phủ Đặc-ủy Thượng vụ được nâng lên hàng Tổng Bộ, chúng ta ghi nhận trên phương diện này các kết quả sau đây (Đây là kết quả mới nhất do báo Da Vàng phỏng vấn ông Tổng - trưởng Phát-triển Sắc-tộc ngày 5 tháng 12 năm 1970) :

- Khuyến khích đồng bào tham gia các hợp-tác-xã.

- Tổ chức được 170 lớp huấn nghệ tại các Tỉnh đào tạo được 2.636 thợ chuyên nghiệp như may, mộc, rèn, dệt, hồ, hớt tóc v.v...

- Hướng dẫn đồng bào tổ chức được 40 lò than bán ra thị trường.

- Từ đầu năm 1970 các đoàn cán bộ Xây dựng Sắc tộc được chính đốn lại đặt nặng mục tiêu hướng dẫn đồng bào cải thiện sinh hoạt ; lề lối canh tác để cải tiến xã hội và tăng năng xuất.

- Hiện có 12 trung tâm canh mục huấn luyện phương pháp canh tác cho nông dân.

- Cấp học bổng cho 108 học sinh, sinh viên ngành Nông-lâm-súc.

- Trợ cấp gần 30 triệu trong chương trình cấp phát nông-gia-súc, giống lúa và nông cụ cho đồng bào.

- Vận động với các cơ quan bạn giúp thêm máy cày, heo, gà giống và cây giống.

- Công tác kiến điền cho đồng bào các sắc tộc đang được xúc tiến tốt đẹp. Tính đến tháng 10.1970 đã thực hiện việc đo đạc và lập hồ-sơ 19128 ha và đang thực hiện 2.829ha Số nông dân đã thụ hưởng là 7.128 gia đình.

Thật ra các biện pháp thực hiện trên chưa có gì mới mẻ, có thể nói vẫn tiếp tục những công việc của các chính quyền thời tiền cách mạng - và lại, những biện pháp vẫn còn có tính cách vá vúi tạm thời vì đã không được hướng dẫn bởi một kế-hoạch có mục tiêu rõ rệt. Chúng tôi nghĩ rằng những biện pháp kinh-tế tại Cao nguyên phải là những chủ đích của một chương trình được hoạch-định trước.

Đúng ra cái cơ cấu cần thiết nhất phải sớm thực hiện là "cơ quan nghiên cứu và phát-triển kinh tế tại Cao nguyên". Thiếu cơ quan này để chỉ đạo cho các biện pháp kinh tế nhằm chuẩn bị cho công cuộc phát-triển lâu dài các khả năng kinh tế tại Cao nguyên, các biện pháp hiện tại chỉ là những biện pháp rời-rạc. Từ trước đến nay, nói đến cao nguyên là người ta nghĩ ngay đến xứ cao-su, cà-phê, trà chần nuôi gia súc. Tại sao chính quyền không có những dự án

phát triển các ngành này? Những ngành này là những ngành thu hút nhân lực mạnh mẽ có thể giải-quyết nạn thất nghiệp tại cao nguyên và chính ở những dự án này, chính quyền mới có thể áp dụng những biện pháp hướng vào những mục-tiêu đã vạch sẵn như :

- Huấn luyện nhân công.
- Huấn luyện phương pháp canh tác.
- Khai khẩn diện tích trồng-tỉa.
- Thiết lập nhà máy.
- Cung cấp phương tiện theo nhu cầu.
- Kế hoạch cơ-giới-hóa nông nghiệp.

Công cuộc phát triển sắc tộc hình như bị quan-niệm như việc ban bố những đặc-ân cho người thiểu số vì vậy mà việc dành những đặc quyền đặc lợi được đề cập đến quá nhiều và có lẽ chính quyền nghĩ rằng chỉ cần giải quyết chừng ấy việc để trấn an dân tâm cao nguyên miền Nam. Do đó thiếu sự phối hợp các kế hoạch xây dựng phát-triển, cao nguyên miền Nam nói riêng và quốc gia nói chung. Chúng ta phải quan niệm công việc nâng đỡ đồng bào sơn cước và công việc phát triển, khu vực này là hai công tác không những có tầm quan trọng ngang nhau mà phải là những công tác song hành và bổ túc cho nhau. Những dự án phát triển khu vực này sẽ đưa ra những chỉ dẫn cần thiết cho việc nâng đỡ các sắc dân sơn cước hay những biện pháp cải cách cần áp dụng.

Trên bình diện xã hội, chúng ta ghi nhận các kết quả mới nhất sau đây :

- Đã tổ chức một trường Tá viên điều dưỡng tại Banmêthuột.
- Đẩy mạnh chương trình đào tạo cán bộ y-tế, cán sự, tá viên, nữ Hộ sinh Quốc gia v.v...
- Đã trợ cấp cho 128.448 đồng bào ty nạn Cộng-sản và lo liệu việc định cư cho 68.623 người.

Trên phương diện này, chính quyền đã thực hiện những biện pháp rời rạc không được điều hướng bởi một chương trình canh tân xã-hội qui-mô tại đây. Chúng tôi nghĩ rằng việc huấn luyện cán bộ các ngành phải thực hiện song hành với việc tổ chức các cơ sở xã hội. Dưới thời đệ Nhất Cộng-Hòa cũng đã có một trung tâm huấn luyện cho đồng bào sơn cước đặt tại Huế. Nhìn vào số cán bộ được đào tạo để phục vụ tại cao nguyên phải nói là khá nhiều, song khi huấn luyện xong họ không được sử dụng vì có kế hoạch huấn luyện song không có kế hoạch sử-dụng hoặc sử-dụng không đúng chỗ nên họ đã không có cơ hội đem những điều học hỏi ra áp dụng để phục vụ đồng bào. Các cán bộ kể thì đi quân dịch, người thất nghiệp nằm nhà, những người khác chờ đợi công an việc làm quá lâu đành trở về với nghề rẫy bãi cũ. Nhiều người được phát dụng cụ song tự họ không đủ khả năng để tự mưu sinh bằng nghề đã học hỏi vì không thể sánh với đồng nghiệp người Kinh. Nhà công tác xã hội miền Thượng, dưới thời đệ I Cộng Hòa chẳng hạn đã đào tạo 414 (10) thợ hớt tóc chuyên nghiệp người Thượng song lẽ hầu hết các phòng hớt tóc tại các tỉnh lỵ, quận lỵ vùng cao nguyên đều ở trong tay thợ hớt tóc người Việt. Để chấn chỉnh tình trạng trên, chúng tôi nghĩ rằng tất cả những biện pháp nhằm phát triển đời sống xã hội tại cao nguyên miền Nam phải nằm trong một dự án được nghiên cứu kỹ lưỡng ; trên phương diện này thiết tưởng vấn đề tiên quyết là phải thiết lập các cơ-sở xã-hội y tế xuống đến các buôn của người sơn cước. Mỗi buôn cần phải dự trù một trạm y-tế cứu tế xã hội, trong lúc đầu nếu thiếu nhân viên có thể tuyển dụng người Kinh phụ trách. Việc huấn luyện các cán bộ xã hội phải dựa trên những cơ sở xã hội này để đưa ra những nhu cầu huấn luyện chính xác và thiết thực.

Trên phương diện hành chánh.-

Chúng ta ghi nhận những thành quả sau đây. Từ trước đến nay các phong trào chính trị của đồng bào sơn cước đều

(10) Trích Phúc trình của Nha Công tác Xã hội miền Thượng ngày 21.3.1954.

bất nguồn phần lớn ở lý do người sơn cước chỉ đóng một vai trò phụ thuộc trên bình diện hành chính ; hay nói cho đúng hơn họ đã không trực tiếp quản trị nền hành chính tại cao nguyên miền Nam. Để có một ý niệm rõ rệt về chính sách của các chính quyền Việt-Nam sau khi chế độ Hoàng-Triều-Cương thổ cáo chung, chúng ta lần lượt điểm qua ba giai đoạn sau đây :

Các biện pháp áp dụng dưới nền Đệ I Cộng-Hòa.

Các biện pháp áp dụng dưới thời Nội các Nguyễn Cao Kỳ.

Các biện pháp áp dụng dưới thời Đệ II Cộng Hòa.

a) Các biện-pháp áp dụng dưới nền Đệ I Cộng-Hòa.-

Dưới thời Đệ I Cộng Hòa, chính quyền đã áp dụng những biện pháp sau đây :

- Tìm hiểu những người có uy tín.
- Nâng đỡ thành phần trí thức.
- Kết hợp buôn xã lẻ tẻ vào địa điểm định cư.
Đã có : 5% Ấp Tân-sinh định cư, 153.422 người.
- Định cư đồng bào Thượng vận động đời sống mới. Đã có 483 địa điểm định cư 214.533 đồng bào Thượng tự nặn Cộng phí.
- Khuyến khích phong trào thể thao và nâng cao tinh thần thượng võ của thanh niên Thượng.
- Phối hợp với Bộ Tư lệnh Lực lượng Đặc-biệt tổ chức và điều hành chương trình Biệt-cách Thượng.

Trên phương diện này, các công tác tiến hành còn dở dang. Việc tìm hiểu những người có uy tín, theo chỉ thị của chính phủ, coi như tạm xong nhưng việc xử dụng những người này vào công tác chưa được thực hiện. Trên phương diện hành

chánh thì cũng có năng đỡ một số trí thức người Thượng, việc thành lập các Ấp Tân-sinh và định cư đồng bào Thượng phần nhiều thiết lập vội vàng, thiếu sự nghiên cứu kỹ nên khả năng canh tác không có điều kiện để phát triển.

b) Các biện pháp áp dụng dưới thời Nội các Nguyễn Cao Kỳ.-

1.- Phủ Đặc Ủy Thượng vụ được thành lập ngày 22.2.1966 các cơ cấu được kiện toàn gồm có :

- Trung ương :

- + 1 văn phòng Cấp bộ
- + 2 Phân-ủy tương đương cấp Nha
- + 4 Khóit tương đương cấp Sở.

- Địa phương :

- + 3 Khu Thượng vụ tương đương cấp Nha ở Vùng Chiến thuật.
- + 17 Ty và 5 Phòng Thượng vụ tại 22 Tỉnh.
- + 49 Chi Thượng vụ tại Quận và nhiều cơ sở trực thuộc khác.

2.- Bổ nhiệm 120 công chức Thượng vụ vào các chức vụ chỉ huy Hành chính các ngành như sau :

- 1 Đặc Ủy-trưởng.
- 1 Phụ tá chuyên môn (Tổng Giám Đốc).
- 1 Tỉnh trưởng.
- 1 Phân Ủy trưởng (Giám Đốc).
- 1 Khu trưởng (Giám Đốc)
- 8 Phó Tỉnh-Trưởng.
- 1 Công cán ủy viên.



Phụ-nữ son-củc

- 1 Quản Đốc Trung tâm Huấn luyện (Chánh sự vụ)
- 5 Quận trưởng.
- 26 Phó Quận trưởng
- 5 Thanh tra Tiểu-học sơ cấp
- 24 Hiệu trưởng
- 18 Trưởng ty và Phó Trưởng ty
- 20 Giám thị các trường Trung học, Tiểu học.
- 4 Quản lý Bệnh viện.

3.- Đào tạo 34 cán bộ Hành chánh cao cấp (14 Đốc sự, 20 Tham sự) người Thượng.

4.- Đề cử đại diện người Thượng tham gia các Hội đồng Xây dựng Nông thôn và thành lập Ban Thượng vụ ở Trung ương xuống cấp Quận.

5.- Dành đặc ân cho công chức Thượng được dễ dàng nhập ngạch và được hưởng thêm điểm để được cấp phát nhà cửa.

6.- Ban hành quy chế cán bộ Thượng vụ.

Xuyên qua thành tích công tác ghi trên đây của Nội các chiến tranh do Phủ Đạc ủy Thượng vụ phổ biến ngày 1.5.67 chúng ta thấy có một sự tiến bộ rõ rệt từ giai đoạn tiền cách mạng đến Nội các chiến-tranh, tuy nhiên sự tiến bộ đó vẫn chưa làm nổi bật được vai trò của đồng bào sơn cước tại cao nguyên miền Nam. Điểm đáng chú ý là chính quyền đã dồn mọi nỗ lực để thực-hiện những điều cam kết với đồng bào sơn cước.

c) Các biện pháp áp dụng dưới thời Đệ II Cộng Hòa.-

Ngoài việc kiện toàn tổ chức nội bộ của một cấp bộ với tất cả những chức chương do người thiểu số nắm giữ, Bộ Phát triển Sắc tộc đã :

- Phối hợp cùng các cơ quan bạn kiện toàn nền Hành chính Xã, Ấp. Đã có 388 xã và 1.555 Ấp của đồng bào sắc tộc tương đối có đầy đủ yếu tố tự quản.

- Tham gia ý kiến trong việc lựa chọn, đề cử các viên chức sắc-tộc nắm giữ các chức vụ chỉ huy hành chính, kể chung đã có 654 viên chức sắc tộc được đề cử vào các chức vụ từ Tỉnh trưởng, Đồng lý, Tổng Giám đốc, Tổng Thư ký xuống đến cấp Chủ sự, Trưởng ty, Trưởng chi v.v... Trên phương diện quản trị nền hành chính địa phương, ngoài một Tỉnh Trưởng người Thượng, chúng ta còn ghi nhận tại hầu hết các tỉnh cao nguyên Trung phần đều có Phó Tỉnh Trưởng người Thượng. Riêng tại các quận hành chính cao nguyên, Nghị-định SL 1202 ND/NV/PTT đã sửa đổi điều I của Nghị-định số 80 NV ngày 12.1.1965 để ấn định nguyên tắc bổ nhiệm các Phó Quận trưởng người Thượng tại những quận mà đồng bào thiểu số chiếm quá 1/3 dân số toàn quận. Với nguyên tắc đó, hiện đã có 15 Phó Quận người Thượng (tài liệu thuộc Nha Hành chính Địa phương. Bộ Nội vụ).

- Tổ chức cuộc đề cử lựa chọn 32 hội viên thực thụ và 8 hội viên dự khuyết cho Hội đồng các sắc tộc.

- Phối hợp với các cơ quan bạn hướng dẫn đồng bào các sắc tộc tham gia các cuộc bầu cử viên chức Xã, Ấp, Hội viên hội đồng hương Tỉnh, bên phần Thượng-nghị-việt.

- Mở khóa tham sự hành chính đặc biệt dành cho 60 thanh niên sắc tộc.

- Can thiệp cho 23 cựu công chức nguyên Pulro được hồi ngạch.

- Thành lập Trung tâm Huấn luyện cán bộ Quốc gia vùng cao nguyên tại Pleiku với nhiệm vụ đào tạo cán bộ tương tự như Trung tâm Huấn luyện Quốc gia Vũng Tàu. Từ tháng 10.1970. Trung tâm Huấn luyện này đã mở ra 2 khóa huấn luyện viên chức Xã, Ấp, 1 khóa huấn luyện cán bộ Điều hành và Đoàn trưởng Xây dựng Sắc tộc, 1 khóa huấn luyện các cán bộ điều nghiên. Tổng cộng là 806 người. Trước đây Trung tâm Huấn luyện này được gọi là Trung tâm Huấn luyện Trường Sơn đã đào tạo được 15.000 cán bộ Xây dựng Sắc tộc và cán bộ chuyên môn các ngành.

Chúng ta thấy rằng việc quản trị hành chính địa phương không phải là công tác của Bộ Phát triển Sắc tộc vì chỉ có tòa hành chính Tỉnh, Quận mới là cơ quan phối hợp các hoạt động của khu vực này trên các phương diện chính trị, an ninh, quân sự, xã hội và kinh tế. Người ta thường nhìn các sinh hoạt tại cao nguyên qua các hoạt động của tòa Hành chính chứ không phải của Ty Phát-triển Sắc tộc. Chúng ta phải để cho đồng bào sơn cước đóng vai trò chủ động trong các công tác cải cách, trong việc nghiên cứu và thẩm định những nhu cầu cải cách tại cao nguyên hơn là để cho họ đóng vai trò phụ thuộc qua cơ quan phát triển sắc tộc địa phương, nếu chúng ta quên niệm rằng trên phương diện địa lý, đây là nơi sinh sống từ lâu của đồng bào sơn cước, trên phương diện nhân văn tỷ lệ dân số của đồng bào sơn cước tại đây cao hơn dân số người Việt. Trên phương diện chính trị, xuyên qua cuộc bầu cử quan trọng nhất tại Cao nguyên là cuộc bầu cử các hội đồng Đô tỉnh thi ngày 26.4.1970 các nghị viên sơn cước đã chiếm mất một tỷ lệ quá bán trong hầu hết các Hội đồng Tỉnh thi tại cao nguyên (25/49). Trên phương diện xã hội đồng bào sơn cước phần lớn còn bán khai và có những phong tục tập quán riêng biệt. Các Trưởng tỉnh tại Cao nguyên nếu là người sơn cước sẽ có tác dụng tâm lý tốt đẹp không những đối với dư luận đồng bào các sắc tộc mà còn đối với dư luận quốc tế nữa. Dĩ nhiên những vị này hẳn phải thực thi đúng đắn đường lối và chủ trương của chính phủ trong các chương trình cải cách về xã hội, kinh tế vì rằng hiện tại bên cạnh họ vẫn có những cố vấn hay phụ tá người Việt và lại họ phải chứng tỏ khả năng, thiện chí và lòng trung thành với quốc gia để khỏi có sự cạnh tranh của những đồng nghiệp thiểu số tốt nghiệp càng ngày càng nhiều tại các Học viện Hành chính và Trung tâm Huấn luyện của Quốc gia.

Trên phương diện tài chánh, kể từ ngày Phủ đạc ủy Thượng-vụ được nâng lên thành một Bộ vào cuối năm 1967., ngân sách của Bộ Phát triển Sắc tộc trong ba năm qua (1968, 1969 và 1970) có thể nói lên thiện chí của chính quyền trong việc nâng đỡ đồng bào sơn cước.

| | |
|------|---------------|
| 1968 | 241 triệu 5 |
| 1969 | 290 triệu 5 |
| 1970 | 388 triệu 450 |

Ngân khoản hàng năm không những lớn hơn nhiều bộ khác mà còn cho thấy có sự tăng gia rõ rệt.

Công việc phát triển ở địa phương có vẻ yếu ớt như tình hình ủy-ngân cho địa phương trong năm 1968 là 98 triệu 4 chỉ bằng 1/2 ngân khoản sử dụng tại Trung ương dù rằng ngân khoản ngoại viện cho các chương trình công tác tại địa phương lên đến 85 triệu 300.000.

Nếu tất cả những biện pháp nâng đỡ, cải cách khu vực này không nằm trong một kế hoạch hay chương trình rõ rệt, có hệ thống hóa bằng những giai đoạn phát triển sơ khởi, công tác thì những biện pháp đó chỉ có tính cách tạm thời. Vì vậy việc phát triển sắc tộc phải đi song hành với công cuộc phát triển cao nguyên.

Trước hết muốn phát triển cao nguyên, chúng ta phải phân tích kỹ lưỡng những yếu tố căn bản sau đây coi như là những dữ kiện cho những đề án công tác :

- Yếu tố địa lý - gồm có đất đai, các tài nguyên thiên-nhiên, lâm-sản, khoáng-sản, khí hậu, sông ngòi. Yếu tố này định hướng các ngành cần phát-triển.

- Yếu tố nhân văn - Phân tích tình hình nhân số, chủng tộc, tập quán, phong tục, khả năng nhân lực vật lực tài lực. Yếu tố này định hướng nhu cầu nhân sự, nhu cầu huấn luyện.

- Yếu tố kinh tế cần nghiên cứu xem khả năng sản xuất của cao nguyên từ trước đến nay, khả năng đó dựa trên những tài nguyên nào, các phương tiện hiện hữu như cơ sở kỹ nghệ, hệ thống giao thông thủy vận lộ vận và không vận.

- Yếu tố tài chánh : cũng cần phải nghiên cứu xem các ngân sách địa phương cùng là sự đóng góp của dân chúng tại cao nguyên.

- Yếu tố tâm lý : Những yếu tố này liên hệ đến phong trào tập quán của đồng bào sơn cước ; để kế hoạch phát triển khu vực này dung hòa được quyền lợi cuộc gia và quyền lợi của đồng bào sơn cước, cũng cần phải lưu ý đến những nhu cầu và nguyện vọng của họ.

Khởi đi trong giai đoạn đầu, cần thiết lập ngay một ủy ban nghiên cứu và phát triển kinh tế tại cao nguyên như đã quy định trong sắc luật 033/67. Trước khi đề nghị những biện pháp cải cách, chúng ta cũng nên xét xem công cuộc phát triển kinh tế tại Cao nguyên trong những năm gần đây để có những ý niệm về

- 1.- Khả năng kinh tế cao nguyên.
- 2.- Tình hình kinh tế cao nguyên.
- 3.- Cần nâng đỡ và phát triển những ngành nào tại Cao nguyên.

Cao nguyên Trung phần gồm 7 tỉnh (Kon Tum, Pleiku, Phú-Bổn, Darlac, Quảng-Đức, Lâm-Đông và Tuyên-Đức) diện tích khoảng 49.921 cây số vuông trong số này có chừng 1.400.000ha đất để trồng trọt còn lại rừng núi bỏ hoang. Bảng thống kê do Viện Quốc gia Thống kê ấn hành năm 1968 sau đây cho chúng ta thấy tình trạng khiếm khai tại Cao nguyên. (Xem bảng thống kê trang bên).

Những con số ghi trong bảng thống kê cho thấy ngoài tình trạng khiếm khai, ngành nông nghiệp trên cao nguyên từ 1962 về sau có một sự suy sụp rõ rệt.

Về lâm nghiệp, năm 1966 cao nguyên Trung phần đã sản xuất được :

| | |
|----------------------|----------------|
| 82.000 ^{m3} | danh mộc |
| 11.000 | stères củi |
| 539 | tấn than |
| 276 | tấn nhựa thông |
| 7 | tấn quế |

| Loại thực phẩm | Diện tích trồng | | |
|----------------------|------------------|------------------|------------------|
| | 1958 | 1962 | 1967 |
| Lúa | 74.270 ha | 60.540 ha | 49.200 ha |
| Khoai lang | 1.480 ha | 4.975 ha | 2.465 ha |
| Khoai mì | 1.260 ha | 2.195 ha | 2.468 ha |
| Bắp | 2.795 ha | 7.230 ha | 4.525 ha |
| Đậu nành | 60 ha | 10 ha | 65 ha |
| Củ đậu | - | 192 ha | - |
| Thơm | 28 ha | 230 ha | 135 ha |
| Trái cây | 530 ha | 1.100 ha | 2.070 ha |
| Cộng | 80.623 ha | 77.274 ha | 62.383 ha |
| Loại cho sợi dệt vải | | | |
| Bông vải | 51 ha | 72 ha | |
| Gòn | - | - | |
| Kénapp | - | 3.365 ha | |
| Gai | 85 ha | 105 ha | |
| Bố (đay) | 362 | | |
| Lá đậu | | 5 ha | 25 ha |
| Cộng | 498 ha | 3.547 ha | 25 ha |
| Loại cho dầu | | | |
| Dừa | - | 190 ha | |
| Đậu phụng | 585 ha | 3.350 ha | 1.410 ha |
| Mè | 1 ha | 32 | - |
| Cộng | 586 ha | 3.572 ha | 1.410 ha |
| Các loại linh tinh | | | |
| Trà | 6.405 ha | | |
| Cà phê | 3.730 ha | | |
| Thuốc lá | 310 ha | 315 ha | 110 ha |
| Tiêu | 50 ha | | 20 ha |
| Mía | 35 ha | 105 ha | 80 ha |
| Cao su | | 20.410 ha | |
| Cộng | 10.530 ha | 20.830 ha | 210 ha |

Nam 1967 sản lượng chỉ còn

| | |
|----------------------|----------------|
| 71.000 ^{m3} | danh mộc |
| 15.000 | stères củi |
| 388 | tấn than |
| 298 | tấn nhựa thông |

| <u>Về chăn nuôi</u> | <u>1966</u> | <u>1967</u> |
|---------------------|-------------|-------------|
| Bò | 57.000 | 51.000 |
| Trâu | 38.000 | 30.000 |
| Heo | 114.000 | 107.000 |
| Ngựa | 2.000 | / |
| Dê | 4.000 | / |
| Cừu | 1.000 | / |
| Gà | 240.000 | 327.000 |
| Vịt | 22.000 | 26.000 |

Trước tình hình suy sụp của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và chăn nuôi trên đây, công cuộc phát triển kinh tế cần ưu tiên phục-hồi lại năng lực cho những ngành này.

Để đóng góp vào công cuộc cải cách trọng đại và cần thiết này, chúng tôi xin đúc kết những ý kiến trình bày trong suốt thiên luận án này qua những biện pháp đề nghị sau đây :

I.- CÁC BIỆN PHÁP KINH TẾ XÃ HỘI.-

- Cần phân phối đồng đều các cố gắng quốc gia để phát triển sâu rộng các tổ chức xã hội tại các buôn, plei của người sơn cước thiết lập các cơ sở y tế cứu trợ, tiếp tế những nhu yếu phẩm như muối, mắm, gạo. Tại các quận lỵ lớn nên lập những chi Nông tín, lâm tín để trợ giúp đồng bào sơn cước trong công cuộc canh tác và sản xuất cần thiết.

- Chương trình xây dựng nông thôn cần ưu tiên thực hiện cho các Buôn tại vùng sơn cước. Cao nguyên cần phải được hưởng những điều kiện và phương tiện đặc biệt dồi dào để phát triển mạnh.

- Cần những biện pháp cứu trợ, tiếp tế đặc biệt để xây dựng lại các sơn thôn kém an ninh, xa xôi để giúp các khu vực hay các bộ lạc trước đây không được ưu đãi thăng tiến về phương diện kinh tế xã hội so sánh với các bộ lạc tiến bộ khác.

- Trong phạm vi chính sách nhân dụng cần tạo thêm cơ hội về việc làm, thiết lập các chương trình huấn nghệ, thiết lập hạ tầng kinh tế và tăng gia năng xuất.

- Hữu-sản-hóa : chương trình hữu sản hóa phải được chia sẻ công bình đến tận tay đồng bào sơn cước, nhất là về phương diện canh nông và ngư nghiệp. Người sơn cước phần lớn sinh sống bằng lâm sản, nông nghiệp và chăn nuôi, tình trạng du canh lè vì thiếu phương tiện, thiếu phương pháp được huấn luyện thiếu dụng cụ cày bừa nên diện tích trồng trọt ít ỏi sáng kiến bị giới hạn trong phạm vi tay làm hàm nhai, do đó không thể tích lũy tư-bản và tự phát-triển được. Vì vậy, chương trình xây dựng nông thôn, ngoài việc giáo dục, sâu rộng kỹ thuật canh tác để định canh định cư, chính quyền còn cần phải cấp thời hữu sản hóa cho đồng bào sơn cước không phải chỉ những đất đai mà theo truyền thống họ có thừa tại đây mà là

- dụng cụ cày bừa
- máy bơm nước cho công cuộc dẫn thủy
- trâu bò giống
- heo gà giống
- lúa giống, bắp giống...
- phân bón.

Trên phương diện ngư nghiệp, người sơn cước cũng đánh cá để sinh sống tại các sông giáp biên giới Miên Việt (sông Shrépok), hai bên bờ sông Bạ, Dakla, đây cũng là nguồn thực phẩm đáng kể cho đồng bào cao nguyên, vậy cũng cần hữu sản hóa cho họ các ghe nhỏ với máy đuôi tôm để đánh cá và đồng thời chuyển vận trên các con sông, lạch tại đây.

- Lưới cá và các dụng cụ đánh cá

Ngoài ra tại các quận lỵ, tỉnh lỵ người công nhân sơn cước cũng phải được chính phủ chú ý đến như các công nhân người Việt để hưởng thụ đồng đều những chương trình hữu sản hóa công nhân xe Lambretta ba bánh, xe cyclo đạp và hơn nữa cũng phải thực hiện những chương trình xây cất cư xá công chức để bán trả góp cho người công chức sơn cước cũng như Kinh tại cao nguyên. Sự kiện này ngoài mục đích nâng đỡ đồng bào sơn cước mà còn là một trong những biện pháp nhằm hội nhập xã hội thiểu số vào với đa số.

Tại cao nguyên, việc giao thông liên lạc từ tỉnh lỵ xuống quận lỵ và các buôn ấp thường bằng các xe Lambretta rất thích hợp không những góp phần trong việc cải tiến hệ thống giao thông mà còn để cải tiến xã hội và kinh tế nữa. Các chương trình hữu sản hóa, đều nhằm tăng lợi tức công dân và thực hiện chính sách đồng tiến xã hội ; được vậy đồng bào sơn cước mới được dư dả và có điều kiện thuận lợi để lo đến việc giáo dục con em của họ và đặt tin tưởng vào tương lai để hợp tác bình đẳng và chân thành với người Kinh trong công cuộc xây dựng quốc gia chung.

Tóm lại, về kinh tế

- 1.- Phải hoàn tất ngay trong một thời gian xác định chương trình định cư, định canh.
- 2.- Phải cấp thời phục hồi năng lực các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi để phát triển khá mạnh trong các khu.
- 3.- Nâng đỡ và khuyến khích các ngành tiểu công nghệ sơn cước.
- 4.- Khuyến khích phong trào thi đua sản xuất nông nghiệp.
- 5.- Tổ chức các hội chợ gia súc, lâm sản.
- 6.- Tại Cao nguyên có những hồ rất lớn như hồ E.A. Nung ở Pleiku và lạc ở Ban mê thuật có thể biến cải thành những hồ nuôi cá giống lý tưởng có thể cung cấp cá tươi cho toàn vùng.

7.- Hiện nay tại cao nguyên đã có 13 trung tâm canh mục đây là những tổ chức nông trại học đường (2 tại quận khu I, 10 tại quận khu II, 1 tại quận khu III). Thiết tưởng cũng cần mở thêm tại những tỉnh chưa có và mở rộng tầm hoạt động để tất cả các nông dân sơn cước đều có dịp đến học hỏi về chăn nuôi, canh tác.

III.- CÁC BIỆN PHÁP GIÁO DỤC.

Việc phát triển đồng bào sơn cước và khu vực này không phải chỉ có trông đợi vào một bản văn hay thái độ một chiều của chính phủ mà chính đồng bào sơn cước phải có thái độ tích cực, phải thực sự cầu tiến và phải thiết tha cố gắng hội nhập vào xã hội Việt-Nam qua những điều kiện đặc biệt mà chính phủ đã dành cho đồng bào sơn cước để sự bất bình đẳng pháp lý dần dần được thay thế bằng một sự bình đẳng thực sự. Sự nâng đỡ chỉ có tính cách giai đoạn chứ không phải là trường kỳ. Muốn vậy, chính quyền cần có một kế hoạch nâng đỡ đồng bào sơn cước về mặt giáo dục. Trên phương diện này, việc tiên quyết là:

- Thanh toán trong một thời gian xác định nạn mù chữ nhất là phổ biến sâu rộng chữ cước ngữ.

- Xây cất trường học đến tận các Buôn, Flei để cho con em sơn cước có nơi học hành.

- Soạn thảo đầy đủ các sách giáo khoa bằng thổ ngữ có chú thích thêm chữ cước ngữ nhằm mục đích xây dựng lý tưởng quốc gia và tạo dựng căn bản vững chắc cho sự đoàn kết dân tộc.

- Lập các ký túc xá và các hội tương trợ Kinh Thượng để giúp đỡ học sinh sơn cước có thêm phương tiện học hành.

- Tại các học đường nên phát triển các sinh hoạt thanh niên học đường, xã hội học đường, các trại hè Kinh Thượng để tạo những cơ hội để học sinh Kinh, Thượng có dịp sinh hoạt chung, tạo không khí cởi mở, đoàn kết.

Ngoài ra, công-tác quan-trọng là việc đào-tạo Giáo-viên và Giáo-sư Sơn-cước để những vị này hướng dẫn đồng-bào Sơn-cước. Con số đào-tạo thực-hiện trong niên-khoá 1967, 1968, 1969 quá ít ỏi không đáp ứng nhu-cầu phát-triển giáo-dục khẩn-thiết tại Cao-nguyên : 11 học-viên tốt nghiệp trường Sư-phạm cộng-đồng và 98 học-viên trường Sư-phạm Ban-Mê-Thuột, 1 sinh-viên Đại-học Sư-phạm Cần-Thơ(11). Để thực-hiện việc này, chính-quyền cần phải nâng đỡ như sự nâng đỡ đã được thi-hành trong các phân-khoa khác như tại Học-viện Quốc-gia Hành-chánh, nghĩa là các trường Sư-phạm ở mỗi cấp phải dành một số cho cho đồng-bào Sơn-cước và trong những kỳ thi nhập học các sinh-viên, học-viên Sơn-cước sẽ thi với nhau để dành những chỗ đó hay tổ-chức những khoá sư-phạm đặc-biệt dành cho đồng-bào Sơn-cước.

Ở một số phân-khoa đại-học như Văn-khoa, Luật-khoa và nhất là tại Học-viện Quốc-gia Hành-chánh cần phải cho khai-giảng môn học về ngôn-ngữ và văn-hoá của đồng-bào Sơn-cước; sự am-tường những phong-tục tập-quán và lễ-lối sinh-hoạt của đồng-bào Sơn-cước là một sự hiểu biết cần-thiết cho các công-chức hành-chánh trong khi phục-vụ tại Cao-nguyên.

Cần phát-triển chương-trình khuyến-học tại Cao-nguyên bằng biện-pháp "cấp học-bổng cho tất cả học-sinh Thượng bậc sơ-học, tiểu-học. Học-bổng này gồm tiền ăn và phí-tôn cư-trú cùng là tiền may mặc. Nếu được nên lập ký-túc-xá học-sinh nghèo hay trung-tâm tiếp đón tại các Quận-ly, Tỉnh-ly để nơi đây sẽ nuôi ăn, ở cho các thanh-thiếu-niên Sơn-cước theo học tại các trường Tiểu-học và Trung-học. Chương-trình rộng lớn này có thể kêu gọi sự đóng góp của các cơ-quan xã-hội và các cơ-quan từ-thiện ngoại-quốc, ngoài ra chương-trình giáo-dục cho đồng-bào Sơn-cước phải được phân-chia rõ-rệt và bố buộc qua hai giai-đoạn :

(11) Trích nguyệt-san Thượng-vụ số 13 - 1968 trang 8.

* Giai-đoạn Sơ-học :

Đây là giai-đoạn học vỡ lòng cần phải dạy Thổ-ngữ song-song với Việt-ngữ. Việc áp-dụng song-hành này sẽ thoả-mãn được cả hai khía cạnh của một van-đề : đó là phát triển và bảo-tồn văn-hoá của đồng-bào Sơn-cước. Những người Sơn-cước phải can-đảm nhìn nhận rằng đó là biện-pháp duy nhất để canh-tân mau chóng Cao-nguyên miền Nam và lại trong thực-tế tại Cao-nguyên có cả chục thứ tiếng của những sắc-tộc khác nhau, việc tập-hợp các ngôn-ngữ trên qua hai thứ tiếng chính của hai nhóm Malayo-Polynésien và Mon-Khmer theo như đề-nghị của một giáo-chức ở Ban-Mê-Thuôt, sắc dân Rhadé, xét cũng hợp-lý như việc chọn lựa tiếng Việt-Nam làm chuyển-ngữ và một phương-tiện văn-hoá để khai-hoá Cao-nguyên nhưng chắc-chắn sẽ chỉ giải-quyết thoả-đáng cho một số bộ-lạc mà sẽ gặp phản ứng của nhiều bộ-lạc khác tuy số lượng chỉ giữ một vai-trò khiêm-nhượng song cũng ôm áp việc đề cao Thổ-ngữ riêng của mình. Như vậy thì biện-pháp hợp-tình, hợp-lý nhất là học-sinh bộ-lạc nào sẽ được dạy Thổ-ngữ của bộ-lạc đó song-song với việc dùng tiếng Việt-Nam làm chuyển ngữ tại bậc Tiểu-học. Nếu sắc dân nào không có giáo-viên Thổ-ngữ thì Việt-ngữ là phương-tiện giáo-dục duy nhất.

* Giai-đoạn Trung-học :

Tiếng Việt-Nam là sinh-ngữ chính-thức, hay nói khác hơn, đồng-bào Sơn-cước sẽ theo đuổi chương-trình học và giáo-dục của học-sinh Việt-Nam. Sau giai-đoạn này các học-sinh Thượng-du sẽ dễ-dàng gia-nhập Đại-học hoặc du-học ở ngoại-quốc theo những tiêu-chuẩn do Chính-phủ quy-định và lúc bấy giờ với khả-năng và phương-tiện có sẵn những tân trí-thức Thượng-du sẽ có toàn-quyền trong việc nghiên-cứu dạy Thổ-ngữ cho con em thuộc sắc dân của mình tại bậc Trung-học.

Cũng trên phương-diện này các chính-quyền địa-phương nên khuyến-khích tập-hợp nhiều Buôn, Ấp cùng một

dân tại một địa-điểm, chẳng hạn tại Darlac nên tập-trung các buôn của người Rhadé rải-rác dọc quốc-lộ 21 và quốc-lộ 14 vào một vùng. Hiện tại vì lý do an-ninh nhiều Buôn, Ấp đã phải dời về Quận-ly, Tỉnh-ly chính-quyền địa-phương nên củng-cố sự tập-trung này và đẩy mạnh công cuộc phát-triển các cơ sở giáo-dục, xã-hội, y-tế để định-cư họ.

III.- CÁC BIỆN-PHÁP HÀNH-CHÁNH và CHÍNH-TRỊ

Khi phê-bình chính-sách Sơn-cước-vụ của Miền-Điện chúng tôi đã có dịp đối-chiếu và đưa ra những nhận xét trên phương-diện này. Hơn nữa khi nhận-định thành-quả của các chính-sách Thương-vụ dưới nền Đệ I Cộng-Hòa, Nội-các Chiến-tranh và nền Đệ II Cộng-Hòa, chúng tôi cũng đã có dịp đề-cập đến những biện-pháp cần áp-dụng tại Cao-nguyên trên bình-diện Hành-chánh. Nếu đã sống ở Cao-nguyên chúng ta khó lòng phủ-nhận cái vai-trò phụ thuộc của đồng-bào Sơn-cước xuyên qua các tổ-chức Hành-chánh địa-phương nhất là ở các cấp Tỉnh và Quận. Trong hầu hết các Tỉnh thuộc Cao-nguyên Trung-phần, người Sơn-cước chỉ đóng góp một tỷ-lệ thật khiêm-nhượng trong việc quản-trị hành-chánh tại đây. Nếu tại Miền-Điện chính-quyền Trung-ương đã khéo-léo áp-dụng một chế-độ tự-trị đặc-biệt trong đó quyền hành-chánh nằm gọn trong tay Chính-phủ Trung-ương thì tại Việt-Nam người Sơn-cước cũng chưa nắm được cái thế chủ-động trên phương-diện này. Kể từ nền Đệ I Cộng-Hòa đến nay không biết bao nhiêu người Sơn-cước đã xuất thân tại Học-viện Quốc-gia Hành-chánh, cũng không biết bao nhiêu sĩ-quan Sơn-cước đã tốt-nghiệp tại các Quân-trường Quốc-gia nhưng trong số 7 tỉnh tại Cao-nguyên chỉ có vốn ven một tỉnh Pleiku là do người Sơn-cước chỉ-huy. Đồng-bào Thương sinh-sống tại Cao-nguyên, ít khi giao-dịch ra ngoài tỉnh-ly, họ nhìn công cuộc cải-cách của Chính-phủ không phải là qua hình ảnh của Bộ Phát-triển Sắc-tộc hay Hội-đồng các Sắc-tộc đặt tại Saigon, mà là hình ảnh của tổ-chức hành-chánh địa-phương, tổ-chức tuy nhỏ hẹp nhưng

thực sự ảnh hưởng lớn lao đến đời sống của họ. Hiện tại người Thượng vẫn còn thấy mặc-cảm khi thân thuộc của họ chưa được chính-quyền sử-dụng đúng chỗ đúng khả-năng và vẫn thấy con em của họ chưa được tích-cực đóng góp khả-năng trong công cuộc cải-cách tại Cao-nguyên. Thật vậy như chúng tôi đã cố dịp trình bày là : Cao-nguyên miền Nam phải được giao-phổ cho người Sơn-cước thật sự có uy-tín với đồng-bào địa-phương và thật sự có khả-năng cũng như có một lập-trường quốc-gia vững chắc. Có như vậy mới mong đưa đến một sự hợp-tác chân thành giữa đồng-bào Sơn-cước và đồng-bào Việt-Nam, trong công cuộc Cộng-đồng đồng tiến để chống lại mọi âm-mưu chính-trị.

Trên phương-diện này, chúng ta phải nhìn nhận rằng sở dĩ Trung-Cộng đã thành-công trong chính-sách thiếu-số của họ là vì Trung-Cộng đã quan-niệm một cách thức-thời rằng việc áp-dụng quy-chế tự-trị cho đồng-bào thiếu-số phải là nền-tảng của chính-sách chủng-tộc tại Hoa-Lục. Nền hành chánh tại các khu tự-trị đều nằm trong tay dân thiếu-số, người Hán chỉ đóng vai-trò phụ-tá hay chuyên-viên. Ngoài việc quản-trị trực-tiếp nền Hành-chánh địa-phương, người thiếu-số còn được chính-quyền Trung-Cộng huấn-luyện thành những Cán-bộ để phụ-trách các công-tác của khu-vực tự-trị. Trên thực-tế các vị chỉ-huy hành-chánh thiếu-số thiếu khả-năng do đó phải nhờ đến sự lèo lái của các chuyên-viên phụ-tá. Nhật-báo "Nội Mông" phát-hành ngày 14-11-1957 đã xác nhận như sau :

"Những người Mông-Cổ đã trở thành chủ-nhân các lãnh-thổ của họ nhưng không thể cai-quản lãnh-thổ của họ như chủ-nhân" (12).

Song-song với phương-thức quản-trị hành-chánh này, chính-quyền Trung-Cộng đã khéo-léo khai-thác công cuộc cải

(12) "The Mongolians have become heads of the household, but cannot run the household as master". Inner Mongolia daily November 14-1957.

cách ruộng đất có lợi cho giai-cấp bị-trị trong quá-khứ một mặt để khai-thác những mâu-thuẫn giai-cấp giữa đồng-bào thiểu-số, một mặt để loại bỏ thành phần bảo-thủ có hại cho công cuộc cải-cách khu-vực thiểu-số cũng như chính sách Quốc-gia-hoá các chủng-tộc thiểu-số. Ngoài ra Trung-Cộng cũng chú-trọng đặc-biệt đến công cuộc đào-tạo các Cán-bộ thiểu-số để thâm nhập chủ-trương đường-lối của Chính-phủ, những thành phần mà các nhóm thiên hữu cho là những người thiểu-số bị Trung-Hoa-hoá hay những chó săn của Chính-quyền Hoa-lục (13).

Những dư-luận này cho thấy rằng chính-sách của Trung-Cộng đã thực sự thành-công trong công cuộc đào-luyện các Cán-bộ người thiểu-số để tiếp tay với Chính-quyền Trung-ương cải-cách và phát-triển khu-vực do đồng-bào họ sinh sống. Dù sao, xuyên qua chính-sách thiểu-số của Trung-Cộng, chúng ta thấy họ đã thành-công trên các phương diện kinh-tế, xã-hội qua sự tăng gia rõ-rệt các cơ sở xã-hội và sự tăng-gia của năng-xuất nông-nghiệp và cũng đã duy-trì được một sự kiểm-soát chặt-chẽ mọi hoạt-động của các khu-vực tự-trị. Chúng ta không như Cộng-sản khai-thác những mâu-thuẫn giai-cấp để thống-trị mà trên thực-tế tại khu-vực này đời sống của đồng-bào Sơn-cước cũng chênh-lệch rõ-rệt giữa lớp người Sơn-cước có thế-lực, giàu có và lớp người đồng đảo nghèo khó nhưng ít ra chúng ta cũng phải ghi nhận hai ưu-điểm lớn lao của Trung-Cộng đó là :

- phương-thức tổ-chức hành-chánh, chính-trị của chính-quyền Trung-Cộng qua chế-độ dân-chủ tập-quyền.

(13) "The Mongolians called the Mongolian cadres - racial renegades -, and even viewed the veteran Mongolian cadres as actually Chinese who have disguised themselves as Mongolians to exercise control over the Mongolians". I.M.D. November 14/1957.

"Many of the minority people considered cadres of their own nationalities as 'running-dogs of the Chinese' ".
P.D. December 26/1967.

- kế-hoạch đào-tạo Cán-bộ thiếu-số (xin xem Chính-sách thiếu-số của Trung-Cộng trong tập luận-án này).

Nhìn vào thành-quả của Sắc-luật 033/67, chúng ta dù khó tính cũng phải nhìn nhận rằng chính-quyền hiện tại đã thực sự cố-gắng mở một con đường mới cho đồng-bào Sơn-cước. Dưới nền Đệ nhất Cộng-Hoà, với Chính-sách Kinh Thượng bình-đẳng nên trên phương-diện chính-trị xuyên qua các luật bầu-cử Quốc-hội 1955, 1959, 1963 đã không đề cập riêng biệt quyền hạn của đồng-bào Sơn-cước do đó trong các bảng-kê các đơn-vị bầu-cử Quốc-hội dưới nền Đệ nhất Cộng-Hoà đã không thấy các đơn-vị bầu-cử dành riêng cho đồng-bào Sơn-cước hoặc ấn-định một số ghế dành riêng cho họ. Chính-quyền Đệ nhất Cộng-Hoà quan-niệm rằng khi đã chủ-trương Kinh Thượng bình-đẳng thì việc gì người Kinh làm được, người Sơn-cước cũng có thể làm được và do đó nếu đủ tư-cách và khả-nang, người Sơn-cước vẫn có quyền ứng-cử trong những đơn-vị bầu-cử mà họ xét thấy có ảnh hưởng. Do đó, trên thực-tế, trong suốt các nhiệm-kỳ Quốc-hội I, II, III dưới chế-độ Đệ nhất Cộng-Hoà chỉ một số nhỏ người Sơn-cước được chính-quyền ủng-hộ mới lọt vào được Quốc-hội. Đây thực sự là một chủ-trương tiến-bộ nhưng khôn thay nó lại không phù-hợp với thực-trạng đồng-bào Sơn-cước miền Nam. Chính vì vậy và cũng trên phương-diện chính-trị căn-bản này, nền Đệ nhị Cộng-Hoà đã ghi dấu một ưu điếm mới mẻ đó là việc dành riêng cho đồng-bào Sơn-cước một số ghế nhất-định. Thế theo Luật 004/67 ngày 7-8-1967 ấn-định thể-thức bầu-cử Dân-biểu Hạ-nghi-viện, điều thứ 4 của luật này ấn-định 6 ghế Dân-biểu dành cho đồng-bào Sơn-cước tại các đơn-vị :

- | | |
|--------------|---|
| - Quảng-Ngãi | 1 |
| - Tuyên-Đức | 1 |
| - Darlac | 1 |
| - Kontum | 1 |
| - Pleiku | 1 |
| - Phú-Bôn | 1 |

và 6 ghế này, trên thực-tế đã chia đều cho các sắc dân :

| | |
|----------|---|
| - Jarai | 2 |
| - Rhadé | 1 |
| - Sédang | 1 |
| - Koho | 1 |
| - Hré | 1 |

Sự kiện dành một số ghế cho đồng-bào Sơn-cước là một sự tiến-bộ và thực-tiến tuy nhiên nhìn vào thành-quả ghi trên chúng ta thấy rõ-ràng rằng các ghế Dân-biểu đã rơi vào tay các sắc-dân lớn tại Cao-nguyên, còn các sắc-dân nhỏ đã không có tiếng nói hay đại-diện tại Nghị-trường. Tại Thượng-nghị-viện, luật không ấn-định riêng cho một liên-danh người Sơn-cước để bổ-túc sự thiếu sót tại Hạ-viện thì ở đây hai Nghị-sĩ đặc-cử cũng ở trong thành-phần các sắc-dân đa-số Rhadé và Jarai. Với luật bầu-cử số 007 ngày 5-6-1971, điều 5 luật này cũng ấn-định một số ghế tương-tự luật 004/67, nhưng với van-từ rõ-ràng như sau : "Đồng-bào... Thượng theo nguyên-tích chỉ được ra tranh-cử tại các đơn-vị có số ghế Dân-biểu phân-phối như sau :

| | |
|--------------|---|
| - Quảng-Ngãi | 1 |
| - Tuyên-Đức | 1 |
| - Darlac | 1 |
| - Kontum | 1 |
| - Pleiku | 1 |
| - Phú-Bồn | 1 |

Trước đây, với luật 004/67, đồng-bào Thượng được dành một số ghế Dân-biểu, nếu giải-thích rộng-rãi, thì ngoài số ghế dành cho họ, người Thượng có quyền ứng-cử bất cứ ở nơi nào trên lãnh-thổ Quốc-gia nếu họ ra ứng-cử với tư-cách Công-dân Việt-Nam và xét thấy có đủ khả-năng. Nhưng với luật mới điều 5 đã hạn-chế quyền ứng-cử của đồng-bào Việt gốc Thượng, người Thượng chỉ được ra tranh-cử ở những đơn-vị dành riêng cho họ mà thôi. Luật mới (5-6-1971) có hai khiếm-khuyết quan-trọng :

1)- Không nói rộng các đơn-vị bầu-cử cho đồng-bào Thượng tại tỉnh Lâm-Đồng và Quảng-Đức; trong lúc đó thì qua cuộc bầu-cử Hội-đồng Đô, Tỉnh, Thị ngày 26-4-1970, thành quả ghi nhận được rằng số nghị-viên gốc Thượng chiếm 1/2 tổng số nghị-sĩ đặc-cử :

- Quảng-Đức có 6 nghị-viên gồm 3 Thượng và 3 Việt.
- Lâm-Đồng có 6 nghị-viên gồm 3 Thượng và 3 Việt.

Sự kiện này ghi nhận sự hiện-diện của đồng-bào Sơn-cước tại hai tỉnh này cũng là sinh-hoạt chính-trị của họ tại đây.

2)- Không phù-hợp với tinh-thần của Sắc-luật 003/67 nhằm nâng-dỡ đồng-bào Sơn-cước. Chúng ta không ai không đồng-y với Chính-sách Sơn-cước hiện tại qua Sắc-luật 033/67 song Chính-sách đó phải được khai-triển nhịp nhàng với nhịp tiến-triển của các sắc-dân Sơn-cước tại Cao-nguyên. Chính-quyền cần phải chú trọng đến sự thoát khỏi những nâng đỡ của quy-chế 033/67 (émancipation de l'arriération) nghĩa là quy-chế đó không phải áp-dụng một cách cứng nhắc, nhằm kềm kẹp người Sơn-cước nhất là đối với những người Thượng đã được nâng đỡ và ngày nay sau bốn năm thực-thi Sắc-luật 033/67 đã tiến-bộ theo kịp người Kinh; tất nhiên phải được hưởng thụ mọi quyền hạn của một công-dân Việt-Nam. Đây chính là lúc mà quan-điểm của Bà Roosevelt và quan-điểm của bản Tuyên-ngôn Nhân-quyền phải được tôn-trọng và áp-dụng đặc-biệt là áp-dụng từng phần cho những thành-phần Sơn-cước đã hội-nhập trọn vẹn vào xã-hội Việt-Nam. Trong chiều hướng đó điều 5 của Luật 007 ngày 5-6-1971 đã không thực-tế và không tạo được một thể thuận-lệ cho những người Thượng nói riêng và thiểu-số nói chung đã thoát khỏi sự chậm-tiến.

Ngoài ra từ trước đến nay Cao-nguyên Trung-phần vẫn được coi như là nơi đầy ắp những công-chức đồng-bằng vô-kỹ-luật vì vậy phần lớn các công-chức trấn-bộ phục-vụ tại đây đều thiếu tác-phong thiếu thiện-chí phục-vụ gây nhiều bất-mãn trong dân-chúng nhất là đồng-bào Sơn-cước. Sự kiện này đã làm giảm sút uy-tín của Trung-ương và làm cho đồng-bào Sơn-cước mất tin-tưởng ở chính-quyền. Vì vậy một chính-sách sửa sai việc bổ-dụng các công-chức phục-vụ tại Cao-nguyên rất khẩn-thiết. Chúng tôi đề-nghị nên chuyển-chuyển luân-phiên những công-chức gương-mẫu, có thiện-chí phục-vụ và nhất là phải được huấn-luyện trước để an-tường phong-tục tập-quán của đồng-bào Sơn-cước. Để bù đắp lại những công-chức tại đây cần được hưởng những quyền-lợi và phụ-cấp đặc-biệt.

IV.- CÁC BIỆN-PHÁP VỀ TƯ-PHÁP

Sắc-luận 006/65 đã tái-lập các Tòa-án phong-tục để xét xử các tranh-chấp giữa các đồng-bào Sơn-cước. Trong phần nghiên-cứu phong-tục tập-quán của đồng-bào Sơn-cước, chúng ta đã có dịp tìm hiểu cách xét xử tại các Tòa-án phong-tục và những thủ-tục điều-tra hình sự mang đặc-tính bán-khai khó có thể đi đến những phán-quyết công-bình và hợp-lý. Đó cũng là lý do chính của quyết-định bãi bỏ các Tòa-án phong-tục dưới nền Đệ I Cộng-Hoà. Việc tái-lập các Tòa-án này sau cách-mạng là một việc làm nhằm biểu-dương sự tôn-trọng và bảo-vệ phong-tục tập-quán của người Sơn-cước song le cũng cần phải cải-tiến hệ-thống pháp-luật bán-khai cho phù-hợp với sự tiến-triển của pháp-luật quốc-gia cũng như quốc-tế để vừa giúp cho đồng-bào Sơn-cước được hưởng một chế-độ tư-pháp công-bình hợp-lý và lần hồi thực-hiện một nền Tư-pháp thống-nhất như ở Miền-Điền hay ít ra các Tòa-án phong-tục chỉ là những Tòa-án Sơ-thẩm và quyền Chung-thẩm là do các Pháp-đình Việt-Nam ở cấp Thượng-thẩm. Trên phương-diện Tư-pháp, cũng cần thực-hiện những công-tác sau :

- Tu-nghiệp và đào-tạo các Thâm-phán Sơn-cước để thay thế vai-trò Hòa-giải của các Quận-trưởng tại hầu hết các Quận tại Việt-Nam.
- Nâng đỡ Sinh-viên Sơn-cước theo học ngành Luật để đào-tạo các vị Luật-sư, Chánh-án người Sơn-cước.
- Khuyến-khích việc áp-dụng luật-lệ quốc-gia và những án-lệ của các pháp-đình Việt-Nam.
- Khuyến-khích việc diễn chế các bộ luật phong-tục mới dựa trên các bộ luật Biduê của người Rhadé, bộ luật Nri của người Sré và "tập quán pháp" của người Stieng với hệ-thống pháp-luật hiện tại của Quốc-gia.
- Các phân-khoa Luật-học tại các Viện Đại-học Việt-Nam nên dành một số giờ trong chương-trình giảng-huấn để đề cập đến luật phong-tục của người Sơn-cước.

Dù sao chính-sách Thượng-vụ hiện tại muốn được thực-hiện hữu-hiệu cần phải đặt trọng-tâm trước tiên vào công-tác đào-tạo cán-bộ Thượng-vụ. Người ta thường nói có chính-sách hay mà không có cán-bộ thì chính-sách đó cũng không thể nào thực-hiện được, có cán-bộ mà không được huấn-luyện đầy đủ thì việc thực-thi chính-sách sẽ lệch-lạc và sẽ không đem lại kết-quả mong muốn. Chính vì vậy mà việc đào-tạo cán-bộ để thực-thi bất cứ một chính-sách nào thường là mối ưu-tư lớn-lao của người hữu-trách. Tại Trung-Cộng, để thực-hiện chính-sách thiếu-số, nhà cầm-quyền Hoa-lục đã cấp thời ban-hành từ năm 1950 kế-hoạch đào-tạo những cán-bộ thiếu-số. Các cán-bộ sắc-dân thiếu-số năm 1949 chỉ có khoảng chừng 10.000, năm 1952 đã gia-tăng lên 100.000, năm 1959 là 480.000, và đến năm 1963 là 500.000. Sự gia-tăng có thể khoảng 50 lần nếu so-sánh tổng-số cán-bộ trong năm 1949 (xem chính-sách thiếu-số của Trung-Cộng trang 267-327).



Ngudi Sedang ô' Pleiku

Chương-trình huấn-luyện của Trung-Cộng chỉ nhằm chú-trọng đến phẩm hơn là lượng. Trọng điểm này không phải chỉ là một lời nói suông mà trên thực-tế đã được Trung-Cộng thực-hiện đúng mức nếu chúng ta nghiên-cứu những nhận xét sau đây để lượng giá việc huấn-luyện cán-bộ thiếu-số của Hoa-lục trên phương-diện phẩm. Ở Sinkiang nhiều dân-tộc thiếu-số coi những cán-bộ cùng chủng-tộc mình như là những con chó săn của Chính-quyền Trung-Cộng; người Mông-Cổ gọi các Cán-bộ Mông-Cổ là những tên phản-bội chủng-tộc và xem những Cán-bộ lão-luyện Mông-Cổ như những người Trung-Hoa cải dạng thành dân Mông-Cổ để dễ-dàng kiểm-soát dân Mông-Cổ (xem chính-sách thiếu-số của Trung-Cộng t. 224). Nghiên-cứu chính-sách thiếu-số của Trung-Cộng, nhiều nhà quan-sát Tây-phương cho rằng chính-quyền Cộng-sản đã thực-hiện được những tiên-bộ tốt đẹp trên các phương-diện kinh-tế văn-hoá giáo-dục và y-tế cho các chủng-tộc thiếu-số. Chính-quyền Hoa-lục đã ban-hành chính-sách của họ bằng cách thừa nhận quan-điểm biện-chứng "Giải-quyết mâu-thuần trên căn-bản nhìn nhận những mâu-thuần đó". Do đó, công việc làm đầu tiên là thừa nhận và chấp nhận những khác biệt giữa các chủng-tộc và họ đã tôn-trọng sự kiện này của thiếu-dân. Khởi đi từ quan-điểm đó, Trung-Cộng đã chấp nhận cho thiếu-dân một sự tự-trị và dần-dần với các chương-trình cải-cách xã-hội trong những khu-vực tự-trị. Cộng-sản Trung-Hoa đã tìm cách kiểm-soát và khống-chế sự tự-trị này. Trong thực-tế, Trung-Cộng đã không bao giờ dùng áp-lực từ bên ngoài song nhằm lòng các cán-bộ được chọn lựa huấn-luyện kỹ-lương trong số các thanh-niên thiếu-số để thực-thi chính-sách của nhà nước cùng để tạo nhịp cầu phổ-biến các tư-tưởng và các phương-thức cách-mạng. Kết-qua là chính-sách thiếu-số của Hoa-lục đã thành-công trong việc ổn-định tình-hình chính-trị nội-bộ và cải-thiện tốt đẹp các vấn-đề dân-sinh và dân-trí của các chủng-tộc thiếu-số. Thành-qua đó là nhờ ở kế-hoạch đào-tạo cán-bộ khéo-léo và thực-tiến (xem vấn-đề đào-tạo cán-bộ thiếu-số, trang 224).

* TIẾN-TRÌNH ĐÀO-TẠO CÁN-BỘ THƯỢNG-VỤ
TẠI VIỆT-NAM TỪ 1954

Tại Việt-Nam kể từ khi quy-chế Hoàng-triều cương-thổ được bãi bỏ, chính-quyền đệ nhất Cộng-Hoà ban đầu đã áp-dụng một chính-sách Kinh Thượng đề-huê do đó vấn-đề cán-bộ phụ-trách công-tác Thương-vận đã không được chính-quyền lúc đó lưu-ý. Mãi đến năm 1958 qua biến-cổ chính-trị Bajaraka Nha Công-tác Xã-hội miền Thượng được thành-lập để thực-thi một chính-sách Thương-vụ gồm 4 điểm chính sau :

- Xây-dựng tinh-thần Kinh Thượng bình-đẳng.
- Xây-dựng tinh-thần Kinh Thượng đoàn-kết.
- Xây-dựng tinh-thần yêu tổ-quốc Việt-Nam.

- Nâng cao trình-độ sinh-hoạt của đồng-bào Thương ngang hàng đồng-bào Kinh. Song lẽ, những trọng điểm của chính-sách Thương-vụ dưới thời Đệ nhất Cộng-Hoà đã giao khoán trong tay các tầng lớp công-chức phục-vụ tại Cao-nguyên, những thành-phần công-chức bất đắc dĩ bị thuyên-chuyển lên Cao-nguyên vì những lý do kỹ-luật nhiều hơn là vì nhu-cầu công-vụ do đó phần lớn thiếu khả-năng và tác-phong hơn nữa họ không bao giờ được huấn-luyện để vận-động đồng-bào Sơn-cước tiếp tay với chính-quyền thực-thi chính-sách Thương-vụ của Chính-phủ. Công cuộc đào-tạo cán-bộ của Nha Công-tác Xã-hội miền Thượng mang nặng tính-cách xã-hội nhằm tìm kiếm công ăn việc làm cho người Thượng cùng là tạo cơ-hội và điều-kiện cho người Sơn-cước sinh sống mà thôi. Chính vì vậy mà khi đề-cập đến Chính-sách Thương-vụ của nền Đệ nhất Cộng-Hoà, chúng ta đã thấy ngay cái khuyết-điểm lớn lao của chính-quyền lúc đó là đã thiếu một tầng lớp cán-bộ được đào-tạo để chuyên-trách việc thực thi Chính-sách Thương-vụ. Thật ra nếu căn-cứ vào các tài-liệu hiện còn lưu-trữ, chúng ta có thể đọc thấy những văn-thư của Phủ Tổng-Thống chỉ-thị các địa-phương về việc đào tạo cán-bộ Thương-vụ; tỷ-dụ văn-thứ số 19/TTP/ĐL ngày

1-6-1960, Đồng-Lý Văn-Phòng Phủ Tổng-Thống đã chuyển chỉ-thị của Tổng-Thống đến các địa-phương : "Đồng-bào Thượng có nhiều phong-tục tập-quán khác nhau... trong chương-trình cải-tiến dân-sinh cần có cán-bộ biết tiếng Thượng ở các Buôn Ấp nếu không có cán-bộ sẵn thì phải lựa cán-bộ huấn-luyện tiếng Thượng". Nhưng trên thực-tế thì những chỉ-thị này đã không được tôn-trọng. Đây có thể được coi như là một trường-hợp điển hình của những chỉ-thị không được theo dõi, đơn-độc kiểm-soát, những chỉ-thị lấy lệ để rồi bị rơi vào lãng quên. Chính vì vậy mà chúng ta phải đợi mãi cho đến sau ngày Cách-mạng 1963, vấn-đề huấn-luyện Cán-bộ Thượng-vụ mới được đặt ra. Năm 1965 "Trung-tâm huấn-luyện Cán-bộ Trường-Sơn" ở Pleiku thuộc Cao-nguyên Trung-phần được thành-lập để đào-tạo cán-bộ Sắc-tộc cho chương-trình xây-dựng sơn-thôn. Sau ba năm hoạt-động, trung-tâm đã đào-tạo được 16.000 cán-bộ sơn-thôn và cán-bộ các ngành cung-ứng cho nhu-cầu của chương-trình bình-định phát-triển trên vùng Thượng, Trung-tâm huấn-luyện Cán-bộ Trường-sơn tạm ngưng hoạt-động kể từ ngày 21-12-1968. Mãi đến năm 1970 nhằm cải-thiện guồng máy hành-chánh từ Trung-Ương đến hạ-tầng cơ sở, trung-tâm huấn-luyện cán-bộ Quốc-gia Vũng-Tàu thi-hành chỉ-thị của Tổng-Thống đã tổ-chức các khoá huấn-luyện cho viên-chức xã ấp và cán-bộ các ngành thiểu-số song vì ngôn-ngữ bất-đồng nhất là các cán-bộ hạ tầng gốc Thượng không am-tường Việt-ngữ nên việc huấn-luyện tại Trung-tâm Vũng-Tàu đã không đem lại kết-qua. Do đó chính-quyền lại cho tái-lập trung-tâm huấn-luyện Trường-Sơn tại Pleiku được cải danh là Trung-tâm Huấn-luyện Cán-bộ Quốc-gia Pleiku. Trung-tâm này do một người Sơn-cước đảm trách trực-thuộc Bộ Phát-triển Sắc-tộc và đã chính-thức thu nhận học-viên các khoá đầu tiên từ tháng 10/1970 gồm 268 viên-chức xã ấp cán-bộ điều-hành và đoàn-trưởng xây-dựng sơn-thôn. Trung-tâm cũng vừa tiếp nhận thêm 538 học-viên trong năm 1970 các khoá viên-chức xã ấp và cán-bộ điều-nghiên. Trong năm 1971, Trung-tâm huấn-luyện dự-trù sẽ mở các khoá huấn-luyện cho 4.600 cán-bộ xây-dựng sơn-thôn và viên-chức xã ấp, 1.360 cán-bộ thông-tin, cải-cách điều-địa và cảnh-sát-

viên cùng 110 cán-bộ võ-trang tuyên-truyền hồi-chánh-viên Sơn-cước. Như vậy là trước khi chính-quyền Đệ nhị Cộng-Hoà ban-hành Sắc-luật 033/67 ngày 29-8-1967 ấn-định quy-chế đặc-biệt nâng đỡ đồng-bào Sơn-cước, chính-quyền đã lưu ý việc huấn-luyện cán-bộ thiếu-số và đã kế-hoạch-hoá công-tác đào-tạo này.

* TỔ-CHỨC

Gần một năm sau ngày Cách-mạng 1-11-1963, một đại hội tại Pleiku thuộc Cao-nguyên Trung-phần ngày 17-10-1964, đại-diện các sắc-tộc thiếu-số đã đề-nghị lên Chính-phủ cho thành-lập những đoàn cán-bộ người Thượng để tiếp tay với Chính-phủ xây-dựng lại Buôn Ấp và kiến-thiết Cao-nguyên. Kế-hoạch đào-tạo Cán-bộ Trường-Sơn được ban-hành ngày 5-2-1965. Đến năm 1968 kế-hoạch này được đổi là kế-hoạch đào-tạo Cán-bộ Xây-dựng Sơn-thôn. Do đó Cán-bộ Trường-Sơn được cải danh là Cán-bộ Xây-dựng Sơn-thôn kể từ ngày 30-7-1968. Quy-chế mới áp-dụng cho Cán-bộ Xây-dựng Sơn-thôn được ban-hành bởi Nghị-định số 026/PTST/ND ngày 28-1-1969 của Bộ Phát-triển Sắc-tộc. Cán-bộ Xây-dựng Sơn-thôn được tổ-chức thành 3 loại :

- 1.- Cán-bộ điều-hành.
- 2.- Cán-bộ huấn-luyện-viên lưu-động.
- 3.- Cán-bộ Xây-dựng Buôn Ấp và cán-bộ Văn-nghe.

Tại mỗi Ty Phát-triển Sắc-tộc có một ban điều-hành trực thuộc Ty Phát-triển Sắc-tộc do một Trưởng-ban điều-khiển và một Phụ-tá. Ban điều-hành giúp Trưởng-Ty đảm-trách công việc điều-hành hướng-dẫn các đoàn Cán-bộ Xây-dựng Sơn-thôn. Dưới quyền điều-khiển của Trưởng-Ban và Phụ-tá có hai tiểu-ban :

- tiểu-ban hành-chánh. - Dưới quyền điều-khiển của một Trưởng Tiểu-ban có một số nhân-viên tối đa là 7 người.

- tiểu-ban công-tác. - Đứng đầu là một Trưởng Tiểu-ban với một số Thanh-tra-viên không quá 4 người.

Hiện có 74 Huấn-luyện-viên phục-vụ tại Trung-tâm Huấn-luyện Quốc-gia Cao-nguyên Pleiku. Huấn-luyện-viên được đào-tạo tại Trung-tâm Huấn-luyện Trường-Sơn và tu-nghiệp tại Trung-tâm Huấn-luyện Cán-bộ Quốc-gia Vũng-Tàu. Nhiệm-vụ của Huấn-luyện-viên là huấn-luyện Cán-bộ Xây-dựng Sơn-thôn, viên-chức xã ấp, Cán-bộ gốc Thượng thuộc các ngành về các môn hành-chánh xã ấp sơ-cấp, trung-cấp, quân-sự điều-nghiên, thông-tin chiêu-hồi, hộ-tịch, quản-trị hành-chánh tài-chánh xã.

Kể từ năm 1970 Cán-bộ Xây-dựng Sơn-thôn được tổ-chức thành đoàn 30 người. Mỗi đoàn gồm có một Ban Chỉ-huy (6 Cán-bộ) và ba toán công-tác (mỗi toán 8 Cán-bộ). Lãnh-đạo Đoàn là Đoàn-trưởng có Đoàn-phó Phụ-tá, mỗi Toán có Toán-trưởng và Toán-phó điều-khiển. Hiện nay trên toàn-quốc có 239 đoàn gồm 6.820 cán-bộ. Số đoàn được phối-trí cho các tỉnh có đông-bào thiếu-số tương-ứng với số xã của các tỉnh liên-hệ (xem bảng phân-phối cán-bộ Xây-dựng Sơn-thôn đến 30-11-1970).

Cán-bộ Văn-ngệ, thành-phần của Cán-bộ Xây-dựng Sơn-thôn có nhiệm-vụ trình-diễn ca vũ nhạc kịch để cổ-động tuyên-truyền và phổ-biến chủ-trương đường-lối của Chính-phủ và phát-triển ảnh-hưởng công-tác Thượng-vụ. Hiện có sáu ban văn-ngệ : 1 tại Trung-ương và 5 tại Địa-phương. Tham-chiếu Nghị-định 026 ngày 28-01-1969 thì việc tuyển-dụng Cán-bộ Xây-dựng Sơn-thôn không phân-biệt Kinh hay Thượng để phục-vụ thường-xuyên tại các địa-phương có đông-bào thiếu-số sinh sống trên toàn lãnh-thổ Việt-Nam Cộng-Hoà (Điều 2). Điều 2 này đã được chi-tiết-hoá rõ-ràng bởi điều 9 "Ứng-viên Cán-bộ Xây-dựng Sơn-thôn phải là người Thượng, trường-hợp cần-thiết có thể tuyển người Kinh nhưng phải am-tường phong-tục, tập-quán và nếp sống của Đông-bào Thượng và tỷ-số không được quá 3/10. Điều 9 này

BẢNG PHÂN-PHỐI CÁN-BỘ XÂY-DỰNG SƠN-THÔN
(Tính đến 30-11-1970)

| Số thứ tự | Tên Tỉnh | Cán-bộ Xây-dựng Sơn - thôn | | Ban điều hành | Ban văn nghệ |
|-----------|------------|----------------------------|---------|---------------|--------------|
| | | Số đoàn | Quân-số | | |
| 1 | Quảng-Tri | 9 | 270 | 6 | |
| 2 | Quảng-Ngãi | 14 | 401 | 8 | 11 |
| 3 | Bình-Định | 3 | 83 | 6 | |
| 4 | Phú-Yên | 7 | 198 | 7 | |
| 5 | Khánh-Hoà | 7 | 190 | 7 | |
| 6 | Cam-Ranh | 2 | 60 | | |
| 7 | Ninh-Thuận | 9 | 245 | 6 | |
| 8 | Bình-Thuận | 5 | 145 | 6 | |
| 9 | Kontum | 33 | 949 | 12 | 15 |
| 10 | Pleiku | 30 | 736 | 18 | |
| 11 | Phú-Bôn | 23 | 562 | 8 | 13 |
| 12 | Darlac | 37 | 1029 | 22 | 10 |
| 13 | Quảng-Đức | 8 | 236 | 8 | |
| 14 | Tuyên-Đức | 13 | 378 | 7 | 10 |
| 15 | Lâm-Dồng | 10 | 295 | 9 | |
| 16 | Bình-Long | 8 | 234 | 6 | |
| 17 | Bình-Tuy | 3 | 85 | 2 | |
| 18 | Long-Khánh | 8 | 200 | 7 | |
| 19 | Phước-Long | 5 | 147 | 8 | |
| 20 | Phước-Tuy | 1 | 28 | 3 | |
| 21 | Tây-Ninh | 2 | 57 | 3 | |
| 22 | Châu-Độc | 2 | 56 | 3 | |
| | Cộng | 239 | 6584 | 162 | 59 |

cũng còn quy-định thêm một khoản nữa là "nếu là người Kinh phải hợp-lệ tình-trạng quân-dịch".

Nhiệm-vụ của các Cán-bộ Xây-dựng Sơn-thôn :

Thế theo Nghị-định 026 ngày 28-11-1969, Cán-bộ Xây-dựng Sơn-thôn bao gồm ba nhiệm-vụ chính :

1)- Tranh-thủ Đồng-bào Thượng, tạo điều-kiện cho họ trực-tiếp tham-gia vào công cuộc bình-định, bảo-vệ xây-dựng Buôn Ấp và cải-tiến xã-hội Thượng.

2)- Tích-cực hoạt-động tại các vùng có Đồng-bào Thượng để xúc-tiến việc thực-thi Chính-sách Thượng-vụ của Chính-phủ.

3)- Tuyệt-đối trung-thành với chính-nghĩa quốc-gia và triệt-để phục-vụ quyền-lợi tối-cao của Tổ-quốc và Dân-tộc.

Tóm lại, các Cán-bộ Xây-dựng Sơn-thôn có nhiệm-vụ thực-hiện chương-trình cải-tiến dân-sinh, nâng cao dân-trí theo tinh-thần của Sắc-luật 033/67 của Chính-phủ cho Đồng-bào Sơn-cước. Phương-châm hoạt-động của tầng lớp Cán-bộ này là :

- đến với dân
- sinh-hoạt với dân
- hướng-dẫn dân.

* VẤN-ĐỀ QUỐC-GIA-HOÁ CÁN-BỘ THIẾU-SỐ SƠN-CƯỚC

Mục-đích của kế-thoạch này là nhằm đào-tạo được một lực-lượng cán-bộ chuyên-trách thi-hành chính-sách thiếu-số của Chính-phủ thế theo tinh-thần của Sắc-luật 033/67. Những cán-bộ này có thể gọi là Cán-bộ Phát-triển Sắc-tộc hay Cán-bộ Quốc-gia đặc-trách sơn-thôn để phân

biệt khu-vực hoạt-động của các Cán-bộ Quốc-gia hoạt-động tại nông-thôn. Họ là những thành-phần nòng-cốt của chính-quyền Trung-ương, phải am-tường chủ-trương đường-lối của Chính-phủ, phải được huấn-luyện và tu-nghiệp liên-tục, đầy đủ để hoạt-động hữu-hiệu tại các khu-vực nông-thôn và sơn-thôn. Nếu ở tại sơn-thôn, người cán-bộ sơn-thôn phải được huấn-luyện để hiểu biết các phong-tục tập-quán của từng bộ-lạc sơn-cước hầu tránh những va chạm đến đời sống tinh-thần của đồng-bào Sơn-cước bất lợi cho việc thực-thi Chính-sách Thương-vụ thì Chính-phủ cũng phải nghĩ đến các Cán-bộ Xây-dựng Nông-thôn trong việc tôn-trọng những yếu-tố tinh-thần và tâm-lý của các thôn-dân Việt-Nam trên thực-tế cũng có một nếp sống mê-tín di-đoan và những tập-tục tương-tự như Đồng-bào Sơn-cước rất trở ngại cho việc thực-hiện các chương-trình cải-tiến dân-sinh, nông cao dân-trí. Suy-luận như vậy để chúng ta ý-thức được rằng yếu-tố phong-tục tập-quán là yếu-tố chung của thôn-dân và sơn-dân Việt-Nam mà người Cán-bộ Quốc-Gia Sơn-thôn cũng như Nông-thôn không thể không biết đến khi thực-thi các chương-trình cải-cách của Chính-quyền Trung-ương. Riêng ở Cao-nguyên còn có trở ngại lớn trên phương-diện ngôn-ngữ do đó các Cán-bộ Quốc-gia cần phải được huấn-luyện Thổ-ngữ của một số bộ-lạc nhất là những bộ-lạc nhỏ chậm tiến ở Cao-nguyên. Dù sao khả năng của Cán-bộ người Kinh nếu được bù đắp bởi sự huấn-luyện Thổ-ngữ của người Sơn-cước chắc chắn sẽ hữu-hiệu hơn trong các công-tác cải-tiến xã-hội của các sơn-thôn.

Trong kế-hoạch đào-tạo cán-bộ thiếu-số, chúng ta thấy có một số phương-thức để thực-hiện bổ-túc cho nhau trong việc Quốc-gia-hóa cán-bộ thiếu-số dựa trên các tiêu-chuẩn sẵn có về tuyển-dụng huấn-luyện, tu-nghiệp và ngôn-ngữ.

Trên phương-diện tuyển-dụng, điều 9 của Nghị-định số 026/PTST/XDST/NĐ ngày 28-1-1969 ấn-định quy-chế Cán-bộ Xây-dựng Sơn-thôn quy-định : "Muốn được tuyển-dụng làm Cán-bộ Xây-dựng Sơn-thôn ứng-viên phải hội đủ những điều

kiện pháp-định và trong trường-hợp cần-thiết có thể tuyển-dụng người Kinh với tỷ-số không quá 3/10..." Tính trên con số thống-kê mới nhất của Bộ Phát-triển Sắc-tộc hiện trên tổng-số 2.150 ấp và 610 xã có khoảng 6.584 Cán-bộ Xây-dựng Sơn-thôn trong đó Cán-bộ người Việt chiếm khoảng 20 o/o. Tỷ-lệ này đúng lẽ trên lý-thuyết có thể thực-hiện 30 o/o và trong thực-tế trước thực-trạng chậm-tiến của Đồng-bào Sơn-cước, tỷ-lệ này đúng ra còn cần phải cao hơn nữa. Dù sao chúng ta phải nhìn nhận rằng với chủ-trương hoà-đồng và đồng-tiến xã-hội, trọng-tâm của Chính-sách Thương-vụ hiện tại là nhằm cải-tiến cấp-thời các điều-kiện dân-sinh và dân-trí cho Đồng-bào Sơn-cước. Thực ra chúng ta phải bình-tĩnh mà nhận định rằng người ta đã đề-cập đến quá nhiều vấn-đề dân-quyền trong lúc yếu-tố cần-thiết để cải-tiến sinh-hoạt và cải-tạo xã-hội của Đồng-bào Sơn-cước không phải là yếu-tố dân-quyền mà là dân-sinh và dân-trí. Thật vậy nếu quyền-hành quá nhiều trong lúc dân-sinh chưa được cải-thiện vẫn còn ở trong tình-trạng thiếu thốn, bán khai chậm tiến và dân-trí còn thấp kém vẫn còn phải bám vào những dãi-ngộ đặc-biệt thì thử hỏi cải dân-quyền có thiết-thực hay không hay nó chỉ là một yếu-tố hữu-danh vô-thực và trong hoàn-cảnh đó yếu-tố này chắc-chắn dễ bị mua chuộc và lợi-dụng. Xét cho kỹ trong hoàn-cảnh hiện tại của xã-hội Sơn-cước nếu không vì tác-dụng phổ-trương hay không vì tác-dụng my dân thì chắc-chắn không thể cung-ứng đủ số Cán-bộ có khả năng người Sơn-cước để thực-thi chính-sách Thương-vụ của Chính-phủ. Nếu Chính-sách Thương-vụ lại phó-thức trong tay những thành phần cán-bộ sơn-thôn, thuần là người Sơn-cước, huấn-luyện cấp-thời và không đầy đủ, tự mình hãy còn chậm-tiến, học-thức thấp kém và mang sẵn trong lòng một mặc-cảm kỳ-thị, phân-biệt vì thiếu ý thức về quyền-lợi và nghĩa-vụ công-dân thì e rằng tránh được vô đưa thì lạp vấp phải vô đưa; chúng ta e-ngại sự đụng chạm đến phong-tục, tín-ngưỡng, sự chèn ép áp-bức của người Kinh đối với người Thượng nhưng trong lúc đó thì những dè-dặt đó vô-tình lại tạo sâu sự chia cách việc này của người Thượng, việc này của người Kinh, Cao-nguyên và Đồng-bằng, khi chính những người Kinh sinh sống tại

Gao-nguyên lại bị hạn-chế trong các công-tác xây-dựng khu vực họ sinh sống qua sự quy-định chặt-chẽ của điều 9 quy-chế 026. Chúng tôi trộm nghĩ rằng quy-chế Cán-bộ Sơn-thôn với chủ-trương hoà-đồng dân-tộc và với thực-trạng hiện tại của Đồng-bào Sơn-cước ắt phải dành những điều-kiện dễ-dàng về quyền-lợi để khuyến-khích người Kinh tình nguyện phục-vụ cho các sơn-thôn Việt-Nam heo lánh và lại cái tỷ-lệ hạn-chế các Cán-bộ sơn-thôn người Kinh không nên đặt ra vì thẩm quyền tuyển-dụng là thẩm-quyền của Bộ Phát-triển Sắc-tộc và Bộ Phát-triển Sắc-tộc có thể quy-định một cách khéo-léo không mặc-cảm, không kỳ-thị là "việc tuyển-dụng Cán-bộ sơn-thôn dành ưu tiên cho người thiểu-số mà tất phải ấn-định một tỷ-lệ hạn-chế là 3/10".

Trên phương-diện huấn-luyện thì kể từ 1968-1970, Trung-tâm Huấn-luyện Cán-bộ Quốc-gia Vũng-Tàu đảm-trách việc huấn-luyện cho tất cả các loại Cán-bộ Quốc-gia không phân-biệt người Việt hay thiểu-số. Chúng tôi rất đồng ý việc thành-lập một Trung-tâm Huấn-luyện Cán-bộ Quốc-gia Pleiku để huấn-luyện các Cán-bộ gốc Thượng (trừ sắc-dân Chăm và đồng-bào thiểu-số miền Bắc di-cư) và đa-số các Cán-bộ người Thượng theo học tại Trung-tâm Huấn-luyện Cán-bộ Quốc-Gia Vũng-Tàu đã không thu lượm được kết-quả vì đã không am-tường Việt-ngữ. Trên thực-tế chúng ta phải nhìn nhận Trung-tâm Huấn-luyện Cán-bộ Quốc-gia Vũng-Tàu là một Trung-tâm Huấn-luyện quy-mô và đầy đủ hơn Trung-tâm Huấn-luyện Pleiku mới được thành-lập dù rằng Trung-tâm này là thối thân của Trung-tâm Huấn-luyện Cán-bộ Trường-Sơn trước đây. Vì vậy mà các Huấn-luyện-viên đào-tạo tại Trung-tâm Huấn-luyện Cao-nguyên được tu-nghiệp tại Trung-tâm Cán-bộ Quốc-gia Vũng-Tàu hay được Trung-tâm Vũng-Tàu đào-tạo. Trên phương-diện này chúng tôi nghĩ rằng nên duy-trì một hệ-thống cán-bộ duy nhất gọi là Cán-bộ Quốc-gia đặc-trách bình-định và xây-dựng, họ sẽ được phân chia làm hai loại : Xây-dựng nông-thôn và sơn-thôn. Trong hoàn-cảnh hiện tại của Đồng-bào Sơn-cước, các Cán-bộ Xây-dựng Sơn-thôn sẽ được huấn-luyện sơ-cấp tại Trung-tâm

Huấn-luyện Cán-bộ Quốc-gia Pleiku. Ngoài ra để khuyến-khích những thành phần Sơn-cước có khả-năng văn-hoá và tiến-bộ, họ sẽ được chọn lựa theo thứ tự xếp hạng khi tốt nghiệp tại Trung-tâm Huấn-luyện Cán-bộ Quốc-gia Pleiku để gởi đi thụ-huấn ngay tại Trung-tâm Huấn-luyện Cán-bộ Quốc-gia Vũng-Tàu với một khoá cao hơn. Phương-thức này sẽ gây một tác-dụng tâm-lý thuận-lợi cho việc cầu-tiến của người Sơn-cước để họ bỏ dần được cái mặc-cảm tự-ti không thể cạnh-tranh bình-dẳng với người Việt, người Chăm, người Thiều-số miền Bắc cùng là tạo một niềm kiêu-hãnh, một giá trị mới nơi người cán-bộ sơn-thôn gốc Thượng. Sự kiện này còn khuyến-khích người Sơn-cước hăng-hái phục-vụ để có thể được tham-dự các khoá tu-nghiệp tại Trung-tâm Huấn-luyện Vũng-Tàu, ngoài ra Trung-tâm Vũng-Tàu cũng nên mở rộng cửa để đón lấy những người Sơn-cước có khả-năng văn-hoá, hiểu biết thành-thạo Việt-ngữ và muốn theo học các khoá huấn-luyện ở đồng-bằng, chứ không nên áp-dụng một cách máy móc người Cán-bộ Sơn-cước phải xuất thân ở Trung-tâm Pleiku.

Trên phương-diện tu-nghiệp, từ trước các Cán-bộ gốc Thượng sau khi thụ-huấn tại Trung-tâm Huấn-luyện Cán-bộ Trường-Sơn được gởi đi tu-nghiệp tại Trung-tâm Huấn-luyện Cán-bộ Quốc-gia Vũng-Tàu. Chúng tôi đề-nghị nên duy-trì phương-thức huấn-luyện và tu-nghiệp này đối với Trung-tâm Pleiku và Vũng-Tàu hiện-hữu.

Ngoài ra, chính-quyền Trung-ương cũng cần phải theo dõi và kiểm-soát các công-tác huấn-luyện và đào-tạo cán-bộ dù là Cán-bộ Nông-thôn hay là Sơn-thôn. Việc huấn-luyện phải được coi như là một chương-trình nằm trong toàn-bộ kế-hoạch của quốc-gia dựa trên chủ-trương dân-tộc, hoà-dồng và đồng-tiến xã-hội. Do đó chính-quyền Trung-ương phải theo dõi để sửa sai những khiếm-khuyết của chương-trình huấn-luyện, giải-quyết những khó-khăn và tích-cực giúp đỡ để cho chương-trình đào-tạo cán-bộ đạt được những chỉ-tiêu cần-thiết về phẩm cũng như về lượng. Việc Việt-

hoá các Trung-tâm Huấn-luyện Cán-bộ Quốc-gia trên phương-diện quản-trị không những cần-thiết đối với Trung-tâm Huấn-luyện Cán-bộ Quốc-gia Vũng-Tàu để phát-huy chính-nghĩa mà còn có tầm quan-trọng đặc-biệt đối với Trung-tâm Huấn-luyện Cán-bộ Quốc-gia gốc Thượng, những thành-phần dân-trí thấp kém dễ bị xuyên-tạc bởi đối-phương trước sự liên-hệ gần như đơn-độc và duy-nhất giữa những thành-phần cố-vấn ngoại-quốc và ban huấn-luyện, quản-trị trung-tâm. Yếu-tố ngoại-lai này trên thực-tế đã ảnh-hưởng đến cả sự sống còn của Trung-tâm như trường-hợp của Trung-tâm huấn-luyện Cán-bộ Trường-Sơn ở Pleiku phải ngưng hoạt-động từ ngày 21-12-1968 cho đến 10/1970. Để minh-chứng cho nhận xét trên, chúng tôi xin trích dẫn một đoạn trong một văn-thư mới nhất mang số 165/PTH/BDPT/HCCCT ngày 02-01-1971 của Phủ Thủ-Tướng gửi cho các địa-phương liên-quan đến việc nhập-học tại Trung-tâm Huấn-luyện Cán-bộ Quốc-gia Vũng-Tàu như sau : "... các khoá-sinh thường đến trình-diện nhập-học vào ngày thứ bảy chủ-nhật nên Trung-tâm Huấn-luyện Cán-bộ Quốc-gia không thể thông-báo kịp thời cho phái-đoàn cố-vấn Mỹ để chuẩn-bị sơ-khẩu-phần cần-thiết..." Điều này xác nhận rõ-rệt việc quản-trị hành-chánh một Trung-tâm huấn-luyện Chính-trị quan-trọng của Quốc-gia cũng còn phó thác trong tay các ngoại-nhân ! Chúng ta khó lòng chối cãi rằng sự kiện này đã gây một tác-dụng chính-trị và tâm-lý bất lợi cho quốc-gia trong việc phát-huy tinh-thần tự-lực tự-cường hay chủ-trương tự-quản tự-túc ?! Chính-quyền phải cấp thời cứu xét lại công-kuộc quản-trị hay phương-thức quản-trị các trung-tâm huấn-luyện Cán-bộ Quốc-gia, có vậy, Đồng-bào Sơn-cước mới không còn có cái mặc-cảm bị đem con bỏ chợ hay tự cho rằng mình là những thành-phần riêng biệt luôn-luôn bị phó-thác từ xưa đến nay trong tay các ngoại-nhân. Sự hiện diện của các Cố-vấn ngoại-quốc tại Cao-nguyên trong các Trung-tâm huấn-luyện dân-sự chiến-đấu người Thượng đã hơn một lần được đặt thành nghi-vấn trong các vụ biến-loạn tại Cao-nguyên sau ngày Cách-mạng 1-11-1963 của các lực-lượng dân-sự chiến-đấu người Sơn-cước, sự hiện-diện đó càng trên

nhiều phương-diện sẽ gây trở ngại trong việc thực-thí đúng mức chính-sách Kinh Thương một nhà qua kế-thoạch Quốc-gia-hoá cán-bộ thiếu-số.

Trên phương-diện ngôn-ngữ, trong năm 1970 đã có khoảng năm Thổ-ngữ viết được đó là các Thổ-ngữ Jarai, Rhadé, Bahnar, Koho và Sédang và hiện được dùng huấn-luyện Đồng-bào Sơn-cước tại Trung-tâm Huấn-luyện Cán-bộ Quốc-gia Pleiku trong đó chỉ có tiếng Rhadé, Jarai được dùng rộng-rãi còn vì dân-số của các sắc-dân khác quá ít nên việc xử-dụng Thổ-âm của họ rất hạn-chế. Hiến-pháp 1-4-1967 điều 2 và điều 24 "quy-dịnh việc nâng đỡ Đồng-bào thiếu-số, công nhận sự hiện-hữu của các sắc-tộc thiếu-số và cũng minh-thị xác nhận việc ban-hành một đạo-luật quy-dịnh những quyền-lợi đặc-biệt để nâng đỡ Đồng-bào thiếu-số". Sắc-luật 033/67 ban-hành ngày 29-8-1967 đã chi-tiết-hoá những điều khoảng tổng-quát trên. Trên phương-diện ngôn-ngữ, điều 7 khoản 4 của Sắc-luật : "Tại bậc Tiểu-học, Thổ-ngữ Thượng sẽ được dạy kèm với chương-trình Việt-ngữ, chương-trình dạy Thổ-ngữ sẽ chú-trọng đến phong-tục tập-quán của các sắc-dân". Trong năm 1967, 1968 chính-quyền đã cho soạn xong bốn bộ sách giáo-khoa Thượng-ngữ bằng 4 Thổ-ngữ Jarai, Rhadé, Koho và Bahnar, đã mở 4 khoá tu-nghiệp giáo-viên các sắc-dân về phương-pháp dạy Thổ-ngữ cũng như đã áp-dụng các sách giáo-khoa Thượng-ngữ cho bậc Tiểu-học. Bộ Phát-triển Sắc-tộc đã phối-hợp với Hội-đồng Xây-dựng Nông-thôn Trung-ương trong năm 1968 để tuyển Giáo-viên Thượng cho chương-trình dạy Thượng-ngữ tại nông thôn và một ban khảo ngữ đã được thành-lập tại Kontum để soạn-thảo sách giáo-khoa Thượng-ngữ. Chương-trình dạy Thổ-ngữ Thượng dù được áp-dụng kể từ niên-khoá 1967, 1968 tại các khu-vực có đồng-bào Rhadé, Jarai, Koho và Bahnar. Bốn Thổ-ngữ này hiện đang được dùng để huấn-luyện cán-bộ tại Trung-tâm Huấn-luyện Cán-bộ Quốc-gia Pleiku.

Trong chương-trình giáo-dục địa-phương năm 1971, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục nhằm việc hoàn tất soạn-thảo sách

giáo-khoa dành cho 12 sắc-tộc đông dân nhất. Từ trước, Trung-tâm Học-liệu thuộc Bộ Giáo-Dục đã đảm-trách in và xuất-bản các bản-đồ, sách tập viết, sách tập đọc Việt-ngữ cho Đồng-bào Sơn-cước cùng sách hướng dẫn các giáo-chức dạy Đồng-bào Thượng cho các sắc-tộc Bahnar, Bru, Jarai, Koho, Rhadé. Một số sách khác về khoa-học, vệ-sinh và toán-pháp đang in và sắp sửa phát-hành.

Để chuẩn-bị sự thay thế dần-dần các Cán-bộ Hành-chánh người Việt trong guồng máy cai-trị tại Cao-nguyên, thiết-tưởng cần đặt kế-hoạch huấn-luyện Việt-ngữ cho các cán-bộ công-chức người Sơn-cước, nhất là đối với các sắc dân đã tiến-bộ như Rhadé, Jarai, Bahnar, Koho, Sédang qua các lớp huấn-luyện tráng-niên được tổ-chức ngoài công sở hay trong công sở và được coi như công-tác tu-nghiệp của công-chức, cán-bộ. Việc huấn-luyện bổ-túc này tương-tự như việc huấn-luyện Anh-ngữ cho các viên-chức ngoại-quốc phục-vụ cho các cơ-quan dân-sự Hoa-Kỳ hiện tại do cơ-quan xử-dụng tổ-chức. Dù sao, hiện tại ở Cao-nguyên, người Việt sinh sống cũng khá đông và phần lớn tập-trung ở các thị-xã. Cũng vì khả năng văn-hoá của họ nên phần lớn đều giữ những chức-vụ then chốt trong guồng máy hành-chánh tại Cao-nguyên cũng như là chủ-nhân các ngành thương-mại và kinh-tế hiện tại. Để duy-trì được tương-quan tốt đẹp giữa người Kinh và Thượng cũng như để gây được uy-tín đối với các công-chức người Việt, những công-chức, cán-bộ chỉ-huy người Thượng không thể nào không am-hiểu Việt-ngữ. Hơn nữa, sự kiện này còn dễ-dàng cho việc liên-lạc và thông-đạt từ Trung-ương xuống Địa-phương và ngược lại, ngõ hầu giữ được uy-tín của Quốc-gia và dần-dần loại bỏ được mặc cảm kỳ-thị Kinh Thượng. Việc Việt-hoá các cán-bộ công-chức người Thượng trên phương-diện ngôn-ngữ không thể bác rằng nằm trong chủ-trương đồng-hoá Đồng-bào Sơn-cước vì trên thực-tế tiếng nói tự nó không thể là yếu-tố cấu thành một chủng-tộc. Thật vậy, người Việt-Nam sinh sống lâu năm tại Hoa-Kỳ không thể vì quên đi tiếng mẹ đẻ mà có thể bác họ là một người Hoa-Kỳ chính-thống. Cái bản

chất chủng-tộc, nếu không vong-bản, thì không vì một yếu-tố ngoại-lai mà tiêu-diệt được. Chính vì vậy mà việc huấn-luyện tiếng Việt-Nam cho Đồng-bào Sơn-cước, nhất là đối với các tầng lớp cán-bộ thiểu-số phải là một kế-hoạch cấp-tốc và ưu-tiên trong những kế-hoạch khác nhằm đào-tạo cho người Sơn-cước một phương-tiên văn-hoá để cải-tiến bản-thân và cải-tạo xã-hội của mình. Sở dĩ từ trước đến nay, xã-hội Sơn-cước không tiến-hoá được là vì người Thượng đã luôn-luôn bị ám-ảnh bởi mặc cảm bị đồng-hoá do đó người Sơn-cước đã bỏ lỡ những cơ hội để tận khai các công trình văn-học nghệ-thuật nước nhà và đã không thể theo đuổi được nền học vấn bậc đại-học và cao-đẳng hầu theo kịp đà tiến hoá của dân-tộc. Cải-tạo xã-hội trên phương diện dân-sinh và dân-trí mà không cải tiến kỹ-thuật thì việc cải-tạo xã-hội chỉ là một từ ngữ suông nếu chúng ta Kinh cũng như Thượng đều đồng ý với nhau ngôn-ngữ chỉ là một trong những phương-tiên kỹ-thuật đó.

* * *

Tóm lại, vấn đề thiểu số không phải là một vấn-đề mới mẻ và chỉ xuất hiện ở Việt-Nam mà là một vấn đề hầu hết các quốc gia trên thế giới phải đối phó và giải-quyết. Tại phần lớn các quốc gia Đông Nam Á, vấn đề còn mang một sắc thái đặc biệt vì tác dụng chính trị của nó. Ở Việt-Nam kể từ ngày hiệp định Genève ra đời, Bắc Việt cũng như miền Nam đều hướng về vùng Thượng du - Võ Nguyên Giáp, phó Thủ Tướng Bắc Việt đã từng nói : "năm được Tây nguyên sẽ chiếm được Đông Nam Á". Vì vậy Cộng-sản Bắc-Việt luôn-luôn áp-dụng một chính-sách về vấn Đồng-bào Sơn-cước miền Nam và luôn-luôn tìm đủ mọi cách để tạo nên một tình-trạng bất ổn chính-trị tại đây. Do đó công cuộc cải-tiến dân-sinh tại khu-vực này không phải là công-tác đơn-phương hay một chiều của chính-quyền mà là một sự hợp-tác hỗ-tương và chân-thành giữa những con người quốc-gia Kinh - Thượng chân-chính. Dù sao câu nói bất hủ của cựu Thủ-Tướng

Churchill : "Dân Anh không bao giờ sợ Cộng-sản vì tất cả những gì Cộng-sản dùng để mua chuộc, dân Anh-Cát-Lợi đều có cả" sẽ cho những ai có trách-nhiệm tại Cao-nguyên một ý-niệm quý báu trong công cuộc cải-cách tại khu-vực quan-trọng này. Ông Tổng-Trưởng Paul Nưr đã nói rất đúng : "Vai-trò của người Cán-bộ Sơn-cước không phải là riêng sự thành bại của Chính-sách mà còn phải đóng góp vào việc dành lấy chiến thắng cho lý-tưởng Quốc-gia chân-chính của mình".

Như vậy, Chính-sách Sơn-cước-vụ bao gồm ba giai đoạn :

- 1.- Phát-triển hạ tầng cơ-sở.
- 2.- Nâng đỡ đồng đều để tiến-bộ qua các quy-chế nâng đỡ đồng-bào Sơn-cước.
- 3.- Giai-đoạn hội nhập.

Tùy chủ-trương của Quốc-gia về vấn-đề thiểu-số mà ba giai đoạn trên sẽ được chỉ-đạo thực hiện.





Nghĩa địa của người Sơn cước

THU - TỊCH

- BAILEY, SIDNEY D. "Naissances de nouvelles démocraties" Cahiers de la fondation nationale des sciences politiques A. Colin 1960.
- BARTHÉLEMY M. "Au pays Moi", 1904.
- BAUDESSON H. "Chez les Moïs", Paris, 1932.
- BERNARD NOËL "Les Khés, peuple inculte du Laos" 1904.
- BOUROTTE, BERNARD "Essai d'histoire des populations montagnards du Sud. Indochinois jusqu'à 1945". Bulletin de la société des Etudes Indochinoises, Vol 30, Saigon 1955.
- CAVARE, LOUIS "Le droit international public positif" E.A. Pedone.
- COEDÈS G. "Les états hindouisés d'Indochine et d'Indonésie" Hanoi, 1944, Paris, 1948 E. Boccard 2^e édition.
- COLANI, M. "Recherches sur le Préhistorique indochinois" đang trong B.E.F.E.O. 1930.

- CONDOMINAS, G. "Nous avons mangé la forêt" Paris, 1957.
- DENIKER, J. "Les races et les peuples de la terre" Paris 1962.
- DUBARBIER, GEORGES "Histoire de la Chine moderne", 1960.
- FRANCE - ASIE (revue mensuelle de culture et de synthèse Franco-Asiatique) XLII, XLIII, Janvier, février, 1954 "Quelques minorités ethniques du Nord-Indochine".
- DURAND (R.P.) Les Mois du Sơn Phòng RI 1907.
- FROMAGET ET SAURIN, E. "Notes préliminaire sur les formations cénozoïques et plus récentes de la chaîne annamitique septentrionale et du Haut Laos. Hanôï, 1936.
- GERBER, T. "Contumier stieng" Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-orient, vol. 45, 1951.
- GOUROU (P) "La terre et l'homme en Extrême-orient" Paris 1947.
- GUERLACH (R.P.) Quelques notes sur les Sedet RI, 1905.
- GUETZÉRITCH, B.MIRKINE "Les constitutions Européennes" Presses universitaires de France Paris 1951.

- GUILLEMINET, P.
"Recherches sur les croyances
des tribus du Haut-pays d'annam,
les Bahnar du Kontum et leurs
voisins, les magiciens" B.I.I.E.
H. 1941.
- HUARD et MAURICE
"Contumier de la tribu Bahnar des
Sedang et des Jarai de la province
de Kontum" 2 vol. Publ. E.F.E.O.,
Paris, 1952.
- JOUIN, B.
"Les Mnong du plateau central In-
dochinois" B.I.I.E.H., 1938-1939.
- KEMLIN, J.E.
"La mort et la tombe l'abandon d
la tombe" Institut d'Ethnologie,
Paris, 1949.
- LEGER, FRANÇOIS
"Alliances chez les Rengao" Bul-
letin de l'École Française d'ex-
trême-orient, Vol. 17, Hanôï,
Saigon, Paris 1917.
- LESTER et MILLOT
"Les influences occidentales dans
la révolution de l'orient" Inde,
Malaisie, Chine (collection Flou).
Paris, 1931.
- LEVY, ROGER
"Les races humaines". Paris, 1931.
- MAITRE, H.
"Regards sur l'Asie" 1952.
- MANSUY, H.
"Les jungles Moi" Paris, 1912.
- "Contribution à l'étude de la Pré-
histoire de l'Indochine". Hanôï,
1923.
- "Gisement préhistorique de la ca-
verne de Phô-binh-gis" Tonkin,
1909.

- MAURICE, A. et PROUX G. "L'âme du riz" Bulletin de la société des Etudes Indochinoises, vol. 29 Saigon, 1954.
- MARNEFFE et BAZACIER (L) "Les groupes sanguins en Indochine du Nord" B.I.I.E.H., 1940.
- MENDE, TIBOR "L'Asie du sud-est entre deux mondes" Edition de seuil.
- NER (MARCEL) L'organisation familiale en pays Moi - Hanôï, 1928.
- NYO (cdt) "Pénétration française en pays moi", B.S.E.I. 1937 N° 2.
- PATTE (P) "L'Hinterland Moi" Paris 1906.
- RIESEN, RENÉ "Mission spéciale en forêt moi" Editions France-empire 68 rue Jean Jacques Rousseau Paris 1^{er} 1955.
- SCELLE, GEORGE "Manuel de droit international public" Domat-Montchrestien Paris, 1948.
- SCHOELL, F.L. "Histoire de la race noire aux états-unis du XVII^e siècle à nos jours" Payot, Paris, 1959.
- SILBERT, MARCEL "Traité de droit international public" Dalloz.
- SABATIER, LÉOPOLD "La chanson de Damsan" Légende Rhadé du XVI^e siècle, Leblanc et Trautmann, Editeurs, Paris V^e 1927.
- Recueil des coutumes Rhadées du Darlac" Imprimerie d'extrême-orient Hanôï, 1940.

- VERNEAU, R.
"Les crânes humains du gisement de Phô bình gia", Tonkin, 1909.
"L'homme, races et coutumes" Paris, 1921.
- KAROWICZ, MARC St.
"La souveraineté des Etats" - Protection des minorités et de l'homme - Editions A.Pedone, Paris, 1945.
- ANON
"Atlas of the peoples of the world" Moscow, Institute of Ethnography and Academy of sciences - USSR, 1964.
- AREA HANDBOOK FOR SOUTH VIETNAM
"Ethnic groups and languages" Washington - April 1967.
- BENEDICT PAUL
"Thai, Kadai and Indonesian, a new alignment in Southeast Asia" American Anthropologist 44 : 1942.
- BUTTINGER, J.
"The ethnic minorities in the Republic of Viet-Nam. In problems of freedom : south VietNam Since independence". Wesley R.Fisher, ed., New-York, the free Press of Glencol Inc., 1961.
- CADY, JOHN
"Political institutions of Old Burma" Ithaca, Cornell university. Southeast Asia program, Data paper 12-1954.
- DOUGLAS, WILLIAM O.
"The right of the people" New-York 1958.

- HICKEY GERALD C.
- KUNSTADTER, PETER
- LOMAX, LOUIS E.
- LE BAR, FRANK M.,
GERALDE HICKEY and
JOHN K. MUSGRAVE
- LEACH, E.R.
- LEHMAN F.K.
- LIN-YUCH-HUA
- JOINER, CHARLES A.
- NASH, MANNING
- "The highland people of south VietNam : social and economic development" The Rand Corporation Memorandum September, 1967.
- "Southeast Asian tribes minorities and nations" two volumes 1967.
- "The negro revolt" Aux éditions du seuil (traduit par Edmond Bareillon) Paris VI^e 1963.
- "Ethnic groups of Mainland Southeast Asia" Human relations Area files Press, New Haven 1964.
- "Political systems of highland Burma" Cambridge, Mass, Harvard University Press 1954.
- "The structure of Chin Society" Urbana, university of Illinois Press - 1963.
- "The minority peoples of Yunnan" China reconstructs, December 1961.
- "Administration and political warfare in the highlands" VietNam perspectives 1965.
- "The Golden road to modernity : village life in contemporary Burma" New-York, London and Sydney - John wiley and sons, Inc. 1965.

- SMITH, DONALD E.
"Religion and politics in Burma"
Princeton, N.J. Princeton univer-
sity Press, 1965.
- SHOTEN, IWANAMI
"The people and culture of Indo-
china" Tokyo 1943.
- TINKER HUGH
"The union of Burma" Oxford uni-
versity Press 1957.
- MA HSUCH LIANG
"New scripto for China's minori-
ties" China reconstructs August
1962.
- PATTERSON, GEORGE N.
"Recent Chinese policies in Tibet
and towards the Himalayan border
states" The China Quaterly,
December 1962.
- RUPEN, ROBERT A.
"The MPR and Inner Mongolia" 1964.
- FURNIVALL, J.S.
-"Colonial policy and practice"
Cambridge university Press 1948.
-"The governance of Burma" New-York,
Institute of Pacific relations
1960.
- HOBBS CECIL C. et Al
"Indochina, a bibliography of the
land and people". Washington
D.C., Library of congress 1950.
- US.CIA
"China : Provisional atlas of
Communist administrative units"
Washington DC, US department of
Commerce, office Technical ser-
vices 1959.

- US.INFORMATION SERVICE "Montagnards of the south VietNam Highlands" Saigon, september 1961
- SCALAPINO ROBERT "The communist revolution in Asia" 1965.
- THOMPSON, V. and R. ADLOFF "Minority Problems in Southeast Asia" Standford university Press 1955.
- TYLOR, EDWARD B "Primitive culture" London, John Murray and company 1871.
- WOODMAN, DOROTHY "The making of modern Burma" London, Cressett Press 1962.
- YING SIDA CHAO "Short history of the shan states" the social science review Thailand, 1965.
- WALES, H.G. QUARITCH "Prehistory and religion in southeast Asia "Londres 1957.
- KIM, TRẦN-TRỌNG "Việt-Nam Sử-Lược" Nhà xuất-bản Tân-Việt Saigon 1958/25/4.
- HẦN, HOÀNG-XUÂN "Lý Thường Kiệt" Nhà xuất-bản Hà-nội, 1949.
- HUỒN, PHAN - HÁT "Việt-Nam Giáo-Sử - Quyển I" Nhà xuất-bản "Cửu Thế Tùng Thư" Saigon, 1958.
- TRỤ LÊ-NGỌC và LUẬT, PHẠM-VĂN "Nguyễn Cư Trinh với quyền sai-vãi" Nhà xuất-bản Tân-Việt, 1950.

PHÁT, TẠ-QUANG và
CẦM, BỬU (dịch-giã)

"Quốc sử quán nhà Nguyễn, khâm-
Định Đại Nam hội điển sử lệ"
Thiên nhu viễn, Tủ sách viện
khảo cổ số X Bộ VHGD Saigon 1965.

ANH, ĐÀO-DUY

"Nguồn gốc dân tộc Việt-Nam" nhà
xuất bản Thế-giới Hà-Nội 1951.

THẠCH, TRẦN-KIM
XÁNG, LÊ-QUANG
ĐÌNH, LÊ THỊ

"Lịch-sử thành lập đất Việt" nhà
xuất bản Lửa-Thiên Saigon 1970.

THỤC, NGUYỄN-ĐĂNG

"Van-hoá Việt-Nam với Đông Nam Á"
nhà xuất-bản Van-hoá Á châu
Saigon 1961.

SƠN, PHẠM-VAN

"Việt-Nam tranh đấu sử". Nhà xuất
bản "Cứu thế Tùng thư" Saigon
1959.

UYÊN, THẾ

"Nghĩ trong một xã hội tan rã"
nhà xuất-bản Saigon 1967.

THÊM, ĐOÀN

"Hai mươi năm qua 1945-1965"
nhà xuất bản Saigon 1967.

NỮ, PAUL

- "Đường lên xứ Thượng 1970"
- Các chính sách Thượng vụ trong
quá trình lịch-sử VN. 1966.
Nhà xuất-bản : Bộ Phát-triển
sắc tộc xuất bản.

ĐÌNH, BÙI-

"Đường lên xứ Thượng" Nhà xuất-
bản, Saigon - 1963.

CHI, LÊ-ĐÌNH

- "Vấn đề đồng bào thiểu số" luận văn tốt nghiệp Cao học hành chính - Học viện quốc gia Hành chính 1969.

- "Đồng bào sơn cước nghĩ gì về sắc luật 033/67" nhật báo Cấp-Tiến, các số từ 269 đến 279" 3/1970.

MINH, NGÔ THẾ

"Vòng đại xanh" Nhà xuất-bản Saigon, 1970.

DI, NGUYỄN-TRÁC

- "Hội đồng các sắc tộc"

- "Đồng bào các sắc-tộc thiểu số Việt-Nam" Bộ Phát-triển sắc-tộc ấn hành 1970.

THẨM, NGHIÊM-

"Tìm hiểu đồng bào Thượng"
Quê-hương XXIV-XXXII 1961-1962.

MỸ, NGHIÊM-

"Vấn đề dân thiểu-số"
Quê hương XXIX, 11, 61.



MỤC LỤC

| | Trang |
|--|-------|
| KHAI TRÌNH | 1 |
| A.- CÁC LÝ DO CHỌN LỰA ĐỀ TÀI | 1 |
| - Lý do xã-hội | 1 |
| - Lý do chính-trị | 2 |
| - Lý do pháp-lý | 3 |
| B.- XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ | 4 |
| - Trình bày thực tại | 4 |
| - Trình bày một chính sách thượng vụ phù hợp với thực-trạng | 4 |
| - Các giới hạn căn bản | 5 |
| C.- TẦM QUAN TRỌNG CỦA VẤN ĐỀ | 5 |
| - Phong trào Bajaraka | 8 |
| - Phong trào Fulro | 9 |
| - Cần phải có một chính sách công bình (cho tất cả các sắc dân lớn nhỏ) và hợp lý (có thể cải thiện xã hội Thượng để hội nhập vào xã hội Việt-Nam một cách bình đẳng) | 12 |

| | |
|---|-----|
| Phần Thứ Nhất.- TRÌNH BÀY THỰC TẠI CỦA VẤN ĐỀ | |
| ĐỒNG BÀO SƠN CƯỚC MIỀN NAM | 14 |
| Đoạn I.- NGHIÊN CỨU TRÊN PHƯƠNG DIỆN NHÂN CHỨNG | |
| VÀ XÃ HỘI | 15 |
| A.- Nguồn gốc | 15 |
| 1.- <i>Giả thuyết Anhdônêdiêng</i> | 24 |
| 2.- <i>Giả thuyết Hải Dương, Đa Đảo</i> | 25 |
| B.- Phong tục và tập quán | 53 |
| 1.- <i>Senh hoạt vật chất và kinh tế</i> | 54 |
| 2.- <i>Senh hoạt gia đình và xã hội</i> | 55 |
| 3.- <i>Senh hoạt tâm linh</i> | 86 |
| 4.- <i>Senh hoạt nghệ thuật và văn học</i> | 101 |
| Đoạn II.- NGHIÊN CỨU TRÊN PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ VÀ | |
| CHÍNH TRỊ | 110 |
| A.- Các chính sách Thượng vụ trong thời kỳ độc lập | 116 |
| 1.- <i>Chính sách Thượng vụ từ nhà Ngô đến nhà</i> | |
| <i>Nguyễn Gia Long 939-1802</i> | 116 |
| 2.- <i>Chính sách Thượng vụ từ 1802 đến 1885</i> | 136 |
| B.- Các chính sách Thượng vụ dưới thời Pháp thuộc | 149 |
| 1.- <i>Chính sách của Pháp áp dụng tại cao nguyên</i> | |
| <i>miền Nam</i> | 149 |
| 2.- <i>Chính sách cao nguyên, Hoàng triều Cương thổ</i> | 162 |
| C.- Các chính sách Thượng vụ từ 20.7.1954 đến | |
| <i>ngày thành lập nền Đệ II Cộng Hòa (1.4.1967)</i> | 167 |
| 1.- <i>Chính sách Thượng vụ dưới nền Đệ I Cộng Hòa</i> | 167 |
| 2.- <i>Chính sách Thượng vụ từ 1963 đến 1.4.1967</i> | 187 |

| | |
|--|-----|
| Phần Thứ Hai.- CHÍNH SÁCH CỦA NỀN ĐỆ II CỘNG HÒA | |
| VÀ CÁC BIỆN PHÁP ĐỀ NGHỊ | 196 |
| Đoạn I.- NGHIÊN CỨU ĐỐI CHIẾU VỀ CÁC CHÍNH SÁCH | |
| THIỆU SỐ | 197 |
| A.- Chính sách thiếu số của Miền-Điện | 197 |
| 1.- Các nhóm chủng tộc tại quốc gia Miền Điện..... | 200 |
| 2.- Chính sách của chính quyền Miền Điện đối với các dân tộc thiếu số..... | 203 |
| 3.- Nhận xét chính sách thiếu số của Miền Điện..... | 213 |
| B.- Chính sách thiếu số của Trung cộng | 224 |
| 1.- Các sắc dân thiếu-số của Trung-cộng..... | 225 |
| 2.- Khu tự-trị, căn bản của chính-sách thiếu-số của Trung-cộng..... | 232 |
| 3.- Thử nghiệm cứu xem chính sách thiếu số của Trung cộng áp dụng trong một khu tự trị..... | 257 |
| 4.- Nhận xét chính sách thiếu số của Trung cộng..... | 272 |
| Đoạn II.- CHÍNH-SÁCH THƯỢNG-VỤ CỦA NỀN ĐỆ II | |
| CỘNG-HÒA | 278 |
| A.- Nhu cầu và nguyện vọng của đồng bào sơn cước | 278 |
| 1.- Chính trị - Kinh tế..... | 282 |
| 2.- Xã hội - Văn hóa..... | 285 |
| 3.- Nhận xét về các nhu cầu và nguyện vọng..... | 287 |
| B.- Sắc luật 033/67 nội dung và thành quả | 290 |
| 1.- Bối cảnh chính trị và pháp lý của Sắc luật 033/67..... | 290 |
| 2.- Nội dung và thành quả của Sắc luật 033/67..... | 303 |

| | |
|--|-----|
| Đoạn III.- CÁC BIỆN PHÁP ĐỀ NGHỊ..... | 326 |
| A.- Thực trạng của đồng bào sơ cứu miền Nam..... | 326 |
| B.- Các biện pháp đề nghị bổ khuyết cho chính sách Thượng vụ hiện tại..... | 347 |



Khán và hiệu-định
Giáo-Sư bảo-trợ Luận-Án

Khán và chuẩn-y
Giáo-Sư Chủ-Khảo

Giáo-Sư Nguyễn-Văn-Bông

Giáo-Sư Nguyễn-Văn-Bông

Khán và Chuẩn-Y
Khoa-Trưởng Trường Đại-Học Luật-Khoa Saigon

Giáo-Sư Nguyễn-Độ

Khán và cho phép in
Saigon, ngày tháng năm 1971
Viện-Trưởng Viện-Đại-Học Saigon

Đăng ký tại Viện Đại-Học Saigon

Ngày :
Dưới số: